CỎ THƠM

THÁNG 3, NĂM 2013

CHỦ NHIỆM
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ
PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ
PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

ĐỒNG CHỦ BÚT
TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>
NGÔ TẰNG GIAO
<giaongo@msn.com>
PHẠM VĂN TUẤN
<tuanpham1387@hotmail.com>

TỔNG THƯ KÝ
ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE
PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY
DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN
11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
FAX: (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP
HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BẰNG.
HẢI BẰNG H.D.B. ĐỖ BÌNH.
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐINH CƯỜNG.
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
VŨ HỐI. NGUYỄN QUỐC KHẢI.
PHAN KHÂM. HUY LÃM. NGUYỄN LÂN.
PHẠM TRỌNG LỆ. VŨ NAM.
ĐĂNG NGUYÊN. NGUYỄN VĂN NHIỆM.
PHẠM THỊ NHUNG. ĐỖ PHÚ. KIM VŨ.
TRẦN BÍCH SAN. NGUYỄN SƠN.
HỒ CÔNG TÂM. NGUYỄN VĂN THÀNH.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.
TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.
THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN
TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ: Charlotte, NC.
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM & NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An, B. Phạm Tường An, B. An Hicky, Ô.B. Cung Thăng An,
B. Văn T. Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh, Ô. Võ Hùng Anh, Ô. Trần Hữu Bảo,
Ô. Việt Bằng (CA), Ô.B. Phạm Bính, Ô.B. Hoàng Dân Bình, Ô. Đỗ Bình, Ô. Vũ Đức Bình,
Ô. Phan Thanh Bình, Ô.B. Nguyễn Bông, b. Đặng Thị Bột, Ô. Canh Ba Dang, Ô.B. La Trung Chánh,
B. Huỳnh Thị Chẳng, B. Nguyễn Phương Châm, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Vũ Kim Châu,
Ô. Trần Châu, B. Trương Minh Châu, Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô. Lê Văn Chính, Ô.B. Ngô Chương,
B. Nguyễn Hồng Cung, Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường, Ô. Trương Duy Cường. B. Vũ Diễm,
B. Diana Đặng, B. Nguyễn Kim Dung, B. Nguyễn P.T.NgocDung, Ô. B. Phan Anh Dũng,
B. Dzung Senser, Ô.B. Don Van Dang, B. Bùi Thị Đào, B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Hải Đăng,
B. Mẫu Đơn Nguyễn, Ô. Trần Đại Độ, Ô. Duy An Đông, Ô. Trần Thiên Đức, Ô.B. Hoàng Cung Fa,
Ô. Ngô Tằng Giao, B. Đỗ Thị Minh Giang, B. Võ T. Trúc Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao,
Ô. Lý Văn Hải, B. Lê Thúy Hà. B. Nguyễn T. Song Hà, Ô.B. Nguyễn Đăng Hải,
B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, B. Quản T. Hạnh, Ô.B. Lê Hậu, B. Dương Thị Hiền, Ô. Đặng Văn Hiền,
B. Đặng Thị Hiền, Ô. Lý Thy Hiểu, B. Nguyễn Hoa, B. Tôn Nữ Khánh Hội, B. Tô Diễm Hồng,
Ô.B. Hoàng Thế Huân, Ô. Trần Khắc Hiếu, B. Huệ Phạm, Ô.B. Huỳnh Bá Hùng,
Ô.B. Phan Tâm Hùng, Ô. Trương Hùng, B. Thùy Hương N.T.T, Ô. Lê Ngọc Kha, Ô. B. Phan Khâm,
Ô. Nguyễn Quốc Khoa, B. Vi Khuê, Ô. Trần Hiệu Lai, B. Võ Lài, BS. Từ Châu Lan, BS. Từ Phấy,
Ô.B. Nguyễn Lân, B. Nguyễn Đàm Chi Lan, B. Nghiêm Phương Lan, Ô.B. Nguyễn Khoa Lân,
Ô.B. Đạt Thu Lê, B. Đỗ Thị Hương Liên, Ô. Nguyễn Ngọc Liệu, Ô.B. Nguyễn Huy Linh,
B. Vũ Thị Linh, B. Phi Vân Loan, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô.B. Nguyễn Phú Long,
Ô.B. Dương Kim Long, B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA), B. Minh Doran, Ô. Vũ Nam,
Ô. Nguyễn Văn Nghi, Ô.B. Vũ Đức Nghiêm, Ô. Đoàn Xuân Ngọc, Ô. Đăng Nguyên,
B. Uyên Phương Minh Nguyệt, B. Phan T. Nhẫn, B. Nguyễn Tú Nhật, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm,
Ô. Nguyễn Quí Nhơn, Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô.B. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi,
Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Phan Văn Phú, B. Vũ Thị Phúc, Ô. Lê Quang Phùng,
B. Kim Phụng, B. Hoàng Hữu Phước, B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phượng, Ô. Đèo Văn
Sách, Ô. Trần Bích San, Ô. Trần Phi Sao, Ô. Nguyễn Sơn, Ô. Trần Đức Sương, Ô. Hồ Công Tâm,
Ô. Lê Văn Tấn, B. Nguyễn T. Minh Tâm, B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân,
Ô.B. Nguyễn Diệu Tân, Ô. Lê Tam Thanh, Ô. Nguyễn Thanh, Ô.B. Vũ An Thanh,
B. Nguyễn Đạp Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành, B. Nguyễn Phương Thảo. Ô. Nguyễn Thành Thế,
B. Phong Thu, Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu,
B. Nguyễn Tiểu Thu, B.Nguyễn Thị Thuận, B. Nguyễn Hồng Thủy, B. Lương Thu Thủy,
Ô. B. Lê Ngọc Thụy, B. Thương Hoff, Ô. Nguyễn Hữu Thử, Ô. Nguyễn Minh Tiên,
Ô. Bùi Thanh Tiên, Ô. Phạm Văn Tiến, B. Tiffany Trang Đỗ, Ô. Nguyễn Văn Toại,
Ô. Nguyễn B. Toàn, Ô. Lê Văn Trạch, B. Ngô Khắc Trâm, Ô. Nguyễn Đình Trân, Ô. B. Võ Trưng,
Ô. Đàm Xuân Tú, B. Đặng Ngọc Tú, BS Phan Khắc Tường, Ô. Hoàng Lý Văn,
B. Khánh Vân Michalek, B. Nguyễn Tường Vân (CA), Ô. Yên Vi, B. Hoàng Hồng Yến,
Eastern Loudoun Library, Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates,
B.S. Nguyễn T. Kim Dung, BS. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty,
Inc, Harvest Moon Restaurant.

MỤC LỤC

TRANG

BIÊN KHẢO

PHẠM THẢO NGUYÊN: Tìm Gốc Gác Lý Toét Xã Xệ 9
PHẠM THỊ NHUNG: Khóc Tố Như 20
NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Rắn Trong Đời Sống... 27
PHẠM VĂN TUẤN: Cao Hành Kiện 39
NGUYỄN VĂN NHIỆM: Tính Minh Triết 46
PHẠM TRỌNG LỆ: Vài Cảm Nghĩ Về Thơ 55
LÊ THƯƠNG: Dòng Lệ Sử... 62
HẢI BẰNG HDB & Bạch Cúc: Tết Quý Tị 66
NGUYỄN THÙY: Đoạn Trường Tân Thanh 179
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH: Sài Gòn Cảnh Cũ Đường Xưa 193

VĂN

TRƯỜNG THY: Tiếng "Em" Trong Đời 76
DIỄM CHÂU: Tình Người 80
VĂN QUANG: Về Quê Lần Cuối 88
TÂM NGỌC: Sống Chết Cho Tình Yêu 94
NGUYỄN LÂN: Trời Ơi 101
THANH TRANG: Nhà Thơ Kim Tuấn... 106
PHẠM HỮU: Chị Khanh Ve 110
TIỂU THU: Buông Rơi Lá Sầu 117
TRẦN TAM NGUYÊN: Tình Yêu và... 122
CUNG THỊ LAN: Tâm Sự Của Một... 128
TRẦN CHÍ PHÚC: Cảm Ơn Tấm Lòng... 135
PHƯƠNG DUY TDC: Khu Vườn Hoa Tím 136
MÂY THU: Mùa Xuân Paris 141
VŨ ĐỨC NGHIÊM: Quê Ngoại 149
Ỷ NGUYÊN: Chuyện Đói Năm Ất Dậu 154
ĐỖ BÌNH: Khoảng Cách 159
DIỆM TRÂN: Nhỏ Con Rồng 168
TÂM MINH: Trong Đêm Khuya 171
PHONG THU: Khi Anh Trở Thành... 173
PHẠM HỮU BÍNH: Cô Hàng Cháo Gà 184
NGUYỄN QUỐC KHẢI: NS Dương Cầm Nguyễn Thúy Quỳnh 189

THƠ

PHAN KHÂM: Nhớ Xuân Nào 19
NGUYỄN PHÚ LONG: Uống Rượu ... 30
WILLIAM WORDSWORTH: Lucy Gray 37
NGÔ TẰNG GIAO: Em Bé Lucy Gray 37
SYDNEY CHEN: Ocean Moments 45
TÂM MINH: Khoảnh Khắc Biển Khơi 45
BÙI THANH TIÊN: Nụ Xuân Chưa Nở 54
PHAN KHÂM: Ước Mơ 61
PHẠM TRỌNG LỆ: The Dream 61
CAO NGUYÊN: Dòng Sông Lưu Vong 66
KIM VŨ: Mùa Xuân Đến Spring Has Come 74
PHƯƠNG DU NBH: Cảm Nghĩ Xuân... 82
THANH THANH: Lệ Châu 87
TỐ NGUYÊN: Đầu Năm Dương Lịch... 97
HỒ CÔNG TÂM: Đôi Bờ Thương Nhớ 97
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ: Đà Lạt... 102
ĐĂNG NGUYÊN: Hai Trời Khác 103
TRÙNG QUANG: Đón Xuân Vui Bút 116
NGUYỄN T. N. DUNG: Khai Xuân... 116
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT Tình Xuân 118
NGUYỄN VÔ CÙNG: Tình Xuân 120
NGUYỄN KINH BẮC: Xuân Đất Khách 125
PHAN KHÂM: Xuân Tự Thán 125
THIÊN ĐỨC: Huế Thương 129
LÊ MAI LĨNH: Sương Biên Thùy 147
ĐỖ THỊ MINH GIANG: Lặng Thầm 156
NGUYỄN BẠCH: Tri Âm 177

NHẠC

THANH TRANG & KIM TUẤN: Xuân Tận Miền Xa 105
TRẦN CHÍ PHÚC: Cảm Ơn Tấm Lòng... 134
HUY LÃM: Một Phút Em Buồn 152
NGUYỄN ÁNH CHÍN & HỒNG THỦY Xuân Viễn Xứ 166

TẠ BÌNH & UYÊN PHƯƠNG MINH 202
NGUYÊT: Riêng Anh Một Nỗi Nơi Đây

TRANH ẢNH

HUY LINH: Anh Cho Em Mùa Xuân 001
MINH CHÂU: Nụ Hoa Vàng Mới Nở 19
NGUYỄN HUY LINH: Yêu Em Nồng Nàn 75
TỪ CHÂU LAN: Che Chở 109
LÊ VĂN LAI: Thiếu Nữ 113
TÚ NHẬT: Hái Lộc 181
Hình Ảnh Buổi Phát Hành Cỏ Thơm 204
NGUYỄN QUỐC KHẢI: Hoa Mộc Lan 212
NGUYỄN THỊ SONG HÀ: Hoa Đào 212

GIỚI THIỆU

Danh Sách Mạnh Thường Quân 4
HA NGUYÊN & ASSOCIATES 2
WASHINGTON MUSIC 73
SOVEREIGN REALTY, INC., 146
Chân Dung & Gía Trị Truyện Kiều 192
Giọt Đời – Xuân Bích 192
Thiệp Mời Ngày Cỏ Thơm 5/5/2013 206
Ca Dao Con Đường Văn Hoá Việt 207
Phòng Mạch Bs Nguyễn Kim Dung 208
Phòng Mạch Bs Nguyễn Quốc Quân 208
HARVEST MOON RESTAURANT 209
Phiếu Mua báo & Quảng cáo 210
Văn Phòng Luật Sư: 211
IVAN M. WALDMAN & ASSOCIATES

CỎ THƠM MÙA XUÂN 18

Thưa quý vị,

Vùng Tòa Soạn Cỏ Thơm đang trong mùa Xuân, mùa hoa anh đào tuyệt vời. Thời tiết ấm áp. Nắng hồng, trời xanh, mây trắng, màu sắc thời trang nhẹ nhàng tươi sáng hơn. Trăm hoa đua nở như tuổi thơ, tuổi xuân mơn mởn đầy sức sống của thế hệ trẻ. Thế hệ cao niên nhìn con cháu cũng vui lây.

Cũng xin thưa để quý vị mừng cho, mùa xuân 2013 này, Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm đã bước sang năm thứ 18 trên bước đường dài sinh hoạt văn học, nghệ thuật mênh mông, quyến rũ. Chúng tôi sẽ có một buổi dạ tiệc, dạ vũ để kỷ niệm Cỏ Thơm đã đến tuổi đôi chín và chín mùi hương ngát. Kính mời quý vị gần xa về tham dự buổi hội ngộ Cỏ Thơm này tại Nhà Hàng Harvest Moon 6 giờ chiều ngày 5 tháng 5, 2013. Xin quý vị xem thêm chi tiết trang 206. Sự hiện diện của quý vị là niềm khuyến khích lớn lao cho Cơ Sở Cỏ Thơm. Chúng tôi được dịp gặp gỡ, ghi ân quý vị đã ủng hộ Tạp chí Cỏ Thơm từ nhiều năm qua.

Ban Điều Hành và Ban Biên Tập cũng thường xuyên hẹn hò gặp gỡ các độc giả, thân hữu địa phương khi có báo mới phát hành tại Tòa soạn hay tư gia hội viên hoặc tại trụ sở Hội Cao Niên. Chúng tôi cũng có ẩm thực giản dị, văn nghệ đơn sơ, thông tin văn học vui vẻ, chụp hình, chụp ảnh xí xọn với nhau. Khi ca sĩ tài tử hát bài nào có thể nhẩy nhót được, chúng tôi lôi nhau ra sàn nhà nhộn nhịp. Ngoài ra chúng tôi cũng thường rủ nhau đi ủng hộ những sinh hoạt thân hữu khác trong cộng đồng, đi ăn phở uống cà phê chia sẻ chuyện tâm tình, thời

sự. Đời phải có những lúc vui chơi lành mạnh bù lại những suy tư trần thế.

Internet, email đã giúp chúng tôi liên lạc thường xuyên với các độc giả và tác giả hội viên ở khắp các tiểu bang khác trên đất Mỹ và ở các nước ngoài như Gia Nã Đại, Pháp, Thụy Sĩ, Đức, Việt Nam... Cỏ Thơm càng ngày càng thêm tác giả cộng tác và độc giả mua báo. Gần đây, chúng tôi có độc giả mới là Ông Nguyễn Quí Nhơn ở Martinique, một hòn đảo thuộc chủ quyền Pháp Quốc, gần Porto Rico và Miami. Ông đã mua 2 năm báo cũ, 2011 và 2012. Xin cảm ơn Ông Nguyễn Quí Nhơn và chúc ông thích thú đọc Báo Cỏ Thơm.

Quý tác giả vẫn chiếu cố Cỏ Thơm đông đảo và bài vở phong phú như thường lệ, nhưng vì số trang có hạn nên vẫn có bài phải dùng chữ nhỏ, ngoài ý muốn của chúng tôi. Xin quý vị nhớ vặn đèn sáng 150W và đeo kính nếu cần để thưởng lãm vườn Cỏ Thơm cho trọn vẹn.

Bìa trước của Báo Cỏ Thơm số 62 này là tác phẩm: "Anh Cho Em Mùa Xuân" với đôi uyên ương chim xanh xinh đẹp của Nguyễn Huy Linh. Bức ảnh là cả một trời xuân tươi sáng, đầy yêu thương. Bìa sau là vườn hoa xuân rực rỡ của Nguyễn Quốc Khải và Nguyễn Thị Song Hà. Cỏ Thơm xin cảm ơn quý nhiếp ảnh gia.

Vì là số báo đầu năm 2013, Cỏ Thơm có bài viết "Lý Toét Xã Xệ" trang 9, của tác giả Phạm Thảo Nguyên để quý vị có ngay những nụ cười xuân lý thú, với những hình vẽ xưa cũ quý giá và ngộ nghĩnh.

Vì năm nay là năm Quý Tị nên Cỏ Thơm có bài viết về rắn của Tác giả Nguyễn Quý Đại, "Rắn Trong Đời Sống và Khoa Học", trang 27; Tác giả Hải Bằng HDB & Bạch Cúc với bài "Tết Quý Tị, 2013", trang 66. Qua hai bài biên khảo trên, độc giả sẽ tin tưởng năm Quý Tị là năm tốt, và rắn không hoàn toàn độc hại mà còn lợi ích cho nhân loại. Nhưng nếu không phải tay nghề nuôi rắn, chớ nên đùa với rắn.

Chúng tôi cũng mong rằng quý độc giả sẽ tìm thấy mùa xuân của mình trong vườn văn thơ nhạc của nhiều tác giả kỳ cựu khác của Cỏ Thơm.

Ngoài ra, chúng tôi hân hạnh được sự cộng tác mới của Nhạc sĩ Trần Chí Phúc với bản nhạc "Cảm Ơn Tấm Lòng Thế Giới", trang 134 mà giai thoại về bản nhạc gây nhiều cảm xúc.

Cỏ Thơm không chỉ giới thiệu những tác giả kỳ cựu, trong số báo này chúng tôi đặc biệt chào mừng một nhà thơ tí hon, Sydney Chen, với bài thơ "Ocean Moments", trang 45 và bản dịch "Khoảnh Khắc Biển Khơi" của Thi sĩ Tâm Minh. Sydney mới 10 tuổi, là cháu ngoại của Thi Sĩ Nguyễn Phú Long. Thơ của Sydney được chọn cho 10 bài đứng hạng đầu trong một cuộc thi thơ trẻ em của USA và Canada.

Chúng ta chào đón mùa xuân, vui xuân nhưng cũng không quên tưởng nhớ tới những nhân vật trong giới văn hóa Việt Nam vừa từ giã cõi trần trong số đó có Nhạc sĩ Phạm Duy, Biên khảo gia Bác sĩ Lê Văn Lân.

Bác Sĩ Lê Văn Lân đã yên nghỉ trong Nước Chúa ngày 19 tháng 1, năm 2013, hưởng thọ 83 tuổi. Ông đã chủ trương Nhóm Duyên Văn tại Philadelphia trong nhiều năm, đã từng cộng tác thân thiết với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm. Trong tủ sách của

chúng tôi có hai tác phẩm biên khảo giá trị của Bác Sĩ Lê Văn Lân: "Chiếc Bảo Ấn Cuối Cùng Của Hoàng Đế Việt Nam", và "Phù Thuật Việt Nam". Toàn Ban Điều hành và Biên tập Cỏ Thơm Xin thành thật phân ưu cùng Bà Lê Văn Lân và tang quyến.

Nói tới sự chết chóc, chúng ta chưa thể quên được vụ thảm sát ngày 14 tháng 12, 2012 tại Trường Tiểu Học Sandy Hook, New Town, Connecticut, đã làm 20 trẻ em và 7 người lớn thiệt mạng thảm khốc. Kẻ giết người là một thanh niên 20 tuổi đã bắn chết bà mẹ trước khi đến trường kia giết người và sau đó tự tay kết thúc đời hắn bằng chính nòng súng của mình. Cả thế giới xôn xao, đau lòng, phẫn nộ. Tại sao bà mẹ có cả một tủ súng loại nặng, nhẹ và cho đứa con trai có bệnh tâm thần tập bắn và xử dụng súng? Chúng ta chờ xem Quốc Hội Mỹ có thay đổi đạo luật mua bán súng và chủ quyền cầm súng bừa bãi của người dân không?

Bây giờ, chúng tôi xin trở lại chuyện viết lách, báo bổ. Thưa quý vị, vì chúng tôi may mắn được đọc và trình bày Tạp Chí Cỏ Thơm nên muốn có vài ý kiến về chữ nghĩa Việt ngày nay. Từ thời Tự Lực Văn Đoàn, những vị tiền bối của chúng ta đã có công cải cách ngôn ngữ Việt Nam giản dị, trong sáng và dễ hiểu. Nhưng có vài cây viết thời đại bỗng dưng muốn làm cách mạng, cắt ngắn câu cụt ngủn, rời rạc như cành cây vụn, bất thành mệnh đề. Có tác giả lại thích viết rườm rà, một nửa trang giấy không ngắt câu. Người đọc không kịp thở, không hiểu chủ từ là người hay vật nào, không hiểu động từ, tĩnh từ thuộc về nhân, vật nào?

Lại có cây viết thêm dấu gạch, dấu nối vào tên người hay 5, 7 chấm tùm lum sau một câu. Chẳng hạn có cụ ký tên như vầy: Nguyễn-Thị-Ngọc-Nga, có ba gạch nối với nhau như sợ các chữ tên mình thất lạc mất hay nhảy sang tên người khác. Khi còn đi học, chúng tôi được dạy chỉ viết dấu gạch giữa danh tự, tĩnh tự, động tự kép, nghĩa là cho gạch nối giữa chữ "Ngọc" và chữ "Nga" là nhiều.

Cuối câu và thay vì viết (v.v...), có vị cho 5 hay 7 chấm tùy hứng. Nếu giữ cách viết gạch nối và chấm câu như trên thì lá thư này sẽ dài gấp đôi. Ra ngoại quốc, chúng tôi học được cách viết tên giản dị là không có gạch nối nào giữa tên cả. Đôi khi tên đệm lại còn được viết tắt hay giấu bớt đi cho gọn nữa.

Thật ra, chúng tôi chỉ nói chuyện viết lách cho vui thôi. Chúng ta chưa có Hàn Lâm Viện chữ nghĩa, thì ai viết thế nào mặc ai, miễn là đừng làm độc giả rối mắt, phải không quý vi?

Trước khi kết thúc lá thư tâm tình mùa xuân, chúng tôi xin báo tin mừng, tác phẩm biên khảo "Ca Dao Con Đường Văn Hóa Việt" của Nhà văn Nguyễn Văn Nhiệm đã được phát hành. Xin quý vị đọc thêm chi tiết trang 207. Xin chúc mừng tác giả và mong quý vị chiếu cố đông đảo một quyển sách giá trị, biên soạn công phu.

Giấy ngắn nhưng tình dài, xin gặp lại quý vị sinh nhật Cỏ Thơm 18 tuổi, chiều 5 tháng 5/2013. Chúng tôi xin thay mặt Cơ Sở Cỏ Thơm cảm tạ sự cộng tác và ủng hộ lâu dài của quý vị và chúc quý vị một mùa Xuân tươi đẹp, tràn đầy hạnh phúc.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Tìm Gốc Gác Lý Toét, Xã Xệ

PHẠM THẢO NGUYÊN

Họa sĩ Đông Sơn vẽ ra Tý Toét vào đầu thập niên 1930, và tờ báo đầu tiên đăng tranh Lý Toét, là Phong Hóa. Đó là hai điểm chính, về cụ Lý được dân chúng yêu chuộng đặc biệt từ gần tám chục năm nay. Tìm đọc lại báo Ngày Nay Xuân 1940, cũ, mới biết Nhất Linh có giải thích rõ ràng chi tiết về lý lịch của cụ, trong bài viết "Lịch sử Lý Toét…", Báo Xuân Ngày Nay 1940, tóm tắt như sau:

Tên Lý Toét ra đời trước, rồi hình ngươi Lý Toét mới ra đời sau.

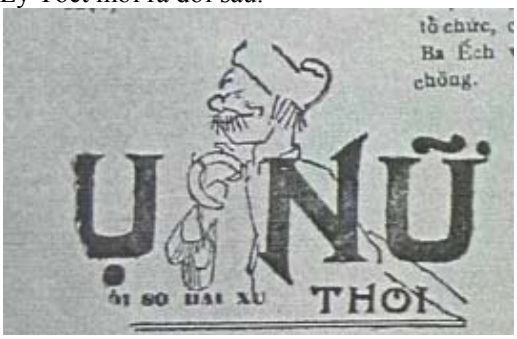

Năm 1930, trong báo Tứ Dân, người đẻ ra "tên-Lý Toét" lại là Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu (chuyên viên thơ trào phúng của Tự Lực Văn Đoàn), từ "đẻ ra" sáng tác bởi Nhất Linh. Họa sĩ Đông Sơn và bà Phụ Nữ Thời Đàm đẻ ra "hình-Lý Toét" sau. Sự tích là: Đông Sơn một hôm đang xem báo Phụ Nữ, vẽ nghich một người nhà quê, thấy hay hay nên xé ra vứt vào ô kéo, chưa biết để làm gì. "Quý vị ơi! Nhìn hình dưới đây đi! Nó đấy, chính nó đấy, mảnh giấy nhật trình có chân dung "thủy tổ" của tất cả các Lý Toét sau này đấy!":

Đúng là không có bà Phụ Nữ Thời Đàm thì không có Lý Toét, Nhất Linh nói chí lý thật! Trên bức hình đó Lý Toét trẻ hơn sau này nhiều, đã được mặc áo dài khăn đóng, như mọi cụ già thời đó. Lại có đủ cả râu ria, búi tóc, cụ xách thêm đôi dép da gia định và cắp cái ô đen: Cá tính được định hình. Cụ thường xách dép lên, đi đất, vì ngại chóng hỏng đôi dép cũ. Cái ô cũng ít khi mở ra, cụ để dành đánh chó và đeo lên vai cho oai. Nhưng chúng cũng làm khổ cụ, vì cứ bị tụi trộm nhỏ nhít đặt vào tầm ngắm, quấy phá luôn luôn. Nào dép, nào ô, nào khăn cứ bị trộm rình!

Chắc các bạn còn nhớ: Bắt đầu từ Phong Hóa số 14, ra ngày 2 tháng 9-1932 chủ bút mới là Nguyễn Tường Tam. Cùng các em là Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long và các bạn như Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, Khái Hưng Trần Khánh Giư …mới phụ trách tờ Phong Hóa. Ngay trong số 14 này, ta bắt gặp Đông Sơn đưa hình cụ (chưa có tên) về Hà Nội trên một chuyến xe đò đông như nêm cối (hình dưới).

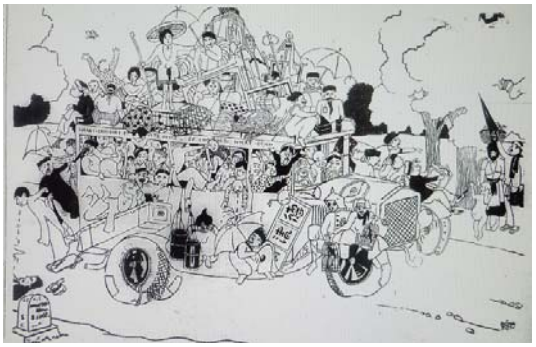

Các bạn có nhìn thấy cụ ngồi trên mui xe ngay trên đầu tài xế đó không? Họa sĩ Đông Sơn thật hóm, dấu kỹ chẳng cho ai biết tin gì cả! Nhưng lời đuôi! Tuy nhiên, rất có thể chính ông cũng không biết là mình đã cho cụ về thành hôm đó, trên chiếc xe đò đó! (Mà này, nhỡ ông vẽ mà không biết là có cụ trốn trên mui đó thì oan cho ông nhỉ!?)

Nhất Linh còn kể là Lý Toét ra mắt độc giả ngay từ số Phong Hóa 14, nhưng còn ngơ ngác vì chưa có tên. Sau đó Đông Sơn dính thêm cái tên Lý Toét vào hình vẽ, thế là Phong Hóa có trong tay một nhân vật hý họa hoàn chỉnh. Lý Toét nom thật có duyên:

Nguyễn văn Lý Toét là người Việt Nam

Lần đầu tiên Tứ Ly đem Lý Toét-tên (không có hình), lên báo Phong Hóa trong số 35, trong bài viết "Cuộc Chợ Phiên của Phong Hóa tổ chức". Lúc đó, Lý Toét-hình, không tên, chỉ dùng để trang trí cho mục Vui Cười mà thôi:

Tới số 48, năm 1933, Phong Hóa có tranh "Lý Toét ra tỉnh" thứ nhất. Đó là lần đầu cụ Lý có đủ tên+hình, cùng cái dáng lom khom hay đặt câu hỏi lạ lùng:

Thế rồi tới Phong Hóa số 59, bức vẽ "Lý Toét ra tỉnh" thứ hai, do Đông Sơn vẽ dưới đây, (ký tên chữ nho) chiếm ngay trang bìa:

(*Lý Toét lẩm bẩm: Quái! người ta chôn ai mà đào dài vậy??)*

Đông Sơn Nhất Linh biết rằng nhân vật này sẽ chinh phục độc giả toàn quốc! Quả như vậy, Lý Toét đã làm mưa làm gió trên văn đàn nước ta trong suốt thập niên 1930. Trước hết, về cá nhân Lý Toét, tính chất tổng quát được mọi người cùng chấp nhận bất thành văn, là:

Lý Toét là một ông già nhà quê, có chức phận trong làng, chức Lý trưởng, nên được goi là Lý, mắt bị bệnh đau-mắt-hột từ bé, thành ra nó cứ kèm nhèm, như viền vải tây đỏ, ta gọi là mắt toét. Nhập hai chữ Lý và Toét vào nhau thành tên luôn, chứ Lý Toét không phải là tên cúng cơm, bố mẹ đặt cho.

Lý Toét nghèo, sống ở thôn quê, chưa từng được thấy những thứ văn minh ngoài phố do người Pháp mang lại. Lý biết đọc chữ quốc ngữ, biết ít chữ nôm, chữ nho, nhưng không hiểu tiếng Pháp, nên có nhiều phen không thông về chữ nghĩa, nhầm chữ nọ sang chữ kia tí chút. Vì nghèo nên Lý Toét tham ăn, lại nghiện rượu, nên ích kỷ, chỉ muốn mình được phần to, thêm nữa, không hiểu gì về vệ sinh, ăn ở dơ bẩn, nên cả tin, sợ hãi đủ mọi thứ. Lý Toét rất mê tín, thờ đủ mọi loại thần thánh, từ con cóc sành trên bể nước ngoài vườn hoa, đến con hổ sống trong chuồng Vườn Bách Thú…

Vợ con ở quê rất lếch thếch. Lý Toét có một cô con gái lớn tên là Ba Vành, cô này xưa bỏ nhà ra đi, rồi lấy tây. Thỉnh thoảng cụ Lý có xuống vùng mỏ thăm con gái, báo Xuân Phong Hóa, số 85 tường thuật thế. Cô có con, thỉnh thoảng con bị sài đẹn cũng mang vào bệnh viện chữa, làm cụ Lý đi tìm thăm thật khốn khổ. Phong Hóa có tranh chân dung của cô, cô mặc áo tân thời, nom cũng đẹp ra phết (khi trước còn ở dưới quê thì vẫn vận áo tứ thân). Nhân vật ảo Lý Toét với đầy đủ tính cách như vậy, được họa sĩ Đông Sơn sáng tác ra. Nhưng cha đẻ của Lý Toét đã rất hào phóng không giữ tác phẩm cho riêng mình, mà rủ tất cả mọi người cùng tham dự vẽ Lý Toét! Do đó, cùng với Đông Sơn Nhất Linh, các họa sĩ của Phong Hóa nhảy vào vẽ Lý Toét với đầy hứng thú trong các tranh vui của báo Phong Hóa. Thế là: Cuộc Vui "Vẽ Lý Toét" bắt đầu!

Mỗi họa sĩ anh tài của Phong Hóa vẽ ra một Lý Toét dung mạo khác hẳn nhau, nhưng cùng tính cách, vẫn nhận ra được. Độc giả có thể ngắm các Lý Toét khác nhau trong hình trên của các họa sĩ Đông Sơn, Nhất Sách, Tô Tử tức Ái Mỹ Tô Ngọc Vân, Lemur tức

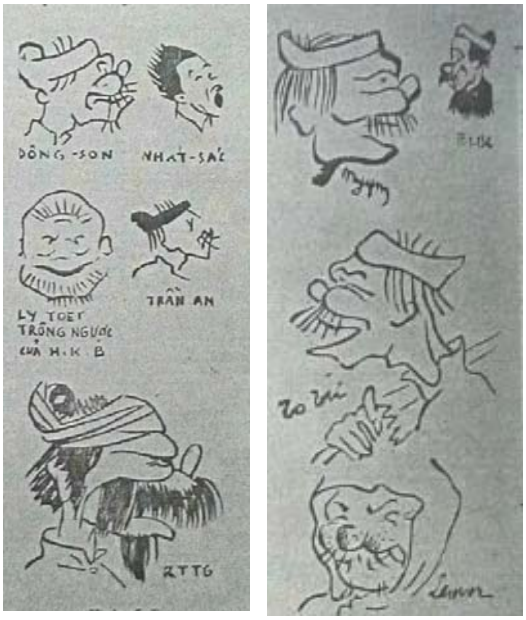

Nguyễn Cát Tường, Bloc tức Trần Bình Lộc, Ngym tức Ngạc Mai tức Trần Quang Trân, Trần An….

Nhân vật Lý Toét với rất nhiều tranh chân dung đó, đã nổi lên vững vàng thân ái như một vì sao mới mọc trong lòng độc giả báo Phong Hóa. Sau này có thêm danh họa Nguyễn Gia Trí (lúc đó mới ra trường) tức Rigt, tức Gtri, cùng nhiều người khác, kể cả Lê Ta Thế Lữ cùng vẽ chân dung Lý Toét (vẽ chữ số thành hình cụ Lý).

Nhưng ngắm tranh Lý Toét lâu, ta thấy cụ có vẻ hơi … cô độc, thiếu bạn. Và việc phải đến, đã đến: Xã Xệ xuất hiện. Nhất Linh gọi đó là do tự nhiên phải thế. Xã Xệ là một nhân vật bằng vai phải lứa với Lý Toét.

Xã Xệ béo ịt, thấp lè tè, đầu trọc lông lốc, còn độc một sợi tóc quăn xoắn ốc trên đỉnh. Hình ảnh Xã Xệ hoàn toàn đối chọi với Lý Toét gầy đét và cao lênh khênh. Xã ra đời để đấu láo với Lý, cãi chầy cãi cối với Lý, chung buồn chung vui với Lý…Ngớ ngẩn, lẩn thẩn sống cuộc đời mới của dân nô lệ mất nước, dưới sự bảo hộ của mẫu quốc Phờ Lăng Xa cùng Lý.

PHONG HOÁ
RA NGÀY THỨ SÁU
VẺ ĐẸP CỦA CÁC BÀ CÔ CÔ

Cha đẻ của Xã Xệ là họa sĩ Bút Sơn, từ Saigon gửi tranh vẽ ra Hà Nội. Tôi nghĩ vị này là một độc giả yêu quý Phong Hóa, nên tạo ra nhân vật Xã Xệ đối kháng với Lý Toét. Ông lấy hiệu Bút Sơn để nhái Đông Sơn. Nhưng Nhất Linh đến tận khi mất, vẫn chưa biết tên thật của Bút Sơn. Trên tờ di cảo "Đời làm báo" ghi tất cả tên và bút hiệu các cộng sự viên, trong cũng như ngoài Tự Lực Văn Đoàn, Nhất Linh có hàng chữ sau:

Bút Sơn ở Saigon (Người đẻ ra Xã Xệ), tên thật chưa biết. Xin ông Bút Sơn (nếu ông còn sống) hoặc các bạn, cho biết tên thật.

Hiện nay chúng tôi được biết tên thật họa sĩ Bút Sơn là Lê Minh Đức. "Theo nhà báo nhà thơ trào phúng Tú Kềnh viết trên Báo Bình Minh Xuân Mậu Thân 1968 xuất bản ở Saigon thì: Vào năm 1936 báo Phong Hóa, nhóm Tự Lực Văn Đoàn, ở Hà Nội, có tổ chức cuộc thi vẽ tranh hài hước, họa sĩ chuyên vẽ tranh hài hước Bút Sơn Lê minh Đức ở Saigòn vẽ một bức tranh gửi ra Bắc dự thi" (1).

Lý Toét: Thế này là nhất cử lưỡng tiện. Cân một lần hai đứa rồi chia hai ra thì cũng được chứ lị!

Thật ra, lần đầu tiên Xã Xệ xuất hiện trong tranh Bút Sơn là ngày 16 tháng 3 năm 1934, trên báo Phong Hóa số 89. Xã Xệ đã được đón tiếp thật nồng hậu. Xã cùng Lý lên ngay trang bìa của báo. Dưới đây là bức tranh trên Phong Hóa, Xã Xệ ra mắt toàn dân An Nam, cõi Đông Pháp, với lối lý luận hạng nhất:

Vậy là báo Phong Hóa đã tạo dựng được cặp đôi hý họa Lý Toét, Xã Xệ, mang rất nhiều "đặc tính dân tộc", đi vào lịch sử văn học Việt Nam:

Tranh Lý Toét Xã Xệ không của riêng ai, thật là thú vị. Mỗi bức tranh có khi là một tấm, có khi là một loạt nhiều tấm như phim hoạt họa, với lời chú giải ngắn gọn hoặc vài câu thoại, chính là một câu chuyện nhỏ, nhiều khi rất thâm trầm, nhiều khi mộc mạc…. Ai có một

vài ý nghĩ chủ đạo là có thể vẽ ra một tranh hay, nếu không biết vẽ thì viết thành truyện cười Lý Toét cũng không kém phần dí dỏm.

Trong khi đó, nhờ những cuộc thi tranh khôi hài của Phong Hóa, nhiều họa sĩ bên ngoài tòa soạn đã tới vẽ cho Phong Hóa như NG9, HKB, DLAN, Trần An, 2TTG, Mạnh Quỳnh…. và rất nhiều người không chuyên cũng vẽ. Thêm nữa, các họa sĩ còn mang hình ảnh LýToét Xã Xệ phổ biến, nhân rộng ra khắp các báo thời bấy giờ, từ ngoài Bắc tới trong Trung, trong Nam. Họa sĩ thích vẽ, người thường thích kể chuyện, báo nào có Lý Xã thì có nhiều người đọc. Đến nỗi cặp đôi này đã trở thành những nhân vật để quảng cáo! Có những bài quảng cáo thuốc, quảng cáo rượu của Lý Toét … đăng ngay trên Phong Hóa, Ngày Nay rất nhiều lần.

Để cạnh tranh, báo Thanh Niên số #2, ra ngày 27-1-34 cho ra đời "Xã Dù"một anh em họ hàng với Lý Toét. Nhưng tiếng tăm của Xã Dù quá lu mờ, nay không ai còn biết, nhớ đến (bài Cuộc Điểm Báo, Phong Hóa số 84).

Như vậy là Đông Sơn Nhất Linh đã dựng ra được một phong trào có vô số họa sĩ trong, ngoài tòa báo, cùng độc giả "dấn thân", đua nhau sáng tác ra vô số tranh Lý Toét Xã Xệ kể chuyện vui đùa!

Còn gì thú vị hơn!

Từ đó, Lý Toét Xã Xệ xuất hiện đều đặn trên báo Phong Hóa và Ngày Nay, qua những truyện vui lý sự cù nhầy. Thỉnh thoảng Lý Toét có bài viết riêng như "Điều thỉnh cầu của Lý Toét"(Phong Hóa số 68), bài thơ Vợ Lý Toét Khuyên Chồng, trong mục Dòng Nước Ngược, thơ trào phúng của Tú Mỡ, rồi Lý Toét Trả Lời, Lý Sự Cùn viết… Lâu lâu báo có đăng Lý Toét Phú, Xã Xệ Phú, Ván Cờ Lý Toét, cả Văn Tế Lý Toét (của Đỗ Đức Thu, làm trước, phòng khi…), …

Nhưng nhiều nhất, được chú ý nhất, vẫn là những bức tranh Lý Toét Xã Xệ, với những cảnh trông thấy, gập thấy trên tỉnh. Có nhiều kỳ bao Phong Hóa, Ngày Nay có cả năm, bẩy tranh Lý Xã trên cùng một số báo. Tranh nào cũng kể những chuyện ngây ngô, những suy nghĩ, suy luận chéo cẳng ngỗng, những hiểu lầm về ngôn ngữ tây ta tầu… Những câu chuyện vui vu vơ, vô tội này, ngày một lan rộng, ngày một thu hút. Những tính tình xấu xí, gàn bướng, cù nhầy, đáng cười… của người đời được diễn tả, phô bầy dưới hình thức khôi hài rất duyên, rất khéo… Trong đó, Lý, Xã rất "nghệ", với những phản ứng không giống ai, diễn tả được biết bao khía cạnh khác nhau của cuộc sống…. Quý vị độc giả đừng tưởng hai cụ nhà quê này luôn luôn khù khờ, trái lại, có khi rất láu đấy! Và trong nhiều tranh các cụ lý luận hay đáo để!

Khi Lý Toét phải ra tóa trả lời tội gửi thư với tem đã đóng dấu. Cụ Lý trả lời quan tòa tây: "Lần nào nhận thư của con gái , là cô Ba Vành, gửi về cũng thấy tem đã đóng dấu".

Đúng quá chứ!

Cặp bài trùng Lý Xã của Phong Hóa Ngày Nay dần dần trở nên vô cùng nổi tiếng, được sự ủng hộ triệt để của quốc dân, từ trẻ con tới người lớn. Người coi tranh, mê tranh mỗi ngày một nhiều, tạo ra một hiện tượng xã

hội chưa từng có. Năm 1933, Georges Mignon, trong Nụ Cười Tân Á, khen ngợi Lý Toét của Phong Hóa (2). Và năm 2007, tại Mỹ có bài nghiên cứu của George Dutton: Lý Toét in the City (3),.. Còn ở Việt Nam thì tới ngày nay vẫn có lai dai bài viết, khảo cứu, kịch, chèo… về Lý Toét.

Ròng rã từ 1932 tới cuối năm 1940, tranh Lý Toét là những cú đâm xầm vào đời sống văn minh mới, do "mẫu quốc" mang tới, của hai cụ nhà quê cổ hủ "đẫm đặc dân tộc tính".. Đó cũng là lúc dân ta đang gập phải cái "chạm trán tóe lửa" của hai nền văn hóa Đông Tây. Như bà văn sĩ Pearl Buck (giải thưởng Nobel về văn chương 1938) trong truyện ngắn 'Bà Mẹ Già", Huyền Hà dịch, Ngày Nay số 200, 1940, kể chuyện bên Tầu: Cô con dâu đi du học về, trong bữa cơm đại gia đình, đã: "hét inh lên vì sợ, khi thấy bà cụ mẹ chồng đưa đôi đũa đã liếm nghiêm chỉnh thật sạch trước, chọc vào đĩa thức ăn chung của cả nhà".

Đồng thời trong những bức tranh nhỏ Lý Xã, các ý tưởng được đào sâu dần, nói lên được nhiều điều muốn nói. Người đọc ngày một thấm thía về thân phận người dân nhược tiểu mất nước, khi đa số dân chúng còn chưa được giáo dục, vô kỷ luật, hay sợ hãi, mê tín, và cam chịu tủi nhục dưới ách nô lệ của Pháp. Những bức tranh hý họa nhẹ nhàng hóm hỉnh đó phơi bầy dần dần những thói hư tật xấu của dân ta. Có người cho rằng báo PH NN đã bôi xấu người nhà quê! Không! ta phải hiểu rằng nếu dân ta còn nghèo đói, vô học, sống khổ sở như thế, chịu bao nhiêu bóc lột đè nén như thế, thì lẽ dĩ nhiên hủ lậu mê tín phải sinh ra tham lam, ích kỷ, …Nhưng tới đó thì chúng ta phải tự hỏi: "Phải làm gì đây?"

Đó là chủ ý của Tự Lực Văn Đoàn: dùng văn chương, báo chí để vận động cải tạo xã hội.

Trong bài Trả lời Tân Xã Hội, Hoàng Đạo viết trên Ngày Nay số 30, năm 1936: "Ông sẽ phải công nhận như chúng tôi, là dân chúng -hầu hết là dân quê- chỉ biết mình khổ cực, đói rét, chứ chưa biết đường tự bênh vực lấy mình. Vậy công việc tối quan trọng của ta, của chúng tôi, của ông, là làm thế nào cho họ hiểu hết quyền lợi nghĩa vụ của họ. Công cuộc to tát không phải một ngày mà nên: công cuộc ấy có thành cũng nhờ một phần lớn ở sự tự do báo chí và tự do kết đoàn"(4).

Thực vậy, muốn dân chúng hiểu nghĩa vụ và quyền lợi của họ, thì việc đầu tiên là phải thu hút dân chúng bằng báo chí, phải tìm cách làm dân muốn nghe, thích nghe ta nói. Vậy trước hết, hãy xét lại chính mình. Hẳn trước khi thành người thành thị, ai chẳng có gốc gác nhà quê, không là ta, thì bố mẹ ông bà…ta, đã từng ngớ ngẩn "nhà quê lên tỉnh" như thế. Mà người Việt nào cũng có quê, như Nguyễn Trãi quê Nhị Khê, Nguyễn Du quê Tiên Điền, Hồ Xuân Hương quê Nghi Tàm, Cao Bá Quát quê Phú Thị… Mồ mả các cụ tổ tiên chúng ta đều còn ngay ở giữa những cách đồng lúa lầy lội đó, chứ đâu? Mà cũng những nơi nhà quê đó, có kho tàng vốn cổ ai cũng say mê, đó là những tranh khôi hài, các chuyện cười, chuyện diễu, chuyện tiếu lâm, phóng đại, nói khoác… Chuyện được truyền khẩu từ ngàn xưa, từ các bác dân quê như Ba Giai, Tú Xuất ngoài Bắc, tới bác Ba Phi trong Nam, cùng các vị trí thức không theo lề lối quan trường như các Trạng, Trạng Quỳnh, Trạng Lợn,… rất nhiều. Những chuyện đối đáp với sứ Tầu

của các vị thiền sư từ hơn nghìn năm trước, hay giai thoại những câu đối đáp giữa Chiêu Hổ, Hồ Xuân Hương ai mà chẳng mê. Và các tranh cổ ngộ nghĩnh được bán trong những phiên chợ quê, chợ Tết, như Đám cưới chuột, Vinh quy, Đánh ghen, Hứng dừa … của làng Đông Hồ, ai mà chẳng thích?

Ta hãy ngắm lại hai tấm tranh Đông Hồ dưới đây:

1- Đám cưới chuột
2- Đánh Ghen

Trong khi đó, người đầu đàn của Tự Lực văn đoàn Nhất Linh Đông Sơn là một họa sĩ. Các thành viên khác như Thế Lữ, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam… cũng có thú vẽ tranh không phải thường. (Nếu bạn đọc tinh ý thỉnh thoảng có thể bắt gặp trong Phong Hóa hoặc Ngày Nay những bức vẽ rất đẹp ký tên Khái Hưng, Tứ Ly, … Đặc biệt, Ngày Nay số 198, xuân 1940, có in tranh vẽ của nhiều thành viên Tự Lực Văn Đoàn: Khái Hưng, Tú Mỡ, Thế Lữ, Hoàng Đạo, Thạch Lam). … Với tinh thần mỹ thuật từ bản chất của ban biên tập như thế, hai báo Phong Hóa, Ngày Nay sử dụng tranh ảnh trang trí rất nhiều, luôn luôn có họa sĩ nhà nghề làm việc minh họa. Những họa sĩ lớp mới này được học rất bài bản, họ học được kỹ thuật hội họa Tây phương tại trường Mỹ Thuật Đông Dương tại Hà Nội (Khóa đầu của trường tốt nghiệp năm 1930). Vì vậy, họ sử dụng rất thông thạo kỹ thuật hý họa kiểu tây phương, để đùa rỡn các ông dân biểu, các quan thượng thư …với mục đích sửa lưng các ông, xin các ông nhớ đến dân đến nước, và làm cho công chúng hiểu đời sống chính trị hơn… Những năm sau có thêm Bang Bạnh và Ba Ếch trong thế giới hoạt kê đó, giúp các họa sĩ tạo được nhiều màu sắc, nhiều khía cạnh sâu xa hơn trước. Tuy nhiên, hai nhân vật này không được yêu thích bằng Lý Xã.

Cũng với lý tưởng làm thay đổi bộ mặt xã hội, dân sinh, TLVĐ và các họa sĩ, kiến trúc sư đã giới thiệu cách sống mới hợp vệ sinh, kiểu nhà mới Ánh Sáng và nhất là việc sáng tác áo dài kiểu mới Lemur cho phụ nữ, một thành công vang dội, tới ngày nay "áo dài"còn chịu nhiều ảnh hưởng.

Trong khi đó Tứ Ly Hoàng Đạo viết hàng loạt bài trên Phong Hóa Ngày Nay như Trước Vành Móng Ngựa, Bùn Lầy Nước Đọng, Công Dân Giáo Dục, Có Cứng Mới Đứng Đầu Gió (ký tên Tường Vân),… kể chuyện trong tòa án, giải nghĩa nhiệm vụ công dân, chỉ dẫn cho dân chúng về pháp luật, để họ hiểu và biết cách sống, cách cư sử cho khỏi bị ép buộc vô lý, và cũng để tờ báo mưu tính những cải cách về xã hội.

(Trong bài viết ngắn này, chúng tôi không nói tới sự nghiệp văn chương lừng lẫy của các văn hào, thi bá, thành viên Tự Lực Văn Đoàn, mà chỉ xin nhắc thêm rằng các tiểu thuyết, thơ mới, kịch nói…của các vị, đã làm say mê bao thế hệ người Việt, đã thay đổi cách viết, cách sủ dụng chữ Việt, văn chương Việt, đã trợ giúp rất nhiều cho công việc cải tạo xã hội về mọi mặt).

Ngắm lại những bức tranh Lý Toét thật lý thú, báo Phong Hóa Ngày Nay có khá nhiều: gần 1000 tấm. Hai khía cạnh mỹ thuật và khôi hài, đã trộn vào nhau rất ăn ý. Chúng là một sáng tạo tài tình gồm cả đông lẫn tây, cả xưa

lẫn nay, trong suốt một thập niên đã nở rộ đến không ngờ: Phong Hóa và Ngày Nay càng ngày càng càng đông người đọc, đã trở thành một tờ báo không đối thủ trong làng báo lúc đó, mà cũng có lẽ cả lịch sử báo chí Việt Nam xưa nay. Có lần tờ báo Xuân Phong Hóa đã phải xuất bản lần thứ hai, vì nhu cầu bạn đọc. Trong tinh thần phản đối Khổng giáo lỗi thời hành hạ con người, đả phá thái độ phong kiến quan lại cũ, chế diễu lòng mê tín ngu muội, tố cáo sưu cao thuế nặng của tờ báo, những tấm tranh bé nhỏ đã đụng được tới rất nhiều vấn đề, rất nhiều hủ tục, thói xấu, đã phá bớt "những ý kiến cổ hủ, nó làm mờ mịt khối óc người ta" Riêng những vấn đề xã hội, chính trị thực sự, chỉ được nói đến một cách rất nhẹ nhàng, chúng được dấu rất kỹ để tránh kiểm duyệt rất khắt khe của thực dân Pháp, …. Tuy vậy, ngày 31 tháng 5 năm 1935, Phong Hóa đã bi Thống sứ Bắc Kỳ đình bản ba tháng. (Tới nay, không ai biết tại sao báo bị đóng cửa. Có người cho là do loạt bài "Thần thoại tân thời" Hậu Tây Du Ký nói động đến Phạm Quỳnh, Nguyễn Tiến Lãng cuả triều đình Huế…có người cho là do bài phóng sự sắc bén về Hoàng Trọng Phu...đều do Hoàng Đạo viết. Tất cả chỉ là phỏng đoán, theo cuốn Tiếng Cười của Tú Mỡ, (Vu Gia, cuốn Hoàng Đạo, nhà báo, nhà văn, (6)).Theo Martina Nguyễn Thục Nhi: "Do cả hai điều trên", trong hồ sơ cúa phòng nhì Pháp: việc đóng cửa ba tháng báo Phong Hóa là do báo này đã chế riễu các quan lại An Nam.

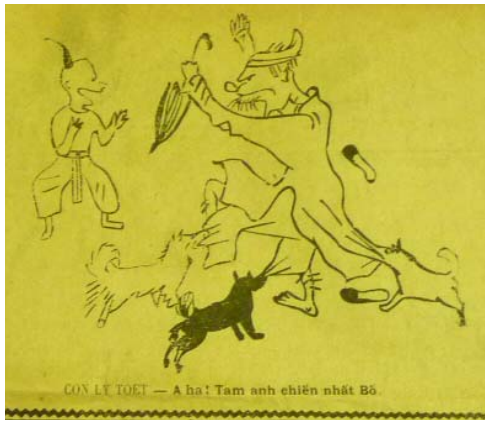

Ngày 5-6-1936, Phong Hóa số 190 đăng một tranh Lý Tóet vẽ nhái theo chuyện "Tam anh chiến Lã Bố" của Tam Quốc Chí, rất đẹp, không có chữ ký họa sĩ. Ngắm nét bút đặc biệt sống động, ta có thể nhận ra họa sĩ vẽ tranh là Tô Tử tức Tô Ngọc Vân, một trong những họa sĩ chính của Phong Hóa thời đó. Theo thong lệ, các tranh khôi hài thường được mang ra bàn luận trong giờ làm việc chung của cả tòa soạn. Một bức tranh nhiều ẩn ý sâu xa, mà không ký tên tác giả chắc là do sự góp ý của nhiều thành viên tòa soạn.

Theo sách Tam Quốc Chí, vào đầu công nguyên ba nước Ngụy, Thục, Ngô chia nhau nước Tầu, tranh dành quyền lực, gây chiến tranh dài cả trăm năm. Trong một trận đánh quyết liệt, tam anh, Lưu Bị, Quan Vũ và Trương Phi, nước Thục, cùng nhau vây đánh Lã Bố, nước Ngụy. Lã Bố tuy là đại tướng nổi tiếng vô địch, nhưng mãnh hổ nan địch quần hồ, đã thua. Truyện này rất phổ thông ở Việt Nam, trước đây gần như ai cũng biết. Trong các buổi diễn tuồng cổ, màn này thường được trình bầy rất sôi nổi, các diễn viên hóa trang kiểu xưa, mặt mày tô màu xanh đỏ rực rỡ, áo mũ tuồng lộng lẫy xênh xang, biểu diễn múa võ cao cường, trong tiếng chiêng trống rộn ràng, và nhiều khi cả tiếng la hét cổ vũ của người xem.

Bức tranh này vẽ: "ba con chó cắn bố Lý Toét", có con trai Lý Toét đứng ngoài xem, dơ tay múa chân reo hò: "A ha! Tam anh chiến nhất Bố!"

Thật là một câu dùng điển Tam Quốc "Tam anh chiến Lã Bố" để ví tuyệt hay. Tuyệt hay, vì hai câu có cấu trúc hoàn toàn giống nhau, diễn tả hai trận đánh hoàn toàn khác nhau. Do

cách dùng hai nghĩa của chữ "Bố": Bố là tên của đại tướng nước Tầu: Lã Bố, mà "bố" cũng là bố của đứa con đang đứng ngoài dơ chân muá tay reo hò.

Đọc câu điển Tam Quốc, ta chỉ cần thay chữ "Lã" bằng chữ "nhất" là biến thành câu ví, câu reo cuả con Lý Toét: Chuyện chiến đấu hào hùng trong sử Tầu biến thành chuyện Lý Toét la ó chống chọi với ba con chó dữ. Nó làm người xem tranh cảm được ngay, và cũng đau nhói lòng ngay, vì thấy đứa con trai reo hò vui thích trước sự nguy khốn của bố mình. Đó là:

- Con vô cảm, vô ý thức hay còn quá trẻ dại không biết rằng bố đang lâm nguy bởi ba con chó dữ tấn công? Cùng lúc, nó nhắc người xem tranh:

Lý Toét có mặt trên Phong Hóa từ số đầu tới nay, Lý Toét tượng trưng cho Phong Hóa:

- Độc giả có biết rằng báo Phong Hóa đang trong cơn khốn khó, có cơ nguy bị Pháp đóng cửa, rút giấy phép vĩnh viễn bất cứ lúc nào? (như rất nhiều báo thời đó, không được giải thích tại sao)

Lý Toét, nhân vật thấm đẫm đặc tính dân tộc, những xấu tốt của vốn cổ, tượng trưng cho đất nước lúc này:

- Quốc dân có biết rằng đất nước mất chủ quyền, đang bốn bề thọ địch? ('Địch"là thực dân Pháp, là sự ngu tối, dốt nát của đại đa số dân chúng, là sự chia rẽ cuả các đảng phái trong nước, nguy cơ nội chiến…)

Trong cảnh tình như thế, bố Lý Toét làm sao sống nổi! Than ôi! Đó cũng là tiếng kêu cứu của Phong Hóa! Trùng hợp hay chính là lý do(?), đúng lúc đó thực dân đóng cửa báo. Báo Phong Hóa bị chết ngay sau số 190 này!(05/06/1936)

May thay, báo Ngày Nay hãy còn giấy phép, (Ngày Nay là báo dự phòng của TLVĐ, do Nguyễn Tường Cẩm, anh ruột Nguyễn Tường Tam, một công chức, đứng tên, NN số 1 ra ngày 30/01/1935) nên Tự Lực Văn Đoàn còn hoạt động thêm được mấy năm nữa. Lý Toét còn tiếp tục sống, tiếp tục kể chuyện đời trên báo.

Phải đến thời Mặt Trận Bình Dân cầm quyền ở Pháp, những lời mong cầu tự do, bỏ kiểm duyệt, bớt thuế… mới được viết ra một cách công khai. Những tưởng Mặt Trận Bình Dân thuộc tả phái, sẽ nới lỏng chế độ bảo hộ. Mà không! Tất cả những lời hứa chỉ là bánh vẽ, báo chí vẫn chịu chế độ cũ, bởi vì bên Pháp vẫn còn Bộ Thuộc Địa, thực hành chủ trương khai thác thuộc địa, phục vụ Mẫu Quốc. Sau này, dù trong thế chiến thứ II, dù năm 1939 Paris đã bị Đức Quốc Xã chiếm đóng, chế độ Bảo Hộ ở Bắc Kỳ vẫn rất khắt khe: Báo Ngày Nay bị đóng cửa vĩnh viễn năm 1940, người viết báo bị bắt bỏ tù (Hoàng Đạo, Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí… bị giam, bị tra tấn dã man…từ 1941 tói 1943, tại Vụ Bản, Hoà Bình (5)).

Trong bức tranh Mẫu Quốc (nước mẹ), dưới đây, Ngày Nay số 110, 1936, nhân Uỷ Ban điều tra do Pháp gửi sang việt Nam sắp làm xong công việc. Hy vọng của quốc dân

là: Chắc sẽ có kết quả tốt? Họa sĩ Rigt Nguyễn Gia Trí viết một câu chửi đổng:
- Ồ, trông mong… nước mẹ gì!

Thế rồi tới giữa năm 1940, báo Ngày Nay cũng bị đóng cửa rút giấy phép.

Sau một vài cố gắng cuả Khái Hưng, Thạch Lam ra báo, sách... đều chết yểu, các thành viên phân tán, văn đoàn Tự Lực tan đàn sẻ nghé: Người chết vì bệnh, người bị Pháp bắt bỏ tù, an trí, người trốn sang Tầu làm cách mạng, người đi xa lánh nạn, người quay sang kịch … Chỉ còn nhà xuất bản Đời Nay sống lay lắt, in sách bán… Tới tháng 4-1945 còn xuất bản cuốn thơ Hoa Niên của Tế Hanh, (Tế Hanh cùng Anh Thơ được giải thưởng thơ của TLVĐ năm 1939, năm cuối còn có phát thưởng, trước khi báo NN đóng cửa). Hoa Niên chính là cuốn sách cuối của Đời Nay.

Và cuối cùng, tới tháng 5-1945 báo Ngày Nay Kỷ Nguyên Mới ra đời, Hoàng Đạo phụ trách mục "Kiểm diểm chính trường Việt Nam"(Hồ Hữu Tường, Nguyễn Tường Long, nhà chinh trị, Tạp chi Văn, số 107) Báo ra được 16 số là hết. Tới giữa năm 1946, nhà in được mang bán, chia tiền cho các thành viên.

Từ đó tới nay, chúng ta chưa bao giờ thấy lại một văn đoàn, một nhóm văn nghệ sĩ tài năng như thế, chung sức làm được một kho tàng văn hóa thành công như thế nữa. Tất cả chỉ còn là bóng con chim nhạn bay qua ngang trời…

Tôi còn nhớ khi còn rất nhỏ, được biết hai nhân vật huyền thoại Lý Xã qua một bài hát do các chị dạy truyền khẩu, trước khi đi học chữ, để có thể đọc được tiểu thuyết của TLVĐ (Mà phải đọc lén, vì gia đình tôi cấm con gái đọc tiểu thuyết). Đó là bài hát sau đây, tuy tôi thuộc nằm lòng nhưng không biết tác giả là ai, phải hay không phải là người của Văn Đoàn Tự Lực:

Ông Lý Toét mà cắp cái ô
Đi ra phố gặp lúc mưa to
Có bác Xã Xệ mà muốn đi nhờ
Tay thì vời vời miệng thét bô bô;
- Này bác Lý, thủng nhĩ hay sao?
Gọi như thế mà chẳng coi sao
Giá có cút rượu thì đến chơi liền
Đi nhờ một tí mặt cứ vênh vênh!
- Này bác Xã thật rõ lôi thôi
Còn non nước còn bác với tôi,
Ô tôi năng cụp mà bất năng xòe
Năng dựa đầu hè mà bất năng che!

Phạm Thảo Nguyên
(New York)

Thư mục:

(1)NguyễnMạnhHùng, Đi tìm gia phả hai nhân vật ảo Lý Toét và Xã Xệ, Đại học Hồng Bàng,
(2) Georges Mignon, Nụ Cười ở Cõi Tân Á, L'Asie Nouvelle. Phong Hóa, số 109,trang 9
(3) George Dutton, Lý Toét in the City: Coming to Terms with the Modern in 1930s Vietnam, Journal of Vietnamese Studies, vol 2, Issue 1, pps 80-108
(4) Hoàng Đạo, Trả Lời Tân Xã Hội, Ngày Nay số 30, 18/10/1936.
(5) Theo Nguyễn Lân, con Hoàng Đạo: Hoàng Đạo bị Pháp bắt cùng Nguyễn Gia Trí, giam ở Vụ Bản. Bà Hoàng Đạo đi thăm, mang về một chiêc áo đầy máu. Khi được tha về, ông bị đau tim nặng.
6 - Vu Gia, Hoàng Đạo, nhà báo, nhà văn, nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1997.
7- Lý Trực Dũng, Lý Toét Xã Xệ hai siêu sao của biếm họa Việt Nam, Thể ThaoVăn Hóa 5/7/2008.
8- Lý Trực Dũng, Sức sống của Lý Toét Xã Xệ, báo Thể Thao Văn Hóa 7/7/2008.
9- Lý Trực Dũng, Lý Toét Xã Xệ: Nạn nhân hay chứng nhân, báoThể Thao Văn Hóa 8/7/2008.
10-Tú Mỡ, Tiếng Cười, nxb Hội nhà văn, 1993

Nụ Hoa Vàng Mới Nở: Ảnh Minh Châu (Virginia)

NHỚ XUÂN NÀO

Mai vàng khoe sắc với hồng đào, mơn mởn xuân tình đẹp biết bao
Ngắm mãi dáng hoa cười chúm chím, với hoài không được phải làm sao
Nằm mộng, rồi mơ lẫn ước ao, làm thơ tả cảnh nhớ xuân nào
Tả tình cứ viết vào trang giấy, đừng chấm qua hàng nỗi xuyến xao
Xuân nầy lại thấy giống hao hao, gởi gắm đôi tay khẽ chạm vào
Mở ngỏ, chuyển mùa cơn gió nhẹ, đưa từ nơi đó tới nơi nao
Nơi nao nguồn mạch vẫn tuôn trào, mật vị giao thoa qúa ngọt ngào
Ngây ngất mùi hương theo nhịp thở, đất trời hoà điệu khúc ly tao

Phan Khâm
(Maryland)

Khóc Tố Như

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

GS Phạm Thị Nhung

Kỳ II

Như chúng ta đã biết, Nguyễn Du vừa đem con trở về Tiên- điền, Hà-tĩnh quê nhà (1796), chưa được mấy ngày thì nghe tin Nguyễn Ánh đã chiếm lại được Gia-định; Nguyễn Du bèn lên đường vào Nam ngay, tính nhờ tay Nguyễn Ánh diệt Tây Sơn. Chuyện bị lộ, trên đường tới Vinh ông bị bắt.Nhờ viên quan Trấn-thủ Nghệ-an là bạn thân của Nguyễn Nễ và y cũng tiếc tài ông nên chỉ giam mười tuần rồi thả về.

Trở lại Hồng-lĩnh, Nguyễn Du tiếp-tục ở ẩn, âm-thầm mưu tìm người tài-đức có chung chí-hướng làm chỗ dựa thân, lo chuyện đại-nghĩa.

Quê-hương Hà-tĩnh cảnh-trí hùng-vĩ, sông Lam sâu-thẳm, núi Hồng hoành-tráng dài cả trăm dặm, đã nuôi-dưỡng hùng-tâm con người nặng lòng vì nước vì dân này. Nguyễn Du cảm thấy tinh-thần phấn-chấn, hào-khí chất-ngất:

Bách lý Hồng sơn chính khí đồng.

(Ký Hữu)

Ông mơ chuyện đẩy núi Thiên-nhận, lấp bằng năm trăm dặm sông sâu, xây-dựng lại một quê-hương đã nhiều khó-khăn, bị tàn-phá bởi chiến-tranh, bởi thiên tai:

Nghĩ khu Thiên Nhận sơn
Điền bình ngũ bách lý.

(Lam Giang)

Đôi khi cao-hứng, nhà thơ để cho trí tưởng-tượng bay bổng theo với ước-mơ, về một tương-lai tươi-sáng đang chờ-đợi:

Vô ngôn độc đối đình tiền trúc
Sương tuyết tiêu thời hợp hóa long.
(Một mình lặng ngắm hàng trúc trước sân
Sương tuyết tan rồi sẽ hóa long)

(Ký Hữu)

Nhưng rồi năm tháng lặng-lẽ trôi qua, nghĩa-sĩ mỗi ngày một vắng, thời-cơ không đến, công cuộc phục Lê càng ngày càng thêm khó-khăn. Cũng bởi Nguyễn Du đã đồng-hóa chuyện lo khôi-phục nhà Lê với lòng trung-trinh yêu nước trong-sáng, với dạ son-sắt thủy-chung thẳng-tắp nguyên-phong của mình, nên dù cảnh-ngộ khắc-nghiệt thế nào, Nguyễn Du vẫn can-đảm một mình đeo-đuổi, sẵn-sàng chấp-nhận gian-khổ:

Cổ mạch hàn phong cộng nhất nhân
Hắc dạ hà kỳ mê thất hiểu
(Đường mòn hun-hút, gió lạnh thổi thốc riêng vào một người
Đêm tối thăm-thẳm, chẳng biết bao giờ mới sáng?)

Và quyết giữ vững tâm-hồn trong-sạch, khí-tiết thanh-cao, không bao giờ chịu để cho bả lợi-danh lôi-cuốn:

Bất sầu cửu lộ triêm y duệ
Thả hỷ tu mi bất nhiễm trần.
(Không buồn vì dầm sương ướt áo
Chỉ mừng vì bụi trần chẳng bám được vào râu, mày mình.)

(Dạ Hành).

Nỗi hận mất nước vào tay Tây-Sơn chưa cứu-vãn được, thì cái nghèo trong cuộc sống thực-tế hằng ngày đã đầy-đọa nhà thơ khốn-đốn:

Nghèo đến nỗi - Suốt ngày bếp không đỏ lửa /Ngoài song chỉ có hoa cúc vàng đẹp…có thể ăn được! :

Táo đầu chung nhật vô yên hỏa
Song ngoại hoàng hoa tú khả xan.

(Tạp Ngâm II)

Trong lúc cùng-quẫn này, nhà thơ cầu-cứu đến đạo Phật. Nhờ kinh-điển Phật-pháp khai ngộ, ông rõ được lẽ "sắc không" của mọi thứ trên đời, như lá rụng, hoa nở chỉ là sự chết sống vô-thường của sự vật hiện ra trước mắt; nên tâm không còn bị vướng-mắc mà lúc nào cũng giữ được sự thanh-thản, an-nhiên, tự-tại:

Diệp lạc hoa khai nhãn tiền sự
Tứ thời tâm kính tự như như.
(Tạp Thi)

Suốt thời-gian ẩn cư nơi Hồng-lĩnh, Nguyễn Du cũng đã nhiều lần nhắc đến thú đi săn, đi câu, thú uống rượu, hay ca-ngợi thú lánh mình trên vạn ngọn núi cao thâm, cách-biệt hẳn nơi gió bụi/ Mây chiều che kín cánh cửa gỗ/ Ước gì thoát khỏi vòng trần-tục/ Ngồi dưới gốc tùng thú xiết bao:

Vạn sơn thâm xứ tuyệt phong trần
Thác lạc sài môn bế mộ vân
Ná đắc khiêu ly phù thế ngoại
Trường tùng thụ hạ tối nghi nhân.
(Sơn Thôn)

Tất cả đó không ngoài mục-đích di-dưỡng tinh-thần, giúp ông tạm quên phần nào nỗi buồn-thương thế-sự.

Thời-gian lặng-lẽ trôi, thấm-thoát đã gần 6 năm ở Hồng-lĩnh (1796-1802), Nguyễn Du nhẩm tính lại, không khỏi ngửa mặt bi-phẫn than trời, bao nhiêu mộng đẹp về lý-tưởng phục Lê giúp nước (hùng-tâm), về mưu-sinh đều trở thành chuyện hão. Cuộc sống thực-tế bi-đát, đói rét, bệnh-tật triền-miên đã cướp hết tuổi trẻ của ông:

Tráng sĩ bạch đầu bi hướng thiên
Hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên
Xuân lan thu cúc thành hư sự
Hạ thử đông hàn đoạt thiếu niên.
(Tạp Thi)

Nguyễn Du cay-đắng, đúng hơn là quá thất-vọng, vì chuyện khôi-phục Lê triều đã đi vào bế-tắc, cả mười năm không ai hỏi tới, ông tìm đâu ra thuốc tiên để chữa căn bệnh trầm-kha này?

Cửu chuyển hoàn đan hà xứ tầm?

Cuối cùng, nhà thơ đành bó tay, chỉ còn biết cầu-mong ở một phép lạ: Ước gì vầng trăng sáng xuất-hiện / Ánh sáng giọi xuống xua hết mọi bóng tối:

An đắc huyền quang minh nguyệt hiện
Dương quang hạ chiếu phá quần âm.
(Ngọa Bệnh II)

Thời-thế biến-chuyển, sau 5 năm tại vị, vua Quang-Trung bị bạo-bệnh thăng hà, con là Nguyễn Quang-Toản mới 10 tuổi kế vị, không đảm-đương được việc lớn, quan quân chia-rẽ, chính-sự đổ-nát, dân-tình rối-loạn. Nguyễn Phúc-Ánh có cơ-hội phục thù, đem toàn lực-lượng từ xiêm-la trở về lấy lại Nam-hà, rồi lên ngôi Hoàng-đế ở Phú-xuân, đặt niên-hiệu là Gia-Long (1802). Nhiều bề tôi nhà Tây-Sơn đã ra đầu quân cho Nguyễn Vương. Tháng 6 năm Nhâm tuất (1802), Gia-Long thân-chinh tiến đánh Bắc-hà, chỉ trong 1 tháng chiếm được Thăng-long, thống-nhất giang-sơn. Để xoa dịu tình-hình ngoài Bắc, vua Gia-Long phong tước cho con cháu nhà Lê, nhà Trịnh, lại cấp ruộng đất cho hai họ để giữ việc thờ-phụng tổ-tiên. Đồng thời, xuống dụ cho các cựu thần nhà Lê đến nơi hành-tại, tùy tài bổ-dụng. Nhiều người hưởng-ứng.Theo Đại-Nam Chính-Biên Liệt-Truyện, Nguyễn Du" Đến khi có lệnh gọi, không thể chối từ, ông bất-đắc-dĩ phải ra''.

Lâm vào hoàn-cảnh không chờ-đợi này, Nguyễn Du chắc hẳn đã nghĩ, nhà Tây-Sơn đã mất, Gia-Long nay thống-nhất sơn-hà thì chuyện phục-hồi cơ-nghiệp nhà Lê trở thành không tưởng.

Và cái chí-nguyện bình-sinh hướng-thượng của ông trước sau vẫn là mong được phụng-sự quốc-gia, dân-tộc. Chẳng thế, ông đã bao năm phải bôn-ba cực-khổ đi tìm người tài-đức để cùng mưu việc phục Lê cứu

nước, và làm chỗ dựa thân, đem tài ra giúp nước. Người mà Nguyễn Du nghĩ đến đầu tiên chính là Nguyễn Ánh (Gia-Long ngày nay), khi ông tính chuyện vào Nam mượn tay Nguyễn Ánh diệt Tây-Sơn? Nay Tây-Sơn đã bị Nguyễn Ánh tận diệt; thù nhà, nợ nước coi như đã được họ Nguyễn trang-trải giùm, ông cũng tạm yên lòng? Huống chi, Nguyễn Hoàng, ông tổ của vua Gia-Long cũng là người xuất-thân từ một gia-đình thế-phiệt ngoài Bắc, vào Nam mở-mang được bờ-cõi, lập nên một triều-đình hiển-hách. Gia-Long cũng là người có tài, có chí lớn. Và qua cách đối-xử vừa rồi với con cháu Vua Lê, Chúa Trịnh và đám cựu-thần nhà Lê, thì thấy, Gia-Long cũng là ông vua có nhân, có nghĩa, biết trọng hiền-tài.

Nay Nguyễn Du có lệnh gọi đích danh ra làm việc, không ra, tránh sao khỏi bị nghi-ngờ? Thôi thì hãy tùy duyên ra làm quan với nhà Nguyễn, âu cũng là một cơ-hội để ông góp phần trong công-cuộc kiến-thiết đất nước sau bao năm dài chinh-chiến. Đây chẳng là cái chí phụng quốc cao-thượng mà ông hằng ôm-ấp đó sao?

Nguyễn Du dẫu đã viện ra đủ mọi lý-lẽ để tự trấn an và làm hành-trang rời quê-hương Hồng-lĩnh lên đường ra Thăng-long chờ ngày lãnh ấn nhậm chức. Nhưng khi tới Thăng-Long tâm-tư ông sao rối-bời, ông cảm thấy có cái gì đó chưa ổn. Đối với bạn-bè, tránh sao khỏi bị dị-nghị:“ Nếu không vì bả lợi-danh, tôi trung sao thờ hai chúa”? Đối với bản-thân, thì lo“ Vì hoàn-cảnh, sẽ khó giữ được tấm lòng toàn-vẹn như xưa”. Khiến ông cả đêm thao-thức chẳng ngủ, bèn viết thư gửi bạn (Ký Hữu) để bộc-bạch nỗi lòng:

- Làm quan với nhà Nguyễn là chuyện vạn bất-đắc-dĩ đó thôi, nếu không, tâm-tư ông đâu có khổ-sở thế này?

Thiên lý Trường an thử dạ tình.

- Một chức quan nhỏ ở một châu ngoài thì có đáng kể gì?

Nhất châu hà sự tiểu công danh.

- Trong khi ông phải hy-sinh từ bỏ tất cả những thú vui ẩn-dật cực-kỳ cao-nhã, cực-kỳ thích-thú nơi quê nhà; như đêm nay không còn được ngắm vừng trăng tròn đầy, sáng vằng-vặc trên núi Hồng:

Hồng sơn sơn nguyệt nhất luân minh

Hay cái thú thèm chết được là thú nằm khểnh bên song cửa hướng Bắc (hóng gió mát), trong cuộc sống bình-yên, không còn vướng-bận chuyện thế-gian, tâm đạt trạng-thái vắng-lặng, siêu-thoát:

Tiễn sát bắc song cao ngọa giả
Bình cư vô sự đáo hư linh.

Nguyễn Du tự ví mình, khi ở ẩn như ngọc còn trong núi đá chưa đẽo-gọt (thái phác) thì vẹn-toàn, chớ khi ra làm quan với nhà Nguyễn, nhận chức-tước, bổng-lộc của người ta rồi, thì khác nào ngọc đã lấy ra gọt-rũa, đâu còn giữ được mặt thật của nó nữa:

Thái phác bất toàn chân diện mục.

Muốn phân-trần với bạn để cho lòng mình được nhẹ bớt ưu-phiền thì cứ viết ra thôi, chớ Nguyễn Du chẳng tin người đương-thời hiểu thấu được nỗi khổ-tâm của ông đâu.

Tháng 8 Nguyễn Du nhậm chức Tri-Huyện Phù-dung, phủ Khoái-châu, Trấn Sơn-nam.

Sau mấy tháng làm việc với nhà Nguyễn, Nguyễn Du nhận thấy, chẳng những quan Tổng-Trấn Bắc-thành (Thăng-long bị đổi tên) là một vị tướng (Nguyễn văn Thành), được triệu từ Qui-nhơn đến, mà các quan nắm đầu TamTào cũng đều là người từ trong Nam được bổ ra để phối-hợp điều-khiển việc cai-trị dân. Từ cách tổ-chức làm việc đến cách xưng-hô, nết ăn ở của họ cũng khác-lạ, không giống dân Bắc-hà mình. Một bên như tiếng sáo gấp, một bên như tiếng tơ buồn, vạn lần không thể hoà-hợp được:

Cấp quản bi ti vạn bất đồng.

(Ngẫu Hứng)

Đầu tháng 11, lại nghe tin vua Gia-Long ở Phú-xuân vừa cho đem vua tôi binh tướng Tây-Sơn ra pháp-trường xử tội một cách vô cùng dã-man, tàn-nhẫn. Kẻ bị xẻo thịt, người bị bêu đầu, vua Thái-Đức Nguyễn Nhạc và vua Thái-Tổ Nguyễn Huệ thì bị quật mả, vứt xác, còn đầu cho đem giam ở ngục tối. Tướng Trần Quang-Diệu bị lột da, vợ là nữ tướng Bùi thị Xuân và con thì bị cho voi xé xác!

Nguyễn Du quá sửng-sốt, kinh-hãi và hoàn-toàn thất-vọng về vua Gia-Long, trước sự tàn-bạo, thiếu hẳn đức tính độ-lượng cần có của một đấng quân-vương. Thế nên, mấy ngày sau đó ông nhận được chiếu thăng chức Tri-Phủ Thường-tín, Hà-đông mà lòng lạnh-tanh; ông mỉa-mai:

Ngoại lộ văn chương thể
Trung tàng sát phạt ky.
(Bề ngoài thấy văn-hoa tốt mã
Bên trong dấu chất độc giết người)

(Khổng Tước Vũ)

Từ đó Nguyễn Du sinh ra chán đời, ông sống lơ-mơ như người trong mộng, chỉ tơ-tưởng tới quê-hương:

Trần thế bách niên khai nhãn mộng
Hồng sơn thiên lý ỷ lan tâm.
(Cõi trần trăm năm chỉ là giấc mộng mở mắt
Tựa lan can lòng nhớ núi Hồng.)

(La Phù Giang Thủy Các Độc Tọa)

Lúc nhà Lê mới mất vào tay Tây-Sơn, ông bơ-vơ lạc-lõng trước cơn lốc thời-cuộc, đã có cảm-tưởng thân mình như nhánh cỏ bồng đứt rễ trong cơn gió thu ào- ạt thổi:

Đoạn bồng nhất phiến tây phong cấp.

(Tự Thán)

Nay ra làm quan với nhà Nguyễn, ông khóc thương thân tủi phận, mang mặc-cảm bơ-vơ, lạc-lõng chẳng khác gì xưa:

Nhất lệ thiên nhai sái đoạn bồng.
(Nơi chân trời, khóc thương thân như nhánh cỏ bồng bị lìa gốc)

(Ngẫu Hứng II)

Một khi đã mắc vào vòng quan-trường rồi, tấm thân cứ bị câu-thúc mãi. Nguyễn Du đã phải sống trong một môi-trường quá phức-tạp khó-khăn, đám quan-lại hầu hết là dân võ-biền, nay lại được nắm những chức-vị quan-trọng, họ tự tôn mặc-cảm, hống-hách, tranh-giành quyền-lực, ganh-ghét hãm-hại nhau, người trên bắt nạt kẻ dưới …Và Nguyễn Du đã phải gò mình sống theo những luật-lệ phép-tắc khe-khắt nơi đây (trái hẳn với bản-tính trong-sáng, cao-nhã, thanh-tịnh của mình).

Tây phong xuy ngã chính thê thê
Thương tàn vật tính bi phù hĩnh
Khắc lạc thiên chân thất mã đề.

(Ngẫu Hứng I)

Ý ông muốn nói, giờ đây ông bị kẹt cứng vào thảm-trạng bị gò-bó đến khốn-khổ, khác nào phải hứng chịu trận gió thu lạnh ngăn-ngắt thổi hắt vào người / Ông thương mình như con le, chân ngắn bị nối dài ra/ hay con ngựa trong thiên Mã-đề của Trang-tử, vốn tính thích ăn uống, chạy nhảy tự-do, nay bị Bá Nhạc đem về, nuôi luyện bằng cách đốt lông, xén bờm, gọt móng; làm mất tính tự-nhiên thiên-bẩm của chúng.

Vậy mà vẫn không yên. Gia-phả từng ghi:“ Nguyễn Du làm quan thường bị các quan trên khiển-trách”. Hỏi sao ông không“ bức chí.”?

Mùa đông năm quí hợi (1804), Nguyễn Du được lệnh sung vào phái đoàn ngoại-giao lên trấn Nam-quan nghênh-tiếp sứ-thần nhà Thanh, sang phong sắc cho vua Gia-Long. Tâm-sự khách anh-hùng đã hoàn-toàn nguội-lạnh, không còn nghĩ tới chuyện rong-ruổi nữa:

Anh hùng tâm sự hoang trì sính.

Nay trên đường quan-trường chỉ còn lợi với danh, cái lợi-danh mà Nguyễn Du đã xem là hão-huyền trong bài Mộ Xuân Mạn Hứng (Phù lợi vinh danh chung nhất tán), thế

mà nay nó chưa buông-tha ông, vẫn đầy-đọa ông trong từng nụ cười, từng cái nhăn mặt cũng phải giả-dối, không được tự-nhiên:

Danh lợi doanh trường lụy tiểu tần.

(Xuân Tiêu Lữ Thứ)

Nhân dịp qua Lạng-sơn, nhìn thấy tượng đá Vọng Phu, lòng ông không khỏi cảm-khái trước tấm lòng trinh-tiết của nàng:

Nhất trinh lưu đắc cổ kim thân.

(Tấm thân giữ trọn được tiết-trinh mãi-mãi)

(Vọng Phu Thạch)

Nguyễn Du nghĩ ngay đến chuyện rũ áo từ quan:

Mộng trung tùng cúc ức qui dư.

(Trong mộng thấy tùng cúc lại nhớ đến chuyện muốn về)

(Lạng Sơn Đạo Trung)

Vừa xong công-tác tiếp sứ-thần nhà Thanh trở lại nhiệm-sở, Nguyễn Du liền dâng sớ cáo quan về quê. (Nguyễn Hành, cháu gọi ông là chú, đã có thơ đề tặng "Hỉ thúc phụ Thường tín Tri Phủ giải quan quy")

Nhưng nào có được lâu, chỉ mấy tháng sau Nguyễn Du đã lại có chiếu gọi vào kinh-đô Phú-xuân làm việc, ông được thăng chức Đông-các Đại-Học-Sĩ, và được phong tước Du-Đức Hầu…Ông còn tiếp-tục là nạn-nhân trước những tỵ-hiềm, chèn-ép của bọn quan-lại Nam-hà, khiến phải ngậm-ngùi thương thân:

Thù phương độc thác hữu quan thân

Sự lai đồ lệ giai kiêu ngã.

(Thân làm quan gửi chốn xa-lạ

Khi có việc, bọn Nha-lại đều kiêu-căng, lên mặt với ta.)

(Ngẫu Đắc, Nam Trung Tạp Ngâm)

Và tủi phận mình nay đã như con vật bị nhốt trong lồng, trong cũi/ Còn tìm đâu được cảnh sống vui chơi tự-do xưa:

Thử thân dĩ tác phàn lung vật

Hà xứ trùng tầm hãm mạn du.

(Tân Thu Ngẫu Hứng, NTTN)

Làm ta liên-tưởng tới mấy câu thơ trong ĐTTT:

Bó thân về với triều-đình

Hàng thần lơ-láo phận mình ra đâu?

Áo xiêm buộc trói lấy nhau

cc.2465-267)

Ba câu thơ này đã diễn-tả đúng tâm-trạng mặc-cảm“ hàng thần lơ-láo”cùng cảnh-ngộ bị tù-túng, bức-chí của Nguyễn Du trong thời-gian làm quan tại triều-đình Phú-xuân.

Đại-Nam Chính-Biên Liệt-Truyện đã vô-tình giúp ta biết thêm, Khi làm quan, Nguyễn Du thường buồn-rầu, it nói. Vua Gia-Long có lần đã quở-trách “ Nhà nước dùng người, cứ kẻ hiền-tài thì dùng, chứ không phân-biệt Nam, Bắc.Người với ngô-vị đã được ơn tri- ngộ, làm quan đến bực Á-khanh, biết việc gì thì phải nói để hết chức-trách của mình, há cứ rụt-rè, sợ-hãi, chỉ vâng vâng, dạ dạ cho qua chuyện.” Thực ra Nguyễn Du nào có sợ-hãi gì, chỉ vì vua tôi nhà Nguyễn đã làm ông quá thất-vọng, nên dẫu có được chức cao, tước lớn, ông vẫn không vui và luôn-luôn giữ thái-độ xa-cách đối với nhà vua. Chẳng những thế, lòng ông còn bị day-dứt, hối-hận vì đã chịu mang tiếng đem thân ra thờ chủ mới mà không thực-hiện được chí-nguyện bình-sinh, là phụng-sự đắc-lực cho dân cho nước như ông từng hoài-vọng trước khi cất bước ra đi.

Nguyễn Du cảm thấy hổ-thẹn với chính mình nên chỉ muốn chết. Ông than-thở:

Sống hoài nơi đất khách, tóc bạc trắng, già rồi mà chẳng chết cho:

Tha hương bạch phát lão bất tử.

Ông xin những đóa cúc vàng năm ngoái, nay lại nở nơi quê nhà / hãy vì ông, tạ-từ cùng cây tùng, tảng đá chốn núi Hồng/ (Bởi ông đã phụ lời thề sẽ ở ẩn trung-kiên cùng họ) Ông chẳng còn mặt mũi nào nhìn lại các bạn đồng-minh ấy nữa:

Tạc tuế hoàng hoa kim cánh sinh.

Vị ngã Hồng sơn tạ tùng, thạch
Tái vô diện mục kiến đồng minh.
(Tạp Ngâm, NTTN)

Cuộc đời làm quan của Nguyễn Du còn phải kéo dài mãi, tới khi nhắm mắt xuôi tay mới thực sự được chấm-dứt, như sách sử đã ghi chép: Năm 1820, vua Gia-Long băng; Minh-Mệnh nguyên-niên, Nguyễn Du đã về hưu, còn bị triệu ra làm Chánh-Sứ sang Trung-quốc báo tang và cầu phong; nhưng chưa kịp đi thì bệnh nặng, ông không chịu uống thuốc, chỉ nằm chờ chết.

Sống bất-đắc-chí, sống tủi-nhục, sầu-thảm nên Nguyễn Du vẫn cho đó là cuộc sống thừa. Bởi thế, khi sắp mất, ông bảo người nhà sờ chân tay, họ thưa lạnh cả rồi; ông chỉ nói mấy tiếng: "Được, được'' rồi tắt thở. Nguyễn Du mất ngày 16-09-1820 (tức ngày 10-08 năm Canh-Thìn), thọ 56 tuổi.

Tóm lại, qua thơ văn chữ Hán và chữ nôm của Nguyễn Du cho thấy:

- Nguyễn Du là người sống có lý-tưởng phụng quốc, tính-tình đa-cảm, dễ xúc-động, đôn-hậu, thủy-chung; bản-chất trong-sạch, cao-khiết.

Lúc mới ra làm quan với nhà Nguyễn, Nguyễn Du đã nuôi hy-vọng, nếu biết giữ mình trong nếp sống thanh-cao; và cố đem hết tài-sức tâm-huyết ra làm việc, đạt được nhiều thành-quả tốt-đẹp, mang lại lợi-ích cho dân, cho nước thì cũng có thể biện-minh được tấm lòng phụng quốc lý-tưởng trong-sáng của mình, và giải-thích được phần nào lý-do vì đâu ông không vẹn được tấm lòng thủy-chung với nước cũ, triều xưa.

Cho tới khi vào việc Nguyễn Du mới rõ, tuy được vua Gia-Long tri-ngộ, cho thăng chức nhanh, cho lãnh chức lớn nhưng vẫn bị bọn quan trên chèn-ép, vả không có thực quyền thì hỏi làm gì được? Huống chi **trước sau gì, Nguyễn Du cũng chỉ là một văn-nhân thuần-túy, sống nhiều về tình-cảm hơn lý-trí, về tư-tưởng hơn hành-động," Mà đã là một văn-nhân thuần-túy", nói như học-giả Phạm Quỳnh, "thì không nên tham-dự vào chính-trị '', tức chốn quan-trường**. Đây là "nơi của những con người thực-tế, lanh-lợi, khéo-léo, biết lợi-dụng thời-cơ hoặc mánh-khoé, thủ-đoạn…", tất không thể thích-hợp với con người tình-cảm, có lý-tưởng cao-thượng như Nguyễn Du.

Nguyễn Du như đoá hoa lan tinh-khiết," Hoa lan phải mọc trong u-cốc, không thể sống lẫn-lộn giữa chợ đời." (Trích: Văn-Học, Chính-Trị trong Kiến-Văn Cảm-Tưởng, Hoa-Đường Tùy-Bút, di-cảo của Phạm Quỳnh).

- Và Nguyễn Du thường để lòng xót-thương đến những người phụ-nữ tài-hoa bạc-mệnh, đặc-biệt hơn hết với nàng Vương Thúy-Kiều trong thi-phẩm lục bát trường-thiên chữ nôm Đoạn-Trường Tân-Thanh và với nàng Tiểu-Thanh, trong bài thơ thất ngôn Đường luật chữ Hán Tiểu-Thanh Ký. Ngẫm lại đời mình cũng quá nhiều nỗi bất-bình, sống trong cảnh bể-dâu thời Lê mạt - Nguyễn sơ mà tài-hoa vô-dụng, phẫn chí đến nỗi mới ba mươi tuổi tóc đã bạc trắng. Sau ra làm quan với nhà Nguyễn lại quá thất-vọng và mang nỗi u-uất vì đã không thực-hiện được trọn-vẹn ý-nguyện"Tố-Như" đối với triều xưa, nước cũ như lòng hằng mong-mỏi. Bởi thế, ông thường coi mình là kẻ đồng hội đồng thuyền với họ, và còn tự buộc mình vào chung cái án oan-khiên của tất cả các khách tài-hoa phong-nhã xưa nay:

Cổ kim hận sự thiên nan vấn
Phong vận kỳ oan ngã tự cư.
(Xưa nay oan-khổ, trời khôn hỏi
Chung án phong-lưu, ta tự mang.)

Nguyễn Du ôm tất cả nỗi oan-khổ của khách tài-hoa bạc-mệnh để mà thương mà khóc, bất kể thời-gian, không-gian nào ; bởi

thế, tiếng lòng của người thơ càng thêm thống-thiết.

Thế-giới ngày nay còn đầy-dẫy những sự tàn-bạo, bất-công, oán-thù, chia-rẽ… ; biết bao con người chẳng phải tài-hoa cũng đang là những nạn-nhân thê-thiết. Tiếng kêu thương của Nguyễn Du vì thế có giá-trị xã-hội sâu-sắc và mang đầy nhân-bản-tính.

Sau hết, còn hai điểm quan-trọng cần được nêu ra.

1/ Đối với hậu-thế, Thi-hào Tố-Như mong có kẻ tri-âm :

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như.
(Thiên-hạ, ba trăm năm lẻ nữa
Biết ai còn khóc Tố-Như chăng?)

Thì anh-linh Thi-hào Tố-Như hẳn đã được nhiều an-ủi, vì có biết bao kẻ hậu-sinh cảm-mộ thi-ca của Người, hiểu và thương khóc Người.

2/ Đối với bản-thân, Tố-Như mang danh học rộng, thông-minh, tài-hoa hơn đời và có tinh-thần phụng quốc rất cao; khốn thay, sống giữa cơn bão loạn của thời-đại Lê mạt-Nguyễn sơ, nước mất, nhà tan, thân phải nếm trải nhiều nỗi đắng-cay, tủi-nhục ; mà tài-hoa chẳng làm nên trò-trống gì để có thể giúp dân, giúp nước, giúp nhà. Bởi thế, nhà thơ của chúng ta đã mang trong lòng một nỗi u-buồn, bi-phẫn kéo dài cho tới ngày giã-biệt cõi đời.

Thi-hào Tố-Như đâu có ngờ rằng, từ những đau-thương, tủi-nhục, bi-phẫn… ấy, thiên-tài văn-chương của Người mới có cơ-hội thi-thố, tài-hoa mới có dịp phát-triển, thơ mới trổ hoa. Những tiếng khóc đau-thương, tuyệt-vọng nhất lại là những lời thơ tuyệt-diệu nhất, đúng như Alfred de Musset, một danh-sĩ Pháp-quốc thế-kỷ 19 đã nhận-xét :

«Les plus désespérés sont les chants les plus beaux »

(Nuit De Mai)

Nhờ vậy, Thi-hào Tố-Như đã để lại cho dân-tộc Việt-Nam yêu-dấu của Người cả một sự-nghiệp văn-chương trác-tuyệt, vô-giá. Đặc-biệt là Đoạn-Trường Tân-Thanh, một đại-thi-phẩm bất-hủ, mà ảnh-hưởng của nó đã vượt ra ngoài biên-giới đất nước, trở thành một phần di-sản văn-hoá của nhân-loại.

GS Phạm thị Nhung
Cựu GS Trường Nữ Trung-học Gia-Long và Régina-Mundi Saigon
(Paris, tháng 5 - 2011)

Tài-liệu tham-khảo :

- Chi-Điền Hoàng Duy-Từ, Nguyễn Du Thơ Chữ Hán, Nhà XB Mr L.Hoàng, California, USA, 1986

- Đặng Cao-Ruyên, Bể Dâu Trong Dòng Họ Nguyễn Du, Tổ-Hợp XB Miền Đông Hoa-Kỳ, 2002

- Lê Hữu Mục - Phạm thị Nhung- Đặng Quốc Cơ, Truyện Kiều và Tuổi Trẻ, Làng Văn XB lần 2, Toronto Ontario Canada, 2001

- Nhất-Uyên Phạm Trọng-Chánh, Hồ Xuân-Hương Nàng Là Ai?
Nhà XB Khuê-văn, Paris, 2001

- Phạm Quỳnh, Kiến-Văn Cảm-Tưởng -- Hoa- Đường Tùy-Bút di-cảo chép tay của học-giả PQ, thực-hiện trong thời-gian ông về ở ẩn tại Phú-cam, ngoại thành Huế, 1945.

- Thảo Nguyên , Đọc và Dịch Thơ Chữ Hán Nguyễn Du
Nhà XB Hội Nhà Văn, Hà Nội, 2007

- Trần Trọng-Kim, Việt-Nam Sử-Lược, Bộ Giáo-Dục, Trung-tâm Học-liệu XB, Saigon, 1971.

- Vũ Băng-Đình, Dịch Thơ Chữ Hán Nguyễn Du, Nhà XB Giáo Dục.

RẮN TRONG ĐỜI SỐNG và KHOA HỌC

Nguyễn Quý Đại

Rắn và con người

Từ thời tiền sử loài rắn sinh ra gắn liền với đời sống con người. Theo sách Khải Huyền trong Kinh Thánh thì Adam và Eve là người Nam, Nữ đầu tiên thủy tổ loài người do Chúa trời tạo ra ở Vườn Địa Đàng và dạy rằng: *"Hết mọi cây trong vườn chúng con có quyền ăn, trừ cây biết lành biết dữ ở giữa vườn, nếu ăn vào chúng con sẽ chết."*. là cây Đời Sống (Tree of Life). Con rắn "*quỷ quyệt hơn mọi con thú trên cánh đồng."* gian ngoan cám dỗ Eva rằng: *"Ăn trái đó không chết đâu, trái lại mắt bà sẽ mở ra và trở nên giống như Chúa."* Eva không cưỡng lại được sự cám dỗ hái rồi đưa cho Adam cùng ăn. Lập tức mắt họ mở ra và thấy mình trần truồng, và họ bị trục xuất khỏi Vườn Địa Đàng xuống thế gian. Thiên Chúa xót xa khi nhìn con cái mình đi vào con đường tội lỗi và đau khổ, *"Thiên Chúa làm cho Adam và Eve những chiếc áo bằng da và mặc cho họ"*(St 3,21), và tìm mọi cách ngăn chặn tội ác để giúp con người khỏi khổ đau, câu chuyện Adam và Eve là nền tảng của học thuyết Thiên chúa giáo: *"Tội lỗi đến với thế giới qua con người và chết qua tội lỗi, và vì thế cái chết xảy đến với tất cả loài người bởi con người là tội lỗi.."* Chúa cũng trừng phạt con rắn *"phải đi bằng bụng, và phải ăn bụi trong suốt những ngày của cuộc đời rắn"*. Bởi vậy rắn được coi là tượng trưng cho tội ác và hiểm độc, thù dai, rắn cũng là biểu hiệu cho Satan. Hình tượng con rắn trong dân gian thường tượng trưng cho hạng người xấu, tiểu nhân, giả dối cần phải tránh xa như: *„hang hùm nọc rắn"*, hay hạng người như *„Sư hổ mang"*, *„khẩu Phật tâm xà"* là lời như của Phật nhưng tâm là của quỷ, hay *„đánh rắn phải đập đầu"* vì để sống nó sẽ trả thù .

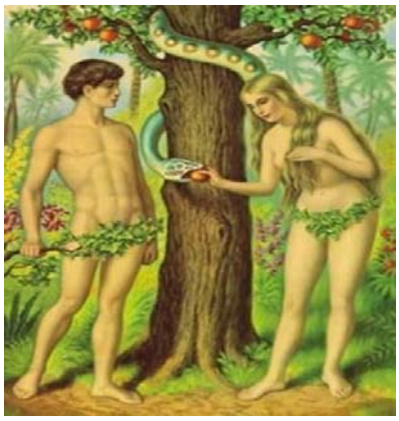

Theo truyền thuyết rắn là sinh vật được nhiều quốc gia trên thế giới sùng kính coi rắn như là thần linh dưới nhiều hình thức khác nhau, là một hình tượng tín ngưỡng vô cùng phức tạp. Nhiều huyền thoại hấp dẫn như rắn sống lâu năm sẽ biến thành nàng tiên đẹp kiều diễm… rắn cho ngọc quý. Một số bộ tộc Phi châu, Úc châu, Á châu….. còn tục thờ cúng rắn họ cho rằng rắn có khả năng thay da, sống trường sinh bất lão. Cổ tích Việt nam cũng nhắc đến sự trường sinh của rắn qua câu chuyện *"rắn già rắn lột da sống đời"*. (các nhà Sinh vật học nghiên cứu rắn có thể sống tới 50 năm), ở Việt Nam ngày nay nhiều nơi còn mê tín dị đoan thờ lạy rắn. Người Ai Cập thời xa xưa cho rằng rắn là thần hộ mạng tượng trưng cho sự khôn ngoan, thiêng liêng cho nguồn năng lượng và sự sáng tạo, sự tái sinh, bất tử, vĩnh cửu cho các vì vua chúa. Còn lại dấu tích hàng nghìn năm về trước,

trên các vương miện của các vua Ai Cập đều có chạm hình rắn bằng vàng hay bằng ngọc còn lưu giữ trong các viện bảo tàng (cấm chụp hình).Trong chuyến du lịch Ai cập cuối năm 2012 tôi chụp hình trên bức tường cao của đền thờ ở kim tự tháp bậc thang Djoser xây dựng từ năm 2650 trước công nguyên, còn những con Cobra, cũng như đền thờ thần Horus ở Edfu trên cổng có hình hai con rắn.

Chùa ở Campuchia có hình là một con rắn chín đầu gọi là thần rắn Naga. Nhìn chung theo các tài liệu thì rắn làm ảnh hưởng đời sống văn hóa của nhân loại bằng nhiều hình thức và sự biểu hiện khác nhau. Nó mang những ý nghĩa biểu tượng nhất định cho văn hóa, tín ngưỡng, tập tục, lối sống theo bản sắc của một dân tộc.

Đời sống rắn trong thiên nhiên

Theo tác phẩm Tiere und Lebensräume hiện nay trên thế giới có hơn 2600 loại rắn. Trải qua quá trình thay đổi của thiên nhiên, một số loài rắn có những đặc tính riêng biệt của mình, rắn có chiều dài ngắn, lớn nhỏ khác nhau nhưng có đặc điểm chung là có thể cuộn tròn. Số đốt xương sống và xương sườn của loài rắn có khoảng 160 tới hơn 400 đốt. Rắn là một loài động vật máu lạnh, bò sát, cùng lớp với thằn lằn, tắc kè nhưng rắn không có chân mà di chuyển bằng cách trườn bò. Loài rắn thuộc chi Caenophidia, số vảy bụng và hàng vảy lưng của nó tương ứng với số đốt xương sống. Một số rắn đặc biệt có khả năng lướt nhanh, hầu hết là thuộc chi Chrysopelea nhờ cấu trúc khớp xương lưng của rắn mềm mại và dẻo dai, di chuyển trên cây rắn có thể "bay" hơn 15 mét để sang cây khác, nhờ cách uốn mình trong không khí, rắn có những loại có nọc độc, và không có nọc độc.

Những con rắn độc sử dụng nước bọt, nọc độc tiết qua những chiếc răng, nọc độc từ miệng rắn có thể làm tê liệt và giết chết con mồi. Nọc độc là độc tố tác hại qua đường máu đến thần kinh. Có đến 450 loài rắn độc trên thế giới, trong đó có 250 loài có nọc độc giết người. Toàn thân rắn được bao bọc lớp da có vảy cứng không tăng trưởng tương ứng theo sự trưởng thành của thân thể rắn, bởi vậy mỗi năm rắn phải lột da để lớn theo chu kỳ và loại bỏ ký sinh trùng. Phần nhỏ ở cuối đuôi rắn không thể thay đổi nên khi rắn lớn lên làm thắt chặt, thì rắn tự cắt đứt đường máu đưa tới khúc đuôi và từ từ nó sẽ rụng đi. Da rắn có vảy như cái chân để trườn bò khi di chuyển, thân dài và nhỏ của nó uốn thành hình chữ S. Khi bò các vảy trườn theo lồi ra và rắn dùng đầu nhọn của các chiếc vảy để trèo lên những đám cỏ hoặc mô đất gồ ghề.

Thông thường rắn ăn thịt những loài chuột, ếch, nhái, chim… nhưng rắn lục chỉ ăn sâu bọ, loài rắn hổ Kobra thường ăn đồng

loại. Xương hàm dưới của rắn rất linh động, hai hàm của nó không gắn liền cố định mà được nối thẳng vào sọ, cho phép chúng mở rộng miệng để nuốt trọn con mồi dù cho con mồi có lớn hơn nhiều so với đường kính thân rắn, nhờ có hệ xương hàm nhiều khớp và dây chằng đàn hồi nên rắn có thể há miệng rất to. Rắn nuốt sống con mồi nén xương sống lại giống như chiếc đàn xếp để con mồi trôi xuống. Mi mắt rắn trong suốt và thường xuyên đóng kín, được gọi là vảy mắt.

Loài rắn không có vành ngoài tai, cho nên thính giác của chúng tương đối kém. vì mắt của chúng sinh ra ở hai bên đầu, nên nhìn cũng bị hạn chế, thính giác và thị giác có khuyết điểm thì khứu giác của chúng trở thành cơ quan cảm giác quan trọng nhất. Khứu giác của loài rắn do khu cảm giác ở phần dưới miệng và khoang mũi họp thành. Khi bò rắn dùng cái lưỡi có chẻ nhánh của mình thò ra thụt vào để kiếm mồi. Ngoài ra có một số loài rắn còn phát triển một số cơ quan cảm giác đặc biệt, chẳng hạn như có nhiều loài rắn có những lỗ nhỏ nằm giữa mắt và lỗ mũi, những lỗ nhỏ ấy rất nhạy cảm. Đó là cơ quan cảm nhiệt của rắn. Trong những lỗ nhỏ ấy có một lớp màng mỏng nối liền với thần kinh ở bộ óc rất nhạy với nhiệt độ phát ra từ các loài động vật có máu nóng. Dù rắn mù mắt hay chúng đang ở trong bóng tối nó cũng có thể phát hiện ra những con mồi ở cách xa khoảng nửa mét. Những cơ quan cảm giác nhạy cảm này đối với loài rắn là điều kiện quan trọng để sinh tồn. Ngoài tác dụng dùng để săn mồi và tránh kẻ thù, là phương tiện con đực tìm con cái giao phối. Rắn không thể điều chỉnh sinh lý như các loài động vật máu nóng như loài có vú và chim, dù nhiệt độ bên ngoài thay đổi rắn vẫn giữ nhiệt độ trong cơ thể. Những vùng khí hậu lạnh như Châu Âu loài rắn phải ngủ trong hang suốt mùa đông như con gấu, khí hậu miền nhiệt đới thích hợp cho các loài rắn sinh sống, ở Việt Nam có đầy đủ các loại: rắn lục đầu đen, rắn lục đầu đỏ, rắn lục, rắn cạp nia, rắn cạp nong, rắn đòn cân, rắn độc, rắn gió, rắn giun, rắn khô mộc, rắn lại, rắn lục, hoa cải, rắn lục núi, rắn lục sừng, rắn lửa, rắn mai gầm, rắn nước, rắn sọc đốm đỏ, rắn sọc khoanh, rắn vú nàng, rắn xe điếu rắn đẹn bụng vàng, rắn đẹn cơm, rắn đẹn đuôi gai, rắn đẹn khoanh, rắn đẹn mỏ, rắn đẹn mõm, rắn đẹn vết, rắn đẹn sọc dưa, rắn hổ lửa, rắn hổ mang, rắn hổ mang chúa, rắn hổ trâu Ngoài ra người ta còn thấy rắn ở trong rừng rậm vùng cao nguyên trên đầu có mào, có sừng. (hình các loài rắn trông ghê sợ tôi không lấy vào bài).

Rắn có đủ các màu sắc, sinh sống ở hầu hết các môi trường trong thiên nhiên. Từ trên núi cao đến sông sâu biển rộng, từ sa mạc nóng cháy đến rừng rậm, trên cây hay dưới đất, dù không có chân nhưng bò rất nhanh mà không gây ra tiếng động. Rắn có thể di chuyển nhiều tư thế bò ngang, thẳng, nửa dưới đất nửa thẳng đứng... Phần lớn rắn đẻ trứng và rời bỏ trứng của chúng sau khi đẻ; tuy nhiên một số loài giữ trứng trong cơ thể đến khi trứng nở. Gần đây khoa học xác định được một số loài rắn đẻ con là một điều khác thường trong giới bò sát. Mỗi năm rắn hổ mang chỉ giao hợp một lần với thời gian từ 20-34 giờ, từ tháng 4 hay tháng 5 và đẻ trứng tháng 6 và tháng 7 mỗi con đẻ 6-7 trứng, riêng rắn chúa đẻ 20-30 trứng, thời gian nở con từ 50-57 ngày, rắn mới nở có thể cắn chết người.

Các loài rắn lớn trong họ Boidae là trăn gồm có: trăn cộc, trăn đất, trăn gấm, trăn gió v.v. loài trăn săn các động vật máu nóng bằng cách cắn, ngậm con mồi và dùng thân mình quấn con mồi cho đến chết rồi nuốt vào từ từ. Răng trăn cong vào trong nhưng nhờ cấu tạo của xương hàm mở rộng nên có thể nuốt được những con mồi lớn. Trăn có hai

UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH

Đêm khuya mưa gió mịt mờ
Nhào ra sợ ướt, ngồi chờ...Chờ ai?
Nhớ em quá đỗi, uống hoài
Rượu trong cứ đổ, mưa ngoài cứ xiêu.

Say sưa mơ ngộ Thúy-Kiều
Lụa là tha thướt, khăn điều gió đưa.
Anh làm Từ-Hải bao giờ!
Mải ôm hũ rượu nên chưa ngỏ lời.

Tu vào một hụm đã đời
Gọi là mừng gặp lại người bấy lâu
"Sắt cầm chả ấy nữa đâu!"
Kiều nương nhõng nhẽo một câu, rồi về.

Mơ sao ngắn ngủi buồn ghê!
Chưa vui tâm sự. Bốn bề vắng tanh
Gió mưa mù mịt, còn anh
Nhớ ai ? Quên mất! Thôi đành rót thêm.

Một người, một hũ, một đêm!
May ra tới cữ say mềm lại mơ!
Hôm sau tỉnh rượu thẫn thờ
Tìm em thú tội hững hờ đêm qua.

NGUYỄN-PHÚ-LONG
(Virginia)

phân họ lớn: Boinae và Erycinae. Các loài trăn lớn (mãng xà) thuộc họ Pythonidae. Ban ngày ngủ ban đêm đi kiếm ăn, thích nơi ấm áp để ngủ qua mùa đông. Các mùa khác trăn kiếm ăn và sinh sản. Trăn là loài ưa môi trường nước, do đó di chuyển dưới nước rất nhanh, chậm chạp trên cạn. Là loài bò sát khổng lồ, nên thức ăn là những con thú to lớn như heo rừng, nai, hươu, báo, bò, trâu rừng loại nhỏ chúng cũng quấn chết và nuốt chửng, loài trăn mắt lưới Đông Nam Á, được coi là họ trăn lớn nhất thế giới bò sát, chiều dài 15m, thân to (đường kính) tới 85cm và nặng 447kg. Hiện nay ở Việt Nam trên Thất sơn, rừng U Minh người ta còn phát hiện nhiều loài trăn lớn, thường bị thợ rừng săn bắt. Theo luật của tạo hóa có sinh có diệt, nên rắn cũng bị loại chồn cũng như những con rết lớn ăn thịt, rắn con mới sinh thì bị con chim bìm bịp ăn (phim tài liệu trên Tivi).

Truyền thuyết rắn báo oán

Một hôm cha Nguyễn Trãi là Nguyễn Phi Khanh cho học trò phát cỏ trong vườn để làm chỗ dạy học. Đến đêm, ông nằm mơ thấy một người đàn bà dẫn bầy con dại tới xin thư thả ít hôm, vì bận con mọn nên chưa kịp dọn nhà. Đến khi học trò của ông phát cỏ, đập chết một bầy rắn con, lúc đó ông mới hiểu ra ý nghĩa giấc mơ... Đêm đó lúc ông đọc sách thì có con rắn bò trên xà nhà nhỏ một giọt máu thấm vào chữ "tộc-họ" qua ba lớp giấy, ứng với việc gia tộc ông sẽ bị hại đến ba họ. Ngày sau con rắn mẹ hóa ra bà Nguyễn Thị Lộ để làm hại ba đời nhà ông. Đến đời Nguyễn, trong Lịch triều hiến chương loại chí lại có thêm chi tiết: Con rắn thành tinh ngầm mang thù oán, mới đầu thai thành Thị Lộ.

Rắn trong thi ca.

Mỗi lần xuân về chúng ta nhớ lại chiến thắng mùa xuân Kỷ Dậu 1789 vua Quang Trung đánh bại quân Thanh, bởi vì vua Lê Chiêu Thống vị vua thứ 16 và cuối cùng của nhà Lê Trung Hưng, (trị vì 1786-1789). Lê Chiêu Thống sang cầu viện nhà Thanh đem quân sang giúp với hy vọng trở lại ngai vàng. Nghe tin báo, ngày 25 tháng 11 năm Mậu

Thân (22. 12. 1788). Bắc Bình vương Nguyễn Huệ xuất quân tiến ra Bắc Hà. Vì lý do vua Lê đã bỏ nước và rước giặc về, để có danh nghĩa chính thống, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu Quang Trung. Chỉ 6 ngày kể từ đêm 30 Tết âm lịch, quân Tây Sơn thần tốc đánh bại quân Thanh ở trận Ngọc Hồi Đống Đa. Mồng 5 Tết quân Tây Sơn tiến vào Thăng Long. Tôn Sĩ Nghị dẫn tàn quân bỏ chạy cùng Lê Chiêu Thống sang Tàu. Việc rước quân Thanh vào Đại Việt[1] của Lê Chiêu Thống bị lịch sử kết tội bán nước là *„cõng rắn cắn gà nhà“*. CSVN ngày nay cúi đầu dâng biển đảo cho Trung cộng, người dân yêu nước biểu tình chống Tàu chiếm biển đảo của Việt Nam thì bị đảng CS ra lệnh đàn áp, đánh đập kết án tù vô lương tâm. Nên bị người Việt trong và ngoài nước nguyền rủa là *„hèn với giặc ác với dân“* hay cùng hành động *„cõng rắn cắn gà nhà*“ cố thi sĩ Nguyễn Chí Thiện viết về con rắn Cộng sản.

Con rắn đỏ vô cùng hung hiểm
Nó sinh ra lớn lên nhờ súc siểm
Nhả nọc hận thù, phờ phỉnh công phu
Khéo léo đầu cơ lòng ái quốc đui mù
Lạy lục Tàu Nga không hề điếm nhục
Đủ hơi sức nó hiện hình phản phúc
Ngóc đầu, phì rít bất nhân
Cắn cổ lê dân, quăng quật mộ phàn
Phá đạo, phá đời uống khô sông núi.

Thi hào Nguyễn Du diễn tả tâm trạng của nàng Kiều trong cuộc đời lưu lạc, phải đối đầu với bao cảnh đời ngang trái phũ phàng, nguy hiểm như loài hổ, rắn:

Thân ta, ta phải lo âu
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn nầy
Ví chăng chấp cánh cao bay
Rào cây lâu cũng có ngày bẻ hoa
Phận bèo bao quản nước sa
Lênh đênh đầu nữa cũng là lênh đênh.

<u>Rắn với ngành Y khoa</u>

Hippocrate (470-366 B.C.) là người sáng lập ra nền Y khoa hiện đại được xem là thầy thuốc vĩ đại nhất. Ông cũng soạn thảo "*Lời thề Đạo đức Y khoa"* hay gọi là *"Lời thề Hippocrates"*. Lời thề thiêng liêng này được các bác sĩ trang trọng đọc trước khi bắt đầu hành nghề Y. Hippocrates được xem là vị tổ của ngành Y học Tây phương. Ngoài ra còn có biểu tượng của ngành Y khi thì thấy hai con rắn hay một con rắn quấn quanh cây gậy, hay cái chén có con rắn. Theo thần thoại Hy lạp về Hermes và Asklepios[2] có nhiều giải thích khác nhau về rắn, tôi sưu tầm và tóm lược những điểm chính.

a/ *Chiếc gậy của Hermes:* theo truyền thuyết Apollo trao đổi với Hermes, người anh em khác cha, một chiếc đũa bằng vàng. Hermes sử dụng nó để tách riêng hai con rắn, nhưng những con rắn cuộn lại theo chiều ngược…biểu tượng của thần Hermes tượng trưng bởi cây gậy có nhánh nguyệt quế hoặc cành ô liu. Sau đó, các nhánh được quấn quanh cây gậy để tạo ra hình hai con rắn quấn lại với nhau, nó có hai cánh, tượng trưng cho vận tốc của Hermes sứ giả của các vị thiên thần (những con rắn đại diện cho lửa và nước, đất và cảnh trời), đó là biểu tượng của hòa bình do các thiên sứ mang lại. Một giải thích khác nhấn mạnh đến sự cặp đôi của các con rắn và biểu tượng của khả năng sinh sản. Con rắn quấn quanh cây gậy, tượng trưng cho cây sự sống, có ý nghĩa là sự kiêu ngạo bị chinh phục và

khuất phục, nọc độc của nó biến thành thuốc điều trị.

Theo một số tài liệu khác thì phù hiệu *„cây gậy và con rắn“* được xuất hiện lần đầu tiên trên thế giới vào khoảng thế kỷ thứ 7 trước Công nguyên, là hình cây gậy có hai con rắn bện quanh, trên đầu gậy có một đôi cánh. Theo thuyết này thì kể rằng Hermes là con trai của thần Jupiter và nữ thần Maia, dùng cây gậy thần của mình để ném vào giữa hai con rắn đang cắn nhau "một mất một còn" sau đó chúng thôi cắn và cùng quấn quanh cây gậy thần đó.

b/ *Thần thoại về Asklepios:* ông ta nhìn thấy một con rắn tiến về phía mình, ông hướng cây gậy của mình về phía nó. Con rắn tự cuộn lại, Asklepios đập cây gậy xuống đất giết chết nó. Con rắn thứ hai đột nhiên xuất hiện ngậm loại dược thảo bỏ vào miệng con rắn đã chết và con rắn này được cứu sống, nhờ vậy ông phát hiện đặc tính của các loại thảo dược đó. Con rắn còn là một biểu tượng của cuộc sống và sinh lực bởi vì nó có đặc tính thay đổi da, có thể lấy lại thời thanh xuân. Con rắn bò sát đất, có nghĩa là nó biết tất cả những bí mật và các đặc tính y dược của các loại thảo mộc, hoặc những bí ẩn sự chết. Asklepios chỉ dẫu cho bệnh nhân những liệu pháp sử dụng các loại thảo mộc để trị lành bịnh, giúp vô số người thoát những cơn bịnh hiểm nghèo. Để tỏ lòng biết ơn người đã cứu nhân độ thế thời đế chế La mã các đền thờ được lập nên để vinh danh Asklepios và từ đó cây gậy Asklepios được gắn liền với ngành y.

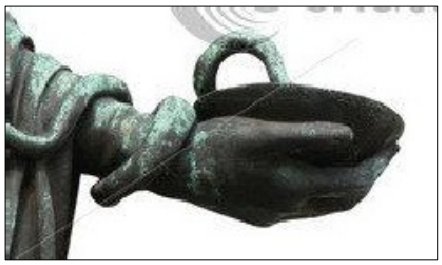

Việc tôn thờ Asklepios sau đó lan rộng ra khắp nước Hy lạp, đến Châu Á, và Ai Cập, đến cả thần dân trung thành với Alexandre Đại đế. Asklepios là người ngoại quốc đầu tiên được thừa nhận ở La mã. Di tích Asklepios được tìm thấy liên quan đến ngành Y trong cuốn giáo khoa Y khoa của thầy thuốc nổi tiếng người Ả rập Avicenna vào năm 1544, có in hình Asklepios ở trang bìa. Rồi từ đó phù hiệu của Asklepios được sử dụng là biểu tượng của ngành Y ở nhiều nơi, từ Châu Âu (Hiệp hội Y khoa Hoàng gia Anh) sau đó phổ biến đến các quốc gia trên thế giới. Ở Ai cập cổ đại các mẫu rắn được dùng trong các kiểu viết chữ tượng hình. Trung quốc và cả Việt Nam xem rắn là một loại thuốc trị được nhiều chứng bệnh. Nhật cũng tìm thấy vết tích rắn vẽ trong các ngôi mộ cổ v..v.. Cây gậy là biểu tượng của bác sĩ khắp nơi trên thế giới cứu nhân độ thế. Nói chung sự liên quan giữa rắn với ngành Y là gần gũi hơn cả, tinh thần Asklepios trong thực hành Y khoa có thể đáp lại lòng mong mỏi của bệnh nhân, cây gậy tượng trưng cho cây sự sống, tính thận trọng trong ngành Y Dược là sự cống hiến cho nhân loại.

Cái chén của Hygeia

Hygiea nữ thần Sức khoẻ (God of Health) cầm cái chén với con rắn cuốn quanh tay, trong vị thế giống như rắn sắp sửa thả lưỡi vào chén. Chữ "hygiene" bắt nguồn từ chữ Hygeia, dần dần biểu tượng chỉ có cái chén và con rắn trở nên quen thuộc và được mang tên là "Chén Hygeia". Nhiều người coi cái chén của

Hygeia và con rắn như biểu tượng sự sống tiêu biểu là chén thuốc nước và con rắn tượng trưng khả năng làm lành bệnh. Chén Hygeia làm biểu tượng cho những nhà chế thuốc ở Italy từ năm 1222. Năm 1922 người Ý dùng nó trong dịp lễ mừng kỷ niệm 700 năm thành lập Đại học Padua, là trường đại học hàng đầu của Ý nổi bật lâu đời ở Châu Âu. Năm 1796 chén Hygeia chính thức sử dụng làm biểu tượng cho ngành Dược. Tại Đức từ năm 1951 Fritz Ruppercht Mathieu phát hoạ phù hiệu cho nhà thuốc Tây chữ A nghiã là „Apotheke là nhà thuốc“ màu đỏ có hình cái chén và con rắn.

Rắn trong ng ành Y hoc Tây phương

Nọc rắn khác biệt rõ rệt từ loài này sang loài kia, nhưng chúng đều có một điểm chung là mỗi loại đều là những hợp chất phức tạp, được tạo thành từ hàng nghìn protein và enzyme khác nhau. Phần lớn các loài rắn độc được chia làm 3 họ: Colubridae, Elapidae hoặc Viperidae, nọc độc phóng ra từ tuyến nước bọt chia làm 3 nhóm chính: cytotoxins, neurotoxins và hemotoxins. Rắn cắn chết người mỗi năm, nhưng nọc độc chết người của nó tiềm tàng khả năng cứu chữa cho các bệnh của con người (dược liệu trị huyết áp phổ biến, dùng để chữa các khối máu nghẽn, nghiên cứu đến những chứng bệnh như động kinh có nhiều hoạt động điện não, chữa trị các cơn đau hoặc giúp người bị nghiện cai thuốc, bệnh Alzheimer, chữa thấp khớp, đau nhức, làm giảm đau cho bệnh ung thư…) nọc độc của loài rắn chứa một loại protein làm giảm đau mạnh tương đương như morphine. Rắn Mamba đen là một trong những loài rắn nguy hiểm nhất trên thế giới, sống ở Phi châu thuộc phiá Nam sa mạc Sahara dài 2,5 m đến 4,5 m, bò nhanh 24 km/h. Mỗi lần cắn phun ra 400 mg nọc độc. Chỉ cần 15-20 mg đủ làm con người chết trong một thời gian rất ngắn.

Các nhà nghiên cứu Pháp trình bày trên tạp chí Anh, "Natur/Thiên nhiên“ thí nghiệm thành công nọc độc rắn Mamba đen (Schwazen Manba/ Dendroaspis polylepis polylepis) làm giảm đau như Morphine không bị phản ứng, *“Khi tiến hành thí nghiệm trên loài chuột, nọc độc cho thấy khả năng giảm đau mạnh tương đương với morphine nhưng lại không gây ra nhiều tác dụng phụ"*. Cách lấy nọc rắn dùng ngón tay cái và ngón trỏ bóp nhẹ vào mang tai rắn kích thích tuyến nọc độc nằm dưới da của mỗi bên mang tai, nọc rắn theo rãnh của răng chảy ra dụng cụ lấy nọc, nọc là chất lỏng không màu trong suốt, qua tiến trình làm khô giữ được tác dụng như nọc rắn tươi là nguồn cung cấp thuốc quan trọng để bào chế thuốc... lấy nọc rắn vào mùa hè, mỗi tháng một lần một con lấy được trung bình 0,25 ml, nhưng còn tùy thuộc vào những loại rắn lớn thì nhiều hơn.

Rắn trong ngành Đông Y

Việt Nam có các trại nuôi rắn được phát triển, nổi tiếng như trại rắn Vĩnh Sơn (Phú Thọ), trại rắn Đồng tâm (Tiền Giang). Một số loài rắn thường dùng làm thuốc: Rắn hổ mang là

chúa tể của loài rắn. Rắn hổ mang còn có tên gọi là hổ lửa, hổ phì, tên khoa học là Naja Naja, thuộc họ rắn hổ (Elapidae). Rắn cạp nong (rắn mai gầm) (Bungarus fasciatus Schneider) Rắn cạp nia (rắn mai gầm bạc) (Bungarus candidus L. Rắn ráo (Ptyas mucosus), họ Rắn nước (Colubridae). Các loài rắn biển (đẻn đai xanh, đẻn đốm, đẻn khoang,…) thuộc chi Hydrophis, họ Rắn biển (Hydrophiae).

Thịt rắn (bỏ nội tạng): chứa protein, acid amin. Thường dùng dưới dạng rượu thuốc gồm 1 bộ 3 con gọi là tam xà (1 hổ mang, 1 cạp nong, 1 rắn ráo), hoặc bộ 5 con gọi là ngũ xà (1 hổ mang, 1 cạp nong, 1 cạp nia, 2 rắn ráo). hay làm thành thuốc viên chữa đau nhức khớp xương, tê bại, nhọt độc.

*Nọc rắn***:** rất độc do có các enzym và protein độc. Thường dùng dưới dạng thuốc tiêm, thuốc mỡ chữa tê thấp, giảm đau cho bệnh nhân ung thư, hạn chế phát triển khối u.

*Mật rắn***:** chứa các loại acid mật, chữa thấp khớp, đau lưng, sốt kinh giảm ở trẻ em, ho, hen suyễn, sát khuẩn vết thương. Dùng dưới dạng rượu thuốc hay sirô.

*Xác rắn***:** chữa động kinh, co giật ở trẻ em, đau cổ họng, ghẻ lở. Dùng 6-12g một ngày, dạng thuốc sắc hay sao vàng tán bột uống, ngâm cồn bôi ngoài.

Rượu rắn có công dụng trị các chứng tê liệt, đau nhức, phong thấp, bồi bổ sức khoẻ, ăn uống chậm tiêu. Rượu rắn Phụng Hiệp là thổ sản địa phương, Họ làm theo ba cách như ngâm rắn tươi, rắn khô và bột rắn, phải là rắn sống mổ bụng từ ức tới hậu môn, bỏ hết chỉ giữ lại mỡ và mật vì đây là hai vị thuốc.. Nhiều nơi không ngâm rượu nguyên con rắn thì nấu cao rắn… theo „tập đòan Tuệ Linh“ quảng cáo.

Tại Việt Nam người ta đồn và quảng cáo: sừng tê giác, ngà voi, tay và mật gấu, rượu rắn, hổ cốt …đều là *“thần dược*“ chữa được bá bệnh, cường dương bổ thận *“ông uống bà khen“*. Phải cẩn thận đừng vội tin, quảng cáo làm tiền không trách nhiệm. *"khỏe đâu không thấy, chỉ thấy rước họa mà thôi"* tốn kém tiền bạc. Bởi vì các nhà khoa học Tây phương chưa chứng minh được kết qủa các loại *„thần dược„* của người Việt Nam. Theo Tây y bệnh nhân chữa trị theo phương pháp khoa học, Bác sĩ định bệnh cho uống thuốc chữa hết bệnh, còn theo ngành Đông y dùng thuốc Bắc chỉ có tác dụng điều trị hỗ trợ. Có trường hợp từng xảy ra, người ở Đức về Việt Nam mua rượu rắn uống phải giã từ cuộc chơi. Bác sĩ khám nghiệm tử thi cho biết là ngộ độc. Người Tây phương họ không ăn uống như ở Việt Nam, nhưng người nào cũng khoẻ mạnh tuổi thọ thường trên 80. Nếu bị đau nhức cơ thể, tứ chi nên tập thể dục, đi Fitness sẽ khỏe, không có rượu nào chữa trị hết bệnh.

Sau năm 1975 thì đời sống tại quê nhà có thể ảnh hưởng Tàu nên về vấn đề ăn uống *„hỗn tạp“* hơn, phần lớn quan trọng ăn uống chỉ để cường dương bổ thận… Sài Gòn có nhiều quán nhậu, đặc sản thịt rắn, uống máu, nuốt mật sống của rắn. Các loài rắn bị săn bắt để ăn thịt hay ngâm rượu, có nhiều loại sắp bị tuyệt chủng, không còn rắn để bắt chuột, gây thêm nạn chuột sinh sản nhiều phá hoại ngũ cốc … Ấn Độ từ năm 1972 có luật cấm bắt rắn, dù những người bắt rắn huấn luyện múa theo điệu sáo để mua vui, nếu người nào vi phạm bị phạt tù.

Năm 2013 là năm Quý Tỵ ngày 10.2.2013 cầm tinh con rắn hy vọng đời sống của rắn phải được bảo vệ vì loài rắn phục vụ cho khoa học, điều chế thuốc từ nọc rắn để chữa bệnh, giúp con người có thể kéo dài tuổi thọ.

Nguyễn Quý Đại

www.hoamunich.wordpress.com

Tài liệu tham khảo
Tiere und Lebensräume (Bertelsmann Lexikon Institut)
National Geographic Deutschland
Trang Wikipedia, hình nguồn trên Internet và của tác giả
Tuần báo Stern số 42/2012

[1] Đại Việt ( ) là quốc hiệu của nước Việt Nam tồn tại từ năm 1054 đến năm 1804. Vua Gia Long đổi tên nước thành Việt Nam, quốc hiệu Đại Việt chấm dứt hoàn toàn.

[2] **Caducées et Serpent d'Asklépios**

Le caducée est un emblème ancien dans la mythologie grecque. Il en existe deux types: le caducée d'Hermès et le caducée d'Asclépios.

Le caducée d'Hermès

La légende rapporte qu'Apollon échangea avec Hermès son demi-frère une baguette en or contre une lyre. Hermès l'utilise un jour pour séparer deux serpents, mais ces serpents s'y enroulent en sens inverse. La symbolique s'installa par la suite, et l'emblème du Dieu grec Hermès (Mercure pour les romains) accompagna toujours Hermès.

A l'origine il est représenté par un bâton de laurier ou d'olivier avec ses branches. Ensuite les branches sont enroulées autour du bâton pour figurer les deux serpents entrelacés, il est surmonté de deux ailes, symbolisant la vélocité d'Hermès le messager des dieux. Cet emblème devint la marque des hérauts, des messagers (au sens large).

Symbolique

Primitivement, le caducée, réalisant le difficile équilibre de tendances antagonistes autour de l'axe du monde (les serpents représentant le feu et l'eau, la baguette la terre et les ailes le ciel), fut donc un symbole de paix porté par le Messager des Dieux. Une autre interprétation insiste sur l'accouplement des serpents et la symbolique de la fécondité. Les alchimistes n'ont pas manqué de donner eux aussi leur explication du caducée, sceptre d'Hermès, dieu de l'Alchimie : les deux serpents représenteraient les principes antagonistes (soufre/mercure, fixe/volatil, humide/sec, chaud/froid…) qui doivent s'unifier dans l'or unitaire de la tige. Quittant la pensée hermétique pour les domaines moral et médical, le caducée peut représenter la lutte maîtrisée entre les instincts et la maîtrise de soi ou les maladies et la santé, avec une issue forcément spirituelle (les ailes). Le serpent s'enroule autour du bâton qui symbolise l'arbre de vie, pour signifier la vanité domptée et soumise, son venin se transforme en remède, la force vitale pervertie retrouve la voie droite qui permet la seule véritable guérison, celle de l'âme.

En raison des attributs du Dieu Hermès : Il est le dieu du commerce, des professions qui s'occupent de la communication comme les imprimeurs, le gardien des routes et des carrefours, des voyageurs, des bergers, et dieu de la ruse, du vol et des voleurs, puis dieu accompagnateur des âmes des morts aux Enfers. Il est évident que le caducée d'Hermès ne doit pas et ne peut pas être utilisé comme emblème médical.

Cependant vers le XVIe siècle, une confusion est apparue avec le bâton d'Esculape (qui est aussi un caducée), et peu à peu, ce caducée a quitté le domaine militaire auquel il avait été d'abord cantonné comme symbole de la paix, et il est devenu l'emblème de la profession médicale dans de nombreux pays.

Le caducée d'Asclépios

La légende rapporte qu'un jour, Asclépios, voyant un serpent se diriger vers lui, il tendit

son bâton dans sa direction. L'animal s'y enroula. Asclépios frappa le sol et tua la bête. Un second serpent apparut soudain, tenant dans sa bouche, une herbe mystérieuse avec laquelle il rappela à la vie l'autre reptile. Asclépios eut alors la révélation de la vertu médicinale des herbes.
L'emblème d'Asclépios est un bâton court le long duquel s'enroule un serpent. À l'origine, dans la mythologie grecque, il est l'attribut du dieu Apollon qui l'offre à son fils Asclépios, dieu de la médecine.

Le bâton
Le bâton est le symbole du voyageur universel, de l'activité du médecin qui promène à travers le monde sa science secourable.

Le serpent
Le serpent est symbole de vie et de vigueur parce qu'il possède la propriété de changer de peau, retrouvant ainsi l'apparence de la jeunesse. Le serpent, en s'insinuant dans les fissures de la Terre, était sensé en connaître tous les secrets et ainsi que les vertus des plantes médicinales, voire les mystères entourant la mort ! (allusion aux oracles par lesquels Asclépios indiquait aux malades les remèdes à appliquer).
Du caducée de cette première légende est venue s'ajouter le miroir, symbole de la prudence et de la sagesse.
Le caducée d'Asklépios est devenu l'emblème universel des professions médicales et se prête à de nombreuses et complexes interprétations. :
Lorsque le serpent d'Asklépios s'enroule autour du bâton (ou baguette) d'Asklépios il forme l'emblème asclépiade qui symbolise le dieu de la Médecine ou tout simplement la Médecine ;
Lorsque le serpent d'Asklépios s'enroule autour d'un bâton surmonté d'un miroir, il forme la caducée des médecins de France et l'Ordre des Médecins de France ;
Lorsque le serpent d'Asklépios s'enroule autour de la coupe d'Hygie, la déesse de la Santé, il forme l'emblème des Pharmaciens;
Lorsque le serpent d'Asklépios est associé à une forme géométrique ovoïde symbolisant l'utérus de la femme enceinte remplaçant le bâton d'Asklépios, il forme le caducée des Sages-femmes
Lorsque le serpent d'Asklépios est associé au microscope et au miroir, il forme l'emblème de certains laboratoires d'analyses médicales.
Lorsque le serpent d'Asklépios est associé au diapason, il forme l'emblème des audioprothésistes
Il faut noter cependant qu'en 1910, le Conseil de l'Ordre des Etats-Unis a choisi, plus logiquement, le bâton d'Esculape.
Le caducée est l'insigne et l'emblème officiel de l'Ordre des Médecins de France depuis son rétablissement en 1945. Il est composé du serpent d'Asklépios s'enroulant autour d'un bâton (ou baguette) symbolisant l'arbre de la vie, ce bâton est surmonté d'un miroir symbolisant la prudence que le médecin doit avoir avant chaque décision médicale. La coupe symbolise (probablement) la coupe d' Hygie, fille d'Asklépios et Déesse de la Santé.

LUCY GRAY

Oft I had heard of Lucy Gray:
And, when I crossed the wild,
I chanced to see at break of day
The solitary child.

No mate, no comrade Lucy knew;
She dwelt on a wide moor,
--The sweetest thing that ever grew
Beside a human door!

You yet may spy the fawn at play,
The hare upon the green;
But the sweet face of Lucy Gray
Will never more be seen.

"To-night will be a stormy night
You to the town must go;
And take a lantern, Child, to light
Your mother through the snow."

"That, Father! will I gladly do:
'Tis scarcely afternoon--
The minster-clock has just struck two,
And yonder is the moon!"

At this the Father raised his hook,
And snapped a faggot-band;
He plied his work;--and Lucy took
The lantern in her hand.

Not blither is the mountain roe:
With many a wanton stroke
Her feet disperse the powdery snow,
That rises up like smoke.

The storm came on before its time:
She wandered up and down;
And many a hill did Lucy climb:
But never reached the town.

EM BÉ LUCY GRAY

Tôi thường nghe nói tới em
Và khi có dịp ngẫu nhiên băng đồng
Giữa hoang vu, lúc rạng đông
Gặp Lucy Gray vô cùng đơn côi.

Bạn bè em chẳng quen ai;
Sống đời cô quạnh tại nơi hoang tàn,
Lớn lên hiền dịu vô vàn
Gần bên cửa ngõ nhân gian hững hờ!

Bạn thường thấy lũ nai tơ
Và thỏ rừng giỡn chơi bờ đồng xanh;
Nhưng nào còn thấy mặt xinh
Của em bé gái thật tình dễ thương.

"Đêm nay bão tố chập chùng
Con về thị trấn ngay đừng chờ chi;
Mang theo một chiếc đèn kia
Thắp cho Mẹ sáng phòng khi tuyết nhiều."

"Thưa Cha! Con sẽ làm theo
Chiều nay kỳ lạ, tuyết gieo bất thường
Nhà thờ mới vọng hồi chuông
Điểm vang hai tiếng, trăng vàng còn xa!"

Cha nghe xong lấy móc ra
Móc vào bó củi, không chờ gì thêm
Cha làm công việc tiếp liền,
Con đưa tay nắm chiếc đèn ra đi

Vui như nai núi khác chi
Con đùa giỡn chạy, tay thì múa may
Đôi chân đạp tuyết tung bay
Bốc lên như khói văng đầy khắp nơi.

Nào ngờ bão tới sớm rồi
Lang thang cô bé lên đồi xuống nương
Trèo cao vượt lắm đoạn đường
Đâu về tới chốn lẹ làng bình yên.

The wretched parents all that night
Went shouting far and wide;
But there was neither sound nor sight
To serve them for a guide.

At day-break on a hill they stood
That overlooked the moor;
And thence they saw the bridge of wood,
A furlong from their door.

They wept--and, turning homeward, cried,
"In heaven we all shall meet;"
--When in the snow the mother spied
The print of Lucy's feet.

Then downwards from the steep hill's edge
They tracked the footmarks small;
And through the broken hawthorn hedge,
And by the long stone-wall;

And then an open field they crossed:
The marks were still the same;
They tracked them on, nor ever lost;
And to the bridge they came.

They followed from the snowy bank
Those footmarks, one by one,
Into the middle of the plank;
And further there were none!

--Yet some maintain that to this day
She is a living child;
That you may see sweet Lucy Gray
Upon the lonesome wild.

O'er rough and smooth she trips along,
And never looks behind;
And sings a solitary song
That whistles in the wind.

William Wordsworth

Mẹ Cha nghèo khổ suốt đêm
Gần xa kêu réo kiếm tìm ngược xuôi
Không nghe con đáp một lời
Bóng con chẳng thấy tăm hơi chốn nào.

Sáng ra lên ngọn đồi cao
Vợ chồng từ đó nhìn vào đồng hoang
Thấy cây cầu gỗ bắc ngang
Cách xa nhà một quãng đường mà thôi

Họ quay về, khóc nghẹn lời
"Chúng ta sẽ gặp nhau nơi thiên đàng."
-- Khi trên tuyết hiện rõ ràng
Chân con Mẹ thấy từng hàng in lên.

Rồi xuôi bờ dốc kề bên
Dấu chân nhỏ bé lộ thêm giữa đồi
Xuyên hàng cây gãy đôi nơi
Dấu theo tường đá kéo dài thẳng băng;

Mẹ Cha vượt cánh đồng bằng:
Dấu chân vẫn hiện rõ ràng y nguyên;
Lần mò theo vết chân trên
Họ cùng nhau tới ngay bên mé cầu.

Họ men bờ tuyết trắng phau
Lần từng bước một theo sau dấu này
Lọt ngay giữa ván cầu dầy
Dấu chân mất hút tại đây thật rồi!

-- Ngày nay còn vẫn có người
Nghĩ Lucy Gray chưa rời trần gian
Vẫn thấy em chốn đồng hoang
Dễ thương, cô độc, lang thang một mình

Trèo đèo, lội suối, vượt ghềnh
Không hề ngoái lại nhìn quanh non ngàn
Em ca bài hát cô đơn
Vọng vang trong tiếng gió vờn vi vu.

Ngô Tằng Giao
(chuyển ngữ)

CAO HÀNH KIỆN

Nhà Văn Trung Hoa
Lãnh Giải Thưởng Nobel Văn Chương Năm 2000

Phạm Văn Tuấn

1/ Sơ lược về Giải Thưởng Nobel Văn Chương.

Giải Thưởng Nobel Văn Chương được trao tặng hàng năm cho một tác giả thuộc bất cứ quốc gia nào đã sáng tác ra một tác phẩm xuất sắc nhất với nội dung mô tả cuộc sống của con người cùng với một lý tưởng cao đẹp. Tác giả đoạt giải là do tất cả công trình văn học nhưng thường khi một tác phẩm của tác giả được dẫn chứng và cơ quan cứu xét việc tặng Giải Văn Chương là Hàn Lâm Viện Thụy Điển (the Swedish Academy) đặt trụ sở tại thành phố Stockholm.

Các Ủy Ban Nobel xét giải thông thường gồm từ 3 tới 5 nhân viên, ngoài ra còn có các chuyên gia am tường từng phạm vi học thuật để giúp đỡ Ủy Ban. Các Ủy Ban này cứu xét các ứng viên tranh giải rồi gửi đề nghị tới các cơ quan tặng giải. Sau khi cân nhắc cẩn thận các lời đề nghị và các ý kiến khác nhau, cơ quan tặng giải sẽ bỏ phiếu để chọn lựa cuối cùng rồi sau đó công bố người lãnh giải. Việc tranh luận và bỏ phiếu được giữ kín và các quyết định tặng giải không thể được xét lại.

Vào mùa thu của năm trước kỳ tặng giải, các Ủy Ban Nobel gửi các thư mời tới các cơ quan tặng giải, các nhân vật đã đoạt giải thưởng trước kia và các giáo sư am tường các phạm vi học thuật thuộc một số trường đại học. Ngoài ra, các ứng viên của Giải Văn Chương Nobel có thể được đề nghị do các Hàn Lâm Viện Văn Chương hoặc các tổ chức uy tín. Các ứng viên này được chọn lựa trong vòng bí mật trước ngày 1 tháng 2 của năm tặng giải rồi sau đó, các Ủy Ban Nobel và các chuyên gia lại họp bàn nhiều lần để đánh giá sự xứng đáng của các ứng viên, rồi vào tháng 10, sau cuộc bỏ phiếu cuối cùng, các nhân vật đoạt giải được công bố trên báo chí. Vào năm 1948, trị giá của mỗi Giải Thưởng Nobel là 32,000 Mỹ kim nhưng tới năm 1997, trị giá này tăng lên tới 1 triệu Mỹ kim. Các Giải Thưởng Nobel được coi là giá trị nhất trên thế giới.

Từ năm 2000, các nhà văn, nhà thơ sau đây đã lãnh giải thưởng Văn Chương danh dự bậc nhất này:

Năm 2000 Cao Hành Kiện (Gao Xingjian) gốc Trung Hoa, quốc tịch Pháp.

Năm 2001 Vidiadhar Surajprasad Naipaul gốc Trinidad, quốc tịch Anh.

Năm 2002 Imre Kertész nước Hungary.

Năm 2003 John Maxell Coetzee nước Nam Phi.

Năm 2004 Elfriede Jelinek nước Áo.

Năm 2005 Harold Pinter nước Anh.

Các nhà văn, nhà thơ nữ đã lãnh Giải Thưởng Nobel Văn Chương kể từ đầu thế kỷ 20 gồm có: Selma Lagerlof, Grazia Deledda, Sigrid Undset, Pearl S. Buck, Gabriela Mistral, Nelly Sachs, Nadine Gordimer, Toni Morrison, Wislawa Szymborska và Elfriede Jelinek. Ngoài ra là các nam văn nhân.

Nhiều nhà văn, nhà thơ danh tiếng trên thế giới với các tác phẩm xuất sắc, với giá trị văn chương lâu dài nhưng đã không được tặng giải, danh sách này gồm một số tác giả như: Anna Akhmatova, Jorge Amado, Antonin Artaud, Georges Bataille, Maurice Blanchot, Jorge Luis Borges, Bertolt Brecht, Paul Celan, René Char, Anton Chekhov, Joseph Conrad, Julio Cortázar, Jacques Derrida, Theodore Dreiser, Lion Feuchtwanger, Robert Frost, Hans-Georg Gadamer, Graham Greene, Aldous Huxley, Henrik Ibsen, James Joyce, Nikos Kazanzakis, Arthur Koestler, D.H. Lawrence, William Somerset Maugham, Sándor Márai, Arthur Miller, Alberto Moravia, Robert Musil, Vladimir Nabokov, George Orwell, Fernando Pessoa, Ezra Pound, Marcel Proust, J.D. Salinger, Gertrude Stein, Wallace Stevens, Leo Tolstoy, Arnold Toynbee, Marina Tsvataeva, Mark Twain, Franz Werfel, Thornton Wilder, Tennessee William và Virginia Woolf.

2/ Tiểu Sử Nhà Văn Cao Hành Kiện.

Cao Hành Kiện (Gao Xingjian) hiện nay mang quốc tịch Pháp, đã chào đời vào ngày 4 tháng 1 năm 1940 tại huyện Cam Châu (Ganzhou) tỉnh Giang Tây (Jiangxi) thuộc miền đông của nước Trung Hoa. Ông là tác giả viết tiểu thuyết, kịch phẩm, nhà phê bình văn học, nhà dịch thuật, nhà đạo diễn kiêm một họa sĩ có tài.

Cao Hành Kiện lớn lên trong hoàn cảnh quân Nhật xâm chiếm nước Trung Hoa trong suốt 8 năm trường, từ 1937 tới 1945, và trưởng thành trong chế độ Cộng Hòa Nhân Dân, nơi mà mọi thứ quyền tự do căn bản của con người đều bị hạn chế tối đa. Cao Hành Kiện có người cha là một nhân viên ngân hàng và bà mẹ là một diễn viên tài tử, bà đã khuyến khích cậu con trai ưa thích sân khấu và văn chương. Sau khi tốt nghiệp từ trường trung học, Cao Hành Kiện đã theo học tiếng Pháp từ năm 1957 tới năm 1962 tại Phân Khoa Ngoại Ngữ của trường Đại Học Bắc Kinh.

Trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa (the Cultural Revolution, 1966-76), các toán Vệ Binh Đỏ (Red Guards) và các nhân viên Cách Mạng xu thời đã nắm quyền hành, đưa nước Trung Hoa vào các hoàn cảnh hỗn loạn, hàng triệu người vô tội kể cả các nhân vật cao cấp đã bị tố cáo không đúng và hành hạ tới chết. Ông Cao bị coi là một nhà trí thức, bị người vợ tố cáo là đã lén lút "viết văn" mà ở vào thời kỳ này, sáng tác văn chương là một việc làm nguy hiểm, nên ông bị đưa tới trại lao động cải tạo (re-education camp, hạ phóng giáo cải), phải làm việc cực khổ trong 6 năm dài. Trước khi bị bắt, ông đã đốt đi một rương chứa đầy bản thảo của 10 vở kịch, nhiều bài thơ, một cuốn tiểu thuyết và nhiều bài nhận định văn học, đây là thứ công trình nghiên cứu trong nhiều năm trường.

Sau khi được trả tự do, Cao Hành Kiện làm việc tại Ban Báo Chí Ngoại Ngữ (the Foreign Languages Press, Ngoại Văn Xuất Bản Xã) rồi sau đó, trở nên nhân viên phiên dịch cho Hội Nhà Văn Trung Hoa (the Chinese Writers Association, Trung Quốc Tác Gia Hiệp Hội), dù thế trong thời gian này, ông Cao không thể phổ biến các sáng tác của mình cho tới năm 1979 khi đi du lịch sang Pháp và Ý.

Trong các năm từ 1980 tới 1987, Cao Hành Kiện bắt đầu sáng tác lại, trở thành nhà văn cải tiến và gây tranh cãi trên văn đàn. Mọi người đã nhận ra tài năng phê bình văn học của ông khi vào năm 1980, Cao Hành Kiện

cho xuất bản cuốn tiểu thuyết nhỏ (novella) tên là "Các Ngôi Sao trong một Đêm Lạnh" (Stars on a Cold Night) rồi sau đó là các truyện ngắn, các bài luận văn (essays) và các kịch bản in trong các tạp chí văn chương tại Trung Hoa, cùng với 4 cuốn sách: "Thảo Luận đầu tiên về Nghệ Thuật của Tiểu Thuyết Mới" (Premier essai sur les techniques du roman moderne/A Preliminary Discussion of the Art of Modern Fiction, 1981), cuốn này đã gây nên một cuộc bút chiến về "chủ nghĩa cách tân" (modernism), "Con Chim Bồ Câu Mỏ Đỏ" (A Pigeon Called Red Beak, 1985), "Sưu Tập các Vở Kịch" (Collected Plays, 1985), "Đi Tìm một Hình Thức Mới cho Cách Trình Bày Kịch Nghệ" (In Search of a Modern Form of Dramatic Representation, 1987).

Nhiều vở kịch thử nghiệm và mang tính chất tiền phong của Cao Hành Kiện đã được trình diễn tại Nhà Hát Nghệ Thuật Nhân Dân (the Theatre of Popular Art/Bắc Kinh Nhân Dân Nghệ Thuật Hí Viện) tại Bắc Kinh và đã mang lại thành công rực rỡ. Qua những vở kịch này, Cao Hành Kiện đã phối hợp nền nghệ thuật sân khấu cổ điển của Trung Hoa với ảnh hưởng kịch nghệ tiền phong (avant-garde) của phương tây, đặc biệt từ hai kịch tác gia Samuel Beckett và Eugene Ionesco, nhưng vở kịch "Trạm Xe Buýt" (Arrêt de bus/Bus Stop, 1983) đã bị một nhân vật uy tín của Đảng Cộng Sản Trung Hoa mô tả là một văn bản độc hại nhất kể từ khi thành lập nước Cộng Hòa Nhân Dân. Tác phẩm "Người Rừng" (L'Homme Sauvage/Wild Man/ Dã Nhân, 1985) của ông Cao cũng gây ra cuộc tranh luận nóng bỏng, khiến cho quốc tế phải chú ý.

Vào năm 1986, tác phẩm "Bờ Kia" (L'Autre Rive/The Other Shore/Bỉ Ngạn) đã bị nhà cầm quyền Cộng Sản coi là "phản cách mạng", bị cấm phổ biến và kể từ thời gian này, không một vở kịch nào của Cao Hành Kiện được phép trình diễn và tác giả bị Công An theo dõi. Để tránh khỏi các xách nhiễu của chính quyền, nhà văn họ Cao đã đi lang thang trong 10 tháng qua các miền rừng núi thuộc tỉnh Tứ Xuyên (Sichuan) rồi thả bộ dọc theo con sông Dương Tử (Yangzi) từ ngọn nguồn tới tận bờ biển. Vào năm 1987, nhờ thế lực của người bạn giữ chức Bộ Trưởng Văn Hóa, Cao Hành Kiện rời khỏi Trung Hoa theo giấy mời của cơ quan văn hóa Đức Quốc và qua năm sau, sang sinh sống tại thủ đô Paris, nước Pháp, với tư cách là một người tỵ nạn chính trị.

Sau vụ Thảm Sát các sinh viên tranh đấu cho Tự Do tại Quảng Trường Thiên An Môn, Bắc Kinh, xảy ra vào năm 1989, nhà văn họ Cao đã tuyên bố từ bỏ Đảng Cộng Sản Trung Hoa rồi sau đó, ông phổ biến tác phẩm "Các Kẻ Chạy Trốn" (La Fuite/Fugitives/Đào Vong) viết ra để chống đối cuộc tàn sát sinh viên kể trên, chính quyền Trung Cộng đã công bố Cao Hành Kiện là một người không được chấp nhận (persona non grata) và tất cả các tác phẩm của ông đều bị cấm đoán.

Từ mùa hè năm 1982, nhà văn Cao Hành Kiện đã khởi công viết cuốn tiểu thuyết xuất sắc "Ngọn Núi của Tâm Hồn" (La Montagne de l'Âme/Soul Mountain/Linh Sơn) do tác giả đã tốn nhiều thời gian để đi khắp nơi trên đất nước Trung Hoa mà tìm ra ý nghĩa của cá nhân, cội nguồn, sự bình yên nội tại (inner peace) và sự tự do. Cuốn tiểu thuyết kể trên được xuất bản vào năm 1990 và được bổ túc bằng cuốn tự truyện "Thánh Kinh của Một Người" (Le Livre d'un homme seul/One Man's Bible/Nhất Cá Nhân Đích Thánh Kinh).

Một số tác phẩm của nhà văn Cao Hành Kiện đã được phiên dịch sang nhiều ngôn ngữ khác và nhiều vở kịch của ông cũng được trình diễn tại các nơi trên thế giới. Tại Thụy Điển, Goran Malmqvist đã giới thiệu và chuyển ngữ vài tác phẩm của ông Cao. Hai vở kịch của ông là "Mưa Hè tại Bắc Kinh"

(Summer Rain in Peking) và "Các Kẻ Chạy Trốn" (Fugitives) đã được trình diễn tại Nhà Hát Kịch Nghệ Hoàng Gia (the Royal Dramatic Theatre) tại Stockholm.

Cao Hành Kiện còn là một họa sĩ có tài, chuyên vẽ bằng mực tầu. Chính ông đã minh họa các hình bìa của những cuốn sách của mình. Các họa phẩm của ông đã được trưng bày tại hơn 30 cuộc triển lãm quốc tế trong nước Pháp, tại châu Âu cũng như ở Đài Loan và Hương Cảng. Tranh của ông chứa đựng nét vẻ giản dị và phóng khoáng nên đã hấp dẫn được nhiều người xem.

Do viết văn cả bằng tiếng Hoa lẫn tiếng Pháp, nhà văn Cao Hành Kiện được trao tặng Huân Chương Nghệ Thuật và Văn Chương (Chevalier de l' Ordre des Arts et des Lettres, 1992) của Bộ Văn Hóa Pháp vào năm 1992, Giải Thưởng Cộng Đồng Bỉ (Prix Communauté francaise de Belgique, 1994) vì tác phẩm Kẻ Mộng Du (Le Somnambule), Giải Thưởng Tết Trung Hoa 1997 (Prix du Nouvel An Chinois) vì tác phẩm Ngọn Núi của Tâm Hồn (Soul Mountain).

Ngày 10 tháng 12 năm 2000, nhà văn Cao Hành Kiện được trao tặng Giải Thưởng Nobel về Văn Chương do các lời văn của tác giả được phát xuất từ cuộc đấu tranh của cá nhân để sống còn trong các tập thể. Hàn Lâm Viện Thụy Điển đã nhận định rằng "Tác phẩm của ông Cao Hành Kiện mang tầm vóc ảnh hưởng quốc tế, chứa đựng các nhận thức chua chát và diễn tả bằng bút pháp tài tình, đã vạch ra các con đường mới cho nghệ thuật tiểu thuyết và kịch nghệ Trung Hoa". Đây là lần đầu tiên Giải Thưởng Nobel Văn Chương được trao về một nhà văn Trung Hoa. Ông Cao Hành Kiện là nhân vật của châu Á thứ tư lãnh Giải Thưởng Nobel cao quý này, sau các Văn Hào Rabindranath Tagore (1913) người Ấn Độ, Yasunari Kawabata (1968) người Nhật Bản và Kenzaburo Oe (1994) người Nhật Bản.

Nhà văn Cao Hành Kiện rõ ràng là một nhân vật bi quan, đi tìm các ý nghĩa của đời sống cá nhân và diễn tả các suy tư của chính mình qua nhiều sáng tạo xuất sắc.

3/ Các suy tư của Nhà Văn Cao Hành Kiện.

Cao Hành Kiện là nhà văn luôn luôn tìm cách bảo vệ vị trí độc lập và tiếng nói cá nhân của mình trong mọi hoàn cảnh bởi vì theo ông, sáng tác văn học là cơn sóng trào từ tâm huyết của người viết văn. Vào năm 1981 sau khi xuất bản cuốn "Thảo Luận đầu tiên về Nghệ Thuật của Tiểu Thuyết Mới" (Hiện Đại Tiểu Thuyết Kỹ Xảo Sơ Thám), nhà văn Cao Hành Kiện bị gán cho nhãn hiệu thuộc về trường phái "hiện đại", rồi sau vở kịch "Các Kẻ Chạy Trốn" (Đào Vong) phổ biến vào năm 1990, tác giả bị xếp vào loại "phản cách mạng" (counterrevolutionary).

Thông thường tại Trung Quốc cũng như tại nhiều quốc gia khác, người đời thường đặt ra nhiều thứ khuôn mẫu, trường phái, ấn định kẻ này trong giòng, người kia ngoài giòng, và theo thông lệ, những kẻ không nhập giòng chính (mainstream) liền bị phê phán, thanh trừng, có khi bị cầm tù, hủy diệt, nhất là dưới chế độ độc tài toàn trị hay trong xã hội theo chủ nghĩa cộng sản cực quyền.

Cao Hành Kiện đã xác nhận rằng ông không thuộc về một "trường phái" nào, một "trào lưu" nào, bởi vì tác giả không muốn bị đóng chặt vào một cái khuôn nghệ thuật rất chật hẹp. Tác giả cho rằng chức năng chính trị, phép tắc luân lý... đã tìm cách biến "văn học" thành thứ "công cụ" cho phe đảng và đây chính là điều bất hạnh cho "văn học". Văn học của Trung Quốc qua nhiều thế kỷ đã bị mệt mỏi vì các cuộc đấu tranh chính trị, đã mang ý chí tập thể ra cưỡng ép kẻ khác, đặt ra nhiều hạn chế vì mang danh nghĩa chính đảng hay quốc gia.

Nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch... là các cá nhân mềm yếu, trơ trụi một thân, khi giáp mặt với xã hội đã phát ra tiếng nói tự đáy lòng. Đây là điều xác nhận sự "tất yếu của tự thân tồn tại". Tác gia là người "có chuyện cần nói", rồi sau đó mới tìm cách "nói năng, diễn tả ra sao", đây là quan niệm hỗ tương giữa nội dung và hình thức. Người làm văn học cần tới tính "tự do bày tỏ" để trình bày cái "cảm nhận" của riêng mình.

Do nghiên cứu sự khác biệt giữa Hán Ngữ và các ngôn ngữ phương tây, và nhờ các tác giả như Marcel Proust, James Joyce cùng các nhà văn thuộc trường phái Tiểu Thuyết Mới, Cao Hành Kiện đã chú ý tới ý thức và tiềm thức, khám phá ra việc kiến tạo các góc độ kể chuyện để có thể truyền đạt các ý nghĩa khó phổ biến. Vì ngôn ngữ là phương tiện bày tỏ của con người nên nhà văn đã dùng ngôn ngữ để diễn tả cảm xúc chân thật của chính mình. Cao Hành Kiện đã coi trọng thứ chân thật này bởi vì người đời thường hay sống theo cái bóng của kẻ khác trong khi nhà văn cần đến tính độc lập, tính không bị lặp lại, sao chép.

Cao Hành Kiện rời khỏi Trung Quốc, sang Pháp vào năm 1989 và không trở về quê cũ. Là tác giả lưu vong, ông coi công việc sáng tác văn chương là một phương thức sống, một cách tự cứu mà không mưu cầu việc cải tạo thế giới. Ông đã từng nói "Tôi viết cho chính tôi, để làm dịu đi những khổ đau của tôi". Quả vậy, cuộc đời của ông bắt đầu trong bom đạn, tiếp diễn trong các hoàn cảnh xáo trộn, đàn áp, chống đối, trốn chạy... và ông cũng cho biết "tôi là một kẻ tỵ nạn từ khi lọt lòng mẹ". Do lòng say mê kịch nghệ, văn chương và hội họa, Cao Hành Kiện đã viết văn, viết kịch, là kẻ cô đơn trong hành trình đi tìm kiếm chính mình và còn là một nghệ sĩ dùng nghệ thuật để chống đối bạo quyền và hận thù, để nói lên tiếng nói của Tự Do.

Lần đầu tiên tại châu Âu, Cao Hành Kiện cho trình diễn vở kịch "Tuyết Tháng Tám" tại Nhà Hát Opera Marseille. Nội dung vở kịch kể lại hành trạng của Huệ Năng, vị Tổ thứ sáu của Thiền Tông Trung Hoa. Vở kịch gồm 2 hồi, 9 cảnh, diễn ra trong 2 giờ 15 phút với âm nhạc của Xu Shuya. Tổ Huệ Năng dạy rằng mọi người đều có thể giác ngộ, trở thành Phật nếu biết phá chấp và sống hòa đồng với thế giới bên ngoài. Tổ báo tin cho các đệ tử biết rằng mình sẽ qua đời vào tháng Tám, ngài đã đốt bỏ chiếc áo cà sa, vì ai cũng có thể trở thành Phật nên không cần tới người kế nghiệp Tổ. Khi Tổ Huệ Năng mất, tuyết phủ trên núi. Tháng Tám mà đã có tuyết? Thời gian trôi qua, tư tưởng của Tổ Huệ Năng bị hiểu sai đi, nhà chùa trở nên một thứ thế giới hỗn loạn và cuối cùng, bị thiêu cháy. Đây có phải là ngọn lửa tẩy sạch không, rồi sau đó là bầu không khí êm đềm, tĩnh lặng, bao phủ tất cả. Màn kịch khép lại với đặc tính "vô thường" của Thiền Tông, truyền sang mọi khán giả tham dự.

Vở kịch "Tuyết Tháng Tám" rất độc đáo, do sự phối hợp của Nhà Hát Opera Marseille, trường Cao Đẳng Biểu Diễn Nghệ Thuật Đài Loan, Dàn Nhạc Marseille, Dàn Nhạc Đài Loan với gần 200 diễn viên hát tiếng Hoa và tiếng Pháp. Dựng cảnh và trang trí do chính nhà văn Cao Hành Kiện, ông đã vẽ các bức phông lớn bằng mực tầu. Rạp hát rất rộng lớn mà không còn ghế trống, mọi người yên lặng, lắng nghe và theo dõi vở kịch từ khởi đầu tới màn cuối. Khi vở kịch đã kết thúc, tác giả Cao Hành Kiện còn gặp các đại biểu và một số khán giả hỏi han, trò chuyện, trong số này ngoài một số người thân quen còn có các ông Goran Malmqvist, thành viên của Hàn Lâm Viện Thụy Điển, Mabel Lee, giáo sư Đại Học Sydney, Noel Dutrait, giáo sư Đại Học Provence, bà Tchen Tsu-chiou, bộ trưởng cố vấn cho Tổng Thống Đài Loan...

Cao Hành Kiện đã viết vở kịch "Tuyết Tháng Tám" theo nguyên tắc "bốn không": không hoàn toàn là một vở opera Trung Quốc, không hoàn toàn theo nghĩa opera của phương tây, không hoàn toàn là một vở kịch sân khấu, không hoàn toàn là một vở ballet. Đây là sự phối hợp của các hình thức thể hiện khác nhau.

Tác phẩm quan trọng nhất của Cao Hành Kiện là cuốn tiểu thuyết "Ngọn Núi của Tâm Hồn" (Linh Sơn). Đây là cuộc hành trình của một tâm hồn qua thời gian và không gian trong các khung cảnh đồi núi, đồng cỏ, làng mạc Trung Hoa, để tìm kiếm cỗi rễ, sự an bình và tự do của nội tâm. Đây cũng là câu chuyện của một người đi tìm ngọn núi thiêng, nơi cất dấu và chôn vùi thế giới cát bụi. Qua tác phẩm, tác giả đã trình bày nhiều vấn đề lịch sử, văn hóa cùng với đời sống tinh thần của người dân Trung Quốc sau nhiều thời đại, tại nhiều vùng địa dư khác nhau với nhiều chủng tộc và tệ nạn, và người đọc được dẫn vào kho tàng văn hóa rực rỡ, pha trộn cả thực tế hiện tại với quá khứ huy hoàng và trí tưởng tượng.

Sau khi nhà văn Cao Hành Kiện đoạt Giải Thưởng Nobel Văn Chương, tờ báo Le Monde của nước Pháp đã giới thiệu tác phẩm "Ngọn Núi của Tâm Hồn" bằng đoạn văn mô tả như sau: "Một người với túi xách trên vai, đã ngược xuôi trên các cánh đồng lúa chín vàng hay những khu rừng tre xanh biếc, khi thì đi chân đất, khi thì ngồi trên xe đạp, để đi tìm một ngọn núi bí mật, một nơi lý tưởng để con người có thể rũ sạch bụi trần".

Trong các năm về sau, Cao Hành Kiện còn viết ra các tác phẩm như "Giữa Sống và Chết" (Between Life and Death/Sinh Tử Chi Gian), "Bên Lề Cuộc Đời" (Au Bord de la Vie)(bằng tiếng Pháp), "Kẻ Mộng Du" (Le Somnambule) (bằng tiếng Pháp), "Bốn Khúc Tứ Tấu cho một Cuối Tuần" (Quatre Quatuors pour un Weekend) (bằng tiếng Pháp), "Không có Chủ Nghĩa" (Without isms)...

Cao Hành Kiện là nhà văn đặc biệt công kích Friedrich Nietzsche bởi vì triết gia này đã gây kinh hoàng tại Trung Quốc. Nietzsche chủ trương rằng "Thượng Đế đã chết" và cổ vũ cho mẫu hình "siêu nhân", cho chế độ độc tài toàn trị mà nhờ vậy, Mao Trạch Đông đã hành xử như một kẻ thay thế Thượng Đế, để tước đoạt mọi quyền tự do của con người. Cao Hành Kiện đã thấy rõ các nỗi thống khổ của người dân lành dưới thời Cách Mạng Văn Hóa, do các bạo tàn của thứ Vệ Binh Đỏ. Tại Trung Quốc dưới thời Mao Trạch Đông, văn học bị động viên vào những mục tiêu chính trị và các nhà văn phải viết theo chỉ thị của đảng, phải là các bánh xe răng trong bộ máy lớn của cách mạng. Nhà văn như vậy đã trở thành thứ "công cụ phi nhân" của một chế độ áp bức và hệ thống tư tưởng đã bị áp đặt, kìm kẹp. "Bài Nói Chuyện ở Diên An" của Mao Trạch Đông vào năm 1942 đã trở thành một thứ kinh điển của chính sách văn học thống trị cho tới cuối thập niên 1970 và đã giết chết thứ văn học đích thực.

Cao Hành Kiện muốn vứt bỏ mọi thứ "chủ nghĩa" bởi vì hiện nay, các hệ thống tư tưởng lớn đã hết thời do theo đuổi một thiên đường viễn vọng, không tưởng. Theo ông, thời đại Mao là một thời kỳ đen tối nhất trong lịch sử văn học Trung Quốc. Thế nhưng, với tư cách là một nhà văn, Cao Hành Kiện không coi nhiệm vụ của mình là đưa ra các giải pháp chính trị, ông dồn công sức vào việc cải biến tiếng Hoa. Ông không phản đối việc dùng bạch thoại thay cho văn ngôn nhưng chống lại sự tây phương hóa quá mức của thứ văn viết hiện nay. Ông coi trọng bản chất của tiếng Hoa với cú pháp đơn giản, với cách hạn chế tối đa việc dùng các công cụ ngữ pháp.

Cao Hành Kiện đã lấy cảm hứng từ các truyền thống văn hóa Trung Quốc để viết ra nhiều tác phẩm xuất sắc và người đọc dễ dàng nhận ra điều này trong các vở kịch như "Người Rừng", "Tuyết Tháng Tám" và ngay cả trong cuốn tiểu thuyết kiệt tác "Ngọn Núi của Tâm Hồn"./.

Phạm Văn Tuấn (Virginia)

Ocean Moments

By Sydney Chen

You splash playfully at my heels.
You sing a lullaby filled with the rhythm of the tide.
Moonlight casts silver light,
you turn the light into a flowing silver ribbon.

The sun rises.
Colorful beams dance and sparkle upon your waves.
Your clear smooth water reflects the sun, shining and shimmering, full of fun.
By noon, your waters are milky green and oh so comforting.

At sunset, you capture the rays and direct their light somewhere else,
home to many, you have the power to draw things into your arms.
You are my joy. You are my wonder.
You are the sea.

Khoảnh khắc biển khơi

Bạn đùa văng gót chân tôi.
Bạn ru đầy nhịp êm trôi nước triều.
Bạn lùa trăng sáng mỹ miều
Thành từng dải bạc dập dìu chảy mau.

Vầng dương mọc tỏa sắc màu
Muôn tia nhảy với sóng trào long lanh
Nước trong phản chiếu vờn quanh
Mặt trời rực sáng bình minh rỡ ràng
Tới trưa xanh biếc thênh thang
Thấy sao an lạc, hân hoan vô cùng.

Hoàng hôn tia ấm bềnh bồng
Bạn lôi cuốn hết vào trong tay mình
Vòng ta quyền lực hữu tình
Sáng soi mái ấm gia đình nơi nơi
Bạn, niềm hoan hỉ của tôi
Bạn, điều huyền diệu tuyệt vời biết bao
Bạn là biển cả dạt dào.

Tâm Minh (chuyển ngữ)

Sydney Chen, age 10, is a 4th grade student at Hunters Woods Elementary School for the Arts and Sciences in Virginia. She is inspired to write by her grandfather, poet Nguyen Phu Long. Her "Ocean Moments" poem, which placed in the top ten of a U.S.-Canadian competition, will be published in a poetry book in 2013.

TÍNH MINH TRIẾT CỦA CA DAO, TỤC NGỮ

Trích trong "Ca Dao- Con Đường Văn Hóa Việt" của

Nguyễn Văn Nhiệm

Kho tàng ca dao, tục ngữ Việt Nam vô cùng phong phú, mà tinh hoa của nó vừa hiển hiện một cách đơn giản như những đóa hoa ở đồng nội, vừa ẩn giấu như những đóa hoa lan rừng, mà chỉ những ai có lòng say mê dấn thân xuyên qua khu rừng chi chít, chằng chịt mới sưu tầm được. Nhưng dầu là những đóa hoa đồng nội mộc mạc dễ thấy hay những đóa hoa lan rừng kiêu sa khó tìm, tất cả đều hàm chứa tinh hoa của chúng. Tinh hoa đó là tính minh triết trong ca dao, tục ngữ.

Trước hết, thử xét mấy đặc điểm của ca dao, tục ngữ Việt Nam: truyền khẩu, chủ quyền tác giả, văn thể, ngôn ngữ xem chúng có liên quan gì đến tính minh triết hay không?

Truyền khẩu

Truyền khẩu là phương thức độc đáo của văn chương, văn học bình dân, là thành phần quan trọng trong văn hóa Việt Nam. Phương thức này là do hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử: Nước Việt Nam đã bị đế quốc phong kiến phương Bắc nhiều lần xâm lăng, tổng cộng trên một ngàn năm. Cứ mỗi lần kéo quân sang xâm chiếm Nam bang, họ triệt hạ hết tất cả mọi cơ sở từ vật chất cho đến tinh thần tại địa phương, vơ vét đem về phương Bắc những báu vật, người tài giỏi, đàn bà con gái đẹp và sách vở sáng tác quý giá... Lịch sử cho biết công cuộc đấu tranh giành độc lập, tự chủ rất dai dẳng, cam go, cho nên người Việt chưa rảnh tay, chưa có điều kiện thuận lợi để tái tạo, phát huy chữ viết riêng vốn có của mình để làm phương tiện phục vụ nâng cao văn hóa. Mặt khác, với chính sách cai trị hà khắc nhằm nô lệ hóa, đồng hóa người dân bản xứ, đế quốc không bao giờ cho phép như vậy. Để bảo tồn văn hóa riêng đối kháng văn hóa nô dịch của đế quốc, người Việt không còn cách nào khác hơn là tạm thời sử dụng phương thức truyền khẩu. Đó là phương tiện vô hình, phi vật chất để sinh hoạt văn hóa trong dân gian, mà kẻ xâm lược không biết đâu để tiêu diệt.

Muốn cho sự truyền đạt tình cảm, tư tưởng từ miệng người này sang người kia được dễ dàng thì về hình thức, lời văn, câu nói truyền khẩu phải ngắn gọn, dễ nhớ. Sự kiện không còn chữ viết là một thiệt thòi lớn cho nền văn học nước nhà thời đó, vì người Việt không có phương tiện ghi chép để tiện việc khai triển tư tưởng một cách sâu rộng theo như điều kiện tích lũy của qui luật lượng- phẩm. Đó là trở ngại mà đế quốc muốn tạo ra để đè bẹp ý chí quật khởi, chận đứng tinh thần độc lập, tự chủ của người dân bị trị để dễ bề đồng hóa. Giới Nho học chạy theo văn hóa nô dịch của đế quốc, chuộng từ chương, đa văn, mà người đời thường gọi là hủ Nho, coi thường văn học bình dân và cho rằng: " *Nôm na là cha mách quê* ".

Ngay trong lãnh vực văn học thành văn, mà cũng có câu nói: *Tam sao thất bổn*, cho nên trong truyền khẩu, nếu có những mẫu câu, mà một vài chữ biến đổi thì không có chi là lạ cả. Ví dụ như với mẫu câu ca dao giới thiệu ở phần *Tiếng ca dao trong đêm* :

" *Đêm nằm nghe vạc trở canh,*
Nghe sư gõ mõ, nghe anh vỗ nàng. "

thì tùy theo địa phương, còn có những câu tương tự như sau:

"*Đêm nằm nghe vạc trở canh,*
Nỉ non tiếng dế như anh dỗ nàng."
"*Đêm nằm nghe vạc trở canh*
Nghe chim vỗ sáo, nghe anh vỗ nàng."
"*Đêm nằm nghe vạc cầm canh,*
Nghe chuông gióng sáng, nghe anh dỗ nàng."
"*Đêm nằm nghe vạc kêu canh*
Nghe chuông động cánh, nghe anh dỗ nàng."

Vạc trở canh, cầm canh, kêu canh đều ổn cả, tuy nhiên chữ *trở canh* gợi lên tâm trạng *trăn trở* của những con người thao thức do cưu mang một tâm sự nào đó.

Những chữ *vỗ nàng* và *dỗ nàng* có ý nghĩa khác nhau: Chữ *vỗ* đi với *vỗ về*, vỗ nhè nhẹ vào người, tỏ tình âu yếm để tạo cảm giác êm dịu hay làm yên lòng, làm dịu đi những nỗi phiền muộn, bất bình bằng lời lẽ dịu dàng đầy thông cảm. Còn chữ *dỗ* thì thường đi với *dỗ dành*, nói tổng quát là thuyết phục, làm xiêu lòng đối tượng. So sánh hai chữ trên, thì chữ *vỗ* có ý nghĩa của *triết lý quân bình*, có khả năng đem lại sự bình yên trong tâm hồn bằng sự thông cảm chân thực giữa người với người, cho nên trong thời phong kiến, các vị minh quân thường quan tâm đến việc *vỗ yên trăm họ* trong quốc sách nhân trị, thân dân. Ngược lại, các hôn quân, bạo chúa cũng như các chế độ độc tài chuyên chế thì hay dùng thủ đoạn *dỗ dành,* mà dỗ dành không được lại quay sang *trấn áp* bằng bạo lực cũng nhằm *yên dân* , nhưng là thứ *yên* giả tạo, mà trong thực tế lòng dân sôi sục bao nỗi bất bình, cho đến một giới hạn nào đó sẽ bùng nổ để lấy lại thế quân bình đã mất.

Những mệnh đề như: *Nỉ non tiếng dế* , *nghe chim vỗ sáo* , *nghe chuông gióng sáng* , *nghe chuông động cánh* , *nghe sư gõ mõ* đều là những hình ảnh sinh hoạt qua *tiếng đêm.* Hai mệnh đề trước thuộc về thiên nhiên, ba mệnh đề sau thuộc về tôn giáo là âm thanh của Thiền, tất cả đều sâu sắc, mà theo thiển ý của chúng tôi, thì hình ảnh *sư gõ mõ* như ở *Tiếng ca dao trong đêm* là đắc ý hơn hết. Hình ảnh *chàng vỗ nàng* mà đi với hình ảnh *sư gõ mõ* mới nghe thoáng qua tưởng như có ý khôi hài, nhưng nghĩ cho cùng thì lại hết sức thâm thúy. Chàng vỗ nàng đến mức chí thành chẳng khác nào như sư gõ mõ công phu, mà thường là trì tụng kinh Thủ Lăng Nghiêm với tất cả lòng thành kính, tập trung cao độ. Cái khó của kinh Lăng Nghiêm đã đi vào ca dao qua những câu như:

" *Đi lính thì sợ qua ải,*
Làm sãi thì sợ kinh Lăng Nghiêm "

" *Làm lính qua đèo sợ ải,*
Làm sãi ở chùa thì sợ Lăng Nghiêm "

Dù khó khăn đến mấy, hễ ai quyết chí tu hành, từ tu sĩ cho đến cư sĩ đều cũng vượt qua và ngay cả trong đời sống gia đình thông thường cũng không bỏ qua việc công phu đêm hay khuya:

" *Mẹ già bất khả viễn du,*
Anh đi chơi cho mấy,
tối công phu anh cũng phải về "

Chàng vỗ nàng như vậy thật là hết ý! Mà đó chỉ mới là một trong những cư xử thông thường trong đời sống vợ chồng, những sinh hoạt khác cũng đều có ý nghĩa triết lý nhân sinh như vậy, vì quan hệ vợ chồng trong truyền thống văn hóa Việt Nam được quan niệm là Đạo:

"*Quân tử chi đạo tạo đoan hồ phu phụ, cập kỳ chí giã sát hồ thiên địa*"(TD 12):
Đạo quân tử khởi đầu từ việc thông thường vợ chồng, mà dẫn đến cùng cực thì quán thông cả trời đất.

Đạo vợ chồng là biểu hiện cụ thể hơn hết cái triết lý nhân sinh của Đạo khởi đầu từ hai nguyên lý cơ bản âm và dương, sinh sinh hóa hóa ra mãi, theo Đạo ấy mà đi là thiện, thành được Đạo ấy là tính:" *Nhất âm nhất dương chi vị đạo, kế chi giả thiện giã, thành chi giả tính giã* " (Hệ Từ Thượng)

Đạt tính là đã đạt được cứu cánh của Đạo, tức là hợp nhất được hai mối âm dương, là chỗ phát sinh ánh sáng minh triết. Trong đời sống thấm nhuần đạo lý, mọi hành vi đều phải chí thành, cho nên không thể lẫn lộn giữa hai cách thái *vỗ về* và *dỗ dành* . Nhắc lại lời nhân xét của ông Paul Mus về người Việt Nam thời xưa như sau : " *il n'agit pas , il offîcie* " (Cơ cấu Việt Nho , Ch. XVII, Kim Định) : người không làm, người tế tự, nghĩa là người làm việc gì cũng chí thành. Đó là đặc điểm của con người sống trong khu vực văn hóa có minh triết. Nhưng tiếc thay! Ngày nay cách thái *dỗ dành* xem ra chiếm ưu thế, nhưng lại còn tệ hại hơn, nếu dỗ dành không được lại dùng bạo lực trấn áp, đẩy con người vào tình cảnh vong thân.

Tác giả

Ca dao, tục ngữ là kho tàng văn hóa chung của dân tộc đã vượt qua phạm vi cá nhân, hòa nhập vào đại thể là dân gian. Nói chung, trong nền văn học bình dân, không ai yêu sách tác quyền cá nhân cả. Đây là đặc tính khó tìm thấy ở các lãnh vực khác, là môi trường rất thuận lợi để tập quên dần những cái danh thuộc tiểu ngã để hướng về đại ngã, là hướng đi của Đạo. Chỉ riêng đặc điểm này cũng đã nói lên tính cao quý của ca dao, tục ngữ trong kho tàng văn hóa dân tộc, khác hẳn với nhận định thiếu bề sâu của những hủ Nho chuộng danh vị.

Theo " *Việt Sử Tân Biên* " của Phạm Văn Sơn (Quyển I)thì khi Trần Thủ Độ đạo diễn cho Lý Chiêu Hoàng lấy Trần Cảnh, rồi ép nhường ngôi cho chồng. Các quan trong triều đều công phẫn, nhưng vì thế lực họ Trần quá mạnh nên đành thúc thủ. Quần chúng lưu luyến tiền triều có lưu lại lời ca dao như sau:
" *Trống kia ai đánh thùng thùng*
Của chung ai khéo vẫy vùng nên riêng."

Khi ép Chiêu Hoàng nhường ngôi, Trần Thủ Độ có thảo ra lời chiếu: "*...Trẫm là bậc nữ chúa, tài đức đều kém, giúp rập không người, giặc giã nổi lên như ong, sao có thể nắm giữ thần khí là vật rất trọng yếu?...Trần Cảnh văn chất đầy đủ, rõ ra đáng bậc hiền nhân, quân tử, uy nghi lẫm liệt, có đủ vẻ thánh thần văn võ... Nghĩ rằng hôm sớm đã lâu, thử thách đã kỹ, nên chi nhường ngôi lớn để yên lòng trời, để xứng đáng lòng Trẫm, hầu chung lòng góp sức tôn phù tộ vận nước để hưởng phúc thái bình*
Nay bá cáo cho thiên hạ ai nấy đều nghe biết."

Đó là ý của câu " *Trống kia ai đánh thùng thùng* ". Gióng trống lên là để bá cáo, mà thuật ngữ ngày nay gọi là tuyên truyền. Bá cáo hay tuyên truyền tự chúng không tốt hay xấu, mà điều quan trọng là ở nội dung, bản chất của chúng có trung thực hay lừa dối.

Câu sau của ca dao lục bát trên đây nói lên sự liên hệ của hai phạm trù *chung*, *riêng* , mà tùy theo quan điểm có khác nhau. Ngày nay, đọc lại lịch sử ai cũng nhận thấy sự thay đổi triều đại Lý sang Trần là rất cần thiết, chấm dứt kịp thời tình trạng suy yếu thời Chiêu Hoàng, tạo sinh khí mới cho nước Đại Việt độc lập, phú cường. Sự thành công rực rỡ của nhà Trần trong thực tế đã có tác dụng đối với quần chúng về những khuynh hướng đối đãi nhau như bảo thủ và cấp tiến, cái chung và cái riêng... không còn cố chấp kiểu nhị nguyên,

chọn mặt này, bỏ mặt kia. Đó là kiểu duy lý ở mặt nổi bên ngoài, thiếu chiều sâu nơi thâm tâm, cho nên khi không thành thật thì là lừa dối. Có kẻ nhân danh dòng tộc để *rước voi dày mả tổ* , *cõng rắn cắn gà nhà* , lại có kẻ lạm dụng *của chung* làm *của riêng*. Nếu đem so sánh hạng người này với những thi sĩ bình dân về tư cách thì quả thật một trời một vực. Thi sĩ bình dân là tác giả của những vần ca dao hay đẹp mà không bao giờ khư khư giữ tác quyền, tự nguyện hiến dâng những bông hoa, tô điểm cho khu vườn văn hóa dân tộc ngày thêm hưng khởi sắc hương với tinh thần" *vô kỷ, vô công, vô danh*". Thật là cao quý biết bao!

Thể văn

Nói chung, tục ngữ là những câu nói có vần gọn ghẽ, dễ nghe, dễ nhớ thường thiên về lý trí, phát biểu những nguyên lý, những qui luật tự nhiên, luân lý, đạo đức... Ca dao là những bài hát có âm điệu trầm bổng do kết cấu bằng các thể thơ lục bát, song thất lục bát, nói lối, có khi là tổng hợp các thể nói trên. Ngoài ra ca dao lại có chương khúc nhịp nhàng nhờ kết hợp với các thể đặc biệt như thể phú, thể tỉ, thể hứng độc đáo, cho nên ca dao là nơi biểu lộ tình cảm dạt dào và tư tưởng sâu sắc của người bình dân.

Thể văn là hình thức, nhưng cái đặc sắc của ca dao là ở chỗ hình thức cũng có liên hệ với nội dung, cho nên rất có ý nghĩa.

Thể phú: như hình thứctả chân:

"*Đường vô xứ Nghệ quanh quanh,*
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ "

Thể tỉ: nói đến vật khác để so sánh:

"*Bầu ơi thương lấy bí cùng,*
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn "

Thể hứng: tả một vật để khai mào rồi tiếp theo mới nói ý mình:

"*Chuồn chuồn đậu ngọn mía mưng,*
Em đà có chồng, anh đừng vãng lai "

Thể tổng hợp: gồm nhiều thể hợp lại:

"*Trèo lên cây bưởi hái hoa,* (Phú)
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc, (Hứng)
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay,
Ba đồng một mớ trầu cay,
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không.
Bây giờ em đã có chồng, (Tỉ)
Như chim vào lồng, như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thuở nào ra."

Thể phú thì tả chân một hình ảnh khởi đầu, thể tỉ thì dùng một hình ảnh để so sánh, thể hứng thì khai mào từ một hình ảnh. Tuy có phân biệt như vậy, mà thực ra cả ba thể quyện lấy nhau, tăng cường cho cảm xúc, ý tưởng chính của bài ca dao. Có hai loại liên hệ giữa các hình thức dẫn khởi và cao điểm của bài ca dao: loại có ý nghĩa liên hệ rõ ràng và loại xem ra như bâng quơ, vô nghĩa.

Loại liên hệ có ý nghĩa

Đó là loại liên hệ thuộc bình diện ý thức, nằm trong vòng liên hệ nhân quả hay liên hệ căn do, mà người ta có thể giải thích được bằng cách này hay cách khác, gần hay xa. Sau đây là một số ví dụ:

Hình ảnh quả cau

"*Quả cau nho nhỏ,*
Cái vỏ vân vân
Nay anh học gần,
Mai anh học xa,
Anh lấy em từ thuở mười ba,
Đến năm mười tám thiếp đà năm con.
Ra đường thiếp hãy còn son,
Về nhà thiếp đã năm con cùng chàng."

Khai mào bằng hình ảnh quả cau nho nhỏ dễ thương, lại có ý nghĩa, vì trầu cau là một trong lễ vật cưới hỏi, đặc trưng của phong tục tập quán Việt Nam:

"*Giúp em quan tám tiền cheo,*
Quan năm tiền cưới, lại đèo buồng cau."

Trầu cau là sản vật rất phổ thông trong xã hội xưa của Việt Nam, là hình ảnh rất có ý nghĩa của Đạo vợ chồng, tình yêu lứa đôi:
"*Vào vườn hái quả cau xanh,*
Bổ ra làm sáu mời anh xơi trầu.
Trầu này têm những vôi tàu,
Giữa đệm cát cánh, hai đầu quế cay.
Trầu này ăn thật là say,
Dù mặn dù nhạt dù cay dù nồng.
Dù chăng nên đạo vợ chồng,
Xơi năm ba miếng kẻo lòng nhớ thương."

Hình ảnh nắng mưa
"*Nắng mưa là bệnh của trời,*
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng."
hay:
"*Nắng mưa là chuyện của trời,*
Tương tư là chuyện của tôi yêu nàng."

Chuyện nắng mưa của thế giới tự nhiên và chuyên tương tư, chuyện tình yêu trai gái ở phạm vi nhân sinh cũng đều là biểu hiện cùng một nguyên lý âm dương của Đạo mà ra, cho nên lấy chuyện nắng mưa để dẫn vào chuyện tương tư của tình yêu thì còn gì bằng.

Hình ảnh sông Tương

"*Sông Tương ai gọi rằng sâu,*
Chẳng bằng phân nửa mạch sầu của ta.
Sông tuy sâu hãy còn có đáy,
Bịnh tương tư không bãi không bờ
Đầu sông chàng đợi chàng chờ,
Nào hay thiếp đợi những hờ cuối sông."

Lấy hình ảnh sông Tương để so sánh với tình cảnh của những người lâm bịnh tương tư theo tình sử đã trở thành điển tích: "*Quân tại Tương giang đầu, thiếp tại Tương giang vĩ, tương tư bất tương kiến, đồng ẩm Tương giang thủy* ": Chàng ở đầu sông Tương, thiếp ở cuối sông Tương, nhớ nhau không thấy mặt nhau, cùng uống nước sông Tương.

Hình ảnh mây với màu sắc trên bầu trời
"*Trên trời có đám mây xanh,*
Ở giữa mây trắng, chung quanh mây vàng.
Ước gì anh lấy được nàng,
Thời anh mua gạch Bát Tràng về xây.
Xây dọc rồi lại xây ngang,
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.
Có rửa thì rửa chân tay,
Đừng rửa mặt mày chết cá ao anh."

Hệ Từ Truyện có nói: " *Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình, biến hóa hiện hỹ*": nghĩa là ở trên trời là tượng, ở dưới đất là hình thể, biến hóa mà ra vậy. Biến hóa từ cái bản thể cơ bản duy nhất, phổ biến qua tượng chưa có chủ đề rõ rệt, rồi biểu hiện ra vạn vật có thiên hình vạn trạng ở trần gian. Như vậy tượng là môi giới trung gian giữa thế giới hữu hình (địa) và thế giới siêu hình (thiên). Ở đây, người con trai có ước mơ, muốn mô phỏng theo hình ảnh từ trên trời, bức tranh thiên nhiên với những đám mây màu sắc xanh, trắng, vàng ... là biểu tượng cho cái đẹp (mỹ) để xây ở trần gian nầy một cái hồ bán nguyệt cũng đẹp như thế để phục vụ cho nàng với vẻ đẹp như thế nào đến nỗi chàng phải căn dặn:
" Có rửa thì rửa chân tay,
Đừng rửa mặt mày chết cá ao anh"

Khai mào bằng cách chơi chữ

"*Ngó lên chữ ứ,*
Ngó xuống chữ ư,
Anh thương em thủng thẳng em ừ,
Anh đừng thương vội phụ mẫu từ không hay."

Thi sĩ dân gian đã sử dụng tài tình cách biến âm phong phú trong ngôn ngữ Việt Nam từ *ứ* qua *ư* cho đế *ừ*, nhất là *ứ* và *ư* là âm khe khẻ, rất dễ thương phát ra từ người con gái đang tràn ngập rung cảm. Đến chữ *ừ* là biểu

lộ sự ưng thuận, đồng tình trong sự hòa hợp gái trai, dẫn đến Đạo vợ chồng, mà nói đến tận cùng căn nguyên là sự hòa hợp của nguyên lý âm dương, tức là Đạo vậy. Giọng điệu vừa dí dỏm, vừa nghiêm trang, lại chứa chan tâm tình của cô gái quê tuy mộc mạc mà rất minh triết.

Trong bài ca dao:

"*Con cá đối nằm trên cối đá,*
Con chim đa đa đậu nhánh đa đa,
Chồng gần không lấy, lại lấy chồng xa.
Mai sau cha yếu mẹ già,
Chén cơm đôi đũa kỷ trà ai dưng."

Câu *Con cá đối nằm trên cối đá* vừa là cách chơi chữ lối nói lái, vừa chỉ nghịch cảnh, để đối với câu *Con chim đa đa đậu nhánh đa đa* là thuận duyên . Đem hai trường hợp nghịch cảnh và thuận duyên để đưa vào sự cân nhắc, quyết định hệ trọng là việc lấy chồng gần hay xa.

Từ thế giới tự nhiên của loài vật sống theo bản năng dẫn vào xã hội loài người có văn hóa, luân lý, đạo đức

"*Ngó lên trời thấy cặp cu đương đá.*
Ngó xuống biển thấy cặp cá đương đua.
Đi về lập miễu thờ vua.
Lập trang thờ mẹ, lập chùa thờ cha.
Ơn cha nặng lắm cha ơi,
Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang."

Hình ảnh sống động với cảm xúc mạnh của những chàng trai sống nghề sông biển

"*Đèn treo cột đáy,*
Nước chảy cột đèn rung.
Anh thương em thảm thiết vô cùng.
Biết cha với mẹ có bằng lòng hay chăng?

Đáy là loại lưới đánh bắt cá có hình ống to và dài, miệng lưới có dây giữ chặt vào hai cột đáy bằng cây (gỗ) rất lớn, chắc. Từ hai cột đáy, có hai hàng rạo, là hai hàng cây cắm giữa dòng nước để hướng dẫn, lùa đàn cá vào đáy. Người ta thường đóng đáy ở cửa sông lớn, cho nên nước chảy rất mạnh, hàng rạo và cả cột đáy dù có vững chắc như thế nào cũng phải bị rung. Cái động (rung) của sông biển, tức từ thế giới hiện tượng chuyển qua da thịt, tức sinh lý, rồi chuyển hóa qua lãnh vực tâm lý làm cho chàng trai cảm thấy bất an (mất quân bình), cho nên phân vân, không biết cha mẹ có bằng lòng hay không, mặc dầu mình yêu nàng *thảm thiết vô cùng*, thảm thiết cũng như tình cảnh của những cây rạo lung lay, cây đèn treo ở cột đáy rung rinh do dòng nước ở cửa sông chảy xiết. Tuy nói *thảm thiết vô cùng* như thế, mà thực ra hàm ẩn tính dí dỏm bên trong, chứ thực ra quan niệm nhân sinh truyền thống của người bình dân chưa bao giờ mang màu sắc bi đát.

Hình ảnh cây hóa kiểng, cá hóa long

"*Cây trên rừng hóa kiểng,*
Cá dưới biển hóa long,
Con cá lòng tong ẩn bóng ăn rong.
Anh đi Lục Tỉnh giáp vòng
Đến đây trời khiến đem lòng thương em."

Cây hóa kiểng, cá hóa long biểu thị qui luật lượng phẩm, là công phu tu tập, rèn luyện tâm thân, ở đây là công trình theo đuổi, tìm chọn người thương, hễ chưa đủ liều lượng thì chưa chuyển thành phẩm, còn khi hội đủ cơ duyên thì tự nhiên đưa đẩy gặp nhau rồi đem lòng thương yêu.

Loại liên hệ khó giải thích

Đó là liên hệ đồng bộ không nhân quả, nó ngấm ngầm trong cõi vô thức hay tiềm thức nơi thâm tâm, mà ý thức không biết được. Pascal đã nói: "*Le coeur a ses raisons que la raison ne connait pas*": Con tim có những lý lẽ của nó mà lý trí không thể nào biết được. Con tim nó rung động, không rung động theo lý này, lẽ nọ, mà nó sẽ đồng bộ với những cái

đồng điệu. Xin đừng có hỏi cái đó là cái gì, tại sao?

"*Con chim manh manh, nhảy quanh bụi ớt,*
rớt xuống bụi riềng.
Thương sao thấy mặt thương liền,
Cũng như Ông Tơ, Bà Nguyệt nối duyên mình thuở xưa."

"*Con quạ đen, con cò trắng,*
Con ếch ngắn, con rắn dài,
Em trông anh, trông mãi, trông hoài,
Trông cho thấy mặt, thấy mày mới yên."

Con chim manh manh, bụi ớt, bụi riềng, con quạ đen, con cò trắng, con ếch ngắn, con rắn dài... tất cả những đối tượng quen thuộc, thân mến ở đồng nội đã lắng sâu vào tiềm thức của người bình dân, cho nên chúng luôn luôn gắn liền với cảm xúc của con người trong một tương quan đồng bộ không nhân quả. Rồi từ tương quan đó, ý thức như đã nhận được tín hiệu từ cõi vô thức qua tiếng nói của thiên nhiên:

"*Con ếch ngồi dựa gốc bưng,*
Nó kêu cái quyệt biểu ưng cho rồi."

Bây giờ thử liên hệ với *Thiền học nghệ thuật* ở thời *Tam giáo đồng nguyên* : Thiền học không những cống hiến những phương pháp giác ngộ giải thoát, mà còn để lại một nền văn học nghệ thuật Thiền quý báu với những vấn đáp đượm mùi Thiền thâm trầm, sâu sắc . Nguồn cảm hứng của văn thơ Thiền là đạo lý uyên nguyên hòa hợp với vẻ đẹp của thiên nhiên, cho nên văn thơ, các bài kệ, các câu vấn đáp Thiền của các vị Thiền sư là nhằm thức tỉnh tâm Bát Nhã, ý thức trực giác cho đệ tử, và vì thốt ra từ tâm giác ngộ, nên có ý nghĩa nghệ thuật thâm trầm.

Thiền sư Chân Không (1046- 1100):

Thiền Uyển Tập Anh có ghi:" Một lần có vị Tăng hỏi:" *Thế nào là Đạo mầu*?" Sư đáp:" *Giác ngộ rồi mới biết*."...

Lại hỏi:" *Tuy không giải đích xác nơi nơi đều gặp y. Cái nào là y*?"

Sư đáp:" *Lửa kiếp lẩy lừng thiêu rụi hết*
Núi xanh như cũ trắng mây bay."

Lại hỏi:" Sắc thân tan rã thì sao?"

Sư đáp:" *Xuân đến xuân đi nghi xuân hết*
Hoa rơi hoa nở chỉ là xuân."

Tăng ngẫm nghĩ, Sư quát:
" *Đồng bằng sau cơn lửa,*
Cây cối mỗi tươi thêm."
Tăng vái lạy."

Trọng tâm của cuộc vấn đáp trên đây chỉ xoay quanh ý nghĩa Đạo mầu. Đó là thực tại tuyệt đối, bản tính phổ biến đại đồng, Chân Như bất biến, mà từ đó biểu hiện ra thế giới hiện tượng biến dịch có thiên hình vạn trạng, cho nên nói rằng *nơi nơi đều gặp y*. Đừng thấy xuân đến, xuân đi rồi nghi xuân hết, mà phải hiểu rằng đó chỉ là lẽ biến dịch tuần hoàn của thế giới tự nhiên. Đồng bằng sau cơn lửa tuy có bị cháy rụi, nhưng chưa phải là bị hủy diệt hoàn toàn, mà trái lại sau đó cây cối thêm tốt tươi. Đó là vì ở đàng sau thế giới hiện tượng biến dịch còn có thực tại tuyệt đối thường còn làm nền tảng, chứ không phải là hoàn toàn hư vô.

Vấn đáp Thiền có khi hiểu ngay, cũng có khi rất khó hiểu, ngay các vị Tăng đã quen tu học mà vẫn còn thắc mắc, ví dụ theo vấn đáp sau đây được Thiền Uyển Tập Anh ghi ở Thiền sư Viên Chiếu (999-1090):

"Có Tăng hỏi:" *Phật với Thánh nghĩa ấy thế nào*?"

Sư đáp:" *Cúc trùng dương dưới dậu,*
Oanh thục khí đầu cành"

Lại hỏi:" *Cảm ơn, nhưng người học này không hiểu, xin thầy dạy lại*."...

Ở đoạn khác, Tăng lại hỏi:" Kiến tánh thành Phật nghĩa ấy thế nào?"

NỤ XUÂN CHƯA NỞ

Em ngồi hong tóc đón xuân
Long lanh ướt giọt ái ân đêm ngà
Đôi chim oanh hót. Ngoài xa.
Gót hồng em nhẹ.. vòng qua tháng ngày..

Sao đành hờ hững hương bay
Nụ xuân chưa nở, mắt nai đã chờ
Ngậm ngùi se thắt duyên tơ
Người xa xôi tặng... bài thơ u buồn..

Em ơi, kiếp sống vô thường
Bình minh sương tạnh, hừng dương chói lòa
Đường về cõi tịnh đầy hoa
Đạo tràng khai lối... nở ra sen hồng

Từ hôm vào cõi thinh không
Nghe trong ánh mắt, tiếng lòng độ tha…

BÙI THANH TIÊN
Đón Xuân Quý Tỵ, 2013

Sư đáp:
"*Xuân đến cây khô hoa đua nở,*
Gió đưa ngàn dặm nức hương thần."
Tăng thưa: "*Học nhân không hiểu, xin thầy dạy lại*."
Sư đáp:
" *Muôn năm cây cà ấy,*
Xanh ngắt tận chân mây."

Thấy được bản tính đại đồng, tức thể nhập Phật tính thì thành Phật. Khi đắc Đạo cũng giống như cây khô gặp mùa xuân thì muôn hoa đua nở tỏa ngát hương thơm. Phật tính cũng ví như cây cà rất *bình thường*, nhưng lại chứa bên trong cái *bản tính phổ biến*, cho nên Đức Phật đã nói: *" Tất cả mọi chúng sinh đều có Phật tính"*. Chính vì vậy mà có những bông hoa minh triết *nức hương thần* nở ra ngay giữa đồng nội, trong khi nơi vườn ngự uyển chưa chắc gì đã tìm thấy.

Liên hệ ca dao với Thiền học nghệ thuật cho thấy mối quán thông của văn hóa Việt Nam, mặc dầu ở những trình độ và lãnh vực khác nhau (ca dao: nhân sinh, Thiền: giác ngộ, giải thoát), nhưng đều có hạt giống minh triết. Hạt giống đó chính là tính Việt. *Con đường văn hóa Việt* đặc trưng ở chỗ kết hợp hài hòa mọi cơ năng *ý, tình, chí* để xuyên suốt qua các đợt ý thức, vô thức, tiềm thức và cả siêu thức, chứ không bị ngưng trệ nơi ý hệ.

Ngôn ngữ

Nếu ở thể văn trong ca dao có các thể phú, thể tỉ, thể hứng hỗ trợ, làm cho ý tưởng không cứng nhắc, tình cảm không cô đơn, sự vật không trở thành độc khối trong thế cô lập, mà tất cả đều có liên hệ sống động hữu cơ, thì trong ngôn ngữ cũng tương tự như thế nhờ hình thức những chữ kép. Ngôn ngữ là cách thái biểu lộ tự nhiên cái tính của dân tộc và ngôn từ kép khi nói ra là đã diễn dịch cái nguyên lý *lưỡng hợp* của Việt lý đã ẩn sâu từ trong thâm tâm, trong tiềm thức từ bao đời rồi qua huyền sử *Con cháu Tiên-Rồng* (nguyên lý âm dương)hẹn hò gặp nhau nơi *Tương Dã* (lưỡng hợp).

Việt lý là triết lý nhân sinh thái hòa, mà cứu cánh là đạt tính, cho nên về ngôn ngữ,

những chữ tính từ kép rất có ý nghĩa. Chúng làm cho tiếng Việt uyển chuyển, khi thì dịu dàng, thanh thoảng, lúc thì mãnh liệt, hùng tráng do tương quan của chữ kép. Sau đây là một số thí dụ:

"*Gió đưa cành trúc la đà,*
Tiếng chuông Thiên Mụ (Trấn Võ) canh gà Thọ Xương"

"*Anh thấy em nho nhỏ, lại có dung nhan,*
Chân mày em loan, con mắt em phượng.
Anh đi nội Lục Tỉnh này mà ưng bụng chỉ có mình em."

"*Anh đi đường ấy xa xa,*
Để em ôm bóng trăng tà năm canh."

"*Anh đã có vợ con hay chưa?*
Mà anh ăn nói đẩy đưa, ngọt ngào."

"*Gió lao xao tàu cau ngã liệt,*
Nghe em lấy chồng, anh rũ riệt tay chân."

"*Trời mưa bong bóng phập phồng,*
Mẹ đi lấy chồng con ở với ai?"

"*Em ngồi cửa sổ ngó ra,*
Thấy anh gánh nước xót xa trong lòng."

"*Con tằm bối rối vì tơ,*
Anh say sưa vì rượu, em ngẩn ngơ vì tình."

"*Cầu tre lắt lẻo, anh thắt thẻo ruột gan*
Sợ em đi chửa quen đàng
Rủi em có mệnh hệ, lỡ làng duyên anh."

"*Cơm sôi, lửa cháy, gạo nhảy tưng bừng,*
Anh thương em như lửa nọ cháy phừng phừng"

"*Thuyền về có nhớ bến chăng?*
Bến thì một dạ khăng khăng nhớ thuyền."

"*Nhớ ai em những khóc thầm,*
Hai hàng nước mắt đầm đầm như mưa.
Nhớ ai ngơ ngẩn, ngẩn ngơ,
Nhớ ai, ai nhớ bây giờ nhớ ai!
Nhớ ai bồi hồi, bồi hồi,
Như đứng đống lửa, như ngồi đống rơm."

"*Phụ mẫu đánh anh quặt quà, quặt quại*
Đem treo anh tại nhánh bần
Rủi đứt dây mà rớt xuống
Anh cũng lần mò kiếm em."

Bên cạnh các tính từ, hình dung từ, trạng từ còn có những động từ kép thể hiện tính sinh động trong triết lý nhân sinh như chữ *lần mò* trong bài ca dao trên cũng như chữ *bồng bồng, bồng bế* , *thương thương, nhớ nhớ* trong những bài sau đây:

"*Bồng bồng mẹ bế con sang,*
Đò dọc quan cấm, đò ngang không chèo.
Muốn sang thì bắt cầu kiều,
Muốn con hay chữ, thì yêu kính thầy!"

"*Thương thương, nhớ nhớ, thương thương*
Nước kia muốn chảy mà mương không đào."

Những chữ như *thương thương, nhớ nhớ* khiến ta liên tưởng đến chữ *sinh sinh* trong câu:" *sinh sinh chi vị Dịch*" sinh rồi lại sinh nữa, cũng như thương rồi lại thương nữa, nhớ rồi lại nhớ nữa hết quá trình này lại đến quá trình khác trong cuộc nhân sinh bất tận.

Danh từ kép cũng có ý nghĩa đặc biệt như trong những bài ca dao sau đây:

"*Ai đi đường ấy xa xa*
Để em ôm bóng trăng tà năm canh
Nước non một gánh chung tình

Nhớ ai, ai có nhớ mình hay chăng?"

"*Mênh mông biển lúa xanh rờn,*
Tháp cao sừng sững trăng vờn bóng cau.
Một vùng phong cảnh trước sau,
Bức tranh thiên cổ đượm màu giang sơn.

"*Chiếu Cà Mau nhuộm màu tươi thắm*
Công tôi cực lắm mưa nắng dãi dầu."

Những danh từ kép như *nước non, giang sơn, mưa nắng...* biểu thị nguyên lý âm dương lưỡng hợp rất phổ biến trong ca dao và trong văn học, nghệ thuật Việt Nam nói chung.

Trên đây là vài nét sơ khởi về tính minh triết của ca dao qua nội dung cũng như hình thức. Tính này sẽ còn được tìm thấy ở các chương sau qua các lãnh vực khác nhau, vừa phong phú, vừa lý thú.

Nguyễn Văn Nhiệm
(Germany)

Vài Cảm Nghĩ Về Thơ

Phạm Trọng Lệ

(Bài nói chuyện trước Hội người Việt cao niên vùng Washington, D.C.)

Kính thưa cụ Hội Trưởng và ban Chấp Hành Hội người Việt Cao Niên, quí vị niên trưởng và các ông bà hội viên,

Tôi xin cảm tạ quí ngài đã có nhã ý cho phép chúng tôi được trình bầy vài cảm nghĩ về thơ trước một cử toạ chọn lọc và uyên bác. Xin thưa trước là chúng tôi chỉ nói với cương vị một người yêu thơ, yêu ngôn ngữ trong ngành dạy tiếng Anh và xin trình bầy những khía cạnh về thơ, những khó khăn khi hiểu thơ--một thú giải trí tao nhã, nâng cao óc thẩm mỹ và rèn thêm sắc bén những tình cảm vốn có sẵn trong mỗi người—nhưng vì công việc của đời sống vật chất thực tế và máy móc khiến ta phải tạm hoãn. Nhưng ai cũng có lòng yêu thiên nhiên, hoa cỏ, ý tưởng hay lạ, cảnh đẹp quê hương, hoàn cảnh oan trái và kinh nghiệm của con người tả trong những bài thơ hay.

Đọc thơ thích hợp với mọi lứa tuổi, cả những em thiếu nhi, vì các em ít ngượng, và ưa sáng tạo, nhưng đặc biệt thích hợp với các vị cao niên vì quí vị giầu kinh nghiệm nên chiêm nghiệm và thông hiểu thơ dễ hơn, và có dư thì giờ hơn.

I. Tại sao tôi thích đọc thơ?

Lý do cá nhân. Khi còn là sinh viên Đại Học Sư Phạm Sài Gòn, chúng tôi có học các môn như văn chương và văn minh Anh Mỹ, ngôn ngữ học ứng dụng, phonetics (ngữ âm học) và phonemics (ngữ vị học), về cách phát âm, cách dùng từ ngữ, ngữ nghĩa học (semantics) và các phương pháp phê bình văn chương. Cho nên áp dụng vào thơ thì thấy dễ hiểu hơn. Trước hết xin kể hầu quí vị một kỷ niệm vui, tuy rằng có tính cách cá nhân và tâm sự.

Có một lần có người nữ sinh viên trường Đại học Văn Khoa-- nơi tôi sang học thêm chứng chỉ cử nhân giáo khoa Anh văn-- mà tôi đem lòng thương mến, một hôm giận tôi, vùng vằng bỏ đi. Nhìn tà áo nàng bước đi, tôi chợt nhớ lại vài câu thơ mà tôi thuộc nhưng không rõ ai làm. Và tôi năn nỉ:

Em hãy đi đi và đừng bao giờ quay lại
Nhìn lối buồn trải sỏi
Để khỏi thấy ta gạt thầm-- rất vội
Những giọt nước mắt tình yêu.

Người con gái đó, không bỏ đi, và sau này trở thành mẹ của những đứa con tôi. Trong những năm đầu chung sống, tới bữa ăn, tôi "làm cao" thường chê những món này món nọ. Khi nàng thổi cơm có lần "trên sống dưới khê, tứ bề nát bét" tôi chê đã đành, nhưng khi nàng dùng nồi cơn điện National của Nhật, đo đúng lượng gạo và nước, cơm dẻo, tôi cũng chê. Vì khéo quá không có chỗ nào cho tôi chê, thì tôi chê. Và người đàn bà đó, một hôm (chắc bực mình), bèn đọc như thế này:

Anh hãy ăn đi và đừng bao giờ chê bậy!
Đừng ỉ-ôi ngúng nguẩy,
Kẻo có ngày bị gậy,
Cơm nguội chẳng có mà ăn.

Những câu trên chẳng thể gọi là thơ, nhưng từ đó, tôi trở thành một người chồng nể vợ, và để ý đến khía cạnh cảm hoá tính tình con người của văn vần. Và tôi thích thơ hơn.

2. Lý do nghề nghiệp:

Năm 1963, mới tốt nghiệp trường Đại Học Sư Phạm, tôi được cử đi dạy Anh văn tại trường trung học Trịnh Hoài Đức, gần Búng, Bình Dương. Trong những lớp phải phụ trách, có một lớp Anh Ngữ đệ nhất đầu tiên của trường, cho cả nam lẫn nữ sinh. Một buổi kia, thầy trò cùng nhau đọc bài thơ của nhà thơ Mỹ Robert Frost "Stopping By Woods on A Snowy Evening" trong cuốn sách giáo khoa La vie en Amérique của Pierre-Maurice Richard và Wendy Hall do nhà Hachette xuất bản. Bài thơ tả một người dừng cương ngựa trước ven rừng một chiều tuyết giăng. Nhìn cảnh tuyết đẹp người lữ khách bâng khuâng, nhưng nghĩ đến đường xa, mình còn nhiều điều phải làm nên phải tiếp tục. Trong bài thơ có chữ "downy flake". Chữ *down* là lông tơ mịn như lông ngỗng lông vịt để nhồi áo lạnh hay chăn bông. Chữ *flake* là hoa tuyết. Muốn cho học sinh Việt-- mà phần lớn các em, ngoại trừ một số nhỏ có xem phim có cảnh tuyết rơi—chưa bao giờ thấy tuyết, nên tôi đã dịch bài thơ sang tiếng Việt, hy vọng học sinh hiểu phần nào tâm trạng người lữ khách trong bài thơ trước khi đọc lại nhiều lần.

Tôi xin đọc bài thơ để quí vị có thể cảm thấy cái nhịp chầm chậm của nhịp thơ hai âm tiết, âm đầu nhẹ âm sau mạnh, mỗi câu 4 nhịp iambic tetrameter và vần móc với nhau, thí dụ vần *here* ở cuối câu 3 trong khổ thơ stanza thứ nhất vần với chữ *queer* ở câu đầu của khổ thơ thứ nhì: aaba, bbcb, ccdc và dddd.

Stopping by Woods on a Snowy Evening

Whose woods these are I think I know,
His house is in the village though;
He will not see me stopping here
To watch his woods fill up with snow.
My little horse must think it queer
To stop without a farmhouse near
Between the woods and frozen lake
The darkest evening of the year.
He gives his harness bells a shake
To ask if there is some mistake
The only other sound's the sweep
Of easy wind and downy flake.

The woods are lovely, dark, and deep,
But I have promises to keep,
And miles to go before I sleep,
And miles to go before I sleep.

Robert Frost (1874-1963)

Dừng bước ven rừng chiều tuyết phủ

Rừng nhà ai đây xem chừng ta biết,
Nhà nơi phương xa ven làng xa tít.
Người chẳng hay ta dừng bước nơi đây,
Thẩn thơ đứng ngắm rừng dầy chiều đông.

Tuấn mã vật khôn hẳn cho là lạ,
Dừng bước một nơi đồng vắng không nhà.
Bóng đêm phủ xuống không gian im vắng,
Rừng sâu, hồ rộng mà đường còn xa.

Nhạc ngựa rung lên tan bầu tĩnh mịch,
Dường như hỏi chủ lạc lối về chăng.
Gió thổi tuyết rơi bốn bề yên lặng,
Cảnh đẹp hồn thơ mà mơ chưa đặng.

Rừng sâu quyến rũ vô ngần,
Nhớ lời hẹn ước rời chân không đành.
Còn nhiều dặm bước đường trần,
Còn đi mãi mới tới phần nghỉ chân.

(P.T.L. phỏng dịch)

Sau đó, trong khi học bậc cao học ở Hoa Kỳ về ngành American Studies, tôi có dạy Anh ngữ (English Composition) cho sinh viên Mỹ vì lúc đó tôi làm teaching fellow. Thì thấy lúc đầu phần lớn họ không thích thơ lắm. Sinh viên nào giảng được đại ý bài thơ thì nghĩ là mình hiểu bài thơ đó. Về sau tôi cho họ biết những lời giảng thêm về bài thơ, tuy

có giúp hiểu thêm về bài thơ, nhưng không phải là thơ. Thơ là ấn tượng âm thanh hay cảm xúc gợi từ những chữ trong câu thơ của bài thơ ta đọc lên cho mình, hay cho cử tọa nghe, và những âm thanh, thi ảnh và ẩn dụ làm sống lại bài thơ từ những chữ thụ-động, yên lặng, gây trong lòng ta một rung cảm thẩm mỹ, ấy là thơ.

II. Trở ngại khi thưởng thức thơ

1. Trước hết tôi xin chú thích về vài tài liệu giúp ta hiểu thêm về thơ. Về thơ Việt thì có cuốn **Việt Thi** của Trần Trọng Kim, **Quốc Văn Cụ Thể** của Bùi Kỷ, **Tìm thơ trong Tiếng Nói** của Đỗ Quí Toàn hay **Tìm Hiểu Thơ Việt Nam** của Nguyễn Hưng Quốc. Về phần thơ Anh và Mỹ và có tính cách sư phạm thì có cuốn **Understanding Poetry** của Cleanth Brooks và Robert Penn Warren (Nhà xuất bản Holt, Rinehart and Winston in ở New York, in lại 1960), ấn bản thứ 3, tuy cũ, nhưng những lời phê bình trong đó còn dùng được, mà tôi coi như một trong những cuốn sách để ở đầu bàn khi còn ở những năm cao học.

Riêng về phần đọc thơ, người Việt có tục ngâm thơ, và tùy bài thơ, người ngâm thơ dùng thể điệu diễn tả tâm trạng bài thơ. Ai cũng nhớ chương trình thi văn Tao Đàn trên đài phát thanh Sài Gòn của Tô Kiều Ngân, giọng ngâm của Hồ Điệp và Hoàng Thư trong những năm từ 1955 trở đi. Người Anh hay Mỹ không "**ngâm** thơ" mà chỉ "**đọc**" thơ. Nhưng đọc thơ khác với đọc văn xuôi. Nhiều nhà thơ nổi tiếng có những bài hướng dẫn về cách đọc một bài thơ: Edward Hirsch, Billy Collins viết về How to Read a Poem. Richard Wilbur và W.S. Merwin khi các ông làm Poet Laureate, có đọc thơ cho công chúng nghe và những buổi đọc thơ có ghi âm lại. Bây giờ những buổi đọc thơ ấy có sẵn trên web của thư-viện Quốc hội Hoa Kỳ.

www.loc.gov/program/bib/wilbur
www.poets.org/viewmedia.php/prmMID/19882

Xem youtube **M.H. Abrams** (chủ biên đầu tiên của bộ sách hai cuốn **The Norton Anthology of English Literature,** và tác giả cuốn sách nổi tiếng ***The Mirror and the Lamp*).** Giáo sư Abrams đọc hai bài**:** On reading poems aloud ngày July 13, 2008 tại trường đại học Cornell khi ông 96 tuổi, và bài The Fourth Dimension of a Poem, sau được in thành sách**.** Abrams nhấn mạnh đến tầm quan trọng của sự phát âm rõ ràng, những chỗ nhấn mạnh và ngừng khi đọc thơ:

"Bring the poem from the printed text to the material being… the physical acts of enunciating speech sounds that constitute the words of a poem," đọc một bài thơ là đem bài thơ từ *văn bản in* thành một thực thể sống động bằng mọi âm thanh và thi ảnh trong ngôn từ mà thi sĩ đã tạo nên.

http://www.youtube.com/watch?v=d1OfwljW4Y0
www.cornelluniversity.edu/?videoID=265

2. Bối cảnh bài thơ

Nếu ta biết bối cảnh bài thơ thì ta hiểu bài thơ hơn. Bối cảnh có thể là văn hóa hay phong tục. Nếu không biết bối cảnh hay tâm trạng của nhân vật trong bài thơ thì ta có thể cho là bài thơ khó hiểu.

Thí dụ bải thơ của thi sĩ Nhật Izumi Shikibu (974?-1034?) như sau:

NADOTE KIMI
MUNASHIKI SORA NI
KIE NI KEN
AWAYUKI DANI MO
HURE BA HURU YO NI

Nguyên văn:

why did you vanish
into empty sky?
Even the fragile snow,

When it falls
Falls in this world
tại sao con
trống (trong, không mây) trong
biến đi đã
mong manh tuyết ngay cả
rơi khi
rơi trái đất trong.

-Dịch xuôi:
Tại sao con tan biến đi
vào bầu trời hư không
Ngay cả tuyết mong manh
khi rơi
còn rơi xuống mặt đất này.

Nguồn: **The Ink Dark Moon**: **Love Poems by Ono no Komachi and Izuni Shikibu, Women of the Ancient Court of Japan**. Translated by Jane Hirshfield with Mariko Aratani. New York: Vintage Books, 1986, p. 153, 207).

-Dịch sang văn vần:
Sao trên vòm trời xanh
Con loãng tan rồi khuất?
Tuyết kia dù mong manh
Tan rồi còn về đất.
(PTL phỏng dịch, 8/10/1995)

Nếu ta biết tục hỏa thiêu của người Nhật thì thấy bài thơ là lời than của một bà mẹ về đứa con gái tên Naishi chết yểu. Hôm thiêu xác cô, tuyết rơi. Nhìn khói hỏa thiêu xác con bay lên, tan vào bầu trời xanh trong, người mẹ đau xót hỏi, sao con bay vào bầu trời rồi tan biến trong thinh không trong vắt? Ngay đến tuyết mong manh như vậy mà hôm nay tuyết rơi, ngày mai tuyết lại trở lại đất. Còn con thì vĩnh viễn không bao giờ trở lại. Cái chết của người con gái còn gói ghém ý niệm vô thường của đạo Phật làm ta liên tưởng đến mệnh yểu của người thiếu nữ.

Tương tự, nếu hiểu chút ít về đạo Thiền thì hiểu thêm thơ Vương Duy (Wang Wei, 701-761) hay thơ Basho, hay thơ các thiền sư như Không Lộ thiền sư trong bài "Ngôn hoài"—"Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư" ("Một hơi sáo miệng lạnh bầu trời") --Ngô Tất Tố dịch trong **Văn Học Đời Lý** (1941), p. 66, hay trong bài "Cáo tật thị chúng" của Mãn Giác thiền sư – "Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận/Đình tiền tạc dạ nhất chi mai" ("Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết/Đêm qua sân trước một cành mai"—Ngô Tất Tố dịch trong **Văn học Đời Lý,** p. 51).

3. Ẩn dụ trong bài thơ

- Nhớ em kim chỉ khíu tình (Du Tử Lê, "Đêm. nhớ trăng Sài-Gòn").

Chữ "khíu" dùng khéo: hình ảnh người yêu dùng kim chỉ khâu tạm hai mép với nhau để làm liền chỗ rách nhỏ của một thứ hàng quí: hình ảnh một mối tình không trọn vẹn.

-Mắt em **lả** bóng dừa hoang dại. (Đinh Hùng, "Tình tự dưới hoa"; sau Phạm Đình Chương phổ nhạc một phần bài thơ và đổi tên là "Mộng dưới hoa").

Chữ "lả" làm người đọc mường tượng người đàn ông nhìn trong ánh mắt người con gái bóng mấy lá dừa xanh cong xuống--như vậy hẳn là chàng đứng gần nàng.

4. Điển cố trong thơ

Trong truyện Kiều có đoạn tả khi chàng Kim sau khi về hộ tang, trở lại nhà Thuý Kiều thì thấy nhà vắng vẻ, không có ai:

Đầy vườn cỏ mọc lau thưa,
Song trăng quạnh-quẽ vách mưa rã-rời.
Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.
Truyện Thúy Kiều, (câu 2745-2748)

Biết thêm tích Thôi Hộ trong bài "Đề Đô thành Nam Trang" thì hiểu thêm câu cuối Nguyễn Du dịch rất khéo từ câu "Đào hoa y

cựu tiếu Đông phong" (Hoa đào vẫn cười với gió đông như cũ).

5. Nhạc trong thơ

Để làm thí dụ, tôi xin lập lại lời nhận xét của một dịch giả Mỹ nêu ra những âm "ô" và âm "ơ" dài, và những âm mũi (nasal) chầm chậm tả nỗi buồn mùa thu trong bài thơ của Paul Verlaine (1844-1896), và nhận là chuyển bài thơ này sang tiếng Anh không lột hết được nhạc tính (musicality) trong bản gốc.

Chanson d'automne
Les sanglots longs
Des violons
De l'automne
Blessent mon coeur
D'une langueur
Monotone.
Tout suffocant
Et blême, quand
Sonne l'heure
Je me souviens
Des jours anciens
Et je pleure.
Et je m'en vais
Au vent mauvais
Qui m'emporte.
Decà, delà, [c có đuôi cédille]
Pareil à la
Feuille morte.

Tam dịch sang văn vần **:**

Thu ca
Đàn thu
thổn thức
giọt sầu
Tim côi rướm máu
một màu tái tê.
Nghẹn ngào
mỗi độ thu về
Ngày vui
nhớ lại
bờ mi lệ tràn.
Hồn ta
gió cuốn
miên man
Nay đây, mai đó
Như hàng lá khô.
(PTL dịch, 1981)

6. Chi tiết trong bài thơ.

Chi tiết có thể là mầu sắc, hình ảnh, âm thanh. Thí dụ cảnh chợ Tết khá linh động ở nhà quê trong thơ của Đoàn văn Cừ:

Mấy cô gái ôm nhau cười rũ rượi,
Cạnh anh chàng bán pháo dưới cây đa.
Những mẹt cam đỏ chót tựa son pha,
Thúng gạo nếp đong đầy như núi tuyết.
Con gà trống mào thâm như cục tiết,
Một người mua cầm cẳng dốc lên xem.
Đoàn Văn Cừ, "Chợ Tết"

Thí dụ 2: bài Xuân từ của bà Ngô chi Lan có câu:

Rèm liễu líu lo oanh hót gió,
Giậu hoa phấp phới bướm châm hương.

Thí dụ 3: bài thơ thời Lục triều (khoảng 300-600 A.D.) của nàng Tử Dạ. Tử Dạ tứ thời ca: Thu. Greg Whincup trong cuốn **The Heart of Chinese Poetry**. New York: Anchor Books, 1987, nhận xét là trong thơ Trung Hoa ít tả thân hình kiều diễm của người con gái mà tả sắc đẹp qua cử chỉ, dáng điệu, y phục và mùi hương (p. 103) như trong bài Thu dưới đây.

-Tử Dạ Tứ Thời Ca: Thu
Khai song thu nguyệt quang
Diệt chúc giải la thường
Hàm tiếu duy hoảng lý
Cử thể lan huệ hương.

Bài ca mủa thu của nàng Tử Dạ
Mở song thu đón trăng ngà

Tắt đèn trút nhẹ xiêm là mong manh
Mỉm cười sau tấm màn xinh
Rướn mình sực nức hương tình huệ lan.
(PTL dịch)

7. Vẻ dí dỏm, ý nhị hay ý mỉa mai, châm biếm bóng gió (irony)

Thí dụ trong bài "Sơn tinh, Thuỷ tinh" của Nguyễn Nhược Pháp, cảnh một cô dâu hai chú rể ("Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều"; "Cũng bởi thần yêu nên khác thường."). Thơ của Trần Tế Xương, Nguyễn Khuyến, Hồ Xuân Hương lúc nào đọc cũng thấy thú vị về cách dùng chữ tinh tế và tài tình của tiếng Việt.

8. Cách chấm câu trong bài thơ

Nhiều câu thơ ngắt quãng hay phải đọc liền câu dưới mới có ý nghĩa (enjambment). Thơ Du Tử Lê có nhiều chỗ phải ngưng, thoát khỏi lối đọc nhịp trong câu thơ lục bát, thì mới lột thêm ý nghĩa. Nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc và ký mục gia Bùi Bảo Trúc đã bàn về vấn đề chấm câu trong thơ Du Tử Lê.

III. Thái độ của người đọc thơ: Cởi mở, khách quan:

Tránh lý luận hay đem định kiến để phán xét bài thơ.

Thi sĩ Anh Coleridge viết trong Biographia Literaria (1817) rằng:…That willing suspension of disbelief for the moment, which constitutes poetic faith," đại ý nói rằng để thưởng thức thơ, ta hãy tạm thời trong chốc lát, ngưng hoài nghi. Nhà thơ Anh John Keats trong một lá thư (Letter to George and Thomas Keats [December 22, 1817] viết rằng: "Tôi chợt thấy cái tài khiến tạo nên một nhà thơ có tác phẩm lớn về văn chương, mà Shakespeare có rất nhiều khả năng này—là cái khả năng tự kiềm chế (negative capability).

Trong bài "Mùa thu chết" mượn ý bài "L'Adieu" của Apollinaire, Phạm Duy mở đầu: "Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo/Em nhớ cho mùa thu đã chết rồi." (« J'ai cueilli ce brin de bruyère/L'automne est morte souviens-t'en»). Có mấy ai khi nghe bài hát này mà thắc mắc đi tìm xem hoa thạch thảo mọc ở đâu, mầu hoa thế nào? Vậy mà ta vẫn thưởng thức lời nhạc và lời thơ vì lời thơ trong bài nhạc đã quyến rũ ta khiến ta tạm ngưng lý luận.

IV. Đọc Thơ

Hãy đọc bài thơ với giọng tự nhiên theo tình huống của nhân vật hay không khí của bài thơ. Hãy nghe từng âm thanh, nhạc hay chỗ ngưng của câu thơ. Các tiệm sách lớn có bán ngoài các tapes về thơ của những thi sĩ danh tiếng, đôi khi còn có băng thâu lại bài đọc thơ do những kịch sĩ, hay chính thi sĩ tác giả những bài thơ. Thí dụ: Trong Youtube bây giờ ta có thể nghe tài tử Vincent Price đọc bài thơ Con Quạ Đen « the Raven » của Edgar Allan Poe. Trong bài thơ dài, nhân vật nam, sau khi người yêu là nàng Leonore chết, một đêm nghe tiếng động thấy một con quạ đen bay vào phòng sách, thỉnh thoảng kêu lên những tiếng *Nevermore* nghe như tên nàng Leonore.
http://ww.youtube.com/watch?v=T7zR3IDEHrM.

Sau khi nghe Vincent Price đọc bài The Raven, quí vị có thể nghe Christopher Lee (tài tử đóng vai Dracula), hay tài tử Christopher Walken và James Earl Jones cũng đọc bài thơ này và so sánh giọng đọc của họ.

Có thể nghe Dylan Thomas đọc thơ của ông trong đó có bài « Do Not Go Gentle into that Good Night ».
http://www.youtube.com/watch?v=PyWiE1NSxU

Như M.H. Abrams nói trong bài How to Read Poems đọc ở Cornell University **là người đọc phải đọc bằng cách nào để làm sống lại những con chữ câm lặng trên giấy thành tiếng nói và cảm xúc của bài thơ của thi sĩ.** Thi sĩ Coleridge (1722-1834) trong Biographia Literaria nói trên cũng nói là bài thơ hay không phải là bài thơ ta *đã đọc,* mà là bài thơ ta cứ muốn *tìm đọc lại hoài* mà không chán. Bài thơ hay là bài khi đọc ta có những khoái cảm lớn lao; thơ như thế mới thật là thơ tối cần thiết.

(Not the poem which we have *read*, but that to which we *return*, with the greatest pleasure, possesses the genuine power, and claims the name of essential poetry—Coleridge—*Ibid*., Ch. 1).

Tô Đông Pha nói về thi sĩ và danh hoạ đời Đường Vương Duy (khoảng 701-761 A.D) có câu rằng "trong thơ Ma-Cật 'thi trung hữu họa' (trong thơ có họa); trong bức họa của Ma Cật 'họa trung hữu thi.' (trong họa có thơ)".

Ý đó cũng giống ý của Simonides (c. 556-468 B.C.): *Hoạ là thơ nhưng yên lặng; thơ là họa nói lên lời.* (Painting is silent poetry, and poetry painting that speaks.) (**Barlett's Familiar Quotations,** 16th ed., (Boston: Little, Brown, and Company, 1992), p. 60.

Tóm lại, đọc thơ là một cái thú vô tận, vì không những thơ dắt ta lại gần ngôn ngữ với những tinh tế, uyển chuyển của nó, mà còn cho ta những ngạc nhiên thích thú, rèn luyện khiếu thẩm mỹ, giúp óc hoạt động không ngừng. Biết đâu, vì đọc thơ nhiều, khi có hứng ta chẳng tức cảnh sinh tình mà nẩy ra ý thơ? Điều này tôi nói là thừa vì trong quí vị đây có người đã từng làm thơ, có vị còn là thi sĩ có tiếng. Đọc thơ và làm thơ còn là một đề tài trao đổi và san sẻ cùng bạn bè cùng sở thích.

(Một phần bài này đọc trong buổi nói chuyện trước Trụ sở Hội Người Việt Cao Niên Vùng Washington, D.C., thứ bảy 3 tháng 5, 1997; sửa lại và cập nhật hóa những tài liệu về những buổi đọc thơ có sẵn trên web 11/28/2012)--PTLệ

ƯỚC MƠ

Lưng đồi
nắng xuống rưng rưng
Níu tay em lại
xin đừng hoàng hôn

Phan Khâm

The Dream

On the shoulder of the hill
Orange twilight hues glow
Tears brim my eyes
As I cling to your hands
Begging the setting sun not to go

Phạm Trọng Lệ
(Dịch)

DÒNG LỆ SỬ
"DUYÊN VIỆT - TÌNH CHIÊM"

Lê Thương

Trải qua 707 năm, từ năm 1306 đến năm 2013, trong chiều dài của trang sử Việt, có lẽ thiên tình sử "Duyên Việt-Tình Chiêm" là một bi kịch tình sử đã làm tốn nhiều giấy mực cho giới văn nhân thi sĩ.

Thật vậy, qua bài học "Trọng Thủy-Mỵ Châu", người Việt xưa kia rất bảo thủ trong việc gả con gái cho người dị chủng nên dân gian có hai câu ca dao chê trách cuộc hôn nhân này:

Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Để cho thằng Mán, thằng Mường nó leo.

Cây quế đây ví Huyền Trân công chúa, còn thằng Mán, thằng Mường ám chỉ vua Chiêm Thành Chế Mân. Dân tộc Việt xưa nay vẫn coi dân tộc Chiêm Thành là một giống dân man rợ, lạc hậu. kém văn minh. Nhưng người hiểu rõ lợi ích của cuộc hôn nhân này hơn hết là Thái Thượng Hoàng Trần Nhân Tôn và vua Trần Anh Tôn.

Sau khi đánh đuổi được quân xâm lăng Mông Cổ ra khỏi bờ cõi, vua Trần Nhân Tôn nhường ngôi lại cho con là thái tử Thuyên, tức vua Trần Anh Tôn rồi về ẩn tu ở Yên Tử Sơn, Quảng Yên. Vào năm 1301, nhân dịp phái đoàn Chiêm Thành sang nước ta kết giao, Thái Thượng Hoàng Nhân Tôn theo phái đoàn sang thăm xã giao Chiêm quốc. Sau chín tháng thăm viếng danh lam thắng cảnh nước Chiêm thì Nhân Tôn tạ từ vua Chiêm để về nước. Trong buổi lễ tiễn đưa, Chiêm vương là Chế Mân có ngỏ ý muốn xin cưới công chúa Huyền Trân về làm hoàng hậu vì từ lâu Chế Mận được nghe tiếng Huyền Trân là một bậc sắc nước hương trời. Trước lời mớm ý của Chiêm vương, Nhân Tôn có hứa sẽ gả con gái của mình cho vua Chiêm. Khi thốt ra lời hứa, trong thâm tâm Thái Thượng Hoàng nghĩ đến hai điều lợi ích cho tổ quốc là đổi lấy được Châu Ô và Châu Lý (hai châu này nằm về phía nam Quảng Trị và phía bắc Quảng Nam ngày nay) và kết tình thông giao với Chiêm quốc vì nước Việt Nam ta xưa nay vẫn "lưỡng đầu thọ địch". Phía bắc thì bị nước Tàu luôn luôn lăm le xâm lăng, phía nam thì thường bị quân Chiêm Thành quấy nhiễu. Nếu kết thân được với Chiêm quốc thì ta chỉ còn lo đối phó với phương bắc mà thôi.

Thể theo lời hứa của Nhân Tôn, qua năm sau Chế Mân cho sứ mang lễ vật sang để cầu hôn. Vua Anh Tôn bèn cho họp quần thần để tham khảo ý kiến. Nhưng việc gả con gái cho người dị chủng là điều tối kỵ đối với dân tộc Việt Nam ta lúc đó, nhất là gả con vua cho người mà dân tộc ta xưa nay vẫn bị xem thường lại càng không thể chấp nhận được nên quần thần và dân gian phản đối qua các câu ca dao:

Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Để cho thằng Mán, thằng Mường nó leo.
Con vua mà gả thằng Mèo,
Nó dẫn qua đèo cũng rán đi theo!

Trước sự phản đối của quần thần và quốc dân, vua Anh Tôn phải lên Yên Tử

Sơn để thỉnh ý Thái Thượng Hoàng. Thái Thượng Hoàng khuyên Anh Tôn về thảo luận lại với quần thần và nên đặt quyền lợi quốc gia lên trên hết. Để có thời gian thương thảo, vua Anh Tôn phải đình hoãn việc cầu hôn của vua Chiêm thêm một thời gian. Ba năm sau, Chiêm vương lại phái sứ sang nước ta để cầu hôn lần nữa với lễ vật là Châu Ô và Châu Lý. Lần này, vua Anh Tôn nhớ lời Thái Thượng Hoàng khuyên nên nhận lời.

Tuy nhiên, "Duyên Việt-Tình Chiêm" không đơn giản như người ta tưởng vì Huyền Trân công chúa đã trao con tim cho chàng trai tuấn tú Trần Khắc Chung. Trần Khắc Chung tên thật là Trần Đức Chung, con của Tá Thiên Vương Trần Đức Việp (chú ruột của vua Anh Tôn) với một người cung nữ. Chung không những khôi ngô mà lại còn thông minh, học giỏi. Năm 16 tuổi đã đỗ tú tài, năm 17 tuổi được phong chức Nhập Nội Hữu Tùng Quan, có nhiệm vụ đọc và giảng sách cho thái hậu, hoàng hậu và các công chúa.. Năm 24 tuổi, Chung được vua Anh Tôn cử đi theo phái bộ của chánh sứ Trương Hán Siêu sang Trung Hoa. Trong thời gian ở Trung Quốc, Chung học được nghề thêu của quan đại phu nước Tàu tên Trần Khắc Long. Kể từ đó, tên Trần Đức Chung được đổi thành Trần Khắc Chung theo giao ước của Trần Khắc Long trước khi truyền nghề. Khi về nước, Trần Khắc Chung được cử vào cung dạy thêu thùa cho các công chúa, trong đó có Huyền Trân. Mối tình của đôi trai tài gái sắc đang độ mặn nồng thì công chúa Huyền Trân phải vâng lệnh cha và anh về làm dâu Chiêm quốc. Chung cũng đành ngậm đắng nuốt cay tiễn đưa người yêu đi lấy chồng, còn Huyền Trân cũng khóc hết nước mắt cho mối tình ngang trái của mình. Để khóc cho duyên bẽ bàng, Huyền Trân có làm một bài thơ theo điệu Nam Bình:

Nước non ngàn dặm ra đi,
Mối tình chi!
Mượn màu son phấn,
Đền nợ Ô, Lý.
Xót thay vì,
Đương độ xuân thì,
Số lao đao hay là nợ duyên gì?
Má hồng da tuyết,
Cũng như liễu hoa tàn trăng khuyết.
Vàng lộn thau chì,
Khúc ly ca, sao còn mường tượng nghe gì.
Thấy chim hồng nhạn bay đi,
Tình lai láng,
Hướng dương hoa quỳ.
Dặn một lời Mân quân:
Như chuyện mà như nguyện,
Đặng vài phân,
Tình đem lại mà cân,
Đắng cay muôn phần!

Tháng 6 mùa hạ năm Bính ngọ 1306, Huyền Trân lên xe hoa về làm dâu Chiêm quốc nhưng bất hạnh thay, cuộc hôn nhân "Duyên Việt-Tình Chiêm" chỉ kéo dài được khoảng một năm thì đến tháng 5 năm Đinh Mùi 1307, Chiêm vương Chế Mân bị chết "bất đắc kỳ tử". Triều đình nước Chiêm tôn Chế A Đà Ba lên ngôi kế vị quốc vương Chế Mân. Theo tục lệ Chiêm Thành, khi nhà vua băng hà thì đúng một năm sau hoàng hậu cũng được hỏa thiêu để chết theo nhà vua. Vì thế, khi được tin Chế Mân băng hà, Huyền Trân sắp lên dàn hỏa, vua Anh Tôn vội họp quần thần để bàn kế cứu em gái mình. Để giữ thể diện quốc gia và giữ hòa khí với Chiêm quốc, vua Anh Tôn đề nghị không nên dùng bạo lực chiến tranh để cứu Huyền Trân mà chỉ nên dùng kế bắt cóc Huyền Trân mà thôi. Theo kế hoạch, Phạm Ngũ Lão giữ nhiệm vụ tập trận giả để che mắt quân Chiêm, còn Đề Đốc Trần Đăng

Long cùng phó Thủy Sư Lê Trung Nhiên có nhiệm vụ dẫn 100 chiến thuyền, giương cờ đen, giả dạng làm giặc cướp biển Tàu Ô để bắt cóc hoàng hậu Huyền Trân. Trong kế hoạch này Trần Khắc Chung cũng tình nguyện tham gia để cúu người yêu. Kế hoạch dự thảo xong, Trần Khắc Chung và Đặng Thiệu được cử đi phúng điếu nước Chiêm. Trong thời gian lưu lại ở Chiêm Thành để làm nghi thức phúng điếu, Chung nhỏ to với vua Chiêm là nên để Chiêm hoàng hậu Huyền Trân được hỏa thiêu ở một nơi thanh vắng ngoài hải đảo hầu Chiêm hậu được thăng hà theo quốc vương Chế Mân một cách yên tĩnh, bình thản. Vua Chiêm Chế A Đà Ba nghe êm tai, không một chút nghi ngờ nên chấp thuận đề nghị của Chung, rồi truyền lệnh cho pháp y và quan khâm giám cùng Chung soạn thảo nghi thức hỏa thiêu. Hòn đảo Chuk Mui nằm trong quần đảo Knor Knour ngoài khơi kinh đô Đồ Bàn (Kinh đô của Chiêm quốc thuở ấy là thành Đồ Bàn ở Bình Định) được chọn làm nơi hỏa thiêu Chiêm hậu. Soạn thảo xong nghi thức hành lễ, Trần Khắc Chung vội vã cáo biệt để về nước. Khi về đến biên giới Việt, Chung liền cho quân lính thay đổi y phục, giả dạng giặc biển Tàu Ô, lên thuyền rẻ sóng hướng về hải phận Chiêm Thành.

Tới ngày hành lễ, thuyền của 5 vị pháp y Chiêm dẫn đầu với khói hương nghi ngút, theo sau là long thuyền của Chiêm hậu Huyền Trân, sau cùng là đoàn thuyền hộ tống của quân Chiêm. Tới chập choạng tối thì buổi lễ bắt đầu, đang lúc các vị pháp sư Chiêm chuẩn bị nghi thức hỏa thiêu chiếc long thuyền của hoàng hậu thì Trần Khắc Chung huy động quân sĩ trên các thuyền Việt ào ào lướt sóng xông vào long thuyền bắt cóc Huyền Trân. Trong khi đó, 100 chiến thuyền giả dạng bọn cướp biển Tàu Ô do Đô Đốc Trần Đăng Long chỉ huy vây chặt đoàn thuyền của quân Chiêm rồi đánh đắm và giết tất cả quân Chiêm cùng 5 vị pháp sư, không chừa một ai sống sót để bịt miệng phi tang.

Theo kế hoạch, sau khi cứu được Huyền Trân, Trần Khắc Chung sẽ đưa Huyền Trân ra ngoài các đảo ở vịnh Hạ Long trong một thời gian để che mắt sự do thám của Chiêm Thành. Sau hơn một năm, Trần Khắc Chung mới đưa Huyền Trân về Thăng Long, và vì để Huyền Trân sống ngoài hải đảo quá lâu với mình nên Trần Khắc Chung bị mang tiếng qua câu ca dao:

Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,
Đã vo nước đục lại vần lửa rơm.

Trong hai câu ca dao trên, "hạt gạo trắng ngần" ví Huyền Trân công chúa; còn "nước đục" ám chỉ Chiêm vương Chế Mân; và "lửa rơm" ám chỉ Trần Khắc Chung. Có nhiều người bênh vực Khắc Chung, cho rằng Chung bị hàm oan. Thật sự Chung có bị oan hay không thì chỉ có Khắc Chung và Huyền Trân biết mà thôi. Ở đời, "Chí lớn của kẻ làm trai chứa không đầy trong đôi mắt giai nhân" cho nên trong tình trường, con người ta có thể từ bỏ tất cả, kể cả tiền tài, danh vọng để đi theo tiếng gọi của con tim thì Khắc Chung cũng có thể không thoát khỏi điều này.

Duy, chỉ tội nghiệp cho dân tộc Chiêm Thành mà thôi, vừa bị mất đất, vừa bị mất người mà còn bị khinh rẻ nữa. Không những bị khinh rẻ mà dân tộc Chiêm Thành còn bị dân tộc ta lấn dần cho đến khi Chiêm quốc hoàn toàn bị xóa tên trên bản đồ. Dân tộc Chiêm Thành lập quốc vào thế kỷ thứ 2, lãnh thổ chạy dài từ mũi Hoành Sơn ở Quảng Bình cho đến đồng bằng Phan Rang-Phan Rí, kinh đô là thành Đồ Bàn (Vijaya) ở Bình Định. Thành Đồ Bàn bị thất thủ vào năm 1471 trước sức tấn công của quân binh Việt Nam ta trên đà Nam Tiến. Trong suốt

17 thế kỷ dựng nước và giữ nước, cố đẩy lui cuộc Nam Tiến của Việt Nam nhưng cuối cùng Chiêm quốc cũng bị xóa tên trên bản đồ thế giới vào năm 1832. Tuy đất nước bị xóa tên trên bản đồ, tuy dân tộc bị diệt chủng, người Chiêm Thành cũng còn để lại một chuỗi vết tích lịch sử nằm ngổn ngang, hoang phế trên mảnh đất Miền Trung Việt Nam trong đó có những di tích một thời của nền văn minh Champa, đó là những kiến trúc đồ sộ như tháp Yang Mum ở Kontum hay tháp Po Klaong Garai ở Phan Rang.

Nhìn lại dòng lịch sử Việt Nam, tiền nhân ta từ các triều đại Trần, Lê, Lý, rồi đến Nguyễn, Tây Sơn khi mở mang bờ cõi tiến lên phía bắc thì gặp anh khổng lồ Trung Hoa, còn tiến về hướng tây thì đụng phải dãy Trường Sơn hiểm trở khó tiến qua Ai Lao nên chỉ có con đường duy nhất là tiến về phía nam vì Nam Tiến thì thủy hay bộ đường nào tương đối cũng dễ đi cả do đó mà cuộc Nam Tiến của ta đã xóa bỏ bản đồ Chiêm quốc từ Quảng Bình cho đến Phan Rang, Phan Rí và từ Phan Thiết ta lại lấn dần cho đến Mũi Cà Mau, vốn là phần đất của Cao Miên ngày xưa.

Nhắc lại lịch sử mở mang bờ cõi, kẻ viết bài này còn nhớ được bốn câu thơ khi còn đang học ở Đại Học Sư Phạm Sài Gòn đã được nghe một vị giáo sư ngâm trong một bài giảng về văn chương. Theo giáo sư, bốn câu thơ này của một thi sĩ tiền chiến Miền Nam (mà kẻ viết bài này đã quên tên tác giả của bài thơ) gởi cho Xuân Diệu khi Xuân Diệu vào Nam và sắp sửa trở về Bắc, lúc đó vào khoảng trước năm 1945:

Ai về cõi Bắc cho ta gởi,
Tất cả lòng thương giống Lạc Hồng.
Từ thuở mang gươm đi mở cõi,
Nghìn năm thương nhớ đất Thăng Long.

Theo địa lý nhân văn, Miền Trung và Miền Nam nước Việt là đất của Chiêm Thành và Cao Miên ngày xưa. Thuở ấy ta gọi dân tộc Chiêm Thành là Chàm hay Hời, còn người Miền Nam gọi họ là Chà Châu Giang. Trước cảnh diệt vong của Chiêm quốc, một số người Việt cũng thấy thương hại dùm cho một dân tộc Chiêm Thành bất hạnh cho nên nhà thơ Bàng Bá Lân trong "Bài Ca Xứ Huế" cũng đã khóc, khóc cho Huyền Trân hay khóc cho nước non Chiêm:

Chiều mưa trong thôn Vĩ Dạ,
Giọng ca Nam Bình rỉ rả.
Hòa cùng giọt ba tiêu lã chã,
Khóc Huyền Trân hay khóc nước non Chiêm?

Riêng nhà thơ Chế Lan Viên, tác giả tập thơ "Điêu Tàn", xuất bản năm 1937, lúc đó nhà thơ chỉ mới có 17 tuổi, tên thật là Phan Ngọc Hoan, sinh ngày 14-11-1920 trong một gia đình viên chức ở Cam Lộ, Đông Hà, Quạng Trị. Người ta không hiểu tại sao nhà thơ lại lấy bút hiệu mang họ Chế (Họ của dân tộc Chiêm Thành) và mang tình cảm giống dân Hời mà chỉ thấy rằng trong tập thơ "Điêu Tàn" bài nào nói về Tháp, về nước non Hời cũng đều hay cả, có thể nói là hay nhất trong toàn tập. Nhà thơ đã than oán tiếng than của dân tộc Hời dùm cho họ mà khi đọc lên ta cảm thấy lành lạnh trong người tưởng chừng như nghe những tiếng oán than thảm thiết của những hồn ma Hời:

Một ngày biếc thị thành tôi rời bỏ,
Trở về thăm dân tộc nước non Hời.

Hay:

Bên tháp vắng, còn người thi sĩ Hời,
Sao không lên tiếng hát đi người ơi?
Mà buồn bã âu sầu trong đêm tối,
Người vẫn nằm há miệng đớp sao rơi,
Hay hận xưa muôn thuở vẫn chưa nguôi.
Hay lãnh đạm, Hời không về tháp cũ,
Hay xuân sang, Chiêm nữ chẳng vui cười?

Lê Thương

*R*ichmond – Virginia – USA

TẾT QUÝ TỊ (2013)

Tản Mạn Về Tết Cùng Đinh - Lịch Pháp & Rắn

Hải Bằng.HDB & Bạch Cúc

Lễ Tết là một biểu hiện của văn hóa xã hội.

Hầu hết các sắc dân đều có lễ Tết, nhưng ngày cử hành khác nhau. Tập tục lễ Tết của dân Lạc Việt nước ta không rõ có tự bao giờ; nhưng qua các truyền thuyết, Tết đã xuất hiện từ đời các Vua Hùng tức khoảng 2500 năm trước Tây Lịch.

Ở Á Châu chỉ có người Việt, Trung Hoa, và Đại Hàn ăn Tết Nguyên Đán vào ngày Một tháng Giêng âm lịch.

Từ năm 1873 đời Minh Trị Thiên Hoàng Thứ VI, người Nhật đổi theo Tây Lịch nên họ ăn Tết vào ngày mùng Một Tháng Một dương lịch - một biểu hiện Nhật Hoàng muốn canh tân xứ xở.

Người Miên và Lào khai Tết vào khoảng tháng Ba hoặc Tư dương lịch.

QUÝ TỊ KHAI XUÂN (2013)
CUNG CHÚC TÂN XUÂN
GIA GIA TÂN TIẾN
NHÂN NHÂN TÂN TÂM
QUÝ TỊ TÂN TOÀN
Vạn vật xoay vần luôn đổi thay
Tân niên Quý Tị, những ai say?
Dưa hành thừa thãi, hồn ta đắng!
Thịt mỡ ê hề, trí bạn cay?
Đất nước tan hoang, tâm há ổn?
Quê hương tăm tối, dạ nào khuây!
Xuân qua mấy độ vui vầy vậy
Chẳng lẽ non sông mãi thế này?

Những cái Tết cổ truyền đầy hương vị ngọt ngào, ấm cúng, và thanh lịch của dân tộc ta nay chỉ còn là "vang bóng một thời".

Bây giờ Tết chỉ còn là cơ hội để tưởng nhớ, nghỉ ngơi, xum hợp, hay đi chơi đây đó. Người ta cũng làm biếng không còn gửi thiệp mừng xuân nữa.

Tuy vậy, cộng đồng nhiều nơi vẫn nỗ lực tổ chức những ngày vui đón xuân đặc biệt là các hội chợ rất nhộn nhịp. Nhưng tâm tư nhiều người vẫn còn trăn trở vì quê hương Việt vẫn còn là ngục tù tăm tối, ngụp lặn trong loại văn hóa nghịch hướng.

Lễ Tết được cử hành vào đúng giao điểm của năm cũ và năm mới gọi là Giao Thừa.

Đó là lúc **Trời** (Dương) và **Đất** (Âm) giao hòa để tái tạo một nguồn sinh lực cho vạn vật muôn loài trong một *chu kỳ mới của sự sống*. Ngày đó được coi như là *Ngày Sinh*: mỗi người được thêm một tuổi, và mùa đó là *Mùa Xuân*: mùa vạn vật tiếp nhận tinh lực mới nơi Trời Đất để sự sống tiếp tục nẩy nở.

Trong niềm tin đó, mọi người đều hân hoan chuẩn bị đón Tết, đón Xuân bằng cách sơn phết lại nhà cửa, may sắm quần áo mới, thanh toán các công nợ, dọn tâm và thân cho sạch sẽ, chuẩn bị lễ vật tinh khiết để cúng tế tạ ơn Trời Đất, Thần Linh, và Tổ Tiên trong Lễ Giao Thừa. Tục lệ ngày Tết thường gồm có: cúng Ông Táo vào ngày 23 tháng Chạp; dựng Nêu và hạ Nêu (Maypole); viết câu đối; khai bút; nấu bành chưng; đốt pháo; múa lân; hái lộc; xông nhà; mừng tuổi và lì xì trưng hoa; và trưng tranh Tết. Từ thành thị đến khắp thôn quê, các hội hè, đình đám được mở ra vui xuân trong ba ngày Tết, và có chia ra:

Mồng Một thì ở nhà cha
Mồng Hai, nhà mẹ
Mồng Ba nhà thầy

Tuy vậy có nơi vui xuân kéo dài tới cả tháng: "Tháng Giêng ăn Tết ở nhà; Tháng Hai trồng đậu; tháng Ba trồng cà..." Tuy nhiên, thời thế đổi thay qua nhiều lớp "phế hưng", nhiều thú vui xuân ngày trước dường như chỉ còn là những hoài niệm nhất là đối với những người Việt ở hải ngoại.

*

Vài Nét về Tết Cung Đình Ngày Xưa

Trích dẫn theo *Việt Nam Gấm Hoa* (Hương Giang Thái Văn Kiểm, nxb: 1997, Làng Văn of Canada, Inc.

*Tết của vua quan phải diễn tiến theo những nghi thức được ấn định trong **Hội Điển Sự Lệ** và sự sắp đặt của Bộ Lễ cùng sự chọn ngày tháng tốt của **Khâm Thiên Giám**.*

Lễ phải đi đôi với Nhạc vì Lễ là trật tự bên ngoài, còn Nhạc là trật tự bên trong. Mọi tổ chức xã hội ngày xưa đều phải theo đúng Lễ Nhạc, tức là hoà hợp cả ngoài lẫn trong, cả vật chất lẫn tinh thần, nhằm thực hiện được sự điều hòa, cân phân và quân bình trong xã hội.

*Ngoài ra, cơ quan Khâm Thiên Giám có nhiệm vụ quan sát vũ trụ, thấu đáo Kinh Dịch và Bói Toán để chọn ngày giờ thuận lợi nhất cho sự diễn hành các tiết lễ. Sự liên hệ chính yếu là **Tam Tài: Thiên-Địa-Nhân**. Mỗi tài mở vào một hội trong 12 chi:*

Thiên khai ư Tí	*Trời mở vào hội Tí*
Địa tịch ư Sửu	*Đất dựng vào hội Sửu*
Nhân sinh ư Dần	*Người sinh ư Dần*

*Đúng một tháng trước Tết, nghĩa là nhằm ngày mồng Một tháng Chạp, Bộ Lễ phải tổ chức **Lễ Ban Sóc** nơi sân Điện Thái Hòa để vua ban lịch mới cho văn võ bá quan, hạng đường quan tam phẩm trở lên, hay là tương đương với võ quan, và cho cả hoàng thân, quốc thích. [Lễ Ban Sóc lấy ý nghĩa trong chữ **sóc là ngày mồng** Một (Vọng là ngày Rằm)].*

Lịch ấn hành có hai loại: một loại cỡ lớn có đóng đại ấn thì để ban cho đường quan; một loại cỡ nhỏ và mỏng có đóng ấn thường thì để ban cho thuộc quan. Viện ấn loát thì do Bộ Khâm Thiên Giám phụ trách; còn việc đóng ấn thì do Bộ Lễ phụ trách.

Cho tới ngày 30 tháng Chạp thì quan Hữu Ty thiết đại triều ở Điện Thái Hòa; thường triều ở Điện Cần Chánh.

Năm mới bắt đầu với hồi trống lớn đầu Canh Năm, giờ Dần.

Trống nghiêm hồi thứ nhất: viên Quản Vệ giàn bày cờ quạt, nghi trượng theo đúng nghi thức.

Trống nghiêm hồi thứ hai: các quan văn võ phẩm phục vào chực sẵn trong Điện Thái Hòa.

Gần rạng đông, trống nghiêm hồi thứ ba: trên kỳ đài quốc kỳ kéo lên cao 80 thước ngang với đỉnh Ngự Bình cùng với các sắc kỳ khánh hỉ.

Quan Khâm Thiên Giám báo giờ: Vua đội Mũ Cửu Long, mặc Hoàng Bào, cầm Hốt Trấn Huê ngự ra Điện Cần Chánh.

Quản Vệ quỳ tâu: "Xin Thánh Thượng ngự xa giá." Vua lên kiệu. Ban tiểu nhạc cử nhạc. Quân túc vệ và ngự lâm quân cầm cờ quạt rước vua sang Điện Thái Hòa.

Trên Lầu Ngọ Môn nổi chuông trống. Vua ra cửa Đại Cung Môn tới hiên phía bắc Điện Thái Hòa thì xuống kiệu. Đại nhạc trổi. Trên thành phiá tây nam bắn chín tiếng súng thần công.

Vua tiến vào Điện Thái Hòa đến ngai vàng ngự tọa và truyền đọc chiếu chỉ.

Mồng Năm Tết, trong cung vua có bày tiệc Khai Hạ [Dân gian Khai Hạ vào ngày mồng Bảy]. Từ quan chí dân đều đi chùa, viếng đền đài, vườn hoa và thắng cảnh.

Lịch Pháp & Nguồn Gốc của Lễ Tết

Có lễ **Tết** tất phải có **lịch pháp.** Lịch pháp là kết quả của công trình theo rõi sự vận hành của mặt trăng (Đông) hay mặt trời (Tây)

để khám phá ra sự tuần hoàn của thời tiết xảy ra trong chu kỳ 360 ngày (Đông) hay 365 ngày (Tây). Từ đó lại khám phá ra thêm chu kỳ của 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông và đặt ra chu kỳ 29/30 ngày hay 30/31 ngày của một tháng. Rồi tạo thêm chu kỳ 7 ngày của một tuần.

Theo quan niệm cổ Trung Hoa, soạn lịch và ban hành lịch là trách nhiệm của Vua – Thiên Tử. Vua phải biết rõ thời điểm (ngày, tháng) thời tiết trong năm để ứng dụng vào những ngày tế lễ và làm mùa. Vua có nhiệm vụ thay Trời nhủ bảo cho dân bằng lịch pháp.

Sử sách Tầu ghi: Tết Nguyên Đán có từ đời Tam Hoàng, Ngũ Đế (Khoảng 2852 Trước Tây Lịch).

Đời Nhà Hạ (Tam Hoàng), Vua chuộng màu đen nên chọn tháng đầu năm, tức tháng Giêng, nhằm tháng Dần (Cọp). Do đó Tết Nguyên Đán vào đầu tháng Dần.

Nhà Thương thích mầu trắng, lấy tháng Sửu (Trâu) tức tháng Chạp làm tháng đầu năm.
Nhà Chu ưa sắc đỏ, chọn tháng Tý (Chuột), tức tháng Mười Một, làm tháng đầu năm.
Đời Đông Chu (Khổng Tử) an định tháng Tết là tháng Dần.

Đời Tần Thủy Hoàng lại lấy tháng Hợi (Heo), tức tháng Mười, làm tháng Tết.

Đời Hán Vũ Đế (140 TCN) lại đặt tháng Tết là tháng Dần, tức tháng Giêng và từ đó tháng Tết không thay đổi nữa.

*

Về lịch pháp của nước ta, Giáo Sư Hoàng Xuân Hãn ghi nhận:

Lịch sử lịch pháp ở nước ta cho tới nay không thấy gì giúp ta biết cách xếp đặt ngày tháng của dân Lạc Việt xưa. Nhưng đoán rằng văn hóa Trống Đồng của nước Văn Lang chắc đã dùng năm 12 tháng, tháng lần lượt có 29; 30 ngày cũng không hẳn là vô lý.

Từ năm Triệu Đà bại Thục đến năm Đinh Bộ Lĩnh lập quốc (khoảng 1000 năm) ắt hẳn lịch chính thức là các lịch dùng ở Trung Ương Trung Quốc hoặc tại Nam Trung Quốc. ... Phải đợi đến các đời Đinh, Lê và nhất là Lý thì mới thấy có chép một số sự kiện có tháng ngày ... Tôi kết luận bằng giả thuyết sau: Từ đời Đinh đến hết đời Lý Thái Tông, các vua Việt dùng lịch hàng năm do vua Tống cung cấp cho.

Sau đó người Việt ta cũng có đặt ra các quan chức coi thiên văn để tự làm lịch (Khâm Thiên Giám).

GS Hoàng Xuân Hãn nhận định:

Tôi nghĩ rằng trước đó từ cuối đời Lý Thánh Tông (1054) đã có viên chức soạn lịch ở Triều Lý ...

*Nguyễn Sử (quyển 209) có kể lại một chuyện khá thú vị về sứ thần nhà Trần do thám như sau: "Sứ An Nam Đặng Nhữ Lâm vẽ trộm bản đồ cung uyển, mua dấu địa đồ, sách cấm sao chép văn thư và bàn bạc chuyện đánh Giao Chỉ. Lại ghi trộm tình hình quân sự ở Bắc biên và xây sơn lăng". Tôi nghĩ rằng chính trong dịp này người nước ta học được phép lịch Thụ Thời và có lẽ bắt đầu đặt Ty Thiên Văn hay Cục Thái Sử có viên chức cao phụ trách.. Ý chừng sau khi học được phép lịch của Quách Thủ Kính, ta cũng gọi lịch mình là Lịch **Thụ Thời**. Năm 1339, viên quan Thái Sử, Cục Lịch Nghi Hậu Lang là **Đặng Lộ** tâu rằng: "Lịch trước đều gọi là Thụ Thời. Xin đổi tên là **Hiệp Kỷ**". Vua bằng lòng. Đây là lần đầu tiên trong sử ta chép đến một tên lịch ta, tên của một lịch gia, và cả tên một viện Thiên Văn nước ta". ... Năm 1399, Hồ Quý Ly diệt họ Trần, đổi quốc hiệu Đại Việt ra Đại Ngu và theo đà ấy, đến tháng 2 năm Tân Tỵ (1401), Hán Thương đổi lịch Hiệp Kỷ của họ Trần mà ban hành lịch **Thuận Thiên**. ... Năm 1407, cha con họ Hồ bị bắt, tất nhiên lịch **Đại Thống** (lịch Nhà Minh) lại chính thức được dùng.*

Dòng thơ lưu vong

Người ta in thơ ra rồi mới bán
tôi bán thơ trước khi in ra
vì muốn biết còn bao người thích đọc
dòng thơ lưu vong viết gởi quê nhà

vì muốn biết bạn bè ở quanh ta
có bao nhiêu người mang nỗi lòng Do Thái
dựng trong tim một dãi Sơn Hà
sống ở đâu cũng nhớ về đất Tổ
*
người ta in thơ ra rồi mới tặng
tôi tặng thơ trước khi in ra
vì muốn biết còn bao người say đắm
được ngắm mình trong ngôn ngữ Mẹ Cha

vì muốn biết giữa điệp trùng tiếng động
còn bao người nghe trầm sóng dòng sông
đang luân chuyển tấm lòng thơ mở rộng
vào mạch quê hương khát vọng tự do

sự chênh lệch giữa thơ mua và tặng
giá ước chừng hơn một tách cà phê
chữ để đọc hay chỉ là để ngắm
cũng bâng khuâng từ mỗi cuộc đi, về

người muốn mua thơ hay thích tặng
kẻ làm thơ cũng trân trọng cám ơn
vì đã biết còn tấm lòng cảm nhận
những yêu thương trên mỗi chặng căm hờn!
*
trân trọng viết hai chữ Việt Nam
nơi trang bìa của "dòng thơ lưu vong"
trên nền vàng của phi trường, cửa biển
nơi vẫy chào vĩnh viễn những tấm lòng

những tấm lòng đi viết thơ trên đá, cát
mỗi dòng thơ khao khát nghĩa hòa bình
viết mãi miết theo hành trình gió hát
những bài ca hùng tráng thuở bình minh!

Cao Nguyên (Maryland)

Qua đời Nhà Lê (Lê Lợi, 1428), quốc hiệu nước trở lại là Đại Việt và vẫn dùng lịch Đại Thống. Đời Nhà Mạc vẫn dùng lịch Đại Thống.

Năm 1644, Nhà Thanh thay Nhà Minh bỏ lịch Đại Thống, dùng lịch Tây Phương.

Dưới đời Gia Long, GS Hoàng Xuân Hãn ghi:

Đầu triều Gia Long có một vị khá đặc sắc, giỏi cả Nho học và Pháp học, ấy là Nguyễn Hữu Thận (1754- 1831) ... Năm 1808, Nguyễn Hữu Thận được đi sứ triều Thanh, tới Bắc Kinh, được đọc các sách lịch thư của giáo sĩ Tây Phương mà kết tinh là bộ sách Lịch Tượng Khảo Hành. Tháng 4, Canh Ngọ 1810 Hữu Thận về đến Kinh, dâng sách ấy lên vua, xin dùng sách ấy tính lịch. Gia Long đồng ý. Từ năm Quý Dậu 1813, lịch Việt Nam với tên Hiệp Kỷ, theo phép Thời Hiến, là phép trong Lịch Tượng Khảo Thành. Lịch Hiệp Kỷ vẫn được tiếp tục soạn và chính thức dùng ở nước ta đến năm 1945. (tr. 31, Văn Hóa Việt Nam, 1989-1995)

Tóm lại, sự kê khảo của GS Hoàng Xuân Hãn cho thấy các triều đại Việt vẫn luôn luôn cố gắng tự định ra lịch pháp cho dân sử dụng nhưng vì sự xâm lấn của Tầu nên các công trình đã không thể liên tục thực hiện mà đành phải theo lịch Tầu.

Tên của Năm: Thập Can & Thập Nhị Chi

Ở Đông Phương, người xưa quan niệm sự sống là kết hợp của hai nguyên tố: Dương (Trời) và Âm (Đất).

Người xưa cũng tin rằng cuộc đời của mỗi người liên quan mật thiết đến giờ, tháng, và năm sinh. Vì vậy, về lịch pháp, các hiền triết cũng lấy âm dương để đặt tên cho một năm.

Thiên Can là 10 Cột của Trời gọi là **Thập Can** gồm các tên: **Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý**.

Địa Chi là 12 Nhánh của Đất gọi là **Thập Nhị Chi** gồm các tên: **Tí (chuột), Sửu (trâu), Dần (hổ), Mão (mèo), Thìn (rồng),**

Tị (rắn), Ngọ (ngựa), Mùi (dê), Thân (khỉ), Dậu (gà), Tuất (chó), Hợi (Heo).

Theo lịch Đông Phương, mỗi **thế kỷ Á Đông** có 60 năm gọi là **lục giáp**; **mỗi giáp là 10 năm**.

Năm khai nguyên của Lịch Đại Á Đông cổ truyền là năm **2637 Trước Công Nguyên và lấy tên Giáp Tí**. Tính đến năm 2013 được: 2637 + 2013 = 4650 năm. Chia 4650 cho 60 được 77 lần và dư 30. Như vậy chúng ta đang ở vào **thế kỷ Á Đông thứ 78; thế kỷ Tây Phương thứ 21,** và năm nay, 2013, là năm **Qúy Tị** lấy **Rắn** làm biểu tượng.

*

Lịch Tây Phương hay Dương Lịch

(Theo Tu Nac)

Về lịch sử của hầu hết những cuốn lịch đang được dùng trên thế giới: Lịch Gregory.

Những cuốn lịch rất quan trọng đối với tất cả mọi người trên thế giới. Lịch giúp chúng ta nhớ những sự kiện tôn giáo. Chúng giúp chúng ta định được thời gian mùa màng hay săn bắn. Chúng giúp chúng ta đánh dấu những sự kiện lịch sử. Chúng đánh dấu những sự kiện xảy ra trên bầu trời. Chúng đánh dấu những thời gian trôi qua từ thế kỷ này đến thế kỷ khác.

Một số chuyên gia tin rằng người La Mã và Ai Cập cổ đại dùng lịch đầu tiên. Họ làm ra những cuốn lịch cách đây khoảng 3.000 năm. Lịch của người La Mã dựa vào tuần trăng – đó là, khi nào trăng xuất hiện. Mặt trăng đi hết mỗi một chu kỳ là 29 ½ ngày. Nó bắt đầu tròn. Nó dần ngày càng khuyết lại. Rồi nó dần ngày càng lớn hơn cho đến khi trăng lại tròn. Đối với người La Mã, trăng tròn là bắt đầu cho một tháng mới. Nhưng người Ai Cập lịch của họ lại dựa vào mặt trời. Mặt trời đi theo một đường cố định trong bầu trời khi trái đất lại xoay quanh nó. Không có những tháng rõ rệt. Thay vào đó, tính thời gian tùy thuộc vào những mùa, và nơi nào mà mặt trời được định vị trên bầu trời. Được coi như là một năm, phương pháp này gọi là năm hệ mặt trời – năm dương lịch.

Khi vương quốc La Mã mở rộng, lịch của người La Mã được phổ biến nhất. Nhưng đến khi vào khoảng năm 46 trước công nguyên, hoặc cách đây khoảng 2.000 năm, lịch chưa được tổ chức ổn định! Thoạt tiên, lịch chỉ có mười tháng. Mội tháng được đặt tên theo một số. Một năm luôn được bắt đầu vào tháng Ba và kết thúc vào tháng Mười Hai. Thậm chí người La Mã không tính những tháng này mà bây giờ chúng ta gọi là tháng Một và tháng Hai. Họ không coi nó là một phần trong năm. Nhưng, thời gian sau, một trong những hoàng đế đã chia ra thời gian không được tính này. Ông đặt tên cho nó và bắt đầu tính trên lịch. Nên về sau, những tháng được đặt tên theo chữ số không còn phải sửa nữa! Những chuyên viên về lịch luôn không theo những luật lệ về lịch một cách chu đáo. Các quan chức của chính quyền La Mã đôi khi thay đổi độ dài của ngày và tháng để duy trì địa vị của mình được lâu hơn! Sau một thời gian, lịch chính của La Mã gặp rắc rối. Thậm chí nó không theo đúng các mùa nữa. Về sau, hoàng đế La Mã Julius Caesar điều chỉnh lại. Ông thiết kế một cuốn lịch được cải tiến. Ông đã thay đổi và thiết kế cuốn lịch bằng ba cách chính.

Thứ nhất, lịch của Caesar dựa theo năm tính theo hệ mặt trời của người Ai Cập. Đây là việc quan trọng vì nó được thiết lập năm La Mã đúng 365 ngày.

Thứ hai, Julius đổi ngày bắt đầu chính thức của một năm từ tháng Ba thành ngày 1 tháng Một.

Thứ ba, Julius đổi độ dài của những tháng theo cách mà ngày nay chúng ta biết.

Hầu hết các quốc gia vào thời đó bắt đầu sử dụng lịch mới này. Nó được gọi là lịch Julius.

Có một sự thay đổi rất quan trọng ở lịch Julius. Năm tính theo hệ mặt trời là 365 ¼ ngày. Julius phải nghĩ cách để tính phần này, hoặc bỏ ¼ ngày.

Julius đã bổ sung một ngày phụ trội vào niên lịch. Ông công bố ngày phụ trội này được bổ sung cứ bốn năm một lần. Đây là điều gì đó mà chúng ta vẫn giữ đến ngày hôm nay. Năm có ngày phụ trội được gọi là "năm nhuận". Ngày nay, chúng ta bổ sung ngày phụ trội này vào cuối tháng Hai.

Lịch Julius là một cải tiến lớn sớm hơn cho những cuốn lịch. Nhưng những cuốn lịch này rất khó thiết kế. Và lịch Julius vẫn còn đôi chút khiếm khuyết. Độ dài của niên lịch Julius ngắn mất 11 ½ phút. Điều nay nghe chừng chỉ là một lỗi tính toán nhỏ. Nhưng sau nhiều năm, lỗi tính toán nhỏ này bắt đầu tăng lên!

Cứ 400 năm thì 11 ½ phút này tăng lên tới trên ba ngày. Khắp thế giới vào năm 1582 bắt đầu xảy ra vấn đề phức tạp.

Năm 1582 lịch chính không sắp đặt đúng với những mùa. Nó chậm khoảng 10 ngày. Những ngày lễ tôn giáo như lễ Phục Sinh đã không diễn ra đúng theo mùa. Một nhà lãnh đạo Công Giáo, Đức Giáo Hoàng Gregory XIII, đã quyết định thiết đặt lại khiếm khuyết của lịch Julius.

ĐGH Gregory giữ lại nhiều phần của lịch Julius. Nhưng Ngài đã thiết lập mới, những quy luật phức tạp hơn đối với năm nhuận. Lịch mới của Ngài được gọi là lịch Gregory. Phải mất một thời gian dài người dân trên toàn thế giới mới công nhận lịch Gregory. Nhưng giờ đây nó được phổ biến hầu hết ở mọi quốc gia. Một vài nền văn hóa và nhóm tôn giáo đã sử dụng những lịch khác cho nền văn hóa đặc biệt hay những ngày lễ nghỉ tôn giáo. Nhưng đối với những ghi chép chính thức, hầu hết các quốc gia sử dụng lịch Gregory.

Mà thậm chí lịch này cũng chưa được hoàn chỉnh. Lịch Gregory thiếu mất 26 giây của một năm dương lịch. Điều này muốn nói rằng cứ 3.300 năm lịch chính sẽ khác với lịch tính theo hệ mặt trời là một ngày. Khi điều đó xảy ra, thế giới của chúng ta lại phải sắp xếp lịch một lần nữa!

*

Năm Tị và Rắn

Tham khảo: Viêt Nam Gấm Hoa (Làng văn, 1997, tr. 159) của TS Hương Giang Thái văn Kiểm.

Răn có hai loại: hiền và dữ. Cả hai đều thuộc loại bò sát.

Rắn hiền có rắn nước, rắn học trò ... bơi lội trong ao hồ, kiếm tôm, cá, ếch, nhái ăn. Loại rắn này dễ làm với giống lươn mà dân gian có câu đối tài tình sau:

Le lội lung lăng lay lắt lá
Lươn lo lòn lỏi lọt lùm lau

Rắn dữ có rắn hổ mang, hổ ngựa, rắn lục, rắn đẻn,... Nhưng con rắn dễ sợ nhất là con Ophiophagus elaps hay Naja hamadryas ở Ấn Độ, dài tới 4 thước. Rắn này rượt theo người mà cắn. Nhà văn Maurice Maindron nói tới giống này trong La Gardienne de l'Idole Noire.

Truyền Thuyết Thị Lộ Hoá Rắn Báo Thù trong Lịch Sử Việt Nam

Năm Nhâm Tuất (1442), vua Lê Thái Tôn ghé thăm trí sĩ Nguyễn Trãi tại Trại Vải ở Côn Sơn. Thình lình nhà vua bị cảm mạo và băng hà. Thị Lộ bị triều thần nhóm Lê Sát buộc tội ám hại vua. Lập tức Nguyễn Trãi bị kết án chu di tam tộc.

Một truyền thuyết được thêu dệt ra cho rằng lúc Nguyễn Trãi dọn vườn tại Côn Sơn đã giết một ổ rắn. Con rắn mẹ trốn thoát đã bò lên trần nhà nhỏ xuống một giọt máu xuống cuốn sách Nguyễn Trãi đang đọc. Giọt máu thấm qua ba tờ giấy ám chỉ là ba đời Nguyễn Trại bị thảm sát và con rắn ấy chính là hiện thân của Thị Lộ.

Vụ Án Lệ Chi Viên

Ngày 1 tháng 9 năm 1442 Vua Thái Tông đi duyệt võ ở Chí linh. Trên đường về, Nhà Vua ghé Côn Sơn thăm gia đình Nguyễn Trãi. Ngày 7 tháng 9, nhà vua rời Côn Sơn có Thị Lộ tháp tùng xa giá đến Lệ Chi Viên tức Trại Vải của Nguyễn Trãi tại Đại Lai, Gia Bình, Bắc Ninh. Đêm đó nhà vua bị cảm rồi qua đời. Sáng 9 tháng 9 mới đưa linh cữ về Thăng Long. Ngay sau đó Thị lộ bị bắt. Nguyễn Trãi đang đi thanh sát ở xa vội trở về Triều cũng bị giam luôn. Sau đó hơn một tuần tức vào ngày 19 tháng 9 năm 1442, án ban ra, Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc vơi tội danh 'đầu độc Vua'. Vì vụ án xử rất nhanh nên rất ít người trong hai họ Nguyễn và Trần trốn thoát kịp.

Thủ Phạm Hãm Hại Nguyễn Trãi và Thị Lộ

Sau khi Lê Thái Tông đột ngột qua đời, thế tử Băng Cơ, mới hai tuổi, con của bà Nguyễn Thị Anh, lên làm vua; Thị Anh ngồi sau rèm làm nhiếp chính. Vua Lê Thái Tôn mất có thể là do bị bịnh cảm tự nhiên mà chết, nhưng cũng có thể là bị đầu độc bởi Nguyễn Thị Anh nhằm giữ ngôi báu cho con. Nắm cơ hội này, Thị Anh buộc Thị Lộ nhìn nhận đã cùng Nguyễn Trãi âm mưu giết vua. Rồi cũng có lời đồn về chuyện rắn báo oán: Trước đó Nguyễn Trãi đã không cứu mạng cho một cặp rắn như đã hứa. Rắn mẹ hiện hồn thành Thị Lộ để báo thù, y như chuyện Dương Qúy Phi cũng bị gán cho là hồ ly tinh hiện hình để báo oán vua Đường bên Tầu.

Ai thực sự đã giết vua Thái Tông?

Năm 1459, nguyên hoàng thái tử Nghi Dân, con của hoàng hậu Dương Thị Bỉ, đứng ra giết Băng Cơ tức vua Nhân Tông và mẹ Băng Cơ là Nguyễn Thị Anh. Nghi Dân xuống chiếu nói rằng: "Trẫm là con trưởng của Thái Tông Văn Hoàng Đế và trước đây đã được giữ ngôi chính ở Đông Cung. Chẳng may Tiên Đế, đi tuần về Miền Đông, bỗng băng hà ở bên ngoài. Nguyễn Thái Hậu muốn giữ quyền vị, ngầm sai Nội Quan Tạ Thanh dựng Băng Cơ lên làm vua, bắt Trẫm làm phiên vương. Sau Tạ Thanh tiết lộ việc ấy, lây đến cả Thái Úy Trịnh Khả và Tư Không Trịnh Khắc Phục. Thái Hậu bèn giết tất cả để diệt hết người nói ra." (xem Đại Việt Sử Ký Toàn Thư)

Tạ Thanh là Thái Giám hộ giá nhà vua về Thăng Long tối 9.9.1442. Thái Tông tối đó bị cảm phải nghỉ lại tại Lệ Chi Viên và được Thị Lộ túc trực săn sóc. Sau đó, Tạ Thanh tố cáo Thị Lộ giết vua. Rồi hai tướng Đinh Liệt và Trịnh Khả đứng lên tuyên bố Thái Tông đã lập Băng Cơ làm Thái Tử và ủy thác cho Trịnh Khả làm Phụ Chính.

Ngô Thị Ngọc Dao được Nguyễn Trãi và Thị Lộ cứu nạn trước kia, được Nguyễn Xí rước về làm vua tức là vua Lê Thánh Tông.

Năm 1464, tức 22 năm sau, Lê Thánh Tông xuống chiếu giải oan cho Nguyễn Trãi. Con cháu của ông được truy tìm lại để bổ dụng. Vua phong Người con út của Nguyễn Trãi là Nguyễn Anh Vũ chức Đồng Tri Phủ Huyện Tĩnh Gia (Thanh Hóa) và cấp cho 100 mẫu ruộng con cháu đời đời được hưởng không phải hoàn lại gọi là "Miễn Hoàn Điền". Nguyễn Anh Vũ xây mộ chí cho cha tại xứ Đồng Tai Hà, làng Dự Quần, lấy sọ dừa và cành dâu làm cốt và lấy ngày 16 tháng 8 là ngày giỗ họ.

Minh oan cho Nguyễn Trãi, vua Thánh Tông ca ngợi: "Ức Trai tâm thượng quang Khuê tảo" nghĩa là "Tấm lòng Ức Trai sáng như Sao Khuê". Năm 1467, nhà vua ra lệnh sưu tầm các thơ văn của Nguyễn Trãi. Tuy vậy, vua Lê Thánh Tông lại chỉ truy tặng cho ông tước Bá thấp hơn tước Hầu mà Lê Thái Tổ đã phong cho Nguyễn Trãi. (Công, Hầu, Bá, Tử, Nam). Tại sao lại hẹp hòi thế đối với người ân xưa đã từng che chở cho cả hai mẹ

con nhà vua trước đó? Và, với cả Thị Lộ nữa, cũng không thấy nhà vua nói gì tới!

*

Rắn trong Văn Học Sử Việt Nam

TS Hương Giang Thái Văn Kiểm viết trong *Việt Nam Gấm Hoa* (tr.162):

Trong văn học sử của ta có một giai thoại về tài ứng đối mẫn tiệp của bà Đoàn Thị Điểm (sinh năm 1705, được coi là dịch giả cuốn Chinh Phụ Ngâm). Một hôm, muốn thử tài em gái, Đoàn Doãn Luân bèn lấy một câu trong Sử Ký của Tư Mã Thiên nói về Lưu Bang làm đề tài để bà đối đáp. Câu ấy như sau:

Bạch Xà đương đạo, Qúy bạt kiến nhi trảm chi

Nghĩa là: Con rắn trắng đón đường, ông Qúi (Lưu Bang) liền rút kiếm ra chém

Bà Đoàn Thị Điểm nhanh trí, cũng dùng một câu trong Sử Ký nói về ông Vũ (tức vua Hạ Vũ, sau này nối ngôi vua Thuấn) để đối lại như sau:

Hoàng long phù châu, Vũ ngưỡng thiên nhi than viết

Nghĩa là: Con rồng vàng đội chiếc thuyền, ông Vũ nhìn trời mà than

Cũng trong văn học sử của ta, Lê Quý Đôn (1726-1784) đã sang tác một bài thơ thất ngôn bát cú trong một trường hợp khá li kỳ như sau: thuở nhỏ, cậu bé Lê Danh Phương (tên đầu tiên của Lê Quý Đôn) rất cứng đầu (rắn đầu) và biếng học. Cha câu Phương quở trách, bắt cậu phải ứng khẩu làm làm một bài thơ để tạ tội với điều kiện mỗi câu trong bài bát cú phải có một loại rắn. Phương vâng lời và đọc ngay:

Chẳng phải liu diu cũng giống nhà
Rắn đầu biếng học lẽ không tha
Thẹn đèn, hổ lửa đau lòng mẹ
Nay thét mai gầm, rát cổ cha
Ráo mép chỉ quen lời dối trá
Lằn lưng chẳng khỏi vệt năm ba
Từ nay Trâu Lỗ xin siêng học
Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia

Ngọc Rắn trong Dân Gian

Người ta thường nói về nọc rắn độc, ít ai nói tới ngọc rắn. Đây là chuyện có thực ở nước ta. Chúng ta hãy trở về đèo Hải Vân thời tiền chiến để nghe một người địa phương kể chuyện như sau:

Lúc đó đang xây con đường xe lửa xuyên Đông Dương gọi là Transindochinois. Một người cai phu lục lộ chui vào hầm Sen thì chợt thấy lóa mắt bởi nhiều tia. Dụi mắt lại lần nữa thì thấy ánh sang này nhúc nhích chuyển động. Cai phu liền bật đèn pin rọi thì thấy luồng ánh sáng đó tỏa ra từ miệng một con rắn dài ba thước đang bò ngang đường rầy. Cai phu nhìn kỹ thì thấy con rắn nậm một hòn ngọc sáng chói. Thấy người và ánh đèn, con rắn bò nhanh, chui vào hang biến mất.

Tình cờ có một người tiều phu già đi ngang qua đó. Cai phu kể chuyện lại thì được tiều phu chỉ vẽ cách thức lấy ngọc rắn. … Cai phu làm theo lời chỉ bảo lấy được viên ngọc to bằng quả nhãn lại có công dụng cứ được người bị rắn độc cắn. Cai phu nhờ đó đã cứu được nhiều mạng người hồi đó.

~*~

TẬP SAN CỎ THƠM
có bán tại
WASHINGTON MUSIC
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979

MÙA XUÂN ĐẾN

(thơ Kim-Vũ)

***

Xuân đã thật sự đến đây rồi em ạ.

Anh mở cửa sổ thật rộng. Không khí trong suốt, ánh nắng chan hòa ấm áp, những con chim sẻ hót vui tươi bên tường cao kín lá cây leo, gió vui đùa trên những bụi cây cành lá rung rinh, một con chim cu đều đều đệm nhịp, và tiếng ồn ào phố xá xe cộ rộn rịp đàng xa, nghe rõ cả tiếng thợ thuyền gọi nhau nơi một công trường xây cất.

Trên nền trời xanh nhẹ, mây trắng bồng bềnh, vài con hải âu bay lượn, một đàn én bay thành hàng, vài con bồ câu tha mồi về tổ.

Sau mùa đông u ám, cuộc sống bắt đầu như rộn lên trong hăng hái, người vui với cảnh, nắng vui với mây, cửa nhà vui cùng ánh nắng.

Trên thảm cỏ xanh mơn mởn trong vườn trước phòng anh, những nụ hoa đã bắt đầu nhú, chỉ vài tuần nữa là hoa sẽ nở tươi, em có đoán được hoa màu gì không?

Đêm hôm qua trời còn giông gió, lớn như chưa bao giờ, cửa kính phòng anh rung lên vì khua động, làm sao anh có thể nghĩ mùa xuân đến cùng anh chóng thế. Trời đất lạ kỳ em nhỉ, đầy những đổi mới, những ngạc nhiên. Cho cuộc sống còn đầy khám phá. Cho hồn người mới lại mỗi ngày.

Anh thấy anh hồn nhiên như một đứa trẻ con. Ngồi trong nắng ấm, nhìn lên trời xanh, nghe chim hót, anh như nghe cả tiếng em cười dòn. Mùa xuân của anh, em của anh, lại đây cho anh nắm tay, lại đây cho anh hôn lên má. Hãy ca cho anh một bài hát của chim, hãy đem vào hồn anh nắng vàng mây trắng, hãy vui như cửa nhà, hãy đậm đà như bóng hải âu, hãy mãi mãi trong anh bóng hình tuyệt diệu, hãy mãi mãi cùng anh vui ngắm mây trời.

Mùa Xuân muôn thuở của anh ơi!

***

SPRING HAS COME

(translation Kim-Vũ)

***

Spring has truly arrived here, sweetheart.

I open wide my windows. The air is transparent, the sunlight warmly floods the room, the sparrows joyfully warble on a high wall covered with grapevines, the wind frolics on the swaying leaves in the hedge, a cuckoo keeps the rhythm, and the traffic noise reverberates from afar, where workers holler to one another at a construction site.

In the light blue sky, clouds are floating, some seagulls plane along, a group of swallows form a line, and some doves carry straws to their nests.

After a gloomy winter, life seems to stir up with excitement, people sharing the joy with the scenery, the sunlight sharing with the clouds, and the tenements sharing with the sunlight.

In the verdant grass by the garden below my room, buds begin to sprout, and before long, flowers will blossom, can you guess what their colors will be sweetheart?

Last night, there was a terrible storm, the glass windows of my room violently shook, how could I ever imagine that Spring can come to me so suddenly. How strange is Nature, full of surprises, full of unexpected turns. So life can burst forth with ever more explorations, and the soul can perpetually rejuvenate.

I feel myself so exalted, like a little child. Sitting in the warm sunlight, looking up to the blue sky, listening to the birds singing, I seem to hear your ringing laugh. My Spring season, my sweetheart, come here so I can hold your hand, so I can kiss you on the cheeks. Sing for me a song of birds, bring into my soul the golden sunlight and the white clouds, be as joyful as the tenements, as steadfast as the wings of the seagulls, stay always a wonderful image in me, and enjoy the clouds and the sky with me forever.

Oh my everlasting Spring spirit!

***

YÊU EM NỒNG NÀN

Ảnh Nguyễn Huy Linh

Tiếng "Em" Trong Đời

TRƯỜNG THY

chỉ một tiếng'em' trong đời
thời gian-vũ trụ-con người gần nhau.

Trong ngôn ngữ Việt Nam, những danh xưng và tiếng gọi giữa người này với người kia thật vô cùng phức tạp nhưng lại rất ý nhị, tinh tế. Người ngoại quốc khi học tiếng Việt, ngoài sự khó khăn về dấu nhấn, thì đây, cách xưng hô cũng là một trở ngại lớn. Trong các danh xưng thường ngày, tiếng "*em*" nghe rất quen thuộc và tự nhiên, tự nhiên đến độ ít khi ta để ý đến những '*nguyên tử'* cấu tạo nên nó, những tinh hoa mà nó phát tiết ra ngoài.

Không biết đã có ai để tâm tìm hiểu xem tiếng "*em*" có từ bao giờ, chỉ thấy rằng như đã từ lâu, song chỉ xử dụng trong thống thuộc gia đình, giữa người sinh sau với người sinh trước – *anh/em, chị/em.* Sau đó tiếng "em" vượt phạm vi gia đình để đi vào xã hội trong môi trường giao tiếp. Ngày xa xưa, học trò thường xưng '*con'* với thầy, cô, nhưng ngày nay, từ 'em' gần gũi và trẻ trung hơn đã thay thế cho tiếng 'con' nhỏ bé và cổ kính. Cũng từ đó theo dòng sinh mệnh và nguồn cảm hứng, tiếng '*em*' đã nhập vào thế giới văn thơ lúc nào cũng chẳng hay. Dầu vậy trong lãnh vực này, điểm qua một số những áng văn, thơ cổ, hầu như chỉ thấy xuất hiện những chữ "chàng", "nàng", và "thiếp", ví như:

* Trong truyện Phan Trần, Phan sinh và Trần Kiều Liên gặp nhau lần đầu:

- bỗng may may khéo là may (287)
- nhác trông ra mái lầu tây thấy <u>nàng</u> (288)

rồi khi hai người nhận nhau cũng vẫn:

- Đàm Chu quê <u>thiếp</u> còn xa (711)
- họ Trần tên đặt vốn là Kiều Liên (712)

* Trong Quan Âm Thị Kính, ta cũng thấy:

- canh khuya bạn với sách đèn (125)
- mỏi lưng <u>chàng</u> mới tựa bên cạnh <u>nàng</u> (126)

* Trong Bích Câu Kỳ Ngộ, Giáng Kiều thân thưa với Tú Uyên vẫn chỉ là:

- vốn xưa <u>thiếp</u> khách Thanh Tiêu (349)
- Tiên Thù là hiệu, Giáng Kiều là tên (350)

* Rồi đến Chinh Phụ Ngâm của dịch giả Đoàn Thị Điểm, trong cặp Lục/Bát 111-112, cũng với danh xưng của ngày xưa ấy:

- nỗi lòng biết ngỏ cùng ai
- <u>thiếp</u> trong cánh cửa, <u>chàng</u> ngoài chân mây!

* Đến thi hào Nguyễn Du, trong suốt 3254 câu của tập trường thi Kim Vân Kiều, hầu như chỉ thấy tiếng "*em*" được dùng trong liên hệ gia đình, khi Thúy Kiều ngỏ lời nhờ em là Thùy Vân thay mình kết nghĩa với Kim Trọng:

- cậy <u>em, em</u> có chịu lời
- ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa

* Cũng như trong Lục Vân Tiên, cụ Nguyễn Đình Chiểu cũng chỉ dùng tiếng "*em*" qua vai trò của Vương Tử Trực khi từ chối sự gán duyên của Kiều gia:

- Trực rằng cùng bạn bút nghiên (1273)
- anh <u>em</u> trước đã kết nguyền cùng nhau
- vợ Tiên là Trực chị dâu
- chị dâu <u>em</u> bạn dám đâu lỗi nghì (1276)

còn giữa đôi trai tài gái sắc, Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga, sau khi dẹp yên bọn cướp, Nguyệt Nga định xuống xe bái tạ thì chàng hiệp sỹ họ Lục đã vội vàng lên tiếng giữ lễ :

- *khoan khoan ngồi đó chớ ra*
- *<u>nàng</u> là phận gái ta là phận trai.*

Thế rồi có lẽ sau này khi chữ quốc ngữ La Tinh phát triển và ảnh hưởng của thơ văn lãng mạn, đặc biệt là của Pháp nên tiếng « *em* » có cơ hội chiếm ngự trong tâm hồn người viết cũng như trên những trang thơ văn và trong ngôn từ giao tiếp hàng ngày, nhất là nơi giới trẻ. Ngoài những xưng hô theo thống thuộc là lẽ tất nhiên, tiếng « *em* » càng về sau càng được tận dụng như để trao gửi tâm tình một cách khắng khít hơn.

* Từ Nguyễn Khuyến trong bài Mẹ Mốc ta nghe có gì hơi khác thường :

- đắp tai ngoảnh mặt làm ngơ
- rằng khôn cũng kệ rằng khờ cũng thây
- khôn em dễ bán dại này!

* nhưng với Đông Hồ trong "Nhớ Rằm Tháng Hai", lại thật là tình tứ đôi ta, 'tâm đầu ý hợp'

- em mới hỏi "trăng sao sáng tỏ"
- anh đáp rằng "trăng có đôi ta."

Nói chung tiếng "*em*" thật đã cho đời nhiều ý đẹp và tình thương trong cuộc sống. Có người nói đó là một kỳ quan trong trong thế giới ngôn ngữ và là mỹ từ nơi cung đình văn học Việt Nam kể cũng không ngoa.

* Trước hết trong phạm vi gia tộc, tiếng "*em*" mang thông điệp '*kính trên nhường dưới'* , giữ được mối giây liên hệ ngọt ngào, đầm ấm, dễ thương.

* Trong quan hệ xã hội, giữ được hòa khí với sự khiêm tốn và thân tình. Giữa một người với một người lớn tuổi hơn đôi chút, một khi đã bỏ hai tiếng *anh/em* mà thay vào đó bằng *ông/tôi* là nghe đã có sự căng thẳng, bất hòa rồi.

* Trong mối tương giao giữa vợ chồng hay giữa những người yêu, tiếng "*em"* mà người con gái hoặc phụ nữ nói chung tự xưng thật có ma lực tuyệt vời trong môi trường tình cảm cũng như hạnh phúc gia đình nói riêng. Tiếng "*em"* chứa đựng tràn đầy yêu thương và gắn bó trong trái tim tình tự. Ở đây chỉ xin đề cập đến cách xưng hô thông thường mang tính trẻ trung của ái tình, vì tình yêu tự nó không có tuổi, tuổi của nó chính là tình yêu. Ngoài ra còn tùy theo từng địa phương có những lối xưng hô khác theo từng giai đoạn và tuổi tác, như *ông* với *tôi* hoặc *bà* với *tôi,* có khi là *bố* với *mẹ* (gọi thay cho con).

* Tâm lý thông thường cho ta thấy hai người trai, gái, mới gặp nhau mà xưng hô *anh* với *em* thì dường như khoảng cách xa lạ đã thu ngắn lại có đến 50% rồi, chẳng thế trong kho tàng văn chương truyền khẩu ta đã từng nghe:

- Hỡi anh đi đường cái quan
- dừng chân đứng lại em than đôi lời
- đi đâu vội mấy anh ơi...

Nghe rồi người trai làm sao không theo lệnh truyền của con tim mà dừng bước hỏi nhỏ:

- tiện đây mận mới hỏi đào
- vườn hồng đã có ai vào hay chưa?

để rồi nghe trên nương chiều thoảng trong hương đồng gió nội những lời như thiết tha mời gọi:

- mận hỏi thì đào xin thưa
- vườn hồng sẵn lối nhưng chưa ai vào!

"chưa ai vào" - vậy thì "vào đi ai!". Phải chăng đường tình là thế, cũng từ chữ "em" kia dẫn đường đưa lối.

Tiếng "*em"* ngoài danh xưng trong gia đình, họ hàng v.v., thường gắn bó với tuổi trẻ, tuổi học trò, tuổi yêu đương, tuổi biết buồn, tuổi yoghurt v.v., xin nghe Dư Thị Diễm Buồn kể lại những "ngày xưa ấy":

- từ dạo đó dễ buồn và dễ khóc
- dễ dỗi hờn và cũng lắm âu lo
- hay dối mẹ - Em bắt đầu trốn học
- cô bé thơ ngây đã biết hẹn hò.

(Nụ cười trong mắt anh "Những ngày xưa thân ái")

Trong Văn Chương Bình Dân không biết tiếng "*em*" du nhập vào hồi nào, chỉ thấy bàng bạc trong những áng thi, ca tình tự những tiếng "*em"* dịu dàng tình tứ, xao xuyến, bồi hồi, có khi cũng ngậm ngùi, trăn trở:

- *em thời canh cửi trong nhà*
- *nuôi anh đi học đăng khoa bảng vàng*

hoặc đôi khi than thở phận mình:

- *em như cây quế trong rừng*
- *thơm cay ai biết, ngát lừng ai hay!*

cũng có lúc rất ư tình tứ, lãng mạn tơ duyên:

- *em về anh mượn khăn tay*
- *gói câu tình nghĩa lâu ngày sợ quên.*

xxx

- *em về để áo lại đây*
- *để khuya anh đắp gió tây lạnh lùng.*

Thi ca hiện đại trong mối tương giao giữa những người yêu, tiếng "*em*" có khi là người tình phái nữ, có khi lại rất mung lung, mơ mơ hồ hồ, nói đấy nhưng như là không nói, nói một cách tượng trưng, gián tiếp để tạo nên ý niệm vừa riêng tư vừa là cái chung:

- *em xưa giọt nắng trên hoa*
- *bâng khuâng hơi ấm mầu da Lạc Hồng*

và:

- *em xưa chùng tóc buông lơi*
- *tình ta vương víu làn hơi trốn-tìm* hoặc:
- *em xưa vành nón che nghiêng*
- *lệch tia nắng cuối hồi chiêng ban chiều* rồi:
  - *em xưa yêu chẳng bằng lời*
  - *bằng đôi mi khép gọi mời đam mê.*

"*Em*" còn là gì nữa, còn là tất cả những gì êm ái, nên thơ – trăng, mây, sương, gió, suối, đồi, hoa, lá v.v., đối với nhà thơ nhiều thứ có thể trở nên người tình để gọi bằng *"em"*.

Với Nguyễn Thị Thanh Dương thì "*em"* còn là hương vị '*ô mai cam thảo*':

- *những nhánh gừng cay vẫn còn chưa đủ,*
- *muối mặn vào cho đẹp ý nghe anh,*
- *quấn quít vì nhau tình mãi trăm năm,*
- *em mặn mà cho đời thôi tẻ nhạt*
- *em là thế, đủ chua cay mặn ngọt.*

với Nghiêu Minh ta nghe lại thấy bóng dáng *"em"* trong tiếng Lục Huyền Cầm hay còn là chính cây đàn ấy bởi:

- *em cho tôi nốt hài hòa*
- *cái tâm giai điệu tay xoa phím hồng*
- *vòng luân vũ, bước tình nồng*
- *em là điệp khúc chín tầng hương sen*
- *có trăng réo rắt bên đèn*
- *có em như rót hồn đêm dặt dìu*

Cố thi sỹ Nguyên Sa đã hình tượng hóa quãng đời lao lung giữa cõi trần để trở lại với chính mình qua tiếng "*em*"

- *có phải em về đêm nay*
- *trên con đường chạy dài hoa cỏ*
- *cho lòng anh trở lại với lòng anh*

và Chúc Anh khi nói "Tìm Em", nhưng em là ai đây mà khi:

- *anh lẩn trốn tình yêu từ tiền kiếp*
- *nhưng sao lòng vẫn nhung nhớ hoài thương*
- *nói đi em nơi đâu chốn thiên đường*
- *cho anh biết chân trời nào lý tưởng*
- *xuân sắp về anh một mình trầm lặng*
- *bước âm thầm trên lối cũ tìm em*
- *những hàng cây, dòng suối, ánh trăng đêm - trong vũ trụ vắng em đời vô nghĩa!*

Người thơ tìm em hay tìm tình yêu, hay tìm điều gì đó, có thể chỉ là một. Với Xuân Diệu, lãng mạn đến độ thơ cũng là em:

- *thơ ta hơ hớ chưa chồng*
- *ta yêu muốn cưới mà không thì giờ*
- *mùa thi sắp tới- em thơ*
- *cái hôn âu yếm xin chờ năm sau!*

Bùi Giáng, người được mệnh danh là Cuồng Sỹ lại đưa em vào ngôi "Phiếm chỉ đại danh từ", dường như thay cho tiếng "ai", mơ hồ mà phổ cập:

- *Em về mấy thế kỷ sau*
- *nhìn trăng có thấy nguyên mầu ấy không?*

hoặc như:

- Em về giũ áo phù sa
- trút quần phong nhụy cho tà huy bay.

Có khi còn là người tình trong tiếng "*em*" của một thiền sư:

- cho tôi một hạt muối tiêu
- bờ môi em nhạt nắng chiều lân la
- tôi đi chấn chỉnh sơn hà
- hồng rơi vách đá, mù sa thị thành.

"*Em"* đây hẳn phải là Quê Hương, mảnh đất vun trồng bao kỷ niệm buồn vui từ những ngày ấu thơ vậy.

Thiết nghĩ như đã nói trên, tiếng "*em*" trong ngôn ngữ Việt Nam thật độc đáo, mang tính nhẹ nhàng, duyên dáng, đơn sơ mà đầy tình tự. Từ đó đã mặc nhiên mang dấu ấn văn hóa đậm đà.

Nếu nói thêm ra, trong một số các ngôn ngữ khác như tiếng Pháp (chérie, mon amour...), tiếng Anh (dear, darling, honey...), tiếng Hán (muội, tiểu muội..), không ngôn ngữ nào có cái đẹp và ý nhị như từ "*em*" của tiếng Việt; hơn nữa lại chỉ dùng ở ngôi thứ hai chứ không dùng để tự xưng (trừ tiếng "muội" của chữ Hán), nhất là không thể nhân cách hóa được.

"*em"* còn là:

- người em của tuổi
- nơi đây và đâu đó
- em như sợi mưa
- như gợn sóng đùa
- trong bóng xưa hờn lẻ

để rồi:

- sau cơn buồn thế kỷ
- em là ta – là nỗi nhớ
- là những gì không có
- cho vòng tay
- cho vũng đầy ngăn cách

'em' có khi mang mang ý mùa cho ta cảm nhận những đổi thay trong đời :

- *em là mùa xuân*
- *soi bóng nhạn về*
- *em là mùa hạ*
- *cho ta giấc ngủ khê*
- *em là mùa thu*
- *lá vương hồn nắng*
- *những sáng mù sương*
- *gió bay vàng hưng vong*
- *em là mùa đông*
- *tuyết bay vào lạnh*
- *cho không gian rét đến vô cùng*

Sau cùng nếu tản mạn một chút để chiết tự sang một ngôn ngữ khác, tiếng Anh chẳng hạn, từ "*em*" có thể cho ta những ý khá thú vị sau đây:

E → Every, M → Meaning -- Em = mọi ý nghĩa

hoặc:

E → Emotional, M →Motion, or Motive (an emotion desire)

Tiếng "*em*" là âm của mẫu tự M (âm đầu đời của em bé khi tập nói), từ đó mẫu tự M là đầu của nhiều từ ngữ ý nhị như:

má, mẹ, mình (tiếng vợ chồng thường xưng hô với nhau), môi, mắt v.v.
maman, mère, mademoiselle,...
mother, miss, ...
meek, menu, marriage, ...

chữ EM viết ngược lại còn là ME (Việt hóa của từ mère tiếng Pháp)

Do đó có những người như Trang Y Hạ đã từ "*Dáng Em"* trong những ngày quân ngũ:

- *đường quân ngắm bóng dáng em*
- *giai nhân gót nhẹ êm đềm trướng hoa*
- *chiều buông xuống dõi trông về quê ngoại*
- *mắt* Mẹ *mờ dòng lệ mãi rưng rưng*
- *trước bạo lực vẫn niềm tin đứng thẳng*
- *dáng mẹ hiện lồng lộng giữa không trung*

Phải chăng ngôn ngữ Việt có hồn tính nên từ tiếng "*EM"* êm ái, dịu dàng, dễ thương, chuyển ngược sang tiếng *"ME"* cũng ngọt ngào, đầm ấm và hiền hậu, đáng mến vô cùng.

Trường Thy
(Oklahoma)

TÌNH NGƯỜI

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

Trinh biết ông Ninh qua lần đi tham dự một buổi đại hội thường niên của dòng Đồng Công ở một tu viện nằm khá xa New York, tiểu bang Missouri nầy nhìn trên bản đồ nước Mỹ thì nó ở ngay gần chính giữa trung tâm.

Đó là một ngày hè nóng như thiêu, khí hậu oi bức và không có mưa nhưng cũng có chút gió, nhiệt độ ở mức xấp xỉ trên 90 độ. Trinh gặp ông vào trưa thứ năm, khi ông đang đứng sắp hàng mua thức ăn mang về lều cho các con.

Khi chờ đợi tới phiên, Trinh và ông đã trao đổi vài ba câu chuyện. Cũng bởi giọng nói của ông nghe có âm hưởng giống vùng đất miền Trung, nơi ba má Trinh ở.

Khi tới phiên mình, Trinh phải giúp ông cho nhanh. Vì ông hiểu tiếng Mỹ chậm chạp mà cô bé lấy "order" cũng không rành tiếng Việt. Nhất là giọng Huế của ông rất khó đoán trong lúc cái "line" những người đợi phía sau đang nôn nóng chờ tới phiên. Chính người lớn khi nghe ông nói lí nhí cũng chẳng hiểu ông muốn gì, huống chi là cô gái trẻ tuổi nầy!

Trinh hỏi ông và giải thích lại với cô bé, cùng người Việt mà lại thông dịch tiếng Việt cho nhau! Trinh quen với ông như thế, nhất là khi phần ăn mang ra, ông ôm không hết, nên thức ăn trên tay cứ chực rớt xuống. Trinh lại phải tiếp tay khuân về lều cho ông.

Vừa đi, ông vừa nhe răng ra cười, vẫn phát âm khó nghe:

- Cám ơn cô hỉ, chỗ tui hơi xa.

Trinh lắc đầu trả lời:

- Không có chi, đi bộ một chút cho giãn gân cốt.

Đi vòng ra phía sân sau, lều của gia đình ông ở tuốt luốt ngoài cùng, tại đây xa nhưng bù lại có cây cối, trú dưới mấy thân cây to lớn, cũng đỡ bị ánh nắng chiếu vào người gây nóng rát.

Thấy ông về, mấy đứa con còn nhỏ chạy ùa ra:

- Ba về … sao ba đi lâu rứa ba?

Ông xoa đầu đứa con gái, giải thích:

- Người ta đông quá, mình phải sắp hàng chứ sao!

- Con đói…

- Có đồ ăn rồi, chúng con chào cô, rồi vô ăn.

Lũ nhóc lao nhao chào. Mấy gói đồ ăn được bỏ lên tấm bạt màu xanh trải dưới đất. Xem nào, Trinh đếm được cả thảy có tới năm đứa nhỏ vây quanh, đứa lớn nhất là con gái, khoảng 12 tuổi.

- Ông có mấy cháu?

- Tui có sáu đứa.

- Thiếu một đứa ở đây? Chắc là đi đâu với bà xã của ông phải không?

Ông lắc đầu:

- Dạ không, hai mẹ con hắn ở nhà. Nó là đứa nhỏ nhất, mới có sáu tháng.

Trinh ngạc nhiên:

- Ủa, sao bà ấy không cùng đi với ông?

Khuôn mặt ông Ninh tối lại, ông ưu tư:

- Đi không nổi cô ơi, mạ hắn bịnh nặng.

Trinh tò mò:

- Bịnh gì?

Ông Ninh ấp úng… giọng ông có vẻ lạc đi:

- Ung thư!

Trinh kêu lên:

- Trời đất!

Thốt nên hai câu đó xong, Trinh nhìn mấy đứa trẻ, tội nghiệp chúng nó quá! Còn nhỏ mà đã không có người chăm sóc.

Con chị lớn tên là Mây không khôn lanh gì cho lắm, thua con em kế 9 tuổi, có cái tên

nghe lạ tai là "Thạch Động". Nhưng con bé Mây tuy lù đù, lại có vẻ thương em út vô cùng. Khi ăn cơm, nó biết lấy mấy cái chén ny lông chia đồ ăn đồng đều cho các em, biết xé thịt ra từng miếng nhỏ, đút cơm rót nước cho hai thằng cu bé nhất.

Ông Ninh cũng ngồi xuống tấm bạt, mời:

- Cô cùng ăn cho vui.

Trinh nghe mùi thơm của thịt nướng bay lên, tuy hơi đói bụng nhưng lắc đầu vì nàng sẽ về ăn với chồng con:

- Cám ơn ông, cha con nó đang đợi tôi ở đàng kia… à, cô có cái nầy cho thằng Út.

Thằng Út khoảng 3 tuổi, nó khá xinh xắn, nét mặt tròn ngộ nghĩnh nhưng hơi dơ một chút, đang ngồi ở một góc tròn xoe mắt nhìn chăm bẳm vào Trinh nãy giờ.

Trong túi Trinh đang có một con khỉ đánh xèng, vặn giây thiều lên thì nó đập hai cái nắp vào nhau khá thú vị! Món đồ chơi nầy là của con gái Trinh, Tí Ti lớn hơn thằng Cu Em một chút. Trinh lôi con khỉ ra, đưa cho thằng bé. Nó chưa kịp giơ tay lấy, thì bị thằng anh xông vào cướp mất.

Thằng anh "ăn cướp" được con khỉ, lật đật chạy ra một góc vặn giây thiều lên chơi ngay. Cu Út nhìn theo mếu máo, nhưng không làm dữ như trẻ con thường phản ứng. Nó đứng tại chỗ chớp mắt nhìn Trinh như cầu cứu.

Bố nó nạt:

- Cu Anh, trả lui cho Cu Em, không thôi chị Thạch quất cho mấy roi chừ!

Bàn tay con bé Thạch Động đưa lên hăm dọa, nhưng thằng Cu Anh tỉnh bơ không cần biết, vẫn cắm cúi chơi. Bỗng Cu Em đứng lên, đi lại gần rồi bất ngờ ôm lấy chân Trinh, kêu lên:

- Mẹ, mẹ... xương (thương)

Ngạc nhiên và bối rối, Trinh ngồi xuống, ôm lấy thằng bé:

- Ô, con lầm cô với mẹ hả?

Thằng bé vẫn ôm lấy Trinh. Đầu óc Trinh hoang mang nhiều câu hỏi. Hay là nó thấy Trinh có đồ chơi? Hay là nó muốn có quà nên mới ôm như thế nầy? Nhưng chắc là trí tưởng tượng của Trinh đã đi quá xa… vì nó còn bé tí, thì biết gì mà mưu mô chứ!

Ông Ninh sợ Trinh bị thằng bé bám vào dơ quần áo, bèn kéo thằng cu con ra:

- Xấu tề. Có phải mạ mi đâu mà ôm, thằng ni tầm bậy quá, coi chừng lại làm nhớp hết quần áo của cô.

Trinh vội ôm lấy Cu Em:

- Ồ, không sao… thôi, để cô kiếm cho con đồ chơi khác nhé.

Nói xong, Trinh chợt nghĩ: "hay mượn ông Ninh thằng bé nầy trong chốc lát, đem về lều mình cho nó lựa đồ chơi."Nghĩ là làm, Trinh ướm lời:

- Ông có thể cho cháu về lều của tôi chơi với con gái tôi được không?

Khuôn mặt ông Ninh thoáng ngần ngại:

- Sợ hắn làm phiền cô?

- Không sao, để tôi giữ cháu bé cho ông nguyên ngày, ông có thì giờ đi đây đi đó. Tối nay tôi sẽ đưa cháu về.

Thế là con chị Thạch Động lôi túi quần áo, tính tìm đưa thêm một bộ đồ cho Cu Em thay, nhưng khi nhìn thấy đồ thằng bé nhăn nhúm, lại có vẻ không được sạch sẽ cho lắm. Trinh vội cản:

- Được rồi, nhà cô có quần áo cho Cu Em mặc, không sao đâu.

Nói vậy, bởi con gái Trinh nó giống như một thằng con trai, tối ngày ưa mặc đồ cũng như mấy thằng "tomboys", bận áo đầm nó không chịu mà ông xã và Trinh là cha mẹ nó cũng ưng có một đứa con trai, nên mới nhìn, ai cũng tưởng Tí Ti là bé trai.

Ông Ninh bảo Thạch Động:

- Con đi theo cho biết lều của cô hỉ, với lại coi thằng Cu Em hắn có chịu không, hễ hắn khóc thì dắt em về.

- Vâng, tôi cũng tính như thế.

CẢM NGHĨ XUÂN QUÝ TỴ (2013)

Chín chục tuổi rồi, chưa nghỉ ngơi.
Vẫn ham gom ý tặng cho đời
Bút nghiên chưa xếp còn mong muốn
Nhả hết tơ lòng mới thảnh thơi.

Buồn trông thiên hạ thích thờ tiền,
Yêu bạc, yêu vàng hơn Chúa Thiên.
Trí óc luôn luôn thường tưởng nghĩ
Nhiều tiền, nhiều của, sống thần tiên.

Buồn trông lãnh tụ ở nhiều nơi
Nghĩ lợi cho mình cho đảng thôi
Hành xử những điều dù thất đức
Cốt sao thu lượm được nhiều lời.

Á thì đảng trị rất hung tàn
Áp dụng luật rừng thật dã man
Vô đạo, vô thần, chuyên bóc lột
Trở thành tỷ phú, mặc dân than

Âu thì tài phiệt chỉ cầu mong
Bán thật cho nhiều súng đạn bom
Nuôi dưỡng chiến tranh hoài tiếp diễn
Gây bao cảnh tượng đớn đau lòng

Tình trạng bất lương mãi xảy ra,
Nhân dân chung sống mất hài hòa
Tình thương, công lý không màng tới,
Chúa phải chọn đường Ma-Ná-Tha (1)

(1) Ma-Ná-Tha: lược âm của chữ Maranatha, danh từ của người Do Thái dùng để nói đến ngày Chúa trở lại trần gian, chấm dứt thời đại tội lỗi của loài người, lập lại một thời đại mới mà mọi người sẽ vui sống trong tình yêu thương. Sự kiện này đã được Thánh Sử Jean viết trong quyển sách nhan đề "Apocalypse".

Phương Du Nguyễn Bá Hậu
(Paris)

Trên đường đi, thằng Cu Em không chịu cho chị cõng, mà nó tụt xuống đất, nắm lấy tay Trinh bước đi rất mạnh dạn, chứ không phải nắm tay chị nó.

Con bé Thạch Động cười toét miệng:

- Thằng nầy nó thích cô rồi, trước đây ít khi nó cho ai đụng tới.

Trinh thích thú:

- Thật sao! Vậy là dám cô sẽ sinh thêm con trai đó.

- Dạ.

Ngang qua gian hàng thịt nướng, cả bọn lại hít hà thích thú. Cho dù con bé Thạch Động cũng đã ăn một ít lúc nãy, Trinh vẫn kéo hai đứa vào trong gian hàng, mua thêm hai phần ăn, ít bánh trái, rồi mới về lều.

Con gái Trinh thấy Cu Em đến, lập tức đem hết đồ chơi ra khoe, rồi hai đứa xáp vào với nhau quên cả cha mẹ và tất cả. Vợ chồng Trinh và Thạch Động vừa ăn vừa nhìn hai đứa nhỏ. chúng chơi với nhau như hai anh em, Tí Ti ăn mặc giống con trai, khuôn mặt nó hào hứng thấy rõ.

Trinh bắt hai đứa phải ăn cho hết phần mình mới được chơi tiếp, không nghe lời thì cu Em phải đi về. Lời dọa vô cùng hiệu nghiệm. Hai cái miệng nhỏ chóp chép vừa ăn vừa bi bô với nhau rất dễ thương.

Nhìn hai đứa bé trước mặt, Trinh thầm nghĩ phải chi có vài đứa như thằng Cu Em là con trai mình thì hay biết mấy! Như vậy thì Trinh khỏi phải chờ đợi để sanh thêm một thằng cu, mà hai vợ chồng đều cố gắng hết sức, nhưng chưa hề thấy động tĩnh!

Ngồi một lát, con chị Thạch Động từ giã ra về. Nó gọi thằng Em:

- Nè, chị về nghe. Cu ở đây chơi với Tí Ti nghe.

Thằng bé nghe chị nói, vẫn cắm cúi đẩy chiếc xe tăng, miệng nói "bye" một cách thản nhiên, làm cho cả nhà buồn cười.

Cho chúng chơi với nhau một lát rồi Trinh lấy hai bộ đồ, sửa soạn đưa hai đứa đi tắm. Cu Em là con trai, nên dù thua Tí Ti gần một tuổi, mà nó cũng cao bằng, nên mặc đồ chung cũng được vì Trinh đã lựa quần sọc cho chúng nó.

Tim cũng hào hứng tham gia việc lo lắng cho Cu Em cùng với vợ, anh chàng có vẻ khoái thằng Cu Em thật sự, nhìn nó hay lắm cơ, nhỏ tuổi hơn Tí Ti, mà lúc nào cũng làm như là anh lớn không bằng! Tim cười:

- Anh đi với em, có gì phe con trai cần thì đã có anh.

Thật vậy, Trinh đã quên mất điều nầy, dù Cu Em còn nhỏ, nhưng nó là con trai. Thời buổi nầy có người săn sóc con nít giúp mình một tay, thì cũng đỡ hơn là phải đánh vật với hai đứa con nít một lúc!

Mà Trinh cũng muốn cho ông chồng mình có tinh thần trách nhiệm, để sau nầy nếu sanh thêm một đứa con, thì ông sẽ biết kinh nghiệm mà giúp.

Một lúc sau, họ gặp lại nhau. Tim và Cu Em tóc tai thẳng thớm, áo quần sạch sẽ, mặt mày sáng sủa, nhất là Tim lại bày vẽ, chải tóc ngược lên cao cho thằng Cu Em, với một chút keo xịt, nhìn nó giống như một ông chủ con người Ý! Rất là "cute".

Nhìn đồng hồ cũng đến giờ cơm tối, họ lại đưa nhau đi tìm hàng quán nào có bán những món khoái khẩu để ăn.

Phải nói rằng đây là một buổi Đại hội họp mặt hàng năm ở miền Trung Tây nước Mỹ của dòng Đồng Công, tổ chức khá qui mô từ mấy chục năm nay. Vì có hàng quán, chương trình văn nghệ và những buổi thuyết giảng đầy lý thú cho giới trẻ lẫn giới cao niên nên lúc nào cũng thu hút đông đảo khách thập phương người Việt. Cũng có một số ít khách ngoại quốc tham dự, có khi lên đến con số 80 ngàn người.

Vợ chồng Trinh là một trong số đó, dù sinh sống tận New York, nhưng năm nào nghe tin tức về Đại Hội qua ông bác ruột đang sống gần đó, cũng hội ý nhau đi hay không. Đây là lần đầu tiên gia đình Trinh đến. Vì con gái đã lớn, công việc thì cũng đâu vào đó và biết đâu cơ hội nầy có thể gặp lại tụi bạn cũ, hay bà con nên phải đi cho biết.

Khi tới nơi vào sáng ngày thứ năm, cả ba đều thích thú nhìn thấy khu lều trại, thiên hạ qua lại tấp nập, hàng quán vang lên những lời chào mời như ngày hội, nhất là những mùi thức ăn thoang thoảng trong không khí. Có đủ thứ khó kiếm như cháo lòng, dồi heo, bê thui, giả cầy. Nghe nói ngày thứ sáu càng đông vì người ta đến nhiều hơn.

Gia đình ông bác đã có kinh nghiệm về những buổi đại hội nầy, nên bác đã cắm sẵn giùm cho Trinh và Tim một cái lều kế bên gia đình bác, dưới một gốc cây lớn, cành lá xum xuê. Vì thế chỗ ở rộng rãi, thoải mái.

Trinh mang theo tấm nệm lớn, và Tim mượn đồ bơm hơi của bác để thổi phồng tấm nệm lên, thế là cứ đi chơi về mệt là nằm lăn lên đó, và chiếc quạt máy nhỏ bác cho mượn quá quý trong thời tiết nóng nực ở đây.

Thằng Cu Em quấn quýt bên Tí Ti không rời. Hai đứa say mê bày trò chơi với nhau, chúng ăn uống, nói chuyện gì mà người lớn nghe ríu rít như chim, không hiểu được nhưng

đại để là chúng rất biết nghe lời bố mẹ để ăn cho xong, rồi mới được chơi.

Đến tối, khoảng chín giờ Trinh nhắc thằng Cu Em chuẩn bị đi về, thì nó không chịu, lật đật leo lên nệm, chun vào tấm ra nằm cạnh Tí Ti để ngủ. Trinh biết là nó không muốn về.

Nghĩ ngợi một chút, Trinh chờ hai đứa nhỏ ngủ xong, mới nhờ bác để ý canh chừng giùm một chút, để hai vợ chồng tản bộ đến lều của ông Ninh, báo cho ông biết là Cu Em sẽ ở chơi thêm ngày mai vì nó không chịu về.

- Nếu ban đêm cháu có phá quá, cô cậu cứ kêu, tui sẽ đưa hắn về.

Nhưng đêm đó Cu Em ngủ yên cho tới sáng. Nhờ có tấm nệm King size, thì cũng không chật chội hay hề hấn gì.

Sáng hôm sau, khi không gian còn im lắng, thì Cu Em đã thức dậy, nó loay hoay một chút rồi ngồi lên nhìn. Trinh cũng đã thức khi nó mới ngồi lên, và nằm im xem nó sẽ làm gì.

Trinh thấy nó quay nhìn mọi người trong lều, sau đó nhẹ nhàng bò lại gần Trinh, rồi nằm xuống ngay sát bên nàng, khiến Trinh vô cùng cảm động. Thật là tội nghiệp cho thằng bé. Mẹ nó bịnh, lại còn có đứa em nhỏ hơn. Thằng nầy vì vậy thiếu sự ôm ấp của người mẹ.

Ngày hôm qua, Trinh đã dành cho nó nhiều âu yếm của tình mẫu tử, con bé Tí Ti thì đã có bố thương yêu bên cạnh, nên Trinh dành vòng tay mình cho Cu Em. Thằng nhỏ thích lắm, cứ thỉnh thoảng lại ngừng chơi, chạy đến hôn Trinh một cái.

Cứ thế mà Cu Em nó ở lại với Trinh trong những ngày cắm trại. Ông Ninh cũng thường hay gặp gia đình Trinh ở nơi một quán ăn nào đó, do nàng mời và lựa chọn.

- Ông mang các cháu cùng ra đây nhé.

Dù Trinh đã nói như vậy vì nàng nhìn thấy cả thùng mì gói hay nồi cơm nấu trên bếp gas… ăn với mớ thịt hộp mua ở chợ Mỹ, mà ông đưa theo cho đỡ tốn tiền nhà hàng… nhưng ông Ninh rất tế nhị, ông không muốn đàn con đông đúc của ông làm rộn túi tiền của Trinh, dù vợ chồng nàng nói thế nào ông cũng không nghe.

- Thì hôm mới đến đây gặp cô, tui cũng cho mấy đứa hắn ăn hàng một bữa rồi. Mình ăn ở nhà, lành mà đỡ tốn hơn, cô ơi!

Có Trinh giữ hộ cho một con đứa nhỏ, chính ông Ninh cũng cảm thấy thoải mái, có giờ nhiều hơn để đi cầu nguyện cho vợ. Ông chỉ hơn chồng Trinh vài tuổi, nhưng nhìn ông già háp, cũng chỉ vì gia cảnh của ông có phần khổ sở.

Ngoài việc đi làm, ông phải xin thêm tiền trợ cấp ở sở xã hội. Gặp phải bà nhân viên cùng màu da hách không chịu nổi, dọa nạt ông đủ điều, hạch sách và trì trệ đủ chuyện, nhiều khi ông nản mà muốn dọn nhà đi chỗ khác. Nghe nói Cali là nơi cho nhiều trợ cấp, nhất là những gia đình đông con như ông nhưng ngặt là ông không có tiền để di chuyển, mặt khác, vợ ông đang bị căn bịnh dữ hoành hành.

Thôi thì cứ tới đâu thì tới. Trinh nghe ông kể chuyện mà ái ngại giùm cho ông. Nhưng biết phải làm gì bây giờ?

Ngày chia tay, Trinh bắt đầu thấy quyến luyến thằng Cu Em. Bao nhiêu quần áo của Tí Ti, Trinh bỏ vào một bao ny lông cho Cu Em hết. Cả cái máy chơi game nhỏ, chính tay Tí Ti cũng đưa cho mẹ, con bé cũng thích thằng Cu Em như mẹ nó vậy.

Chuyến đi lần đó cho gia đình Trinh có nhiều kỷ niệm. Những tấm hình chụp chung với gia đình thằng Cu Em, nhất là hình một mình nó, hay chụp chung với Tí Ti dễ thương vô cùng.

Nhiều khi nhớ thằng bé, nghe Tí Ti nhắc, Trinh bốc phôn gọi cho ông, để Tí Tí nói chuyện với Cu Em, nhưng lạ một cái là số điện thoại nhà ông Ninh, Trinh không bao giờ liên lạc được. Lần sau cùng thì phôn đã bị cắt!

Rồi công việc làm ăn, thời gian cứ lừng lững trôi qua. Cả hai mẹ con cùng nhớ Cu Em, nhưng vẫn phải làm công việc hàng ngày. Vài lần, Trinh còn thử gọi cho vài người quen ở thành phố cha con ông Ninh ở, hỏi thăm họ về gia đình ông Ninh, có bà vợ bịnh ung thư, có những đứa con ngộ nghĩnh… nhưng không ai biết!

Vậy mà đã hai năm trôi qua. Lần nầy, Tim cùng Trinh trở lại nơi đây, hy vọng gặp lại gia đình ông Ninh. Dù không phải là một tín đồ thuần thành ngoan đạo, nhưng với thế giới đời sống quá xô bồ như ngày nay, những thiên tai, chiến tranh, lòng hận thù của con người đối với con người, làm cho người ta kinh sợ, hoang mang, và đâm ra nghi ngờ tất cả những gì đang xảy ra chung quanh mình!

Dĩ nhiên, cũng như mọi người là phó mặc bản mệnh của mình vào tay đấng tối cao. "Làm lành lánh dữ"… đó là câu người ta nêu ra để làm theo, hầu cứu rỗi phần linh hồn.

Ông Bác thì năm nào cũng đi dự đại hội Thánh Mẫu. Bác lại giữ giùm cho gia đình Trinh một cái lều, ở chỗ hàng năm thường ở, vì gia đình bác đến đây rất sớm, ngay thứ hai đầu tuần đã có mặt gia đình bác rồi.

Như lần trước, gia đình Trinh đến vào ngày thứ năm đầu tháng tám. Sáng sớm máy bay đã đáp xuống phi trường Springfield, Missouri, một anh con Bác đi đón về Carthage là nơi đại hội diễn ra.

Sau khi sắp xếp trong căn lều xong, Tí Ti đã hối thúc:

- Mình đi tìm Cu Em bây giờ hả mẹ?

Từ khi nghe cha mẹ nói đi Đại Hội, Tí Ti cũng háo hức trong chuyện nầy, tối ngày nó lo chăm chút những món đồ chơi nhỏ, với ý định là cho Cu Em, vì nó cũng nhớ thằng Cu Em lắm.

Vẫn những gian hàng bán thức ăn của các giáo xứ qui tụ, trong chỗ bán thức ăn ngay khu đất mà người Việt họp mặt cắm trại đông đảo nhất.

Nhìn những căn lều trại nhiều vô số kể trước mặt, những gian hàng rộng lớn của các giáo xứ dựng lên để đón khách, như gian hàng vợ chồng Trinh đang đứng, mùi thịt nướng từ phía trước lan toả bốc lên ngát mũi, mà lần trước, hình như cũng là quán nầy nơi Trinh gặp ông Ninh. Trinh vừa vui vừa mệt, vừa nóng lại hân hoan… bởi có thể được gặp những người thân từ lâu không gặp, nhất là gia đình ông Ninh.

Khi đó thì một anh bạn bước đến ôm chầm lấy Tim một cách vui vẻ, và nụ cười tươi nở hết cỡ trên môi anh ta. Thế là quây quần chuyện trò. Trinh cũng vui vì bắt đầu gặp lại những người bạn thân quen.

Vừa nói chuyện, Trinh vừa đảo mắt nhìn chung quanh, hy vọng thấy bóng dáng ông Ninh, Thạch Động, Mây, hay Cu Anh, Cu Em… nhưng hoài công. Khá lâu sau, khi đứng lên Trinh hơi thất vọng, nhất là bé Tí Ti buồn ra mặt.

Đi loanh quanh trong khu bán hàng, đi ăn buổi tối cũng không tìm thấy người muốn tìm! Trinh dắt tay Tí Ti vào nhà thờ cầu nguyện. Buổi tối, vì mệt, hai mẹ con ngủ một giấc cho đến sáng hôm sau Trinh chợt thức giấc và nhớ đến buổi sáng năm nào, khi thằng Cu Em bò lại gần và chui vào người mình ngủ, Trinh chợt nhớ nó day diết!

Từ khi gặp Cu Em về, Trinh và Tim đã cố gắng để có thêm một em bé, và Trinh đã có bầu. Nhưng oái oăm thay, khi cái thai được năm tháng, nàng bị làm băng, không giữ được đứa con, và đau đớn hơn là không thể có bầu được nữa! Trinh rất buồn về chuyện nầy, càng buồn càng nhớ tới thằng Cu Em.

Số điện thoại ông Ninh cho sau đó bị cắt, không liên lạc được nữa. Nhà ông không xài cell phôn. Vì thế Trinh chỉ cầu mong cho lần đi nầy gặp được thằng Cu Em, đứa nhỏ mà nàng yêu mến, dù biết gặp rồi về nhà lại càng nhớ thêm.

Qua thứ sáu, Trinh đi viết tờ giấy nhắn tin, nhờ mấy thầy ở phòng thông tin đọc giùm, rồi về nhà cùng Tí Ti ngồi chờ. Hai mẹ con chờ mãi, buồn ngủ quá vừa nằm xuống thiu thiu, thì bỗng nghe tiếng gọi nho nhỏ:

- Cô ơi… cô.

Trinh giật mình ngồi lên, mừng rỡ khi thấy con Mây đang đứng ở cửa lều. Thế là hai mẹ con theo Mây đi về lều của nó. Trên đường đi, con Mây cho biết mẹ nó mất cũng nửa năm nay rồi. Năm ngoái ba nó buồn nên không đi dự hội, năm nay mới đi. Ba nó đang ở nhà để giữ thằng Cu Chót.

Gặp lại ông Ninh, cả nhà Trinh mừng rỡ, nhất là Tí Ti. Nó đứng im nhìn thằng Cu Em, nay lớn hơn một chút và hơi ốm. Trinh ôm lấy Cu Em, nó cũng ôm Trinh và buột miệng:

- Mẹ, mẹ.

Thì ra nó cũng còn nhớ nàng! Trinh thương thằng bé quá, ghì chặt vào lòng mình. Sau đó, hai đứa nhỏ ôm đống đồ chơi Tí Ti đã mang theo ra một góc ngồi với nhau, có thằng thêm Cu Anh và Cu Chót nhập cuộc.

Ông Ninh kể cho Trinh và Tim nghe về chuyện nhà ông. Con cái đông, dù được trợ cấp, nhưng tội nghiệp từ ngay mẹ mất, con ông đã không có đủ tình thương và sự săn sóc hàng ngày từ bàn tay mẹ hiền.

Một ý nghĩ nhanh thoáng đến trong đầu Trinh. Tự dưng nàng buột miệng:

- Hay là ông cho tụi tôi được nuôi nấng Cu Em, giúp cho ông một tay, và cho cháu có người để ý đến hàng ngày.

Trinh kể cho ông nghe trường hợp của vợ chồng mình, không thể có đứa con thứ hai. Tí Ti rất thích Cu Em. Ông không cần phải làm giấy tờ thay đổi gì cả, nó vẫn là con của ông, chỉ cần báo cho sở xã hội biết là Cu Em đến sống với người bà con thôi.

Dĩ nhiên là ông Ninh hơi bất ngờ. Ông nhìn lũ con thơ dại nheo nhóc của mình, rồi ông nói sẽ trả lời trước khi tan đại hội.

Những ngày sau đó là những ngày vui, đi đâu Cu Em cũng tháp tùng gia đình Trinh. Nó tự động đi theo Trinh khi nghe nàng mở lời xin phép, khiến ba nó cũng phải phì cười!

Hai đứa trẻ thật là vui khi gặp lại nhau. Còn Trinh, nàng hồi hộp không biết ông Ninh có đồng ý cho thằng Cu Em đi theo nàng hay không? Ý nghĩ bất chợt đến khi mà Trinh chưa bao giờ bàn với Tim về điều nầy, bởi nàng đâu có dự định mà nói!

Thế nhưng Tim cũng thông cảm và đồng ý với vợ. Trinh nói nhỏ vào tai Tim:

- Cám ơn anh đã thuận cho em.

Vợ chồng Trinh đưa hai đứa nhỏ vào nhà thờ, bắt chúng cầu nguyện cho mọi chuyện suôn sẻ. Cu Em và Tí Ti thường ngước lên bàn thờ, chấp tay lẩm bẩm:

- Xin Chúa cho tụi con được ở gần nhau.

Cuối cùng thì tin vui cũng đến, ông Ninh muốn cho đứa con của ông có cơ hội sống gần những người có kiến thức, lại yêu thương trẻ. Dù nhớ con, nhưng ông hy sinh để con đi, cho tương lai của Cu Em sáng sủa, hơn là ở với ông… nhưng nếu Cu Em đi, thì phải có thêm Cu Anh, vì sợ nó nhớ nhà thì còn có nhau.

Từ đó họ hẹn gặp nhau mỗi năm tại Đại Hội Thánh Mẫu, ông Ninh sẽ rất vui khi ông và các con được gặp lại hai thằng Cu, còn vợ chồng Trinh và Tí Ti thì sung sướng vì có được hai thằng bé mình ưu ái sống bên cạnh, giúp cho nó có một tương lai tốt đẹp, đời sống có bàn tay chăm sóc của mẹ hiền.

Trên trời cao, chùm bong bóng mang màu xanh trắng, biểu tượng cho cờ của Mẹ đang bay lên, Cu Anh, Cu Em và Tí Tí ngước nhìn, rồi nắm chặt lấy tay mẹ.

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

(California)

LỆ CHÂU

Đã mấy xuân rồi, hả bể dâu ?
Những hình bóng cũ nay về đâu ?
Có ai đốt lại lò hương ấy
Mà nhớ vô cùng, hỡi Lệ-Châu!

Ta nhớ em như nhớ tháng ba*:
Ngày giờ có đó, nghĩ không ra!
Chính ta chẳng hiểu mơ hay tỉnh;
Ta ở đây mà nhớ chính ta!
(*) 29/03/1975: Đà Nẵng
(thủ-phủ Miền Trung) thất-thủ.

Ta nhớ ta là một tiếng im,
Con thuyền không bến, máu không tim,
Không hoa cho một làn hương quyện,
Không tổ nương nhờ một cánh chim!

Ta có đầu ta – một thánh-thư:
Biết đường, đâu ngại ngã ba, tư!
Lòng ta có lửa mà không bếp,
Như thiếu trùng-dương cho hải-ngư!

Thiếu một thần-giao, một cảm-thông;
Đời không tri-kỷ, không tâm-đồng;
Bơ-vơ như trận kình+nghê-chiến:
Biển cả tung-hoành một lão-ông!

Rồi bỗng đâu đây giữa gió khơi
Có em bỗng gọi, có ta "ơi!"
Thuyền như nhắm bến, chim tìm tổ,
Đêm muốn hừng đông, hận muốn vơi ...

Em đến – gần mà như muôn trùng,
Không tên, không lấy cả hình-dung...
Nhưng em đã đến, bằng xương thịt,
Đã sưởi lòng ta ... ấm lạ-lùng!

Em có là tiên... hay là... ma
Thì em cũng đã có yêu ta!
Tình em là một nguồn thi-hứng:
Bút rỉ mười năm... lại nở hoa!

Em đã theo ta mỗi bước chân,
Hòa trong hơi thở, nhập trong gân!
Có em là bạn... nên từ đó
Ta có niềm vui tự bản-thân...

Nhưng, bỗng tư bề nổi bão đêm:
Kình-ngư còn lại bộ xương lem!
Đất thành hoang đảo! dân thành rợ!
Ngư-phủ vào tù, lạc dấu em...

Nỗi nước khôn khuây, lại nỗi nhà,
Nỗi mình khắc-khoải một mình ta!
Bao nhiêu kỷ-niệm vào tro bụi
Như những kê vàng, quá-khứ xa ...

Ôi! Những ngày xanh, những ước mơ
Tan như ảo-ảnh mống trời mưa!
Thời-gian liệm lấp vào quên-lãng
Những mộng vàng son hóa mộng hờ!

Rồi có hôm nào như hôm nay:
Gió nào gợn sóng, lá nào bay ...
Cho ta gợi lại trong tâm-tưởng
Một thoáng ân-tình, thoáng rượu say ...

Trại Kho Đạn (Đà Nẵng), 1980-81

THANH-THANH

VỀ QUÊ LẦN CUỐI

Văn Quang

Viết từ Sài Gòn

Rất bất ngờ, vào dịp cuối năm 2012, các ông Nhất Giang và Vi Túy từ Úc gọi điện thoại cho tôi với một câu hỏi cũng rất "giật gân": Anh có muốn về Thái Bình không? Tôi nghĩ hai ông này định dỡn mặt với mình đây. Tôi còn đang phân vân tìm cách đối phó để khỏi rơi vào bẫy việt vị, Nhất Giang nói ngay: Thật đấy, chuyến này báo Văn Nghệ sẽ đi làm từ thiện ở Thái Bình, quê hương anh đấy. Anh thấy thế nào?

Tôi trả lời không cần suy nghĩ:

– Các anh làm từ thiện từ Đồng Bằng sông Cửu Long đến Campuchia, rồi Huế, Pleiku, Kontum, chỉ còn thiếu miền Bắc. Đồng bào đói khổ thì ở đâu cũng là người Việt mình cả. Sao lại không ra miền Bắc một chuyến nhỉ.

Vi Túy hỏi rất thành thật:

– Theo anh, miền Bắc còn nhiều gia đình nghèo lắm không?

– Ở đâu cũng có người nghèo trên khắp giải đất VN này. Ở miền Bắc, họ hàng tôi còn nhiều, nhất là ở tỉnh Thái Bình mà các anh vừa đề cập tới. Có những người "trên không chằng, dưới không rễ", nói rõ ra là họ không có người thân, không có họ hàng hang hốc với chính quyền địa phương, phần đông còn nghèo khó là cái chắc, chẳng khác gì những người ở các vùng quê miền Nam đâu. Chưa nói đến trường hợp như mấy đứa cháu tôi, sự nghèo khổ còn thê thảm hơn, kéo dài suốt từ năm 1954 tới bây giờ. Tôi kể lại sơ lược sự thật đó để các anh hiểu rõ hơn.

Nỗi khổ từ "muôn năm cũ".

Năm 1954, sau khi gia đình tôi vào Nam, anh cả tôi ở lại miền Bắc bởi anh theo kháng chiến chống Pháp từ những năm 1949. Như tôi đã có lần tường thuật với bạn đọc về cái chết oan uổng của ông anh cả tôi. Anh đang là chính trị viên, nhưng anh bị sốt rét nên sau khi đi bệnh xá, được nghỉ phép về làng dưỡng bệnh. Gặp ngay đợt cải cách ruộng đất, phong trào đấu tố được "phát huy" lên đỉnh điểm. "Chỉ tiêu" của làng tôi là phải đấu tố 3 anh địa chủ. Thế là ông anh tôi, vốn là con ông chánh tổng, bị lôi ra đấu tố rồi xử bắn. Để lại vợ và 3 đứa con nhỏ, có cháu mới 2 tuổi, cháu lớn nhất mới 6 tuổi. Bà vợ anh không chịu nổi cảnh nhục nhã này nên đã đâm đầu xuống ao nhà tự tử. Mấy đứa con nhỏ bị đuổi ra ở một túp lều lá trong khu vườn chè nhà tôi. Cả làng, kể cả người thân trong họ, cũng không dám giúp đỡ bất cứ thứ gì cho các cháu. Một lần các cháu mò cua bắt ốc, bắt được mấy con cá nhỏ ngoài đồng, mang về đến gần nhà, vô phúc gặp một anh dân quân du kích bắt đứng lại khám xét. Thấy mấy con cá, anh dân quân này quả quyết rằng hai đứa ăn cắp cá, anh ta mang đổ ngay mấy con cá xuống ao làng. Mấy đứa cháu tôi sống nheo nhóc trong hoàn cảnh đó. Tôi không muốn dài dòng về nỗi khổ này của các cháu. Chỉ biết rằng nỗi nghèo khổ đó đã theo đuổi các cháu từ năm 1954 đến nay. Một cháu đã mất tại Nam Định, một cháu bỏ làng ra Hà Nội sống cuộc sống lầm than cho đến bây giờ.

Tôi kể lại chuyện này để các anh hiểu thêm ở miền Bắc còn nhiều gia đình nghèo khổ, cái nghèo "tích lũy" lại từ bao năm

nay, đôi khi hơn cả miền Nam. Ở những làng quê Thái Bình không thiếu những gia đình như thế. Các anh đại diện cho bà con người Việt ở nước ngoài phát quà cho bất cứ tỉnh nào ở miền Bắc cũng sẽ gây xúc động cho bà con nghèo trong nước và gây được một tiếng vang đáng kể đấy. Một việc nên làm và không phải ai cũng làm được.

Ông Nhất Giang kết luận một câu hỏi gọn lỏn:

– Vậy anh có đi không? Chúng tôi lấy vé máy bay nhé.

Tôi "nóng máy" gật ngay: "Đi thì đi".

Kinh Kha qua sông Dịch

Thế là chuyến đi bất ngờ của tôi về quê hương được ấn định từ ngày 25 đến 27-12 vừa qua. Thật ra từ mấy năm trước, mỗi lần báo Văn Nghệ về VN tặng quà, tặng nhà tình thương cho đồng bào nghèo, tôi vẫn còn đủ sức "chiến đấu" với anh em, từ Lộc Ninh đến Biển Hồ Campuchia, đến Tiền Giang, Đà Lạt tôi đều có mặt. Nhưng mỗi năm tuổi một cao, sức yếu không còn đủ sức "trường chinh" nữa. Năm nay đã 80, tưởng rằng anh em cho yên thân "dưỡng già" trong cái chung cư mục nát này. Nhưng tiếng gọi của quê hương, của những người nghèo khó lại bất ngờ bật dậy, nói theo kiểu chữ nghĩa linh tinh ở đây là nó bật dậy "đột xuất"!

Tôi theo dõi tin thời tiết trên truyền hình, miền Bắc đang vào đợt rất lạnh, có hôm dưới 13 độ C, tôi hơi lo cho "cái thân già" này. Nhưng nhớ lại những ngày nằm trong trại tù cải tạo ở Sơn La, trời lạnh 3 độ C mà chiều vẫn phải tắm nước suối lạnh buốt còn chịu được thì có xá gì cái lạnh Hà Nội. Thế là thêm "dũng khí" ra đi, cứ như Kinh Kha qua sông Dịch vậy. Đi chuyến này rồi về có "bỏ mạng nơi xa trường" cũng đáng lắm.

Xin bạn đừng cho rằng tôi "quan trọng hóa" chuyến đi này. Ở vào tuổi tôi, nhiều bạn bè đã ra đi, nhiều bạn mới năm trước còn dong chơi đây đó, nay đã nằm bẹp, muốn đi đâu cũng không đi nổi. Bây giờ, tôi đi bộ hàng ngày chỉ 15 phút đã thở "bở hơi tai". Biết mình sức yếu rồi, chỉ còn điều an ủi cuối cùng là "làm được cái gì thì cứ làm, đi được đến đâu thì cứ đi". Chẳng có điều gì báo trước cho cỗ máy xài đã 80 năm, không hư chỗ nọ cũng hỏng chỗ kia, lắp vá lung tung, đến lúc nó "bung" là hết lết nổi. Do vậy mà chuyến đi của tôi hoàn toàn nằm ngoài dự tính và ngoài cả ý muốn, nhưng cũng phải "liều". Bạn đã đọc câu chuyện vui tôi gửi đến quý bạn tuần trước: Ở VN "không liều thì không sống được". Cho nên tôi đi chuyến này cũng là liều. Bởi tôi biết rất rõ, đi với "cánh Văn Nghệ Úc" là đi liên miên, ngồi xe vào đường làng xóc như nhảy mambo, cuốc bộ đường ruộng hàng vài cây số, đi liên miên để đến được nhiều nơi.

Đầu năm, cho tôi được tâm sự đường dài với bạn đọc thân mến của tôi thế thôi. Năm sau chẳng biết còn đủ sức, đủ minh mẫn để hầu chuyện bạn đọc nữa không.

Người Sài Gòn tiết kiệm cả đêm Giáng Sinh

Đêm 24-12, tôi đón Giáng Sinh ở Sài Gòn, vốn lười đi và tiết kiệm nên nằm nhà coi Ti Vi. Từ ngày phố xá Lê Lợi, Nguyễn Huệ trang hoàng đón Giáng Sinh và Năm Mới, tôi chưa hề bước chân ra đến mấy con phố chính rộn ràng đó. Dường như với người già ở thành phố này, nói chung, họ vẫn nghĩ năm nào cũng như nhau thôi, có đi xem cũng chẳng thấy gì khác. Vả lại năm nay đời sống quá khó khăn, những thứ đèn đóm xa hoa, năm nào cũng phải có cho đủ "lệ bộ" thôi, chứ khó mà vui nổi khi còn

trăm thứ lo bù đầu. Vô tình, những thứ đó dành cho những người giàu hay ít ra cũng đủ ăn đủ mặc. Dân nhà nghèo năm nay lo chạy gạo, lo thất nghiệp, tiết kiệm cả đến một cuốc xe đi hưởng thú vui không mất tiền, tức là không mất "phí". Cái gì chứ nghe đến "phí" là dân nghèo hết hồn rồi. Mất tiền đổ xăng, chẳng lẽ không uống ly nước mía, thôi, thà ở nhà, tiết kiệm được cho gia đình bữa ăn sáng, để dành tiền nộp phí sử dụng đường bộ. Đấy là một sự thật, ít ai nghĩ đến.

Tôi chỉ dám thức đến 11g đêm bởi sáng sớm hôm sau, 05giờ đã phải thức dậy ra máy bay. Coi như phải "bỏ quên đêm Giáng Sinh". Chuyến Jestar cất cánh từ Tân Sơn Nhất lúc 07g30 phút, sau 1g45 phút sẽ đến sân bay Nội Bài. Jestar là hãng hàng không giá rẻ nhất tại VN bây giờ. Nếu lấy vé trước 1 tháng hoặc 1 tuần, giá sẽ rẻ hơn nhiều. Chỉ bằng nửa giá Air VN và ngang với giá xe lửa có giường nằm. Khoảng hơn 1 triệu đồng 1 lượt Saigon – Hanoi. Tất nhiên bạn lấy vé khứ hồi sẽ còn được bớt thêm nữa. Máy bay lớn, khoang hành khách chật chội, tất nhiên không "sang" bằng những hãng khác, nhưng cũng không tệ. Khi máy bay sắp hạ cánh, phi hành đoàn thông báo nhiệt độ tại Nội Bài là 14 độ C. Cô gái ngồi cạnh tôi lè lưỡi rùng mình. Cô vận chiếc quần soọc để khoe cặp đùi dài trắng nhễ nhại. Có lẽ cô ra Hà Nội lần đầu.

Tôi "trang bị" khá kỹ, áo khoác dầy cộm, khăn len quàng cổ, những thứ hàng "son" mua ở chợ Đà Lạt từ mấy năm trước, nằm kỹ trong đáy tủ, bây giờ mới "phát huy tác dụng".

Về quê hương mà chưa biết
đó là quê mình

Từ sân bay Nội Bài, chiếc xe 16 chỗ chạy thẳng một lèo về Thái Bình. Con đường khá dài, ngồi ê ẩm mới tới nơi tôi đã sinh ra và lớn lên rồi bỏ xứ ra đi. Gần 3 tiếng sau chúng tôi tới giáo sứ Phục Lễ. Ngôi nhà thờ rất lớn, với những hàng cây được nắn tỉa công phu quanh những khu vườn sạch sẽ làm tôn thêm vẻ trang nghiêm của nơi này. Người đón tiếp chúng tôi là cha Thao, rất lịch lãm, trẻ và đẹp trai không kém gì tài tử màn bạc. Cha đãi đoàn một bữa cơm khá thịnh soạn. Mọi chương trình đã được hoạch định từ trước cả chỗ ăn chỗ ngủ. Nhưng để khỏi làm phiền nơi tôn nghiêm và có tự do hơn, chúng tôi xin phép cha cho ra nghỉ ở khách sạn bên ngoài.

Đó là một kiểu "nhà nghỉ" ở giữa những con đường lớn. Có nơi treo bảng là "nhà ngủ" cho tiện việc sổ sách. Phòng chật hẹp, cũng có máy lạnh, toilet nhưng có vẻ hơi bầy hầy, bạn kiếm miếng xà bông cũng không ra. Đêm giữa đồng quê nghe ếch nhái kêu cũng vui tai. Tôi chợt nhớ ra là tôi rời quê ra đi vào năm 1950, đến nay đã hơn 60 năm tôi mới được ngủ lại ở chính quê hương mình. Nhìn khung cảnh đồng quê trước mặt mơ hồ trong ánh đèn đêm, dường như nó vẫn vậy, không có gì thay đổi. Thay đổi chăng là ở con người. Tôi thật sự xúc động khi nhớ lại những con đường, những mái nhà, những ngôi trường tôi đã từng ê a học và những khuôn mặt từ xa xưa. Tất cả như còn đang lẩn khuất đâu đây và đang chờ đợi ngày chúng tôi trở về. Nhưng đồng thời với cảm tưởng ấy là ý nghĩ thực tế hơn, có lẽ đây là lần cuối tôi nghỉ lại nơi này. Niềm vui và nỗi buồn đan xen trong cái đêm "hội ngộ" hi hữu này. Đêm đó dù rất mệt nhưng tôi vẫn không tài nào nhắm mắt ngủ yên được.

Sáng hôm sau trở lại nhà thờ Phục Lễ, nghe các giáo dân nói chuyện tôi mới biết giáo sứ này thuộc xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình. Vậy mà từ hôm

qua tôi cứ tưởng giáo sứ thuộc huyện khác, mãi đến lúc đó tôi mới biết xã này thuộc huyện mình. Cách huyện lỵ Quỳnh Côi có 4 km, tức là cách làng An Hiệp của tôi 9 km. Bỗng dưng tất vả trở nên thân thuộc quá.

Buổi phát quà tại giáo sứ Phục Lễ

Đúng 9 giờ sáng buổi phát quà bắt đầu ngay tại sân sau nhà thờ Phục Lễ. Chúng tôi thấy việc tổ chức phát quà cho đồng bào nghèo ở một nơi như thế này là rất phù hợp. Nếu tổ chức ở một trụ sở hay ủy ban nào cũng bất tiện vì khẩu hiệu cờ quạt lung tung… Buổi phát quà cho cả đồng bào theo đạo Thiên Chúa và đạo Phật, không hề có sự phân biệt nào. Hơn 100 người đã tề tựu đông đủ, vài người "giàu lắm" cũng chỉ có chiếc xe đạp cũ. Phần quà gồm 2 gói thực phẩm và 100 ngàn tiền mặt. Đến nhận quà, hầu hết là các cụ già, các cô gái và em nhỏ vừa đủ tuổi xách được gói quà khoảng 4 kg. Quan sát những người dân ở đây, tôi không thấy điều gì khác biệt với những người dân ở các địa phương miền Nam mà tôi đã từng đi qua. Có lẽ người nghèo ở đâu cũng giống nhau cả thôi, quần áo "thời đại si đa" đủ mốt, đủ màu, đủ quốc tịch, chữ ăng lê trên ngực áo đủ kiểu kể cả kiểu "I ♥ you" trên áo các em nhỏ chưa đủ lớn khôn. Khác một chút là mùa lạnh nên ai cũng mặc vài ba chiếc áo chằng đụp nên có vẻ có da có thịt hơn.

Tôi cũng được anh em cử ra đứng phát tiền sau khi các cụ đã lãnh quà. Có cụ bê không nổi, rớt lung tung, người khác phải tới "khuân" giúp. Có cụ quên cả lãnh tiền, dù đã được nhắc nhở, tôi phải kéo áo cụ lại mời cụ lãnh giùm cho. Có cụ nói "các ông cho nhiều quá, chưa có "ông" nào cho nhiều như thế".

Tiếng gọi nhau í ới, vài người xúm lại "thồ" mấy phần quà trên chiếc xe đạp cũ. Họ vẫn còn quen với kiểu phương tiện vận chuyển thời chiến tranh đi tản cư, di cư.

Ngay hôm đó đoàn lại tiếp tục đi đến 4-5 nhà thờ khác nằm trong địa phận cai quản của cha Thao ở giáo xứ này. Đường làng nhỏ hẹp như bờ ruộng, có nơi xe gắn máy đi còn chật. Chúng tôi cuốc bộ từng chặng chừng 1-2 cây số. Thú thật, nếu không có mấy ông bạn mang giúp hành lý, tôi không đi nổi. Ở nơi nào bà con cũng có vẻ lạ lẫm với đoàn làm từ thiện từ nước ngoài về. Thậm chí có nhiều người chẳng biết nước Úc ở đâu, nếu không giải thích, họ vẫn cứ nghĩ rằng đó là nước Mỹ. Bà con ở miền này biết đến nước Mỹ và đồng đô la chứ quả tình không biết đồng đô la Úc hoặc đô la Canada. Xin bạn hiểu là rất nhiều người biết có đồng đô la chứ chưa nhìn thấy hoặc chưa được cầm đến bao giờ. Đó là điều ngược hẳn với dân Hà Nội. Ai cũng biết giá trị của từng đồng đô la và nhiều người định giá trị nhiều món hàng bằng đô la và tiêu bằng đô la mạnh tay hơn các cụ từ nước ngoài về VN đấy. Suy ra từ đấy, ở miền Bắc sự cách biệt về giàu nghèo giữa thành thị và thôn quê quá xa. Xa hơn cả miền Nam.

Trở lại chính nơi chôn rau cắt rốn

Buổi chiều chúng tôi lại lên đường trở về Hà Nội. Trên đoạn đường đó, chúng tôi đi qua huyện Quỳnh Phụ và qua cầu Hiệp. Đúng ra tên huyện cũ của tôi là Quỳnh Côi, nhưng sau này, các ông "nhà nước mới" sát nhập hai huyện Phụ Dực và Quỳnh Côi là một, đổi thành huyện Quỳnh Phụ. Rồi nhiều huyện, nhiều tỉnh thấy sự cai trị bất tiện nên lại tách lại các tỉnh huyện như cũ. Như Hà - Nam- Ninh, Vĩnh - Phúc - Yên….Nguyên cái việc sửa tới sửa lui này cũng tốn hết biết bao tiền của công sức của nhân dân. Giấy tờ đều phải làm mới để rồi làm lại như cũ. Sự thiếu nghiên cứu, thiếu kinh nghiệm, với

những bộ óc thích "đổi mới vô tội vạ" đã làm điêu đứng người dân không ít.

Ngày nay, cái phố huyện nhỏ xíu bây giờ được nâng lên thành thị trấn và đặt lại cái tên Quỳng Côi quen thuộc, nhưng huyện thì vẫn là huyện Quỳnh Phụ.

Đi qua con đường đúng 5 cây số từ thị trấn về phố Bến Hiệp, tôi bồi hồi nhớ đến những năm tháng từ phố tôi đi học trường huyện. Con đường trải đá, hai bên đã mòn nhẵn, mỗi ngày có hai chuyến xe đò chạy từ Bến Hiệp đến tỉnh lị Thái Bình. Con đường đã in đậm thuở ấu thơ của tôi, thuở mới tập và thích làm người lớn, thuở bắt đầu biết yêu vụng nhớ thầm cô hàng xén hoa khôi của phố Hiệp. Bốn năm dài như thế, mỗi ngày đạp xe đi trên con đường cái quan này. In đậm trong khối óc trẻ thơ của tôi là vào năm 1943, hai bên bờ cỏ, dọc theo con đường này có rất nhiều người chết đói, nằm la liệt bên đường. Có những xác chết, vì không chôn kịp, đã cháy đen vì nắng như bị hỏa thiêu. Hầu hết họ là những người từ phương xa đến xin ăn ở huyện tôi. Nhà tôi đã bắt tôi phải nghỉ học cả tháng để tránh bệnh tật lây lan từ quãng đường kinh hoàng này. Bây giờ trở lại, đó là những hình ảnh bi đát nhất vẫn còn như trước mắt tôi.

Chùa làng Sơn Đồng và ông sư tự thiêu

Đi gần hết quãng đường này, chúng tôi vì tò mò ghé vào làng Sơn Đồng thăm ngôi chùa có vị sư mới tự thiêu cách đây hai tháng. Làng này cách làng tôi vài cái bờ ruộng và một lũy tre thưa. Bà chị ruột tôi lấy chồng ở làng Sơn Đồng. Anh chị tôi có chừng 7- 8 đứa con hiện ở cả bên Mỹ. Các cháu đề nghị tôi ghé qua chùa thăm lại cảnh xưa có đúng như bức ảnh đã được đưa lên internet không và lý do nào nhà sư đã tự thiêu.

Chúng tôi đến ngôi chùa Sơn Đồng vào buổi quá trưa "trời không nắng cũng không mưa, chỉ hiu hiu gió cho vừa nhớ nhung". Không khí chùa ngoài vắng lặng, không một bóng người. Tôi lần ra phía sau chùa vãn cảnh, bất ngờ gặp được sư thầy, có lẽ là vị sư tạm thời trụ trì ở chùa này sau khi vị sư chính tự thiêu. Tôi gợi lại vài kỷ niệm cũ chứng tỏ mình là người cũ của địa phương này. Hồi đó bố tôi thường sai tôi sang chùa này mời cụ sư Hinh sang nhà tôi đàm đạo. Cụ sư Hinh rất phong khoáng trẻ trung nên tôi nhớ mãi tính cách đặc biệt của cụ. Vị sư thầy trụ trì mới này nhận ra ngay tôi là "người nhà". Vị này tự giới thiệu tên thật là Phạm Tiến Hường.

Sư thầy ra gặp anh em trong đoàn và thuật lại chuyện vị sư đã tự thiêu. Thầy nói khá chi tiết. Tôi chỉ có thể tóm tắt vài điểm then chốt. Vị sư tự thiêu là thầy Thích Thanh Hoằng; tên tục là Nguyễn văn Mười. Thầy viết thư tuyệt mệnh nói rằng "Thầy không oán trách phật tử, tự thầy oán trách thầy". Nhưng theo thầy Phạm Tiến Hường thì một buổi sáng thức dậy, thầy Thích Thanh Hoằng bị "người ta" lấy hết toàn bộ đồ dùng của thầy, trong đó có cả máy vi tính và nhiều sách vở. Thầy buồn lắm nên tự thiêu. Tôi không thể suy luận hai chữ "người ta" đây là sư thầy Hường đã ám chỉ nhân vật nào hay cơ quan nào. Vì một lý do nào đó, thầy Hường cũng chỉ nói hai tiếng "người ta", nhưng bạn đọc thừa thông minh có thể hiểu đó là ai và tại sao thầy Hường không thể nói rõ hơn được. Thầy Hường chính là người đã ở bên và giúp đỡ săn sóc cuộc sống cho thầy Thích Thanh Hoằng từ 10 năm nay nên biết rất rõ. Thầy Hoằng đã đổ 10 lít xăng lên người để tự thiêu vào buổi sáng. Sau đó vài ngày, chùa định làm một đám tang lớn nhưng lại được phường xã đề nghị cho đám táng đi vòng quanh con

đường phía ngoài chùa rồi an táng thầy phía sau miếng đất của chùa Sơn Đồng.

Cây cầu Hiệp mới,
nối liền Hải Dương- Thái Bình

Chúng tôi dừng lại chùa Sơn Đồng khoảng hơn 1 tiếng, buổi chiều anh tài xế trẻ đưa đoàn ra Bến Hiệp. Đây chính là nơi tôi đã sống suốt thời thơ ấu. Dãy phố có chừng vài chục căn nhà lầu, nơi có một số gia đình người Hoa làm ăn buôn bán cùng người Việt. Ngày nay chỉ còn lại là những dãy nhà tranh hai bên đường. Chỉ có cái cầu Hiệp mới làm xong, đó cũng là đặc điểm nổi bật nhất của tỉnh Thái Bình.

Cầu Hiệp bắc qua sông Luộc, nối liền đường bộ giữa 2 tỉnh Hải Dương - Thái Bình, cầu này thuộc 2 xã Hưng Long (huyện Ninh Giang) Hải Dương và Quỳnh Giao (huyện Quỳnh Phụ) Thái Bình, được khởi công xây dựng từ năm 2008. Cầu Hiệp có chiều dài 542,5m, rộng 12m. Buổi chiều trời mưa dăng nhẹ như mưa phùn mùa đông, cây cầu uốn cong nổi lên trên nền trời khá hùng vĩ giữa vùng quê nghèo. Tôi nhớ đến những lần bọn nhóc chúng tôi trần như nhộng, bơi qua sông Luộc giữa mùa nước lớn, dòng phù sa đỏ quạch chảy cuồn cuộn, sang bên kia sông ăn trộm vài trái bắp với cái lý do ngây ngô rằng bắp Hải Dương mới ngon. Và chỉ bơi qua sông chạy trốn về bờ nhà khi có người đuổi theo hô hoán, đứng trên bờ chửi theo. Tuổi trẻ ngỗ nghịch có vài phút sống lại.

Cây cầu này khiến tôi nhớ tới cây cầu Bo, lối bắt đầu vào tỉnh lỵ Thài Bình, nơi bà ngoại tôi sinh sống. Mỗi lần tôi được "lên tỉnh", nhìn thấy cây cầu Bo như nhìn thấy môt thiên đường mới. Đó mới là ấn tượng sâu đậm nhất trong tôi về quê ngoại. Tôi nhớ đến mấy câu vè của bọn học trò vẫn hát om xòm: "Thái Bình có cái Cầu Bo. Đêm đêm trai gái lại bò lên chơi. Cứ 5 mét lại một đôi".

Bây giờ Thái Bình có tới 2 cây cầu Bo, một mới và một cũ, nằm song song, nhưng chuyến đi này tôi không đi qua cầu Bo. Chiếc cầu Hiệp đã thay thế, nhiều xe chạy đường Hà Nội đã thay đổi lộ trình chạy qua đường cầu Hiệp sang Hải Dương ngắn hơn và đường xá tốt hơn.

Buổi tối về đến Hà Nội, chúng tôi quá mệt mỏi chỉ còn nước lăn ra ngủ. Trong chuyến đi của đoàn có một ông bạn từ Cali cũng tháp tùng. Ông Tiến, tục gọi là Tiến râu, người nằm chung phòng với tôi và mang vác hành lý, giúp đỡ tôi rất nhiều trong suốt cuộc hành trình này. Thế là có cả độc giả từ Mỹ về cùng làm từ thiện cho vui vẻ. Hà Nội đối với tôi chỉ là một trạm dừng chân đợi tàu xe. Nhưng cũng có nhận xét rất "vô tư" rằng người Hà Nội giàu hơn người miền Nam. Có rất nhiều nguyên nhân lý giải điều này sau khi tôi tìm gặp một vài người bà con, kẻ giàu nứt đố đổ vách, người nghèo kiết xác như đứa cháu tôi ở giữa lòng Hà Nội.

Buổi tối chúng tôi trở về Sài Gòn trên chuyến bay cất cánh vào 19g30 hoàn tất chuyến đi làm từ thiện lần đầu tiên ở miền Bắc. Thưa thật với bạn đọc, ba hôm sau hai bắp đùi tôi vẫn còn đau, leo lên cầu thang lầu 1 chung cư không muốn nổi. Thế mới thấy rõ mình đã "quá đát" và ngồi tiếc nuối thời trai trẻ. Nhưng dù thế nào tôi cũng bằng lòng với mình vì đã "làm được gì cứ làm, đi được đến đâu cứ đi". Đó chính là cuộc sống "có lý" của tuổi già, phải không bạn?

Văn Quang
Sài Gòn 04-1-2013

SỐNG CHẾT CHO TÌNH YÊU

Tâm Ngọc (Tôn Nữ Mặc Giao)

(Bài giải nhất về truyện ngắn năm 2012 do "Văn Thơ Lạc việt" tổ chức)

(Tiếp theo số báo 61)

Cha tôi được xuất viện nhanh chóng sau một cuộc tổng kiểm tra của các bác sĩ tham dự cuộc giải phẫu đầu cho ông. Vì nóng lòng muốn biết mọi chuyện nên cứ đòi mở cuộc họp mặt gia đình ở nhà ông ngoại ngay chứ không chịu nghỉ ngơi chờ đợi cho cái đầu mọc tóc trở lại gì cả. Vị bác sĩ tâm lý bệnh viện, thấy chuyện gia đình chúng tôi quá ly kỳ cũng xin góp mặt để theo dõi tâm lý bịnh nhân và tìm hiểu về hiện trạng lạ lùng đã xảy ra cho cha tôi. Nhưng tôi thật không ngờ vừa "clear" chuyện của cha xong thì lại "lòi" thêm ra chuyện của ông ngoại, có thật đời cha ăn mặn thì đời con khát nước không? Cho nên cuộc đời mẹ mới long đong bạc mệnh như vậy. Để cho có lớp lang thứ tự "kính lão thì đắc thọ", xin mời nghe chuyện của ông Ngoại trước. Xin đừng cười khi tôi hay chêm những câu tục ngữ, ca dao hay thành ngữ học được từ trong sách vở Việt Ngữ vào bài mà không biết mình dùng có đúng chỗ không? Bởi Việt Ngữ chỉ là "second Language" đối với tôi. Tuy tôi không sinh ra tại Mỹ, nhưng tôi được ông bà ngoại bồng đi khi tôi chỉ mới được gần hai tháng tuổi. Cho nên phải nói, đây là cả một sự cố gắng hết mình của tôi khi viết lại một câu chuyện bi thương, đầy nước mắt của các bậc trưởng thượng trong gia đình tôi, bằng tiếng mẹ đẻ khi tôi chưa ra đời và chưa hề chứng kiến bao giờ.

Vào khoảng thập niên 50, công tử Châu Trọng Đạo tuy là con nhà nghèo, mồ côi cả cha lẫn mẹ, nhưng lại may mắn được sự bảo bọc của một gia đình người anh em kết nghĩa của phụ thân mình ở Nam Định, nuôi cho ăn học tới lớn và làm việc tại Hà Nội. Nhờ có cái mã đẹp trai, lại ăn chơi bay bướm, hào hoa rộng rãi với bạn bè nên được thiên hạ phong cho hai chữ "công tử" chứ thật ra chỉ là "trên răng, dưới rún, chính giữa làng nhàng" mà thôi (chữ của ông ngoại tôi) chứ nào phải giàu có gì cho cam. Ban ngày cậu làm thư ký cho một hãng buôn lớn của người Pháp, buổi tối cậu đi hát cô đầu. Lăng nhăng lích nhích thế nào mà cậu lại "tặng" cho con gái bà chủ nhà trọ Hà Nội một cái "dấu ái ân" ngày càng lớn mạnh đằng trước bụng. Hoảng quá cậu vội đánh bài tẩu mã trốn vào Sài Gòn, nhờ bạn bè giới thiệu với khả năng Sinh Ngữ lưu loát, cậu được hãng thuốc lá MIC nhận ngay vào làm việc. Khi cuộc sống đã ổn định, có tiền rủng rỉnh rồi, máu "công tử" lại trỗi dậy trong người cậu. Đêm đêm cậu la cà khắp chốn ăn chơi và tiếp tục đem "nòng súng nhân đạo đi cứu người lầm than". Nhưng bây giờ cậu đã biết khôn, không để cho "người lầm than" nào bị đeo ba lô ngược cả. Rồi cũng nhớ tài ăn nói và bộ mã sáng sủa, cậu lọt được vào mắt xanh và kết hôn với một tiểu thư con nhà danh giá, có cha làm "lớn lắm" trong guồng máy chính phủ thời bấy giờ. Dựa vào thế lực nhà vợ, cậu thôi không làm cho hảng thuốc lá MIC nữa. Được cha vợ cất nhắc

đưa vào làm trong bộ Ngoại Giao, sự nghiệp của cậu lên như diều. Cha vợ làm lớn, cất nhắc con rể "lớn" theo cũng là lẽ đương nhiên mà thôi.

Khi hiệp định Genève chia đôi đất nước, nền Đệ Nhất Cộng Hoà được thành lập với vị Tổng Thống đầu tiên của miền Nam Việt Nam là ông Ngô Đình Diệm thì bố vợ của cậu đã lên đến tột đỉnh vinh quang, tiếng tăm lừng lẫy và cậu cũng được thơm lây. Chính vì quá ham danh vọng, quá dựa vào họ nhà vợ sợ mất đi những cái mình đang có trong tay, nên nhất nhất cái gì cũng phải nghe theo lời bố vợ. Không dám làm tầm bậy tầm bạ sợ gây tai tiếng là chết với ông bố vợ, chỉ cần một tiếng nói của "người làm lớn" đó thôi là cậu lập tức trở thành "Trần Minh khố chuối" ngay. Người ta vì thương con gái người ta nên đã ban phát cho cậu những "hào quang sáng chói" của cuộc đời thì họ cũng có thể làm cho đời cậu tối hù ngay lập tức. Vã lại lúc đó cậu cũng đã leo được lên đến "Tham vụ Bộ Ngoại Giao" và xuất ngoại lung tung. Sau một chuyến đi Tây về, cậu phát hiện trong nhà có một người giúp việc mới (con sen) mà vợ cậu vừa mới mướn về thay cho chị người làm trước, vừa lười vừa khó bảo nên vợ cậu cho nghỉ rồi. Thoạt nhìn thấy "con bé" giúp việc cậu giật nẩy mình, chính là con bé con bà chủ nhà trọ ở Hà Nội đã bị cậu cho đeo ba lô ngược ngày trước và đánh bài tẩu mã khi nghe tin nó có bầu, thì ra nó cũng nhanh chân chạy được vào Nam trước khi lệnh di cư chấm dứt. Phần con bé khi vừa gặp mặt cậu là cứ nhìn đăm đăm nhưng không dám hỏi vì có mặt phu nhân của cậu ở đó. Cậu suy nghĩ hoài không biết làm sao, bèn thú thật với vợ vì biết vợ rất yêu mình, cái gì cũng có thể bỏ qua. Vợ cậu quả là "Mẫu Nghi Thiên Hạ" yêu chồng đến thế thì thôi. Lẵng lặng tìm hiểu, nói chuyện dò hỏi nơi con bé ở. Biết được "dấu ái ân" ngày trước của chồng là một đứa con gái lớn hơn con gái bà 3 tuổi, động lòng trắc ẩn bà định bảo bọc và nuôi nấng mẹ con họ. Nhưng cậu không chịu, không muốn dính dáng gì tới nữa với cái dĩ vãng lem nhem ngày xưa ấy. Cậu bây giờ chỉ muốn mình được yên thân làm một người trong sạch không tai tiếng để còn ra ứng cử với tham vọng sẽ được đắc cử một cái chức gì đó trong chính phủ thời bấy giờ, hy vọng một ngày kia sẽ trở thành "ông nhớn" đầy quyền hành như bố vợ.

Sự phủi tay của cậu không được bà vợ chấp nhận, nhưng bà chưa kịp làm gì hết thì con bé người làm đã âm thầm biến mất, mà mãi đến hơn nửa thế kỷ sau bà mới biết được sự thật sau khi nghe xong câu chuyện đoàn tụ của cha con tôi. Thì ra cậu đã dùng tiền bạc và thế lực của bố vợ "đày" người ta ra khỏi Sài Gòn cho khuất mắt. Cũng may là cái người thừa hành lệnh của cậu "an bày" số phận mới cho mẹ con họ, động lòng trước hoàn cảnh tội nghiệp của hai mẹ con nơi xứ lạ quê người, nên đã ra tay nghiã hiệp giúp đỡ và họ trở thành chồng vợ sau đó không lâu. Với số tiền cậu cho để bịt miệng, hai vợ chồng họ kinh doanh mở xưởng đồ gốm ở tận đầu vùng giới tuyến Quảng Trị Đông Hà, cũng may nhờ trời thương buôn bán ngày càng phát đạt. Cái dấu ái ân rơi rớt của cậu ngày xưa đã khôn lớn thành một thiếu nữ diễm lệ với cái tên Trần Lệ Thu, sau này kết hôn với một người đàn ông không rõ lai lịch vì bị mất trí nhớ. Người đó chính là Cha tôi, tên Trịnh Nguyên Khải trước khi mất trí nhớ và là Đỗ Thành Tâm bây giờ. Cha kể:

Ngày đó, xa xôi lắm đối với một người vừa tỉnh dậy "sau cơn mê". Cha chỉ là một người lính nghèo với cấp bậc Trúng Úy Biệt Động Quân. Trong một lần về phép Sài Gòn, cha lái Honda đụng phải mẹ trên đại lộ Hàm

nghi khi mẹ đi bộ băng ngang qua đường. Từ đó, chuyện tình của người con trai thời chinh chiến và cô nữ sinh con ông "bự" đã được ông tơ bà nguyệt se lại, nhưng đụng ngay phải sự phản đối quyết liệt từ phía ông ngoại bởi bức tường môn đăng hộ đối chắn ngang. Ông Ngoại chê cha là một "thằng lính quèn", ông ngoại muốn cho mẹ đi du học và kén rể trong giới "tai to mặt bự" mà ông ngoại quen biết, ít nhất cũng phải là cử nhân, tiến sĩ đi du học về. Mẹ không chịu, phản đối quyết liệt. Ông ngoại nóng giận, bỏ đói nhốt mẹ. Bà ngoại thương con gái nên đã lén chồng thả cho mẹ đi tìm cha. Thời điểm này (thời Đệ Nhị Cộng Hoà với Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu) ông ngoại đã đóng lon Chuẩn Tướng bởi sau khi ông bố vợ (tức ông cố của tôi) qua đời năm 1957 thì ông ngoại cũng từ bỏ bộ Ngoại giao tòng quân theo lệnh tổng động viên ra chiến trường cầm quân giết giặc. Cho nên lúc này quyền hành ông ngoại có thể nói là hét ra lửa, muốn "đì" cho cha chết mấy hồi. Ông ngoại tức giận nói mẹ làm bại hoại gia phong, bêu xấu ông ngoại và từ mẹ luôn không ngó ngàng gì đến nữa. Bà ngoại vì thương nhớ mẹ nên đổ bịnh nặng, ông ngoại sợ bà ngoại chết, sai lính "lôi" đầu mẹ về tính chia uyên rẻ thuý thì phát hiện mẹ đã có thai. Ông ngoại càng tức giận hơn nữa mà không dám đánh con gái, ông kịp thời nghĩ lại có lẽ tại ngày xưa ông phá hoại đời con gái người ta rồi trốn trách nhiệm nên ngày nay con gái ông phải trả quả. Thêm vào lời cầu xin của bà ngoại, ông đành phải lôi "thằng trời đánh" về giảng "moran" cho một trận rồi nuốt giận gả mẹ cho cha.

Sau khi được danh chánh ngôn thuận nên duyên chồng vợ, mẹ không ở nhà bà Nội cũng không ở nhà bà ngoại mà theo chồng rày đây mai đó. Tháng giêng năm75, cha đưa mẹ về Sài Gòn ăn Tết, vì thấy tình hình chiến sự ngày càng căng thẳng, cha khuyên mẹ ở lại nhà ông ngoại chờ sanh. Cha mẹ bàn nhau nếu sanh con trai sẽ đặt tên là Trịnh Văn Hiến, nếu là con gái chỉ cần thêm chữ Ngọc thay cho chữ thị là được rồi. Sau đó cha trở ra đơn vị cùng bạn bè tác chiến, không ngờ đơn vị cha bị thất thủ và cha bị bắt. Xin thay mặt mẹ bổ xung những đoạn về mẹ của những ngày đất nước mới "được giải phóng" (nghe mẹ kể khi còn sống). Tin cha mất tích được báo về với gia đình, mẹ khóc ngất đòi đi tìm cha, ông bà ngoại can ngăn khuyên mẹ hãy nghĩ tới sự an toàn cho đứa con trong bụng, có tin tức gì ông ngoại sẽ cho biết ngay. Nhà bà nội nghèo, ở trong con hẻm bên cầu Bông Gia Định. Ông nội mất sớm, bà nội ở có một mình với quán cơm tấm, cà phê bình dân làm sinh kế bán cho dân lao động đi làm vào buổi sáng sớm. Nay nghe tin con trai mất tích, mẹ sợ bà nội xuống tinh thần nên dọn qua ở với bà nội. Cuối tháng hai, sau khi mẹ sanh tôi, miền Nam càng ngày càng dầu sôi lửa bỏng, thất thủ liên miên. Chiều 20 tháng 4, ông ngoại qua nhà bà nội nói mẹ với bà nội thu xếp theo ông ngoại vào tòa đại sứ Mỹ ngay. Bà Nội nói cha mất tích chứ không phải chết nên bà phải ở lại chờ cha về, mẹ cũng không chịu đi. Ông ngoại năn nỉ cách mấy cũng không được, cuối cùng mẹ đứt ruột quyết định gởi đứa con thơ còn đỏ hỏn nhờ ông bà ngoại bồng đi nuôi nấng dùm để mẹ ở lại đi tìm cha.

Sau đó Sài Gòn thất thủ, "dinh" của ông bà ngoại bị "cách mạng" trưng dụng, mẹ có đưa sổ gia đình chứng minh mẹ là con gái ruột của chủ nhà để xin giữ lại ngôi nhà thì bị họ nạt nộ:

- Gia chủ chạy theo Mỹ Ngụy mà còn đòi nhà hả? Có một mình mà ở làm gì cái nhà to như thế này? Để cho nhà nước "nàm" việc.

Mẹ trở về tá túc với bà Nội, hai mẹ con đùm bọc lẫn nhau. Tội nghiệp mẹ, hồi nào tới giờ là tiểu thơ khuê các có làm gì động móng

ĐẦU NĂM MỚI DƯƠNG LỊCH LÀM THƠ THĂM BẠN THƠ

đầu Năm xuân đã về chưa Thơ ?
mồng một mưa giăng mắc mịt mờ!
tưởng cách quê nhà Thơ cạn ý
thật gần huynh hữu Nghĩa đầy mơ
năm châu: bảy chữ năm vần lụa
bốn bể: ngũ ngôn tứ tuyệt tơ
nhất chỉ lò cò mà rộng khắp*
Việt Nam Thi phú khó làm ngơ

Tố Nguyên

01/01/2013

* bà con đa số dùng Computer gõ bài bằng một ngón tay, gọi vui là Nhất Dương Chỉ.

ĐÔI BỜ THƯƠNG NHỚ

(Họa)

Thương nhớ mười lăm… bước thẩn thơ
Ánh trăng xao xuyến quyện sương mờ
Mưa chiều đất Bắc buồn da diết
Nắng sớm miền Nam rộn ước mơ
Người ở bên ni… hoa kết trái,
Kẻ về phương nớ nhện giăng tơ.
Xa nhau mấy chục năm rồi nhỉ,
Em có khi nào chợt… ngẩn ngơ!

Hồ Công Tâm

1.5.2012

tay đâu, bây giờ phải dậy sớm thức khuya, lam lũ phụ mẹ chồng buôn bán, làm tròn bổn phận dâu con. Mẹ dọ hỏi tin tức cha khắp nơi qua những người quen biết, nhưng đa số các sĩ quan của chế độ cũ đã bị gom lại bắt đi học tập theo chính sách chế độ mới hết rồi nên cũng không hỏi được nhiều. Chỉ có một vài người Hạ Sĩ Quan dưới quyền của cha ngày xưa cho biết, họ có nhìn thấy cha khi bị bắt chung. Lúc còn nhốt ở trong rừng chờ ngày dẫn ra Bắc vì lúc đó Sài Gòn chưa thất thủ. Có một lần cha vượt ngục bị họ bắt lại được, họ đánh đập tàn nhẫn và nện báng súng vào đầu cha đến ngất đi nhưng cha vẫn không tởn, cứ có cơ hội là cha "chẩu", họ cho cha là thành phần nguy hiểm nên giam biệt lập. Sau khi Sài Gòn thất thủ, họ là Hạ Sĩ Quan nên được thả về địa phương học tập 3 ngày, từ đó không biết số phận cha ra sao, nhưng họ quả quyết là cha vẫn còn sống. Hai mẹ con (mẹ và bà nội) mòn mỏi chờ tin cha, tất cả những sĩ quan đi học tập giờ đã có tin về gia đình, riêng cha vẫn bặt vô âm tín. Mẹ nóng ruột, lần mò đến tận nơi cha bị bắt dò hỏi trong dân chúng, vào tận trụ sở công an, trình bày sự việc để cầu may xem họ có biết được những tù binh bị bắt khi xưa đã được đưa về đâu không? Nói tóm lại, mẹ không bỏ qua bất cứ cơ hội nào dù là hy vọng rất mỏng manh. Lúc đó, những người được gọi là "chiên thắng" nhìn vợ của những sĩ quan cũ bằng con mắt không được thiện cảm (nếu không muốn nói là căm thù). Cho nên mẹ chỉ nhận được một sự trả lời lạnh lùng khinh khỉnh thật đáng ghét:

- Không biết!

Tôi nghiệp mẹ, một cánh hoa trong thời loạn. Bôn ba khắp nẻo đường đất nước tìm chồng sau ngày tàn chinh chiến, dù chỉ nhận được sự lạnh lùng từ những con người của chế độ mới, nhưng mẹ vẫn không nản lòng. Mẹ tháp tùng theo quý phu nhân quen biết có chồng là Sĩ Quan bị đưa ra Bắc, nay được giấy đi thăm nuôi chồng. Mẹ cũng phụ gồng gánh đi chung với họ, được các phu nhân khai

là chị em, nên được tháp tùng vào tận nơi thăm nuôi dò hỏi. Rồi cũng có một vài vị Sĩ Quan cho biết tin tức về cha, nhưng lại là tin buồn. Họ nói là cha vượt ngục lần cuối cùng trước khi Sài Gòn bị thất thủ một tháng, đêm hôm đó họ nghe có vài tiếng súng nổ xa xa, và sáng ra khi gom tù lại một chỗ họ không còn nhìn thấy cha đâu cả (họ chỉ được di chuyển vào ban đêm mà thôi, ban ngày bị nhốt vào một chỗ canh giữ). Bây giờ cũng không thấy cha trong đoàn tù ngoài Bắc, họ đoán nhiều phần là dữ nhiều lành ít rồi khi biết cha cũng không quay về tìm mẹ. Mẹ vẫn không bỏ cuộc, nhưng bà nội thì tuyệt vọng vì bặt tin cha nên đổ bịnh nặng qua đời. Một mình mẹ lo ma chay tang chế và trở thành một con người xốc vác, bôn ba đây đó. Thời gian này mẹ đã liên lạc được với ông bà ngoại ở nước ngoài nên tài chánh của mẹ không đến nổi eo hẹp lắm. Nhưng mẹ vẫn "nhảy" xe lửa từ Nam ra Bắc, hoặc đón xe đò từ miền Tây lên Sài Gòn để buôn đi bán lại các loại hàng hóa với niềm hy vọng duy nhất: Một ngày kia sẽ được trùng phùng với cha.

Đến khi con gái của mẹ bắt đầu đi Mẫu Giáo, vì sợ con gái không nói được tiếng Việt và muốn dạy con theo ý mình, để mai sau có gặp lại cha cũng không hổ thẹn vì đã làm tròn trách nhiệm người mẹ. Mẹ chấp nhận nộp đơn bảo lảnh của ông Ngoại để ra đi đoàn tụ với con. Trước khi đi Mỹ, mẹ còn nghĩ sợ cha về không liên lạc được nên đã cẩn thận gởi gấm khắp nơi. Mẹ tìm đến những gia đình người bạn của cha và thân nhân họ hàng quen biết, dặn dò xin họ giúp đỡ nếu cha có tìm về được thì báo cho mẹ biết. Hai năm sau mẹ đặt chân tới Mỹ, và tôi thân thiết với mẹ ngay như đã kể ở trên. Việc đầu tiên mẹ làm là liên hệ với các hội đoàn người Việt, đưa tên tuổi, cấp bậc, số quân của cha nhờ họ tìm dùm. Nhưng có lẽ duyên cha mẹ đã tận, nên khi tôi vừa lấy được mảnh bằng tốt nghiệp Đại Học thì mẹ qua đời vì chứng ung thư gan lúc tuổi đời chưa đến 50. Cha nghe xong ôm mặt khóc ngất, khi đã qua cơn xúc động, cha nghẹn ngào kể tiếp:

- Thật ra lần đó cha đã vượt thoát, lúc đó hình như họ đã đưa bọn cha ra đến Thừa Thiên, Huế thì phải. Khi thì đi bộ theo đường mòn Hồ Chí Minh, lúc thì bị tống lên motolova bít bùng, tiếng súng nổ trong đêm là họ bắn bừa theo hướng cha chạy mà thôi. Sáng ra, cha lột bỏ đồ nhà binh, giữ lại cái áo thun và quần đùi đi chân đất len lỏi trong rừng chịu đói chịu khát, ban đêm núp lại vì sợ phát hiện. Họ di chuyển ban đêm và núp lại ban ngày trái ngược với cha. Vài ngày sau cha ra được đến Quốc Lộ 1 nhập chung với đoàn người di tản, và cha đã khóc hu hu lên khi nhìn thấy tử thi lính mình cũng như dân chúng bừa bãi khắp nơi, cái cảm giác nước mất nhà tan khiến cha đau lòng cực điểm. Cha cứ nấc lên liên hồi giữa đám tử thi cho đến khi nghe thấy một tiếng nổ lớn kinh hồn rất gần bên, tai cha ù đi, thân cha được nhấc bổng lên và rơi xuống thật nhẹ nhàng. Có cảm giác như đi vào một thế giới khác….

"Dì" Lệ Thu từ nãy giờ yên lặng, thỉnh thoảng đưa "tissue" lên chậm nước mắt, bỗng kể chen vào:

- Chúng tôi "nhặt" được cha con trong đống tử thi bên lề quốc lộ khi chúng tôi đi ngược đường trở về nhà. Có nghĩa là chúng tôi đã di tản được khá xa, nhưng vì mẹ tôi bị trượt té gãy chân, nên sau khi ghé đỡ vào một trạm xá bên đường bó bột tạm, chúng tôi quyết định không di tản nữa. Cha tôi tìm được một cái xe ba bánh bị đứt làm đôi, không có chỗ ngồi đạp phía sau của ai đó bỏ bên lề đường, đặt mẹ tôi ngồi trên đó kéo lui trở về nhà. Thỉnh thoảng cha tôi phải dừng lại để kéo những thây người nằm giữa lộ cho gọn vào trong lề, chứ không dám kéo xe cán qua tử thi một cách bừa bãi. Khi về gần đến nhà,

cha tôi kéo một tử thi giữa lộ vào lề, bỗng nghe một tiếng rên nho nhỏ phát ra từ cửa miệng của thây ma đó. Cha tôi giật mình nhìn lại thì thấy người đó nhăn mặt có vẻ đau đớn lắm! Cha tôi sờ vào cổ của người đó bắt mạch rồi la lên (cha tôi biết khá nhiều về thuốc Bắc): "Người này còn sống". Rồi bảo mẹ tôi ngồi xích vào một chỗ và nói tôi phụ với cha khiêng người đó lên xe ba gác đem về nhà. Đêm hôm đó tôi phụ với cha tôi lau rửa vết thương và chăm sóc cho người đó tới gần sáng mới thiếp đi được khi thấy người bệnh đã không còn nguy hiểm nữa.

Trưa hôm sau thì người đó tỉnh lại kêu nhức đầu và chẳng nói được gì nhiều vì lúc tỉnh lúc mê. Cha tôi bốc thuốc rồi giao cho tôi đem sắc. Một tuần lễ sau người bịnh phục hồi nhanh chóng, vết thương ngoài da không đáng kể nữa, nhưng vết thương trong đầu lại gặp rắc rối. Người đó chẳng biết mình là ai, tên gì? Tại sao lại bị thương nặng như vậy. Cha tôi thương hại không nở để một người tâm trí bất thường ra đi như vậy nên giữ lại chờ tình hình yên ổn rồi tính sau. Người đó chính là cha con, ngoài việc không nhớ mình là ai, cha con hoàn toàn bình thường. Ăn nói đâu ra đó, rất lịch sự, ít bông đùa nhưng có lòng nhân và hay giúp đỡ người khác. Khi sức khoẻ đã tương đối được bình phục, cha con hay phụ với cha tôi đi chôn cất tử thi người chết, lúc rảnh thì chuyện trò với tôi. Vài tuần sau thì Sài Gòn thất thủ, dân chúng ai về nhà nấy, cha con vẫn không biết phải đi về đâu. Chúng tôi cũng lúng túng vô cùng không biết phải khai với chế độ mới như thế nào về thân phận của cha con, chẳng lẽ lại nói cha con là người mất trí nhớ? Ai mà tin! Lúc đó tôi đã có cảm tình nhiều với cha con, bởi sau nhiều lần trò chuyện tôi nhận xét được cha con là người có tầm cỡ văn hoá cao chứ không phải vô học thức. Nên ngỏ ý với cha tôi khai đại với nhà nước cha con là chồng của tôi, với cái tên cũng khai đại là Đỗ Thành Tâm như con đã biết. Ít lâu sau chúng tôi trở thành chồng vợ thật, tuy rất yêu cha con và không hề thắc mắc lai lịch quá khứ của chồng. Nhưng tôi cũng không tránh khỏi phập phồng lo sợ, nếu một ngày nào đó cha con nhớ lại được phần đời trước mình đã có vợ con thì tôi phải làm sao? Cuối cùng tôi nghĩ duyên phận là do trời định, mình là kẻ đến sau thì không nên để khổ cho người đến trước nếu quả thật chồng tôi nhớ lại được mình đã có vợ trước khi mất trí nhớ và tìm về với gia đình. Vì nghĩ thế cho nên tôi an phận sống với cái hạnh phúc mình đang có trong tay. Chúng tôi sinh sống bằng nghề lò gốm của cha tôi.

Một thời gian sau, nhà nước đánh tư sản mại bản, đòi "quản lý" xưởng đồ gốm của cha tôi. Nhận thấy cuộc sống đã bắt đầu "khó thở", cha tôi tìm đường móc nối cho cả gia đình đi vượt biên theo đường bán chính thức của Tàu, lúc đó tôi đã có được một trai, một gái. Và chúng tôi đã được định cư tại San Diego, chỉ mới di chuyển đến San Jose khoảng 5 năm nay mà thôi! Một thời gian sau khi đến Mỹ thì mẹ tôi mất, chúng tôi vẫn sống đùm bọc với người cha hiện tại. Tuy không phải là cha ruột của tôi, nhưng ông là người rất tốt, đã cưu mang mẹ con tôi từ khi tôi còn tấm bé, coi tôi như con ruột. Cuộc đời của mẹ tôi cũng chẳng suông sẻ gì. Cha ruột tôi bỏ rơi khi biết mẹ mang bầu và trốn vào Nam, nghe nói sau này ông làm lớn lắm trong quân đội tên Châu Trọng Đạo. Nhưng mẹ tôi cũng chẳng tìm kiếm mà làm gì khi đã yên bề gia thất với người chồng hiện tại. Rồi có một lần cha con trèo lên mái nhà chỗ cao nhất, (nhà tôi có lầu) để đóng đinh treo đèn Noel thì bị ngã lăn từ mái nhà xuống đất. Cha con tỉnh bơ đi vào nhà nghỉ ngơi chứ không chịu

đi bệnh viện vì thấy mình không có bị thương gì cả, nhưng đêm hôm đó cha con bị ói mửa và hôn mê. Tôi gọi 911 để đưa cha con vào bệnh viện, và mọi việc xảy ra như chúng ta đã chứng kiến từ hơn một tháng nay. Cha con đã bị một "cú sốc" quá nặng rơi từ trên cao xuống hồi 75 nên mất trí nhớ. Rồi bây giờ cũng nhờ tai nạn rơi từ mái nhà xuống mà cha con đã nhớ lại mọi chuyện.

Ông ngoại khi nghe dì Lệ Thu kể xong, tách nước đang cầm trên tay bỗng rơi xuống đất vỡ tan tành, bà ngoại thì chụp lấy dì hỏi tới. Còn tôi nước mắt chan hoà ôm lấy cha xin lỗi vì những oán hờn vô cớ bấy lâu nay. Vị bác sĩ tâm lý trước khi ra về đã làm dấu thánh giá nói với cha tôi:

- Quả là một chuyện hy hữu không thể tin được nếu không tận mắt chứng kiến, có thể viết thành tiểu thuyết được đấy! Xin chúc mừng gia đình ông "sau cơn mưa trời lại sáng".

Chúng tôi vỗ tay hoan nghênh vị bác sĩ đã hiểu được những câu ca dao, tục ngữ của văn hoá Việt Nam. Quả là một sự đại trùng phùng của gia đình tôi, ông ngoại gặp lại con gái, tôi tìm được cha. Có điều là sau này, ông ngoại đã cạo đầu tu tại gia để ăn năn xám hối những tội lỗi mình đã làm khi xưa. Bà ngoại thì tu lâu rồi kể từ sau khi mẹ tôi mất, bà nói để xám hối tội lỗi cho ông ngoại. Dì Lệ Thu không oán hận gì ông ngoại cả mà chỉ nói một câu hết sức là nhà Phật:

- Phận làm con không nên phán xét chuyện làm của cha mẹ khi mình chưa ra đời. Cái gì hỷ xả được thì nên hỷ xã, cuộc đời này là cõi tạm, chấp nhất nhiều quá khi xuôi tay nhắm mắt làm sao mà nhẹ nhàng ra đi cho được?

Sao dì có nhiều điểm giống mẹ tôi thế! Cả hai đều hiền lành, có tâm đạo. Và đặc biệt là cả hai đều yêu cha tôi tha thiết. Thời gian sau này tôi rất thân thiết với dì như hai mẹ con, khoảng cách tình cảm giữa chúng tôi càng ngày càng kéo lại gần nhau hơn. Và tôi đã thật sự kêu lên được hai tiếng "mẹ ơi!" khi tôi sanh đứa con đầu lòng được dì ở cạnh bên chăm sóc vuốt ve, an ủi chia xẻ cho tôi quên đi cơn đau để chuẩn bị bước vào cuộc đời làm mẹ. Chỉ có cha là tội nghiệp! Biết nói làm sao đây? Thôi thì xin mượn câu kết của một truyện ngắn nào đó mà tôi đã đọc được trên báo để kết thúc câu chuyện về cha như sau: "Từ đó, chiều nào trong nghiã trang Oak Hill ở San Jose cũng có một người đàn ông mặc nguyên bộ đồ đen, đội cái nón đen, đeo cặp mắt kiếng đen, quỳ phủ phục trước ngôi mộ một người đàn bà đã một đời sống chết cho tình yêu. Thủ thỉ thì thầm, kể lại chuyện một người đàn ông đã "ngủ" một giấc ngủ dài suốt hai mươi tám năm qua…."

Tâm Ngọc
(Tôn Nữ Mặc Giao)
California

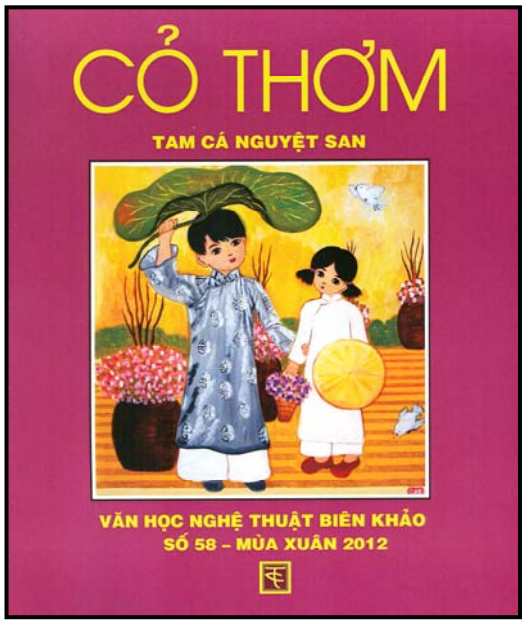

TRỜI ƠI!

Nguyễn Lân

(Tiếp theo kỳ trước)

Một tuần lễ sau. Trà Mi đang lui cui rửa rau trong bếp. Có tiếng gõ cửa. Nàng đang mong ngóng tin tức người tình. Cánh cửa vừa hé, Trà Mi đón một điện tín vỏn vẹn mấy chữ "Hoàng Cung đã đền nợ nước trong khi thi hành nghĩa vụ quân sự". Trà Mi lặng người. Nàng không khóc, không cảm thấy gì. Nàng tê dại. Không biết bao lâu cho đến khi Vân Họa về. Vô hồn, Trà Mi trao bức điện tín cho chồng. Vân Họa đọc xong, lắc đầu lạnh nhạt: "Tội nghiệp!" Thế thôi.

Đã hơn ba tháng từ ngày Cung chết, Trà Mi không hé môi với ai. Nhưng cái bào thai đã lộ cho mọi người biết điều đó. Vân Họa nhìn thấy. Anh đã nghi ngay từ ngày vợ đưa tờ điện tín với vẻ thất thần. Anh không cần nói gì. Để xem người đàn bà ngoại tình xử sự ra sao.

Những ngày thai nghén thật là một cực hình. Trà Mi vẫn chu toàn lo cho chồng món mắm tép, món cá bống kho tiêu Vân Họa thích. Hầu như ngày nào anh cũng đòi ăn những món đó. Trà Mi vụng trộm dấu những ụa mửa nhưng không qua khỏi mắt chồng. Trong bữa cơm, Vân Họa còn ép vợ ăn cùng với mình những thức ăn làm Trà Mi nôn thốc nôn tháo mấy lần. Anh vẫn tỉnh queo, như không biết gì. Nhìn cái bụng vợ ngày một lớn, Vân Họa vẫn giả đò làm ngơ. Anh còn cho biết, giá xăng dầu lên, tiền xe bus của nàng quá nhiều. Anh muốn vợ đi bộ. Đã đến nước này, Trà Mi phải thú để giữ cái thai nhi vô tội.

Một chiều xâm xẩm tối, sau bữa cơm. Trà Mi tới trước mặt chồng, nàng quì xuống:

- Xin anh nương tay cho em để giữ cái thai này. Nó vô tội. Em sinh xong, anh hãy trừng phạt em.

- Gớm thật! Ngựa bà thật! Đến giờ này mới thú. Quả báo nhỡn tiền, cô thấy không? Thằng tình nhân của cô đã tan xác. Giờ đến con nó! Mắc mớ gì mà tôi phải lo? Vân Họa rít lên giữa hai lằn môi mỏng cố mím chặt.

- Em van anh.

Mặt lạnh tanh, Vân Hạc gằn giọng:

- Muốn giữ cái mầm tội lỗi này thì xéo đi chỗ khác. Tôi sẽ đến cái trường đầy đạo lý cô đang dạy để báo tin cho Hiệu trưởng, cho đồng nghiệp, cho học trò biết cô giáo Trà Mi chính chuyên, thuần hậu, ngoại tình, chửa hoang. Có đúng không?

- Em lạy anh.

Nàng dập đầu xuống đất. Người nàng nóng như đang lên cơn sốt. Thân thể đau đớn rã dượi. Nhưng Trà Mi có lý do để tồn tại. Nàng phải tranh đấu giành quyền sống cho hạt máu rơi này.

Vân Họa đứng dậy. Trà Mi rướn mình ôm lấy chân chồng. Anh kinh tởm, lấy chân hất vợ sang một bên. Trà Mi thấy đau nhói nơi bụng. Mặt Vân Họa chai lại. Anh nhìn người đàn bà quằn quại dưới đất, lạnh lùng bỏ lên lầu.

Từ ngày ấy, Vân Họa không ngó tới vợ một lần nào nữa.

Từ ngày ấy, Trà Mi không dám van xin chồng điều gì. Nàng gắng gượng đi dạy học, chu toàn mọi việc trong nhà trước giờ chồng tan sở. Nàng đã trở thành một người làm công không lương, không tình nghĩa ban cho từ ông chủ.

Chín tháng trôi… Bụng một ngày một to… Trà Mi vẫn làm việc cật lực…

Vân Họa không thèm cầm tiền của vợ nữa. Nhờ đó Trà Mi dành dụm được cho ngày sinh nở.

Đa Lạt Anh Về

Từ thuở đào Xuân chớm má hồng.
Em là Đa lạt tuổi hừng đông.
Anh đi tình vẫn còn ngây dại.
Em có còn thương anh nữa không?

Đa lạt anh về thu mới sang.
Mi-mô sa rụng, nắng hoe vàng.
Cam Ly khói tỏa, sầu lay mộng.
Em có còn mơ… đêm Ái Ân ?

Trường cũ mù giăng -chiều Chi Lăng.
Ai ngồi Than Thở nhớ Liang Biang.
Linh Sơn tượng Phật còn trông xuống.
Em có bao giờ khóc dưới chân?

Đa lạt anh về sương nửa đêm.
Một mình đứng lặng trước nhà em.
Tường vi nấp dưới hoa quì dại.
Phòng trước chờ ai vẫn sáng đèn?

Cánh bướm Sân Cù nhớ Bích câu.
Giáng Kiều nào nhớ Tú Uyên đâu!
Xuân Hương thay nước, người thay mặt.
Em có đau lòng chuyện bể dâu?

Như vẫn hằng mơ giấc mộng đầu.
Nên hồn sông núi cứ nôn nao.
Em ơi! Đa lạt anh về lại.
Tất cả như còn - chỉ mất nhau!

Lam Điền Nguyễn Thử
(North Carolina)

Bữa đứa bé ra đời, một người bạn dạy cùng trường thương tình đưa Trà Mi tới bảo sanh viện. Vượt cạn một mình, nàng thấm thía cái đau đớn cả tâm hồn lẫn thể xác. Nhưng nàng vẫn còn đứa con để bám víu. Nó là lẽ sống của đời nàng. Thằng bé chỉ hơn hai kí. Mặt nhăn nhúm như một ông già và cái đầu quá khổ so với những đứa trẻ bình thường, tay chân khẳng khiu. Nó giống như một củ khoai hà hư thối với bốn cây tăm cắm vào. Nó thật dị hợm. Trời ơi!

Hai mẹ con ngủ tại căn phòng cho Cung thuê khi trước. Thằng bé rất ngoan, không khóc đêm, ọ oẹ một chút kiếm vú mẹ là yên ngay. Nàng rất sợ đứa nhỏ làm phiền Vân Họa. Nhưng may mà sự hiện diện của đứa bé sơ sinh trong nhà cũng như không. Trời còn thương mẹ con nàng!

Một trưa xế chiều, Vân Họa về sớm hơn thường lệ. Nghe bước chân anh vào nhà, Trà Mi bỏ con vào nôi, vội vã xuống bếp lo cơm nước. Bỗng nhiên nàng có một cảm giác kỳ lạ, da như bị xát muối, ruột như bị lửa đốt, đầu óc bùng nhùng. Trà Mi vùng chạy lên lầu vào phòng con. Rõ ràng Vân Họa đang ở đó. Anh đứng cạnh cái nôi, một tay vén mùng, tay kia anh cầm một gối bông to tướng, anh đang dằn xuống mặt đứa nhỏ vẻ quả quyết đến độ tàn nhẫn.

Trà Mi lao người vào Vân Họa. Nàng dùng sức đẩy mạnh anh ra. Vân Họa bật ngã. Gối bông bị hất ra. Trà Mi nhanh tay xé chiếc gối. Bông tung tóe trắng xóa cả gian phòng. Tiếng đứa nhỏ khóc thét. Vân Họa đạp vợ ra, phủi bụi áo quần, lạnh lùng đứng dậy, rời phòng.

Trà Mi ẵm con ra đi. Chui rúc vào đâu cũng được miễn là thằng bé được an toàn. Trà Mi không ngờ chồng thù nàng và nhẫn tâm đến thế. Còn ở lại căn nhà này chẳng chóng thì chầy Vân Họa cũng giết con nàng thôi. Quay nhìn lại căn nhà, Trà Mi bật khóc. Nơi này với bao kỷ niệm xót thương,

đớn đau, tủi nhục. Cũng chính nơi này, nàng được biết thế nào là tình yêu, dù không hợp đạo lý. Số mệnh đẩy đưa! Trà Mi chỉ là một con người bình thường cần được thương yêu, che chở. Sao đời nàng cơ cực thế? Trời ơi!

Ngày qua, tháng qua, năm qua…

Cầu đã 5 tuổi. Nó xấu xí với cái đầu to tướng với thân hình còm cõi, với giọng nói ngọng líu ngọng lo. Nhưng đối với Trà Mi nó đẹp lắm. Nó là lẽ sống của nàng. Đấy là những ngày hạnh phúc nhất trong đời nàng, được sống cùng con, được chắt chiu cho người thương yêu nàng thành thật, được nuôi dậy nó.

Năm Cầu 10 tuổi, Trà Mi thấy con cứ ngắm nghía những cây đàn, cứ chạy theo những nhạc công trong những buổi hòa nhạc miễn phí ngoài công viên. Dù nghèo, nàng vẫn cố làm vừa lòng con. Nàng mua lại một cây vĩ cầm cũ để cho Cầu tập dượt. Vui biết mấy khi mỗi chiều đi dạy học về nghe tiếng kéo đàn cò cử của Cầu. Mỗi ngày nó kéo khá hơn. Ông thày dạy khen nó có tai thẩm âm, có ngón tay năng khiếu điều khiển dây đàn. Tiếng đàn ngày càng điêu luyện, ngày càng quyến rũ, ngày càng rền rĩ réo rắt thì cũng là lúc mẹ nó lâm trọng bệnh.

Trà Mi bị ung thư phổi vào giai đoạn cuối cùng. Nàng cũng không ngờ bệnh tình trầm trọng đến thế. Hằng mấy chục năm nàng đã quá lơ là với bản thân, không bao giờ tới bác sỹ. Trà Mi chỉ biết nhà thương ngày bé Cầu ra đời. Nàng làm việc quá nhiều. Suốt cả cuộc đời quần quật theo sự sai khiến của người khác. Rồi sợ hãi, rồi ân hận, rồi hổ thẹn với đời, với mình, rồi lo lắng cho tương lai của con. Có lẽ căn bệnh nhuốm đã lâu trong thời gian nàng còn sống với chồng. Những buồn phiền, âu lo đã oằn lên đôi vai yếu đuối của nàng. Cả cuộc đời trong bất mãn âm thầm, trong cắn răng chịu đựng đã đủ để những vi khuẩn bừng dậy đục khoét dễ dàng trên thân thể không còn sức đề kháng. Âu cũng là số mệnh. Trời bắt ai nấy chịu. Chỉ thương cho thằng Cầu hãy còn trẻ người non dạ, làm sao hắn sống còn? Trời ơi!

Những ngày tháng liệt giường đương dần tới. Những cơn đau xé phổi như có ai đâm vào ngực mũi dao nhọn xoáy rộng bung ra khắp nửa thân hình còm cõi của người đàn bà. Trà Mi vẫn lê lết trong nhà

Hai Trời Khác

Bên này từng cơn lốc
Bên kia cũng bão bùng
Gió trời miên man thổi
Bước đời qua chập chùng.

Tôi ngồi bên phía núi
Em ở phía bờ sông
Núi cao cao lồng lộng
Dòng sông gió lạnh lùng.

Sao đời, hai trời khác
Mỗi trời mỗi chờ mong
Sao bước đời đi lạc
Mỗi người mỗi long đong.

Bên này từng cơn lốc
Bên kia lạnh gió đông
Em và tôi lận đận
Suốt đời như lưu vong.

Đăng Nguyên
(Maryland)

cùng những giây nhợ lòng thòng nối với bình dưỡng khí. Nàng phải sống. Nàng vẫn cố viết lách. Một người quen thương tình vẫn đến tận nhà lấy bài đưa cho toà soạn Tia Sáng để mẹ con nàng còn có chút tiền chi dụng. Rồi cuối cùng Trà Mi liệt giường. Cơn đau quái lạ không để cho nàng nằm yên. Trà Mi phải ngủ trong tư thế ngồi đựa lưng vào gối. Người nàng héo hắt dần. Ăn không được. Ngủ phải nhờ đến thuốc. Đau thì đã có morphine. Những người bạn cùng trường hùn nhau góp tiền thuốc men cho Trà Mi. Nàng thấy cuối đời đã có người biết đến, thương mình tận tình. Một ân nhân đồng nghiệp mến tài thơ văn của nàng long trọng hứa sẽ lo cho thằng Cầu mai sau. Không ngờ tuổi trẻ đơn côi, lập gia đình khốn khổ mà những ngày cuối cùng của đời sao nhiều may mắn.

Cứ thế… cứ thế kéo dài hơn ba tháng trời…

Cầu bây giờ được việc lắm. Hắn thay mẹ những chuyện trong nhà. Hắn còn đi bỏ báo mỗi sáng, đi giao ống chích cho con buôn trong Chợ Lớn cuối tuần. Hạnh phúc với nó là những chiều tối bên gối người bệnh. Nâng giấc, chăm sóc miếng ăn cho mẹ, lấy thuốc ép mẹ uống, ôm cánh tay trơ xương của mẹ ve vuốt. Nén lòng cầm nước mắt tuôn rơi để mẹ thấy con cứng cỏi có thể đứng vững trên cõi đời khi bà không còn nữa. Cả hai mẹ con đều cảm nhận hạnh phúc bàng bạc quanh quất đâu đây. Hạnh phúc trong khổ đau. Đó là những ngày tuyệt vời của Trà Mi và của thằng Cầu. Những ngày đó qua đi sẽ không bao giờ tìm lại được nữa. Thật là những ngày qúy giá!

Cầu qùy bên cạnh mẹ. Hắn kìm những giọt nước mắt cứ chực ứa trên mi. Nắm tay mẹ lần cuối. Khuôn mặt mẹ thư giãn chút đỉnh nhờ liều morphine cực mạnh vừa được chích. Người mẹ mỏng như tờ giấy, còn vài sợi tóc lơ thơ bạc trắng, da mặt, da cổ nhăn nhúm, thân hình dúm dó cằn cỗi như một bà già chín mươi! Trời ơi! Mẹ chưa tới sáu mươi mà!

Cầu biết trong giờ phút này mẹ tỉnh táo lắm. Ánh mắt bà ngời sáng nhìn hắn chăm chăm. Đôi môi thâm khô mấp máy muốn nhắn nhủ con những điều Cầu không nghe ra nhưng hắn cảm và hiểu nỗi lòng mẹ. Bà kiệt sức rồi. Những khuyên răn lần cuối truyền tới Cầu nhờ đôi mắt tinh anh. Ôi, đôi mắt thương yêu ấy cả đời hắn chỉ thấy ở người đàn bà này. Sao mà nó tha thiết, trân trọng, âu yếm và che chở đến thế?! Chỉ có ánh mắt của người mẹ hi sinh cho con suốt cả cuộc đời mới như vậy. Không, không còn ai có cái nhìn như thế nữa. Mẹ ơi! Mẹ sống mãi trong con! Cầu không nói nhưng hình như người sắp vĩnh viễn rời hắn đã hiểu. Ánh mắt đáp lại như có sự thành khẩn xin lỗi, bà chưa đủ làm trọn bổn phận cho con.

"Mẹ ơi! Con sẽ là người như mẹ hằng mong ước! Con sẽ là người nhân nghĩa, là người hữu dụng. Con sẽ thành công như mẹ mong mỏi. Mẹ là điểm tựa tinh thần của con. Mẹ ơi!"

Trà Mi hiểu hết. Bà nhắm mắt. Bà cảm thấy yên tâm lạ lùng. Cầu mới có muời lăm nhưng nó đã trưởng thành. Bà biết nó cứng cỏi khôn lanh hơn mình. Trời sẽ đền bù cho nó. Tạ ơn Trời!

Trà Mi cố mở mắt để nhìn con lần nữa, để mang hình ảnh đó cùng nàng tới miền vĩnh cửu. Đâu đây, trên cao, như có ai đang chờ đón? Hạnh phúc đường cùng là đây. Thôi, mẹ đi. Một ngày nào đó gia đình mình sẽ gặp nhau trên cao, cao tít, xa cõi trần gian đầy đau khổ này, con ạ!

Hơi thở người mẹ yếu dần rồi tắt lịm. Cầu vuốt mắt mẹ. Hắn trân trọng hôn trên trán mẹ. Tới lúc này hắn nấc lên, mặc cho hai hàng nước mắt tuôn trào….

Virginia ngày 7 tháng 1 năm 2013
NGUYỄN LÂN

Xuân tận miền xa

Nhạc : Thanh Trang
Thơ : Kim Tuấn

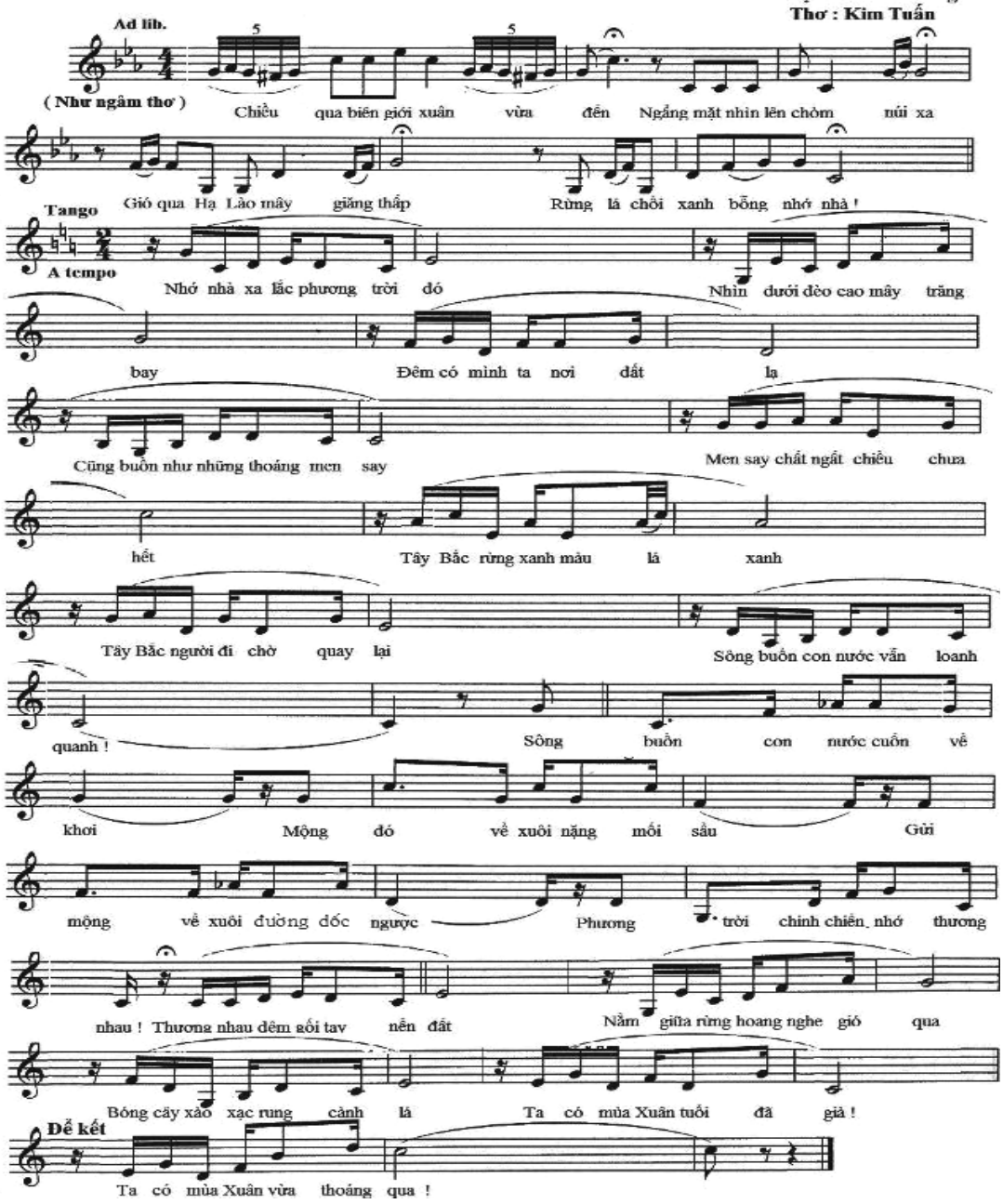

Nhà Thơ Kim Tuấn &
Ca khúc "Xuân Tận Miền Xa"

Thanh Trang

Thưa quý bạn gần xa thân mến. Năm rồi cũng vào cữ này hay muộn hơn một chút, mà đàng nào thì cũng quanh quẩn trước và sau Tết ta không bao lâu, tôi có thực hiện một buổi phát thanh như thế này để riêng trò chuyện với độc giả, thính giả của Cỏ Thơm trên mạng. Buổi phát thanh ngày hôm nay thì cũng bắt chước cái lệ cũ, mà xem ra thì có khi cũng là một cái lệ nên duy trì, thay cho những lời chúc Tết Tây cũng như Tết ta.

Ở trên mạng khi có người viết bài về nhạc sĩ Nguyễn Hiền thì người ta nhắc đến những bài như "Hoa bướm ngày xưa", "Về đây anh" (lời của Thanh Nam), "Anh cho em mùa Xuân", bài hát phổ thơ của Kim Tuấn, v.v.. và v.v.. Về nhạc sĩ Nguyễn Hiền thì ông là một gương mặt thuộc hàng danh tiếng trong Tân Nhạc và đã có nhiều bài báo ngoài đời cũng như tài liệu trên mạng viết về ông. Riêng khi có người viết bài về nhà thơ Kim Tuấn, với số lượng ít hơn, thì người ta vẫn quen nhắc, người này căn cứ vào tài liệu của người khác, đến những bài thơ như "Nụ hoa vàng cho em" - tức bài "Anh cho em mùa Xuân" sau khi thành ca khúc - hoặc như bài "Những bước chân âm thầm" do Y Vân phổ nhạc, mà tựa đề của bài thơ theo nguyên tác là "Kỷ niệm" chứ không phải "Những bước chân âm thầm", vốn là câu mở đầu của bài thơ.

Cả ba ông Y Vân, Nguyễn Hiền, Kim Tuấn thì kẻ trước người sau, nay đã qua đời. Hai ông Y Vân và Nguyễn Hiền thì xưa kia tôi quen; thân nhất là đối với ông Nguyễn Hiền vì một phần là có thời gian ông ấy cùng học Luật với tôi và nhà cũng gần nhau! Còn nhà thơ Kim Tuấn thì tôi lại chẳng từng quen biết, tuy khi xưa nghe những bài hát người ta phổ thơ ông ấy thì tôi lại rất thích cung cách làm thơ của ông. Thời gian tôi ở Sài Gòn và học Luật và căn cứ vào tài liệu về Kim Tuấn mà tôi có được thì ông ấy - hơn tôi hai tuổi - cũng ở Sài Gòn. Năm 1962, khi bài hát đầu tay của tôi là "Duyên thề" bắt đầu được phổ biến ở Sài Gòn thì cũng là năm mà ông Nguyễn Hiền nhận được tập thơ của hơn một tác giả do Kim Tuấn gửi tặng, trong đó có bài "Nụ hoa vàng cho em" mà theo như lời kể của nhạc sĩ Nguyễn Hiền mãi về sau này ở hải ngoại là ông chỉ bỏ ra một buổi để hoàn tất thành ca khúc với tựa đề "Anh cho em mùa Xuân", giản dị chỉ vì 3 câu mở đầu của bài thơ : "Anh cho em mùa Xuân, nụ hoa vàng mới nở, chiều Đông nào nhung nhớ" cũng là câu đưa đến ý nhạc mở đầu để cứ thế tác giả triển khai thành trọn ca khúc! Rồi sau đó là bài hát được phổ biến rộng khắp từ Sài Gòn đến khắp nơi trên phần đất của Việt Nam Cộng Hòa.

Kịp đến khoảng giữa năm 1969, khi tôi đang làm công việc giảng dạy bộ môn Kinh Tế ở Trường Võ Bị Quốc Gia trên Đà Lạt, và cũng đang gặp lúc tôi chuẩn bị đi du học tại Hoa Kỳ thì một buổi nọ tôi bắt gặp trên tạp chí "Văn" một bài thơ của Kim Tuấn tựa là "Nói với mùa Thu". Câu mở đầu là:

"Bây giờ là mùa Thu rồi phải không em?"
"Ai qua áo lụa tóc nhung mềm"

Đang quanh quẩn trong khung bàn giấy dành riêng cho mỗi giáo sư, với cửa kính nhìn ra phía Đồi Bắc xanh biếc những hàng thông, đang chờ đến giờ có lớp, tôi đọc đi đọc lại cả bài thơ rồi có cảm tưởng như đã có sẵn một nét giai điệu nào đấy ẩn nấp giữa những hàng chữ. Vậy thì hai câu đầu "Bây giờ là mùa Thu rồi phải không em? Ai qua áo lụa tóc nhung mềm" đã cho tôi ngay nét nhạc khởi đầu để sau đó trong ngày tôi hoàn tất luôn toàn bộ giai điệu cho bài "Nói với mùa Thu", mà cũng vì một khi đã triển khai giai điệu rồi thì tôi bám theo hướng đi của giai điệu, tạm gọi như thế, thay vì cứ phải bám vào chữ nghĩa nơi bài thơ. Kết quả là tôi phải thay đổi không dưới 50 % của chữ nghĩa để cho khớp với giai điệu của phần nhạc! Và bấy giờ thì mới phải tính đến chuyện làm sao liên lạc được với tác giả bài thơ để trình bày lý do tại làm sao mình phải thay đổi ngần ấy chữ trong thơ của người ta! Và tôi trù tính là khi trở về Sài Gòn để trước ngày lên máy bay rời khỏi nước thì đến tìm gặp ông Nguyễn Hiền để coi xem có cách nào liên lạc được với nhà thơ Kim Tuấn. Nhưng về đến nơi thì bao nhiêu chuyện khác lại khiến tôi không cách gì liên lạc được với ông Nguyễn Hiền; (Lúc bấy giờ Trần Thiện Thanh lại đang thường xuyên tiếp xúc với tôi để đề nghị xin được xuất bản bài hát "Tình khúc mùa Đông" - mà sau này ở hải ngoại không ít ca sĩ đã hát dưới tựa đề là "Tiếc Thu"). Kết cuộc là bài "Tình khúc mùa Đông" được in ấn không quá ba ngày, Trần Thiện Thanh lái xe đến nhà, đem biếu tôi 100 bản đặc biệt dành cho tác giả thì tôi cũng chỉ có nước để lại nhà trước khi lên máy bay đi Hoa Kỳ! Và bài hát "Nói với mùa Thu" cũng nằm yên đấy trong ngăn kéo bàn giấy của tôi ở căn nhà tại Sài Gòn.

Mãi đến sau này, sau cả trên 10 năm tái định cư tại Hoa Kỳ, sau khi bài hát "Nói với mùa Thu" đã được phổ biến thì tôi mới có dịp lên mạng để tìm hiểu về thân thế của nhà thơ Kim Tuấn. Ông mất năm 2003 ở Sài Gòn thì tôi hy vọng là ông cũng đã có dịp nghe bài hát "Nói với mùa Thu" qua giọng ca Quang Tuấn trong CD "10 ca khúc Thanh Trang-Tập 1" do người hát thực hiện vào khoảng giữa năm 2002! Chỉ có điều là tôi không bắt được tín hiệu nào về mặt đó từ Sài Gòn, mà về phần tôi thì mãi đến về sau này có dịp theo rõi các tài liệu trên mạng thì tôi mới biết là thời tôi làm việc trên Đà Lạt thì ông ấy ở trên Pleiku, còn thời sau năm 75 có thời gian tôi có mặt ở Sài Gòn, và Kim Tuấn cũng sinh sống ở Sài Gòn đấy, thế nhưng tôi không biết nhà hoặc nơi làm việc của ông ấy để tiện liên lạc. Vả lại thời gian ấy cũng không còn là thời gian để nghĩ đến chuyện thơ hay nhạc đối với những người làm văn nghệ trong Nam trước năm 75.

Vậy thì qua các tài liệu rải rác đó đây trên mạng, tôi chỉ thu thập được ngần này thông tin, xin được tóm gọn lại là:

Kim Tuấn, sinh năm 1940, có tên thật là Vĩnh Khuê. Một cái tên thuộc hàng danh gia vọng tộc và đẹp đẽ như thế mà tại sao nhà thơ không lấy đó làm bút hiệu, thay vì bút hiệu "Kim Tuấn" thì tôi chưa bắt gặp tài liệu nào đề cập đến. Vẫn theo tài liệu trên mạng thì ông là con trai một cho nên khi nhập ngũ thì được đặc miễn, khỏi phải đi tác chiến; ông phụ trách việc giảng dạy Anh ngữ trong quân đội; các tài liệu cho biết như thế. Và điều đó cũng khiến tôi ngạc nhiên vì cứ nghĩ rằng một khi đã là con trai duy nhất trong một gia đình

thì được miễn nhập ngũ. Lại có tài liệu cho biết rằng tuy được miễn công việc tác chiến nhưng vẫn phải đảm nhiệm công việc trực gác cũng như tham gia hành quân. Trực gác thì đối với quân nhân là chuyện thường tình rồi, thế nhưng đã gọi là miễn tác chiến mà phải tham gia hành quân thì là thế nào, tôi lại không hiểu, vì hành quân có nghĩa là đụng trận với đối phương như chơi; mà đụng trận với đối phương thì tức là tác chiến rồi chứ còn gì nữa? Các tài liệu cho biết là sau năm 1975 thì Kim Tuấn về sinh sống tại Sài Gòn, tiếp tục công việc giảng dạy Anh ngữ, thế rồi đang khỏe mạnh bình thường thì ông đột ngột qua đời vì một cơn nhồi máu cơ tim vào năm 2003. Thuở sinh thời, và trước năm 1975, thơ của Kim Tuấn được đăng tải trên nhiều tạp chí văn học, và không phải chỉ có mỗi hai ông Y Vân và Nguyễn Hiền phổ nhạc thơ ông mà còn nhiều nhạc sĩ khác nữa, với những tác giả nổi tiếng như Phạm Đình Chương. Riêng bài "Những bước chân âm thầm" do Y Vân phổ nhạc thì, theo như tôi còn nhớ, đã đoạt giải nhất trong một đợt tuyển lựa ca khúc xuất sắc về một chủ đề gì đấy trong thập niên 60.

Quý vị có thể lên mạng để tìm hiểu thêm về thân thế của nhà thơ Kim Tuấn cũng những bài viết về ông bằng cách tra cứu theo "Google search" hoặc "Web search", "Yahoo search", v,v,, Về một số lớn các bài thơ của Kim Tuấn được sao lục lại trên mạng thì cũng vậy.

Thơ của Kim Tuấn ra làm sao? Thời gian có hạn, tôi chỉ xin đọc một bài tôi cho là hết sức dễ thương và dung dị theo phong cách đặc trưng của Kim Tuấn; bài "Gửi mẹ mùa Xuân" mà tôi không biết vào dịp Tết sắp tới đây sẽ có chương trình thi ca nào đem ra cho có người diễn ngâm hay ngoài những bài thơ của các nhà thơ có tên tuổi trong văn học sử nước nhà thì quanh đi quẩn lại vẫn chỉ là những bài thơ hợp với sở thích cũng như quan điểm riêng của người hay nhóm thực hiện chương trình! Tôi xin đọc bài thơ "Gửi mẹ mùa Xuân" của Kim Tuấn, viết thời trước năm 75 từ đơn vị của ông ở miền Cao Nguyên.

Gửi Mẹ Mùa Xuân - Kim Tuấn

- Tết này chắc con thôi leo núi
đêm ngủ rừng thôi ngó trời xanh
sớm mai qua núi tay kiềm súng
đã xa xôi như thế cũng đành
- Tết này ngưng chiến lo đồn trại
đêm gác chòi cao nhìn núi cao
lửng lơ dăm bóng đèn soi sáng
mưa dưới đồi xa khuất chiến hào
- Chiến hào đêm lạnh run cơn gió
lá động cành trơ và khói sương
co ro trong áo tay ghì súng
lửa ngút trời xa bãi chiến trường
- Tết này thêm chút tiền lương lính
có dăm trăm bạc gửi quê nhà
mẹ mua thêm gạo ăn qua Tết
con ở rừng cam khổ cũng qua
- Con ở rừng ăn Tết cá khô
có cơm gạo sấy kiếp sông hồ
khi vui chung bạn dăm chai đế
khi chết nằm yên dưới nấm mồ
- Tết này Tết nữa chưa yên giặc
chắc mai chắc mốt có hòa bình
con nghe nói thế con tin thế
phương này như cũ vẫn phiêu linh

Cũng trong số những bài thơ của Kim Tuấn được góp nhặt lại trên mạng thì vừa mới rồi đây, nhân nghĩ đến chuyện Tết Tây gần kề và Tết ta sắp đến, tôi bắt gặp bài "Xuân tận miền xa". Chỉ trong nửa ngày tôi đã soạn thành ca khúc với tựa đề "Xuân tận miền xa", tức tựa đề bài thơ ra sao thì tôi vẫn để nguyên như thế! Nhưng lần này, lần

thứ hai tôi đưa nhạc vào thơ Kim Tuấn thì tôi lại đỡ phải lấn cấn với việc giải trình với tác giả bài thơ lý do tại làm sao tôi phải thay đổi chữ này hay chữ kia cho khớp với giai điệu, nhất là một khi tác giả bài thơ đã không còn nữa. Bởi trong số 140 chữ của bài thơ thì tôi chỉ thay có giăm ba chữ mà vẫn cố giữ nguyên ý, cũng như thêm 3 chữ cho câu kết thúc bài hát.

Xin mời quý vị cùng nghe bài hát "Xuân tận miền xa", thơ Kim Tuấn do Thanh Trang phổ nhạc qua tiếng hát Tâm Hảo:

(http://cothommagazine.com/nhac1/ThanhTrang/XuanTanMienXa-TT-KT-TH.mp3)

Quý vị cùng các bạn thân mến. Bài hát "Xuân tận miền xa", thơ Kim Tuấn, Thanh Trang phổ nhạc qua tiếng hát vừa rồi của Tâm Hảo cũng đã kế thúc chương trình phát thanh đặc biệt dành cho độc giả, thính giả của website Cỏ Thơm ngày hôm nay. Nhân dịp Tết dương lịch gần kề và Tết năm Quý Tỵ cũng không xa, xin chúc quý vị cùng thân hữu bốn phương những năm mới thật an lành!

Thanh Trang - tháng 12, 2012

PROTECTION – CHE CHỞ

Từ Châu Lan

Giải thưởng FIAP SILVER của Hội VNPS, Virginia 2011.

Chị Khanh Ve,
người bạn mến yêu của tôi ở tuổi thiếu thời

PHẠM HỮU

Chị Khanh ve ra đời, chị là con gái thứ năm trong bầy con dằng dặc dài của bố mẹ tôi. Mẹ tôi kể : khi chào đời chị đẻ ngược và mấy hôm sau phiá tai trái của chị có caí ve tai khá lớn. Mẹ tôi ôm con vào lòng tay vỗ yêu vào đít con : - con này lớn lên nó nghịch như qủy !nghịch hơn con trai. Tuổi ấu thơ và tuổi niên thiếu của chị cũng dịu dàng thùy mị, đầy nữ tính như 4 chị ra đời trước chị. Như lời mẹ tôi nói lớn chị nghịch hơn con trai và chị thích những trò chơi con trai như đánh đáo. Khi chị nhập cuộc chơi là có thằng nó đã ớn tài của chị, nó lặng lẽ rút lui để bảo vệ vốn. Chị đánh khăng càng tuyệt cú mèo, chị chạy quá mau, bắt con khăng bay bổng rất hay. Những tháng mùa Đông cánh đồng khô rộng mênh mông, còn trơ gốc rạ, buổi chiều chị đi trước em theo sau tay cầm khăng mẹ và khăng con. Chị đứng vào phe nào, phe đó nắm chắc thắng lợi trong tay. Tháng 8, 9 , chim luộc từ phương xa bay về, lông cánh nó xanh lè, vóc nó như chim bồ cu đậu trên cành đa. Chị Khanh Ve rủ tôi theo chị theo chị đi lưới chim. Chị giăng lưới, che mặt lưới bởi những cộng rạ và rắc trên cộng rạ những hạt thóc để làm mồi nhử chim. Chim luộc bay xuống ăn lúa, có khi là chim chích cũng xa lưới. Chị và tôi từ chỗ ẩn kín, chị dật lưới úp…thế là bữa đó gia đình tôi lại được ăn món thịt chim lạ miệng…..Mẹ tôi có mấy con trâu, đã có người giúp việc chăn nó, đâu phải việc của chị. Buổi chiều đàn trâu từ cánh đồng trở về, chị đón con trâu đực, cổ nó thực lớn, béo tốt khoẻ mạnh. Chị cỡi trên mình trâu, quất roi mây vào đít trâu, nó cúi đầu chạy như gió, chị trên mình trâu, người tung lên tung xuống , tay vẫy lia lịa, miệng reo à à như nữ tướng xung trận . Tôi nhìn với con mắt đầy cảm phục, nhưng không dám cỡi trâu như chị. Có lần mẹ tôi thấy chị phóng trên mình trâu, trò chơi đó thực nguy hiểm, nếu té xuống thì gẫy xương, vỡ mặt. Mẹ tôi cấm chị không được cỡi trâu nữa !

Năm 11 tuổi chị đậu sơ học yếu lược, và cũng từ ngày ấy chị thôi học, dù bố mẹ tôi muốn chị học tiếp, nhưng cha mẹ tôi không lay chuyển được chị. Mẹ tôi lắc đầu quày quạy, miệng mẹ lẩm bẩm :

- Đúng là con Khanh ve, nó cứng đầu và bướng bỉnh hơn con trai !

Cũng năm chị bỏ học chị nói với tôi rằng :

- Em đọc chuyện cho mẹ và các bà ấy nghe. Chị đọc quyển nào cũng hai lần rồi, nay lại đọc lại tao chán quá !

Thế là tôi phải làm công việc thay chị, tôi đọc các bà nghe tùm lum đủ thứ chuyện, nào : Tam Quốc Chí, Thủy Hử, Đông Chu Liệt Quốc, Tục Tái Sinh Duyên, Chiêu quân Cống Hồ, Ngũ Hổ Chinh Đông, Ngũ Hổ Chinh Tây, kịch Hồng Lâu Mộng… Phạm Tải Ngọc Hoa, Tống Chân Cúc Hoa, Bần Nữ Thán, Nửa chừng Xuân, Trống Mái V…V… Mẹ tôi là con một ông đồ, bà chỉ được học chữ Hán, quốc ngữ một chữ bẻ đôi bà cũng không biết… hững tháng muà Đông bên bếp củi đỏ rực, nổ tanh tách, từ chập tối, tôi đọc chuyện cho mẹ và các bà

hàng xóm nghe. Cũng lên, xuống dọng, đoạn nhấn mạnh đoạn không ra vẻ lắm !

Chị Khanh ve tôi bỏ học, sau này tôi nghĩ lại rằng :

- Chị tôi bỏ học, thời gian đó, ông Tàu gánh bán thuốc ê. Đi hay về ông đều phải qua làng tôi, ông nhận ra chị tôi có cốt cách học võ, ông đã dạy chị tôi trên nửa năm. Chị tôi tập võ rất chuyên cần, dù trời lạnh cắt da hay nắng , mỗi buổi chiều chị tôi đều lên núi ở gần nhà để tập võ. Chị tôi có ngón sở trường là cú đá rất mạnh và rất cao. Có lẽ vì đam mê học võ, chị tôi đã bỏ học !

Nhà bác tôi có một cái ao rất lớn ,nó rộng mênh mông. Hai anh con trai bác tôi đã lớn, sức rộng vai dài, anh đứng trên bờ ao cầm hòn đá, hết sức ném, chỉ nghe đánh tũm một cái, hòn đá rơi xuống giữa ao. Chưa ai có thể đáp sang bờ bên kia. Cái ao lớn, một bờ là lũy tre xanh, còn lại là những bụi gai dứa, um tùm.? Cả xóm mẹ tôi, cái ao là nơi rửa bát, vo gạo, rửa rau, giặt quần áo, giặt chiếu … kiêm luôn cả việc tắm, bơi lội và rửa mặt… Chị Khanh tôi vào loại bơi giỏi, chị bơi từ bờ bên đây sang bờ bên kia, lại bơi về, khi lên bờ không có giáng điệu mệt nhọc ! Chị thường vuốt tóc ngạo tôi :

-Con trai gì mà không biết bơi! Là gái chị còn bơi được một vòng đi về êu êu !

- Em muốn lắm, chị dạy em bơi, thưa chị :

- Em muốn biết bơi cho mau, em phải cho con chuồn chuồn nó cắn vào rốn rồi chị dạy em bơi !

Tôi nhẩy cẫng reo mừng :

-Chị bắt cho em con chuồn chuồn!

Chị bắt cho tôi con chuồn chuồn xanh ngắt một màu, to lớn, trông nó đã thấy ngán rồi. Nhưng mê biết bơi, tôi vạch áo, dơ cái rốn trắng hếu, chị trao tôi con chuồn chuồn, bảo tôi cầm đuôi, chị ấn miệng nó vào rốn tôi! Nó cắn một phát, trời ơi!dau đến độ trời nghiêng, đất đổ, phát khóc lên được… nhưng nghĩ tới biết bơi, thôi đành cố ngậm miệng ngăn dòng lệ! Ngày hôm sau, những ngày hè nóng nực, chị tôi dạy tôi bơi. Tôi học bơi xem ra chăm hơn đi học bơi đầy thích thú! Lên bờ tôi cười tủm tỉm, tay sờ rốn, mắt nhìn vết thâm, miệng lẩm bẩm một mình:

- Gớm con chuồn chuồn xanh cắn linh thiêng thật!

Qua mấy ngày, tôi đã biết bơi bập bẹ- tôi đã bơi được khoảng ngắn. Một ngày mùa hè, cỡ 11 giờ, chị tôi bơi ra giữa ao, chị tôi bơi đứng, tay vẫy vãy về phiá tôi, miệng kêu:

- Em bơi xuống đây với chị!

Tôi cởi quần áo để trên bờ, bơi ra với chị, cách chị còn khá xa, tôi đã mất hết sức, chìm xuống ao. Chị tôi như tóa hỏa tam tinh, chị ngụp mò tôi không thấy, chị kêu lên oai oái. Hai ông anh con ông bác tôi, câu cá trên bờ ao, ông còn mặc quần áo, ông nhảy xuống cứu vớt tôi. Ông ngụp xuống nước, mò một lúc, ông vác tôi lên , kêu lớn:

- Nó đây rồi!

Bụng tôi đã căng phồng, đầy nước, vừa lúc ấy, mẹ tôi đi ra. Mẹ tôi nói với anh:

- Anh bế em vào bờ cho tôi!

Mẹ tôi ấn mạnh hai tay bà vào bụng tôi, nước chảy qua miệng. Một chút tôi mở mắt hồi tỉnh Bà cầm cái doi mây, vẫn vẫy giữa ao, miệng nói lớn:

- Mày vào đây!

Chị tôi sợ bà đánh, chị bơi sang phiá lũy tre, rồi mất hút. Bữa cơm trưa hôm đó, cả nhà tôi ăn cơm, nhưng không ai nói với ai. Mọi người trong gia đình đều cảm thấy thiếu vắng chị. Bữa cơm tối chị không thấy về và không có tin tức về chị. Mẹ tôi đã hoang mang và lao lúng, mẹ tôi bỏ bữa cơm tối, rồi bà đi quanh làng, vừa đi vừa gào khóc, thảm thiết:

- Con ơi!sao con đang tâm bỏ mẹ… con ơi! Con về với mẹ, với các chị, các em con ơi!

Trưa hôm sau, khoảng 11 giờ, bà ra gặp cụ bán bún riêu cua, ở chân cây đa đình làng- nơi chị tôi vẫn ăn bún riêu, để hỏi tin tức:

- Cô Khanh vừa ở quán tôi đi lên phía núi. Chắc cô đói lắm, cô ăn một lúc 3 tô bún riêu, bộ mặt cô buồn thảm thẫn thờ. Đêm qua chắc cô nằm trong bụi rậm ở trên núi. Bà lên núi tìm chắc thấy cô ở đó.

Mẹ tôi leo núi vừa đi vừa khóc: "*Con ơi, sao con lại đang tâm bỏ mẹ hả con."* Chị Khanh nghe được lời kêu gào của mẹ. Chị tôi vốn là người đa cảm, nhiều nước mắt và dễ khóc, chị từ bụi rậm, nước mắt rầm rề, lao ra phiá mẹ. Chị ôm chặt lấy mẹ, cả hai mẹ con vai đều rưng rưng, khóc ào ào như cơn giông tố. Hết cơn khóc mẹ tôi sụt suì hỏi chị:

- Sao con lại đang tâm bỏ mẹ hả con?

- Đâu có, thưa mẹ, con thấy mẹ nổi nóng, con chạy lên núp trên núi, một vài ngày mẹ hết giận con trở về với mẹ chứ…!

Mẹ con ôm nhau về, vừa đi vừa còn thút thít. Hoà khí mẹ và con lại như xưa. Chị Khanh lại hiền như bụt được mấy ngày, rồi chị tính nào lại tật ấy. Có điều nay chị đã khá lớn, chị nghịch tinh quái hơn xưa. Làng mẹ tôi có lớp học dạy đến bằng sơ học yếu lược như chị Khanh. Thày giáo mới đổi tới được hai, ba tuần tên là Sinh. Thày Sinh có giáng dấp bạch diện thư sinh, da thày trắng như trứng gà bóc, vóc thày mình hạc, xương mai, thày độ 21 hay 20 tuổi; thày mặc quần trắng, áo trắng, bên ngoài là áo the lương, đi dép Gia Định. Thói đời vẫn vậy, thày càng hiền lành bao nhiêu thì gái làng mới lớn hay đã lớn, càng chọc ghẹo thày bấy nhiêu. Không phải họ đĩ thoã muốn trêu chọc, để chiếm đoạt thày mà họ chỉ muốn đua nhau chọc thày để thỏa mãn tính tinh nghịch của tuổi trẻ. Chị Khanh tôi, mượn được gánh phân, phân đã bón ruộng, nhưng quang và sọt phân còn bẩn lắm. Chị ngồi ở quán bún, bên đình dưới gốc đa. Khi trống đánh thùng thùng, báo hiệu đã tan học. Cậu giáo Sinh vừa bước xuống sân đình để đi về thì chị Khanh tôi, quẩy gánh phân trên vai, đi rất chậm, thỉnh thoảng, chị lừ mắt như muốn đổi vai. Cái gánh giang ngang như chặn đường muốn vượt qua chị của cậu giáo, thế là cậu giáo lùi lại đi sau chị rất chậm. Chúng tôi vừa ra khỏi lớp, thấy chị đang ghẹo thày giáo. Mấy chị bạn chị từ quán bún riêu đi ra, nhập bọn với chúng tôi, chúng tôi cười hô hố, tưởng như sụp mái đình. Một cụ già đầu bạc phơ, không ngăn được tiếng cười và nói với chúng tôi:

-Lại cái con Khanh Ve, nó tinh nghịch như quỷ, nó thấy thày hiền từ, nó lại trêu ghẹo thày rồi!

Ông hướng về phiá chị Khanh nói thực lớn:

-Khanh ơi, đừng chọc thày nữa cháu, để thày về kẻo muộn rồi, thôi về đi cháu!

Chị tôi phớt tỉnh, không hề quay đầu lại, cái gánh trên vai, vẫn đủng đỉnh như chướng ngại ngăn đường. Chúng tôi được một trận cười sảng khoái, như niềm vui chiến thắng!

Làng mẹ tôi có một ngôi chùa thực lớn, cột chùa gỗ lim to, ngày bé chúng tôi chạy đuổi bắt nhau thường chạy quanh cột đình mà không bắt được nhau, trụ chì chùa là một sư cụ, dưới là các sư ông, sư bác và chú tiểu. Ngày đầu năm chùa làng tôi làm lễ chạy đàn, tôi cũng chẳng hiểu chạy đàn ra sao và làm sao, nhưng thấy đông người dự, chúng tôi thấy lòng sảng khoái… chiêng trống như thúc dục, đàn chay bắt đầu, chạy đầu đàn là sư cụ trụ chì, sau là sư ông, sư bác và các thày, các chú. Đàn chạy theo vòng tròn, các vị sư các chùa lân cận tham dự chạy đàn, vừa chạy các thày vùa tụng kinh ê a. Các cụ xem chạy đàn chỉ trỏ, bàn tán với nhau: chạy đàn có luật lệ, các sư phải chạy theo sư cụ, không thể muốn chạy đâu thì chạy và không thể đứt vòng được.

Những người làng tham dự đứng hàng hàng, lớp lớp… bao vây chặt lấy đàn. Từ buổi chiều trước giờ khai mạc, tôi theo chị vào vườn chuà lấy mấy gai bưởi - nó cứng như thép, muĩ nhọn như kim, đến giờ đàn chay, chị phát cho mỗi cô một gai bưởi. Họ lấn vào vòng trong, gần các thày chạy đàn, đàn chạy qua, các chú tiểu má còn phúng phính, mép xanh mướt lông tơ. Các thày chạy đàn qua, các chị thò tay ra dí gai bưởi vào đít mông các chú tiểu. Đau điếng người, nhưng các chú không dám chạy lệch hay bỏ đàn, các chú ngoáy đít một cái thực mạnh. Thấy hiện tượng lạ, các cụ chụm đầu bàn bạc với nhau và ngó nhìn như tìm kiếm. Họ ngó khắp đàn chay, chị Khanh tôi khoanh tay từ vòng ngoài, ngó nhìn chạy đàn. Đàn chạy thực nhiều vòng, đít quần các chú đã rỉ máu, các chị thấy tôi nghiệp đã ngừng cuộc chơi. Các chị ra về sớm, ra khỏi đàn, họ vui cười khúc khích như lên tiếng có chúng ta đây!

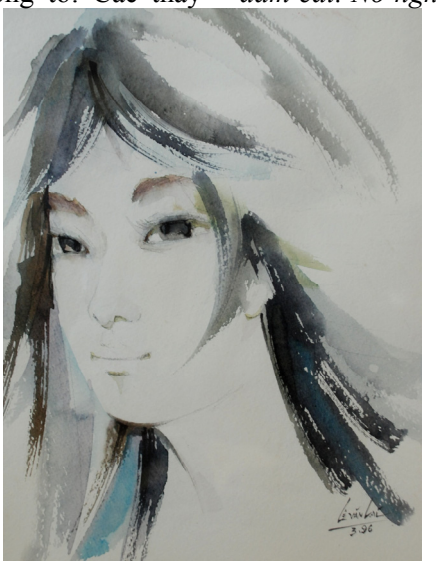

Tranh LÊ VĂN LAI

Mô Phật, tuổi trẻ tinh nghịch họ không từ một ai, đít các chú tiểu rỉ máu hồng với họ là niềm vui!

Giáp Tết, làng mẹ tôi đã loan tin: đầu xuân làng sẽ đón đoàn chèo về mở hội. Đầu xuân, nhưng trời lạnh như xẻo thịt cắt da, cái sân đình rộng mênh mông đã được đóng cọc để rựng rạp, cho dân làng coi hát… Chị Khanh tôi được tin, chị lao vào công việc bắt thực nhiều thạch thùng, nhốt chúng vào những ống ruột rỗng có nắp đậy. Chị bắt thạch thùng một cách vất vả. Tôi hỏi mẹ tôi:

-Mẹ ơi, chị Khanh ve làm gì mà chi bắt thạch thùng rồi bỏ vào trong ống quá nhiều?

- Mẹ cũng không biết nó bắt thạch thùng làm gì? Nó lại dở trò tinh nghịch gì đây. Càng lớn nó càng tinh nghịch, được cái nó là con cực hiếu thảo, mẹ nói không bao giờ dám cãi. Nó nghịch nhưng mẹ làm ngơ cho nó nghịch, để thỏa chí tuổi trẻ của nó, mai mốt nó lớn nó lấy chồng, có con còn nghịch đâu được nữa!

Ngày đầu xuân mọi người đều hớn hở vui tươi, mới buổi chiều mà tiếng trống tiếng phèng đã nổi dậy, vang sang các làng bên cạnh. Trời mờ mờ tối, chị Khanh tôi đã bỏ bữa cơm tối, đi đón bạn. Trai gái gần đã kéo sân đình khá đông. Những chờ đợi đã đến, đoàn chèo đã có mặt trên sân khấu, vở tuồng đã khai mạc ngày hội. Khoảng chín giờ hơn, anh hề đang chọc cười khán giả cười nghiêng ngả. Mấy em gái nhỏ len vào đám đông, đến chỗ mấy cô gái đang đứng, chúng cúi xuống chân các cô, chúng mở cái ống, mấy con thạch thùng từ ống chui ra (cái giống thạch thùng chạy bao giờ cũng chạy lên), thạch thùng chạy từ chân lên đùi các cô, chân nó bám vào đùi nham nhám, các cô nghe như có chuyện lạ, rồi chúng "tấn công " vào khu rừng kín của các cô", các cô kêu oang oang như cháy nhà vậy, có cô nhẩy chồm chồm, cô gãi sồn sột, có cô lăn xuống đất, miệng kêu cứu, tay chỉ vào trong quần. Những người hiện diện

xem hát, ngơ ngác chẳng hiểu các cô mắc bệnh gì mà sợ hãi kêu oang oác như thế. Những người cùng phái với các cô đến để cứu nguy. Họ thấy tay các cô chỉ chỉ vào quần, chắc có việc gì trong đó, họ mở nhẹ nút quần, vừa định cúi nhìn vào trong đó, thì hai con thạch thùng phóng ra, chúng chạy thực mau mất hút. Các bà, các cô đều hiểu, đưá nào chơi trò ác hiểm, chúng thả thạch thùng vào quần các cô? Nhìn ra không thấy khuôn mặt nào có thể tình nghi được!

Thời gian ôi, nó mau qua như bóng chiều qua cửa sổ, như con thoi qua khung cửi… chị Khanh ngây thơ, tinh nghịch như ngày nào, nay đã vào tuổi gái dậy thì 19 tuổi:

"Đời người con gái ước mơ đã nhiều
Trời không cho được mấy, đến khi lấy chồng chỉ còn mới tình mang theo"

Nguyễn đình Toàn

Chị tôi có ước mơ của tuổi xuân thì, nhưng người tình chắc chắn là chưa? Trai làng thì sợ cú đá cao, mạnh của chị như sợ cọp, chị đấm vào miệng thì mồm, mũi sẽ ăn trầu. Đầu xuân vừa qua, chi sang làng bên cạnh xem hát chèo. Anh Tuệ vừa mới đỗ diplômé trong dịp hè ở tỉnh, anh về nhà ăn Tết, khi đi xem hội làng: anh nhìn thấy chị Khanh tôi. Có lẽ tiếng xét ái tình đã nổ, anh quyết định thôi đi học và thôi thúc cha sang làng hỏi chị tôi làm vợ. Gia đình anh Tuệ gõ cửa cầu hôn là bước ngoặt cuộc đời của chị tôi: người con gái nhí nhảnh tinh nghịch ngày nào, nay đã ôm cả khối hận sầu và mất đi cái nhanh nhẹn . Một buổi sáng, người chị âu sầu đã thố lộ tâm tư với em:

-Trông cái thằng Tuệ, chị muốn nổi điên, chị chỉ muốn đá một cú cho nó hộc máu mũi máu mồn hay đấm vào mặt một quả cho nó biết thân, nhưng chị nghĩ rằng chị làm thế thì mẹ sẽ buồn!

Tôi đã nghe lóng cuộc tranh luận của mẹ tôi và chị Khanh, cái giọng ấy tôi đã thấy la lá như dọng của cô Mai trong nửa chừng xuân! Mẹ tôi hỏi chị Khanh:

- Mày có phải là con của tao không ?

- Con là con của mẹ chứ của ai ?

- Tao già rồi, tao từng trải trường đời, tao khôn hay mày không ?

- Mẹ khôn hơn con, mẹ vẫn dạy con, con vẫn nghe mẹ dạy từ trước đến nay.

- Tao là mẹ mày, tao khôn hơn mày, tại sao tao nói mày không nghe tao ?

Người con gái đặt vấn đề với mẹ :

-Thưa mẹ, con lấy chồng cho ai ?

- Mày lấy chồng cho mày.

- Con lấy chồng cho con, sướng con hưởng, khổ con chịu. Tại sao mẹ không cho con lựa chọn người, sướng hay khổ của đời con ?

Người mẹ lớn tiếng, giọng bà đượm vẻ gay gắt, nói với con:

- Chúng mày, giờ theo mới, phải yêu nhau lấy nhau mới có hạnh phúc, tao hỏi mày: mày trông dân tộc chúng ta nhan nhản những cặp vợ chồng, lấy nhau họ có biết mặt nhau đâu, như tao đây này, trước khi lấy nhau mẹ có biết mặt muĩ bố con ra sao? Mà lấy nhau không yêu nhau sao đẻ ra đàn con như chúng bay thấy…!

- Đám cưới chị Khanh diễn ra linh đình ngày gần giáp tết. Hai làng gần nhau, đám đón dâu và rước dâu hai họ đều đi bộ. Nhà anh Tuệ giàu nhất vùng này nhà dọc nhà ngang đều lợp ngói, với 4 con trâu to kềnh càng, lũ chó cả 7, 8 con. Ngày cưới, mẹ tôi lòng thấy vui vui, chị Khanh tôi tuy chưa tươi cười, mặt chị không còn âu sầu, đau khổ như trước đây, mẹ tôi cười nói với bà con:

-Con gái mới lớn có khác, rồi gái bén hơi trai như " thài lài phải cứt chó " rồi sẽ thấy!

Đám rước dâu vừa bước chân vào nhà trai, đàn chó, nhất là mấy con chó con đua nhau sủa gâu gâu, rồi chúng lao vào chân người lạ dọa cắn. Chúng lao vào chân chị Khanh tôi, chị dơ chân đá hết sức mình, con

chó con kêu ăng ẳng, đầu đập vào vách gạch vỡ đầu, óc chảy phè phè. Mọi người đều biết nhưng đều nhìn nhau im lặng!

Buổi chiều gần tối, họ nhà gái đã về hết, cô dâu trơ chọi một mình, nhìn ngược, nhìn xuôi… trời đã ập tối. Cô dâu bỏ bữa ăn tối, nhà trai đưa cô dâu vào phòng nghỉ sớm cho đỡ mệt. Chị tôi nhìn cái phòng ngủ đèn sáng choang, một cái giường, hai cái gối… chị tôi ngẩn ngơ nhìn, chị tôi ngồi xuống giường suy nghĩ. Một lúc như chị tôi đã có ý định, chị tắt đèn ôm gối ngồi chờ… Anh Tuệ mắc tiếp khách, khoảng hơn 11 giờ khách về hết, anh vào phòng vợ, đèn trong phòng đã tắt, trời tối đen như mực, anh đi lom khom, thực chậm, tay quơ quơ tìm lối đi, khi sờ cái thành giường, anh định ngồi lên giường thì một cú đá như trời giáng vào ngực anh, anh rơi vào vách tường đánh huỵch một cái. Nhưng muốn giữ sĩ diện cho vợ, anh ngậm miệng không kêu ca để giữ tiếng cho vợ!

Anh chị tôi vẫn trong tình trạng kéo dài: "*cơm không lành, canh không ngọt"* chị Khanh tôi vốn cứng đầu, đã chống cái gì chị chống cho đến chết, tháng năm dài chị vẫn không chịu nhìn mặt chồng. Vợ chồng như mặt trăng, mặt trời, nói chi đến chuyện chung sống. Chị Khanh thường ủ rũ về nhà mỗi buổi chiều, chị nằm trên cái võng đu đưa ở nhà ngang, miệng hát nghêu ngao:

"*A ơi,*
Đắng lắm thì phải nhả ra!
Ngăm ngăm nuốt vậy cho qua một đời!
À ơi !

Nghe chị hát, mẹ tôi lại nổi cơn:

- *Chúng mày nghe không con khanh mỉa mai mẹ nó ép duyên nó kìa!*

Khoảng nửa tháng trước khi toàn dân nổi dậy dành độc lập, người đảng viên Việt Nam Quốc Dân đảng, Nguyễn ngọc Tuệ, 20 tuổi, đã đặt tình yêu tổ quốc lên trên hết. Một ngày, anh ngựa nhà, súng của nhà, phóng ngựa vào chùa Bắc Mã nhập chiến khu Việt Minh để đánh Tây, đuổi Nhật… Ngày anh ra đi đánh dấu chàng trai ra đi biền biệt không trở về và không hề có tin tức từ ngày đó!

*

Chị Khanh yêu quý, thằng em của chị đồng thời là bạn của chị khi nó ở tuổi ấu thời, chị đã thương yêu nó, dạy dỗ nó, đi đâu có chị là có em. Em xa gia đình và lìa chị từ năm 17 tuổi, em lớn lên và trưởng thành trong những cơn bão tố của cuộc đời: đổ vỡ, chia lìa và tang tóc. Em như cánh bèo đã bị dòng đời xô dấy, từ Hà nội bơi qua dòng Bến Hải vào Nam, từ Sàigòn lao vào sống biển ngàn khơi. Cánh bèo em chị đã trôi giạt quê người ở Paris. Sống cô độc trên đất người, lòng quê hương càng lên vời vợi. Có những đêm cô độc em nhìn tuyết rơi qua khung cửa sổ, em thả hồn về quê hương - ngoại thành Hà Nội, nơi đó đứa em của chị nó đã mua được một sào ruộng, nó ngược xuôi ra tận Huế để rước mộ ông nội chúng minh chôn ở quê hương. Một sào ruộng thành nghĩa trang của gia đình, chôn 8 người quá cố yêu quý: ông nội, bố mẹ và 5 bà chị, đứa em tuổi ấu thời, nay nó đã 7O rồi chị ạ, 70 năm của kiếp người nó đón nhận được những gì ngày tháng của cuộc đời ngoài những giông bão, đổ vỡ, chia lìa, những nhớ thương vời vợi, với những giọt nước mắt khóc thầm, chị Khanh ơi… em thương, nhớ chị… !

"*Tuổi già hạt lệ như sương*
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan "
Nguyễn Khuyến

Em của chị:

Phạm -Hữu

Bài Xướng:

ĐÓN XUÂN VUI BÚT

Một sáng mùa Xuân ngập ánh hồng,
Một cung đàn ấm khắp Tây, Đông.
Một rừng thông điểm trời mây biếc,
Một vũng vàng tô biển nước trong.
Một khối bao la hoa lá trổ,
Một bầu bát ngát sắc hương nồng.
Một tia nắng đẹp soi muôn cõi...
Một chữ là mang một tấc lòng.

Một thoáng đua vui vút nối vần,
Một trời Xuân đẹp nắng vàng sân.
Một trang giấy trắng đôi dòng chữ,
Một ngọn chì đen mấy đoạn văn.
Một phút tiêu dao thơ với nhạc,
Một giây phiêu lãng ảo và chân.
Một vài lời lãi trong khuôn sống,
Một tiếng tri âm gọi góp phần.

TRÙNG QUANG
(1912-2012)

Bài họa:

KHAI XUÂN NỬA CHỮ

Nửa thế kỷ xuân rám má hồng
Nửa vòng vũ trụ gái phương đông
Nửa miền ngục thất kia đen tối
Nữa cõi thiên đàng này sáng trong
Nửa bước ra đi sương tuyết lạnh
Nửa hồn ở lại gió mưa nồng
Nửa đời dâu bể sầu non nước
Nửa cõi trần gian xót nỗi lòng.

Nửa giấc mơ xuân thả mấy vần
Nửa đêm hiu quạnh tuyết rơi sân
Nửa câu lãng đãng trao thi hữu
Nửa đoạn bâng quơ gửi bạn văn
Nửa ngọn đèn khuya chong mộng ảo
Nửa trang thơ cũ hiện thiên chân
Nửa tình tri kỷ cho nhau nhỉ
Nửa chữ thân thương hãy để phần.

NGUYỄN T. NGỌC DUNG
(2005)

BUÔNG RƠI ĐÓA SẦU

Tiểu Thu

Cẩm Nhung tung chăn, vươn vai định ngồi dậy, nhưng chợt nhớ hôm nay thứ bảy không phải đi làm, nàng lại kéo tấm chăn lên tận cổ. Thả hồn mơ màng nhớ lại chuyến du lịch Hawaii tháng rồi. Biển xanh, hoa lá xinh tươi, khí hậu ấm áp, con người hiền hòa...Nàng nghĩ nếu được sống ở đó chắc thú vị lắm. Nhất là cho một người mê trồng hoa như nàng. Dòng tư tưởng bị cắt ngang, Tú, chồng Cẩm Nhung, mở cửa phòng ló đầu vào:

-Có điện thoại của Nhã Lan. Em nghe hay anh trả lời là em còn ngủ? Anh pha cà phê rồi đó.

Cẩm Nhung xua tay:

- Em ra ngay. Sao nhỏ này gọi sớm vậy kìa. Chắc có chuyện quan trọng lắm đây.

Cẩm Nhung đi thẳng ra bếp, ngồi vào chiếc bàn ăn nhỏ xinh xắn, với tay cầm điện thoại, sau khi nở nụ cười cầu tài với Tú:

- Cho em xin ly cà phê đi cưng. Allo, Nhã Lan đó hả? Xin lỗi bắt em chờ lâu. Hôm nay thứ bảy nên chị còn "nướng"...Có tiếng người con gái từ bên kia đầu giây, giọng sũng nước mắt khiến nàng ngưng ngang:

- Chị Nhung. Em xin lỗi quấy rầy anh chị giờ này, nhưng em không thể chờ lâu hơn được. Em khổ quá chị ơi!

Cẩm Nhung nhíu mày:

- Ủa, em đang khóc hả? Có chuyện gì ghê vậy nhỏ? Em và Linh cãi nhau à? Mới xuống Vancouver chưa đầy nửa năm mà đã sinh sự rồi. Thôi, có chuyện gì buồn kể chị nghe đi, rồi chị nghĩ cách giải quyết cho. Đừng quên chị của em là hậu duệ của bà Tùng Long đấy nhé.

Cẩm Nhung pha trò cho không khí bớt căng thẳng. Nhưng câu trả lời của Nhã Lan khiến nàng suýt phun ngụm cà phê vừa mới hớp, ra ngoài bàn:

- Anh Linh có người yêu khác rồi chị ơi! Tiếp theo đó là tiếng Nhã Lan sụt sịt khóc. Cẩm Nhung không tin ở tai mình:

- Em vừa nói gì? Lập lại lần nữa cho chị nghe. Trời ơi, chỉ còn ba tháng nữa là tụi em làm đám cưới kia mà. Hay có chuyện hiểu lầm gì không. Đừng hấp tấp, điều tra cho kỹ nghen em.

- Em đã điều tra kỹ rồi chị ạ. Trước khi xuống Vancouver, em đã nghe phong phanh qua người bà con ở Montréal, là Linh quen thân với một cô Tàu lai trẻ đẹp cùng sở. Hai người làm chung department nên ngày nào cũng gặp nhau. Hơn nữa cô ấy, tên Lệ Phương, tính tình hòa nhã dễ thương lại làm việc rất giỏi. Chính Lệ Phương đã giúp đỡ rất nhiều cho Linh khi anh ấy mới chân ướt chân ráo từ Montréal xuống Vancouver. Suốt mấy năm nay, đi đâu họ cũng đi chung.

Cẩm Nhung phàn nàn:

- Chị đã nói với em rồi. Giá mà em nghe lời chị thường xuyên xuống Vancouver thăm nó thì đâu đến nông nỗi này. Đàn ông dễ sa ngã lắm em ạ. Nhiều ông bên ngoài xem rất "ngầu", nhưng thật ra trái tim họ rất yếu mềm. Mà thói thường ai không thích nghe những lời ngọt ngào hở em?

Nhã Lan trả lời yếu ớt:

- Tại em nghĩ tụi em quen nhau rất lâu rồi mới yêu nhau và cũng hiểu nhau rất sâu sắc. Vả lại Linh về thăm gia đình và thăm em ba lần một năm cũng đủ rồi.

- Em còn quên cái câu bất hủ "Xa mặt cách lòng" đó cô khờ ơi- Cẩm Nhung cao giọng- Linh ở Vancouver một thân một mình.

Cái xứ mưa rả rích quanh năm, trách sao không buồn. Có người đẹp một bên an ủi thì còn gì bằng! À, nhưng biết đâu đó chỉ là một phút yếu lòng, còn thật ra Linh vẫn yêu em thắm thiết...

- Lúc đầu, khi nghe người bà con kể lại, em cũng nghĩ như chị. Vì thế khi hai gia đình bàn chuyện đám hỏi, rồi đám cưới là em gật đầu ngay. Em còn cảm thấy mình là người hạnh phúc nhất thế gian nữa đó. Ngày đám hỏi, em thấy Linh cũng bình thường nên nghĩ rằng bây giờ tụi em cũng như là vợ chồng rồi. Em xuống Vancouver sống với Linh ít tháng cho đến khi đám cưới. Nhưng chị biết không... Đến đây, Nhã Lan nghẹn ngào, nói không thành lời. Cẩm Nhung yên lặng chờ Nhã Lan bớt xúc động, dịu dàng nói:

- Chuyện đâu còn có đó. Linh có biết là em nghi ngờ rồi không?

- Không chị ạ. Em âm thầm chịu đựng, không dám nói với Linh. Em không muốn mất anh ấy. Chị biết không, khi tụi em sống chung, lúc đầu em đã nhìn thấy sự thay đổi của Linh. Anh ấy không còn như xưa, mà lúc vui lúc buồn bất thường lắm chị ạ. Có mặt em thì anh ấy cũng ráng gượng cười. Nhưng em bắt gặp những lúc ngồi một mình, anh ấy suy nghĩ tận đâu đâu, em đến gần cũng chẳng hay. Có đêm Linh thức làm việc đến khuya. Em chắc là anh ấy chít chat với Lệ Phương. Em lấy cớ mang nước cam cho Linh uống thì thấy mắt anh ấy đỏ hoe. Em tin chắc Linh còn yêu cô gái kia nhiều lắm. Một điều nữa là anh thích đến sở làm hơn ở nhà với em. Cuối tuần cũng đi. Như hôm nay, thứ bảy mà Linh cũng viện cớ vào sở. Không có anh ấy em mới phôn cho chị nè. Chị ơi em làm sao đây?

Giọng Nhã Lan thống khổ như tiếng một con thú bị thương khiến Cẩm Nhung cảm thấy se lòng. Lan là con người chú họ của Cẩm Nhung. Hai gia đình luôn ở gần nhau từ khi định cư tại Montréal nên hai chị em rất thân. Cẩm Nhung đã chứng kiến cuộc tình đẹp như mơ của cặp Linh- Nhã Lan ngay từ những ngày đầu. Linh là một chàng thanh niên, có thể nói là lý tưởng đối với các cô. Chàng học giỏi, đẹp trai, ga lăng, thân thiện...Với tấm bằng MBA chàng không khó tìm được chỗ làm trong một công ty lớn. Linh yêu Nhã Lan khiến nhiều con tim tan nát. Nhưng Nhã Lan ngây thơ và trung thực, cả tin quá. Đó là một ưu điểm, nhưng cũng là một trong những nguyên nhân khiến Linh ngã vào vòng tay người con gái khác. Cô nàng Lệ

TÌNH XUÂN

Xuân tiễn đông đi khoác áo tươi
Ngàn hoa lộng lẫy rủ nhau cười
Cùng mây gió vọng lời âu yếm
Hoà nhịp mừng vui đến mọi người

Cây nhánh cùng nhau nối lại tình
Lá về trải dáng cảnh thêm xinh
Mon men chú bướm bay chào hỏi
Chim hót vang rền kéo đạo binh

Cô bé mừng xuân má ửng hồng
Xuân sang e ấp những chờ mong
Nhẹ nhàng xuân thắm vương màu mắt
Mộng rực lối về tình ngát trông

Xuân vẫn mặn mà chẳng đổi thay
Tình xuân chan chứa dáng xuân đầy
Trào tuôn sức sống nơi dương thế
Xuân đã về rồi em có hay ?

Uyên Phương Minh Nguyệt
(Texas)

Phương nào đó, tuy có tất cả mọi đức tính tốt, nhưng chắc phải khôn ngoan và già dặn hơn Nhã Lan bội phần. Tội nghiệp con bé, như con chim non mới rời khỏi tổ đã gặp ngay giông bão! Cẩm Nhung thở dài:

- Hay em thử hẹn gặp Lệ Phương để nói chuyện thẳng với cô ta, còn hơn là cứ âm thầm ôm mối sầu trong lòng.

- Em đã thử gọi cho Lệ Phương rồi. Nhưng cô ta nói với em là "Có thắc mắc gì thì chị hỏi thẳng anh Linh. Tôi không có gì để nói với chị cả!". Em còn biết nói sao đây hở chị? Một người quen trong sở của Linh còn thuật lại là trước đây, khi biết em sẽ xuống Vancouver với Linh, Lệ Phương muốn đổi đi chỗ khác, nhưng Linh là người đã ngăn cản không cho cô ấy đi.

- Trời đất! Cẩm Nhung kêu lên. Vậy thì Linh nó mê con nhỏ này quá sức rồi! Chị nghĩ tốt nhất em nên nói chuyện thẳng thắn với Linh. Cứ mập mờ như thế này làm sao mà sống!

- Em cũng muốn lắm, nhưng em sợ Linh sẽ bỏ em. Em không muốn có sự thay đổi nào cả chị ạ. Mất Linh rồi em sẽ sống sao đây? Hơn nữa ngày đám cưới gần lắm rồi. Hai gia đình đã chuẩn bị tất cả mọi việc xong xuôi. Chỉ có điều là càng gần ngày cưới, anh ấy càng trở nên buồn và hay cáu gắt hơn. Chị ơi, không biết khi tụi em cưới nhau rồi, Linh có thể quên Lệ Phương để xây dựng một gia đình hạnh phúc với em không hở chị? Vì mỗi ngày, thời gian Linh ở sở nhiều hơn ở nhà...

Cẩm Nhung ngắt ngang:

- Hạnh phúc ư? Chị chắc chắn một điều là Linh sẽ không có hạnh phúc. Còn em, làm thế nào để có hạnh khi sống bên người chồng đã dành hết tình yêu cho người khác? Em chấp nhận sống cảnh đồng sàng dị mộng thật sao Lan?

Hai chị em đang nhỏ to tâm sự thì bỗng Nhã Lan hạ giọng, nói gấp rút:

- Em cúp nhé. Chắc là Linh đang về. Em nghe tiếng cửa garage mở. Em sẽ gọi lại chị sau.

Nhã Lan cúp điện thoại rồi mà Cẩm Nhung vẫn còn cầm ống nghe, dáng thẫn thờ. Tú đến lấy điện thoại đặt lên giá rồi hỏi, giọng lo lắng:

- Chuyện gì mà em có vẻ căng thẳng quá vậy cưng?

- Linh nó có người yêu khác rồi. Vừa nói Cẩm Nhung vừa ngước nhìn chồng chăm chăm. Đàn ông các anh dễ thay đổi thật. Ông nào cũng có trái tim chín lỗ phải không? Sẩy ra là có người khác liền!

- Ấy! Ấy! Sao cưng lại vơ đũa cả nắm như vậy chứ. Người nào mà chẳng có kẻ tốt người xấu. Như chồng em nè, chỉ một lòng yêu vợ. Xin thề! À, mà cái cậu Linh này hư thật. Trông đứng đắn vậy mà cũng thuộc nòi đa tình dữ a!

Cẩm Nhung xí một tiếng:

- Tại không có cơ hội đấy thôi. Nếu không chưa biết chừng à! Mà nói thật, nếu em là Nhã Lan, em sẽ không làm đám cưới nữa đâu. Bây giờ mà lấy cậu Linh này, có khác nào lấy một cái xác không hồn chứ! Để em sẽ khuyên con bé. Lấy chồng mà cả đời khổ sở vì hờn ghen với một hình bóng khác thì còn chi là hạnh phúc? Thà dứt bỏ còn hơn. Giống như cắt đi một khối u cho nhẹ lòng. Anh thấy em nghĩ có đúng không? Dĩ nhiên là "Anh" đồng ý cả hai tay lẫn hai chân. Nếu không í à....!

Cẩm Nhung chờ điện thoại của Nhã Lan sốt cả ruột. Cuối cùng chiều thứ năm Nhã Lan mới gọi lại:

- Em xin lỗi chị. Chiều nay Linh gọi phôn về nói bận họp sẽ về trễ nên không ăn cơm nhà. Nhưng em cũng phải chờ chị lo cơm nước cho cả nhà xong mới dám gọi.

Cẩm Nhung ngắt lời:

CHỜ XUÂN

Bao giờ cho lá được xanh cây
Gió rét thôi se mấy nụ gầy
Nắng mới chào xuân hoa rộn nở
Cồn xưa ủ mộng bướm vờn bay
Sang mùa cứ tưởng sầu thu ngắn
Cạn chén mà nghe nhớ trải đầy
Chút khói hương mờ trong ký ức
Mắt nào xót mãi tới ngày nay?

Nguyễn Vô Cùng
(Virginia)

- Mấy bữa nay chị đợi phôn em sốt cả ruột. Em thấy Linh có biến đổi gì khác lạ không?

Giọng Nhã Lan buồn rầu não nuột:

- Thì cũng vậy thôi chị ơi. Nhưng cách đây hai hôm, đang ngủ, em nghe anh ấy mớ "Phương ơi... đừng bỏ anh. Phương ơi...em đừng khóc nữa". Em nghe mà điếng cả người. Thì ra họ vẫn yêu nhau say đắm chị ạ.

- Chị phục em luôn đó Nhã Lan. Đến nước này em còn hy vọng gì để tiến tới hôn nhân? Hôn nhân không có tình yêu và niềm tin thì sẽ nặng nề, đau khổ lắm em có biết không? Mọi sự gắng gượng đều rất mỏi mệt. Linh có thể cố gắng đối xử tốt với em đến khi nào và em có thể chịu đựng cuộc sống chia xẻ tình cảm đến lúc nào đây chứ?

Nhã Lan lại sụt sị khóc:

- Em biết. Nhưng em yêu Linh nhiều lắm. Biết là không nên nhưng em...em..

Cẩm Nhung dỗ dành:

- Chị biết. Chị biết lập gia đình là chuyện trọng đại của đời người con gái. Lấy được người mình yêu để chung sống cả đời lại càng hạnh phúc hơn. Nhưng trong trường hợp của em, vấn đề là Linh đã chia xẻ tình yêu, đáng lẽ dành trọn cho em, lại cho một người con gái khác. Ngày xưa, ông bà cha mẹ chúng ta có thể sống với nhau suốt đời vì nghĩa, chứ không cần tình yêu. Nhưng đời nay đã khác rồi em ạ. Nội nghe chuyện nằm bên em mà vẫn mơ gọi tên người yêu là chị đã điên tiết lên rồi. Không hiểu sao em lại có thể chịu đựng nỗi hở Nhã Lan?

- Không phải em chỉ nghĩ cho bản thân em, mà còn cho ba mẹ, gia đình em nữa. Nhã Lan yếu ớt phân trần. Nếu bây giờ em không làm đám cưới với Linh, em sẽ nói sao với họ và chắc chắn là ba mẹ em sẽ rất buồn!

Cẩm Nhung không biết nên khóc hay nên cười. Cuối cùng đành...mắng mỏ:

- Khờ ơi là khờ! Em nghĩ ba mẹ em xem trọng mặt mũi hơn là hạnh phúc của con gái mình sao chứ? Chị biết chú thiếm rất thương các em. Nếu em ngại thì chị sẽ tìm cách nói sơ trước với chú thiếm. Dĩ nhiên là buồn, nhưng chị tin là chú thiếm sẽ thông cảm. Phần gia đình của Linh thì cứ để mặc kệ cậu ta xử trí. Nghe lời chị, nếu em cứ nhắm mắt đâm đầu vào cuộc hôn nhân này thì lành ít, dữ nhiều đó em ạ. Em nghĩ đi. Nếu bây giờ Linh còn chưa dứt tình được với con nhỏ Lệ Phương kia, thì sau khi cưới mối tình ấy sẽ càng thêm mãnh liệt, vì nó chứa chất cả một trời đớn đau, tuyệt vọng. Họ sẽ thần thánh hóa nó và sẽ nhớ nhung nhau không nguôi. Chị biết một trường hợp giống y như thế. Cuối cùng thì cả ba người đều rất đau khổ. Khi cần dừng lại thì nên dừng càng sớm càng tốt em nhé. Tụi em còn trẻ, còn nhiều cơ hội làm lại từ đầu. Trên đời này đâu phải chỉ có Linh mới đáng cho em yêu, phải không?

- Dạ, em nghe lời chị. Nay mai em sẽ nói chuyện thẳng thắn với Linh. Nếu anh ấy thú nhận không thể bỏ Lệ Phương thì em sẽ trả tự do cho anh ấy. Thôi em để chị đi nghỉ, mai còn đi làm. Ngủ ngon chị nhé.

- Em cũng ngủ ngon. Chị đợi tin mừng của em.

***

Suốt thời gian chờ phôn của Nhã Lan, Cẩm Nhung cứ thấp thỏm. Không biết con bé quyết định sao đây. Tú cản vợ không cho gọi Nhã Lan, viện cớ "Em để tự con bé suy nghĩ và quyết định đời mình. Gọi nó rồi nói này nọ, biết đâu sau này nó... đổ thừa tại em làm áp lực quá nên nó mới chia tay thằng Linh. Từ từ đi em. Chuyện cả đời người, không nên hấp tấp". Cẩm Nhung nghĩ cũng có lý nên ráng kiên nhẫn đợi, mà trong lòng cứ lo âu. Cuối cùng thì Nhã Lan cũng gọi. Cẩm Nhung mừng quá hỏi dồn dập:

- Sao em? Đã suy nghĩ kỹ chưa. Giờ em định thế nào?

Nhã Lan trả lời, lần này giọng nàng bình tĩnh hơn nhiều so với hai lần trước:

- Xong rồi chị ạ. Sau khi nói chuyện với chị xong, em suy nghĩ nhiều lắm. Rồi tình cờ em đọc được trên Net câu này " Tình yêu thật sự là cho chứ không phải nhận". Em nghĩ nếu em yêu Linh thật sự thì hạnh phúc của anh ấy chính là hạnh phúc của em. Nếu cứ khư khư giữ chặt anh ấy thì Linh sẽ đau khổ, lúc ấy làm sao em sung sướng cho được. Cho nên em quyết định nói chuyện thẳng thắn với Linh. Khi nghe anh thú nhận yêu Lệ Phương nhiều lắm. Chắc rằng cả đời sẽ không bao giờ quên được cô ấy thì em biết ngay mình phải làm gì. Nhìn gương mặt vừa ngạc nhiên vừa vui mừng và ánh mắt ngời sáng của Linh khi nghe em tuyên bố giải thoát cả ba người ra khỏi tình trạng bế tắc này, trái tim em đau lắm, nhưng đồng thời cũng cảm nhận được tâm hồn mình bình an đến lạ kỳ chị ạ. Giống như em vừa bỏ được gánh nặng nghìn cân xuống khỏi vai mình.

Cẩm Nhung không giấu được sự vui mừng:

- Em làm đúng lắm. Thà đau một lần, còn hơn đau một đời em ạ. Có câu rằng "nếu không có những cơn mưa thì làm sao thấy được cầu vồng". Tin chị đi, một ngày nào đó em sẽ gặp một nửa thật sự là của em. Không cần phải khổ sở tranh giành thứ hạnh phúc giả tạo như bây giờ. Thứ gì không phải của mình thì nhất định buông xuống. Giống những bông hoa héo tàn, mình chôn xuống đất. Hoa khô hòa vào đất vun bón cho cây, để cây lại trổ ra những bông hoa tươi thắm khác, phải không em?

- Chị nói đúng. Em cũng đã nói qua cho mẹ em biết rồi chị ạ. Mẹ em buồn, nhưng nói thà như vậy còn tốt hơn. Chứ cứ cưới rồi ít lâu sau đem nhau ra tòa ly dị còn khổ gấp mấy. Em đã thu xếp, book vé máy bay và cuối tuần này là em bay về Montréal.

Cẩm Nhung reo lên:

- Cho chị ngày giờ chính xác để anh chị ra phi trường đón em nhé. Không ngờ cô em của chị lại "nghị lực" đến như thế. hihihi

Nhã Lan cũng cười, tuy chưa phải là tiếng cười ròn rã trước đây:

- Người ta "Bonjour Tristesse", còn em nhất định "Adieu Tristesse"! Chị quên là chỉ còn một tuần nữa mùa xuân sẽ đến rồi sao? Em không muốn ai "Gọi Em Là Đóa Hoa Sầu" như anh chàng Vũ Khanh vẫn hát đâu nhé! Em nhất định vứt Đóa Hoa Sầu này xuống đất, cho dù con tim có nhỏ máu!

Tiếng cười dòn tan của Cẩm Nhung khiến Tú đang ngồi đọc báo phải giật mình:

- Wow! Bỗng dưng chị thấy hôm nay là một ngày đẹp tuyệt vời Nhã Lan ạ...!

Tiểu Thu

Mùa Đông 2013 Montréal

TÌNH YÊU VÀ HẠNH PHÚC

Trần Tam Nguyên

Ngày qua lại ngày, như người mộng du trên con đường sỏi đá… em mang hình tượng kéo dài bằng chuỗi ngày nặng trĩu trên vai, bằng hình vóc đón nhận hiện tại nhưng tư tưởng ở trong một giấc mơ dài Trang Tử.

Em chấp nhận hiện hữu của dòng đời trôi nhanh như bóng chiều chạy từ triền núi xuống đồng ruộng rồi chợt mất, chỉ còn để lại một trạng thái triền miên nửa vời.

Thời gian cứ trôi qua nhưng không đi qua nơi này mà có thể đi qua trên lịch sử nào, trên miền địa lý nào, trên xứ nào, trên rượu nào, trong khi em ngồi xuống đây để uống cuộc đời ở vào buổi chiều nay, vào buổi tối nay và vào đêm nay để hy vọng tìm lại được tình yêu từ cuộc đời tự xa cách, tự quên mất hút đi rồi… Trong bão biển nào, trong vở kịch nào, dưới khuôn mặt nào của nàng công chúa đang ngủ yên, ngày đêm em vẫn luôn mong muốn nghe nói về tình yêu.

Những thiên thần trên tóc em đến từ giấc mơ đang nô đùa, nhảy nhót, trong mắt em những cái nhìn băng những lời đùa cợt không đếm xỉa, lơ là, bâng quơ. Những con thuyền cứu vớt trong miệng phù phím của em, những đêm lõa thể cũng đến từ những giấc mơ, và rồi một ngày già nua, khoảng cách với bầu trời chỉ còn một nửa, hình ảnh của em như một thiên thần đang dậm chân nóng lòng mang ý tưởng sự hiện diện của em ở một con đường xơ xác đến tận cùng, nhưng ở đó cuộc đời có một ý nghĩa, một tình yêu cho em và đối tượng đã bị rơi vào cạm bẫy khi chỉ có yêu em.

Ngoài kia, bầu trời vừa xanh vừa đen, em nghe tiếng mưa làm tràn ngập buổi tối, em muốn cất tiếng ca vì em muốn thay đổi những gì em thấy trong tấm gương soi, rồi thời gian trôi qua chạy dài trên vĩa hè phía trước và em cảm thấy tất cả đều mỏng manh như tấm gương bị vở. Ngày mai trời lại sáng và em sẽ trở lại bình thường, tươi đẹp như mọi người vẫn thấy đã từ lâu, nhưng đó chỉ là như lời cầu nguyện nhỏ nhoi, như tình yêu của một người vì cuộc đời đã hiến dâng cho em.

Nếu một ngày nào đó em không còn tình yêu của cha mẹ, của người thân hay của bạn bè và nếu em mất luôn cả tình yêu của chính em thì chắc lúc đó chỉ còn có cái chết ở lại với em.

Cảm nhận một tình yêu thật khó diễn tả: một người đi dưới cơn mưa lay bay, lúc đầu không cảm nhận bị ướt nhưng sau khi về đến nhà mới nhận ra áo đã bị thấm ướt, tình yêu cũng giống như thế.

Ngồi trên trường kỷ ở phòng khách, em tự đặt câu hỏi có tiếng sét ái tình không? đến cả trăm lần và câu chuyện tình của hắn kể hiện ra: bên ngoài, mặt trời mùa đông đã lặn từ lâu rồi. Một đám sương mù xám nhạt hiện ra phía sau cửa sổ, chỉ còn lại tiếng đập nhẹ của một cành cây trên gương cửa làm xao động sự im lặng của đêm tối. Hắn đứng dậy ra khỏi trường kỷ và rảo bước đến cuối hành lang để quan sát và nhắm mắt lại để cho tâm hồn đi về miền dĩ vãng. Hắn mong muốn trở lại trong kỷ niệm để có thể làm tan đi những nỗi buồn khó chịu, để hắn tìm thấy được những giây phút hạnh phúc. Vào những giờ trời tối nhất của đêm, hắn nhớ lại hoàn toàn câu chuyện buổi tối ở nghĩa trang với nàng, hắn còn nhớ đã thấy những ánh sáng ma trôi và vào lúc đó hắn mới cảm nhận ra hình ảnh

của nàng đối với cuộc đời của hắn. Hắn đã nghe nàng kể về thời thơ ấu của nàng. Mồ côi lúc còn nhỏ, nàng luôn luôn bị những giấc mơ hãi hùng trong suốt mấy năm sau khi cha mẹ nàng chết vì tai nạn xe hơi. Những giấc mơ hãi hùng cứ tái diễn về hình ảnh của nơi xảy ra tai nạn mà nàng đã chứng kiến. Để tìm cách chữa trị những xáo trộn tinh thần, bà ngoại nàng cuối cùng đã phải đem nàng đến nghĩa trang này để chỉ cho nàng thấy những làn ánh sáng kỳ bí kia. Đối với một đứa trẻ như nàng, những làn ánh sáng này đã đưa đến một sự kỳ diệu, nàng xem những làn ánh sáng đó như là những bóng ma của cha mẹ nàng. Điều đó đúng với những gì nàng cần và cuối cùng những giấc mơ hãi hùng đã biến mất. Hắn bị thu hút bởi câu chuyện này và rất cảm động nhận thấy niềm tin ngây thơ đã có thể làm cho nàng được yên lành. Chính hắn cũng đã được thấy những làn ánh sáng này một lúc sau trong đêm đó và hắn hỏi nàng làn ánh sáng nào mới thật sự đúng. Nàng nghiêng người trả lời bên tai "Đó là cha mẹ của em và cha mẹ muốn gặp anh đó " Lúc đó hắn muốn ôm ghì chặt lấy nàng, hắn đã yêu nàng và không bao giờ ngừng yêu nàng. Ngoài trời ngọn gió tháng hai nổi lên. Không có gì thấy được trong chiều sâu của bóng tối. Hắn nằm soài mệt mỏi trên trường kỷ để cho những kỷ niệm của năm đó kéo dài. Theo thói quen thay vì đánh đuổi những hình ảnh đến dồn dập, hắn đón nhận những hình ảnh đó và đôi mắt nhìn chăm chú lên trần nhà.

Những lời nói như tuông ra từ nguồn suối và nàng chìm đắm vào cuộc du hành như người ta trầm mình vào nguồn nước mát vào mùa hè. Từ những câu chuyện này đến những câu chuyện khác, trong suốt ba tiếng đồng hồ, nàng để cho những câu chuyện đó thấm thấu vào tâm hồn, hai câu chuyện về tình yêu và chết chóc đã biến thành một, giống như hai mặt của một đồng tiền. Trong câu chuyện đó có những người đàn bà đẹp, dịu dàng bị kết án phải chìm đắm trong điên cuồng hay trong hư vô và những người đàn ông chỉ sống để truyền đạt những kỷ niệm, xe chặt những giấc mơ, những tiếc nuối và luôn luôn giữ lấy người yêu như ngôi sao sáng ngời. Những người chết luôn luôn như còn sống, như một thứ ánh sáng tự do chiếu sáng ngời trên linh hồn con người để cho chúng ta chỉ nhìn thấy ở trên một mặt gương soi với một nụ cười, với một cái nhìn, với những lời nói được xoắn lại làm thành từng lọn, đang thì thầm cho chính mình như những lời cầu nguyện.

Đến một lúc nào đó nàng cảm thấy như bị chìm trong một thứ nhầy nhụa của tinh thần, lúc đó chỉ còn lại tình cảm của nàng đối với hắn: tình bạn bè, sự tôn trọng, ước muốn và tình yêu, một thứ tình yêu không dám nói tên của nó mà nàng cố gắng che dấu đối với hắn, từ chối sự va chạm đối với cái bất khả thi của hắn, dù rằng nàng tự cho rằng tất cả đều tốt đẹp, trong cuộc chơi diễn trò leo dây này là sự tránh né thất vọng như một ảo ảnh hay sự lợi dụng, sự ưu ái làm vừa lòng của đứa con trai vào mười lăm tuổi không hề quan tâm đến các hậu quả của nó. Hắn bước nhanh, không quay đầu trở lại và trong một phút nàng thấy hắn đi vào dưới ánh mặt trời. Ánh sáng chiếu thành từng sợi màu đen xám trên tóc của hắn giống như một con thú dữ không biết rõ là nó muốn trốn chạy thật xa hay tấn công chúng ta. Có điều chắc chắn là nó sẽ thi hành một cách nhanh chóng và chính xác không để cho con người có thi giờ để phản ứng.

Vào lần gặp gỡ đầu tiên, hắn có nhận xét là nàng và hắn rất giống nhau. Hắn đã nhận xét không sai nhưng hắn đã không đi đến điểm thật đúng, đó là chúng tôi giống nhau không phải chỉ vì chuyện tóc cùng đen, mắt

cùng xếch, cùng một nguồn gốc chung được biểu tượng bằng những nét tương đồng. Hắn nghĩ sự liên hệ tương đồng là ở chỗ đó, nhưng về điểm này hắn đã nhầm lẫn. Sự thật là những gì đã khiến cho chúng tôi đến gần nhau, không phải do hình thể con người, cũng không phải cùng nguồn gốc giống nhau mà chính là trong một khoảng khắc yên lặng, chúng tôi không bao giờ chia cách, rời nhau.

Vào một buổi tối hắn nói rằng khi nghe nàng nói chuyện, hắn có cảm tưởng được nằm dài ở giữa một khoảng rừng thưa trong một lỗ ánh sáng, không có gì ở chung quanh hắn ngoài những bóng cây lớn mà hắn không biết tên là gì, không có những tiếng động khác ngoài những tiếng reo của gió giữa những cành lá, và hắn thật sự tràn trề hạnh phúc. Nàng không biết đến những tiếng gió reo hay phải chăng, thật ra nàng đối đáp cũng để che dấu sự bối rối trước sự thích thú mà nàng đã cảm thấy khi nghe những câu này. Hắn hát chỉ cần để nghe, hắn nói thế bằng một giọng trầm. Nàng quay đầu trở lại để quan sát hắn kỹ hơn. Trong cái phong cách hắn tự đưa người về phía nàng bằng cái nhìn thấp xuống và cánh tay vươn dài, một loại vừa thân mật vừa cố tình mà nàng không thể nào định nghĩa được và chuyện đó làm nàng bối rối, giống như là hắn đã tiết lộ với nàng một bí mật mà hắn đã chôn vùi ở một nơi sâu thẳm trong hắn.

Nàng nhìn hắn và bước nhanh hơn một bước. Hắn rẽ giữa đám đông một cách tự nhiên. Nàng rất yêu cái vẻ thanh lịch của hắn, cái cách hắn làm cho người ta tránh con đường của hắn mà không có vẻ bị đụng chạm. Chỉ có một đôi tình nhân đang hôn nhau không tránh đường cho hắn và như bị mù đối với những người chung quanh.

Nhà ga, phi trường, nơi tiễn đưa, hội ngộ, từ biệt, đã phải đón chào những chiếc hôn thuộc nhiều loại khác nhau, những chiếc hôn cuồng loạn, đam mê, những chiếc hôn của những cặp vợ chồng lấy nhau từ hơn hai chục năm, những chiếc hôn trốn chạy của những người lén lút, liên hệ không chính thức và những chiếc hôn lỡ dịp. Ai đã không bị tê liệt bởi sự lưỡng lự, sợ bị làm trò cười hay sợ bị từ chối, sợ người ta biết, sợ người ta thấy, sợ đủ mọi thứ mà đã để cho thời gian lướt qua lỡ dịp đối với người mình yêu, đã không dám thú nhận dù đã nhiều năm sau vẫn còn nhắc lại những cử chỉ đã không dám làm, những lời nói đã không dám nói, dù rằng chỉ cần một chút, không đáng gì cả. Hắn cũng chỉ cách nàng vài thước, nếu nàng lấy một chút can đảm vào hai bàn tay hay nếu hắn chỉ cần quay mặt trở lại…nhưng không ! Hắn đã tiếp tục bước đi theo con đường của hắn, bước đi thanh thản, không vội vã theo ngõ ra, còn nàng, nàng đi theo hướng đối diện.

Sự sống của con người sẽ không kéo dài bất tận, nhưng ít nhất nó là của chính con người, sự sống là một kẻ qua đường vội vã của vũ trụ và của thời gian, nó rất mỏng manh, giới hạn, có thể sự sống trước tiên là sự chết hay sống là bắt đầu chết. Con người luôn luôn yêu và chết. Lúc còn trẻ, người ta không bao giờ nghĩ đến sự tương quan giữa yêu và chết, nhiều khi xem những phim ảnh đề cập và diễn tả tình yêu tuyệt đối, những người trẻ cũng không bao giờ nghĩ đến sự tương quan này và đến một thời kỳ nào đó người ta mới tìm thấy mối tương quan này trong dòng đời sinh ra để yêu và để chết. Em nghĩ đến mối tình của Nhậm Doanh Doanh với Lệnh Hồ Xung trong Tiếu Ngạo Giang Hồ, mối tình của Dương Hóa với Tiểu Long Nữ trong Thần Điêu Đại Hiệp của Kim Dung.

Ngón tay trỏ của đứa trẻ mười sáu tuổi có thói quen viết vào khoảng không, lúc còn nhỏ nó viết những chữ cái trên cát để tập đánh vần, nó cũng hay thấm nước để viết trên mặt bàn, nó không nhớ đã làm như vậy

XUÂN ĐẤT KHÁCH

Hoa chào nắng ấm báo tin xuân
Đếm tuổi chao ơi quá lục tuần
Xem ảnh chẳng quên ngày nhập ngũ
Nghe đàn lại ngỡ khúc hành quân
Trông vời quê cũ mà hoe mắt
Ngâm mãi thơ suông đã lạc vần
Tháng lụn năm tàn theo giấc mộng
Nghĩ càng thẹn với khách kinh luân

Nguyễn Kinh Bắc

XUÂN TỰ THÁN

họa

Đại bàng gãy cánh nửa chừng xuân
Mới đó mà nay ngoại thất tuần
Áo trận tháng tư mùa rã đám
Giày sô lửa hạ buổi tàn quân
Nước Nam hỡi, cuộc đời thay đổi
Lịch sử ơi, thời thế chuyển vần
Chưa thấy cuối đường loè ánh lửa
Bốn mươi năm vẫn cõi trầm luân

Phan Khâm

Xuân Quý Tỵ 2013

từ lúc nào, viết bao nhiêu chữ vào khoảng không, có ý nghĩa gì vì nó viết vào nơi mà thời gian cứ vô tình thổi xóa đi mất muôn triệu dòng chữ. Nhưng lúc nào nó cũng viết, có khi trong giấc ngủ, có khi trong vô thức, tất cả là một cuốn nhật ký dầy cộm nhưng không có chữ nào! Có một điều nó không bao giờ quên được vì đó chính là nỗi buồn. Nỗi buồn của sự tồn tại vô ích, không lý do, của một kiếp người như nó, như nhiều đồ vật nằm trong xó nhà, mà ai cũng có, rỉ sét rụi tàn, biết vậy mà không thể bỏ đi được vì đã quen thuộc, lưu luyến đến nỗi khi nó nhìn lại những thứ đó thì mọi chuyện sống động quay trở lại và mọi người gọi những nỗi buồn đó bằng một cái tên mỹ miều: kỷ niệm.

Cuộc sống của nó mới nhàm chán làm sao, trùng lắp, vô định như cái máy với nhiều trục quay vô nghĩa và vô ích, đôi khi nó không biết nó sống để làm gì! Mưa lất phất ở một vùng quê, bài ca từng tiếng một như những hạt mưa buồn rầu, cái buồn làm cho người ta nhớ dai hơn là niềm vui, vì nó dở dang phiền muộn.

Nơi nầy ngày đêm không rõ ràng, thường khi ngày đã chết thì chiều tới một cách vội vã để phân ưu, song cũng không ở lâu. Nhưng hôm nay chiều nán lại muộn hơn và trăng cũng tới sớm, sau đó đêm xanh xao đổ ập xuống và những vì sao cũng gấp gáp hiện ra. Tất cả tạo thành một ngày không nắng, một đêm không tối, tuyệt hảo vì không ngày, không chiều và không phải là đêm.

Hạnh phúc thì lâu dài còn niềm vui thú thì ngắn ngủi. Không có hạnh phúc nào mà chẳng có sự liên tục của ảo giác hay chẳng có sự tạo dựng trở lại một sung sướng ngắn ngủi nào đó, hay sáng tạo trở lại một niềm vui sướng biểu hiện của thời đã qua. Nói một cách khác ảo giác là thiết yếu cho hạnh phúc. Hạnh phúc là khả năng tưởng tượng cho rằng tất cả đều có thể kéo lâu dài và nhất là ở cuộc đời hạnh phúc. Trong ngắn hạn, hạnh phúc hóa thân thành bất diệt có nghĩa là sự vắng

mặt của thời gian và lịch sử. Vi vậy mà sự ham muốn hạnh phúc chỉ tìm thấy được sự thật của nó trong tuyệt đối của cuộc đời vĩnh cửu và ở thiên đàng tương lai. Con người có thể sống nhờ vào sự thừa kế của một phút chốc sung sướng, nhờ vào sự quen dần tất cả đều thoáng qua và chóng tàn. Yêu thương một người sắp biến mất thì thật là bấn loạn và căng thẳng biết dường nào !

Con người ham mê vui thú, vội vã, ám ảnh quyền sở hữu, quyền lực, sản nghiệp, không tự nhượng bộ chịu sống trong khoảnh khắc. Những người khác tự mãn nguyện sống tránh những đau khổ hay tranh đấu chống lại đau khổ. Những người này có được hạnh phúc với một quan niệm tiêu cực: miễn sao không có sự đau khổ. Nhiều khi những người này còn đồng thanh kêu gọi một thế giới trong đó tất cả chỉ có trật tự và đẹp đẽ, sang trọng, yên tĩnh và thú vị.

Niềm vui thú, trái ngược với thời gian, đó là một trong những trăm ngàn cách sống hạnh phúc trong khoảnh khắc bởi vì ở con người luôn luôn có một ý thức "muốn sống" không thể giảm thiểu đi được như Schopenhauer đã nói. Không có gì có thể đang chiến thắng, nếu không, sự ham muốn sẽ bị hũy diệt. Tất cả sự đau khổ của con người đến từ một nguyên nhân là không biết ở lại nghỉ ngơi trong một phòng, như Pascal nói. Lâu rồi, em quanh đi quẫn lại cái câu nói này. Có lẽ nó không quan trọng gì đối với em, nếu không phải là câu nói của Pascal. Như thế làm thế nào để hiểu được câu của tác giả "Pensées" muốn rằng con người phải đóng kín và bất động ? Sự nghỉ ngơi có thể đó là sự thông thái vừa của thời thượng cổ vừa của Á châu dùng để tìm cách có thể hũy diệt sự ham muốn của con người, nhưng đó không phải là hạnh phúc, đó chỉ là sự vắng mặt những đau đớn, những tranh đấu, những tiếc nuối. "Tôi không thèm gì cả, tôi không muốn gì cả, tôi không chờ đợi gì cả, tôi không đau khổ, tôi sung sướng" Đó là một câu trong thánh ca Tây ban nha.

Hạnh phúc là một ước muốn chính đáng, nghiêm trang. Nó phải có thời gian lâu dài để tự phát triển, nó phải cần ở biển rộng, trong một vùng nước sống động và phải đều đặn. Niềm vui thú là cội nguồn, là giòng sông. Hạnh phúc không tung toé, nó trôi chảy, nó không xông tới, nó trãi rộng. Tạm thời có thể nói rằng hạnh phúc là một loại đánh cuộc trên tương lai hay một nhớ tiếc của quá khứ. Nhớ tiếc, chính là chữ này. Hạnh phúc không tự sống ở hiện tại, đôi khi người ta nhầm lẫn ở đó bởi vì hạnh phúc được tạo dựng trở lại và quay trở về dưới một hình thức hiện tại của quá khứ của lịch sử. Lúc ấy, những kỷ niệm tái hiện, mặt khác, nó giống như những đánh cuộc trên sự kéo dài của một tình trạng hay một khoảnh khắc, một chớp nhoáng.

Nếu hạnh phúc chỉ thật sự ở trong nhớ tiếc thì tất cả còn lại là ham muốn, vui thú, thú vị, đê mê. Pascal nói: vui thú, vui thú, khóc vì vui thú ; toàn phúc, chân phúc. Tuy nhiên còn lại điều cốt yếu đó là cách thức đón nhận nỗi nhớ tiếc này của con người. Người ta nhận thấy có loại nhớ tiếc tiêu cực. Con người không thể nào sống nữa nếu không có những hình ảnh và những người khác trong quá khứ nào đó. Hồi tưởng một thời vàng son mà người ta không thể nào làm sống lại được nữa, cái quá khứ đó có thể chưa bao giờ tồn tại, hiện hữu. Nếu có những ai đã khóc trước giọng ca của những người lỡ phận, trước tiếng vỉ cầm của dân lãng tử du mục hay trước những khúc nhạc bi ai, những điệu ca hay những khúc ca định mệnh, thì đó là nỗi buồn thú vị mà người ta không thể ra điều kiện được hay một cách thật mơ hồ chỉ là ước mơ sao cho chúng được hiện hữu vào một ngày nào đó, hay có

thể rằng đó chỉ là một lời ta thán yếu ớt đối với sự bất khả thi.

Cũng còn có loại nhớ tiếc tích cực. Đó là sự nhớ tiếc của một thời mà ta nghĩ rằng được sống vào lúc đó. Đó là hạnh phúc quá khứ sống lại ở hiện tại trong văn chương. Tất cả các thi sĩ từ xưa đến nay đều sống hạnh phúc của tưởng tượng. Gide viết rằng: ta sẽ nói với em những mong đợi, và thời kỳ đẹp nhất của tình yêu không phải là lúc người ta nói câu anh yêu em. Điều đó chứng tỏ là Gide hiểu rằng sự thành toại không phải chỉ là sự toại nguyện, thỏa mãn nhưng cũng trong một thời gian, là sự không còn nữa của ham muốn, một hình thức của chết chóc.

Marcel Proust cho rằng những ai không ở trong thời gian, không ham muốn, không tình yêu thì không hạnh phúc. Sự dâm ô là tình yêu nguy hiểm và không an ninh. Như thế hạnh phúc sẽ tùy thuộc ảo giác chính đáng có thể tự kéo dài và làm sống còn một niềm vui hay một thú vui mà người ta biết rằng niềm vui đó chỉ sinh ra để chết. Người ta luôn luôn thấy có một chiếc khăn tang tôn giáo cho những người yêu đương.

Pascal mong muốn thấy con người lưu lại nghỉ ngơi trong một căn phòng. Nghỉ ngơi gì? đó là sự chết! Hạnh phúc khá giống sự chết bởi vì, nói một cách bất ngờ và gộp chung lại, chẳng lẽ nó tránh né con người sao? từ những hối tiếc của De Belly cho đến những câu thập tứ cú thi của Verlain, từ những bài ca của Barbara đến lời kêu gào của Brel đều chính là sự nhớ tiếc. Và chẳng lẽ hạnh phúc chỉ ở nẽo khuất hay trên trời cao, chỉ là tưởng tượng hay sao? Em nghĩ rằng niềm vui là sự đón nhận một cường độ hiện tại; thú vui là sự pha trộn nhiều ý nghĩa khác nhau; dâm dục là sự sâu sắc tình dục; tính dục là sự khốn cùng của trẻ tuổi quay về tính thú vật, ngược với dâm dục; tình yêu là sự sống với một người khác; hạnh phúc là tình trạng ngây thơ hiện tại hay là phương cách sống trở lại sự ngây thơ này bằng kỷ niệm và lòng thương xót với hiện tại.

Camus đã từ chối tin tưởng vào sự tuyệt đối, Camus không ngừng gợi đến hạnh phúc - một sức mạnh trong bóng mờ ảo - đã chiến thắng nghịch cảnh khó nguôi nhất. Một vùng nước bao quanh một màu xanh đậm, sâu thẳm, như biển cả trở thành bà mẹ và đã nhận em làm con nuôi trong thứ tự vĩnh cửu của mọi vật. Lúc đó em ngắm nhìn và cảm ơn trời xanh. Và chuyện đến với em là đã bị xâm chiếm bởi một thứ tình cảm đứng đắn nghiêm trang mà em không thể nào tin được cái tận cùng của thứ tình cảm đó. Sau cùng có thể có những niềm vui đưa đến hạnh phúc, cũng giống một chút như ở đoạn cuối của tấu khúc mi bémol majeur của Mozart trong đó tiếng kèn alto đã trả lời tiếng vỉ cầm.

Chúng ta thường nghĩ rằng sinh ra là đi từ không có gì đến một cái gì, từ không ai đến một con người, từ hư không đến hiện hữu. Chúng ta cũng nghĩ rằng chết là một bất ngờ từ một cái gì đến hư không, từ một người đến không ai, từ hiện hữu đến hư không, nhưng ít có ai nghĩ như thi sĩ Joseph Folliet:

Ở cuối đường tiến lên cao, không còn lên cao được nữa. Mà là tột đỉnh.

Ở cuối đêm, không còn đêm nữa. Mà là bình minh.

Ở cuối mùa đông, không còn đông nữa. Mà là mùa xuân.

Ở cuối giòng sông, không còn sông nữa. Mà là biển cả.

Ở cuối cái chết, không còn chết nữa. Mà là sự sống.

Ở cuối sự thất vọng, không còn thất vọng nữa. Mà là hy vọng.

Ở cuối nhân loại, không còn con người nữa. Mà là sự tái sinh.

Trần Tam Nguyên (Pháp)

TÂM SỰ CỦA MỘT NGƯỜI VIẾT

Cung Thị Lan

Một người đàn ông đứng tuổi tâm sự với tôi rằng người vợ đầu của ông và ông ly dị vì sự phá rối của người chị ruột của ông. Cũng bởi người chị ruột của ông nói xấu vợ ông với ba mẹ của ông mà tình cảm của vợ ông với gia đình ông và tình cảm của riêng họ sứt mẻ dần. Họ đã bất hòa, cãi vả với nhau rất nhiều lần cho đến khi quyết định chia tay. Ông nói rằng sau khi ly dị, ông nhận rõ sự mâu thuẫn giữa chị dâu em chồng là nguyên nhân của sự đổ vỡ hạnh phúc gia đình ông nhưng ông không hề thố lộ chuyện này với ai. Ông còn nói rằng ông không hề trách móc chị ruột của ông bởi vì ông quan niệm vợ thì ông có thể kiếm được người khác nhưng chị em ruột hay cha mẹ ruột thì ông chỉ có một. Ông chứng minh rằng ông đang có đời sống êm đềm, hạnh phúc với người vợ thứ hai của ông trong lúc vẫn còn mối quan hệ bạn bè thường tình với người vợ đầu tiên, người đàn bà sau khi ly dị cho đến nay vẫn còn độc thân.

Tôi bàng hoàng khi nghe câu chuyện kể vì điều ông thố lộ hoàn toàn trái ngược với điều ông nói với tôi sau khi coi cuốn sách **Hai Chị Em** của tôi. Lúc đó, ông nói với tôi rằng ông chưa bao giờ thấy một người em chồng đối với chị dâu như tôi tả. Chau mày nghĩ ngợi nhưng tôi đã điềm tĩnh nói với ông rằng: "Cháu hiểu bác tiết lộ chuyện như thế này với cháu hôm nay do một sự tình cờ chớ không ai muốn kể chuyện như vậy với người không phải trong gia đình. Nếu bác ghi lại những điều bác vừa kể với cháu với những chi tiết rõ ràng để chia xẻ những kinh nghiệm mà bác trải qua với người khác thì người đọc truyện của bác sẽ gọi bác là nhà văn. Khi bác dùng bút pháp đặc biệt làm rõ mục đích câu chuyện và người đọc học hỏi được những điều bác nhắn gởi trong truyện thì người ta sẽ gọi bác là nhà văn có tài... nhưng cháu biết bác sẽ không viết ra những điều bác vừa mới tâm sự với cháu bởi vì bác muốn bảo vệ danh dự gia đình của bác. Giống như bao người khác, họ có biết bao chuyện éo le, ngang trái và bi thảm nhưng họ không bao giờ chia xẻ cùng ai cũng chỉ vì muốn bảo vệ danh dự của chính họ hay những người thân của họ."

Ông cười và nói rằng tôi thông minh, lý luận rất đúng. Còn tôi, tôi đã kết thúc cuộc đối thoại bằng đề tài khác vì tôi không muốn nói thêm những gì mình đang nghĩ quanh chuyện viết của tôi và những vấn đề liên quan. Đó là chuyện bất ngờ ngoài dự định, sở thích không mục đích, và những vui buồn khi tôi trở thành một người viết thực thụ. Những điều mà tôi tâm sự trong những giòng chữ sau đây:

Tôi đã không hề thích làm văn sĩ ngay từ khi tôi bắt đầu viết những bài tập làm văn trong thời tiểu học. Từ những bài tập làm văn trong năm học lớp Ba như tả cái cặp, con chó, cây chuối, cây dừa, và mẹ của em, tôi cảm thấy viết là một sự gò bó, khuôn khổ và mẫu mực. Bài nào cũng loanh quanh trong phạm vi mở bài, thân bài và kết luận. Bài nào cũng tả từ xa đến gần, từ ngoài vào trong, từ ngoại diện đến phẩm chất, từ các xấu đến cái tốt, cái tiêu cực đến tích cực và và bài học lợi ích hoặc ý nghĩa. Vượt qua sự nhàm chán, tôi đã thử phóng viết tự do theo ý mình trong thời gian học trung học. Kết quả là mỗi khi nhận bài trả từ các giáo sư Việt Văn, tôi luôn

có một câu phê giống y nhau rằng: "Câu văn dài dòng, luộm thuộm!"

Biết làm sao hơn khi tôi không hề thích lối viết ngắn ngủn. Tôi thường có cảm tưởng những dấu phẩy và những dấu chấm là sự nhát gừng của người ngần ngừ không muốn trả lời hay không muốn nói một cách suông sẻ và mạch lạc. Lúc đó, tôi đã tự bảo vệ mình bằng cách không viết ra giấy mà chỉ viết trong đầu. Nếu viết ra giấy thì chỉ là những tờ giấy trong nhật ký chứ tôi không bao giờ nghĩ mình gửi bài cho bất kỳ Bích Báo hay Đặc San nào. Tôi sợ rằng sau khi đọc thơ văn của tôi, độc giả trở thành nhiều giáo sư Việt Văn với nhiều câu phê bình mà tôi từng có: "Văn dài dòng và luộm thuộm."

Tôi không muốn trở thành văn sĩ /nhà văn còn bởi vì tôi thấy đời sống của nhà văn/ văn sĩ thường bị tò mò và xoi mói bởi những người xung quanh. Đời sống họ không còn được tự nhiên nếu không nói là tội nghiệp: Nhất cử nhất động của họ đều bị theo dõi và phê bình. Tôi tự nghĩ tại sao phải đem cái khổ vào thân như vậy? Làm người bình thường, không viết văn, không làm thơ, không gửi bài, không ai biết đến tên tuổi thì đâu phải bị dòm ngó? Đâu phải giữ kẽ, e dè? Hơn nữa làm văn sĩ hay thi sĩ thì có được lợi lộc gì mà cứ phải viết cặm cụi như làm các bài luận văn rồi chờ các giáo sư Việt Văn "không lương"phê bình ? Những người bạn trong lớp C (Ban Văn Chương thời trước năm 1975) chê tôi khùng điên khi nghe những câu hỏi ngớ ngẩn này của tôi. Họ nói thơ văn tô điểm thêm cuộc đời thơ mộng, ghi dấu những kỷ niệm đẹp thời học sinh và làm tươi mát cuộc đời của con người. Hơn thế nữa, khi văn chương lên đến tuyệt đỉnh, văn sĩ, thi sĩ nổi tiếng sẽ được trọng vọng, và tên tuổi của những người này sẽ được lưu danh đến ngàn đời, sao lại nói không thích?

HUẾ THƯƠNG

Tặng Tân Hoa-Giảng viên khoa ngoại ngữ- cao đẳng sư phạm Huế-VN

Huế hỡi chiều nay sao nhớ quá!
Nhớ người,nhớ cảnh nhớ dòng Hương.
Bao giờ anh lại về thăm Huế?
Mang cả niềm yêu trải khắp đường…
Ngày ấy hoa đăng ngập phố hồng.
Vàng từ Thượng Tứ đổ sang đông.
Gió bay lá rụng từ muôn nẻo…
Ngàn trùng giăng mắc nỗi chờ mong.
Hôm nay em ở trong lòng Huế.
Thấy gì trong giọt nắng chiều buông?
Có nghe réo rắc trong làn gió.
Tiếng tình vang vọng khắp muôn phương…
Anh đi em ở buồn vô kể!
Phố phường như thể chít khăn sô.
Mây ơi cho nhắn lời tâm sự…
"Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ"*

Thiên Đức

*Thơ Đường-Vương Xương Linh

Nghe lời bạn bè, mặc dù chưa thực sự viết thơ văn chuẩn mực, chưa có thơ văn để gửi cho tòa soạn nào và cũng chưa được nhà xuất bản nào phát hành sách, tôi đã tưởng tượng mình là nhà văn nổi tiếng, và mơ mộng về những thành công của nhà văn nổi tiếng. Thế nhưng, sau một hồi tưởng tượng và mơ mộng, tôi đã khư khư với ý nghĩ ban đầu là không bao giờ thích làm văn sĩ hay thi sĩ. Nguyên do từ những câu trả lời cho những

câu hỏi mà tôi tự đặt cho tôi. Nếu khi còn nhỏ tí teo, tôi hỏi mẹ tôi rằng "Má ơi, ai sinh ra má vậy ?" ,"Là bà ngoại con chớ ai!" ," Ai sinh bà ngoại vậy má?", "Là bà cố!", " Ai sinh bà cố vậy má?", "Là bà sơ!", "Ai sinh bà sơ vậy má?", " Là bà sít!", "Ai sinh bà sít vậy má?", "Là bà... mà mày hỏi làm gì hỏi hoài vậy?", "Dạ con muốn biết ai là người đầu tiên trên trái đất này sinh ra má con mình thôi đó mà!"... thì lúc bấy giờ, tôi tự hỏi rằng "Nếu mình là nhà văn và được nổi tiếng thì sao?", "Thì mọi người sẽ đọc hết tất cả sách của mình và biết tên mình chớ sao!", " Nhiều người biết tên mình, thì sao?", "Thì khi mình chết, tên mình vẫn còn sống bởi những người còn sống đang đọc sách mình chớ sao!", "Những người còn sống đọc sách mình, nhắc nhở tên mình rồi sao nữa?", "Rồi những người đọc sách mình hết còn nhắc nhở tên mình vì họ sẽ chết nhưng họ sẽ lưu sách của mình lại cho con họ đọc!", "Rồi con của những người đọc sách mình chết nữa thì sao?", "Thì con của con của những người đọc sách mình chết đó đọc!", "Rồi con của con của những người đọc sách mình chết, nghĩa là cháu của những người đọc sách mình chết, chết nữa thì sao?", "Thì chắt của những người đọc sách mình chết đọc!", "Rồi chắt của những người đọc sách mình chết, chết nữa thì sao?", "Thì chít của những người đọc sách mình chết đọc !", "Rồi chít của những người đọc sách mình chết, chết nữa thì sao?", "Thì chút của những người đọc sách mình chết đó đọc!", "Rồi hết thảy con, cháu, chắt, chít, chút của những người đọc sách của mình chết, chết hết thì sao ?", "Thì không ai biết tên mình cả!", " Như vậy có nghĩa là làm nhà văn hay nhà văn nổi tiếng hay không nổi tiếng cũng chỉ là hư danh mà thôi! Có khi đến đời con của người mê đọc sách của nhà văn nổi tiếng không muốn đọc sách của nhà văn nổi tiếng cùng thời với cha mẹ họ, thì sự lưu danh sẽ bị cắt đứt một cách ngọt xớt.... thế thì tại sao mình phải khổ cực viết sách để làm nhà văn làm gì?" Với lý luận như vậy mà tôi không hề viết bài, và không hề gửi bài cho các bích báo của lớp của trường chớ đừng nói chi đến việc tơ tưởng đến các danh xưng văn sĩ hay nhà văn.

Mặc dù tôi chưa bao giờ nghĩ hoặc chưa bao giờ mơ mình sẽ trở thành nhà văn, văn sĩ hay thi sĩ nhưng tôi thích viết. Tôi đã viết hàng ngày trong đầu mình và ghi lại những gì xảy ra trong trí mình những sự việc đáng nhớ và cảm nghĩ của mình trước những sự việc xảy ra quanh tôi. Tôi thường xuyên tâm tình với ý nghĩ của mình và ghi lại những gì xảy ra trong nhật ký của tôi. Tôi đã giấu kỹ những cuốn nhật ký nhưng có lúc lại muốn chia xẻ ý nghĩ của mình với những người quanh tôi. Tôi nghĩ giá như tôi mạnh dạn cho mọi người biết những ý nghĩ thật của mình, biết những gì mình đã trải qua, biết đâu tôi chia xẻ kinh nghiệm của mình cho người có cùng tình trạng để họ phản ứng hay hơn tôi, hạn chế những thiệt thòi mà tôi mắc phải đồng thời có được đời sống tốt đẹp hơn đời sống của tôi. Bản thân của tôi cũng đã học nhiều kinh nghiệm từ những gì ghi trong sách vở. Chúng là những người bạn tốt giúp tôi mở mang kiến thức và cho tôi nhiều bài học bổ ích trong việc hiểu biết hoàn cảnh khác biệt của mọi người, thông cảm và tôn trọng sự khác biệt ấy. Tôi đã ứng dụng những kiến thức trong sách vở vào đời sống hàng ngày của mình và nghiệm rằng cuộc sống của mình thành công đối với việc ứng phó với những nghịch cảnh xung quanh mình. Từ kinh nghiệm này, tôi muốn lưu lại những gì tôi đã trải qua cho người đọc, mà người gần nhất là các em Hướng Đạo. Tôi đã thực hiện dự định của mình bằng lối viết đơn giản, dễ hiểu và đúng với trình độ đọc tiếng Việt của các em. Tôi

muốn biến những cuốn sách của mình là hành trang trong cuộc sống của các em nhưng tôi đã ngần ngừ chuyện phát hành bởi vì tôi hình dung được cảm giác mất mát của mình khi phải tung ra những chuyện tôi giấu kín hàng bao năm trời.

Là người yêu bí mật, tôi không muốn ai biết những gì mình đang giấu kín. Viết về một mối tình câm, về một cuộc tình đuổi bắt, một sự hoang tàn, một sự tuyệt vọng, một cuộc sống nghèo hèn, sự đối xử không công bằng trong gia đình là niềm đau xót khôn nguôi. Làm sao có thể giải thích cho những người đọc hiểu được tâm trạng của người viết đang trang trải những niềm đau xót trên những trang giấy bằng những giọt nước mắt hơn là mực viết. Làm sao có thể cho mọi người hiểu được sự thố lộ những gì có tính cách riêng tư là sự bày tỏ chứ không phải là sự đánh đổi hai chữ nhà văn. Tuy nhiên, sự ra đời nào cũng do số phận và sự an bài của thượng đế. Những bản thảo như những cuốn nhật ký nằm im trong tủ ngỡ sẽ ra đời bất ngờ khi chủ nhân của chúng đi vào chốn vĩnh hằng. Ngờ đâu, chúng đã xuất hiện một cách vội vã. Nguyên nhân vì em gái ruột của tôi, người mà tôi nghĩ sẽ là người đầu tiên bất ngờ đọc những điều bí mật của tôi sau khi tôi không còn trên cõi đời, bị chứng bệnh hẹp cơ tủy xương cổ. Tình trạng sức khỏe nguy kịch của em gái tôi khiến tôi quyết định phát hành cuốn sách đầu tiên của mình. Sự phát hành không có một sự thuận lợi nào khi tôi đang ở trong tình trạng thất nghiệp và không hề quen biết một nhà văn, nhà thơ hay một nhà xuất bản nào ở Hải Ngoại. Có lẽ kỳ vọng và tin tưởng khả năng của tôi, một họa sĩ trong nước, tại Việt Nam, đề nghị sẽ giúp đỡ tôi trong việc phát hành sách. Ngoài chuyện vẽ hình bìa sách ông còn hết lòng giúp tôi làm người đại diện ký giao kèo với một nhà xuất bản có uy tín trong nước. Ông nói rằng nhà xuất bản này đã xuất bản rất nhiều sách của miền Nam Việt Nam trước năm 1975 ngay cả những chuyện kiếm hiệp của Kim Dung. Tôi vui vẻ ưng thuận với tâm trạng tin tưởng tuyệt đối vào sự cởi mở và đổi mới trong nước.

Việc xuất bản cuốn sách đầu tiên tưởng sẽ được tiến hành trong thuận lợi, người đại diện ký giao kèo cho tôi biết là Nhà xuất bản Thông tin Văn hóa, nơi kiểm duyệt các tác phẩm văn chương trong nước, yêu cầu tôi đổi hai chữ Việt Cộng bằng ba chữ Giải Phóng Quân thì cuốn sách **Nha Trang Dấu Chân Kỷ Niệm** của tôi mới có thể xuất bản trong nước. Nghe xong những lời này, tôi đã tức tốc yêu cầu người đại diện xóa bỏ hợp đồng với nhà xuất bản mà ông ta đã ký giao kèo. Tôi nói rằng những gì tôi ghi lại là những gì tôi chứng kiến khi Việt Cộng tấn công Nha Trang vào năm 1975 chớ tôi không hề biết chữ giải phóng quân là gì. Trong tâm trạng bàng hoàng, tôi cho ông biết rằng tôi không ngờ có sự thỏa hiệp kỳ lạ giữa nhà xuất bản và bộ phận kiểm duyệt văn hóa thông tin như thế, rồi tôi khẳng định rằng tôi sẽ không bao giờ đổi trắng thành đen. Đến lúc đó, tôi nhận rõ vai trò quan trọng của người viết trong sự bảo vệ tính trung thực và cũng từ lúc đó tôi không còn có ý nghĩ sẽ giao kèo với bất cứ nhà xuất bản nào trong nước. Để bảo vệ tính trung thực của quyển sách của mình, tôi đã tự phát hành, và phát hành vội vã đến độ không kịp biên tập.

Những quyển sách của tôi ra đời một cách rất đột ngột nhưng tôi đã cố gắng hết mức trong vai trò của người tự xuất bản. Tôi đã cố gắng chuyển chúng đến tay người đọc sớm chừng nào hay chừng nấy vì ngại rằng sẽ có những cuốn sách với tên mình với những sự việc xảy ra cho mình bằng những

tên gọi bịa đặt. Sự cố gắng của tôi nhằm để bảo vệ sự thật nhưng vì gấp rút, cuốn sách đầu tay của tôi đã có khá nhiều lỗi chính tả. Bất kể nội dung cuốn sách trung thực thể nào, khuyết điểm của phần hình thức khiến tôi không hề nghĩ cuốn sách mình được độc giả chấp nhận là một tác phẩm chuẩn mực. Ngạc nhiên thay, tôi đã được sự ủng hộ của rất nhiều độc giả; không những các em Hướng Đạo, mà còn là những người có học vị khá cao, các phụ huynh, các trưởng Hướng Đạo, bạn bè và người quen. Họ cho rằng **Nha Trang Dấu Chân Kỷ Niệm** có giá trị như một tác phẩm lịch sử bởi vì nó đã trung thực ghi lại những gì xảy ra trong những thời gian trước và năm 1975.

Dù là người mới tập tễnh bước vào khu vườn văn chương, tôi hình dung được những phản ứng khác nhau của người đọc đối với các tác phẩm của mình. Tôi đón nhận những ý kiến khác nhau cho kinh nghiệm của mình nhưng tôi đã chán nản khi tôi thấy những thái độ của những người nhạy cảm quá khích hay những lời phán đoán không chính xác về nội dung. Đó là những người chỉ đọc lướt qua vài trang đầu, đọc sơ sài vài trang sách hay không hề đọc chữ nào trong những cuốn sách của tôi. Trong khi tôi đang bỡ ngỡ trước những lời khen về trí nhớ siêu việt, tính trung thực của ngòi viết của mình thì tôi thấm thía những phản ứng của vài người bà con cho rằng tôi mạ lỵ danh giá của đại gia đình. Điều này làm tôi cảm thấy nỗi đau của mình to lớn hơn khi thấy rõ tâm ý của một số người. Vì danh giá và danh dự, con người chỉ muốn che đậy những điều tiêu cực, phủ nhận công lý để nuôi dưỡng những bất công tiếp tục diễn biến từ đời này đến đời khác. Sự dửng dưng, lạnh lùng và giận hờn của một số người làm tôi cảm thấy đau xót. Tôi làm sao có thể giải thích cho họ hiểu những nghịch cảnh ghi ra trên giấy là niềm đau khôn nguôi của tôi. Những giòng chữ trên những trang sách của tôi không phải chỉ bằng mực mà với rất nhiều nước mắt. Tôi làm sao nói cho họ hiểu rằng những đứa bạn gần gũi với tôi vào thời niên thiếu đã phán với tôi rằng: "Mày là con nhà văn nương tay!" Như vậy, phải chăng: Viết sách đối với tôi không phải là phương sách chờ đợi một danh xưng, sự giải tỏa hay xoa dịu. Viết sách đối với tôi cũng không phải là hình thức nhằm phỉ báng, mạ lỵ hay bêu xấu cá nhân nào. Thời gian sẽ làm sáng tỏ rằng: Viết sách đối với tôi là một hình thức nghệ thuật chuyển tải ý tưởng đến người đọc trong tinh thần khách quan.

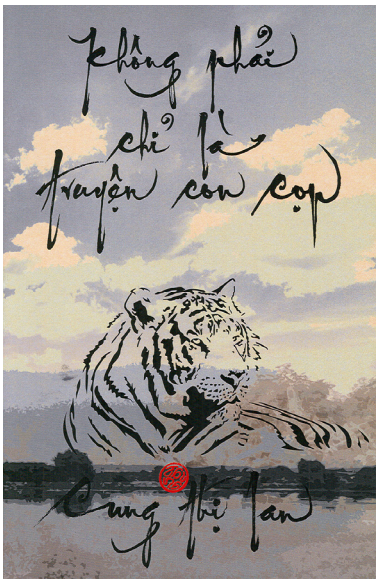

Có lúc, tôi nghĩ rằng người đàn ông có kinh nghiệm bản thân về hậu quả của sự xích mích giữa chị em dâu với chị em chồng nhưng không ghi lại những điều ông trải qua trong sách là người may mắn. Chữ may mắn có vẻ dị hợm khi ông đã mất hạnh phúc gia đình, và con cái của ông đã phải sống trong cảnh xa cha gần mẹ hay gần cha xa mẹ nhưng dù sao ông đã không bị mất tình cảm của ba mẹ và các chị em gái của ông. Nhờ tâm huyết bảo vệ danh dự của gia đình, mà ông không bị tẩy chay, biệt lập hay ruồng bỏ

bởi những người thân trong đại gia đình của ông. Tuy nhiên, nếu tất cả mọi người trên đời không hề đề cập đến những tiêu cực của những sự việc quanh mình thì e rằng chúng ta khó lòng thấu hiểu, thông cảm hay học tập kinh nghiệm trong thế giới không hoàn hảo của loài người.

Với duyên nghiệp và sở thích, tôi đã tiếp tục viết cho dù những tác phẩm của tôi cho tôi nhiều lời khen tiếng chê của độc giả. Qua bình luận của nhiều người tôi nhận thấy rằng hiếm có người đọc kỹ sách của tôi. Có lẽ do thời gian hạn chế nơi xứ người, hiếm có người đọc sách kỹ như đã từng. Ngoài ra, qua những lăng kính màu khác nhau, những lời khen ngợi hay phê bình thường là kết quả từ các kinh nghiệm cá nhân hay môi trường cuộc sống mà người đọc trải qua. Hiểu được điều đó, tôi đã không từ nan việc chờ đợi người hiểu rõ điều tôi muốn nhắn nhủ trong những đứa con tinh thần của tôi. Để tạo điều kiện cho độc giả trong nước đọc các tác phẩm của mình, tôi đã gửi chúng vào trang Việt Nam Thư Quán. Dù không được hoa lợi trong việc viết sách nhưng tôi đã được những lời góp ý và bàn luận chân thật của những độc giả sau khi đọc các tác phẩm của tôi. Đã có nhiều lời góp ý của độc giả trong nước làm tôi rất cảm động. Thương cảm nhất là khi tôi đọc lời bàn bạc trong phần góp ý của độc giả rằng "Dù được các tác giả ở Hải Ngoại cho coi sách miễn phí trên mạng nhưng em cũng phải trả tiền giờ cho các dịch vụ vi tính." Với câu nói này thì lợi nhuận có đáng là bao?

Các tác phẩm của tôi đã giúp tôi ngày càng gặp lại nhiều người thân quen. Sự quảng bá những tác phẩm viết trên hệ thống toàn cầu đã giúp tôi tìm lại nhiều người thân mất liên lạc hàng chục năm. Qua họ, tôi biết được nhiều tờ báo đã lấy và trích đoạn một số bài viết của tôi đăng trên mạng. Điều đó không hề hấn gì bởi vì có nhiều người đọc hết sách tôi trên các trang mạng vẫn ưu ái mua sách ủng hộ tôi. Điều quan trọng là những người thân quen của tôi đều nói rằng họ đã xúc động khi đọc các bài viết của tôi vì họ tìm thấy sự hiện diện của họ trong ấy. Quan trọng hơn nữa là có lần một độc giả ở California gọi điện cho tôi và thố lộ rằng: "Chị ơi, em cảm ơn cuốn **Hai Chị Em** của chị. Nhờ cuốn sách này mà đứa con gái em gần gũi em hơn đứa con trai đầu của em. Phải chi em được đọc sớm hơn câu: '*Buồn thay, mẹ nó vì quá lo lắng cho kế sinh nhai mà chẳng bao giờ để ý đến niềm ao ước nhỏ nhoi của chị em nó. Trong niềm ao ước nhỏ nhoi ấy, chỉ được mẹ dẫn đi bộ đến biển chơi cũng sẽ là hạnh phúc tuyệt đỉnh của chúng rồi.'* trước đây em đã áp dụng cách gần gũi con, chớ không bỏ bê nó mà lo kinh doanh. Phải chi em có cuốn sách này sớm hơn thì em không bị con trai em lợt lạt như bây giờ đâu chị!"

Chỉ có vậy! Cuối cùng tôi đã tìm được người nhận được thông điệp của mình. Thông điệp này không những cho độc giả của tôi mà còn chính cho tôi, người viết.

Với những lời tâm sự này của tôi, tôi hy vọng bạn sẽ viết ra những thông điệp bạn muốn gửi cho người đọc. Mỗi người trong chúng ta đều có những kinh nghiệm khác nhau. Kinh nghiệm san xẻ của bạn sẽ cho người đọc bài học ý nghĩa. Cứ thế, chúng ta sẽ cùng truyền cho nhau các kinh nghiệm khác nhau để cùng xây dựng một cuộc sống hoàn thiện hơn. Nếu bạn chưa từng viết, hãy viết đi. Nếu bạn đã và đang viết, xin hãy tiếp tục, đừng từ bỏ.

Cung Thị Lan
(Maryland)

CÁM ƠN TẤM LÒNG THẾ GIỚI

Trần Chí Phúc

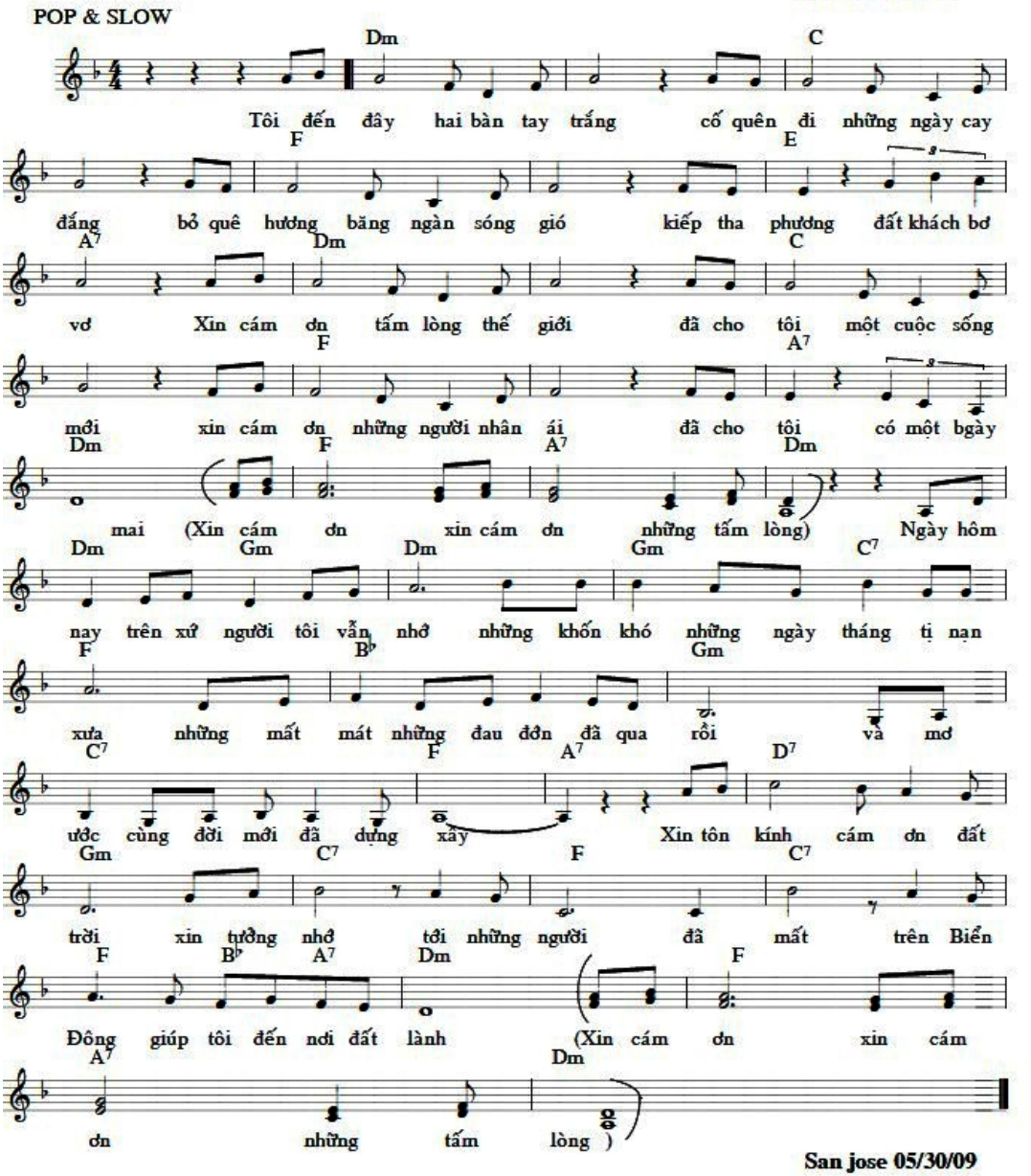

San jose 05/30/09

CÁM ƠN TẤM LÒNG THẾ GIỚI

Trần Chí Phúc

(CA KHÚC KỶ NIỆM 30 NĂM QUỐC TẾ CỨU THUYỀN NHÂN VIỆT NAM-GENEVA 20-7-1979 / SAN JOSE 20-7-2009)

Ngày 10-4-1979 tôi đặt chân định cư tại Winnipeg Canada sau mấy tháng ở trại tị nạn Kota Bharu Mã Lai. Chuyến vượt biển tuy gian nan nhưng may mắn thuyền của tôi rất nhỏ, chứa 21 người, đến bờ bình an.

Tháng 7 năm 1979, mùa hè Winnipeg nắng đổ dài tới mười giờ đêm. Tôi ngồi đọc tờ báo tiếng Việt Dân Quyền có nhắc đến tin mấy chục quốc gia họp tại Geneva ngày 20-7- 1979 để bàn cách cứu thêm thuyền nhân.

Bản tin đó tôi nhớ tới hôm nay và sau này đọc thêm tài liệu biết rằng một nghị quyết của buổi họp lịch sử được đưa ra để từ đó các trại tị nạn mở rộng vòng tay đón ghe thuyền tị nạn cập bến, các nước nhận thêm thuyền nhân vào xứ sở của họ, các tàu bè ngoại quốc cứu vớt nhiều hơn các ghe thuyền trên Biển Đông, những người nhân ái và các hội đoàn thiện nguyện dành nhiều cảm tình hơn cho những người gọi là Boat People.

Thời đó tôi hãnh diện là một thuyền nhân, đi đâu cũng được người bản xứ Canada hỏi thăm về chuyến vượt biển nguy hiểm của mình.

Lái xe phạm luật thì cảnh sát Canada biết là người tị nạn mới qua nên tha không phạt, vào hãng làm năng suất chậm nhưng không bị chủ đuổi vì là thuyền nhân Việt Nam. Mỗi buổi sáng chủ nhật đi nghe các nhà thờ nói về việc cứu giúp bảo trợ thuyền nhân mới qua. Ôi! hai chữ Boat People thật là dễ thương.

Tháng 7 năm 2009 là đúng 30 năm từ cái ngày 65 quốc gia họp để cứu thuyền nhân. Cũng là 30 năm tôi đặt chân xứ người. Đã nhiều thay đổi, nhưng tôi mãi không quên chuyến đi vượt biển làm thay đổi cuộc đời của mình.

Thuyền nhân là sự kiện lịch sử bi thảm, nhắc nhớ đến một thời kỳ cai trị khắc nghiệt của người Cộng Sản trên đất nước Việt Nam khiến cho cả triệu người phải liều chết vượt biển.

Thuyền nhân là biểu tượng của khát vọng tự do, đi tìm cuộc sống mới thăng hoa xứ người. Thuyền nhân là đề tài lớn cho sáng tác nghệ thuật nhưng cho đến nay vẫn chưa có những tác phẩm lớn xứng đáng với sự kiện này. Hy vọng tương lai, một lúc nào đó sẽ có.

Tôi đã viết vài ca khúc về vượt biển, trại tị nạn trong mấy chục năm trước.

Hôm nay nhân tổ chức buổi kỷ niệm 30 năm quốc tế cứu thuyền nhân vào tối thứ bảy 18-7-09 tại rạp hát Le Petit Trianon Theater ở San Jose, một ca khúc mới ra đời mang tên "Xin Cám Ơn Tấm Lòng Thế Giới":

"Tôi đến đây hai bàn tay trắng. Cố quên đi bao niềm cay đắng, bỏ quê hương băng ngàn sóng gió, kiếp tha hương đất khách bơ vơ.

Xin cám ơn tấm lòng thế giới, đã cho tôi một cuộc sống mới. Xin cám ơn những người nhân ái, đã cho tôi có một ngày mai.

Ngày hôm nay trên xứ người tôi vẫn nhớ... Những khốn khó những ngày tháng tị nạn xưa. Những mất mát, những đau đớn đã qua rồi. Và mơ ước cùng đời mới đã dựng xây.

Xin tôn kính cám ơn đất trời. Xin tưởng nhớ đến những người đã mất trên Biển Đông giúp tôi đến nơi đất lành. Xin cám ơn, xin cám ơn , những tấm lòng."

Tôi hài lòng vì bài hát đã nói được ý tưởng nhớ đến những người đã bỏ mình trên biển cả. Một bài hát khác mang tên Những Cánh Chim Hải Âu sẽ giới thiệu cùng các bạn lần tới.

Trần Chí Phúc

KHU VƯỜN HOA TÍM

PHƯƠNG-DUY TDC

1-

Sáng nay, Hoàng nhìn ra sân trước nhà thấy vị hôn thê của chàng mặc áo dài mầu tím bước ra khỏi xe.

Chàng nhủ thầm:

"Ồ, Thủy, sao đến chơi mà không gọi điện thoại báo trước."

Hoàng rất ngạc nhiên hôm nay Thanh Thủy mặc áo quần đẹp như đi dự tiệc cưới không bằng.

Hoàng vội chạy ra đón bạn:

"Thủy, đi đâu mà diện đẹp quá vậy?"

Thủy không trả lời câu hỏi, vội nói:

"Anh Hoàng, vào nhà thắng bộ complet trắng, mang cà-vạt có điểm hoa màu tím nhạt, như lần chúng mình đi dự sinh nhật của nhỏ Trang đó, lẹ lẹ lên kẻo trễ giờ..."

"Lý do?"

"Lẹ lẹ lên, khi lên xe, em sẽ cho biết sau."

Hoàng trở vào nhà mặc áo quần như lời Thủy dặn. Thấy Hoàng ra, Thủy nói liền:

"Hôm nay đi xe của em nhưng cho anh làm tài xế chính."

"Sao bí mật vậy cưng, bật mí cho anh biết với!"

"Từ từ... sẽ biết, đây là bản đồ, và đây là địa chỉ nơi đến, thời gian phải có mặt đúng 12 giờ trưa, anh muốn hỏi gì thêm thì hỏi ngay. Bây giờ là 10 giờ 15, chúng ta sẽ khởi hành; sau năm, mười phút nữa để anh đủ thì giờ xem bản đồ, được chứ?"

Hoàng liếc vào địa chỉ, chàng nói ngay:

"OK, cài seat belt đi cưng, anh đi ngay khỏi cần xem bản đồ. Tên đường và thành phố đã nằm trong bộ nhớ này rồi Hoàng trở vào đầu mình, chỉ còn số nhà, đến nơi sẽ tìm sau, được không cưng?"

"Giỏi! Đáng khen! Anh sẽ nhận được một nụ hôn dài của em thưởng khi không lạc đường và đến đúng giờ, OK?"

Xe ngon trớn trên xa lộ, Hoàng quay sang Thủy và nói:

”O.K Salem! Bây giờ có đủ thì giờ để cưng “bật mí” cho anh biết “điệp vụ bí mật” này chưa?”

“Anh Hoàng, anh còn nhớ nhỏ Quỳnh Như, bạn cùng học với em không?”

“Biết. Hình như cô ấy lên xe hoa năm ngoái với ông chồng lớn hơn gần mười tuổi nhưng khá giàu, mà em có kể cho anh nghe.”

“Tối hôm qua, Quỳnh Như gọi điện thoại cho em mời anh và em tham dự tiệc mà lý do khi đến nơi “ người chủ xị” sẽ cho biết sau. Điều kiện kèm theo “*yêu cầu khách mời chỉ mặc y phục màu tím và màu trắng, đi xe màu trắng, màu như bạc, mầu xanh đậm... tránh xe màu đen, màu xám, màu đỏ, màu vàng, màu nâu....”* Vì thế lần này chúng mình không đi chiếc xe “xịn của anh” BMW màu đen, hai chỗ ngồi, mui trần.”

2-

Mười một giờ năm mươi lăm phút, tài xế Hoàng đã đưa “bà hoàng của chàng” Thanh Thủy đến trước cổng ngôi biệt thự to lớn ở trên một ngọn đồi cao nằm trong vùng Portola Valley.

Đối với nhiều người khác không quen đường xá, khi tìm đến địa chỉ những ngôi nhà lẻ loi, thưa thớt trên vùng rừng núi lạ, nhiều ngõ ngách, rừng cây rậm rạp này cũng không dễ dàng gì, trừ những xe có trang bị máy định vị bằng vệ tinh hướng dẫn, nhiều lúc cũng chạy nhầm đường hoặc đến không đúng giờ.

“Ở đây phải không anh? Đúng chỗ không anh?” Thủy hỏi người yêu.

“Bấm chuông, chủ nhân ra mở cổng thì biết đúng, sai ngay. Nếu chủ nhân không thuộc loại da vàng máu đỏ... thì mình “Sorry!” và lái xe đi tìm biệt thự khác. Nhưng anh tin chắc là anh đã đưa em đến đúng nơi, cưng cứ yên chí vì mùi thơm của gia vị thức ăn quen thuộc... đã đi qua lỗ mũi của anh và vào đến buồng phổi này rồi. Tín hiệu đã đưa lên não và tuyến nước bọt và dịch vị trong dạ dày của anh đã tiết ra.” Hoàng nói.

“Mùi chả giò, mùi bún bò Huế?” Thủy lẩm bẩm khi ngọn gió thổi ra từ trong biệt thư thoát ra ngoài cổng.

Thủy nói tiếp: “Chịu anh, anh có khiếu làm điệp viên “Không... Không....Trật!” đồng nghiệp 007 James Bond!”

Người ra mở cổng đón khách chính là Quỳnh Như. Từ ngày lên xe hoa đến nay, Thủy mới gặp lại bạn. Quỳnh Như trông xinh hơn, có da thịt hơn nhờ có hơi... đàn ông!

3-

Thủy và Hoàng theo sau Quỳnh Như bước vào phòng khách. Một số bạn bè tới trước đang ngồi chuyện trò rôm rả.

Quỳnh Như giới thiệu các bạn của nàng với nhau.

Hoàng đưa cặp mắt quan sát tổng quát gian phòng. Gian phòng toàn một mầu tím nhạt êm dịu mắt. Ánh đèn, tường, bình hoa cắm những cành hoa mầu tím. Một dĩa nhạc cũng đang tỏa ra những âm thanh nhẹ của bản “Chiều Tím” quen thuộc. Tiếp theo bản “Đồi Sim” nhạc của Tuấn Khanh qua giọng ca của Thanh Lan.

Một số khách đang xem và trầm trồ những tập nhạc Việt chép tay. Một số bạn khác đang đọc những bài thơ. Những cuốn vở chép tay nhạc và thơ này được đóng bìa cứng khổ lớn. Hoàng và Thủy đến phiên cầm lên xem. Thủy ồ lên bên tai vị hôn phu:

“Thơ được ghi chép bằng những nét chữ mỹ thuật, rất công phu, tỉ mỉ.”

Toàn những bài thơ của nhiều tác giả sáng tác liên quan đến đề tài “Màu Tím” bằng lối chữ ghi bằng ngòi bút “ronde”, bút “lá tre”, bút “bi”, bút “lông”, bút “calligraph” nhưng đều dùng màu tím.

Tập nhạc cũng vậy, chỉ chép những nhạc khúc liên quan đến đề tài "mầu Tím" như: "Chiều Tím","Tà Áo Tím", "Hoa Trắng Thôi Cài Trên Áo Tím"... những dòng nhạc và nốt nhạc chép rất công phu cũng bằng bút mực tím.

Khi khách đã đến đông đủ, Quỳnh Như đứng lên giới thiệu chủ nhân ngôi biệt thự. Chồng nàng đứng lên khui champagne mời các bạn của Quỳnh Như và nói vài lời cám ơn sự quang lâm của khách mời và giới thiệu chương trình:

"Hôm nay chúng tôi rất hân hạnh mời một số bạn rất thân của Quỳnh Như đến vui chơi để ra mắt tập thơ đầu tay của nàng nhan đề " Một Tà Áo Tím". Mời các bạn cùng nâng ly..."

Quỳnh Như trao tận tay bạn hữu tập thơ in rất mỹ thuật có ghi tên đề tặng và chữ ký lưu niệm của tác giả đã ghi bằng mực tím và đã chuẩn bị từ trước.Một cô bạn chọn một bài thơ trong tập thơ rồi đứng lên "ngâm" theo dĩa nhạc đã thu sẵn tiếng đàn thập lục và sáo trúc phụ họa. Một bạn khác lên hát một bài hát "Tà Áo Tím" của nhạc sĩ Hoàng Nguyên để tặng hai vợ chồng Quỳnh Như. Giọng ca rất điêu luyện mặc dù không có nhạc đệm theo. Thủy thúc cùi chõ vào lưng Hoàng, nói nhỏ bên tai chàng:

"Sẵn có piano, anh lên độc tấu bản "La Violetta" để bạn bè của em thưởng thức nhé.".

Hoàng gật đầu. Quỳnh Như đứng lên giới thiệu:

"Thưa các bạn, em xin giới thiệu Hoàng, vị hôn phu của Thủy sẽ góp vui bằng bản nhạc ngoại quốc nhịp điệu Tango "La Violetta" do G. Verdi sáng tác, độc tấu dương cầm."

Hoàng đứng lên cúi chào bạn bè của Thủy và đi đến cây đàn "piano à queue" đặt góc trái phòng khách. Các bạn vỗ tay để khuyến khích. Hoàng ngồi vào ghế. Im lặng một vài giây để bạn bè ngưng tiếng vỗ tay. Tiếng nhạc mạnh mẽ vang lên khi mười ngón tay của Hoàng lướt trên phím. Điệu Tango quý phái làm cho thính giả muốn đứng lên nhảy theo. Tiếng nhạc trình tấu bay bướm, hấp dẫn mọi người trong phòng. Trước lúc Hoàng bắt đầu đánh đàn, các bạn chỉ có ý vỗ tay để "khuyến khích mầm non văn nghệ" nay bản nhạc chấm dứt, tất cả đều đứng lên vỗ tay hoan hô nhiệt tình vì Hoàng tấu nhạc rất nghệ thuật. Vợ chồng Quỳnh Như rất vui vì quá bất ngờ như nhận một món quà tặng quý giá, đến bắt tay Hoàng và Thủy. Các bạn khác liền đề nghị:

"Yêu cầu anh Hoàng ngồi tại piano để đệm nhạc cho các cô bạn khác sẽ lên hát và ước mong nhạc sĩ Hoàng sẽ cống hiến thính giả một vài nhạc khúc độc tấu dương cầm nữa trước khi chấm dứt chương trình văn nghệ tự biên tự diễn hôm nay."

4-

"Bây giờ mới đến tiết mục chính", Quỳnh Như vừa nói vừa mời bạn bè ra khu vườn sau nhà để dự tiệc và ngắm hoa.

Các bàn ăn hình tròn nhỏ gọn được sắp xếp dưới những bóng râm của những cây có tàn lá rộng. Tất cả đều quay mặt ra hướng hồ nước rộng chính giữa có trồng Water Lilies (hoa súng) nở những đĩa hoa màu tím vươn cao khỏi đám lá xanh bao phủ mặt nước bên những tảng đá trắng lớn trang trí rất mỹ thuật nhô lên giữa hồ.

Thủy và Hoàng nhìn quanh khu vườn thấy chủ nhân trồng nhiều loại hoa khác nhau nhưng chỉ chọn những cây nào chỉ trổ màu tím chen lẫn với hoa màu trắng mà thôi. Dưới mỗi cây hoa hoặc cỏ màu tím, màu trắng đều có một bảng ghi tên loại hoa.

Hoàng đọc được "Agapanthus" (African Blue Lily) hoa màu tím xanh

trồng bên cạnh cùng tên white lily màu trắng, "Delphinium" hoa màu tím có lốm đốm nhụy màu trắng; "Geranium Pratense" hoa màu tím nở lâu tàn; "Liriope Muscari" còn gọi Lilyturf hoa từ tím đến tím đậm; "Latycodon" còn gọi Balloon flower, hoa màu tím nhạt; "Pulsatilla Vulgaris" còn gọi Pasque flower, hoa màu tím điểm nhụy vàng rất đẹp; "Salvia" hoặc Sage, hoa tím nhạt; "Viola Odorata" thường gọi English Violet, hoa tím, nhụy màu trắng; "Purple Viola" hoa màu tím trồng xen lẫn với hoa "White-Flowered Lobularia", "Centaurea" hay Corn flower, hoa tím; "Lathyrus" hay Sweet pea, hoa tím…

Khi Hoàng nhìn những quả Cà màu tím, Hoàng nghĩ đến sở thích ăn loại cà này nướng hơi già lửa rồi cho thêm chút hành mỡ, ít nước mắm ớt tỏi chan lên ... ăn với cơm trắng dẻo, thật tuyệt! Món ăn tuy giản dị nhưng khoái khẩu chàng. Cạnh bên cây Cà Tím còn gọi là Cà Dái Dê, chủ nhân trồng mấy cây ớt chỉ thiên, quả màu tím ăn rất cay.

Thủy đọc được "Browallia" còn gọi Bush Violet, màu tím trồng xen lẫn với hoa màu trắng "White Troll", "Geranium", Cranesbill, hoa màu tím;

"Viola Cornuta" còn gọi Viola, hoa tím, nhụy trắng hoặc nhụy vàng; "Viola Tricolor" loại Wild pansy, mỗi hoa lốm đốm ba màu tím, vàng, trắng; "Viola Wittrockina" hoa cánh tím, cánh trắng chen nhụy vàng; "Asapanthus", hoa màu tím; và nàng thích nhất vài loại quen thuộc với nàng là "Phượng Tím", "Hoa Sim Tím" và "Ớt Màu Tím".

Ở Mỹ mùa hè không có hoa Phượng Vỹ màu đỏ nhưng có hoa Phượng Tím tạm thay thế để đỡ nhớ "Phượng vỹ" ở quê nhà. Nhìn cây Phượng Tím, Thủy và Hoàng nhớ đến giọng ca rất hấp dẫn của ca sĩ Tâm Hảo khi trình bày nhạc phẩm "Con Đường Có Hàng Phượng Tím" của nhạc sĩ Thanh-Trang mà đôi bạn rất yêu thích nhạc điệu và lời ca rất trữ tình.

Còn rất nhiều loại hoa màu tím và màu trắng nữa mà đôi bạn Hoàng và Thủy không thể xem và đọc hết được.

5-

Các bạn của Quỳnh Như vừa ăn vừa chuyện trò vui vẻ giống như họ vẫn còn là những cô nữ sinh trẻ trung thời đang cắp sách đến trường. Hai món ăn mà Hoàng và Thủy đã ngửi được và đã đoán khi mới vừa đến trước cửa biệt thự này, đến khi ngồi vào bàn ăn đã thấy "y chang": chả giò và bún bò Huế. Thủy nói nhỏ với Hoàng:

"Anh được em phong danh hiệu chính thức là "Điệp viên Không Không Lầm".

Món tráng miệng hấp dẫn với các khách phái nữ lần này là: mấy dĩa Sim chín vừa hái trong vườn và món chè nếp nấu đường phèn với khoai môn màu tím. Hôm nay chủ nhân không mời rượu vang "Vin de Bordeaux" màu đỏ mà mời vang "Sauternes" màu trắng vàng và có vị ngọt để "quý bà" dễ uống.

Từ ngày lên xe hoa đến nay, Quỳnh Như mới có dịp gặp lại bạn bè thân thiết cũ.

Nàng rất vui và phấn khởi trong lòng vì có dịp trò chuyện với bạn bè để kể lại chuyện tình "Khúc tình ca mầu Tím của Nàng", nàng nói:

"Đây là khu vườn Hoa Tím" nằm trong "Biệt Thự Sim Tím", tên do chúng tôi đặt. Trong khu vườn này, chúng tôi chỉ chọn trồng những loại cây cỏ trổ ra hoa màu Tím và màu Trắng để ghi lại "duyên kỳ ngộ" của chúng tôi cách đây bốn năm.

Ngày ấy, khi tôi mới tốt nghiệp đại học. Một ngày đẹp trời lái xe lên thành phố San Francisco để đến xem khu vườn Bách Thảo nổi tiếng. Từ thuở mới lớn, tôi thích những

nhạc phẩm có "Màu Tím" cùng những bài thơ chứa đựng "Màu Tím" nên khi đi dạo xem hoa cũng chọn những hoa "Màu Tím". Đi quanh quẩn khu vườn Bách Thảo khá rộng lớn của San Francisco, tình cờ gặp một "ông" cũng quanh quẩn bên những cây cỏ "Màu Tím". Nên tôi đi đến đâu cũng gần như thấy "ông" này lẽo đẽo theo sau im lặng nhìn hoa bên cạnh. Tôi quay lại nhìn "ông" và chào xã giao. "Ông" chào lại.

"Xin lỗi cô, hình như... cô thích những hoa có màu tím?", "ông" gợi ý làm quen.

Tôi trả lời:

"Vâng, tôi thích những hoa màu tím trông "romantic" bên những hoa màu trắng trông "thánh thiện"...

"Ông" im lặng một lúc rồi góp ý:

"Hoa làm đẹp cho đời. Nhưng hoa cũng kén người chăm sóc. Ở Mỹ người ta quan niệm "thì giờ là vàng bạc" nên người yêu thích hoa ít có thì giờ dành cho hoa, vì thế ít có người "sưu tập" hoa, tôi muốn diễn tả danh từ "collection". Vài năm gần đây, tôi đã bỏ chút thì giờ gầy dựng một khu vườn nhỏ trồng một vài loại cây cỏ có hoa mình thích. Tôi thích màu Tím, hoa màu Tím, thơ màu Tím, nhạc màu Tím..."

Rồi mình và "ông ấy" hai người trước lạ, sau quen nhau vì cùng sở thích.

"Ông" nói tiếp:

"Những ai có ít thì giờ chăm sóc hoa nên nghe lời khuyên ghi trong một cuốn sách hướng dẫn trồng hoa:

"*Many of the loveliest and best-loved flowering plants are perennials. Like annuals, perennials provide a colorful display, but they have the advantage that they don't need to be changed at least twice a year. Perennials are easy-care plants which have a major place in low maintenance gardens*."

Rồi thời gian trôi qua, tiếng "ông" đã thay thế bằng danh xưng "chàng", đến "anh" lúc nào không nhớ. Chàng lớn hơn tôi mười tuổi, chàng đã tốt nghiệp cao học về môn thực vật học nên rất sành, và yêu thích cây cỏ. Chàng được hưởng gia tài của bố mẹ qua đời để lại với một căn nhà và khu vườn trên thung lũng vắng người ở này. Chàng sưu tầm và trồng những cây cỏ màu tím mà các bạn đang thưởng ngoạn đây. Một ngày cuối hè, tôi lên thăm chàng và chàng đã ngỏ ý mời tôi về làm chủ khu

vườn Hoa Tím của "Biệt thự Sim Tím". Tôi đã đồng ý và rất hạnh phúc khi sống ở nơi đây với chàng, người bạn đời cùng chung sở thích, cũng đúng với câu chàng đã nói trước đây với tôi "Hoa làm đẹp cho Đời, nhưng hoa cũng kén người chăm sóc!"

6-

Trên xe trở về lại San José, ngồi bên Hoàng, Thanh Thủy có dịp thủ thỉ với vị hôn phu:

"Em cũng thích hoa, nhưng là một loại hoa khác với sở thích của Quỳnh Như, em đố anh đó."

"Xin chịu thua người đẹp, anh không đoán được."

"Đó là mười ngón "hoa tay" tài hoa của Anh trên phím đàn dương cầm. Hãy giữ đôi tay nghệ sĩ này cho em mãi mãi cùng với chiếc nhẫn mang nơi ngón tay áp út nhé."

PHƯƠNG-DUY TRƯƠNG DUY CƯỜNG
San José, CA

MÙA XUÂN PARIS

MÂY THU

Trong đôi mắt của những đứa trẻ thơ vào những ngày cuối năm, luôn luôn ánh lên niềm mơ ước được ông bà, cha mẹ, anh chị em hoặc "ông già Nô-en" phân phát cho thật nhiều quà. Cho nên để có thật nhiều quà mọi thứ hình như được chuẩn bị từ lâu lắm. Các tiệm buôn, các siêu thị lớn nhỏ đều ráo riết tranh nhau trưng bày thật mới mẻ, thật quyến rũ cốt để vừa lòng khách hàng dù khó tính đến đâu cũng tìm được một món hàng đúng như sở thích.

Ở ngay trung tâm thủ đô Paris, cửa hàng Printemps nơi phân phối các loại hàng mỹ phẩm, xa xỉ phẩm, dầu thơm, quần áo v.v.. của các cửa hiệu sang trọng danh tiếng. Thành lập vào năm 1865, cuối thế kỷ mười chín, tuy đã có từ lâu đời với vòm mái cao ở mặt tiền được xếp vào hàng di tích lịch sử nhưng vẫn còn rất hiện đại. Tọa lạc ở góc đường Havre và đại lộ Haussmann, cách không xa mấy nhà ga Saint Lazare nơi có nhiều tuyến đường métro tụ lại. Mỗi năm trong vòng sáu tuần lễ, cửa hàng Printemps trang hoàng các tủ kính hoạt hình dành cho Noel, thực hiện theo một đề tài bởi những nhà trang trí nổi tiếng, các đề tài thay đổi mỗi năm. Với ước muốn luôn luôn cung cấp một cơ hội để nuôi dưỡng ước mơ cho trẻ em, một khoảnh khắc êm ái để làm hài lòng khách qua lại nhìn ngắm và giúp cho buổi tiệc cuối năm tổ chức được thành công hơn, mùa Noel năm nay, cửa hàng Printemps đã được nữ minh tinh điện ảnh khả ái Marion Cotillard cắt băng khánh thành về việc trang trí các tủ kính. Trong số 11 tủ kính đó có 4 tủ kính được cho cử động hoạt hình do nhà tạo hình con rối Jean Claude Dehix đảm nhiệm. Ông Dehix cho biết để có những con rối cử động hiệu quả ông phải mất hai tháng trời ròng rã thử nghiệm. Với chủ đề "Inspirations Parisiennes by Dior" (Nguồn cảm hứng của Paris bởi Dior), Dior là nhản hiệu của nhà thiết kế thời trang và chế tạo mỹ phẩm danh tiếng Christian Dior (1905-1957) đã độc

quyền cùng với cửa hàng Printemps tạo nên một nghệ thuật tinh xảo làm cử động những con rối hay búp bê may bằng vải thật khéo léo. Các tủ kính được đặt tên: L'Opéra (Nhà hát kịch Opéra), Le Café de la gare (Quán cà phê-ca kịch "Café de la gare"), Le Patinoire de la Tour Eiffel (Sân trượt băng của Tháp Eiffel), Les toits de Paris (Những mái nhà của Paris), La Fête Foraine (Hội chợ), Le Jardin d'Hiver (Phòng trà "Le

Jardin d'Hiver"), Le banquet (Yến tiệc), Le bal (Khiêu vũ)... Trước mỗi tủ kính có những búp bê cử động hoạt hình đều đặt bục gỗ cao dành riêng cho trẻ em đứng để chúng được tha hồ nhìn ngắm, trầm trồ khen ngợi và... mơ mộng. Những hình ảnh đó sẽ đi vào giấc mơ và sẽ ở lại trong lòng tuổi thơ rất dài lâu. Nhưng nào có phải chỉ để dành riêng cho trẻ em, người lớn cũng ngẩn ngơ vài giây phút, thời gian như trôi chậm lại hầu lãng quên đi những mênh mang phiền toái của đời sống thường ngày. Người ta đông đúc chen chúc nhau đứng hàng giờ nhìn không chán mắt. Nhìn các "cô búp bê" lượn qua lượn lại trượt băng tay cầm ví da, có "cô" lại té lăn kềnh và "nằm vạ" trên sàn trượt không chịu đứng dậy. "Cô" thì bay theo bong bóng, "cô" thì đứng trong khinh khí cầu đặt ống nhòm quan sát, "cô" thì xích đu, "cô" thì cỡi ngựa gỗ, "cô" thì ngồi lên xuống quay theo vòng tròn bánh xe... "Các cậu búp bê" cũng không thua kém, tham dự dạ hội khiêu vũ, đàn hát êm đềm tiếng đàn hòa tấu réo rắt du dương. Tủ kính "Yến tiệc" không cho cử động hoạt hình, trưng bày các chén đĩa ly tách những nhản hiệu danh tiếng của Pháp thật đắt tiền sang trọng, các đèn treo sáng lóng lánh như kim cương, người mẫu mặc áo như được nạm vàng biểu hiện cho các buổi tiệc tùng quý phái vương giả.

Người ta xem mê mẫn cách trưng bày ngoạn mục ở cửa hàng Printemps nhưng ở những nơi khác Louis Vuitton, Galeries Lafayette v.v. cũng hấp dẫn không kém. Trên đường Faubourg Saint Honoré, là nơi chuyên bán các xa xỉ phẩm như dầu thơm, quần áo, đồ trang sức của các cửa hiệu danh tiếng Yves Saint Laurent, Chanel, Guerlain, Lanvin v.v.. đều được khách bộ hành dừng lại ngắm nhìn. Cửa hiệu Hermès rất đặc biệt với mái cao vuông vắn như một khối vàng rực rỡ tỏa sáng cả một góc phố, cho thổi ở ban công không ngừng nghỉ những bọt bong bóng xà phòng nhiều màu đẹp mắt bay lên không trung trong nền trời đêm và hương thơm dịu dàng thoảng nhẹ lan xa. Trước tủ kính cửa hiệu Hermès lại trưng bày khung cảnh rất thần tiên, tưởng tượng những chú thỏ con ngây ngô lấp ló từ các cửa hang chui ra, bầy thiên nga lông trắng toát tung cánh trên nền ao hồ màu hồng nhạt, chim công xòe cánh khiêu vũ khoe bộ lông trắng tinh dưới ánh đèn hồng và trên mặt nước ao hồ phẳng lặng trong veo điểm thêm vài cánh bèo li ti xanh biếc. Để quảng cáo các ví da xinh đẹp, cửa hiệu Hermès còn trang trí thêm các tranh vẽ của họa sĩ Thierry Bruet, loại tranh sơn dầu trang trí các động vật lộng hình người như chim cú, chim công, két, sói, khỉ v.v.. trong đó có bức tranh mang tựa đề Ông Bà Mèo Đi Hia (Monsieur et Madame Chat Botté), truyện kể của nhà văn Charles Perrault (1628-1703) viết vào cuối thế kỷ XVII. Thierry Bruet là một họa sĩ, điêu khắc gia tự học đã 30 năm và thường trưng bày các tranh vẽ ở cửa hiệu này.

Nhà thờ Madeleine nằm giữa công trường Madeleine được xem là một di tích lịch sử, xây dựng dưới thời vua Napoleon Đệ Nhất để kỷ niệm chiến thắng của Đại Quân, tòa nhà mang hình dáng của một ngôi đền cổ xưa kiến trúc theo lối tân cổ điển bao chung quanh bằng 52 cột trụ theo kiểu Corinthiennes. Đi dọc theo chung quanh công trường này, những ai lỡ mang "tội" mê kẹo sô-cô-la sẽ dừng lại rất lâu để thưởng thức tài năng của các tay nghề, thật nghệ sĩ như một nhà điêu khắc đã nắn nót những

thỏi sô-cô-la nhiệm mầu trở thành hình dáng độc đáo của các chú khỉ chimpanzé to tướng đặt trong tủ kính được giữ ở nhiệt độ thích hợp để khỏi bị tan chảy ra.

Từ công trường Madeleine rẽ sang đường Royale đi thẳng sẽ tới công trường Concorde, nơi đây hầu như quanh năm người ta thường thấy vòng tròn bánh xe cao lớn quay nhịp nhàng lên xuống chở những khách nhàn du thích ngắm nền trời đêm Paris, vào mùa Noel vòng tròn ấy thắp sáng rực rỡ hơn bao giờ hết, cạnh đấy không xa dựng lên một cây thông cao nghều nghệu lấp lánh ánh đèn sáng đỏ từ chân đến ngọn.

Đại lộ Champs-Elysées khởi đầu từ công trường Concorde (nơi có cột tháp Ai Cập được dựng lên vào năm 1836), nối dài tới công trường Charles de Gaulle (khoảng chính giữa công trường này là Khải Hoàn Môn). Champs-Elysées là đại lộ lớn và nổi tiếng ở Paris mà người dân Pháp hãnh diện xem như đại lộ xinh đẹp nhất thế giới. Đa số các đạo diễn phim ảnh thường chọn nơi đây làm bối cảnh dù chỉ một vài phút cho một màn cảnh nhỏ. Buổi lễ diễn hành ngày quốc khánh 14-7 và cuộc đua xe đạp vòng quanh nước Pháp vào mỗi dịp hè đều được tổ chức trên con đường rộng lớn này. Mỗi năm vào giữa tháng mười một, đại lộ Champs-Elysées được trang hoàng duyên dáng bằng những ngọn đèn nhỏ li ti giăng mắc trên các cành cây hai bên đường. Năm nay trên đại lộ người ta lại thấy các thân cây được điểm trang thêm bằng những vòng tròn "Hula Hoop" quấn ngang mình làm như lúc nào nó cũng muốn nhảy múa rồi làm như thẹn thùa mắc cở, lúc đổi màu xanh, khi thay màu đỏ, hoặc hồng, vàng, trắng, tím, lần lượt hắt lên các cành cây trên cao và cùng nhau tỏa sáng. Ánh sáng huy hoàng trên thành phố nguy nga tráng lệ chạy dài suốt từ công trường Concorde tới Khải Hoàn Môn làm cho người ta quên hết mọi thứ phiền não ở trên đời, cùng nhau "xuống đường" tưng bừng nhộn nhịp, quên cả đèn xanh đèn đỏ khiến các nhân viên cảnh sát cứ phải thổi còi liên hồi, cùng nhau dạo chơi, nhìn ngắm, mua quà, giải trí, ăn uống với đủ mọi lứa tuổi. "Chợ Noel" gồm một dãy các gian hàng, các quán nhỏ chỉ thấy xuất hiện một vài năm gần đây, kề sát nhau dọc theo hai bên đại lộ bày bán các món hàng xinh đẹp lạ mắt. Mỗi quán nhỏ, mỗi gian hàng mang một sắc thái riêng. Thêm vào đó giữa bồn binh Champs-Elysées lại được trang hoàng bằng những quả cầu tròn trịa, ánh đèn lấp lánh như kim cương in bóng dưới mặt nước đem lại cảm tưởng cả một trời đầy sao có những hành tinh ở đâu xa lắc phương trời nào bay tới, một nơi chốn thần tiên nào đó chỉ có thể tìm thấy trong những giấc mơ.

Cách đó không xa, tòa nhà Grand Palais nằm bên hông đại lộ Champs-Elysées gần trăm mét, nơi đây vào năm 1900 đã từng tổ chức cuộc đấu xảo toàn cầu, nay lại được hân hạnh mở cuộc triển

lãm tranh của nhà họa sĩ tài ba Edward Hopper (1882-1967). Cơ hội ngàn năm một thuở này làm cho khách yêu nghệ thuật hưởng ứng nồng nhiệt, có hôm họ đứng sắp hàng chờ mua vé gần hai giờ dưới trời lạnh trừ 6°C vì vé giữ chỗ trước đã hết, nhưng không than phiền bởi họ biết rằng sẽ được thưởng thức nhìn ngắm những bức tranh tuyệt tác. Đã từng dừng chân tại Paris vào khoảng năm 1906-1910 nên họa sĩ Hooper rất ái mộ nền văn hóa Pháp. Tranh của ông thường là sơn dầu nhưng cũng có một số loại tranh vẽ bích chương, tranh khắc và tranh vẽ bằng màu nước. Phần lớn tác phẩm của ông với những đường nét thẳng ngang rõ ràng giản dị, ánh sáng, màu sắc hài hòa diễn tả đời sống sinh hoạt thường ngày nói lên sự luyến tiếc một nước Mỹ trong quá khứ, sự xung đột giữa thiên nhiên và thế giới hiện đại. Các nhân vật thường mang nét cô đơn buồn bã. Dự định tổ chức cuộc triển lãm đến cuối tháng giêng nhưng vì quá thành công nên viện bảo tàng quốc gia phải gia hạn thêm một tuần lễ để đáp ứng lại sự nhiệt tình của khách ngưỡng mộ tranh Edward Hooper.

Vào đúng mười hai giờ khuya đêm Saint Sylvestre, giao thừa Tết Dương Lịch, trong nhà gia đình đoàn tụ hoặc bạn bè tới dự tiệc cuối năm cùng nhau chúc mừng năm mới, ngoài đường phố ở vùng ngoại ô xa Paris có vẻ im lìm vắng vẻ vì gió lạnh không ai muốn bước ra đường, nhưng trên đại lộ Champs-Elysées lại rất huyên náo, phần đông là các thanh niên thiếu nữ hay những đôi tình nhân trẻ, họ rót tràn sâm banh trao đổi nụ hôn đầu năm và chúc mừng nhau: Bonne Année! Meilleurs voeux! Ôi một năm mới tràn trề nhựa sống, không khí đó vui vẻ làm sao! Người Pháp có thông lệ chúc mừng nhau những điều tốt đẹp trong suốt tháng giêng nhất là sức khỏe, có sức khỏe mới có mọi thứ, họ chào nhau bằng những nụ hôn, người Paris vội vã cho nên chỉ có hai nụ hôn, một trao đi một nhận lại. Người Bretagne và một vài vùng khác nồng nàn hơn họ chào nhau bằng bốn nụ hôn, hai trao đi hai nhận lại nhưng người dân ở miền Nam nước Pháp không hiểu sao chỉ có ba nụ hôn, một trao đi một nhận lại và một trao đi còn nụ hôn thứ tư lại bẽ bàng không biết gửi về đâu!

"Sur les quais du vieux Paris" (Trên những bến Paris xưa) viết năm 1939, *"Sous les ponts de Paris" (Dưới những cầu Paris)* viết năm 1950, lời nhạc thật vô cùng lãng mạn với giọng ca truyền cảm của Lucienne Delyle. Và nhất là *"Sous le ciel de Paris"* nhạc phim do đạo diễn Julien Duvivien thực hiện cũng viết vào thập niên năm mươi ở thế kỷ trước, nhạc và lời của Jean Dréjac được rất nhiều ca sĩ trình bày: Edith Piaf, Yves Montand, Juliette Gréco, Mireille Mathieu...

"Sous le ciel de Paris / Coule un fleuve joyeux / Il endort dans la nuit / Les clochards et les gueux / Sous le ciel de Paris / Les oiseaux du Bon Dieu / Viennent du monde entier / Pour bavarder entre eux / Et le ciel de Paris / A son secret pour lui / Depuis vingt siècles il est épris / De notre Ile Saint Louis..." (Dưới bầu trời Paris / Giòng sông vui mừng chảy / Vẫn ngủ yên trong đêm / Những người vô gia cư / Và những người ăn mày / Dưới bầu trời Paris / Những loài chim Thiên Chúa / Đến từ khắp muôn nơi / Để kể chuyện nhau thôi / Và bầu trời Paris / Có bí mật riêng mình / Từ hai mươi thế kỷ / Nó say đắm mê ly / Hòn đảo Saint Louis...)

Cho thấy thành phố Paris luôn lộng lẫy quyến rũ, muôn màu muôn vẻ. Mùa xuân

Paris xinh đẹp mỹ miều, là nguồn cảm hứng cho những người đã từng ghé đến hoặc đã từng sinh sống, nơi đây đã có rất nhiều thi nhạc sĩ Việt Nam ca ngợi thành phố Paris. "Thu Paris, Tiễn Em", thơ Cung Trầm Tưởng, nhạc Phạm Duy. "Paris Có Gì Lạ Không Em", thơ Nguyên Sa, nhạc Ngô Thụy Miên... những tác phẩm đó đã làm thổn thức biết bao nhiêu con tim của giới trẻ thời ấy và cho đến bây giờ những thơ nhạc nói về Paris vẫn còn tiếp nối với những người Việt Nam ở hải ngoại. Nhạc sĩ Văn Tấn Phước với ca khúc "Paris, Paris"

(*Paris Champs-Elysées mỹ miều tuyệt trần. Công viên Luxembourg nơi hẹn hò sáng trưa. Ai qua thăm Beaubourg phố đông người đi, đừng quên Bastille còn mang dấu tích xưa...)*.Thi nhạc sĩ Đỗ Bình với "Một Thoáng Paris" *(Paris chiều vương nắng tỏa vàng trên Eiffel, khúc saxo trầm lắng, hầm métro vang rền. Ngược lên đồi Montmartre tiếng đàn ca nối nhau, Sacré Cœur trầm ngát khu họa sĩ sắc màu...)*. Niềm rung cảm ngọt ngào chân thành ấy như một ủi an, một món quà của thành phố Paris mang đến gửi tặng cho những tâm hồn nghệ sĩ sống tha phương lưu lạc nơi xứ lạ quê người.

Người Việt Nam ở hải ngoại được may mắn đón xuân đến hai lần, Tết Dương Lịch và Tết Âm Lịch sau đó không lâu. Đa số người Việt Nam ở Pháp vẫn còn nhớ những ngày Tết xa xưa với những phong tục nề nếp của tổ tiên, dù bận bịu với công ăn việc làm tới đâu, nhưng vẫn rủ rê họp bạn xúm nhau làm bánh chưng bánh tét. Cùng nhau gói những cái bánh xinh xắn hòa lẫn những câu pha trò rộn rã, rồi đem tặng cho nhau mà nghe lòng nôn nao, vui vì được dịp chia sẻ giải thích cho các con cháu hiểu biết ngày Tết của dân tộc, cách chưng bày bánh mức, mâm ngũ quả, các kiêng kỵ ngày Tết, mừng tuổi, lì xì, đi chùa hái lộc v.v.. lại buồn vì nhớ những mùa xuân xưa có đầy dẫy các chợ hoa trên đường Nguyễn Huệ, chợ Bến Thành về đêm gian hàng bánh mức bày la liệt dưới ánh đèn phản chiếu nhiều sắc màu và những núi dưa hấu chất chồng, ai nấy đều mong chọn được một trái đỏ au để may mắn suốt năm.

Bây giờ là mùa xuân nhưng bây giờ là ba mươi tám năm. Đếm từng tháng rộng đến năm dài. Đếm bao nhiêu mùa xuân qua đi là bấy nhiêu mùa xuân ly hương trăn trở. Tết ở Việt Nam có không khí buổi sáng se lạnh, buổi trưa nóng ấm và buổi chiều dịu mát. Có những cái bánh tráng nhúng vào nước cho mềm rồi cuốn vào đấy những miếng thịt kho nước dừa tươi tươm mở cùng kiệu chua dưa giá, mời nhau ăn và chúc nhau những điều tốt lành. Có những đứa bé thơ níu tay mẹ đi mừng tuổi ông bà, làng xóm láng giềng để đếm được nhiều tiền lì xì bỏ vào ống heo đất

hoặc ham vui ngồi xà xuống chơi "bầu cua cá cọp" cùng chúng bạn. Tết ở Paris, tháng mười hai ngày ngắn đêm dài, mới bốn giờ chiều bầu trời đã tối mịt, gọi là mùa xuân nhưng không hẳn, lại là vương vất của mùa đông với áo ấm khăn che kín mít vẫn còn thấy sắt se. Vậy mà dưới cơn gió lạnh lùng ấy, trên các nẻo đường, bỗng thấy nở vài nụ hoa đào lấm tấm khoe sắc hồng như muốn nhắn gửi một niềm hy vọng.

Ở thế kỷ hai mươi mốt, đời sống vẫn có nhiều bất an, chiến tranh bạo động đe dọa, khủng hoảng kinh tế kéo dài, thất nghiệp, tai ương hoành hành... trẻ thơ vô tội nơi các trường học, ở Mỹ (Newtown, Connecticut), ở Pháp (Toulouse, Montauban) đôi khi vì một lý do nào đó phải bị thảm sát một cách oan uổng. Nguyện cầu hòa bình đến khắp muôn nơi. Nguyện cầu an vui đến khắp muôn nhà. Và xin mượn ca khúc "Xuân Về Nhớ Mãi Quê Hương" của Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên, hát vang lên để nghe lòng ấm lại:

"Gió xuân về âu yếm ngàn hoa. Trời quê hương ngát say lòng ta. Bước đi còn vương dáng xưa trầm ngâm hồn nước âm thầm. Áng mây sầu thương nhớ vì đâu. Chiều xa xăm ước mơ trời Âu. Tiếng chim cùng ta nhắn mây hồng xa về thấu quê nhà..."

Nguyễn Mây Thu
(Paris, 24-01-2013)

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003
TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692

CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

SƯƠNG BIÊN THÙY

1.
Hãy tưởng tượng mỗi lần nói đến huế
những người mẹ Việt Nam áo lam
ăn chay trường trai
đi lễ chùa 15 hay mồng 1
và gặp nhau chắp cánh bay xa
nói điều "Mô Phật"

Hãy tưởng tượng mỗi lần nói đến huế
những lòng nữ sinh đồng khánh
đi xe đạp đến trường
áo trắng, cặp da đen
dấu trong sách bức thư tình vừa mới nhận
mang vào lớp học
chuyền trong tay quà mọn ăn khi cô giáo
giảng bài
cười khúc khích nghe bình thơ hồ xuân
hương đỏ mặt

Hãy tưởng tượng mỗi lần nói đến huế
về chiếc nón bài thơ
như thanh gươm người nữ trinh chống đỡ
như thành trì
che nửa vành môi, nửa con mắt, nửa nụ
cười, nửa tâm hồn, nửa cuộc đời thực tại,
vào cơn mộng mị thiên thần
ôi chiếc nón bài thơ chăn giữ khu vườn của
nàng những vùng bí mật, kỳ diệu thay cho
kẻ thám du cuộc đời tìm vào đất hứa những
hân hoan chất ngất không cùng mới lạ trong
lòng nàng

Hãy tưởng tượng mỗi lần nói đến huế
về một mùa rực rỡ, những hồ sen
những hồ sen đẹp ngụy lăm
hoa chi mà nở trăng hồng tím cả mặt hồ
những đỏ phượng, trắng áo, xanh mây trời,
vàng con nắng hạ, đen nhung cỏ biếc hoa
viên và não nùng cũng đen mầu tóc con gái
amen

Hãy tưởng tượng mỗi lần nói đến huế
về những căn nhà ma
ngỏ vào hai bên là hai hàng cây kiểng
tường những rêu phong
đẹp như tranh tĩnh vật
đời như cỏ cây đời sống mịn màng
ôi mịn màng
ôi mịn màng
những con đường
đêm bóng tối che khuất từng mảng
người đi thấp thoáng liêu trai
trong cổ tích
bóng ai kia vật vờ
con đóm sáng

Hãy tưởng tượng mỗi lần nói đến huế
về một mùa đông những ngày dài chi lạ
về một cơn mưa dầm dề dài chi lạ
về một nường gio cuốn suốt lòng con lộ
vắng buồn chi lạ
cơn mưa nường gio, vâng, chính chúng đã
cầm chân người nữ
em ở lại nhà em không đến chốn hẹn
anh đứng chờ em trong mưa, em trùm em
trong chăn, em tưởng anh, và đọc lại những
bưc thư tình chúng ta dạo nào đẹp chi lạ,
phải không anh, anh yêu dấu .

Hãy tưởng tượng mỗi lần nói đến huế
về một cây cầu
Trường Tiền
cầu mang linh hồn người
ngủ suốt mùa đông, những thân co rúm
ôi cơn mưa tàn nhẫn chảy xối xả vào mặt chàng
đó là lúc cầu cam thân chịu đựng cơn quất
mặt tứ tung của gió
cầu mùa đông mưa đọng thành cầu
mưa rửa mặt chàng chàng lạnh lùng biết
ngần nào
phải không chàng ngủ suốt mùa đông
phải không chàng ngủ suốt mùa đông và
sống lại mùa hạ
đó là lúc chàng vươn vai trở mình chào đón
mọi người và phục sinh

đúng là chàng đang phục sinh
trong hội vui rực rỡ mùa hạ
những cánh phượng đỏ đậu trên thân chàng
trắng những con bướm khổng lồ thiếu nữ
trong áo trắng
những chiếc nón bài thơ trắng
và dưới lòng chàng, dòng sông trắng
chàng hóa thân nàng bạch tuyết
phượng là chiếc nơ đỏ
trên ngực người thiếu nữ

2.
một phút mặc niệm dành cho huế bắt đầu

Hãy tưởng tượng
những người chết đầu năm Mậu Thân
chết tức tưởi
nụ tầm xuân đang cắn

Hãy tưởng tượng
những ngôi mộ trong vườn còn mới, mới
những vòng hoa, mới những khăn tang, mới
như ngày đầu năm đồng tiền mừng tuổi
những lời chúc hạnh phúc đầu mùa, mới
như nụ hôn đầu đời tình nghĩa
mới như hôm nào
giữa cha mẹ anh em vợ chồng con cái
còn kia nụ cười, cơn hạnh ngộ
còn kia hơi thở, người thân yêu
còn kia cõi biếc thăm tươi,
sao bay vút

Hãy tưởng tượng những thân người tan như
mảnh đạn bom nằm vãi trên các ngả đường
trên các ngọn cây trên những đống gạch vụn
trên những cây cầu, trên những dòng sông,
đang được xe cày của thời đại cơ khí huy
hoàng gom tém lại, xúc trong lưỡi xe đổ
xuống hố bom, xe trở chiều đổ đất chôn xuống,
huế có những ngôi mộ tập thể
chôn sâu anh em đồng bào ruột thịt,
những ngôi mộ chôn thật sâu kẻo ruồi bọ
chui rúc rĩa ráy ăn uống no nê béo tốt mập
mạp xong rồi bò về thành phố hỏi thăm sức
khỏe những người còn sống không có áo
mặc cơm ăn nhà ở, không còn tinh thần can
đảm mặt người tê buốt dao cắt trong lòng
bàng hoàng kinh dị chẳng thể nào có trong
thực tại nào ngờ.

Hãy tưởng tượng
tóc thề nữ sinh ngày nào biến thành rừng cỏ khô
bay tứ chiếng trên thân người tình gã thanh
niên nằm chết co quắp
óng ánh những mỡ cháy khét lẹt,
những chiếc nón bài thơ ngày nào biến
thành chiếc quan tài liệm thân người ruột
thịt, chiếc khăn tay biến thành miếng băng
vết thương trào máu có vòi trên tim người
tình đầu đời thiếu nữ,
những chiếc áo trắng đến trường hôm nào
biến thành những tấm vải che mặt thi thể
người cha người mẹ người anh em ruột gan
chia cắt
mới hôm nào còn ăn còn thở còn nói năng
những lời tình tự
mới hôm nào,

Hãy tưởng tượng
đường trắng, nhà trắng, vườn trắng, phố
trắng, cây trắng, sông trắng, núi trắng
cả một rừng trăng, cả một trời trắng đang
phủ xuống non nước huế
của khăn tang, tâm hồn tang
Amen

3.
Thế nào cũng có ngày huế phục sinh
phải không em em yêu dấu
anh sẽ đưa em về
anh sẽ đưa em về
thế nào anh cũng đưa em về,
Với Huế
Amen

(thơ miền nam thời chiến - tr 628)

LÊ MAI LĨNH

Quê Ngoại

Vũ Đức Nghiêm

Mẹ tôi là con gái lớn của ông bà ngoại, Cụ Nghị viên Bùi đức Phu (thường được gọi là Cụ Nghị Tiên) làng Xuân Bảng, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Từ những ngày mới lẫm chẫm biết đi, tôi thường được Mẹ cho đi cùng lên Xuân Bảng thăm ông bà ngoại; mỗi lần đi theo Mẹ thật là một niềm hạnh phúc vô cùng. Ông bà ngoại, có thể nói là người giầu có nhất nhì làng Xuân Bảng, phủ Xuân Trường. Từ quê nội đến quê ngoại xa chừng 6 hay 7 km, nếu đi bộ cũng chỉ hơn một giờ, nhưng đối với tôi,một chú nhi đồng, đó là xa lắm rồi.

Mẹ thường đi xe kéo (loại xe như rickshaw hiện còn thông dụng ở một vài nước Á châu) hoặc ngồi trong cáng (palanquin) do hai anh tá điền khỏe mạnh khiêng bằng một chiếc đòn tre vầu (ở miền Nam gọi là tre lồ ô) to bằng bắp chân người lớn, sơn quang dầu bóng loáng. Với phương tiện này, chỉ chừng một giờ là đã từ quê nội, làng Hoành Nha đi đến quê ngoại.

Khu nhà ông bà ngoại là một dãy dinh cơ rộng lớn, từ Tỉnh lộ 50 đi vào, có một con đường rộng chừng 3 mét lót đá tảng cỡ 40/70cm, đi vòng theo bờ sông đào qua khu nhà thờ họ Bùi và nhà thờ họ Hoàng, vượt qua mấy sân lót gạch rộng lớn để phơi lúa, thóc. Ông ngoại cho xây nhiều căn nhà gạch chừng 3,4 gian theo kiểu cổ cho gia đình bác Chánh Thuận, (trưởng nam của ông bà ngoại) va các gian nhà chung quanh khu nhà lớn (nơi có phòng nghỉ của ông bà) dành cho các cậu em ruột của Mẹ. Tuy là ở chung một khu vực, nhưng mỗi người đã lập gia đình như bác Chánh và các cậu, em của Mẹ, đều sinh hoạt riêng biệt. Bác Bùi Đức Thuận, anh ruột Mẹ, là Chánh tổng Phú Nhai (gồm các làng Xuân Bảng và vài làng kế cận) nên thường gọi là bác Chánh Thuận. Năm 1949, bác Chánh đi dự tiệc cưới ở làng An Cư, cách làng Xuân Bảng chừng hơn 1 km; bác bị Việt Cộng vào giữa bàn tiệc, bắt bác đem đi. Ra đến đầu cầu làng An Cư, chúng đâm chết bác và bỏ xác giữa cánh đồng.

Mỗi lần theo Mẹ về quê ngoại, tôi được ăn nhiều quà bánh, được ông bà ngoại và các cậu dì cưng chiều, tôi chơi đùa chung với các anh chị em họ cùng lứa tuổi. Ngày vui qua mau, khi theo mẹ trở về quê nội, tôi rất bịn rịn và quyến luyến quê ngoại vô cùng. Tôi được dì Bích, em ruột mẹ cưng chiều và hay cho tôi ăn quà, nên chú bé 5,6 tuổi hồi đó quấn quýt bên dì suốt ngày. Có lần, tôi thấy dì Bích khóc nhiều, tôi hỏi cậu Vinh em mẹ, cậu Vinh nói: ”Dì nhớ nhà vì dì sắp đi lấy chồng.”

Ít lâu sau khi tôi theo Mẹ về thăm ông bà ngoại thì dì Bích đã về nhà chồng ở làng Thanh Hương, cách xa Xuân Bảng chừng hơn 10 km, đi xe đến huyện Giao Thủy, từ đó đi thuyền về làng Thanh Hương. Chừng một năm sau, dì lên thăm ông bà ngoại, dì Bích đi nhà thương ở Bùi Chu sinh em bé đầu lòng. Ông ngoại cho anh Bỉnh kéo xe chở dì Hàm về nhà. Trời lạnh, một đống lửa rơm được đốt lên ở ngoài cổng. Dì Hàm được dìu vào phòng nghỉ, một bà cụ bế em bé, hơ lửa vài lần, gọi là đốt những vía độc. (Chú bé đó là Nguyễn Quốc Đống, nay đã trên 70 tuổi hiện ở tại Minneapolis.)

Những ngày Tết Âm lịch, Bố thường về thăm quê nội, và sáng mùng Một Tết,

sau buổi lễ cầu nguyện và chúc mừng ông bà Nội, Bố Mẹ và chúng tôi chuẩn bị về Xuân Bảng mừng tuổi ông bà Ngoại. Trong ngày đặc biệt này, Mẹ thường ngồi xe kéo với các em nhỏ của tôi - mới lên 1,2 tuổi - còn chúng tôi - từ 6,7 tuổi trở lên - đều đi bộ theo Bố. Con đường tưởng là xa nhưng vì lòng vui như mở hội, chúng tôi đi rất nhanh. Đến cổng nhà ông bà ngoại, một tràng pháo rất dài nổ ran trong khoảng 5,6 phút để mừng "Anh chị Phán" (như ông ngoại thường gọi Bố Mẹ tôi,) vì ông bà ngoại rất trọng vọng Bố là rể lớn của ông bà, nhất là Bố làm việc ở Phủ Thống Sứ Hà Nội.

Tiếng pháo dứt, tôi chen chúc với tụi nhóc cùng tuổi tranh nhau những chiếc pháo tịt ngòi; say sưa hít mùi khói pháo khét lẹt nhưng thật là thơm nồng và quyến rũ tụi nhóc tì chúng tôi. Sân trước phòng ông bà ngoại ngập tràn xác pháo; chắc hẳn là từ đêm giao thừa, ông ngoại đã cho đốt rất nhiều pháo mừng Xuân. Chúng tôi như lội giữa đámxác pháo ngập đến đầu gối, tranh nhau nhặt pháo tịt ngòi để đốt pháo lẻ.

Sau đó, chúng tôi được lệnh rửa mặt, rửa chân tay sạch sẽ để vào mừng tuổi cụ Cố. Cụ Cố là mẹ ông ngoại, năm đó đã hơn 80 nhưng còn minh mẫn, tuy mắt cụ đã lòa. Mẹ tôi đưa tôi vào chào cụ Cố, cụ rờ đầu tôi và mừng tuổi cho tôi những đồng xu mới tinh. Tôi hơi sợ vì phòng bà cụ Cố hơi tối, cụ ngồi trong giường có màn che kín mít; phòng cụ ở ngay cạnh nhà thờ tổ, nên mùi hương trầm toả ra ngạt ngào khiến tôi muốn ngộp thở. Một lát sau, tôi nghe tiếng chiêng trống nổi lên, ông ngoại khăn áo chỉnh tề vào lễ tổ và khấn vái; có lẽ ông ngoại trình tổ tiên chứng giám con cháu về nhà lễ tết tổ tiên. Tiếp theo bố mẹ lên nhà trên chúc Tết ông bà ngoại.

Trên sập gụ chân quỳ, ông bà ngoại ngồi, uy nghi nhưng vui mừng đón nhận những lời chúc tụng của Bố Mẹ và đàn cháu của ông bà. Bố Mẹ đã cho bày trên bàn những bánh mứt Bố mua từ Hà nội về biếu ông bà. Lũ trẻ chúng tôi thèm thuồng nhìn những quả mứt quýt đỏ au, mứt dứa vàng óng ánh, mứt đu đủ xanh biếc thật quyến rũ và những hộp kẹo tây, những hộp biscuit LU của Pháp mầu sắc rực rỡ, những chiếc giò lụa, giò thủ nằm cạnh những tấm bánh chưng và những quả cam Bố hạ. Chúng tôi được ông bà ngoại mừng tuổi lì xì) những đồng hào bạc trắng xoá, những xu đồng mới tinh; và sau hết ông ngoại cho lệnh hạ cỗ xuống cho Bố Mẹ và chúng tôi ăn trưa. Mùi thơm của món ăn nấu theo kiểu Tết cổ truyền gồm: giò, nem, ninh, mọc, và các món thịt bò xào dứa, thịt gà luộc,thịt lợn kho, dưa hành v..v… , toả ra một mùi hương thân quen, thơm ngào ngạt, mà suốt hơn 60 năm qua, chẳng bao giờ tôi tìm thấy ở bất cứ một nơi nào khác, và mùi thơm ấy chẳng bao giờ phai nhạt trong khứu giác của tôi.

Những ngày Tết thần tiên của tuổi thơ đầy hương vị, sắc mầu ấy sống mãi trong kỷ niệm của thời ấu thơ, và cho đến nay, hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, chẳng bao giờ và cũng không có nơi nào có thể mang cho tôi cái cảm giác êm đềm và thân thương như thế nữa.

Những năm đầu của thập kỷ 50, tình hình biến chuyển mạnh. Sau cuộc hành quân nhẩy dù Phát Diệm ngày 16 tháng 10-1949, quân đội Pháp và Quân Đội Quốc Gia Việt Nam mở rộng hoạt động ở vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng hà. Vùng Bùi Chu, Xuân Bảng, và vùng Giao Thuỷ, Hoành Nha quê nội tôi đã mọc lên một số căn cứ hành quân và trú quân của quân đội Quốc gia. Việt Minh cũng tăng cường hoạt động phá hoại: tiêu thổ kháng chiến, phá

bót, diệt tề (*)… Cả một khu dinh cơ đồ sộ của ông bà ngoại bị phá sập, ngay đến cả khu sinh phần của ông bà ngoại cũng bị phá hủy hoàn toàn. Thời điểm đó ông bà ngoại đã gần 70 tuổi, nên người đã cho xây khu sinh phần (mộ xây lúc còn sống); dưới con mắt ngây thơ của tuổi 13,14 hồi đó, tôi thấy khu sinh phần rất đẹp và là một niềm tự hào của ông bà ngoại và của dòng họ Bùi.

Sinh phần được xây dựng trên một khu đất rộng gần con sông đào, có tường bao quanh, có hòn non bộ cao chừng 2m, (tôi thường trèo lên hòn non bộ để phá tổ chim) giữa là hai ngôi mộ trống bằng đá đặt trên bệ gạch cao gần một mét, nơi ông bà ngoại sẽ được an táng khi ông bà ngoại qua đời. Dọc theo những cây cột chung quanh hai ngôi mộ trống, có những câu đối khắc bằng kiểu chữ triện chữ mầu đen:

"Nhớ Thương Thôi Cũng Đừng Nên Khóc
Ăn Ở Sao Cho Tránh Được Cười. "

Và hai vế khác :

"*Công Tư Cũng Đất Làng Xuân Bảng*
Sinh Tử Đây Phần Mộ Đức Phu "

Những ngày quê nhà loạn lạc, chiến tranh hủy phá tan tành, Ông bà ngoại đã may mắn kịp thời chạy lên Nam Định để thoát khỏi trận đấu tố kinh hoàng những năm sau 1954, nếu ông bà còn ở lại làng Xuân Bảng. (Vào Nam, mặc dầu ở tuổi 70, ông ngoại còn hoạt động rất hăng say; ông ngoại giữ chức Chủ Tịch Hội Phụ Lão Kháng Cộng, cho đến năm 1970, ông ngoại qua đời, thọ 90 tuổi. Đám tang ông ngoại được tổ chức trọng thể ở Bắc Việt Nghĩa Trang gần phi trường Tân Sơn Nhất; chú Bùi Đức Lạc,Thiếu Tá Nhảy Dù, cháu nội cụ Chánh Hậu, em ruột ông ngoại, đưa một tiểu đội Dù đến dự lễ; các chiến sĩ Dù bồng súng chào khi hạ huyệt,buổi lễ rất trang trọng và cảm động.)

Năm 1953, tôi là Đại đội trưởng Đại Đội 4, Tiểu Đoàn Khinh Quân 711 đóng quân tại trường Trung học Trung Linh, Bùi Chu. Được lệnh hành quân đêm ở một địa điểm gần làng Xuân Bảng, tôi cho đơn vị xuất phát lúc trời xẩm tối. Tiểu đội xích hầu đến đầu cầu làng Xuân Bảng, thấy mấy người câu cá đêm liền giữ họ lại và báo cáo cho tôi. Tôi gặp mấy người đó, tự giới thiệu là cháu ngoại cụ Nghị Tiên và hỏi thăm về ông bà ngoại. Mấy người đó cho biết ông bà ngoại đã lên Nam Định, trong nhà cụ chỉ còn bà Chánh Thuận. Tôi nhờ họ hướng dẫn vào gặp bác Chánh. Bác ngồi một mình trong bóng tối nhà bếp, thấy tôi vào xưng tên và chào bác, bác cảm động òa khóc và kể chuyện anh Xuân con trai bác đã bị bắn chết trong một trận quân Pháp hành quân qua làng. Tôi xin phép bác đi thăm căn nhà lớn của ông bà ngoại và đứng lặng trước ngôi nhà đã bị phá hủy tan tành; những bức tường đổ sập với những dấu đạn làm tường thủng lỗ chỗ; căn nhà xưa tráng lệ và chứa đựng bao kỷ niệm của họ Bùi nay thật là hoang tàn làm tôi bùi ngùi xúc động vô cùng. Sau cuộc hành quân, tôi trở về đơn vị; và năm 1954, di cư vào Nam, chẳng bao giờ tôi còn có dịp trở về thăm quê ngoại, nơi ghi dấu những kỷ niệm vui buồn hơn 60 năm trước.

Vũ Đức Nghiêm

(*) Ghi Chú:

- phá bót: tấn công, phá hủy đồn bót, nơi trú đóng của một đơn vị quân đội.

- diệt tề: giết, bắt giam những viên chức trong ủy ban xã, ấp làm việc trong chính quyền quốc gia

Một Phút Em Buồn

Thơ:
Xuân Bích

Phổ nhạc:
Huy Lãm

© 2001

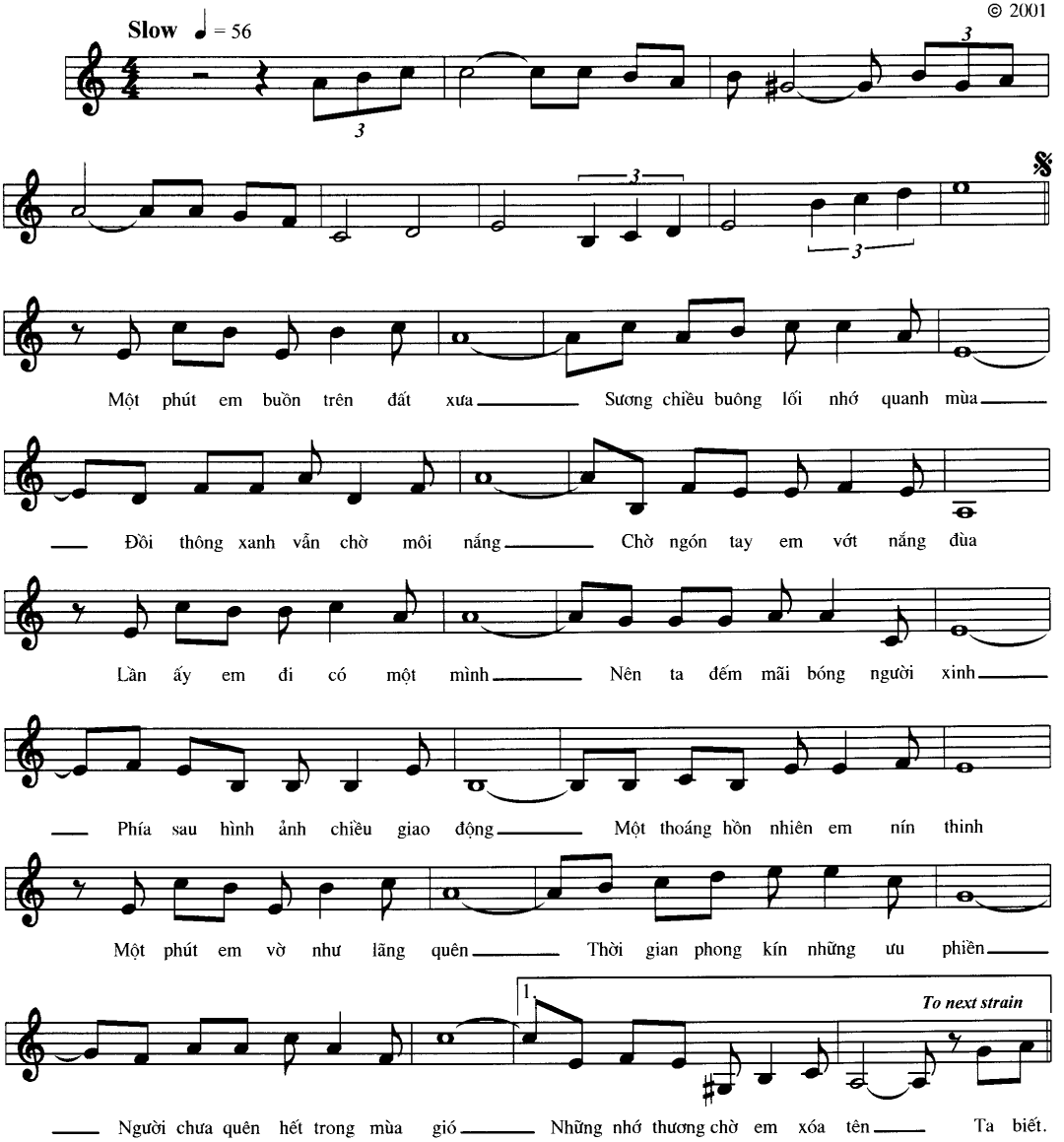

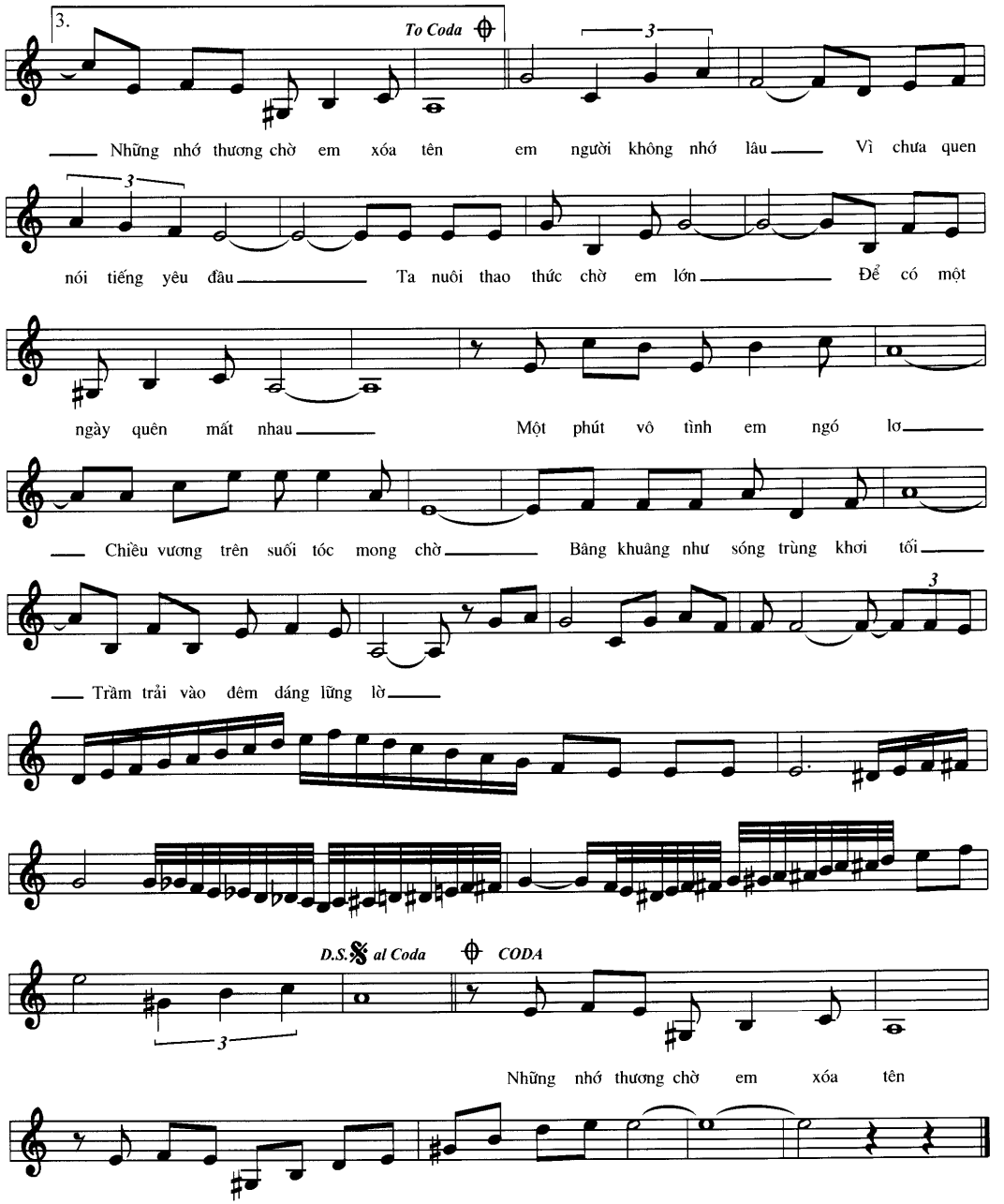
3.
To Coda
Những nhớ thương chờ em xóa tên em người không nhớ lâu Vì chưa quen
nói tiếng yêu đầu Ta nuôi thao thức chờ em lớn Để có một
ngày quên mất nhau Một phút vô tình em ngó lơ
Chiều vương trên suối tóc mong chờ Bâng khuâng như sóng trùng khơi tối
Trầm trải vào đêm dáng lững lờ
D.S. 𝄋 al Coda
CODA
Những nhớ thương chờ em xóa tên

Chuyện Đói Năm Ất Dậu 1945

Ỷ NGUYÊN

"LTG: Viết về một sự kiện lịch sử đã xẩy ra trên nửa thế kỷ sao cho chính xác đã là một chuyện khó và còn khó hơn thế nữa là lại viết theo ký ức của một cô bé lúc đó chưa đầy mười tuổi có lẽ còn khó hơn. Thường tình, người ta rất dễ quên đi những niềm hạnh phúc nhưng thực khó quên được những nỗi khổ đau. Thêm vào đó, có nhiều sự kiện, tuy tôi không được chứng kiến nhưng được nghe bố mẹ kể lại ngay từ hồi đó, nên hôm nay mới ghi lại được đoản hồi ức này hầu chia sẻ với bạn đọc."

Trời vẫn còn trong tiết Xuân, nhưng cái lạnh của tháng Ba nơi đất Bắc lúc đó vẫn như cắt da xẻo thịt (Tháng Ba bà già chết rét), nhất là đối với người dân nghèo đói khổ, bệnh tật sống tha phương cầu thực vất vưởng trên các vỉa hè, dưới gầm cầu, xó chợ.

Như thường lệ, mỗi sáng chị người làm dẫn anh chị em chúng tôi đi học, do đó tôi đã được thấy tận mắt cảnh tượng chết đói của người ta trong thành phố Hải Phòng... đã chết, đang chết và thoi thóp chờ đợi tử thần. Nhiều thân người trông như một hình nhân, hai mắt sâu hoắm, nằm rên rỉ ngay bên rìa đường hay dưới gốc cây, góc chợ. Có người chết trong tư thế ngồi, nằm dài dưới mái hiên, co quắp dưới gốc cây hoặc bên cột đèn nơi góc phố. Nằm chết cứng đơ. Nằm chết như mơ... Già trẻ, trai gái đều chết như nhau.

Có xác đã chết từ lâu, khô đét, nhìn như một bộ xương khô. Có người mẹ, tóc tai rũ rượi, đôi bàn tay xương xẩu, yếu ớt ôm chặt đứa con thơ èo ọt vào lòng. Miệng đứa bé ngậm núm vú da khô đét của chị ta. Không có sữa, nó đói, nó khóc. Mẹ khóc, con khóc không thành tiếng... Hình như cả mẹ lẫn con sức tàn lực cạn, thở không ra hơi... yếu ớt như chờ đợi ... Nhiều vết răng cắn tím bầm, rớm máu còn in hằn trên bắp đùi, bả vai của đứa trẻ thơ còm cõi, bệnh hoạn. Có thể người mẹ đau khổ đã cắn đứa con của mình để mong cho nó được chết mau chóng hơn. Tội nghiệp quá! Đứa trẻ vẫn chưa chết được. Nó vẫn cố níu lấy sự sống. Hơi thở phập phồng như cố gượng mở đôi mắt dại, đờ dẫn hết sinh lực để cầu cứu.

Từ xa một chiếc xe bò ọp ẹp áp sát lề đường, hai gã đàn ông gầy guộc yếu ớt, lạnh lùng nắm lấy những bàn chân giơ xương của các thây người quẳng lên trên xe. Hình như họ không còn lý trí để quyết đoán là cái thây đó đã thực sự chết hay còn ngấp ngoải. Có thể đó không phải là trách nhiệm của họ để quyết định sự sống chết của những kẻ xấu số này. Họ thản nhiên tiếp tục công việc mà bao ngày qua họ đã miệt mài trong mệt mỏi chán chường. Thực kinh khủng! Họ làm việc như một cái máy. Phải chăng họ đang nghĩ đến thân phận của chính mình rồi đây không biết có qua khỏi đoạn trường tang thương mà họ đã chứng kiến hàng ngày hay không. Một gã dừng tay gỡ tấm khăn quấn trên đầu lau những giọt mồ hôi đang vô tình lăn trên gò má hom hem của hắn. Gã cúi gằm mặt xuống đất, tiếp

tục cùng gã kia nhặt những xác người quẳng lên xe. Mỗi lần hai người này tới gần xác chết thì từng đàn ruồi nhặng lại bay tủa lên từ những cửa miệng há hốc của những thây ma, trông thực gớm guốc. Mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Cứ như thế, thây này chồng lên thây kia cho đến khi họ thấm mệt và liệu không thể chất thêm được nữa, họ ngừng tay. Hai người uể oải kéo và đủn chiếc xe bò chở đầy thây ma lẫn lộn già trẻ lớn bé, đàn bà, đàn ông trên đó. Một tấm chiếu rách đậy lên phía trên, nhưng người ta vẫn có thể nhìn thấy tay chân của những kẻ xấu số này chìa ra phía đầu hoặc phiá sau xe, trông như những khúc củi khô chất đầy trên một xe hốt rác! Qua khe hở của tấm ván chắn hai bên sườn xe, những bàn tay, bàn chân khẳng khiu chìa hẳn ra ngoài cựa quậy như muốn níu kéo sự sống mong manh trong đống thây người khi chiếc xe bò lọc cọc, chao đảo lăn trên đường đất đỏ gồ ghề. Khắp thành phố Hải Phòng lúc bấy giờ, người chết đói quá nhiều đến nỗi trong nghĩa địa không còn đất trống để chôn nên nhà chức trách phải cho đào hố chôn tập thể ở một công viên trong thành phố để vùi những xác chết xuống đó rồi lấp đất lên trên.

Được biết những kẻ bất hạnh này là những người dân quê nghèo đói kéo nhau đi khỏi nơi chôn nhau cắt rốn của mình từ nhiều tỉnh lỵ miền Bắc như Nam định, Thái Bình, Ninh Bình ... tìm về các tỉnh lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương để kiếm công ăn việc làm và để mong tìm sự sống nơi đô thị. Nào dè khi về đến thành phố lớn, họ cũng chẳng thoát khỏi cảnh bần hàn và đói khát. Và sau cùng là cái chết đã đến với họ.

Lúc đó tôi còn ít tuổi, nên không hiểu nổi là tại sao nhà cầm quyền không cứu những người chưa chết hẳn. Họ sẽ chôn sống những người này sao? Hình như chẳng ai quan tâm đến sự kiện này để cảm thương cho những mảnh đời bất hạnh đó.

Ngoài ra dân chúng từ các tỉnh lỵ lũ lượt kéo nhau sơ tán về miền quê để tránh bom đạn của Nhật và Mỹ. Vậy nên dân số trong làng bỗng dưng lại tăng lên đột ngột. Thóc gạo đã thiếu hụt nay lại phải nuôi thêm người tản cư đến, thành thử lúc đầu thực phẩm được phân phát rất dè xẻn, nhưng rồi lâu dần kiệt cạn mọi người đều lâm vào tình trạng đói khát. Cho tới khi hết thóc gạo thì người ta phải ăn cám, ăn vỏ sắn (củ mì). Đến ngay hạt giống, lúa giống dành cho vụ mùa năm tới cũng mang ra ăn hết. Dây khoai lang, rau má, rau dền, rau sam dại mọc ở bờ ruộng bờ ao, ngoài đồng; rồi củ chuối cũng chẳng còn để mà ăn, ốc nhái dưới ruộng cũng chẳng còn để mà bắt. Nạn đói này đã làm nhiều đứa trẻ bị mồ côi. Bố mẹ anh em chết sạch, chúng sống vất vưởng trong làng trong xã cho đến khi đói lả thì lăn quay ra chết, nằm lăn lóc ở khắp mọi nơi. Có nơi cả làng chết đói hết không còn một mạng. Chuyện kể lại, ở một làng nọ, có ông bố, bà mẹ mếu máo ngồi kề bên đứa con của mình, chờ cho nó chết hẳn để đem đi chôn.

Những ngày tháng này trong thành phố Hải Phòng, mỗi lần theo mẹ đi đâu, tôi thường thấy có nhiều đứa trẻ bị đói, co ro trong những tấm áo quần rách nát, vất vưởng đi lượm đồ ăn ở mấy đống rác ngoài đầu ngõ. Chúng nhặt những bã mía hay những đốt mắt mía mà người ta đã ăn và vứt đi từ hôm nào. Ruồi nhặng bu đầy trên đống vỏ ốc vỏ cua, đồ hộp hôi thối. Chúng lượm lên liếm láp và hy vọng còn chút thịt dính ở vỏ. Sự đói khát hình như đã làm mất hết

LẶNG THẦM

Hỏi quê: rằng biển xanh dâu
Hỏi tên: rằng mộng ban đầu đã xa
Bùi Giáng

Trăng ngà huyền ảo thướt tha
Đóa quỳnh vương giọt sương sa mộng vùi
Tư duy ru giấc ngậm ngùi
Nửa đời hạnh ngộ niềm vui lặng sầu
Mây ngàn trôi nổi về đâu
Cánh chim phiêu lãng, canh thâu bóng mờ
Hỏi lòng: ai đợi bến mơ?
Thương hương chiều đọng hẹn chờ kiếp sau
Ngỡ chừng như thuở bên nhau
Cầm tay thầm ước trầu cau trọn đời
Xa người tình tự một thời
Nét duyên tơ thắm nửa vời ý xuân
Niềm riêng thầm lặng bâng khuâng
Ta dìu nhau thoát trầm luân kiếp này.

ĐỖ THỊ MINH GIANG
(Louisiana)

khứu giác, nên chúng cứ hì hục tìm kiếm, lục lọi bất cứ cái gì ăn được là nhét vào miệng.

Tôi còn nhớ rất rõ ràng là lúc đó có nhiều bà mẹ hàng ngày đem con đến hỏi bán cho gia đình tôi để đổi lấy gạo hay đồ ăn, mẹ tôi khước từ và chỉ bố thí đồ ăn và quần áo cũ cho họ. Thay vào đó, để chia sẻ những đau thương bất hạnh này với những người đói khổ, bố mẹ tôi và nhiều người hàng xóm thường rủ nhau nấu cháo hoa và thức ăn phát chẩn cho những người nghèo đói đến xin ăn trong xóm. Một buổi sáng nọ, mẹ tôi đang đổ cháo ra từng bát nhỏ, cháo nóng bỏng, khói bốc lên nghi ngút, nhưng chưa kịp bày ra bàn thì những người đói chẳng thể đợi lâu bất chợt chồm tới, vồ lấy đưa vào miệng húp lấy húp để, bỏng cả lưỡi cả môi, thực tội nghiệp!

Trong khoảng thời gian này bố tôi cấm không cho anh chị em chúng tôi bước ra khỏi nhà một mình. Năm chị em luôn luôn bị nhốt kín trong nhà, chỉ trừ khi đi học là có chị Sen đưa đi đón về. Thường thường mỗi buổi chiều đi làm về bố tôi đều kể cho cả nhà nghe những câu chuyện ở ngoài phố mà bố trông thấy hoặc nghe bạn bè kể lại. Bố nói người ta đồn ầm lên là nhiều trẻ em đã bị bắt cóc để làm thịt? Người ta ăn thịt người sao? Eo ôi, kinh khủng qúa! Thế nên chúng tôi cũng sợ không còn dám đòi đi đâu. Có thể vì thế bố không cho mẹ hay chị người làm mua thịt lợn hay mỡ lợn ở ngoài chợ. Bánh cuốn, bánh giò hay bất cứ loại bánh nào có nhân thịt là bố cấm không cho mua vì sợ nhân bánh làm bằng thit người...Bố còn kể là đi đâu cũng nghe thiên hạ bàn tán là tại các tiệm ăn như hàng cơm, hàng phở, khách hàng tìm thấy những đốt ngón tay, ngón chân người ta ở trong ngăn kéo? Bố tôi có tính hài hước, thường kể chuyện khôi hài nên những mẩu chuyện như vậy không biết có phải là sự thật hay chỉ là chuyện hoang tưởng. Khó mà tin nổi...

Ở thời kỳ này, cũng vì người ta đói khát đến thế nên đã có nhiều cảnh cướp giựt xẩy ra ngay giữa ban ngày, ở bất cứ nơi đâu trong thành phố. Lúc đó tôi thường theo mẹ ra chợ lộ thiên gần nhà để mua thức ăn. Tôi nhớ một hôm, mẹ tôi vừa trả tiền cho bà bán hàng và định bỏ mấy bìa đậu phụ vào giỏ xách, thì nhanh như cắt, một thằng bé cỡ 12,13 tuổi, mặt mũi bẩn thỉu, thân thể ốm yếu, đầu tóc rối bù, từ đâu chạy xông tới, giựt phách mấy bìa đậu phụ trên tay mẹ tôi rồi nhét vào mồm nhai ngấu nghiến, nuốt chửng, mặc cho mẹ tôi còn đang ngơ ngác đứng nhìn thì bà bán hàng đã túm lấy thằng bé, đánh đập túi bụi lên thân hình còm cõi của nó.

Một lần khác, khi một bà hàng giò bán rong trong khu phố, đang cắt giò lụa bán cho mẹ tôi, thì đột nhiên một gã đàn ông từ đâu chạy xầm tới giựt lấy khoanh giò cho vào miệng, phồng má trợn mắt nuốt chửng tưởng như mắc nghẹn. Bà hàng giò phản ứng tức thời. Sẵn con dao cắt giò trên tay, bà chém lia lịa vào tên cướp giựt, nhưng chẳng may, bà lại chém nhầm vào bắp chân thằng em út tôi đang nằm bú ngon ơ trong lòng mẹ tôi gần bên. Thằng em Đạt lúc đó mới hơn một tuổi khóc thét lên, máu chẩy ra lênh láng ướt đẫm cả quần áo mẹ. Ông cậu tôi, ngồi gần đó, nóng mắt, giáng cho bà hàng giò mấy cái tát tai đổ lửa. Tội nghiệp bà ta, tự dưng mất của mà còn bị ăn đòn! Đúng là *nạn vô đơn chí*!

Trên đây là những hình ảnh sống thực mà tôi đã được chứng kiến tận mắt ngay tại nơi tôi sinh sống. Thiết nghĩ trong giai đoạn này những cảnh cướp giựt ở Miền Bắc như thế chắc không thể nào kể cho xiết. "*Đói ăn vụng túng làm liều*" là vậy.

Trong cùng giai đoạn này, bệnh dịch tả (Cholera) đã lây lan và bành trướng khắp mọi nơi trên đất Bắc và giết hại không biết bao nhiêu mạng sống. Vì bệnh dịch phát khởi quá đội ngột, đúng vào lúc nạn đói hoành hành, chính quyền địa phương trở tay không kịp. Thuốc tây lúc bấy giờ rất khan hiếm và không mấy hữu hiệu, nên số tử vong đã tăng lên đáng kể. Lại nữa, nạn chấy rận đã giết chết rất nhiều người cũng phát hiện ngay trong thời kỳ này mà người ta gọi là ***bệnh chấy rận.***

Để giải quyết vấn đề đói khát này, chính phủ bấy giờ một mặt lo tiếp tế gạo từ Nam ra Bắc, một mặt di tản bớt số dân nghèo tại những vùng quê bị mất mùa bằng xe lửa vào mấy tỉnh cực Bắc Trung Kỳ. Họ đổ số người này xuống nhà ga xe lửa, công viên thành phố, chờ đợi các gia đình khá giả đem về nuôi làm tôi tớ, vú em, vú già, anh xe, chị bếp hoặc thuê mướn làm công việc khuân vác ở hãng xưởng, hoặc họ kéo nhau về những miền trù phú thuộc mấy vùng lân cận gần Hải Phòng, Kiến An kiếm công ăn việc làm. Nghe nói, khi được trả công bằng những bữa ăn, họ ăn đến bội thực!

Sau này khi lớn lên và có chút trí khôn tôi mới tự tìm hiểu và được nghe kể lại qua các tài liệu lịch sử, thì nguyên nhân chính của nạn đói này là do chiến tranh tại Đông Dương gây ra mà các cường quốc liên quan là Pháp, Nhật Bản và Mỹ can thiệp vào Việt Nam đã tạo nên không biết bao nhiêu tai họa, ảnh hưởng đến guồng máy kinh tế của người Việt mình. Những biến động quân sự và chính tri liên tiếp xẩy đến khiến miền Bắc vốn dĩ đã thiếu gạo lại càng bị cạn kiệt và đói kém thêm. Tại các vùng thôn quê như Thái Bình, Nam Định, vùng

sản xuất lúa gạo, đã bị thiên tai lũ lụt hay hạn hán cũng như nạn côn trùng tàn phá làm cho mất mùa. Nhiều con đê bị phá vỡ vì bom của Nhật; phần thì Nhật thu giữ lương thực để dành cho quân đội của họ lúc đó đang chiếm đóng tại Việt Nam, hầu mượn đường thôn tính Trung Hoa và mưu cướp quyền cai trị của Pháp để đô hộ Việt Nam; phần vì tổ chức chống Nhật của người Pháp thu mua hết lúa gạo, cất dấu trong hang núi, để dành cho quân Đồng Minh dùng khi đổ bộ đánh Nhật sau này. Lúc đó người Nhật trưng dụng tới 2/3 đường xe lửa vào mục đích quân sự của họ, khiến đường giao thông bị giới hạn tối đa. Cũng thế, quân Nhật còn nhắm vào đường biển ngoài khơi Việt Nam để tiếp tế cho guồng máy chiến tranh mà đường biển huyết mạch này bị phi cơ Đồng Mình, nhất là Mỹ, ném bom triền miên đến tê liệt, hàng trăm tầu tiếp tế của Nhật bị đánh chìm. Chính cũng vì hai yếu tố này mà việc tiếp tế lúa gạo của chính quyền Việt Nam từ Nam ra Bắc bằng đường xe lửa và đường biển đều không thể nào thực hiện được. Ngoài ra còn có tài liệu cho hay ngay chính Việt Minh đã ra lệnh cho cán bộ tịch thu gạo dự trữ của dân thành thử người nông dân trồng lúa mà chẳng được quyền sở hữu sản phẩm của chính mình làm ra. Lúc đó người Pháp và người Nhật đã bắt người nông dân thay đổi đường lối canh tác nên đã ra chỉ thị buộc phải hạn chế việc trồng lúa hoặc các thứ hoa mầu khác như khoai, sắn và ngô bắp. Thay vào đó người Nhật bắt dân ta phải trồng các loại cây đay, cây gai, lạc (đậu phụng), vừng (mè), bông gòn để dùng vào nhu yếu phẩm của họ. Sự công phẫn của người dân quê mình lúc đó là không dám công khai mà đã thể hiện trong nhiều hình thức khác nhau, chẳng hạn như ở làng Đại Phạm, đêm đêm dân quê ra đồng phá hoại các ruộng mới trồng đay. Rồi thì người dân làng Tào Khê huỷ hoại hạt giống đay bằng cách nấu hạt giống lên để khi gieo trồng không thể nẩy mầm được nữa. Cùng trên một mảnh đất mà ngoài miền Bắc người dân đói khát như thế trong khi miền Nam lúa gạo lại thừa thãi phải đem đốt đi để làm than chạy máy. Ngược lại ngoài Bắc lúc đó than đá lại ê hề.

Giờ đây, đã 68 năm trôi qua, nhìn thấy những hình ảnh đói khát, bệnh tật của người dân Phi Châu, như gợi lại trong tôi cảnh tượng ngày nào của năm Ất Dậu mà người dân miền Bắc đã chịu đựng đủ mọi tai ương do nạn đói và chiến tranh đổ ập đến trong cùng một lúc thì thử hỏi còn cảnh đau thương tang tóc nào hơn. Đúng là *tai trời ách nước!*.

Tuy nhiên câu chuyện về "Nạn Đói" năm Ất Dậu mà tôi vừa ghi lại, không chỉ là những dòng ký ức muộn màng vỏn vẹn có bấy nhiêu. Người viết vốn không dễ quên được quá khứ vì nếu đã quên đi tất cả, thì còn gì để chia sẻ những niềm đau, những nỗi bất hạnh của đồng bào mình tưởng như đã chìm lắng từ bao giờ.

Ỷ Nguyên
Maryland, March 2013

KHOẢNG CÁCH

Đỗ Bình

Mới sang xuân, mặt trời đã lên cao mà Paris vẫn còn lạnh, những đám sương chưa tan. khu chung cư ở phía Bắc ngoại ô Parisvẫn mờ sương. Ánh đèn đường vàng vọt nhòa trong sương như vầng trăng tàn khuất mây. Căn hộ tầng trệt của chung cư gia chủ là một người Á Châu, căn phòng ấm áp được bày biện rất khang trang. Ông mướn ở đây đã lâu và sống một mình nên rất thầm lặng, thỉnh thoảng có ít người Việt Nam đến chơi, mỗi lần như thế căn nhà lại vang lên tiếng cười nói thật sinh động trái hẳn cái trầm mặc cố hữu. Người đàn ông đó có mái tóc bạc phơ, dáng người cao dong dỏng, nước da trắng, vầng trán rộng đã có nhiều nếp gấp. Khuôn mặt của ông tuy gầy nhưng sáng sủa vẫn cân đối với chiếc mũi cao, nhất là cặp kính cận dày càng toát lên vẻ thông minh trí thức. Tính ông rất vui vẻ, lại tử tế, hay giúp đỡ người bất luận là ai, quen lâu hay mới quen, kể cả những người chưa từng gặp mặt đến nhờ ông viết những đơn từ bằng tiếng Pháp hay chỉ dẫn những điều về an sinh xã hội rất phức tạp mà những người ngoại quốc sống trên đất Pháp thường gặp. Do đó ông được mọi người chung quanh yêu mến và nể trọng. Người trong chung cư gọi ông bằng lời rất thân mật là "bố già", những người ngoài phố gọi ông là giáo sư, và những người bạn thân gọi ông là cụ Giáo. Nghe nói hồi còn ở quê nhà ông là giáo sư Đại học, đã từng du học ở Pháp và Hoa Kỳ và đỗ được hai bằng Tiến sĩ, vì thế đa số những người trong giới quan chức của Miền Nam trước kia là học trò của ông. Vài ngày trước khi Miền Nam mất, đám học trò cũ có đến mời ông đi nước ngoài nhưng ông từ chối, viện dẫn là già rồi không muốn chết ở xứ người. Hơn nữa, ông cho rằng cả đời chỉ biết dạy học không hề dính dáng đến chính trị thì dù ai nắm chính quyền thì ông cũng thế. Sống ở miền nam suốt mấy chục năm, đã nhiều lần chính quyền Miền Nam mời ông ra tham chính nhưng ông đều từ chối. Ngày CS vào chiếm Sài Gòn, thấy xe tăng bộ đội trên đường phố ông có sợ nhưng không nao núng. Thuở đó với phẩm chất nhà giáo, tâm hồn thuần khiết đạo đức nên trong ý nghĩ của ông rất giản dị: "Một người không hề dính dấp đến chính trị, lẽ nào người ta lại đi hại một ông già?" Sau khi chính quyền Miền Nam sụp đổ, ông bị chính quyền địa phương kết án là gián điệp do Mỹ gài lại và bị bắt đi tù! Những năm ở tù đã làm ông sáng mắt, vợ ông ở Sài Gòn bị cướp nhà và bị đuổi lên vùng kinh tế mới! Sống trong cảnh cơ cực nghèo đói, lại không chịu nổi nơi hoang vu như thế, chỉ sau một thời gian ngắn, bà ngã bệnh, do thiếu thuốc men chữa trị nên đã chết! Khi người em dâu lên thăm nuôi báo tin, ông khóc rống lên như đứa trẻ, ông hối hận vì một phút quyết định sai lầm không chịu ra đi nên đã để khổ đến người vợ thương yêu nhất! Trở về lán ông than thở với bạn tù: :"Tôi già đến ngần tuổi nầy mà còn u mê, anh ạ! Học cho lắm, thế mà vẫn bị chúng lừa!Bà nhà tôi cũng bị chúng lừa vì tin chúng sẽ thả tôi nếu chịu đi kinh tế mới. Vợ tôi chỉ muốn cho tôi được thả sớm nên đã nghe theo lời đường mật mà chết trong tức tưởi!." Bạn tù thương ông cũng chỉ biết nhìn ông rồi thở dài trong im lặng!Thấm thoát ông đã trải qua mấy mùa xa nhà, nếm đủ mùi tù và chịu đựng bao nhọc nhằn; thế mà ông không hề hé răng than vãn, hay vì miếng ăn làm mất nhân cách một nhà giáo trước bao nghịch cảnh

đày ải đói khổ, có lúc ông muốn chết quách cho nhẹ tấm thân già, may mà chỉ là nghĩ vẩn, chỉ thoáng qua mà thôi. Ông làm sao có thể chết ở trong tù được? Ông cần phải sống để xem đời sẽ ra sao, ai biết được chuyện ngày mai?. Dẫu sao sự sống vẫn qúy; Ông chỉ ngậm ngùi cho ý nghĩa của sự tự do. Ở đây tự do đồng nghĩa với sự im lặng, nghĩa là chấp hành những mệnh lệnh của kẻ cai ngục! Ông nghĩ: "Làm sao hiểu được tận cùng chữ Biết ?» Có nhiều thứ ở trên đời dù cho thông minh và cố gắng học hỏi nghiên cứu nhiều thời gian đến đâu, thì vẫn chẳng bao giờ hiểu hết được! Những bằng cấp mà ông học hỏi và đạt được kể đã hết mức nhưng lại không đủ nhận biết mình bị gạt vì những cụm từ hoa mỹ: «cải tạo » ?! . Đến khi đã vướng chàm, biết mình bị lừa thì đã quá muộn! Bài học để đời này không những cho riêng ông, mà còn cho biết bao trí thức khoa bảng đã «mụ» như ông về Thiên Đàng Xã Hội Chủ Nghĩa! Họ đã vô tình tiếp tay với CS để xây dựng thiên đàng mộng mị, mà hôm nay đất nước nghèo đi, chính họ là những kẻ cầm cuốc cặm cụi trên những mảnh đất để bươi xới tìm củ khoai, cù mì để ăn trong các trại tù! Chẳng cần học vị tiến sĩ, bài học đời quá đau ; cũng đủ để ông sáng mắt, thấm thía về sự độc tài toàn trị, do đó ông không thiết tha học tập để mau tiến bộ trở thành: thành viên xã hội. Cụm từ tiến bộ chỉ là cái bánh vẽ dụ những tâm hồn khờ khạo, những trí thức ngây thơ tin đó là cái «chìa khóa» mở cổng tù. Thế rồi đến một ngày ông vẫn được thả, lý do già yếu, bệnh tật. Họ thả ông và bắt buộc ông phải đi kinh tế mới chịu sự quản thúc của địa phương. Ông chép miệng nghĩ:«Cái xã hội nầy ; đâu mà chẳng phải nhà tù! Thật là mỉa mai cho những danh từ trí thức, khoa bảng thường được người đời qúy trọng nhưng nhà nước CS có xem ra gì đâu!»

Không phải họ không biết ông là một giáo sư giỏi nghề, nhưng họ đâu có đào tạo ông, không những thế họ còn xem ông là gián điệp của Mỹ, thì làm sao dùng ông! Ở đất nước này người ta chỉ biết Đảng, người ta đồng hóa yêu đảng là yêu nước nên xúm nhau ca ngợi Đảng, và thích sống với ảo ảnh qua những chiến công chống Tây chống Mỹ, họ hô hào chống đến nỗi nhân dân nheo nhóc thiếu cả manh quần tấm áo mà đất nước nào hề có thật sự được độc lập tự do! Bao xương máu của người dân vô tội bị đổ trong cuộc chiến chỉ làm rạng danh cái thiên đường bịp!

Ông ngậm ngùi cho dất nước đang thiếu từng củ khoai, miếng sắn nhưng «lại thừa» những nhà khoa học, triết học, luật học, nghê thuật..vv... Đã có Đảng, đảng kiêm hết, kiêm luôn chiếc thòng lọng xiết cổ dân! Khi ông hiểu và thấm thía sự tàn ác của chế độ Cộng sản thì đã muộn! Ông lủi thủi trong nông trường để sống qua ngày, rồi một hôm ông chợt khám phá ra một điều:«Muốn tồn tại trước bạo lực để chờ cơ hội giải thoát, phải tự biến thành tượng đá.» Thật vậy, họ xem ông như loài cỏ mục, đồ phế thải, một người mất trí không còn năng lực lao động! Cũng nhờ thế mà ông lần mò về được Sài Gòn, ông tá túc nhà một người bà con để tìm đường vượt biên. Nếu so với những người bất hạnh khác từ kinh tế mới trốn về ông là một trong số những người may mắn còn có thân nhân ở lại thành phố. Những người có dính dáng hay thuộc thành phần chế độ cũ muốn ở lại Sài Gòn giữa buổi giao thời không phải dễ, nhưng chẳng phải người nào được ở lại thành phố cũng dính dấp với những người phía kia. Đó là do sự mách bảo, được bà con ngoài Bắc chạy hàng xuôi vào Nam mách bảo:"Phải thí cho

cán bộ địa phương chút vàng, và đừng bao giờ tình nguyện đi kinh tế mới, cứ bám rễ ở lì thành phố rồi mọi việc sẽ qua! ". Do đó ông mới còn chỗ tá túc dù phải gặp những khó khăn về hộ khẩu. Cũng may nhờ có người em dâu rất tháo vát, trước kia bà ấy là dược sĩ, nay đổi nghề bán thuốc tây dạo ở chợ trời, giữa thời buổi củi châu gạo quế này kiếm đủ sống cũng là may! Có thế, bà mới có chút tiền nhét cho công an khu vực, công an phường họ mới làm ngơ cho ông Giáo.

Thời gian ở đây, ông Giáo gặp lại người anh cả, cũng là giáo sư dạy ở đại học Tổng Hợp Hà Nội, nay đã hưu trí. Ông ở ngoài Bắc đi cùng con gái vào thăm các em. Do hoàn cảnh chiến tranh, thấm thoát cũng đã mấy chục năm anh em mới gặp lại nhau, thế mà ngay phút đầu chiến tranh lạnh lại bùng lên. Hai anh em không biểu lộ sự hân hoan, hai người chằng thèm nhìn nhau, họ tỏ thái độ dửng dưng, nếu trong lòng họ có mềm ra thì cũng chẳng ai biết. Những cặp mắt mỏi mệt do thời gian đã làm nhạt tinh anh, nhưng khi nhìn nhau vẫn chóe lửa, thì làm sao lăn được một giọt nước mắt!

Không gian trong căn phòng trở nên tĩnh lặng, không khí càng thêm ngột ngạt. Người em dâu thấy vậy vồn vã:

-Anh Cả và cháu Ngọc đi đường xa, chắc mệt?

Người anh cả cười nói:

-Già rồi cũng mệt, thím út ạ!

Ông ngồi xuống ghế nói tiếp:

-Xe hỏa của xứ ta còn tệ quá, đã chật chội nóng bức còn chạy chậm như rùa. Đã thế mà bà con ta lại ồn ào như cái chợ! Muốn chợp mắt một tí nào có ngủ được!

Ông Giáo đứng bên cửa sổ hướng mắt lên hàng hoa giấy, bỗng nghe anh mình nói liền khẽ hứ giọng mũi không nói một lời, ông tiến lại đứa cháu, nét mặt của ông trở nên tươi sáng. Ông mỉm cười nhẹ đưa tay xoa đầu đứa cháu gái mà lần đầu gặp, sau đó gương mặt của ông lại lạnh toát, rồi bỏ lên lầu. Người em dâu thấy hai anh như vậy nên bối rối, liền mời ông anh cả và người cháu dùng chút bánh và nước ngọt, sau đó bà dẫn bố con họ lên phòng nghỉ, chỉ vào hai phòng. Ngọc nhìn phòng ngủ bày biện khang trang, bức tranh sơn dầu treo ngay trên đầu chiếc giường Hồng Kông trải drap trắng mướt, cạnh là chiếc đèn ngủ. Ngọc nói:

-Nhà thím sang quá Cháu cứ ngỡ mình đang sống trong phim!

Người thím mỉm cười không nói, bà chạnh lòng thương cho Ngọc, con của một cán bộ cao cấp mà lại bỡ ngỡ trước những thứ vật chất rất tầm thường ở Sài Gòn nầy. Ngọc chưa dứt bàng hoàng, bỗng ngước nhìn người thím và cảm thấy bà có một nét đẹp rất quí phái và tươi mát dù tuổi đã ngoài ba mươi, bà cũng đang ngắm nhìn mình với ánh mắt đầy tha thiết. Ngọc bẽn lẽn mắt hướng về bức tranh nói:

-Sài Gòn lộng lẫy và đẹp quá, thím nhỉ? Ngày mai thím dẫn cháu đi dạo phố nhé!

-Nghỉ đi cho đỡ mệt, chút ra ăn cơm. Ngày mai thím sẽ dẫn cháu đi dạo và sắm đồ.

Nói rồi bà khép cửa phòng cho Ngọc và xuống lầu đi thẳng vào phòng ăn làm cơm.

Tiếng ho thúng thắng của người anh cả vang lên âm buồn có đoạn dài , có đoạn đứt khúc làm tiều tụy thêm dáng vóc gầy gò lưa thưa nhúm tóc bạc phơ. Khuôn mặt của ông rất giống ông Giáo, nếu không lệch tuổi tác, người ta có thể lầm tưởng là anh em song sinh. Ở chung nhà cả tuần mà hai người vẫn tránh nhau. Nhưng hôm nay là ngày giỗ ông bà nên buộc lòng anh em phải ra cúng lễ và đối thoại nhau. Trước bàn thờ gia tiên, người anh môi run run, mặt xúc động lên tiếng trước:

-Chú vẫn khỏe?

Ông Giáo bừng cặp mắt đỏ, đôi gò má run run, tiếng nói bỗng khàn xuống:

-Cảm ơn anh cả tôi chưa chết!

Khuôn mặt người anh bỗng nhíu lại:

-Sao chú lại nói thế ? Chú còn giận anh hả? Chuyện của chú lúc trước...

Người em cau mặt, cắt ngang:

-Thôi, tôi xin anh đừng nhắc chuyện xưa!

Người anh quay mặt ra cửa, dấu giọt lệ trong khóe mắt, thổn thức giải bày:

-Chú trách tôi là phải. Nghe tin chú Út và chú bị đưa đi học tập, còn thím bị mất trên vùng kinh tế mới, tôi rất buồn! Tuy có ngỡ ngàng và chẳng hiểu tại sao các chú lại chịu làm tay sai cho Mỹ để làm giàu ?. Nhưng trong tình máu mủ gặp hoàn cảnh như thế thử hỏi làm sao mà tôi không đau lòng?!

Ông Giáo gằn giọng:

-Thôi, xin cảm ơn lòng tốt bác đảng của anh!

Người anh vẫn nhìn ra cửa trầm giọng nói:

-Mãi đến bây giờ, vào đây tôi mới vỡ lẽ, đã hiểu tất! Chú tha lỗi và thông cảm cho tôi, mấy chục năm bị bưng bít tuyên truyền, tôi đã hiểu sai!Tôi có mắt mà cũng như mù! Nhưng chú cũng chẳng hiểu Hà Nội sau năm 1954, và người dân Hà Nội nghĩ gì? Chú đừng tưởng một giáo sư đại học lâu năm như tôi là có quyền thế ?Dưới Xã Hội Chủ Nghĩa người trí thức rẻ hơn Bèo!

Người anh quay mặt lại nhìn em, giọng lên vút :

Chú tưởng những người vào đảng đều vì lý tưởng cả sao? Và cứ ở trong đảng là có quyền sao?

Ông hạ giọng phân trần :

-Đành rằng phải phấn đấu mới vô được đảng nhưng trong đảng đâu phải ai cũng nhiệt thành cả?.. Cũng có người nầy kẻ nọ chứ! Trừ một số ít lãnh đạo, quán triệt được đường lối tư tưởngchủ nghĩa Cộng Sản, còn lại hầu hết người ta chẳng hiểu gì về Cộng sản, họ vô đảng là chỉ hòng kiếm cơm, nhắm vào tem phiếu thôi. Hơn nữa không vô mà được hả? Bộ máy đảng sẽ sẵn sàng nghiền nát những đối tượng tiêu cực. Họ trì triết phê bình rồi trù dập có nước mà tự tử! Hồi năm 46 chú mới qua Pháp, anh về, lúc ấy cả nước đang sôi sục khí thế chống thực dân thì anh cũng phải lên đường vào chiến khu như bao nhiêu người khác thôi. Chú xem bản thân gia đình ta đấy: Nào địa chủ, lại còn phong kiến quan lại theo Tây, cả anh lẫn chú và em Thảo lại du học Pháp, thuở đó Hà Nội có mấy người?Làm sao mà họ không phê phán về quan điểm lập trường của gia đình ta theo Pháp, Mỹ, khi mà em Thảo thì ở lại luôn bên Pháp, còn chú mang cả gia đình di cư vào Nam, dẫn theo chú Út, chỉ có Bố là ở lại vì bệnh tình lúc đó quá nặng nên không thể theo gia đình chú được! Vả lại bố muốn yên nghỉ gần ông bà, do đó mẹ phải ở lại trông nom bố thì anh có muốn vào Nam cũng không đành! Chú đi lúc ấy là phải, anh đã chứng kiến nào là chỉnh huấn, nào là cải cách ruộng đất. Chú còn nhớ, chính anh đã khuyên vợ chồng chú và chú út nên đi, đừng bịn rịn, bố mẹ ở lại đã có anh lo?

Ông Giáo mặt cúi xuống, hình như đang xúc động. Người anh bước lại, ngồi xuống ghế, giọng bùi ngùi kể tiếp:

-Sau khi bố mẹ qua đời, tôi nào được yên thân. Bao nhiêu năm miệt mài trong chiến khu thế mà vẫn bị dòm ngó. Tôi bị người ta nói bóng gió, xỏ xiên nhiếc móc nào là trí thức phản động, địa chủ cường hào, quan lại bóc lột, thân nhân bám theo Mỹ Diệm. Xuýt tí nữa thì bị dính vào vụ án "Nhân Văn Giai Phẩm". Tôi bị quy tội quan hệ với những người trí thức tiểu tư sản trong nhóm Nhân Văn. Chao ôi! Những người trí thức văn nghệ sĩ đó cũng bao nhiêu năm miệt mài trong kháng chiến, thế mà chỉ vì muốn bảo vệ chút tự do tư tưởng,

tiếng nói riêng tư phát từ đáy lòng khác với đảng, mà bị trù dập, họ sống dở chết dở! Tôi thật là may, Trời thương đã che chở mới thoát qua. Chú đừng tưởng họ quên quá khứ của gia đình ta, dù tôi cũng đã đóng góp biết bao công sức trong thời gian kháng chiến! Có lẽ nhờ số ruộng đất của ông bà nội, ngoại cùng dãy nhà ở Ha Nội của bố mẹ đều dâng hiến tất cho nhà nước trước khi các cụ qua đời mà tôi mới được yên thân, nhưng họ vẫn ruồng bỏ như một thứ ghẻ lạnh! Kể từ ngày dó tôi quyết tâm vô đảng, tìm cái vỏ bọc che thân, và tôi đã lập gia đình, tuy muộn nhưng bớt bị dòm ngó. Mẹ cháu Ngọc là giáo viên nhỏ hơn tôi hai giáp tuổi, chị em sau bị chết trên đường sơ tán! Ngày hay tin các em bị đưa đi cải tạo, tôi có nhờ một vài người bạn thân tìm người chạy để bảo lãnh các em ra. Nhưng họ khuyên đừng dính vào tội gián điệp và tâm lý chiến, nhất là lúc ấy nội bộ của các ông lớn đang phân hóa, người theo Tàu, kẻ theo Liên Sô, còn những ai đã từng vào công tác trong Nam đều bị nghi biến chất phục Mỹ. Do đótôi đã ngần ngại không dám, khiến điều ấy dày vò tâm hồn tôi mãi đến hôm nay!

Nói đến đấy, người anh ôm mặt nức nở gục trên đầu gối, kể tiếp:

-Năm ngoái anh có đi tàu hỏa ra Thanh Hóa, chờ ô tô vào tận huyện Như Xuân mất cả ngày đường, rồi còn băng rừng, vượt sông vượt suối suốt hơn 20 km mới đến được trại cải tạo Thanh Phong, chỗ giam chú út. Đây là khu vực thuộc biên giới Lào, hồi còn trẻ anh cũng đã đi qua, nhưng nay tuổi đã cao. Ôi thật là gian nan mới đến được. Nhưng khi đến nơi rồi mới đau lòng!

Mọi người hoảng hốt. Người em dâu, mặt biến sắc chạy lại lay vai người anh cả hỏi giật:

-Chồng em ra sao?

Ông biết người em dâu đã lầm nên vội vã nói:

-Chú ấy khỏe!

Mọi người có mặt đều thở nhẹ nhõm, ông ngậm ngùi kể tiếp:

-Anh nói là đau lòng không phải là chú út có chuyện gì, điều mà anh đau lòng là anh thân già, lặn lội đường xa đến thăm chú mà chú lại không chịu ra gặp, lấy cớ là bệnh. Anh lại quay lại huyện Như Xuân ngủ một đêm, hôm sau trở lại trại Thanh Phong nhờ đến người cán bộ trưởng trại, họ cho công an dẫn chú ra, sau đó công an rút lui để anh gặp riêng chú. Nhìn chú thiểu não trong bộ đồ tù mà anh đứt ruột, hình ảnh thời thơ ấu của chú bỗng hiện ra trong trí anh. Hồi đó anh em ta thường hay dắt chú đi chơi, mỗi lần như thế chú Út tthường đòi ăn quà của những người bán hàng rong Bờ Hồ. Giờ, gặp mặt đứa em út thân yêu thì chú lại xem anh như kẻ thù! Dẫu xa cách mấy chục năm không gặp nhau, anh vẫn nhận ra chú vì chú út rất giống mẹ, dù lúc đó chú ấy để râu. Chú ấy cứ im lặng và quay đi không thèm nhìn mặt anh .Anh rất giận định quay về nhưng chợt nghĩ dù sao anh cũng là anh cả, lại hơn chú hai mươi mấy tuổi. Anh đắn đo chưa biết mở lời ra sao, chẳng lẽ anh em cứ ngây như tượng đá ?! Anh cảm thấy sự bất hạnh cứ đeo đuổi gia đình mình mãi! Chợt anh nhớ đến bố mẹ, và anh liền hỏi:

Chú có muốn nghe chuyện bố mẹ mất ra sao không?

Quả nhiên mắt chú sáng lên và dồn dập hỏi anh. Các em có biết không, anh bật khóc. Anh khóc không phải là chú út nhắc đến bố mẹ mà anh khóc là tình anh em chưa dứt hẳn ; vì còn chỗ dựa là cùng huyết thống. Anh kể cho chú nghe sơ chuyện gia đình. Anh em tâm sự cũng hằng giờ. Số quà

mà anh mang theo, chú nhận hết, ngoại trừ ít sách về tư tưởng.

Chú nói:

-Anh Cả mang về những thứ nầy mà dùng, anh cần nó hơn em ở đây em đã dùng nó thế cơm hằng ngày nên phát ngấy!

-Nhìn thái độ khẳng khái của chú, anh thầm cảm phục khí phách của chú . nhưng thấy ánh mắt loé lên những tia sắc sáng quắc như muốn chọc thủng thù địch; anh bỗng phì cười và tội nghiệp chú, là sĩ quan tâm lý chiến mà chẳng hiểu gì về Cộng sản cả! Chú nào biết muốn thoát khỏi nanh vuốt Cộng sản hoặc là câm như tượng đá hoặc là phải thành vẹt nhắc thuộc lòng khẩu quyết của Cộng sản thì mới mong tồn tại, nhất là tránh được cái họa mồm để khỏi bị chết oan! Trươc khi về, anh còn căn dặn:

-Em phải cố bảo trọng sức khỏe và cố giữ cái mồm, muốn gặp mặt vợ con thì nên vạch đầu gối ra mà than, tai vách mạch rừng cả đấy!'.

Người em dâu nghe ông anh cả kể chuyện về chồng mình mà rưng rưng nước mắt, bà hài lòng về sự bất khuất nhưng lại lo sợ cho sự an nguy của chồng. Bà bước ra tủ lấy chai rượu Whisky và nói:

-Các anh mấy chục năm mới gặp nhau cả tuần nay gặp mặt nhưng lạnh nhạt khiến căn nhà giữa mùa hè Sài Gòn mà em cảm thấy giá băng như Bắc cực Hôm nay nhờ hồn thiêng của ông bà, hai anh tha hồ hàn huyên, có khi cả tháng vẫn chưa đủ, các anh nên uống mừng ngày họp mặt. Em mừng vì thấy anh cả dù sống trong lòng chế độ miền bắc mà tư tưởng vẫn phóng khoáng, nhất là đã hiểu được tâm tư và đời sống trong Nam!

Bà thở dài rồi nói tiếp:

-Em tiếc là chồng em bị đưa ra bắc chẳng biết ngày nào về. Nhưng mẹ con em thế nào cũng liệu. Ở lại đây ngày nào là phập phồng lo ngày đó, chẳng biết họ đến bắt khi nào. Gần cả năm nay em đã nhiều chuẩn bị... Anh cả vào đúng lúc, anh có muốn đi vượt biên với gia đình em không?

Khuôn mặt người anh thoáng xụ nét buồn, ông nhấp ly rượu, lắc đầu:

-Rượu ngon quá, mấy chục năm nay, anh mới được hớp rượu ngon như thế nầy!

Ông Giáo vừa nhấp rượu vừa hỏi:

-Anh Cả chưa trả lời thím Út. Sao anh có muốn đi với gia đình thím Út không?

Đôi mắt người anh cả đỏ lên vì quá xúc động. Ông mếu máo hỏi như than:

-Các em không sợ anh đi tố giác à?

-Qua trực giác, em tin là anh cả không thể hại các em và các cháu!

Người anh cả gật đầu cười chua xót:

-Cảm ơn thím tin. Anh của các em nào tán tận lương tâm như thế? Nhưng em cũng nên thận trọng, chế độ nầy đã cướp đi tính trong sạch và lòng tốt của con người... Người Miền Nam thật hay dễ tin quá, rồi đây Miền Nam còn phải chịu nhiều thay đổi đau thương nữa !

Ông nhích ra co ro ngồi ở mép ghế, mặt buồn xo, nói tiếp:

- Anh cũng đã từng du học Pháp, Liên Sô nhưng hình như anh giống bố phải chết ở quê nhà, các em ạ! Anh suốt đời chỉ làm kẻ tiễn đưa... Anh già rồi! Ở đâu mà chẳng chết? Hơn nữa anh đang mắc chứng bệnh nan y, qua đó chỉ làm khổ các em và cháu! Nếu có thể được xin cho cháu Ngọc đi theo, cháu mới vào Đại học, tương lai thì chẳng biết ra sao! Được như thế là anh mãn nguyện vô cùng biết ơn các em.

Nghe anh cả trình bày tấm lòng khiến ông giáo và người em dâu đều bùi ngùi và đồng cảm. Họ tiếp tục tâm sự, kể lể cho nhau nghe những vui buồn của quãng thời gian bao năm xa cách. Bao nhiêu đắng cay phiền muộn của người anh cả chất chứa

trong mấy chục năm bỗng được xả ra, ông cảm thấy tâm hồn được nhẹ nhõm. Tuy sức khỏe đã kém, lại được rượu ngon nên ông uống quá nhiều, người đã nhũn ra nhưng môi vẫn nhấp, hòa với những giọt nước mắt lăn dài trên má. Ông nức nở nói:

-Suốt mấy chục năm,, anh ao ước gia đình anh em mình được đoàn tụ, thế mà nào có trọn ước mơ! Ôi bao cảnh não lòng. Chiến tranh đã cướp đi bao tuổi thanh xuân và xương máu của những người vô tội chỉ vì chủ thuyết hư vô. Người chết thì oan khuất, tức tưởi, còn người sống thì lơ láo. Kẻ chiến thắng cô đơn trong vinh quang và lạc loài giữa đất nước. Kẻ bại thì người biệt xứ, kẻ ở lại lớp tù đày, lớp đói khát câm nín như chiếc bóng trên chính quê hương trong chua xót tủi nhục!

Ông bùi ngùi than:

-Họ tàn nhẫn lắm, các em ạ! Họ dùng người rồi vắt chanh bỏ vỏ!

Ông ngẩng đầu lên, mắt sáng quắc, mặt đanh lại, nói:

-Nếu chỉ vắt chanh bỏ vỏ thì mới chỉ là loại đểu. Đằng nầy nó miết lấy hết chất nước xong rồi lấy vỏ đem phơi khô tán thành thuốc bắc rồi đem bán cho người khác. Họ không bỏ thứ gì cả. Thế có ác không chứ?! Các em bằng mọi giá nên đi đi cho cháu Ngọc của anh theo với!

Dứt câu, người anh cả gục đầu trên bàn ngủ say.

Sau hai tuần lễ lênh đênh trên biển cả, vượt bao nguy hiểm sóng gió bão bùng. Có lúc đoàn người rú lên tưởng cơn sóng đã nhận chìm chiếc thuyền đầy nhóc người xuống đáy đại dương. Chiếc thuyền chở gia đình người em dâu và bao người khác cuối cùng đã đến được bờ tự do. Lên đảo Palawan, ông giáo không theo gia đình người em dâu và đứa cháu con ông anh cả sang Mỹ. Ông thích qua Pháp vì có các con bên nầy. Sang đây, tuổi của ông đã gần sáu mươi, cái tuổi rất khó tìm được việc làm, cũng may nhờ người giới thiệu nên có một việc làm tạm trong thư viện nhưng cũng kéo gần được chục năm. Về sau, do sức khỏe quá kém, ông đành phải nghỉ việc và ở nhà lãnh tiền già. Ấy thế mà ông cũng dành dụm tí tiền gởi về cho bạn bè, thân nhân còn ở bên nhà. Chẳng bù cho đám con của ông ở bên nầy đều thành đạt cả, nhờ ngày trước, lúc còn chiến tranh ông gởi chúng đi du học. Lương chúng rất cao nhưng nào thí cho ai một xu! Đứa thì tiền đổ vào sòng bạc Casino, đứa thì còn mãi dẫn cô vợ đầm đi chu du thế giới, còn cô con gái út thì thích xe đẹp, nhà sang. Thật là vô phúc! Con làm bác sĩ mà bố lại phải nhờ người khác. Cả bố chúng mà họa hoằn lắm, có khi cả năm mới tạt qua giây lát rồi biến, thì đừng phí công đòi hỏi lòng nhân ở những tâm hồn vật chất ấy! Cô Thảo, em gái kế ông, qua Pháp du học đầu năm mươi, sau khi học xong đã theo chồng sang Mỹ lập nghiệp, nhiều lần sang Pháp mời ông qua Mỹ ở nhưng ông đã từ chối. Ông có mấy người bạn thân tuy còn ít tuổi hơn ông nhưng lại rất hợp với ông về tư tưởng và quan niệm sống, nhất là ông rất thích về văn học, nghệ thuật. Thời gian còn làm ở thư viện đã giúp ông mở mang thêm trí tuệ, có thể nói ông đã đọc quá nửa số sách trong thư viện, nhờ thế ông đã khám phá nền văn học nghệ thuật của thế giới thật bao la, vĩ đại./.

ĐỖ BÌNH
(Paris)

Xuân Viễn Xứ

Thơ: Hồng Thủy

Nhạc: Nguyễn Ánh 9

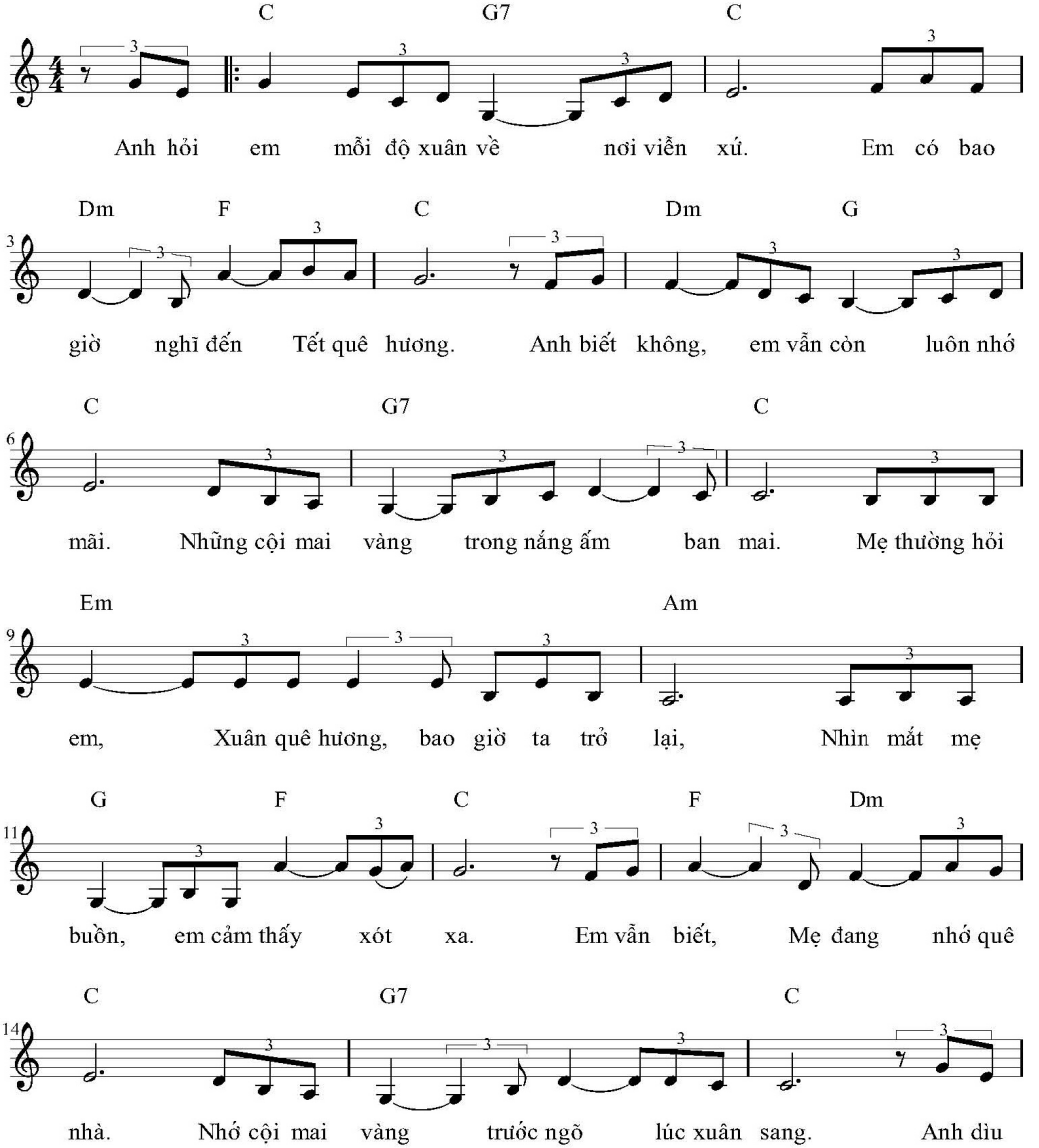

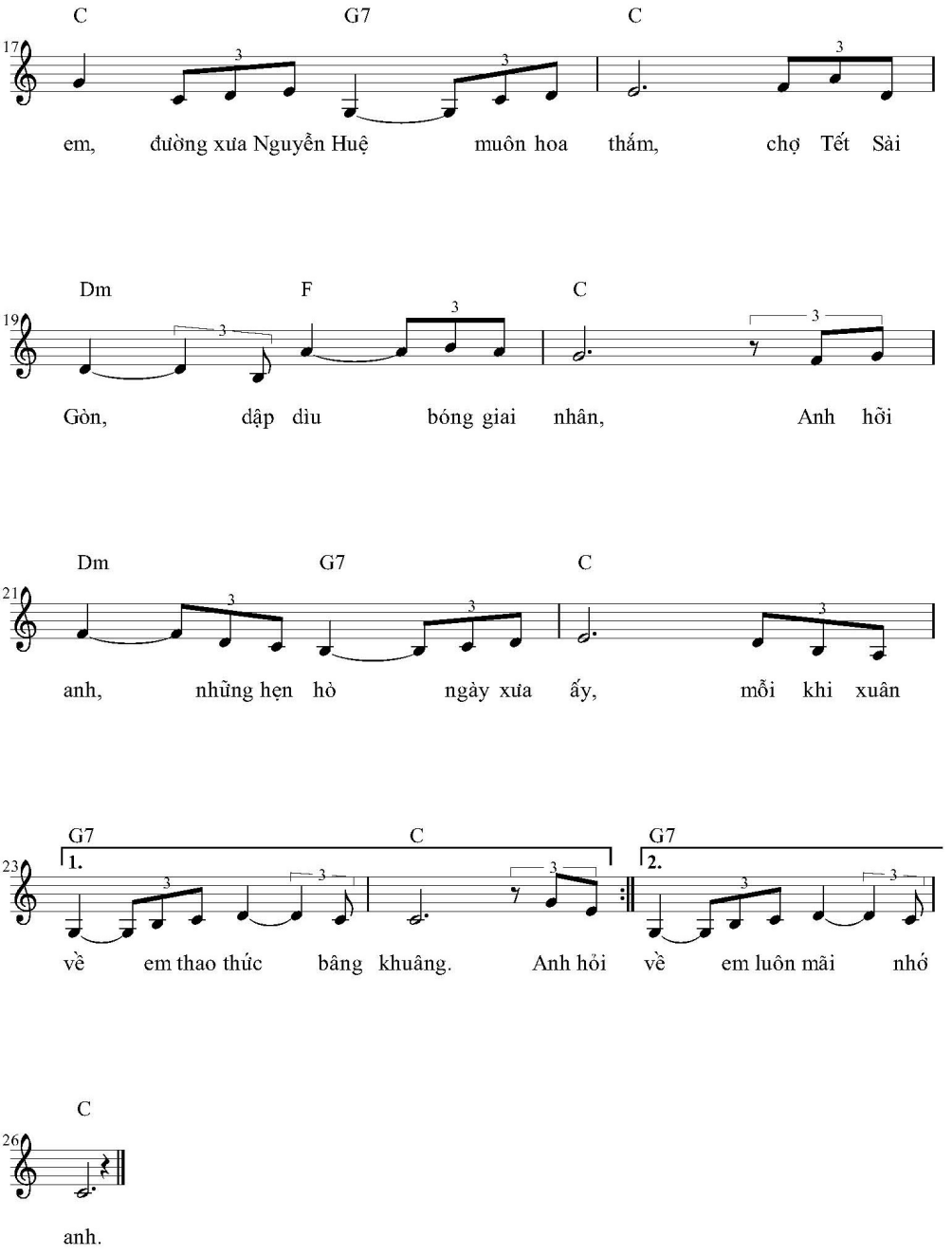
C G7 C
17
em, đường xưa Nguyễn Huệ muôn hoa thắm, chợ Tết Sài
Dm F C
19
Gòn, dập dìu bóng giai nhân, Anh hỏi
Dm G7 C
21
anh, những hẹn hò ngày xưa ấy, mỗi khi xuân
G7 C G7
23
1. 2.
về em thao thức bâng khuâng. Anh hỏi về em luôn mãi nhớ
C
26
anh.

Nhỏ Con Rồng

DIỆM TRÂN

Tháng giêng 2013

Nhỏ Con Rồng sinh ra đời vào một ngày mùa đông ấm áp, thứ bảy ngày 19 tháng giêng năm 2013 dương lịch. Theo âm lịch thì Nhỏ Con Rồng ra đời ngày 8 tháng chạp năm Nhâm Thìn.

Bố nó cũng tuổi con rồng, Bính Thìn.

Bố nó tự học tiếng Việt. Một hôm thay vì nói "con rồng nhỏ" cho "little dragon," bố nó lại nói "nhỏ con rồng." Tôi thấy như vậy cũng ngộ nghĩnh, hay hay nên quyết định sẽ gọi đứa bé là Nhỏ Con Rồng, dù trai hay gái. Bố mẹ nó muốn có cái "surprise" nên không chịu biết trước giới tính của đứa con chưa sinh.

Mẹ của đứa bé muốn đẻ hoàn toàn tự nhiên, không dùng thuốc hoặc những thủ thuật y tế tân thời trong hộ sinh thí dụ như việc kích thích chuyển dạ. Cô hơi lo lắng vì ngày sanh đã trễ hơn ngày bác sĩ phỏng định. Nhưng vì không thể biết trước khi nào Nhỏ Con Rồng quyết định ra khỏi lòng mẹ, cô con gái tôi làm đủ mọi cách cô biết để khuyến khích bào thai ra đời một cách "tự nhiên."

Chúng tôi đến thăm con gái và con rể một ngày trước ngày phỏng định sanh. Cả ba con tôi đều sinh sớm nên tôi ngỡ tôi sẽ có nhiều thời giờ chơi với cháu ngoại. Nhưng thay vì thế, chúng tôi có những dịp đi chơi với con gái và con rể. Ngoài những ngày đi bộ ngắm cảnh hay đi bơi hồ bơi ngoài trời nơi nước hồ được sưởi ấm, chúng tôi đi xem xi nê hay kịch, và thưởng thức nhiều món ăn ở những nhà hàng con tôi thích. Lâu lâu khi bào thai đạp bụng mẹ hay thay đổi vị trí thì con tôi cho tôi đặt tay lên bụng để cảm nhận cái cục cựa của Nhỏ Con Rồng. Tôi cũng đi theo con tôi đến phòng mạch bác sĩ khi họ chụp hình "ultrasound." Tuy nhiên lúc đó tôi cũng chưa biết Nhỏ Con Rồng là trai hay gái.

Cả nhà tôi bay đến Austin. Vợ chồng tôi, cô con gái thứ hai và chồng, cậu út, và mẹ tôi đều đến. Vì mẹ của Nhỏ Con Rồng, con gái đầu của tôi, không thể về Virginia trong những nghỉ lễ Giáng Sinh, chúng tôi tổ chức một buổi trao quà ở Texas. Một món quà tôi được là những tấm ảnh gia đình chụp bởi nhiếp ảnh gia. Tuy tôi tiếc là Nhỏ Con Rồng không có mặt trong những tấm ảnh này, chúng tôi có hình bố nó hôn cái bụng tròn vo của mẹ nó.

Để khuyến khích Nhỏ Con Rồng mau ra đời sau ngày sinh phỏng định, chồng tôi và tôi tự nguyện nấu một bữa "eggplant parmigiana" theo công thức của tiệm ăn Scalini's, một nhà hàng Ý nổi tiếng ở Smyrna, Georgia. Huyền thoại của món ăn này là người đàn bà sắp sanh nào mà ăn món này sẽ đẻ con trong vòng 48 tiếng đồng hồ. Nhà hàng Scalini's "cam đoan" sự sanh đẻ bằng cách hứa sẽ tặng mỗi bà mẹ chưa đẻ trong vòng 48 tiếng sau khi ăn món cà tím một phiếu không tính tiền để các bà có thể thưởng thức món đặc biệt này lần thứ hai.

Thật ra thì chúng tôi cũng thích ăn cà tím, con gái tôi cũng vậy. Nếu huyền thoại không đem lại phép nhiệm mầu thì cũng chẳng sao. Nhưng món này rất đắt khách, cả nhà tôi khen ngon và ăn thật nhiều. Tôi nghĩ tôi sẽ nấu lại món này cho hai vợ chồng tôi, không cần đợi đến khi có bà bầu nào gần sanh. Tôi mua nhiều cà tím quá nên sau khi nấu hai vỉ lớn, tôi vẫn còn đủ để nấu thêm

một vỉ nữa cho "sự cam đoan lần thứ hai" vì sau lần đầu sự huyền diệu chưa đến.

Ngoài ăn cà tím và những món ăn cay, con gái tôi cũng đi châm cứu đặc biệt cho phụ nữ có thai, uống dầu hoa báo xuân và trà mâm xôi, đi bộ nhiều, xoa bóp, và thầm thì với bào thai – tất cả những điều để kích thích sự sinh đẻ mà cô đã học được từ sách vở hoặc trong mạng.

Sau bữa cà tím đầu tiên gia đình tôi bắt đầu rời Austin dần dần. Trước nhất là cô con gái thứ nhì và chồng. Họ phải bay về tiểu bang Hawaii đi làm và anh chàng rể này của tôi cũng phải về sớm để đi tham dự một buổi phỏng vấn vì cậu đang xin một việc làm mới. Mấy ngày sau chồng tôi cũng phải về đi làm, cậu út cũng về với bố. Hai bố con có dịp ăn bún thang mẹ tôi nấu trước khi về.

Hôm thứ tư sau khi chồng tôi và con út bay về Virginia, mẹ tôi và tôi nấu món cà tím lần thứ hai. Hôm thứ năm chúng tôi nấu bún mọc. Con gái tôi thích lắm, yêu cầu bún riêu cho thứ sáu.

Đêm thứ năm con tôi bắt đầu chuyển dạ. Nguyên ngày thứ sáu cô nàng không muốn ăn gì nhiều nên bún riêu không được nấu. Tuy nhiên sự đau đẻ chưa quá thường xuyên nên chúng tôi đi thưởng ngoạn McKinney Falls State Park. Chiều về tôi cũng ngồi xuống xem tuồng "Call the Midwife" với con gái và con rể trước khi đi ngủ.

Con gái tôi đánh thức tôi dậy vào khoảng nửa đêm, nói cần phải vào nhà thương cấp tốc vì đã xuất huyết, tưởng là một trường hợp khẩn cấp. Vì cấp tốc, tôi để mẹ tôi ngủ và đi theo con nhanh chóng.

Cô y tá cho biết quá trình sinh nở đang tiến triển tốt đẹp nên con tôi sẽ ở lại nhà thương. Phòng đẻ rộng rãi nên con tôi cảm thấy rất thoải mái. Cô chiều chồng nên cô vào bịnh viện chứ thật ra cô muốn đẻ ở một nhà thương hộ sinh vì cô muốn "a natural birth." Cậu con rể kéo cái ghế dài thành giường cho tôi và cậu ngồi ghế xích đu cạnh giường vợ, giúp vợ đấu phó với cái đau đẻ càng lúc càng mạnh hơn. Tôi thiếp đi tưởng chừng một hay hai tiếng. Ông bác sĩ thường trực lúc đó chính là ông bác sĩ sản khoa của con tôi. Ông vào lúc sáng sớm, xác nhận là quá trình sinh nhở vẫn đang tiến triển tốt đẹp.

Con tôi đau nhưng tôi chẳng làm gì được. Con rể tôi muốn đổi chỗ với tôi để anh ta nằm nghỉ. Khi cơn đau đến thì con tôi nắm và xiết chặt những ngón tay của tôi rồi đòi nhấm một chút nước. Chỉ được hai lần như thế thì chồng lại phải dậy săn sóc vợ vì vợ đòi đứng lên dựa đầu vào chồng.

Tôi cứ tưởng sự sinh đẻ sẽ hoàn tất trong buổi sáng nhưng đến gần mười hai giờ trưa, em bé vẫn chưa thể lọt lòng vì cổ tử cung vẫn chưa mở hoàn toàn. Trong khoảng ba tiếng, cổ tử cung dừng lại một vị trí trong khi chỉ cần nở thêm nửa "centimeter" nữa. Cường độ của những cơn đau và sự co thắt đã gia tăng hơn trước nhiều. Con tôi trông xanh xao và có vẻ kiệt sức. Tôi thương nhưng chịu trận.

Đáng lẽ bác sĩ của con tôi đã xong nhiệm vụ trong nhà thương lúc 9 giờ sáng nhưng ông nán lại vì cứ tưởng rằng con tôi sẽ đẻ trong một thời gian ngắn. Khi con tôi bằng lòng dùng oxytocin để kích thích sự co dãn lúc 11 giờ rưỡi sáng thì ông phải kiếu từ và nhắn lại tình trạng của con tôi cho bà bác sĩ đang trực.

Khi bà bác sĩ đến một tiếng sau mà oxytocin vẫn chưa có hiệu lực tốt đẹp, bà khuyên chích "epidural" để con tôi có thể

nghỉ ngơi. Bà khuyến khích con tôi ngủ một giấc để khi dậy có năng lực.

Epidural là một thuốc chích thần tiên. Con tôi khỏe ngay ra. Thay vì nghỉ ngơi, cô liếng thoắng. Hồi nãy cô cau có với mẹ nhưng bây giờ mời mẹ đến ngồi cạnh để hàn huyên. Anh chồng ngồi nói chuyện một lúc rồi cũng lăn ra ghế nằm. Nhưng y tá và bác sĩ lâu lâu lại vào thăm chừng nên anh ta cũng vẫn chẳng có giấc ngủ nào từ nửa đêm.

Từ sáng sớm thỉnh thoảng tôi lại gọi điện thoại đến mẹ tôi và chồng tôi để báo cho hai người biết về tình trạng của cô con. Có một lúc tôi nói với chồng tôi là tôi nghĩ em bé sẽ ra đời trước mười hai giờ trưa. Nhưng tuy có oxytocin để giúp sự co dãn, mãi đến bốn giờ chiều cô y tá mới nghĩ con tôi có thể bắt đầu rặn. Con tôi quyết định nằm ngả lưng. Chồng cô và tôi mỗi người một bên giữ vững chân cô. Ngay sau khi bác sĩ vào thì con tôi chỉ cần rặn một lần cuối cùng.

Nhỏ Con Rồng, ngửa mặt lên trời, lọt lòng mẹ để thở hơi thở đầu tiên vào lúc 16:48 theo giờ quân đội. Tôi ngước lên nhìn bố nó, thấy nước mắt rưng rưng, thật cảm động. Rồi thời gian bỗng như ngừng lại. Không gian im lặng. Tôi ngắm Nhỏ Con Rồng mãi mà chưa thấy ai lên tiếng. Rồi tôi la lên, "It's a boy!"

Thời gian quay trở lại. Tôi nhìn đồng hồ và báo tin cho mẹ tôi là Nhỏ Con Rồng ra đời lúc bốn giờ năm mươi. Sau tôi phải đính chánh và trừ đi hai phút. Hai phút huy hoàng khi không gian ngừng thở.

Tối đó sau khi cụ ngoại đã vào bịnh viện thăm cháu và con tôi đã đổi phòng và thằng bé Nhỏ Con Rồng đã được tắm rửa sạch sẽ và mọi người đã ăn tối, tôi và mẹ tôi về nhà con tôi để hai vợ chồng có thời giờ nghỉ ngơi tận hưởng chức bố mẹ và mong là ngủ một giấc an lành.

Tôi xin mượn hai câu thơ đầu đã tặng một người thân (thay đổi một vài danh từ) viết cho cháu:
Ngoại chưa về đến ngõ
Mà đã nhớ cháu rồi

Và xin thêm:

Ngoại yêu cháu từ lâu
Thuở còn nằm bụng mẹ

Ôi cặp mắt long lanh
Xanh biếc như hồ mơ
Đôi môi màu đỏ thắm
Thơm mùi sữa còn non

Đêm nay ngủ ngon nhé
Ngày mai ta đoàn tụ
Cả một ngày thần tiên
Cả một trời hân hoan

Đêm trong giấc mơ màng
Ngây thơ miệng cháu cười
Hạnh phúc trùm vũ trụ
Ta ngỡ đâu bồng lai

Ngày ngoại về cháu tiễn
Ra đến tận phi trường
Nay nhớ cháu ngày đêm
Tình thương yêu dạt dào

Ngoại mừng hoa đã nở
Trong chậu sứ trên bàn
Hoa loa kèn đỏ thắm
Tươi đẹp vươn mừng cao

Tình ngoại gửi cháu yêu
Như sợi lụa vàng tơ
Dệt thành thơ huyền diệu
Thêu tên Nhỏ Con Rồng

TRONG ĐÊM KHUYA

Truyện: Varlam Shalamov

Chuyển ngữ: Tâm Minh

Varlam Shalamov sinh vào khoảng năm 1907 và mất ngày 17 tháng 1 năm 1982. Tác giả thường viết những truyện ngắn mô tả về cuộc sống trong các trại tù. Truyện được bí mật lưu truyền ở Liên Bang Sô Viết và sau đó được phổ biến rộng rãi tại phương Tây. Truyện sau đây được chuyển ngữ từ bản dịch tiếng Anh của John Glad với nhan đề "In The Night".

*

Bữa ăn tối vừa xong. Glebov chậm rãi liếm sạch cái chén rồi vét những mẩu bánh vụn trên bàn vào trong lòng bàn tay trái một cách lành nghề. Hắn không nuốt ngay. Hắn ngậm những mẩu bánh nhỏ xíu đó trong miệng lẫn với bao nhiêu nước miếng để rồi cảm nhận bánh một cách thèm thuồng. Glebov cũng chẳng có thể nói là bánh ngon hay không nữa. Vị giác là cái quái gì, đâu đáng được mang ra để mà so sánh với cái khoái cảm của hắn lúc này. Glebov không vội vã nuốt bánh xuống làm chi, để yên đấy, bánh sẽ chầm chậm tan dần trong miệng và lẹ làng biến mất đi mà!

Cặp mắt sâu hoắm của Bagretsov sáng lên và nhìn trừng trừng mãi vào miệng Glebov. Chẳng anh chàng nào có đủ nghị lực quay đầu đi mà không ngó chằm chằm vào miệng bạn mình khi cái miệng đó đang ăn. Glebov nuốt nước miếng xuống và Bagretsov lúc đó mới chịu lập tức quay nhìn ra phía khác, ra phía chân trời nơi mặt trăng vàng lớn đang lừng lững mọc lên.

"Tới giờ rồi!", Bagretsov nói. Họ chậm rãi đi dọc theo lối mòn dẫn tới một tảng đá lớn và trèo lên khoảng đất trống nhỏ ven đồi. Mặc dù mặt trời vừa mới lặn đây thế mà mấy tảng đá đã lạnh ngắt rồi, chính mấy cái tảng đá này ban ngày nóng bỏng đến cháy cả gót chân trơ trụi của họ đi trong đôi dép cao su. Glebov cài nút áo khoác dày. Đi như vậy mà người cũng chẳng ấm lên được. Hắn hỏi khẽ: "Còn xa nữa không?" "Chút nữa thôi!", Bagretsov thì thào trả lời. Họ ngồi xuống nghỉ. Họ chẳng có chuyện quái gì để nói hay để suy nghĩ cả. Mọi việc đều đã rõ ràng và đơn giản. Trong một chỗ đất phẳng phiu ở cuối cái bãi trống này là những đống đá mà người ta đã đào từ dưới đất lên để lẫn với rêu đã tróc ra khô queo.

"Tớ làm chuyện này một mình cũng dư sức mà!", Bagretsov nở một nụ cười nhăn nhúm. "Nhưng hai đứa mình cùng làm thì vui hơn. Hơn nữa tớ lúc nào cũng coi cậu là bồ tèo..." Cả hai anh chàng đồng hội đồng thuyền này cùng được chuyển vào nơi đây mới năm ngoái thôi.

Bagretsov ngừng lại: "Cúi xuống không tụi nó trông thấy chúng mình đấy!". Họ nằm xuống và bắt đầu liệng những cục đá sang một bên. Chẳng có cục đá nào quá to để đến nỗi phải cần hai người xúm lại khiêng vì những kẻ chất đá sáng nay cũng không khỏe gì hơn Glebov.

Bagretsov khẽ chửi thề. Hắn bị đứt tay và chảy máu. Hắn đắp chút cát vào vết thương, xé một miếng giẻ trên áo khoác và buộc vào chỗ bị thương nhưng máu vẫn cứ rỉ ra. "Máu loãng, khó đông!", Glebov nói tỉnh khô. "Này! Bồ là bác sỹ đấy à?" Bagretsov hỏi, miệng mút vết thương.

Glebov lặng thinh. Cái thời mà hắn còn làm bác sỹ có vẻ như xa xôi lắm rồi, dường

như không phải là chuyện có thực nữa? Luôn cả cái thế giới ở phía bên kia núi đồi, bên kia biển cả hầu như cũng không có thực nữa, nó mờ mờ mịt mịt như trong giấc mộng vậy. Chỉ còn những ngày giờ, những giây phút từ lúc ngóc đầu dậy bởi tiếng kẻng báo thức buổi sáng cho tới khi hùng hục "lao động" xong công việc hàng ngày mới là có thực mà thôi. Hắn chẳng muốn nghĩ ngợi gì thêm, chẳng còn hơi sức đâu để nghĩ. Mà cũng chẳng còn ma nào muốn nghĩ ngợi gì thêm nữa.

Hắn không biết được quá khứ của những người xung quanh, mà cũng chẳng muốn biết làm gì! Bởi thế nếu ngày mai đây cái anh chàng Bagretsov này mà có tự tiết lộ rằng y là một ông tiến sỹ hay một ông tướng tàu bay gì đi nữa thì Glebov cũng tin ngay, chẳng cần suy nghĩ gì thêm. Chính Glebov có thực sự từng là thày thuốc không nhỉ? Chẳng phải hắn chỉ mất tiêu đi cái thói quen suy xét sự việc mà còn mất luôn ngay cả cái thói quen quan sát sự việc nữa. Glebov nhìn Bagretsov mút máu ở đầu ngón tay nhưng không nói gì. Mọi việc thoáng qua, hắn nhận thức thấy nhưng không thể tìm ra và cũng chẳng muốn tìm ra lời giải đáp. Cái ý thức còn sót lại trong hắn - có lẽ không còn là cái ý thức của con người nữa - nó rất phiến diện và giờ đây chỉ nhắm vào một mục tiêu mà thôi, đó là làm sao khuân những tảng đá ra càng nhanh càng tốt.

"Có sâu không?", Glebov hỏi khi họ tạm nghỉ tay. "Sâu thế quái nào được?" Bagretsov trả lời. Và Glebov nhận thấy câu hỏi của mình thật là vớ vẩn, cái hố này tất nhiên chẳng thể sâu được. "Nó đây rồi!", Bagretsov nói. Y vươn tới và đụng vào một ngón chân người. Một ngón chân cái thòi ra từ phía dưới những tảng đá, nhìn rõ mồn một dưới ánh trăng. Cái ngón chân khác hẳn các ngón chân của Glebov và Bagretsov, không phải chỉ khác vì nó cứng ngắc và hết sinh khí; về cái khoản này thì ngón chân người chết cũng chẳng khác ngón chân người sống bao nhiêu. Nó khác vì móng chân của cái ngón chân người chết đó đã được cắt gọn ghẽ, và ngay chính cái ngón chân đó thì đầy đặn và mềm mại hơn ngón chân Glebov. Họ vội vã vứt những tảng đá còn chất đống ở trên xác chết qua một bên.

"Tên này còn trẻ mà!", Bagretsov nói. Cả hai kéo lê cái xác chết ra khỏi huyệt. "Tên này to con và phốp pháp quá à!", Glebov vừa nói vừa thở hổn hển. "Nếu tên này không mập ú như vậy thì tụi nó đã chôn hắn theo cái kiểu tụi nó thường chôn anh em mình rồi và chúng mình đâu còn lý do gì mà tới đây hôm nay nữa", Bagretsov nói.

Họ kéo cho cái xác chết nằm dài dưới đất rồi lột chiếc áo ra. "Bồ thấy không, cái quần đùi này gần như mới tinh đấy!", Bagretsov nói một cách mãn nguyện. Glebov dấu cái quần lót vào trong áo khoác. "Tớ nghĩ bồ mặc nó vào thì hơn!", Bagretsov nói. "Không! Tớ không thích mặc đâu!", Glebov lầm bầm.

Họ khiêng cái xác chết đặt lại vào trong mộ huyệt và khuân đá chất kín lên trên. Mặt trăng đang mọc. Ánh trăng xanh tỏa sáng phủ lên những tảng đá và lên cả khu rừng thưa khiến đá và cây cối có một vẻ đặc biệt nhìn không giống lúc ban ngày. Mọi vật đều tỏ ra hiện hữu, có thật, nhưng khác hẳn lúc ban ngày. Dường như vũ trụ đeo vào một bộ mặt thứ hai, một bộ mặt về đêm. Glebov cảm thấy cái quần lót của người chết nhét trong áo khoác của hắn giờ đây ấm áp, không còn lạ lẫm nữa.

"Tớ thèm rít tí khói quá!", Glebov mơ màng nói. "Ngày mai sẽ hút!". Bagretsov mỉm cười. Ngày mai họ sẽ bán cái quần lót đi, đổi lấy bánh, và có lẽ ngay cả kiếm được chút thuốc lá nữa không chừng... ./.

KHI ANH TRỞ THÀNH "KẺ CHỢ"*

(*Viết để nhớ lại kỷ niệm về nhạc sĩ Đỗ Thành Huấn và Dân oan Trần Thị Hài với lòng quý mến*)

Phong Thu

Tôi vẫn không nhớ rõ tôi quen nhạc sĩ Đỗ Thành Huấn lúc nào. Có thể trong một cuộc họp mặt văn nghệ sĩ, nhà báo hay trong những lần đi tập huấn các trại sáng tác văn học nghệ thuật do Hội Văn Học Nghệ Thuật tỉnh tổ chức vào những tháng mùa hè. Nhưng có có một điều làm tôi nhớ nhất là anh có đôi mắt hơi sâu, sắc xảo, nụ cười rất miền Nam. Tính tình hiền hoà, nhả nhặn và quý bạn bè. Ở vào thời bao cấp, người tốt nghiệp đại học bên Nga như anh trở về phải giữ những chức vụ cao cấp tại Tỉnh Ủy. Nhưng cái máu văn nghệ sĩ chảy trong huyết quản của anh, cộng thêm không thích ăn nhậu, đàn đúm với các quan to nên anh không thể lên chức. Suốt mấy chục năm sống ở Bình Dương, Đỗ Thành Huấn suốt ngày chỉ ở trong rừng, làm giám đốc một công ty Cơ Khí Nông Nghiệp nghèo nàn với hơn chục nhân viên ở tận nơi khỉ ho, cò gáy của Xã Lai Uyên, Huyện Bến Cát. Sau khi công ty giải tán thì về làm đường vùng sâu, vùng xa như Bàu Bàng, Đồng Xoài, Lộc Ninh, Bình Long, Phước Long hay biên giới Miên…đi lăn đá để mưu sinh. Có khi bị người ta quịt không trả tiền. Vì vật lộn với cơm, áo, gạo, tiền, con đường văn nghiệp của anh đã dừng lại. Và nó đã thực sự dừng lại vĩnh viễn từ câu chuyện bị chiếm đất đai.

Những năm 80, chúng tôi là những văn nghệ sĩ nghèo đói, rách rưới như một lũ ăn mày đã từng đến thăm anh và ngồi nghe anh nói về khai phá rừng chồi để trồng bạch đàn. Mơ ước của anh nghe mê say lắm. Hồi đó, có con ma nào thèm bám rừng, mơ mộng hảo như anh. Quan lớn, quan bé khoái về thành phố hưởng thụ, đi xe hơi bóng lộn, rượu thịt ê hề, đèn điện sáng trưng. Còn cái Xã Lai Uyên sình lầy, hoang vu, lạnh lẽo, chó ăn đá, gà ăn muối không điện, không nước chỉ sinh hoạt bằng nước giếng thì ai mà thích ở? Đất ở đó năn nỉ cho cũng không ai thèm! Tôi thấy anh hăng say lý tưởng hiện đại hoá nông nghiệp như bên Nga nên chỉ im lặng lắng nghe. Anh Huấn thương đám bạn bè quá rách nát nên muốn đám văn nghệ sĩ mạt rệp của chúng tôi cùng với vợ chồng nhà thơ Lê Giang và nhạc sĩ Lư Nhất Vũ bỏ Sài Gòn hoa lệ, đi về rừng trồng cây với anh cho vui. Cái máu mê đất đai thấm vào xương anh từ khi còn bé vì anh xuất thân từ đồng bằng Sông Cửu Long. Nhưng may mắn là ông bà Lê Giang-Lư Nhất Vũ,

nhạc sĩ Phan Nhân, nhạc sĩ Lưu Hữu Chí (con trai nhạc sĩ Lưu Hữu Phước), nhà thơ Từ Nguyên Thạch (Báo Người Lao Động) và cả tôi cũng lắc đầu nói "*Thôi rừng rú ở buồn lắm. Mưa gió lạnh lẽo. Muỗi cắn bệnh sốt rét*.". Không phải chỉ có thời tiết mà còn dân ở đó sống rất quê mùa, lạc hậu. Suốt ngày có thời gian là họ nhậu nhẹt, say sưa. Nếu hồi đó, chúng tôi nghe lời anh Huấn mần thiệt thì bây giờ tất cả đã trở thành dân oan mà không chừng đi tù như chị Trần Thị Hài hay có khi cuộc đời đã tiêu tùng. Lâu lâu về thành phố, anh Huấn còn buồn buồn sáng tác bài hát "Kẻ Chợ" để nhớ về rừng:

KẺ CHỢ

Sáng ngay còn ở rừng
Chiều đã thành kẻ chợ
Nghe tiếng xe hơi chạy
Tưởng suối róc rách reo
Nhìn lên cột thu lôi
Tưởng tầng xanh cổ thụ
Đêm khuya mơ màng ngủ
Gió thổi bay mí mùng
Ơi! Tiếng của núi rừng
Sao mà thương mà nhớ
Bây giờ thành kẻ chợ
Biết cột võng đâu đây
Để nhìn lên bóng mây
Để nhìn lên lá biếc
Để trầm ngâm ký ức
Thả tâm hồn vi vu…

Đỗ Thành Huấn

(Trích trong tập thơ nhạc :Sau Cơn Mưa, Bình Dương 10-1987)

Khi nghe anh đánh đàn bài hát nầy, tôi cười vì thấy anh còn mơ mộng nhớ lại những ngày xa xưa trong chiến khu của một thời hiến dâng tuổi trẻ cho cộng sản miền Bắc. Và những cánh rừng xanh bất tận đã trôi vào giấc ngủ của anh. Anh nhớ rừng ngay khi đất nước đã thanh bình.

Có những ngày, đoàn chúng tôi băng rừng, lội suối đi sưu tầm ca dao dân ca trong xóm làng tận Bình Long, Lộc Ninh, Bù Gia Mập, Đồng Xoài, Bến Cát, Tân Uyên…vừa mệt, vừa đói, khát nên ghé ngang thăm vợ chồng anh Huấn. Chị Hài đi chợ nấu ăn cho chúng tôi rồi chị chào hỏi vài lời: "*Em vụng về không biết nấu ăn ngon. Các anh chị ăn có ngon miệng không*?" Sau đó, chị biến vào trong bếp. Tôi còn nhớ đó là ngày 17 tháng 4 năm 1988, anh Huấn có nuôi vài con thú trong nhà: Kỳ nhông, trăn con, cá sấu con, chồn con, chim, gà rừng… Anh bắt được chúng trong rừng nơi anh đang công tác. Anh sợ công nhân đói quá sơi tái chúng nên đóng chuồng đem về nhà nuôi như nuôi con. Trời đất ơi! Tôi sợ trăn muốn chết. Nhưng nhạc sĩ Lưu Hữu Chí đòi chơi trăn. Chí đòi anh Huấn mở chuồng ra. Chàng nhạc sĩ trẻ thò tay xuống cho con trăn quấn rồi ôm con trăn chơi, ngắm nghía với vẻ thích thú. Tôi sợ quá chạy vô góc phòng trốn. Anh chàng đâu có tha. Đây là dịp trả thù cái tội tôi "làm chảnh" với anh chàng. Anh chàng đem trăn dí vào mình tôi. Tôi hét lên om sòm, nhảy tưng tưng như con khỉ. Anh Huấn và mọi người ngồi cười ha ha. Nhà thơ Lê Giang thì la Chí: "*Đừng có chọc nó. Nó sợ rắn, sợ trăn lắm. Cái thằng rắn mắc vừa vừa đó. Mầy chuyên môn theo chọc ghẹo nó suốt ngày*."

Chàng nhạc sĩ trẻ nhe răng ra cười. Anh chàng tha cho tôi lần đó nhưng còn nháy mắt hứa hẹn sẽ có trò chơi khác để trả thù dân tộc! Khi chúng tôi về, mấy ngày sau anh Huấn làm một bài thơ gởi tặng chúng tôi:

MAI KIA MÌNH CÓ LÊN RỪNG

(Kính tặng Đoàn sưu tầm dân ca Bình Dương)

Lâu ngày bè bạn tới chơi.
Nhà thơ, nhạc sĩ nói cười vô tư
Một chiều dẹp nỗi âu lo
Một chiều thư thả chuyện trò mông lung
Cho tấm lòng được ung dung
Đời mà cứ mãi boăn khoăn ích gì?
Trò chơi thứ nhất bày ra
Tập cho cá sấu hửi hoa mai vàng
Ôi! Con sấu quá dữ dằn
Nó không cần biết mùa xuân trên đời
Hoa mà nó tưởng thịt tươi
Nhạc, thơ gì nó cũng xơi chẳng chừa.
Giờ tới trò chơi thứ hai
Cho trăn quấn cổ mới tài đó nghe
Chuyến nầy sẽ có tài khoe
Dẫu rằng mặt mũi xanh lè hoảng kinh
Con trăng rất đỗi hiềnlành
Vậy mà nghệ sĩ thất thần chẳng chơi
Con trăn bò tới, bò lui
Nghe hơi ấm bàn tay người – lim dim
Trò chơi thứ ba tới liền
Chồn chưa mở mắt biết tìm chủ nhân
Như là trẻ nít vô tâm
Hò reo hết cỡ, hân hoan hết lòng
Một chiều thương quá là thương
Mai kia mình có lên rừng, nhớ nghe
Kỳ nhông, gõ kiến, hoạ mi
Đem về nuôi ở trong nhà thật đông
Cho thơ, nhạc với chim muông
Chiều nào gặp lại tâm hồn rảnh rang…
Dễ đâu được phút an nhàn
Cho tôi giữ mãi tình bằng chiều nay…

(Bình Dương 4-1988)

Ngày đó, tôi cảm nhận anh còn say với lý tưởng cộng sản nên không bao giờ phá bỏ những gì anh ôm ấp một đời. Còn tôi thì ôm giấc mơ đi thật xa, rời khỏi cảnh ao tù, nước đọng, sình lầy hôi hám tại Việt Nam. Tôi đã nhận ra chế độ cộng sản là một chế độ phi nhân ngay từ năm 1975 dù lúc đó tôi chỉ là đứa trẻ mới lớn. Sau nầy, tôi lang thang lạc vào nghề vừa viết, vừa lách để "kiếm cháo" sống lây lất qua ngày nên tôi quen với nhóm văn nghệ sĩ tỉnh Bình Dương. Như một sự hạnh ngộ tình cờ, tôi quen với anh Đỗ Thành Huấn, một người anh, một người bạn lớn đã dành cho tôi khá nhiều cảm mến. Dù tôi khoảng ngoài hai mươi, nhưng tôi gần gủi với anh hơn những văn nghệ sĩ khác. Con trai thời đó rất ghét cái tính lạnh lùng, thờ ơ của tôi nên chọc tôi "ế chồng". Tôi chỉ cười. Tôi thân anh Huấn vì chị Trần Thị Hài là người phụ nữ điềm đạm, lịch sự và có học. Chị không bao giờ ghen tuông bậy bạ và có lòng ganh tị dù tôi trẻ hơn chị. Nhạc sĩ Lưu Hữu Chí có chụp hình tôi và anh Huấn đứng trên một chiếc cầu nhỏ bắt qua một con suối với con chó nhỏ. Nhà thơ Lê Giang la Chí: "*Nè chụp hình nó với ông Huấn coi chừng bị hiểu lầm. Mầy tài lanh quá đi. Thấy gì chụp đó. Còn nhe răng ra cười cái gì hả*?" Chí gãi đầu ba hoa chích choè: "*Con thấy hai anh em thân nhau nên chụp thôi. Chị Hài không có ghen đâu. Cô đừng có lo*."

Tấm hình đó tôi còn lưu giữ. Tôi kính trọng, thương anh chị và các cháu như người trong gia đình. Anh chị thì thương tôi như em gái nên tình cảm chúng tôi vẫn gắn bó, tôn trọng nhau cho đến nay. Thỉnh thoảng gặp nhau, anh Huấn hay nhắc tôi về nhạc sĩ Lưu Hữu Chí. Và hỏi tại sao? Tại sao tôi…?!?..Tôi chỉ cười cười cho qua chuyện. Chỉ có tôi mới trả lời được vì sao tôi tránh không gặp lại Chí kể từ khi tôi dự tang lễ của cha anh, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, qua đời. Và mới đây nhất trong cuộc điện đàm dài. Anh Huấn lại hỏi tôi "*Tại sao em không chọn Chí khi bà Lê Giang muốn làm mai làm mối cho em*?" Tôi cười dòn tan đáp: "*Bây giờ em mới trả lời thật với anh. Vì em không muốn cướp đoạt tình yêu của một cô gái đang si mê Chí. Và câu trả lời thứ hai là em muốn rời khỏi Việt Nam để thoát khỏi chế*

độ cộng sản." Giờ đây, hơn 20 năm, khi tất cả chỉ còn là kỷ niệm vui buồn trong quá khứ, tôi không có lý do gì giấu diếm anh. Thật sự, tôi đã quay lưng lại với ánh mắt và sự săn đón của người nhạc sĩ trẻ, vui tính, thật thà và dễ mến. Anh sinh ra trong một gia đình nổi tiếng, trí thức. Bản thân là một giáo sư dạy âm nhạc tại Trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn. Còn tôi là con của một quân nhân bên kia chiến tuyến. Tôi lại có cái máu quốc gia sâu đậm. Tôi lại là người đã được huấn luyện trong trường QGNT. Liệu rằng tôi không làm cho bản thân và lý lịch anh có tì vết? Anh còn có tương lai trước mặt. Tại sao tôi lại làm cho cuộc sống của anh rắc rối?

Tôi có máu "anh hùng" giống ba tôi nên thấy chuyện bất bình chẳng tha, lại không thích bợ đỡ nịnh hót. Cho nên, bạn tôi toàn là những người có chồng là chế độ cũ, có chồng đi tù vì tham gia chống chế độ cộng sản, những người hoạn nạn mà ai cũng tránh xa vì chơi với họ chẳng có lợi lộc gì. Tôi cũng thuộc loại bợ đời nên không màng đến danh lợi trước mắt. Khi mọi người vào Đoàn, Đảng thi đua trối chết để lấy danh, trở thành giáo viên Tiên Tiến, được bằng khen liên miên (đó cũng là bệnh dối trá tại Việt Nam) thì tôi đi dạy học 6 tháng đã bị "đi" và Sở Giáo Dục phát lệnh cấm dạy trên toàn quốc cũng vì tội viết báo tố cáo ông Ba Nứa, Hiệu Trưởng và băng đảng của ông ta ăn chặn tiền của sinh viên, ăn cắp tiền xây dựng trường. Hỏi thử với cái máu anh hùng đó thì làm sao sống được với cộng sản? Nhà thơ Lê Giang thương tôi nhưng cũng rất bực mình cái máu anh hùng rơm, ngu ngốc của tôi nên phải đi theo dặn dò: **"*Mầy mà chọc giận tụi nó là nó giết. Có nghe tao không hả nhỏ*?!"** Tôi nghe ớn xương sống. Bởi ai làm văn nghệ sĩ tại Việt Nam cũng biết đến cái chết bất thường, mờ ám của vợ chồng cố nhà thơ Lưu Quang Vũ và Xuân Quỳnh. Tôi âm thầm tìm đường vọt mất. Bao nhiêu năm qua, tôi không còn liên lạc với ai. Nhóm bạn văn nghệ sĩ của tôi người đi, kẻ ở, kẻ sống cù bất cù bơ, bệnh tật, có người sống rất cô đơn hay bị mất trí…Còn lại thì đi bán bánh tiêu với diêm vương. Họ là những người dám đối diện với sự thật. Họ xác nhận vị trí của mình, dấn thân vào văn học vì cái nghiệp chướng. Đã bước vào là khó bước ra. Họ cố gắng mài giũa, học hỏi đi tìm cho mình một chỗ đứng xứng đáng với tài năng của mình. Họ mơ ước có tiền in sách, in CD, nhưng ước mơ đó xa với tầm tay của họ vì quá nghèo. Ai mà không thích in sách để nổi tiếng, để người ta biết mình là ai? Nếu nói không cần ai biết tên tuổi thì họ sống tự lừa dối bản thân. Nếu không thích nổi tiếng, thành nhà văn thì ở nhà rửa chén, nấu cơm, giặt quần áo cho chồng con, hay các ông thì quét nhà, đuổi gà cho vợ không nên giao du, bôn ba với giới cầm bút. Và viết ra thì tốt nhất nên để dành cho mình, cho chồng con đọc, in sách ra làm chi cho tốn tiền?! Bệnh lừa dối bản thân là một căn bệnh tai hại khiến cho người cầm bút tự ti mặc cảm lẫn tự cao, tự đại. Muốn vượt trội người khác nhưng chưa đủ tài năng để tự khẳng định mình đối với độc giả. Ở Bình Dương, nếu nhạc sĩ Giáp Văn Thạch chỉ biết đến tên tuổi qua bài hát "Quê Hương" thì Nhạc sĩ Võ Đông Điền đã thành công trong nhiều bài hát. Bước chân anh đã đạt được danh vị của một nhạc sĩ tài năng và được nhiều người mến mộ. Đó là món quà tinh thần của người nghệ sĩ.

Cách đây mười mấy năm, tôi có trở về Việt Nam và ghé thăm vợ chồng anh Huấn và chị Hài cùng các cháu. Cả gia đình gặp tôi rất vui. Anh đang tưới cây liễu trước sân nhà. Tôi bước vào. Anh nhìn sững tôi một giây rồi la lên: "*Em ơi! Em gái mình về nước nè!"* Chị Hài từ nhà sau chạy lên, thấy tôi chị rất vui. Chị lấy bánh mứt ra mời tôi và hỏi thăm tíu tít. Các cháu thì muốn tôi đến ăn Tết với các cháu.

TRI ÂM

(Viết tặng Phong Thu)

Em với tôi, cùng thân lưu lạc
Trắng tay vì vận nước nổi trôi
Tình cờ… giữa dòng đời vội vã
Gặp nhau bỗng… xem như tri âm
Kể nhau nghe chuyện dài tấm cám
Truân chuyên nên kiếp phải ê chề
Rồi cười gác nỗi sầu nhân thế
Nhắm mắt quên đời, cảnh trắng đen
Ngang ngửa cuộc chơi rồi đến hẹn
Mỹ nhân một thuở cũng xuôi tay
Em lòng trái ngọt tâm bồ tát
Tri kỷ cùng nhau nốt quãng đời…

NGUYỄN BẠCH

Xuân Qúy Tỵ 2-13-2013

Anh Huấn ngồi nhìn tôi một lúc rồi nói: "*Nghe tin em đi anh sững người. Anh buồn lắm em biết không*? *Anh không ngờ em bỏ nước đi không một lời từ giã anh chị*" Tôi cười buồn và nói: "*Đâu có ai biết em rời khỏi Việt Nam. Em ra đi rất âm thầm. Tại cái tính của em không thích làm cho người khác bận lòng*." Thấy cuộc sống anh chị vẫn bình lặng, không có gì thay đổi nên tôi yên tâm và vui. Tôi ngại liên lạc với những người trong nước vì sợ chính quyền ghép họ vào tội "vọng ngoại, tư tưởng ngoại lai". Tôi cũng không muốn bạn bè tôi thất vọng khi nghe tôi nói về chế độ cộng sản với những giấc mơ kinh hoàng cho những ai đã mù quáng tin tưởng nó.

Bởi vậy, hơn năm năm nay, khi tấm hình chị Trần Thị Hài đưa nắm đấm lên cao trong cuộc biểu tình chống Trung Cộng vào tháng 12 năm 2007 lưu truyền trên website, tôi không còn nhận ra người đó là bạn của tôi. Chị quá phong trần, nước da trắng hồng, nụ cười rộng mở trên đôi môi đầy đặn của chị đã biến đi đâu? Chị đã thay đổi 180 độ. Chị bỏ anh Huấn ở nhà một mình, bỏ căn nhà ấm cúng để lang thang, trôi nổi đi tìm công lý vì uất hận. Cái máu yêu nước và muốn bảo vệ tổ quốc trước bọn Tàu xâm lược lại nổi lên trong lòng chị. Vừa qua, anh Huấn cho tôi biết vì sao chị tham gia biểu tình chống Tàu cộng. Gia đình anh Huấn hay đưa các cháu về quê anh ở Cần Thơ thăm bà con và quan sát đồng bằng sông Cửu Long. Chị hay khóc vì thấy quê anh nghèo quá. Nhất là nông dân lạc hậu nhất nước, nghèo đói nhất nước và đa số phải tha hương cầu thực. Những cô gái quê nghèo phải đi lên Sài Gòn hay các tỉnh làm ô-sin, làm gái. Nhất các cô gái trẻ tuổi phải trần truồng xếp hàng như cá mòi cho tụi Đài Loan, Đại Hàn, Trung Quốc lựa chọn làm vợ. Chị Hài đã khóc và nói với anh Huấn **"*Sao họ khổ như thế hở anh? Vậy thì mình làm cách mạng để làm chi? Mình bị chúng nó lừa*."** Vì có kiến thức nên anh chị Huấn biết thảm hoạ của những con đập của Tàu trên thượng nguồn sông Mêkông sẽ hủy hoại vựa lúa đồng bằng sông Cửu Long trong một thời gian không xa. Bởi nước mặn sẽ xâm nhập vào đồng ruộng do phù sa không còn trôi về hạ nguồn, cá tôm sẽ chết dần. Nước công nghiệp đầy ô nhiễm của bọn Tàu sẽ chảy về Việt Nam. Miền Tây sẽ hứng chịu mọi hậu quả. Đó cũng là lý do chị Hài tham gia biểu tình chống Tàu Cộng quyết liệt. Chị gọi chúng là bọn ác bá.

Những người bạn văn nghệ sĩ trong tỉnh, cũng như những người thân quen của tôi và anh Huấn bây giờ không còn ai dám đến thăm

anh. Anh đã bị cô lập hoàn toàn. Nhà thơ Lê Giang và nhạc sĩ Lư Nhất Vũ bây giờ đã già và họ đã lui về Mũi Né sống an nhàn. Có lẽ họ cũng muốn tránh cảnh ồn ào, đầy tranh chấp đang diễn ra. Tôi nghĩ họ chưa biết gì về tình cảnh của anh chị Huấn. Nhạc sĩ Lưu Hữu Chí thì bận lo vợ con và có chắc gì anh ta còn nhớ đến chúng tôi. Nhà thơ Từ Nguyên Thạch từ khi về làm cho báo Người Lao Động cũng đã không còn trở lại Bình Dương thường xuyên. Chỉ còn lại một mình tôi ở cách xa anh cả một đại dương. Mỗi khi nghe tôi gọi điện thoại về giọng anh reo vui như trẻ con được mẹ cho quà. "*Xa xôi quá anh Huấn ơi! Cô em gái nhỏ của anh không thể cùng ngồi bên anh để an ủi, chia sẻ cùng anh những nỗi muộn phiền cuối cuộc đời.*" Tôi buồn khi biết bạn tôi lâm nạn mà không thể làm gì được. Có một lần tôi nói chuyện giúp đỡ anh về chuyện thăm nuôi chị Hài ở trong tù anh đã từ chối. Tôi nói với anh rằng: "*Lúc chúng ta giàu sang, danh vọng, hạnh phúc thì sự giúp đỡ đâu có cần thiết. Chỉ khi gặp tai nạn thì mới cần có nhau và mới biết tình bạn như thế nào. Cho em được chia sẻ với anh hoạn nạn. Cũng như anh đã từng an ủi em*." Tôi biết anh rất cảm động. Đến bây giờ khi tôi sống ở Hoa Kỳ 20 năm, những cảm xúc về tình bạn nơi đây không sâu nặng, thương mến bằng những người bạn xa xưa:"*Không cầu danh lợi, không ganh tị nhỏ nhen, không tính toán so đo hơn thua, được mất…chúng tôi chỉ biết cho nhau những gì mình có. Đó là trái tim*." Có thể vì nghèo, chúng tôi chẳng có gì để tranh giành nên cứ vô tư thương nhau và không biết học thói ganh tị. Mà tôi cũng đâu có gì để người đời ganh tị? Tôi cũng chỉ là một người bình thường giống như ngày còn sống ở Việt Nam. Ở Mỹ, có khi tôi còn lè phè, bụi đời hơn vì quá bận rộn với công việc mưu sinh.

Thời gian trôi qua nhanh, tôi càng ngày càng già. Bạn bè cùng trang lứa có người đã đi vào cõi thiên thu. Tôi vẫn nhớ thương từng người bạn. Tôi thương cho sự bất hạnh của họ bởi tôi nhìn thấy hình bóng của tôi, số phận của tôi hoà nhập vào số phận của họ: **"SỐ PHẬN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM".**

Ngồi đây viết những dòng kỷ niệm cho anh Đỗ Thành Huấn và chị Trần Thị Hài với tất cả lòng quý mến. Tết nầy anh ăn Tết một mình, còn chị thì bị ở tù. Nhà tù yêu cầu chị phải đóng tiền mỗi tháng 5 triệu để cải thiện bửa ăn cho chị. Một dịch vụ kiếm tiền đối với tù nhân. Nguyện cầu cho anh Đỗ Thành Huấn bình an và chị Trần Thị Hài được khoẻ mạnh để chống chọi lại với sự khắc nghiệt của nhà tù cộng sản./.

Phong Thu

Những ngày Xuân năm Quý Tị 2/2013

Chú thích: Bài hát "Kẻ Chợ" trong tập thơ nhạc của nhạc sĩ Đỗ Thành Huấn.

Đoạn Trường Tân Thanh

Tác phẩm tư tưởng của Việt Nam và của nhân loại

Nguyễn Thùy

Giá trị 'Đoạn Trường Tân Thanh' trước nay đã được nói nhiều về mọi lãnh vực : nghệ thuật, đạo đức, nhân đạo, triết lý, tâm lý, lịch sử, xã hội, chính trị,…Nhưng, theo người viết, tất cả những giá trị đó mới chỉ là những phần *'ngoại diện'* hay chỉ là những cái đến sau, mặc nhiên đến, những cái cục bộ, từng phần tất yếu nằm sẵn trong cái *'chung cùng' bao quát toàn diện, toàn trình*' mà Nguyễn Du muốn phổ vào tác phẩm. Cái 'chung cùng, bao quát, toàn diễn, toàn trình' đó là cái gì ? Xin thưa, đấy là ***tư tưởng Nguyễn Du*** được gởi vào tác phẩm và vì thế, nên, theo người viết, ***'Đoạn Trường Tân Thanh là một tác phẩm tư tưởng'.*** Và vì là tác phẩm tư tưởng nên Đoạn Trường Tân Thanh không chỉ là tác phẩm của riêng dân tộc Việt Nam mà còn là của chung nhân loại vì đề cập đến mọi thắc mắc của chung nhân loại xưa nay cùng nói lên hướng giải quyết những thắc mắc đó.

Câu hỏi đặt ra : ***Do đâu có thể bảo 'Đoạn Trường TânThanh' là tác phẩm tư tưởng' ?*** Xin được trả lời qua những phần sau đây (nơi đây chỉ xin nói tổng quát ; tư tưởng ND trong ĐTTT còn nằm nơi một số từ ngữ và lời thơ không chỉ đẹp về lời mà còn mang chở bao ý nội hàm sâu sắc, xin không trưng dẫn để tránh dài dòng).

A.- Trước tiên do nhan đề tác phẩm : từ Cựu Thanh sang Tân Thanh.

*** Tại sao Nguyễn Du đặt tên cho tác phẩm là *'Đoạn Trường Tân Thanh'* ?**

Từ ngày tác phẩm được ra đời, dân gian thường gọi là **Truyện Kiều** chứ không mấy gọi là 'Đoạn Trường Tân Thanh'. Nhiều bản in ấn do các học giả hoặc do cả các cơ quan Văn hóa, Giáo dục của Chính Phủ hay Nhà Nước đôi khi cũng lấy tên là 'Truyện Kiều' và dù có dùng đúng nhan đề tác giả đã đặt, nhưng cũng không mấy để ý lý do nào Nguyễn Du đã đặt tên cho tác phẩm phóng tác của mình là **'Đoạn Trường Tân Thanh'.**

Cả bốn từ **'Đoạn Trường Tân Thanh'** có thể hiểu theo hai cách. Trước tiên là *'Tiếng kêu mới (làm) đứt ruột'*, hiểu như thế nầy thì chỉ giới hạn nơi câu truyện, nơi *cuộc* đời Kiều thôi và chắc không đúng với nội dung tư tưởng nơi tác phẩm vì đoạn trường mà Kiều trải chịu chưa hẳn là những đoạn trường cùng cực nơi cõi tại thế, hơn nữa, cuộc sống Kiều có phải chỉ toàn là đoạn trường đâu vì nàng đã trải qua bao lúc sung túc, vinh quang, thêm nữa cũng không nêu rõ tạ sao lại là 'tiếng kêu mới'. Cách hiểu thứ hai : từ 'Đoạn trường ' nơi đây làm định ngữ , ta sẽ bảo : *'Tiếng kêu mới về đau khổ'* hay *'Tiếng kêu mới của đau khổ'*. Dĩ nhiên, đau khổ không tự nó lên tiếng kêu, vậy 'Đoạn Trường Tân Thanh' là ***'Tiếng kêu mới của con người về đau khổ'.***

Tân Thanh là 'tiếng mới' mà 'tiếng' là 'âm thanh' dù là tiếng gì. Từ 'âm thanh', con người tạo nên 'ngôn ngữ nói' rồi 'ngôn ngữ viết'.

Ngôn ngữ, theo nghĩa phổ thông là *''hệ thống dấu hiệu dùng làm phương tiện truyền đạt, thông giao''* (1). Theo Martinet : '' *Ngôn ngữ là quan năng của con người thông giao với nhau bằng âm hiệu''*(2). Định nghĩa theo hai cách trên là căn cứ trên cái 'Dụng' thông

thường của ngôn ngữ. Hiểu ở bình diện cao hơn, theo thể điệu M. Heidegger : *''Ngôn ngữ là ngôi nhà của Đạo Thể. Trong ngôi nhà đó, con người cư ngụ. Những nhà tư tưởng và thi sĩ là những người canh giữ chỗ cư ngụ đó. Sự canh giữ của họ là công trình viên đạt mối hiển lộ của Đạo Thể ; qua thể điệu và cách nói của họ, họ mang chở mối hiển lộ đó vào ngôn ngữ và bảo lưu nó trong ngôn ngữ''* (3). Hiểu như thế, thì chính ngôn ngữ làm hiển lộ Đạo Thể (hay Tính thể) nơi hiện thể. Đạo Thể được hiểu là *''uyên nguyên sinh thành vạn hữu và cư ngụ nơi mỗi thứ hiện hữu* (mỗi hiện thể, mỗi pháp) *để đưa vạn hữu trở lại với mình''*. Đạo học Đông Phương đã bảo : **''Vạn vật đồng nhất thể, Vạn hữu bản lai đồng**'' và **''Tất cả khởi đi từ Một để trở về trong Một''**. Kinh sách Phật giáo, Ki-Tô giáo cũng nói như thế (xin không dẫn chứng để tránh dài dòng). Theo M. Heidegger, chỉ riêng nhà tư tưởng và thi sĩ mới nghe ra và viên thành sự hiển lộ của Đạo Thể qua ngôn ngữ.

Nhưng ngôn ngữ không chỉ Tiếng và Từ, Lời và Câu, Vần và Điệu mà là Cách Nói (le Dire) của họ. Cách nói của nhà Tư tưởng và thi sĩ thể hiện cách nói của Tư tưởng (le dire de la pensée) nghĩa là cách thể hiện của tư tưởng vào hoạt sinh, vào cõi tại thế. Theo Parménide, *''tư tưởng và Đạo thể là một''* (4). Theo Đạo học, Đạo Thể là cái Nguồn gốc sinh thành vũ trụ. Cái nguồn gốc đó thể hiện nơi cõi thế gian qua tư tưởng và tư tưởng được giải bày qua ngôn ngữ tức cách nói của nhà tư tưởng và thi sĩ.

Cách nói của Nguyễn Du qua 'Đoạn Trường Tân Thanh' chính là ngôn ngữ Nguyễn Du và ngôn ngữ Nguyễn Du qua tác phẩm nầy diễn đạt *''tiếng kêu mới về đoạn trường''* tức ***''cái nhìn mới''***, cái ***''Ý nghĩa mới của đau khổ''*** về cuộc đời, về hiện hữu tại thế, có khác với cái nhìn cũ, cái 'nhìn cựu thanh' xưa nay . Do đó mà ông đặt tên cho tác phẩm là 'Tân Thanh'.

'Đoạn Trường Tân Thanh' là 'tiếng kêu mới về đoạn trường'. Tiếng đoạn trường mới không là tiếng than khóc mới mẻ hay một đoạn trường mới nào khác tiếp theo cái đoạn trường đã có mà là cái 'nhìn mới' về đoạn trường. Cũng là cuộc sống bi đát của Kiều, cũng là tấm thân trôi nổi, bèo bọt của Kiều - của kiếp người nói chung- nhưng Thanh Tâm tài nhân cũng như mọi người xưa nay đã nhìn theo cái 'đoạn trường cũ', cái 'đoạn trường cựu thanh' ; Nguyễn Du đã nhìn ra cái 'tiếng mới' trong cái cũ đó. Từ cái nhìn 'cựu thanh' về đau khổ, Nguyễn Du đã nhìn ra cái 'tân thanh' của đau khổ để phóng tác 'Kim-Vân-Kiều truyện của Thanh Tâm tài nhân thành 'Đoạn Trường Tân Thanh'.

Cuộc sống vốn khổ, cuộc đời vốn khổ, nhà Phật đã bảo thế, triết lý Đông Tây cũng bảo thế, hiện thực cuộc sống, cuộc đời từng người, từng dân tộc, quốc gia và chung cho cả nhân loại đã minh chứng điều đó. Cái khổ, cái đoạn trường muôn đời xưa nay vẫn thế : bịnh tật, nghèo nàn, nợ nần, thất nghiệp, thất tình, thất chí, bị coi thường, dèm pha, phỉ báng, đố kỵ, khinh khi, bị bóc lột, bị chà đạp oan ức, bị hạ nhục, bị tù tội, bị hành thân hoại thể, bị bắt làm tôi đòi, nô lệ, không nguồn cảm thông, không nơi nương tựa, sống vô gia cư, chết vô địa táng, bị bắt buộc phải làm trái ý mình, bị đẩy vào đường cùng thế bí, con gái phải kiếp giang hồ, con trai phải vòng lao lý,…, nghĩa là mãi mãi lo lắng, hãi hùng, buồn đau, bi lụy, thấp thỏm, bồn chồn cho cuộc sống bây giờ và ngày tới.

Cuộc sống nào rồi cũng lẩn quẩn mãi trong một tiết điệu hao mòn, tê tái : sinh ra, lớn lên, làm việc, học hành, đấu tranh, cưới vợ, gả chồng, sinh con đẻ cái, hoạt động mưu sinh, hiến mình cho lý tưởng, buông tuồng theo khoái lạc, ví đuổi phương tiện, thời trang, mưu giàu, mưu lợi, mưu sự nghiệp,

công danh, tiếng tăm, hạnh phúc,… ; vui phút chốc, buồn triền miên, thành công ngắn ngủi, thất bại não nề, sướng khổ, buồn đau liên tục,..rồi già nua, chết chóc, từ thời ông tằng, ông tổ đến đời cha, đời mẹ, đời con, cháu, chắt, chít…, bao giờ cũng thế, cũng thế !

Ngay cả những kẻ đã thành công một thời, uy thế, tiếng tăm lẫy lừng một thuở, lúc tuổi đời bóng xế có sống thong thả yên vui, có được mọi người nhắc đến, hâm mộ kỳ công, thành tích ; lúc chết có được bao khách thập phương đưa đón, điếu tang với nhiều vòng hoa tưởng niệm, thì, thật ra, lúc bóng ngả tà huy, không khỏi lạnh buồn, u uẩn trong hoài cảm ngày qua và trong nhạt nhòa hiện tại. Nhất là lúc nhìn thành tích mình đã bị vượt qua, lúc kỳ công của mình ít nhiều bị phủ nhận, lúc thời thế đổi thay, trào lưu chuyển khác rồi đếm tuổi cuộc đời không khỏi tư lự, buồn đau, u hoài lênh đênh phơ phất trong 'nỗi buồn tại thế' không nguôi, nhất là kiểm điểm lại bao lỗi lầm đã gây ra cho cha mẹ, vợ con, đồng bào, đất nước, quê hương, luân thường, đạo lý…,rồi ân hận, dày vò. Chính vì thế mà người ta thường quan niệm cuộc sống, cuộc đời là bể khổ, là hí trường phù du, tạm bợ, giả hoặc, vô thường, là giấc mộng, cơn mơ, mối nợ, sống là gởi, thác là về,…

Ảnh: **TÚ NHẬT**

Vâng, cuộc sống, cuộc đời là những thể hiện đó, không sai, nhưng 'do đâu, tại sao, để làm gì, dẫn về đâu' thì chưa có lời giải đáp. Nguyễn Du đã giải đáp những thắc mắc đó.

'Tân Thanh' nơi Nguyễn Du là 'ngôn ngữ mới', và 'ngôn ngữ mới' nơi đây là 'cái nhìn mới', cái 'ý nghĩa mới' của đau khổ. Cũng những đau khổ đó nhưng trước nay người ta nhìn theo cái 'nhìn cũ', cái 'đoạn trường cựu thanh', cho đấy là những cái dĩ nhiên, những cái tất định, không thể nào thoát ra được vì không đau khổ nầy thì đau khổ khác, có thay đổi bộ mặt, thay đổi mức độ, tính chất nhưng chung quy vẫn là đau khổ. Mượn tất cả những 'đoạn trường cựu thanh' của Kiều, của Hoạn, của Kim Trọng, Từ Hải, Thúc Sinh, của Sở Khanh, Bạc Bà, Bạc Hạnh (ngoại trừ Vãi Giác Duyên và Sư Tam Hợp), Nguyễn Du muốn đưa dẫn chúng ta về một cái 'nhìn mới' về đau khổ nên đặt tên tập truyện là Đoạn Trường Tân Thanh. **Cái nhìn mới đó**, nói theo nhà Phật là ***''Phiền não là Bồ đề, Khổ đau là Giải thoát''***. Cái nhìn mới về đau khổ đó cũng được Jésus nói đến qua **bài giảng trên núi** về ***Tám Mối Phúc,*** miễn là biết ***''Trăm năm để một tấm lòng từ đây''*** như Kiều.

*** Lý do Nguyễn Du phóng tác 'Kim Vân Kiều truyện' của Thanh Tâm tài nhân : Cuộc tình từ 'Có thành Không' chuyển sang 'Không trong Có' :**

Thúy Kiều, Kim Trọng từ lúc *''Tiên thề cùng thảo một chương,...trăm năm tạc một chữ đồng đến xương''*thì cuộc tình hai người xem như hoàn hảo, tốt đẹp vô cùng. Hai người, trong tâm thức, đã là *'một thịt'*, hai người đã *'cùng có trong nhau'* hoàn toàn *''chưa chăn gối cũng vợ chồng''*. Nhưng rồi, cuộc đời oái oăm bẻ gảy tình duyên đôi lứa. Kim Trọng phải về Liêu Dương hộ tang chú ; Kiều phải bán mình chuộc cha. Mười lăm năm không gặp lại, mười lăm nam cả hai sống trong tưởng nhớ, ngậm ngùi. Cuộc tình thế là ***'từ Có thành Không'.***

Mười lăm năm sau, tái hợp, *''mười lăm năm mới bây giờ là đây''*và *''động phòng dìu dặt chén mồi''* nhưng *''Lọ là chăn gối mới ra sắt cầm''*. Cả hai cùng **có** bên nhau, *'cùng nhau lại chuốc chén quỳnh giao hoan''*, cùng ăn chung nằm chạ, thế mà không là vợ chồng (khác với trước : *'chưa chăn gối cũng vợ chồng'*). Cái gì lạ ? Một màn hài kịch ? *Cuộc tình đã chuyển từ* ***'Có trong Không'*** *sang thành* ***'Không trong Có'.***

Chúng ta muốn thế nào ? Chúng ta muốn 'Có trong Không' hay muốn 'Không trong Có' ? Sở hữu mà không sở hữu, không sở hữu mà sở hữu ? Qui luật kinh tế nào giải thích được chăng ? Cuộc đời đã đưa cuộc tình hai người từ 'Hữu vào Không', buộc hai người phải sống cái 'Hữu trong Không' để kết cục dẫn về cái 'Không trong Hữu'. Liệu có thể bảo theo lời Kinh Duy Ma : ***'bất trụ vô vi, bất tận hữu vi' ?***

Một điều nữa, kết thúc câu truyện khiến ta liên tưởng đến lời Chúa Jésus : *''Vì đến khi sống lại, người ta không lấy vợ cũng không lấy chồng, song những kẻ sống lại là như thiên sứ trên trời vậy''* (Ma : 22-30). Thiên sứ là trạng thái sống 'hữu trong không' và 'không trong hữu' cùng lúc. **Kiều đã 'sống lại'** (cái chết của nàng là cái chết hụt, cái chết của nàng không là cái chết đoạn kiếp, đổi kiếp, hóa kiếp để đầu thai sang một kiếp khác), nàng 'sống lại trong cuộc đời nầy với mối tình ngày trước nhưng trong một trạng thái khác trước, trạng thái 'Không trong Có'.

Chính cái kết cục lạ lùng của câu truyện đã khiến Nguyễn Du chú ý vì hợp với tư tưởng lâu nay của ông, tư tưởng của con người *''Thiên tuế trường ưu vị tử tiền''*(câu thơ chữ Hán của ND : 'Trước khi chết vẫn lo nghĩ, ưu tư chuyện nghìn sau'). Chính cái kết cục kỳ lạ nầy đã khiến Nguyễn Du phóng tác 'Kim Vân Kiều truyện' của Thanh Tâm tài nhân mà không phóng tác một tác phẩm nào khác trong vườn Văn học Trung Hoa cũng như không sáng tác một truyện nào tương tự dù ông biết cuộc sống truân chuyên, chìm nổi của bao hồng nhan bạc phận vì tất cả những cuộc sống đó, ngay cả của chính ông, của cô Kiều hay của bất kỳ ai đều chỉ là ***'Đoạn trường cựu thanh'*** mà thôi. (Xin đừng ỡm ờ nghĩ rằng biết đâu chẳng đã có một 'xao động lượng tử' (flux quantique, xin mươn một từ của Khoa học) đã khiến xảy ra cuộc làm tình giữa hai người dù Kiều không muốn thì Kim Trọng cũng đã hẳn ép liễu nài hoa ? Xin đừng đánh giá Nguyễn Du quá thấp như vậy để khỏi mang tội hạ nhục tác giả và tác phẩm). Xin không đi xa hơn để nói đến cảnh giới sống của xã hội nhân loại mai nầy với một thể chế chính trị, kinh tế, văn hóa,... khác với hiện nay.

Chỉ riêng với hai điều kể trên -cái nhìn mới về đoạn trường và kết thúc lạ lùng của câu truyện- Nguyễn Du đã phổ vào cho Truyện Kiều hai tư tưởng sau đây :

1) **Sống là đau khổ nhưng chính cái đau khổ của cuộc sống, cuộc đời sẽ giải thoát ta khỏi đau khổ.** Diễn tiến nhân sinh sẽ đến thời điểm chấm dứt đoạn trường và bao nhiêu lý do, điều kiện, sự vụ con người tạo đau khổ tội lỗi cho nhau sẽ chấm dứt để mở ra một cảnh giới hay một trạng thái sống mới không còn đau khổ nữa. Điều nầy, Nguyễn Du đã nói qua Đạm Tiên –hình ảnh cuộc đời đau khổ- lúc nàng bảo với Kiều vừa được vãi Giác Duyên vớt lên từ sông Tiền Đường : *''Đoạn trường sổ rút tên ra, Đoạn trường thơ phải đem mà trả nhau''* để từ nay cuộc sống, cuộc đời hoàn toàn sung sướng với *''Duyên xưa đầy đặn phúc sau dồi dào''*.

2) **Tài và Mệnh không còn đố kỵ, tương khắc, tương xung mà hài hòa, hảo hợp nhau. 'Tài'** là tài sức, khả năng từng người để lo cho cuộc sống riêng của mình ; **'Mệnh'** là cuộc đời tức cuộc sống chung của tất cả mọi người trong xã hội, nói rõ hơn là

'môi trường xã hội, môi trường đồng loại', là 'cõi người ta' (trăm năm trong cõi người ta - Kiều - Không nên hiểu 'Mệnh' là số mệnh, định mệnh). Con người vì cần thiết của Sự Sống, kết hợp nhau, tạo nên xã hội để vừa hợp tác vừa cạnh tranh nhau. Cạnh tranh xã hội là điều tất yếu và là động lực cho xã hội tiến bộ văn minh nhưng lại luôn luon tạo nên thế tranh chấp thường trực giữa cuộc sống, cuộc đời tức giữa cá nhân với xã hội dù trong từng đơn vị nhỏ nhất như gia đình, đoàn thể rồi đến quốc gia, dân tộc, rộng hơn nữa là cộng đồng nhân loại. Do thế tranh chấp đó mà con người cùng xã hội luôn luôn bất an, đau khổ. Những đau khổ của cuộc sống cuộc đời trở thành đa dạng, lớn dần lên theo đà văn minh. Sự tranh chấp, tương xung giữa tài và mệnh, giữa cuộc sống, cuộc đời, giữa cá nhân và xã hội sẽ đến thời điểm chấm dứt do diễn tiến tiến hóa của nhân sinh. Nguyễn Du đã tiên đoán, hay đúng hơn, đã nhìn ra điều đó. Mở đầu tác phẩm bằng hai câu thơ nói lên tính cách 'đố kỵ' giữa tài và mệnh : *''Trăm năm trong cõi người ta, chữ tài chữ mệnh khéo là ghét* nhau'', Nguyễn Du đã kết thúc tác phẩm bằng câu *''Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai''* (câu 3246) tuy có mượn ý nhà Phật để lý giải về chữ Tâm.

(Còn tiếp)

Phụ lục : Thi hào Pháp Victor Hugo, theo người viết, có lẽ cũng trong những cảm nhận như Nguyễn Du, đã báo biểu giờ chấm dứt mọi đoạn trường để nhân sinh được sinh thành trở lại (sống lại) trong một kỷ nguyên mới, trong một cảnh giới mới tức vào thời điểm 'muôn vật đổi mới' theo Thánh Kinh Ki-Tô giáo. Trong đoạn cuối bài trường thiên *'Bên bờ Vô hạn'* (au bord de l'infini), thi nhân đã viết :

Tout sera dit. Le mal expirera, les larmes
Tariront; plus de fers, plus de deuils, plus d'alarmes;
L'affreux gouffre inclément
Cessera d'être sourd, et bégaiera : qu'entends-je?
Les douleurs finiront dans toute l'ombre ; un ange
Criera: Commencement !

(Les Contemplations, nrf Poésie, Gall. Paris 2002, trang 407)

Mọi điều sẽ được nói (5). Điều xấu cáo chung, lệ buồn
Chấm dứt ; không còn xiềng xích, tù gông, tang ma, lo lắng
Hố thẳm khắt khe không còn câm nín (mà) bập bẹ 'tôi nghe gì ?
Đau khổ nhân sinh tan đi trong mọi vùng bóng tối
Thiên sứ từ cao reo tiếng gọi mời :
Khởi nguyên!

Chú Thích

1) Tout système de signes pouvant servir de moyen de communication – André Lalande : Vocabulaire technique et critique de la philosophie.

2) Le langage est la faculté qu'ont les hommes de s'entendre au moyen de signes vocaux – Xem André Vergez và Denise Huissaman: Petie dictionnaire de la Philosophie, les abc du Bac.

3) Le langage est la maison de l'Être. Dans son abri, habite l'homme. Les penseurs et les poètes sont ceux qui veillent sur cet abri. Leur veille est l'accomplissement de la révéabilité de l'Être ; en tant que par leur dire, ils portent au langage cette révéabilité et la conservent dans le langage – M. Heidegger: Lettre sur l'humanisme trong Questions III, Gall. Paris 1973, trang 74.

4) C'est la même chose que penser et être – Xem La pensée grecque của Léon Robin, édt. Albin Michel, Paris 1973, trang 110.

5) 'sẽ được nói' (sera dit) có nghĩa là 'sẽ được giải bày, sẽ được trở thành hiện thực'.

CÔ HÀNG CHÁO GÀ

Phạm Hữu Bính

Thị Xã Hải Dương mùa đông 1948.

Khi quân lực Pháp từ Hà Nội tiến xuống chiếm thị xã Hải Dương hai năm trước, dân cư trong thị xã đã theo lời hô hào của quân kháng chiến, bỏ thành phố chạy về những vùng quê lân cận. Quân lực Pháp tiếp tục lan tràn ra các quận, huyện và xóm làng hẻo lánh. Người di cư hết chỗ chạy và đành tìm đường trở về thành thị, khi đó nằm trong quyền kiểm soát của quân đội Pháp, để tiếp tục cuộc sống.

Quyền hành nằm cả trong tay người Pháp hay một số nhỏ người Việt được sự tin cậy của người Pháp. Đơn vị cảnh sát người Việt chỉ lo việc điều hành xe cộ hay giữ trật tự nơi chợ búa hoặc lúc có đám đông người đi đón rước những nhân vật quan trọng. Khi bị ức hiếp hay gặp chuyện bất công, người dân đành cắn răng chịu đựng, không biết đâu mà cầu cứu.

Mặt trời đã xế bóng, trên phố Phan Thanh Giản, gần tiệm thuốc tây Lê Bảo Lộc, một người đàn bà quảy trên vai một gánh hàng, vừa đi vừa lớn tiếng rao:

- Cháo gà. Cháo gà nóng hổi, thơm ngon đây.

Khó mà đoán được tuổi người đàn bà bán cháo gà này. Người đàn bà mặc quần đen cũ, áo cộc nâu bạc màu, bụng phồng lên như có bầu bốn, năm tháng, đầu đội khăn đen mỏ quạ che gần hết khuôn mặt, chân đi dép cao-su. Chỉ có tiếng rao hàng trong trẻo cho thấy người đàn bà chắc cũng chỉ khoảng hai mươi, hai mươi mốt.

- Cháo gà. Cháo gà nóng hổi, thơm ngon đây.

Một người đàn ông từ trong tiệm thuốc tây Lê Bảo Lộc bước ra, lớn tiếng gọi:

- Cháo gà! Cháo gà!

Nghe tiếng gọi, người bán cháo gà rảo bước tiến lại và đặt gánh hàng ngay trước cửa tiệm thuốc tây, kính cẩn nói:

- Thưa ông dùng mấy bát?

- Cho tôi hai bát lớn.

Người đàn bà đong cháo vào hai chiếc bát sành để lên một khay gỗ, bày bốn, năm miếng thịt gà to bằng đầu ngón tay lên mặt cháo, lại thêm vài ba miếng lòng, rưới một thìa đầy nước béo, rồi rắc một thìa hành tươi và lá chanh thái nhỏ lên trên. Người đàn bà bưng khay có hai bát cháo vào tiệm, nhẹ nhàng để lên quầy hàng, rồi lại kính cẩn nói:

- Ông bà cứ sơi thong thả. Cháu đi bán chung quanh đây rồi chút nữa sẽ trở lại lấy bát đũa.

Một lúc sau, khi người đàn bà trở lại, ông chủ tiệm thuốc tây vừa trả tiền, vừa khen:

- Cháo gà chị nấu ngon lắm, mắm muối vừa vặn, nước dùng đậm đà, thịt gà mềm và béo. Chị mua đâu được thịt gà ngon thế?

- Cám ơn ông bà. Thưa ông cháu mua ở chợ, nhưng cháu chọn thật kỹ. Con nào non và mập mạp cháu mới mua.

Người đàn bà ngập ngừng một vài giây, rồi hạ giọng nói tiếp:

- Cháu bị bệnh mất ngủ, chăn chọc cả đêm, không nhắm mắt được. Ban ngày phải đi bán hàng thì cứ ngủ gà, ngủ gật, cháu mệt quá. Ông có thuốc ngủ cho cháu mua ít viên để thỉnh thoảng cháu dùng cho đỡ mệt.

Ông chủ tiệm thuốc tây tỏ lòng thương hại:

- Đáng nhẽ dùng thuốc ngủ phải có toa bác sĩ. Nhưng thôi, chị chỉ cần ít viên thì tôi có thể cho chị. Nhưng chị phải dùng cho đúng cách. Mỗi buổi tối trước khi đi ngủ, uống một viên thôi. Đừng ham uống nhiều sẽ có hại cho sức khoẻ. Nhất là lúc này chị đang có bầu. Uống thuốc rồi là lên giường ngủ ngay,

đừng làm gì nữa, nhất là đừng có nấu nướng. Chỉ năm, mười phút là thuốc có hiệu lực, nếu chị nấu nướng là chị sẽ ngủ gục xuống bếp, nguy hiểm lắm.

Ông chủ tiệm mở tủ kính lấy một chai thuốc, mở nắp ra và đếm mười bốn viên gói vào giấy bạc đưa cho cô hàng cháo gà, căn dặn:

- Nhớ uống mỗi ngày một lần, một viên thôi. Phải để thuốc lên chỗ cao, trẻ con không với tới được.

Cô hàng cháo gà sung sướng, chắp hai tay vái ông chủ tiệm:

- Cháu cám ơn ông bà nhiều lắm.

Quẩy gánh hàng đi, cô hàng cháo gà mỉm cười một mình, đầy vẻ tự tin. Bây giờ cô sẽ đem cháo sang bán cho một gia đình khác ở cách đó năm dãy phố. Từ đây sang đó cô thui thủi đi, không cất tiếng rao hàng. Tim cô bỗng đập thình thình khi cô nhìn thấy căn nhà mái ngói đỏ, chung quanh có hàng rào sắt, đằng trước có vườn hoa hồng. Sát bên cổng là một chòi canh nhỏ chỉ đủ cho một người lính. Cố trấn tĩnh, cô hàng lên tiếng ngân nga rao hàng:

- Cháo gà đây. Cháo gà thơm ngon, nóng hổi đây.

Một người đàn bà mở cửa bước ra, dơ tay vẫy vẫy:

- Cháo gà! Cháo gà!.

Rồi người đàn bà bước xuống sân, ra mở cổng sắt, đứng chờ.

Cô hàng cháo gà bước vào, đặt gánh sát ngay thềm nhà.

- Thưa bà muốn mua mấy bát?

- Hai bát lớn và hai bát nhỏ như mọi khi.

Cô hàng đong cháo bưng vào và hai tay kính cẩn đặt từng bát xuống bàn. Bà chủ hỏi:

- Cô còn thịt gà và lòng gà cho tôi mua thêm một đĩa đi.

- Dạ còn. Hôm nay cháu mua được con gà non béo lắm.

Cô hàng lấy đĩa bầy những miếng đùi gà, cánh gà và gan, mề rồi rắc một thìa đầy hành và lá chanh thái nhỏ lên trên mang vào nhà. Bà chủ nhà vừa đưa trả tiền cho cô hàng vừa khen:

- Cháo gà cô nấu ngon hơn cả cháo gà trong mấy tiệm ăn lớn.

Cô hàng cúi đầu thưa:

- Cháu cám ơn bà chủ.

Một người đàn ông đứng tuổi, cao dong dỏng, nước da trắng bệch, râu tóc rậm rạp từ nhà trong bước ra. Người đàn ông đưa mắt nhìn tròng trọc vào cô hàng cháo gà. Cô hàng cúi đầu, quay bước luống cuống ra khỏi cửa, tim đập thình thình. Khi đi ngang qua chòi canh, thấy anh lính nhìn mình thì cô hàng tươi cười nói:

- Em còn một tô cháo, mời chú sơi.

Người lính lắc đầu:

- Làm lính nghèo lắm chị ơi! Đâu có tiền ăn cháo gà!

Cô hàng vẫn mỉm cười:

- Chồng em cũng là lính, em biết chứ. Em nói là em mời chú. Chú không phải trả tiền.

Anh lính chưa biết nói sao thì cô hàng đã đong một bát cháo đầy, bày thịt và lòng gà lên mặt cháo, rắc thêm hành và lá chanh, để một cái thìa vào, đưa tận tay cho anh lính:

- Chú ăn một bát cháo cho đỡ mệt.

Anh lính đỡ lấy, ấp úng mấy lời cám ơn.

Chừng nửa giờ sau, cô hàng trở lại thì đã thấy khay bát đũa để sẵn bên ngoài cổng. Cô bỏ vào gánh, quẩy đi.

Trên đường về, bao giờ cô hàng cũng đi ngang qua một căn nhà trên đường Gia Long đã cháy từ lâu, chỉ còn lại bốn bức tường trơ trụi. Mỗi lần trông thấy căn nhà cháy, cô hàng lại có một tâm trạng khác nhau. Hôm nay, cô hàng cảm thấy hăng hái, tự tin, nên tự nhiên cô muốn ôn lại những ngày tháng hạnh phúc khi cô còn sống với cha mẹ và hai em trai trong căn nhà này. Phải, gần một năm về trước, căn nhà này chính là nhà của gia đình cô.

Ngày ấy khi hồi cư trở lại tỉnh lỵ Hải Dương, ông bà Lâm Quang Khiêm, bố mẹ cô, mở một cửa hàng tạp hoá. Ông Khiêm nhận thấy hai món hàng bán chạy nhất là trà tàu và thuốc lào. Hầu hết đàn ông và nhiều đàn bà nữa đều hút thuốc lào hay thuốc lá. Phần đông không có tiền mua cả bánh thuốc lào, nặng chừng một kí-lô; mà chỉ có thể mua những gói nhỏ chừng mười hay hai mươi gờ-ram.

Trà tàu, tức là trà lá phơi khô, thì càng thông dụng nữa. Sáng dậy là người ta phải có ấm trà. Người ta pha trà để tiếp khách, để cúng tổ tiên. Người ta uống trà sau bữa ăn như một món tráng miệng. Người ta dùng trà tàu như một món quà quí để biếu nhau ngày Tết, ngày lễ, nhất là trong lễ cưới, lễ hỏi.

Ông Khiêm quyết định muốn có lời nhiều thì phải *buôn tận gốc, bán tận ngọn.* Ông lên Bắc Ninh là nơi người ta trồng trà nhiều. Ông mua buôn trà tàu đóng trong những bao tải lớn 30 kí-lô hay 50 kí-lô. Ông sang Thanh Hoá mua những thùng cả trăm bánh thuốc lào. Cả gia đình ông súm lại gói trà và thuốc lào thành những gói nhỏ 20, 30, 50, hay 100 gờ-ram để bán xỉ và bán lẻ. Để được khách, ông bán với giá rẻ hơn những nhà buôn khác. Thế là cửa hàng của ông đông nghẹt những khách. Tiền vào như nước. Ông phải mượn thêm sáu người giúp việc để vợ ông có toàn thời gian chăm sóc cho gia đình và các con ông chỉ lo học hành thôi.

Bà Khiêm thích nấu ăn. Lúc này có dư dật tiền nong, bà thường nấu những món ăn ngon cho chồng con. Biết chồng thích cháo gà, bà Khiêm nghĩ ra mọi cách để cho hương vị cháo gà bà nấu càng ngày càng thơm ngon đậm đà hơn. Bà mua ba, bốn con gà, hầm nhỏ lửa năm, sáu tiếng đồng hồ để lấy nước dùng nấu cháo. Bà mua hai con gà mái non, mập mạp, luộc vừa chín tới, rồi gỡ xương, thái ra những miếng nhỏ bày đầy lên mặt bát cháo. Thêm một thìa nhỏ hành lá và lá chanh tươi, rồi một chút hạt tiêu xay nhỏ, bát cháo gà bà nấu là cả một công trình tuyệt vời làm sảng khoái khẩu vị của người ăn.

Là con gái lớn nhất trong gia đình, Hiền theo sát mẹ để học hỏi cách nấu ăn, khâu vá, thêu thùa, trang hoàng nhà cửa. Hiền hoàn toàn đồng ý với cha mẹ là con gái chỉ cần học hết trung học là đủ rồi. Hiền chỉ muốn noi gương mẹ, làm một người vợ hiền, chăm lo cho gia đình để người chồng có thể yên tâm ra ngoài làm ăn, buôn bán.

Có lúc Hiền mơ mộng đến yêu đương; nhưng Hiền lại tự kiềm chế khi những lời khuyên dạy của mẹ lại vang lên bên tai: "Con gái xinh đẹp, nết na, tài giỏi việc nội trợ, thì thiếu gì những chàng trai tài ba, con nhà lành lại chẳng thi nhau tìm đến cầu hôn."

Hiền hoàn toàn tin tưởng rằng một ngày đẹp trời nào đó sẽ có người mối lái đưa đến một chàng trai bảnh bao, tương xứng mọi mặt để hỏi Hiền làm vợ.

Còn đang mơ màng, say đắm trong một thời quá khứ vàng son thì cô hàng cháo gà đã về đến nhà, một căn nhà lụp sụp, lợp tôn cũ nát, nền đất, gồm ba phòng xít xoát bằng nhau. Hai phòng hai đầu kê mỗi phòng một cái giường tre. Ở giữa là một phòng có bàn thờ và chứa những thứ lặt vặt. Đằng sau nhà là cái bếp xiêu vẹo, cũng lợp tôn, có hai lò than đá. Chung quanh nhà là vườn rau với năm sáu cụm chuối.

Có tiếng bà Duyên, một người đàn bà đứng tuổi từ trong phòng hỏi vọng ra:

- Hiền đã về đấy à? Hôm nay đắt hàng không?

Hiền bước vào phòng giữa, đặt gánh hàng xuống, nhanh nhẹn trả lời:

- Cũng như mọi khi. Cô đã ăn cơm chưa? À mà cháu còn một bát cháo. Cháu biếu cô sơi cho đỡ mệt.

Bà Duyên nói một câu ẫm ờ:

- Buôn bán lời lãi có là bao nhiêu mà nay biếu, mai biếu. Cháu mới cho cô một bát cách đây vài hôm mà.

Hiền đong một bát cháo rồi lấy một viên thuốc ngủ trong gói giấy bạc ra, nghiền nhỏ, rắc lên trên và đem vào cho bà Duyên lúc đó đang nghe cải lương trên radio. Hiền dục:

- Cháo còn nóng, cô ăn ngay đi. Để nguội không ngon.

Bà Duyên súc cháo đưa lên miệng. Hiền đi ra cửa, vạch tay áo lên nhìn đồng hồ rồi lại quay nhìn bà Duyên. Hiền đứng chờ một lúc rồi lớn tiếng hỏi:

- Cô thấy cháo ngon không?

Bà Duyên không trả lời, mắt lim rim, đầu gật gù rồi gục ngay xuống giường. Hiền chạy lại, lấy bát cháo mang ra ngoài rồi đặt bà Duyên nằm ngay ngắn lại trên giường. Hiền nhìn đồng hồ một lần nữa: Tất cả chỉ có bảy phút.

Hiền trở về phòng mình, tháo bỏ những khăn vải độn ở bụng để giả làm cái bầu ra. Hiền cảm thấy thoải mái dễ chịu hơn. Cái kế này thật hiệu quả. Từ ngày Hiền độn vải vào bụng giả làm người có bầu không một chàng trai nào buông lời cợt ghẹo Hiền.

Hiền mân mê chiếc đồng hồ trên cổ tay. Chiếc đồng hồ này là quà của ông Khiêm cho cô con gái đầu lòng khi Hiền đậu bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp. Chiếc đồng hồ khơi lại trong tâm tư Hiền những kỷ niệm thân thương của người bố đã qua đời. Lúc đó ông Khiêm đang rủng rỉnh tiền bạc, con cái muốn gì là ông mua cho liền, nhất là đối với Hiền. Ông tin tưởng ở Hiền hơn bất cứ ai. Hiền bây giờ là người có học nhất trong gia đình. Vợ chồng ông chỉ học hết tiểu học là phải lo làm lụng. Ông cũng nghĩ rằng cô con gái đầu lòng của ông rất can đảm và khôn ngoan.

Một hôm, nhân lúc bà Khiêm đi chợ và hai đứa con trai đi học, ông Khiêm gọi Hiền đến, chỉ vào một cái tủ sắt kê trong góc phòng ngủ của ông bà, nói nhỏ:

- Bố để một ít tiền và vàng trong tủ sắt này. Nếu có cướp xông vào nhà thì để cho nó lấy. Kiếm được tiền của rồi thì nó sẽ đi. Bố còn nhiều tiền và vàng hơn, để ở một phòng bí mật đàng sau bếp. Bố chỉ cho một mình con biết thôi.

Rồi ông Khiêm dạy cho Hiền cách mở và đóng cái cửa bí mật. Ông nói thêm:

- Phòng này cũng là chỗ để con trốn vào khi có biến. Đừng bao giờ để cho một người đàn ông lạ nhìn thấy con. Nguy hiểm lắm. Con có thể quan sát mọi chuyện ở phòng ngoài qua một lỗ nhỏ trên tường.

Nghĩ đến đây, Hiền thấy hai mắt như muốn díp lại. Sau một ngày làm lụng vất vả, Hiền đã thấm mệt. Hiền ngả đầu nằm lăn xuống giường, ngủ thiếp đi lúc nào không hay.

Ngày hôm sau Hiền gánh cháo sang phía bên kia tỉnh lị, nơi có Nhà Thuốc Tây Trần Anh Dũng. Tiếng rao "Cháo gà! Cháo gà nóng hổi, thơm ngon!" ngân nga vang lên. Từ trong nhà thuốc tây Trần Anh Dũng, một người đàn bà trẻ, ăn mặc sang trọng bước ra, vẫy Hiền lại.

- Cho tôi hai bát cháo lớn đi.

Hiền đong cháo mang vào. Khi bà chủ trả tiền, Hiền năn nỉ :

- Cháu bị mất ngủ vì lo nghĩ việc gia đình. Bà chủ có thuốc ngủ cho cháu mua ít viên.

Bà chủ thương hại nói:

- Dùng thuốc ngủ đáng lẽ phải có toa bác sĩ. Nhưng thấy chị vất vả quá, thì giờ đâu mà đi bác sĩ. Thôi để tôi cho chị ít viên. Nhớ phải theo đúng lời dặn cách dùng. Để tôi viết rõ ra cho. Chị biết đọc không?

- Dạ cháu biết. Cháu cám ơn bà chủ lắm.

Bà chủ lấy thuốc đưa cho Hiền, căn dặn:

- Tôi cho chị hai mươi mốt viên, đủ uống ba tuần. Mỗi đêm, trước khi lên giường đi ngủ, uống một viên thôi. Uống với nước lã. Nuốt

chửng cả viên, đừng nhai. Hiền cúi đầu cám ơn bà chủ nhà thuốc, rồi quẩy gánh ra về.

Ngày hôm sau, Hiền không đi bán hàng. Còn ba ngày nữa là đến giỗ đầu bố mẹ và hai em, Hiền muốn có thì giờ để sửa soạn mọi việc cho hoàn toàn chu đáo.

Hiền ra tiệm đồ gỗ mua một chiếc bàn thờ sơn son, thiếp vàng. Hiền ra tiệm đồ đồng mua một bát hương và hai cây đèn cầy bằng đồng sáng loáng. Hiền cũng mua hai chiếc đĩa xứ thật lớn. Một chiếc để bầy hoa quả; một chiếc để trống không như còn chờ đợi một món đồ lễ đặc biệt.

Ngồi trước bàn thờ, Hiền nhắm mắt để hồn ngược giòng thời gian bay về một thời quá khứ gần một năm trước. Hôm ấy gia đình Hiền vừa ăn cơm tối xong, Hiền đứng lên thu dọn chén đĩa đem ra bếp rửa. Có tiếng chuông gọi cửa. Ông Khiêm vẫy tay ra hiệu cho cả nhà đi vào phòng trong, rồi ông ra mở cửa. Hiền trốn vào cái phòng bí mật, đóng cửa lại, nhìn qua lỗ nhỏ để quan sát.

Một người đàn ông cao dong dỏng, nước da xanh nhợt, râu tóc rậm rạp, mặc quân phục bước vào. Người đàn ông tự giới thiệu:

- Tôi là Trung Uý Tạ Xuân Vinh, Trưởng Phòng Nhì, tiếng Pháp gọi là Deuxième Bureau. Tôi phụ trách an ninh cho cả tỉnh này. Tôi có lời mừng chú làm ăn khá giả. Tôi sẽ bảo đảm an ninh cho chú. Đứa nào phiền nhiễu chú, chú cho tôi biết, tôi sẽ trừng phạt nó đích đáng.

Ông Khiêm run rẩy nói:

- Mời Trung Uý ngồi chơi. Thế này thì thật là hân hạnh cho em được đón tiếp Trung Uý.

Rồi ông Khiêm mở một bao thuốc lá ba con năm (555) hai tay trịnh trọng đưa ra mời. Người đàn ông cầm lấy một điếu. bật quẹt châm lửa, hút phì phèo. Sau mấy phút yên lặng, Tạ Xuân Vinh nói:

- Hôm nay đánh bạc đen quá, hết nhẵn cả túi. Chú có tiền cho anh mượn vài ngàn. Nếu anh gỡ được anh sẽ mang trả lại ngay.

Ông Khiêm tái mặt đi. Vài ngàn thì tức là tiền thu nhập của ông cả tháng trời. Ông ấp úng nói:

- Dạ, dạ. Khi nào Trung Uý trả cũng được.

Rồi ông đi vào tủ sắt trong phòng ngủ lấy tiền mang ra, kính cẩn đưa cho Tạ Xuân Vinh. Hắn đứng lên, bước ra gần cửa thì vờ vĩnh đánh rơi khẩu súng lục. Hắn cúi xuống nhặt súng lên, quay súng trên ngón tay chỏ rồi cười hì hì, nói:

- Đi đâu cũng phải mang cái của nợ này đi.

Hắn ra khỏi nhà rồi mà ông Khiêm còn run rẩy cả chân tay. Bà Khiêm và các con đều nín thinh, không ai dám hỏi han gì. Khi đã chấn tĩnh lại được, ông Khiêm nói với vợ và con gái:

- Hắn là Trưởng Phòng An Ninh mà người Pháp gọi là Deuxième Bureau. Hắn có nhiệm vụ săn bắt những người hoạt động cho kháng chiến. Hắn muốn bắt ai thì bắt. Những lúc chơi bài bạc với bạn bè hắn thường nói chuyện hắn tra tấn người ta dã man như thế nào. Đàn bà thì hắn hãm hiếp, lột hết quần áo, quấn dây đồng vào vú rồi cho chạy điện. Đàn ông thì hắn treo ngược lên rồi đổ nước mắm vào mũi. Hắn dùng kìm, lôi từng cái móng tay, móng chân ra. Hắn giết người như ngoé mà chẳng một ai dám há miệng kêu ca. Có ai thưa trình với người Pháp thì họ cũng lờ đi. Bây giờ hắn đến ức hiếp mình để lấy tiền thì mình biết làm sao?

Một bầu không khí lo âu, sợ hãi trùm lên gia đình Hiền. Bố Hiền mất ăn, mất ngủ, gầy xụm đi. Mẹ Hiền luôn miệng thở dài não nuột.

(Còn một kỳ nữa)

Phạm Hữu Bính

Giới Thiệu Nhân Tài
Nhạc Sĩ Dương Cầm Nguyễn Thúy Quỳnh

Nguyễn Quốc Khải
20-2-2013

Hình (NQK): Nhạc Sĩ dương cầm cổ điển

Nguyễn Thúy Quỳnh trình diễn tại thính đường McEvoy, Smithsonian American Art Museum, Washington-DC ngày 13-1-2013.

Người Việt chúng ta có một thói quen đáng yêu là khi thấy có người Việt nào tài giỏi thành công, chúng ta đều mừng rỡ và hãnh diện lây. Cách đây vài tuần lễ, tôi cũng được chứng kiến một trường hợp như vậy khi tham dự một buổi độc tấu dương cầm của nhạc sĩ tài ba Nguyễn Thúy Quỳnh do Smithsonian Institute tổ chức tại American Art Museum ở Washington DC. Số người tham dự trong đó có nhiều người Việt chiếm gần hết thính đường khoảng 500 chỗ.

Khi xuất hiện trên sân khấu trong chiếc áo mầu đỏ rực rỡ, Nhạc Sĩ Thúy Quỳnh trông thật diễm lệ và tự tin. Cô được thính giả đón tiếp nồng nhiệt với những tràng pháo tay rất lâu. Trong gần hai giờ, ngoại trừ khoảng 15 phút giải lao, Nhạc Sĩ Thúy Quỳnh đã làm say mê thính giả qua những bản nhạc cổ điển của những nhạc sĩ Chopin, Beethoven, Raven và Messiaen. Cô thuộc lòng các bản nhạc nên không cần nhìn vào sách khi đánh dương cầm. Mọi người chú ý nghe. Không khí thật yên lặng đến nỗi tôi chỉ có thể chụp vội được vài ba tấm hình vì một tiếng click của máy ảnh dường như những người ngồi vài ba hàng ghế quanh đó đều nghe thấy.

Nguyễn Thúy Quỳnh là một trong ba nhạc sĩ dương cầm cổ điển nổi tiếng của Việt Nam. Ngoài cô ra, hai nhạc sĩ kia là Đặng Thái Sơn (sinh năm 1958 tại Hà Nội, quốc tịch Canada, hiện sống tại Montreal) và Văn Hủng Cường (sinh năm 1972 tại Qui Nhơn, hiện sống tại Virginia, Hoa Kỳ). Cô Thúy Quỳnh, sinh vào năm 1976 tại Hà Nội, là nhạc sĩ trẻ nhất trong ba người, có quốc tịch Hoa Kỳ và hiện cư ngụ tại thành phố New York. Cô đã đi trình diễn ở nhiều nơi trên thế giới như Đức, Pháp, Áo, Hung Gia Lợi, Thụy Sĩ, Nga, Việt Nam, và nhiều nhất là tại các thành phố lớn của Hoa Kỳ

như New York, Los Angeles, Washington DC, Cambridge, và San Francisco. Nhạc Sĩ Thúy Quỳnh thường trình diễn nhiều nhất dưới dạng độc tấu dương cầm cho một cử tọa giới hạn (solo recital). Tuy nhiên cô cũng có nhiều cơ hội trình diễn cho một số thính giả đông hơn với một số ban nhạc (concerto with orchestra) quốc tế nổi tiếng như Humboldt University Orchestra (Đức), Regional Wind Orchestra of Paris (Pháp), San Francisco Concerto Orchestra (Hoa Kỳ), Brentwood-Westwood Symphony Orchestra (Hoa Kỳ), và Bellflower Symphony Orchestra (Hoa Kỳ). Ngoài ra Nhạc Sĩ Thúy Quỳnh còn trình diễn nhạc thính phòng (chamber music) và xuất hiện trên một số đài truyền hình và phát thanh.

Nguyễn Thúy Quỳnh bắt đầu học dương cầm lúc 4 tuổi, được nhận vào Nhạc Viện Hà Nội khi lên 6 tuổi, trình diễn trên sân khấu đầu tiên vào lúc 8 tuổi, và tham dự buổi hòa nhạc đầu tiên (orchestral premier) vào lúc 11 tuổi. Cùng vào năm này, Thúy Quỳnh được mời trình diễn tại Moscow. Khi lên 13 tuổi, Thúy Quỳnh nhận được học bổng học về dương cầm tại Nhạc Viện Gnessin tại Moscow. Hai năm sau, Thúy Quỳnh theo gia đình sang định cư tại Hoa Kỳ.

Khi còn là một học sinh của Venice High School tại Los Angeles, Cô Thúy Quỳnh đã nhận được học bổng về thành tích học vấn xuất sắc President Academic Fitness Scholarship của Tổng Thống Hoa Kỳ Bill Clinton (1993). Nhưng yêu thích âm nhạc từ nhỏ nên cô đã tiếp tục lãnh vực này khi bước vào đại học.

Nhạc Sĩ Thúy Quỳnh bỏ ra rất nhiều thời gian để theo học âm nhạc. Trong thời gian này Thúy Quỳnh được học hỏi rất nhiều từ những giáo sư âm nhạc nổi tiếng như Jerome Rose, Bella Davidovich, Jacob Lateiner, Andras Schiff, và Garrick Ohlsson. Cô tốt nghiệp cử nhân âm nhạc tại Julliard School, New York vào năm 1997. Hai năm sau, cô tốt nghiệp bằng thạc sĩ âm nhạc tại Mannes College of Music, New York. Thúy Quỳnh đã nhận được tám học bổng quốc tế về âm nhạc, kể cả Julliard School Scholarship Awads (1993-1997) và sau khi nghiên cứu âm nhạc với Nhạc Sĩ Dương Cầm nổi tiếng của Pháp Yvonne Loriod Messiaen trong hai năm 2004-2005 với Fullbright Fellowship, Nhạc Sĩ Thúy Quỳnh trở về Hoa Kỳ học tiếp về âm nhạc tại City University of New York và tốt nghiệp với bằng tiến sĩ âm nhạc vào năm 2009.

Vào năm 2004, Nhạc Sĩ Thúy Quỳnh được tạp chí âm nhạc Musical America chọn là một trong 19 ngôi sao dương cầm trẻ tuổi có nhiều tương lai (stars of tomorrow).

Bà Yvonne Lorriod-Messiaen, Giáo Sư Danh Dự của Viện Âm Nhạc Paris đã phê bình Thúy Quỳnh như sau: "Tôi đã rất thú vị nghe cô đánh đàn và tôi tìm thấy cô là một nhạc sĩ dương cầm tài năng! Tiếng đàn trong sáng, truyền cảm, xuất sắc, kỹ thuật hoàn hảo, tôi chúc mừng cô!"

Ông Alvin Mills, nhạc trưởng và giám đốc âm nhạc của ban nhạc Brentwood-Westwood Symphony Orchestra, nhận xét như sau: "… Cô là một nhạc sĩ dương cầm xuất sắc … chúng tôi hãnh diện về những thành tích lớn lao của cô …"

Ngoài ra Nhạc Sĩ Thúy Quỳnh còn đoạt được nhiều giải thưởng trong những cuộc tranh tài như:

* Người thắng cuộc thi, Artists International Presentation Competition.

* Người thắng cuộc thi, Artists International's Outstanding Alumni Series Award.
* Người trúng giải thưởng, International Keyboard Institute and Festival 2003 Competition.
* Người thắng cuộc thi, Fontainebleau (France) Festival Chamber Music Award.
* Người thắng cuộc thi, Artists of Tomorrow Competition, Brentwood-Westwood Symphony Orchestra.
* Giải ba, Bellflower Orchestra Competition.
* Giải nhất, Chopin Competition Southwestern Youth Music Festival.
* Giải nhất, Music Teacher's Association of California Statewide Competition.
* Giải nhất, Southwestern Youth Music Festival, chamber music category.
* Giải nhất, Music Etude Club Competition, Los Angeles.
* Giải ba, International Piano Concerto Competition San Francisco.
*Giải ba, Young Pianist Beethoven Competition.

Trả lời cuộc phỏng vấn của Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ, TS Nguyễn Thúy Quỳnh nhận xét rằng âm nhạc xóa bỏ những ngăn cách về ngôn ngữ và văn hóa:

"*Trong buổi hòa nhạc vào mùa đông năm 2009 tại Berlin Konzerthause với dàn nhạc của trường đại học Berlin University, tôi đã trình diễn trước gần một ngàn khán thính giả, những người đã không quản thời tiết băng giá của mùa đông lạnh nhất trong vòng 60 năm qua để tới dự buổi hòa nhạc của tôi. Tôi và khán giả không cùng chung một ngôn ngữ, nhưng tôi có cảm giác thật tuyệt vời là tôi có thể dùng âm nhạc để nói chuyện với họ. Tôi không có đủ ngôn từ để diễn tả lại cái không khí sống động và phấn khích ấy, nơi mà sự thấu hiểu, niềm đam mê và tất cả mọi tình cảm đã dâng trào và thăng hoa trong phòng hòa nhạc sau phần biểu diễn bản Concerto số 1 của Chopin. Đó là cuộc trò chuyện bằng âm thanh, bằng cảm xúc và âm nhạc, không có bất kỳ một rào cản nào về ngôn ngữ hay chủng tộc, không có chướng ngại vật hay bình phong nào giữa tôi và thính giả."*

TS Nguyễn Thúy Quỳnh nói tiếp:

"Dòng âm nhạc cổ điển rất đa dạng và phong phú, và nó bao trùm toàn bộ các khía cạnh trong kinh nghiệm của loài người. Trách nhiệm vô cùng quan trọng của người nghệ sĩ là cảm thụ được thông điệp của bản nhạc, đắm mình vào âm nhạc và hiểu âm nhạc một cách sâu sắc để có thể truyền tải ý nghĩa của tác phẩm đó tới thính giả. Âm nhạc là một ngôn ngữ quốc tế có thể vượt xa các rào cản về ngôn ngữ và văn hóa. Khi được sáng tác với cảm hứng nghệ thuật cao, âm nhạc còn có thể được biểu lộ một cách sâu sắc hơn cả lời nói."

Theo TS Thúy Quỳnh, âm nhạc cần phải phản ảnh đời sống:

"Âm nhạc không được tạo nên một cách xa rời thực tế mà nó là sự phản ánh và đúc kết kinh nghiệm của con người, được diễn tả bằng phương tiện âm thanh. Việc sáng tác âm nhạc có ảnh hưởng của những sự kiện lịch sử, của những gì đang diễn ra trên thế giới cũng như những gì đang diễn ra trong chính cuộc đời của nhà soạn nhạc. Nó phản ánh tính cách và niềm tin của người nghệ sĩ, và lột tả cảm xúc, suy nghĩ, đam mê, khát khao và tâm trạng của người nghệ sĩ đó. Ví dụ như khi nghe tin về sự thất bại của cuộc cách mạng Ba Lan, Chopin đã tuyệt vọng và trút hết cảm xúc của mình vào các tác phẩm của ông ở thời điểm đó. Một trong những tác phẩm đó là tác phẩm

hùng tráng và mãnh liệt có tên "Luyện khúc Cách mạng – Revolutionary Etude."

TS Nguyễn Thúy Quỳnh hiện nay là giáo sư dậy âm nhạc tại Manes College và Hunter College tại New York. Ngoài ra cô còn nhận dậy dương cầm tại xưởng nhạc tư nhân cho các học viên ở mọi trình độ và huấn luyện cho các thí sinh chuẩn bị cho các cuộc tranh tài, thi vào trường, tham dự hòa tấu và trình diễn.

TS Nguyễn Thúy Quỳnh đã cho xuất bản một số đĩa nhạc sau đây:

DVD: Quynh Nguyen, Mozart – Chopin – Ravel – Live in concert at Elebash Hall.

DVD: Quynh Nguyen – Clementi – Schumann – Corigliano – Ravel – Chopin – Live in recital at Merkin Hall.

DVD: Quynh Nguyen – Chopin – Brahms – Live in concert at Berlin Konzerthaus.

CD: Quynh Nguyen – Schubert – Chopin.

CD: Quynh Nguyen – Bach – Beethoven – Chopin – Ravel.

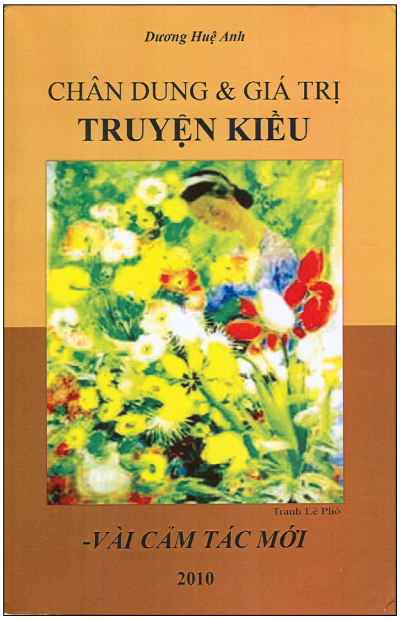

"Chân Dung & Giá Trị Truyện Kiều, cảm tác của Thi sĩ Dương Huệ Anh.
Liên lạc: Dương Huệ Anh
3008 Via Montez,
San Jose, CA 95132, USA.

"Giọt Đời", thi phẩm của Thi sĩ Xuân Bích.
Liên lạc: Xuân Bích
P.O. BOX 30947, MWL, OK 73140.
Tel (405) 326-8995.
<xuanbich_le@yahoo.com>

Đa tạ quý Thi sĩ đã gửi tặng sách và xin giới thiệu cùng độc giả.

SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA
ĐƯỜNG TỰ DO NĂM XƯA

Đường Tự Do là một trong những con đường cổ xưa nhất Sài Gòn, dưới thời Gia Long đường này liên lạc từ bờ Sông Tân Bình tới Thành Bát Quái qua Cửa Càn Nguyên (Khoảng Ngã tư Tự Do - Gia Long ngày nay). Đây cũng là một trong những đường phố được Pháp sửa sang trước nhất sau khi đánh chiếm Sài Gòn, mang tên "Số 16", đến 1865 đổi thành "Catinat", lấy tên của chiến hạm tham gia bắn phá Đà Nẵng vào năm 1856. Con đường này thẳng tắp, lúc mới hoàn thành hai bên còn nhiều đất trống, từ bờ sông đi lên mãi, qua đoạn dốc thì đến bãi đất rộng của Công trường Đồng Hồ, nhìn sang bên phải thấy trong số các tòa nhà gỗ có Dinh Thống Đốc, một kiến trúc cao hai tầng, tuy to rộng hơn cả nhưng mang vẻ tầm thường như các ngôi nhà chung quanh. Thời ấy dọc Đường Catinat chỉ có 3 ngã tư, tương ứng với đường phố hiện nay là Lê Thánh Tôn, Lê Lợi và Nguyễn Văn Thinh. Khoảng 1865, Kinh đào Gallimard (Đại lộ Lê Lợi) nối liền Kinh Chợ Vải (Đại lộ Nguyễn Huệ) với Kinh Cây Cám (Khu Trại Pháo binh), cắt ngang Đường Catinat, bởi thế thời ấy chỗ Ngã tư Nguyễn Huệ - Tự Do có chiếc cầu bắc qua cho người dân đi lại hai bên bờ kinh. Lúc mới vạch đường sá xây dựng các khu phố, Đường Catinat nối dài đến Tân Định, gần Ngã ba Duy Tân - Hiền Vương. Sau khi xây Nhà thờ Đức Bà, tên "Catinat" dùng đặt cho đoạn từ Đường Taberd (Nguyễn Du) xuống đến bờ sông. Từ năm 1955, đường được đổi tên là Tự Do.

Căn cứ theo địa thế, vào thời đó người Pháp phân biệt: "Vùng đất thấp" là đoạn đường từ bờ sông đến Đại lộ Bonard (Lê Lợi), đoạn này khá bằng phẳng, mức chênh lệch trên mặt đất không quá 1 mét. "Vùng đất cao", đoạn bắt đầu từ Đại lộ Bonard, đường lên dốc cao 6 mét tính từ Khách sạn Continental đến Công trường Nhà Thờ Đức Bà. Các công sở và các kiến trúc bề thế chiếm hết vùng đất cao, còn vùng đất thấp thường chỉ thấy những nhà buôn nhỏ và những cửa hàng nhỏ của người Pháp lẫn người Châu Á.

Cũng như nhiều đường gần Quân cảng và Thương cảng, Đường Catinat là nơi tập trung các ngành hoạt động thương mại quan trọng nhất, nhưng nó dần dần nổi bật hơn các đường khác, trở thành đường chính, nhiều kiến trúc theo kiểu Âu Tây, các ngôi nhà trệt, nhà lầu bằng gạch vững chắc mọc lên cạnh những hoa viên. Mặt đường rộng 12 mét, mỗi bên một lề rộng 4 mét, rợp bóng mát hàng cây me, cây xoài xanh thắm. Đây đó bên đường đặt máy nước và nước được dẫn vào cung cấp cho nhà ven đường, một yếu tố quan trọng làm tăng sự tiện nghi cho Đường Catinat trong khi nhiều khu phố còn thiếu nước. Là một đường phố thương mại, dọc đường tấp nập đủ loại xe cộ, những người cưỡi ngựa hay đi bộ, dập dìu từ sáng đến tối, nơi người ta đi mua sắm

hoặc lang thang mỗi khi nhàn rỗi. Lính tráng, thủy thủ, du khách, công tư chức chen vai bên cạnh người lao động. Đường Catinat là đường đẹp nhất thành phố, vẻ lộng lẫy xa hoa của các cửa hàng, các quán cà phê gợi nhớ đến các thành phố lớn tại Pháp, nên có người dám so sánh nó với Đại lộ Canebière tại Marseille.

Đường Catinat cuối thế kỷ XIX đến đầu Thế kỷ XX.

Vào khoảng 1900 Đường Catinat rất náo nhiệt, cống hiến cho khách qua đường muôn vẻ đẹp của quán cà phê thanh lịch, khách sạn tráng lệ, tiệm ăn hấp dẫn, tiệm tạp hóa, tiệm sách, và còn đủ loại cửa hàng khác, cảnh sinh hoạt nhộn nhịp của các thương gia, thợ thuyền đủ ngành. Đường Catinat thực sự đẹp bởi tính hỗn hợp giữa Đông và Tây, sôi động, ồn ào nhưng sang trọng, nơi lui tới của người tứ chiếng, chốn hội tụ nhiều luồng văn minh.

Đường Catinat nhìn từ bờ sông (Khoảng 1900)

Từ đầu đường nơi bờ sông ta đi dần lên, thử tìm lại hình ảnh sinh hoạt của Đường Catinat vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Như ta đã biết, Đường Catinat bắt đầu từ bờ sông lên đến Đại lộ Bonard thuộc phần đất thấp, tổng số nhà buôn của người Việt, Hoa và Ấn nhiều hơn số nhà buôn của người Pháp. Trên đoạn đường này các cửa tiệm thường nhỏ, san sát, không có vẻ hào nhoáng vì ít trang trí bên ngoài. Nhiều nhất là tiệm may, tiệm giày, tiệm giặt ủi, tiệm tạp hóa bán lẻ, tiệm đổi tiền, tiệm đồng hồ và nữ trang, tiệm đan tre và mây, tiệm bán đồ trang trí lặt vặt.

Người Hoa phần nhiều chỉ hoạt động kinh doanh nhỏ trên Đường Catinat, họ chịu trả tiền thuê nhà rất đắt. Trong khi các cửa hàng của người Pháp thường đóng cửa lúc 6 giờ chiều, người Hoa kiên nhẫn làm việc đến nửa đêm nếu thấy cần và cũng chính họ mở cửa tiệm sớm nhất vào buổi sáng hôm sau. Họ tính tiền công với giá rẻ hoặc chỉ nhận tiền lời thấp nên nhiều người thích đến cửa hàng của người Hoa hơn cửa hàng của người Pháp. Đặc biệt trong ngành bán tạp hóa hay thực phẩm họ là đối thủ cạnh tranh đáng lo ngại cho các đồng nghiệp người Pháp. Mỗi chuyến tàu thủy vừa cặp bến là đã có mặt những người Hoa thợ may, thợ giày, thợ giặt ủi đến chào đón mời mọc du khách mới đặt chân lên đất Sài Gòn.

Dọc hai bên đường ta thấy khoảng mươi tiệm may và tiệm giày nối tiếp nhau trong dãy nhà cũ kỹ. Bình thường thợ may và thợ giày làm việc chung trong cùng một tiệm, các xưởng may mở thông ra sát lề đường. Ngay trước cửa vào của một tiệm may, người chủ ngồi làm việc, mặc y phục xám, đầu tóc cạo sạch phía trước, chừa lại đuôi sam phía sau. Ông ta vừa hút ống điếu dài vừa chăm chú sử dụng bàn toán. Trong gian hàng ngột ngạt sau lưng ông ta, những người thợ mình trần, ngồi trước chiếc bàn thấp, khom lưng cặm cụi may trên mớ vải vóc hay trên tấm da thuộc. Họ sử dụng cây kim, mũi dùi, có người dùng máy may. Họ chỉ ngừng việc khi trời tối hẳn. Chỉ trong vòng 24 giờ

dù với tiền công thật rẻ, họ thay áo quần mới, đôi giày mới cho người vừa đặt chân đến Sài Gòn. Họ chỉ là thợ thủ công chuyên làm theo mẫu áo quần, mẫu giày mà bạn mang đến, họ không phải là thợ đưa ra sáng kiến đề nghị kiểu y phục hoặc kiểu giày đúng thời trang mà bạn mong muốn.

Người Âu thích mặc y phục màu trắng tại các xứ nóng, nên nghề giặt ủi cũng thịnh hành tại Sài Gòn vào những năm 1900. Về sau các cửa tiệm này biến mất trên Đường Catinat nhưng vẫn tồn tại trên các khu phố lân cận. Khách có thể thuê bao từng tháng, người thợ giặt ủi không kể số lượng nhiều ít, họ chăm lo cho khách những bộ quần áo giặt sạch, hồ bột và ủi phẳng phiu. Cho nên có người chỉ mặc qua một lần rồi đưa cho người thợ Tàu giặt lại vì không phải trả thêm tiền. Khi ủi quần áo, người thợ ngậm trong miệng đầy nước pha tinh bột, họ chúm môi phun bụi nước lên trên áo quần đang ủi. Vải thấm ướt đến đâu thì người thợ đẩy chiếc bàn ủi đến đó. Bàn ủi thường chỉ là cái soong có cán bọc gỗ, chứa đầy than cháy đỏ.

Xa hơn một chút ta đến trước các cửa hàng mỹ nghệ, nơi trưng bày những hộp sơn mài, bộ tách trà, vật bằng tre chạm trổ, bức tượng bằng sứ… là hàng hóa nhập cảng từ Nhật Bản, Trung Hoa, Ấn Độ... Kế đến là các tiệm bán thực phẩm và các tiệm tạp hóa. Nhiều tiệm thực phẩm khá sang trọng, bán buôn thịnh vượng, mặt hàng phong phú, phần đông không chỉ bán thức ăn khô, gia vị hoặc thực phẩm đóng hộp mà còn bán nhiều vật dụng khác như đèn cầy, nón, giấy bút, yên ngựa, hoặc các món hàng hợp thời trang kiểu Paris… Loại tiệm này được mệnh danh là "cửa hàng tổng hợp". Trên Đường Catinat ta còn gặp khá nhiều tiệm bán và sửa đồng hồ kiểu xưa cũ thường đứng kề bên các tiệm bán đủ loại nữ trang bản xứ. Đi thêm vài bước chúng ta gặp vài tiệm bán bàn ghế đóng bằng gỗ hoặc đan bằng tre hay mây, vừa nhẹ vừa đẹp mắt.

Ngoài ra nếu nhìn về phía bên lề trái của Đường Catinat ta thấy khoảng mươi gian hàng nằm cách khoảng đều đặn, đó là dãy quán đổi tiền của người Ấn. Mỗi quán trông giống chiếc tủ to nằm lọt giữa hai vách nhà, cửa tủ mở ra đường, cao hơn mặt đường khoảng 1 mét, một tấm vải bố giăng cao, nhô ra trên lề đường để che mưa nắng. Thường thường ngay tại cửa quán người chủ ngồi xếp bằng chờ khách đến đổi tiền, hoặc đến mua vài món hàng lặt vặt như gói thuốc lá, điếu xì-gà, hộp quẹt, ống điếu, kim may, ống chỉ, dao xếp… Khách hàng thường là lính Pháp mua thuốc hút hoặc đổi đồng quan Pháp lấy đồng bạc Đông Dương, khách cũng có thể là Hoa kiều đổi tiền để mua lúa gạo ở Lục Tỉnh. Người Ấn còn làm các nghề khác như đánh xe chở khách hoặc chuyên chở hàng hóa, buôn bán lẻ, chăn bò để bán sữa, canh gác tại tư gia hay hãng xưởng, một số ít làm nhân viên cảnh sát.

Đường Catinat từ Ngã Ba Carabelli (Nguyễn Thiếp nhìn về Công trường Nhà Hát (Khoảng 1905)

Người Pháp kinh doanh, buôn bán trên đoạn đường này thuộc nhóm thiểu số nhưng

các cửa hàng của họ hầu hết chiếm các góc đường tại ngã tư hay ngã ba. Ta có thể kể một số cửa hàng do người Pháp làm chủ: Tiệm tạp hóa buôn bán lẻ. Tiệm y phục thời trang, bán mũ, bán áo phụ nữ. Tiệm cà phê, tiệm nước hạng thường (Các tiệm sang trọng nằm trên bến sông hoặc quanh Nhà hát), gần như là chỉ bán cho khách đến uống rượu khai vị. Tiệm đồng hồ và nữ trang, bán nhiều thứ sản phẩm đắt tiền. Tiệm cắt và uốn tóc trang trí thanh lịch. Tiệm sách, nơi tủ kính trưng bày những xuất bản mới nhất tại Paris, ngoài sách báo còn bán cả giấy bút và dụng cụ văn phòng, cũng có tiệm treo tấm bảng đề cho thuê sách. Tiệm thuốc Tây bên trong bày các lọ thuốc xếp hàng ngăn nắp, được dán nhãn hiệu kỹ lưỡng. Tiệm ăn và khách sạn nhỏ. Tiệm bánh mì và bánh ngọt. Vài nhà buôn lớn chuyên bán sỉ. Tiệm bán máy may, vũ khí và dụng cụ săn bắn. v.v.

Công trường Nhà Hát.

Vừa đi qua "vùng đất thấp" nơi các thương gia và thợ thủ công người Châu Á chiếm đa số, nay ta dừng lại ít lâu trên Công trường Nhà Hát là khu vực bắt đầu qua "vùng đất cao", từ vị trí này đi lên phía Nhà thờ, đường phố mang phong cách Pháp rõ rệt hơn. Công trường này là nơi vui vẻ, tấp nập, náo nhiệt nhất trên Đường Catinat, ngoài Nhà hát đồ sộ, tráng lệ, mặt tiền nhìn ra Đại lộ Bonard, bao quanh ta thấy nhiều quán cà phê sang trọng như Café de la Terrasse, Café de la Musique,…, các cửa hiệu bách hóa như Bazar saigonnais, La Civette, L'Omnium, và vài ba khách sạn danh tiếng như Continental Palace, Hotel de la Terrasse, Hôtel de France…

Đi lùi về quá khứ ta thử tìm lại cảnh đổi thay quanh khu vực này. Tương tự các giai đoạn kiến tạo của Đại lộ Canton (Hàm Nghi) hay Charner (Nguyễn Huệ), Đại lộ Bonard thành hình sau khi một kinh đào được lấp bằng vào khoảng năm 1887. Đại lộ này rộng gần 60 mét, phần trục giữa là bãi cỏ trồng cây, hai bên chừa đường cho xe lưu thông. Lúc đầu Ngã tư Bonard - Catinat chỉ là một giao lộ bình thường. Tại chỗ Nhà hát hiện nay người ta xây Đài kỷ niệm Doudard de Lagrée, sau dời về dựng lại trên Công trường Một Hình. Trên bãi cỏ phía đối diện, chỗ tượng hai chiến sĩ Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam Cộng Hòa sau này, vào thuở ấy có Đài kỷ niệm Francis Garnier mà pho tượng đã bị kéo đổ vào năm 1945. Khi xây lên Nhà Hát vào năm 1900, đại lộ Bonard được nới rộng, lấn sang hai bên chỗ Cao ốc Caravelle và Khách sạn Continental ngày nay.

Công trường Nhà Hát khoảng 1905

Nhà Hát cũ

Năm 1884, tại vị trí của Cao ốc Caravelle ngày nay, Kiến trúc sư Bergé xây một nhà hát bằng khung sắt và ván gỗ. Nhà hát này là một kiến trúc hình chữ nhật dài và rộng ước chừng 40 và 20 mét, nằm song song với Đại lộ Bonard. Mặt tiền hướng về Đường Catinat, thụt sâu vào chừng 20 mét, ẩn hiện trong khu vườn rậm rạp trải thảm

cỏ xanh và phủ cây cao bóng mát. Hàng cột trang trí phía mặt tiền khiến ta nghĩ đến một rạp hát Hi Lạp cổ hoặc một casino. Phần bên trong được trang hoàng giản dị nhưng không kém vẻ thanh lịch. Mặc dù xây bằng vật liệu nhẹ, rạp hát có cả dãy lô hai bên thông ra ngoài hiên, nơi khán giả đứng ngắm cảnh vườn. Ngay sau cửa vào, bên trên có ban công và khán đài hình bậc thang. Kiến trúc phù hợp với điều kiện khí hậu nên phòng trình diễn rất thông thoáng, có thể chứa được một ngàn khán giả.

Ngân sách thành phố đài thọ chi phí rất cao cho một đoàn nghệ sĩ sáng giá từ Marseille đến Sài Gòn trình diễn. Thời gian trình diễn kéo dài 6 tháng mỗi năm, thường được gọi là "mùa ca kịch", được chọn lựa trùng với mùa khô, tức khoảng tháng mười đến tháng tư năm sau. Ngày đoàn kịch đến Sài Gòn có thể bảo là "biến cố trong năm" đối với giới phong lưu. Trước đó rất lâu tin này đã là đề tài cho các cuộc đàm luận. Nơi tủ kính mấy hiệu sách đã trưng bày chân dung các nghệ sĩ, đương nhiên nơi trang trọng nhất được dành cho các nữ nghệ sĩ. Nhiều khán giả quá ái mộ, tỏ ra lịch thiệp hơn người, bõ công du hành đến Singapore để được ưu tiên chiêm ngưỡng những vị minh tinh từ Pháp đến. Thực là một ngày hội vui khi đoàn ca kịch đến Sài Gòn. Mới nghe tin loan báo tàu chở nghệ sĩ vừa tới vùng biển Vũng Tàu, giới mộ điệu đã xôn xao, chen chân đứng chật cầu tàu Nhà Rồng tham dự buổi đón tiếp.

Mấy hôm sau đến đêm khai mạc tại Nhà hát. Hầu như mùa ca kịch nào cũng bắt đầu bằng vở nhạc kịch Faust của Charles Gounod. Cứ thế mỗi tuần có bốn đêm trình diễn, thường vào các ngày thứ ba, thứ năm, thứ bảy, chúa nhật, bắt đầu từ 9 giờ tối đến 12 giờ khuya. Khán giả trung thành luôn đúng hẹn dù để nghe và xem lại các vở tuồng cũ quen thuộc. Du khách dừng bước tại Sài Gòn cũng thấy hài lòng sau khi tham dự đêm trình diễn văn nghệ, vì tài năng diễn xuất của nghệ sĩ đạt giá trị nghệ thuật cao, tác phẩm trình diễn được dàn dựng kỹ lưỡng, chương trình phong phú tập họp được nhiều loại tuồng và nhiều đề tài, trang trí sân khấu tạm được, dàn nhạc khá hùng hậu nhờ sự tăng cường của nhiều nhạc công quân đội v.v.

Cuối mùa ca kịch, đoàn nghệ sĩ rời Sài Gòn quay về chính quốc vào khoảng tháng năm, lúc bắt đầu mùa mưa.

Rạp hát Bergé tồn tại đến 1899, bị phá bỏ sau ngày khánh thành Nhà hát hiện nay.

Phía đối diện, chỗ Khách sạn Continental ngày nay, có Tòa Thị chính cũ, ngôi nhà hai tầng, hàng hiên rộng bao quanh, hơn hai thập niên đứng tại vị trí này, cũng bị phá bỏ khi Đại lộ Bonard được nới rộng để xây Nhà hát mới.

Khách sạn Continental

Những khách sạn xưa hơn cả đều nằm trên Bến Commerce (Bến Bạch Đằng), nhiều nhất ở quanh khu vực đầu Đường Catinat. Nhiều năm sau, các khách sạn tiện nghi và sang trọng hơn tập trung quanh Ngã tư Bonard - Catinat. Đến nay duy nhất Khách sạn Continental còn tồn tại.

Khoảng 1875, ông Fave cho xây một loại nhà trọ dành cho quân nhân, công chức hay dân sự công tác tại thuộc địa Nam Kỳ. Trong cùng tòa nhà có khu khách sạn dành cho du khách đến Sài Gòn, phòng ốc rộng rãi tiện nghi, trang bị đủ đồ đạc, nhà hàng nấu thức ăn ngon, có nhân viên phục vụ tươm tất. Theo Dược sĩ Hải quân Delteil,

Khách sạn continental (Khoảng 1900)

vào năm 1882 Khách sạn Fave chiếm gần hết đoạn Đường Catinat, từ Đại lộ Bonard đến Đường Espagne (Lê Thánh Tôn). Nơi tầng trệt có phòng đánh bi-da, một nhà hàng to dành cho thực khách đến ăn một mình hoặc từng nhóm nhỏ. Hai hay ba phòng khác hẹp hơn dùng làm nơi ăn cho khách trọ. Trong bữa ăn, những chiếc quạt kéo treo trên trần phe phẩy không ngừng, tạo bầu không khí thoáng mát cho thực khách. Hàng hiên bao quanh tòa nhà cả hai mặt trước sau. Tầng lầu một và lầu hai gồm 50 đến 60 phòng. Mỗi tầng có hành lang rất thoáng, ngăn giữa hai dãy phòng, một dãy nhìn ra đường, dãy kia nhìn vào sân trong. Khách thường chuộng dãy nhìn ra đường dù cho phải trả đắt hơn. Các phòng đều xây và trang bị đồ đạc theo cùng một kiểu, tuy không xa hoa nhưng vừa đủ tiện nghi. Bên cạnh mỗi phòng có một buồng tắm, vòi sen, bồn tắm, rô-bi-nê. Nhiều sĩ quan và công chức đã thuê phòng trong Khách sạn Fave làm nơi cư trú trong suốt thời gian tòng sự tại Sài Gòn, vì thế du khách ít khi tìm được phòng còn trống. Khách sạn trải qua nhiều đời giám đốc như Laval , Grosstéphan, v.v. mới trở thành Grand Hôtel Continental, và trước năm 1900 vẫn còn ngăn cách với Đại lộ Bonard bởi Tòa Thị chính.

Quán cà phê

Xưa kia có khá nhiều quán cà phê sang trọng nằm ven bến sông gần đầu Đường Catinat. Một số quán khác tập trung trên Đường Nationale (Hai Bà Trưng) gần bên Quân cảng, khách lui tới thường là lính Hải quân. Các quán tại đầu Đường Catinat, tiêu biểu là Café de la Rotonde, mất dần địa vị, nhường ngôi cho các quán khác trong khu vực chung quanh Nhà hát. Tại đây các quán rộng rãi hơn, phòng ốc trang hoàng lịch sự, thềm quán mở rộng trên lề đường. Trong khung cảnh thanh lịch ấy giới bặt thiệp phong lưu hẹn nhau họp mặt vào giờ uống khai vị. Người Pháp sau một ngày làm việc, rời văn phòng hay hãng sở đến đây tìm không gian mát mẻ của chiều hôm. Quán rượu không phải là nơi họ chè chén say sưa, nhưng là nơi cần thiết cho họ tìm gặp bạn bè, nơi họ cảm thấy thoải mái được sinh hoạt bên ngoài hơn sống ru rú trong nhà, dễ buồn chán vì cô đơn và buồn nhớ quê hương.

Đường Catinat nhìn từ Công trường Nhà Hát. Café de la Musique bên trái, Nhà buôn La Civette và thương xá Omnium giữa, Khách sạn Continental bên phải.

Bên cạnh khuôn viên của Nhà hát Bergé, ta thấy ngôi nhà hai tầng của Café

Catinat, tọa lạc giữa một khu vườn, mặt tiền của quán này quay về phía ngã ba Đường Carabelli (Nguyễn Thiếp). Xưa hơn nữa, nơi đây từng là Nhà hàng kiêm khách sạn Bory, nổi tiếng không thua kém Café de la Rotonde. Ta còn có thể nhắc đến vài quán cà phê nổi tiếng khác : Café de la Terrasse, xây lên sau khi phá bỏ Rạp hát Bergé. Café de la Musique, ở góc Đại lộ Bonard, chỗ quán Givral sau này.

Phòng đấu giá.

Phòng đấu giá trông giống một nhà kho rất rộng, mặt tiền lắp kính, nằm bên Đường Catinat, đối diện với Khách sạn Fave, tức ở khoảng Nhà sách Xuân Thu và Nhà thuốc La Thành. Thường vào mỗi sáng chủ nhật khách qua đường nghe tiếng cồng chiêng hoặc tiếng gõ chuông là biết sắp đến giờ đấu giá. Bước vào xem ta thấy đủ loại hàng hóa, phần lớn là hàng sản xuất tại Châu Âu: Gương soi, bàn ghế, giường, bát đĩa, đồ dùng trong nhà, đủ loại dụng cụ... Người mới định cư tại Sài Gòn có thể đến đây tìm mua với giá rẻ các món hàng cần thiết do người trở về chính quốc bán lại. Ngoài ra có cả xe đạp, rượu, thuốc lá, tranh vải, dương cầm, máy may, súng đạn v.v. Đối với món hàng cồng kềnh như ngựa và xe cộ, việc đấu giá diễn ra ngoài đường. Thỉnh thoảng cũng có vật hiếm, vật lạ dành cho các nhà sưu tầm đến tranh mua.

Nhà Hát mới

Từ năm 1897, phần Đại lộ Bonard nằm giữa Catinat và Nationale (Hai Bà Trưng) được sửa sang để xây Nhà hát mới và một công viên phía sau. Đại lộ Bonard được mở rộng thêm nên lấn sang hai bên, Tòa Thị chính (phía Khách sạn Continental) và Rạp hát Bergé (phía cao ốc Caravelle), đều bị phá bỏ. Nhà hát mới được khánh thành vào ngày 15 tháng 1 năm 1900, nhân dịp Hoàng tử Đan Mạch Valdemar công du Viễn Đông ghé thăm Sài Gòn. Xây từ năm 1897, đến tháng 10 năm 1899 theo họa đồ của kiến trúc sư Ferret, Nhà hát có thể chứa 800 khán giả. Chương trình trình diễn vào những năm đầu rất thành công, đáp ứng sự kỳ vọng của khán giả. Nhưng dần dần do sự cạnh tranh của các rạp xi nê, vũ trường, nhà hàng ăn... Nhà hát chỉ hoạt động thỉnh thoảng qua các buổi dạ hội hoặc hòa tấu. Một vị giám đốc Nhà hát đã đi kiện ông Thị trưởng vì vào ngày ban kịch trình diễn một số rạp chiếu bóng vẫn mở cửa tranh giành khán giả.

Buổi chiều trên Đường Catinat

Giữa ban ngày nắng như thiêu đốt, đường phố có lúc vắng vẻ như sa mạc. Từ 1 giờ trưa đến 4 hay 5 giờ chiều là thời gian dành cho giấc ngủ trưa nên mọi sinh hoạt đều ngưng lại. Nhiều du khách đến khách sạn tìm phòng thuê đúng vào giờ nghỉ trưa nên chẳng thấy ai ra tiếp khách, vì người ta bảo là chủ nhân đã đi vắng. Trong các văn phòng mọi người còn cố ngồi viết nguệch ngoạc chống cơn buồn ngủ, trong lúc chờ đợi giờ hẹn giải khát tại quán cà phê. Đến năm giờ chiều mọi người đều thức giấc. Trong không khí mát dịu hơn, các thềm quán trên Đường Catinat tập hợp đầy khách, mùi rượu áp-xanh tỏa thơm cả Công trường Nhà Hát. Người ta bàn chuyện chính trị cùng lúc ngắm nhìn các khách tản bộ chậm rãi bước trên lề đường. Các bà đầm thừa dịp trời mát đi mua sắm vặt, ngắm các tủ kính rực rỡ, hàng hóa bày biện lớp lang. Ngoài đường xe cộ chạy xuôi ngược càng lúc càng đông. Có người sắp sửa ngồi xe đi

dạo một vòng qua Bà Chiểu hóng mát và ngắm cảnh. Người khác đi qua Vườn Bồ Rô nghe ban quân nhạc trình diễn hòa tấu.

Thú dạo chơi buổi chiều

Một trong những thú tiêu khiển thịnh hành trong lúc chờ đợi buổi ăn tối là chuyến dạo chơi một vòng ra ngoại ô, vừa hít thở không khí trong lành vừa giải khuây ngoạn cảnh làng mạc ruộng vườn. Con đường đi dạo thông thường nhất gọi là "Tour de l'Inspection", đường đi ngã Cầu Bông thẳng đến Tòa bố (Dinh tham biện) Gia Định, quẹo tay trái đi về Phú Nhuận, từ đó qua Lăng Cha Cả rồi trở về theo ngã Đường Thuận Kiều (Lê văn Duyệt). Lộ trình này được sử dụng thường nhất, còn gọi là "vòng nhỏ", nhưng nếu người đi dạo thích đường dài hơn thì chọn "vòng lớn", bắt đầu từ Cầu Thị Nghè, qua Hàng Sanh để đến Tòa bố Gia Định, Phú Nhuận, Lăng Cha Cả, đường về theo ngã Phú Thọ và Chợ Lớn. Vào những năm 1890 tại Gia Định có quán ăn Pré Catelan giữa khung cảnh cây xanh, tiếp khách đến khuya, cứ mỗi giờ có xe đưa khách về Sài Gòn. Ngoài ra tùy sở thích riêng của mỗi người, có đường dạo đi lên Gò Vấp, hoặc đi xa hơn như lên tận Thủ Đức hay Biên Hòa, nhưng khách phải đi đò máy qua sông vì trước năm 1902 chưa xây Cầu Bình Lợi.

Ngoài ra còn nhiều đường đi dạo khác trong nội thành, tuy đông người qua lại nhưng cũng được ưa thích, như "Đường trên" đi Chợ Lớn ngang Trại lính Ô Ma (nay là Đường Võ Tánh và Nguyễn Trãi) hoặc đường ven Rạch Bến Nghé, chạy ngang Nhà thương Chợ Quán.

Các đường đi dạo trên đây đều quá dài nên không ai có thể đi bộ. Phương tiện đơn giản và tiết kiệm nhất là xe kéo tay, loại xe được người kéo thay ngựa! Ngồi xe kéo có bánh cao su khách phải trả đắt hơn loại có bánh niềng sắt. Xe kiếng là loại xe do một ngựa kéo, có mui che và lắp kính cả bốn mặt, người Pháp gọi là "voiture malabare", thường điều khiển do người Ấn gốc ở vùng bờ biển Malabar, hoặc đến từ Pondichéry hay Singapore. Xe chạy lắc lư, tiếng cửa kính và sườn sắt va chạm vang ầm ỷ, nhưng bù lại bạn được che mưa và hưởng gió mát.

Các xe tư nhân đóng những con ngựa nhỏ bé nhưng kéo khỏe, do các xà-ích (saïs, người Mã Lai thường làm nghề chăn ngựa và đánh xe cho tư nhân) cầm cương, mặc y phục trắng, ngồi ngay ngắn, nghiêm trang. Những người giàu có đi xe nhà hoặc xe thuê, hai ngựa kéo, có người chỉ cưỡi ngựa đi dạo một mình, người khác đi xe đạp. Từ khi xe hơi xuất hiện, con đường và vòng du ngoạn trở nên nhỏ bé, chật hẹp. Xe hơi còn đưa khách dạo chơi xa hơn, như vào buổi tối sau khi xem hát xong người ta không ngại lái xe ra vùng đồng quê trong vài giờ, ngắm bầu trời đầy sao sáng rực. Dần dần xe hơi đẩy "Tour de l'Inspection" rơi vào quên lãng.

Đêm về trên Đường Catinat.

Sau chuyến đi dạo vùng ngoại ô, khách quay về các quán cà phê uống cốc rượu khai vị, trước khi dùng bữa ăn tối. Đèn ngoài đường bắt đầu thắp sáng. Lúc xưa đêm về đường Catinat lung linh muôn ánh đèn dầu lửa. Khi văn minh điện khí đến nơi, ánh sáng hai bên vỉa hè càng thêm chói lọi, trên cao người ta còn giăng thêm dây cáp sắt ngang đường, cách nhau từng khoảng 50 mét, giữa treo lủng lẳng quả cầu đèn điện, tương tự một chuỗi hạt châu chiếu sáng giữa trục đường trông xinh đẹp huyền ảo.

Về sau dây cáp được thay thế bằng khung thép hình vòng cung bắt ngang qua đường, trên treo bóng điện thủy tinh hình bầu dục.

Trong quán cà phê đông khách, một nhóm người quen thân nhau ngồi vây quanh chiếc bàn tròn bằng đá cẩm thạch, đang nói chuyện phiếm, vừa thưởng thức ly *cherry-gobbler* hay *whisky-soda*. Nếu ngồi thềm quán Continental, bạn có thể gọi ly *Continental cocktail* , thức uống có pha kí-nin, được cho là công hiệu để kháng lại ảnh hưởng xấu của khí hậu. Mỗi quán cà phê có riêng một giàn nhạc hòa tấu, vì các quán đều trổi nhạc cùng một lúc, đi ngoài đường ta nghe hỗn hợp những điệu chói tai. Trên lề đường người đi chơi đêm tấp nập, người Âu đi dạo cũng mặc toàn y phục trắng, vì đã quen loại y phục ấy vào lúc trời nóng ban ngày. Một nhóm trẻ nhỏ bán hoa đến tụ tập trước các khách sạn, tay ôm những bó hoa đủ màu, hoặc đội chiếc giỏ chất đầy những đóa hồng, cúc, huệ... Có đứa khệ nệ cố giữ thăng bằng trên đầu một chiếc thúng hoa to như cái lọng. Vài người Hoa bán hàng mỹ nghệ vụn vặt, tìm cách mời khách mua đồ vật bằng lụa, sành sứ hoặc bằng ngà.

Ngựa xe chạy nhộn nhịp quanh công trường, Nhà hát nổi bật như một đốm sáng giữa vùng bóng mờ. Vào giữa mùa ca kịch, sự huyên náo kéo dài từ lúc chiều hôm đến canh khuya. Mỗi khi kịch tạm ngưng trình diễn, khán giả tràn ra công trường để hít thở không khí cho bớt oi bức như lúc còn ngồi trong rạp, hoặc bước qua quán nước ngồi thưởng thức món giải khát mát lạnh, thêm một dịp cho các bà các cô phô trương y phục và nữ trang.

Một người vừa uống cạn ly, rời chiếc ghế nơi quán cà phê, tức khắc có mươi chiếc xe kéo hấp tấp đến mời mọc. Đêm khuya buổi diễn kịch kết thúc. Rạp hát đóng cửa và tắt đèn, cùng lúc khu xung quanh cũng chìm trong bóng tối. Chỉ còn vài nhóm người đi ăn đêm la cà trên thềm Nhà hàng Continental, hoặc vài vị khách nán lại đánh thêm ván bài poker hay bài bridge trong câu lạc bộ cạnh bên.

Từ Công trường Nhà Hát ta thả bộ về hướng bờ sông. Đi qua đoạn đường tập trung nhiều tiệm giày, tiệm may, vào giờ khuya ta thấy còn một số người thợ vẫn làm việc. Năm hay sáu chiếc đèn dầu đặt dưới đất hoặc trên bàn thấp. Quanh đèn có chín, mười người Hoa ở trần, ngồi vắt chéo chân, đang cặm cụi lo may áo quần hoặc đóng giày. Một ông già Tàu gánh hàng đi qua, hai đầu gánh mang hai thùng nặng đầy lọ hủ, tô, chén và thức ăn. Ông vừa gánh hàng vừa rao bán, có thể là hủ tiếu, mì hoặc cháo... Gần bên vang lên tiếng rao của em bé bán mía dạo qua nhiều đường phố, trên đầu đội cái thúng chứa những khúc mía dài chừng hai tấc tây.

Nhìn qua vỉa hè bên trái, trong tủ kính của tiệm A-Pan đèn chiếu sáng rực, mớ đồ hộp xếp từng hàng, những chai, bình thủy tinh chứa thức uống đủ màu. Xa một chút, một người Ấn mặc y phục màu xanh, đội chiếc mũ dạ hình trụ, đeo gươm bên hông, đứng gác đêm cho các cửa hàng canh phòng chống bọn ăn trộm. Đêm đã khuya, ra đến bờ sông ta thấy vài quán cà phê của người Pháp sắp đến giờ đóng cửa nhưng vẫn còn khách ngồi uống rượu trò chuyện ồn ào sôi nổi.

NỸ PHƯỚC-NGUYỄN THANH

(Còn tiếp)

Riêng Anh Một Nỗi Nơi Đây

Thơ: Uyên Phương Minh Nguyệt
Phổ Nhạc: Tạ Bình

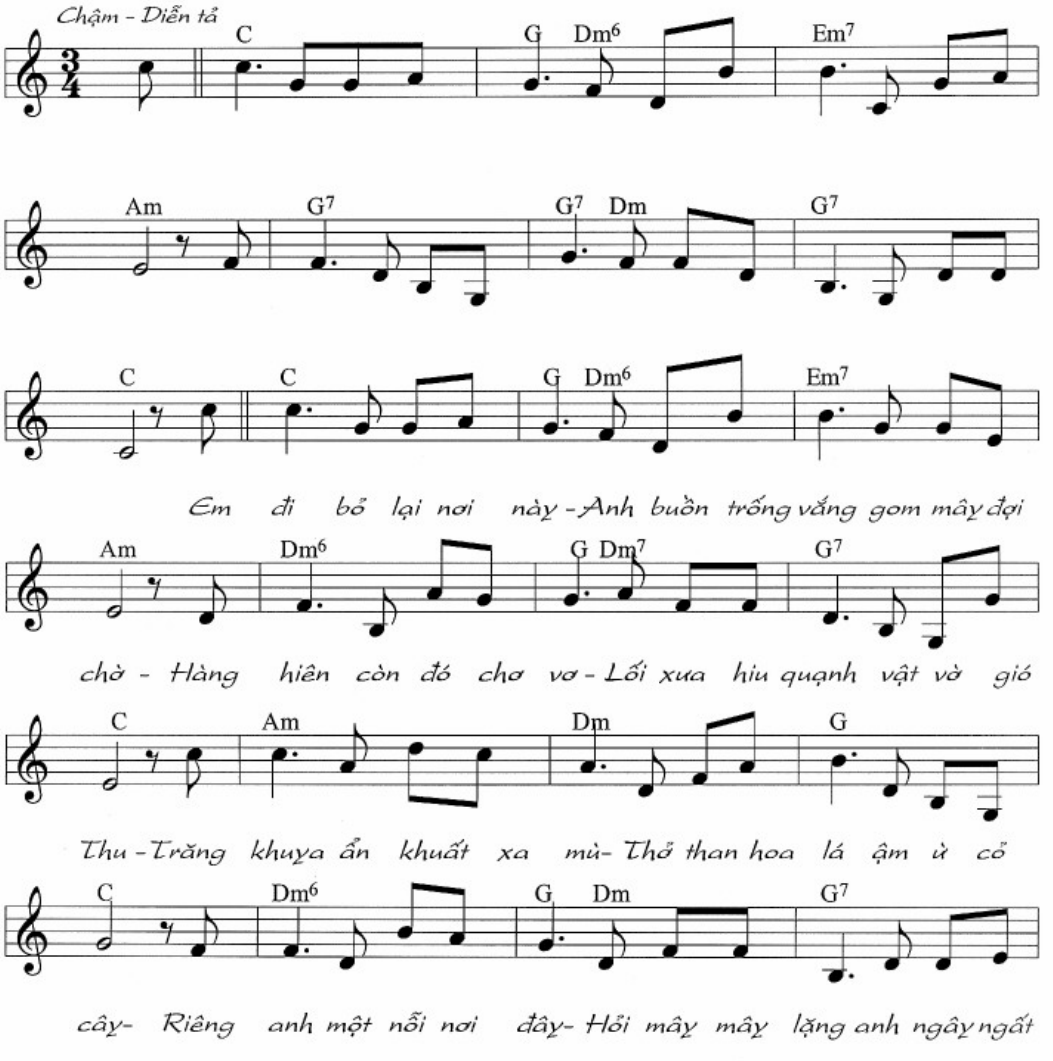

Uyên Phương Minh Nguyệt - Tạ Bình - All Rights Reserved.

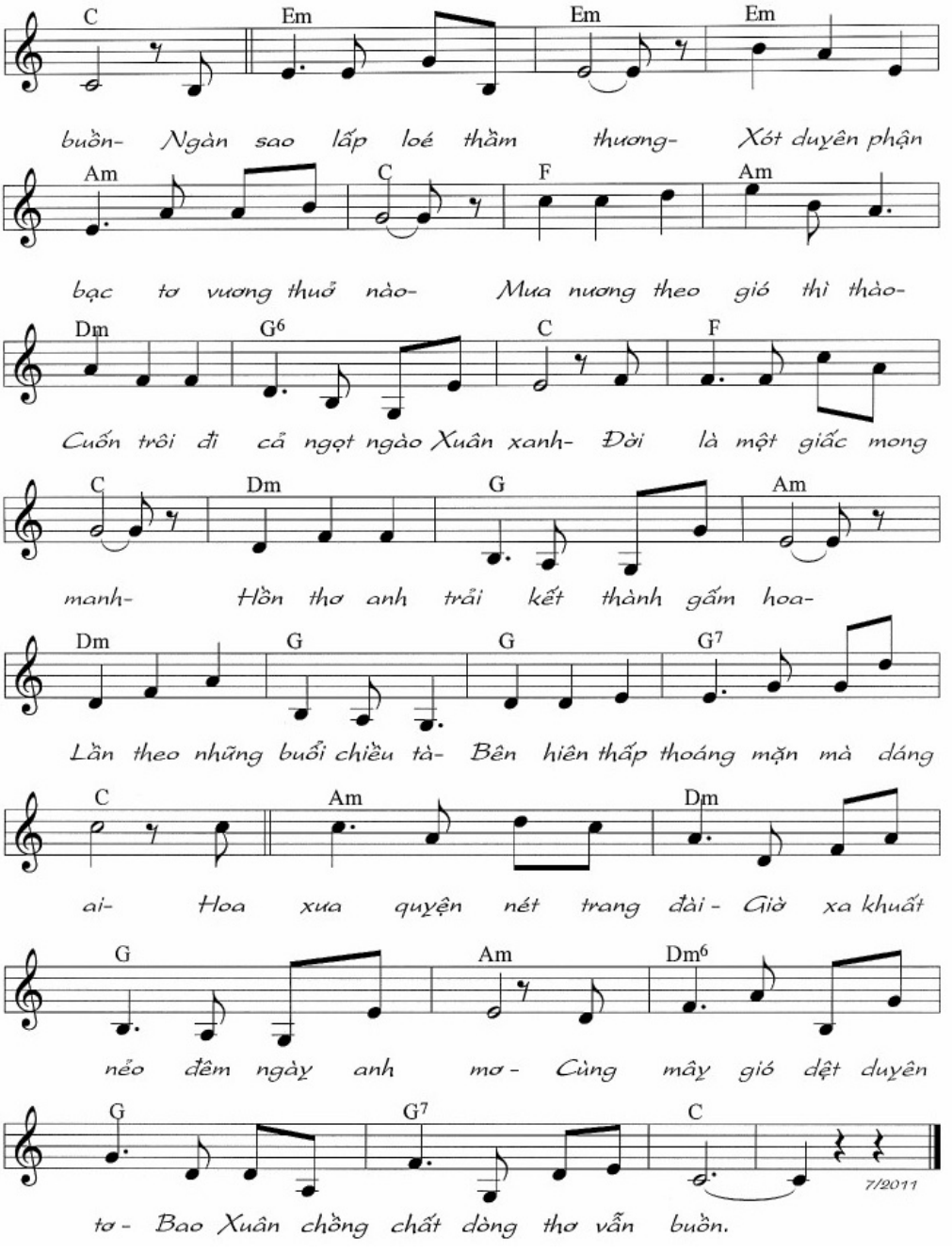
C Em Em Em
buồn- Ngàn sao lấp loé thầm thương- Xót duyên phận
Am C F Am
bạc tơ vương thuở nào- Mưa nương theo gió thì thào-
Dm G6 C F
Cuốn trôi đi cả ngọt ngào Xuân xanh- Đời là một giấc mong
C Dm G Am
manh- Hồn thơ anh trải kết thành gấm hoa-
Dm G G G7
Lần theo những buổi chiều tà- Bên hiên thấp thoáng mặn mà dáng
C Am Dm
ai- Hoa xưa quyện nét trang đài- Giờ xa khuất
G Am Dm6
nẻo đêm ngày anh mơ- Cùng mây gió dệt duyên
G G7 C
tơ- Bao Xuân chồng chất dòng thơ vẫn buồn.
7/2011

BUỔI PHÁT HÀNH BÁO CỎ THƠM 61

Hình ảnh của Cung Thị Lan và Phạm Bá

Ngọc Dung, Ỷ Nguyên, Thu, Cung Thị Lan.

Bà Tường Huệ, Biên khảo gia Nguyễn Văn Thành, Phong Nhà thơ Đăng Nguyên, Ông Nguyễn Huy Long, Nhà thơ Cao Nguyên, Thi Họa sĩ Vũ Hối.

Huy Lãm, Bùi Thanh Tiên, Nguyễn Quốc Khải, Kim Phụng, Thu Thủy, Ngọc Dung.

Đăng Nguyên, Cao Nguyên, Vũ Hối, Đèo Văn Sách.

Cung Thị Lan, Ỷ Nguyên, Minh Châu, Ô. Đặng, Kiều Nga, Thái Phượng, Vũ Anh Thanh

Hội viên và độc giả Cỏ Thơm. Hàng ngồi:Ngọc Thanh, Phương Nga, Lan Hương, Ngọc Dung, Kiều Thu. Hàng đứng: Kiều Nga, Lê Ngọc, Thái Phượng, Thu Thủy, Trúc Mai, Hải Yến, Vũ An Thanh, Tuyết Lê, Tâm Đạt.

THIỆP MỜI

Trân trọng kính mời quý vị tham dự
Kỷ niệm 18 năm sinh hoạt văn học nghệ thuật của

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

Chủ Nhật 5 tháng 5 năm 2013
Khai mạc đúng 6 giờ tại Harvest Moon Restaurant
7260 Arlington Boulevard, Falls Church VA 22042
Điện thoại (703) 573-6000

Chương trình có dạ tiệc, văn nghệ, dạ vũ với sự tham dự
của một số nghệ sĩ vùng Thủ Đô và lân cận.

Giá vé: 30 Mỹ kim

LIÊN LẠC

Nguyễn T. Ngọc Dung: (703) 471-1271
Phan Khâm: (301) 592-8608
Phan Anh Dũng (804) 276-7960
Thái Phượng: (804) 639-6137
Trương Anh Thụy: (703) 525-4538
Hồng Thủy: (301) 466-6120
Phong Thu: (202) 657-8654
Bạch Mai: (703) 455-2711
Phạm Văn Tuấn: (703) 707-1602
Đăng Nguyên: (443) 303-2939

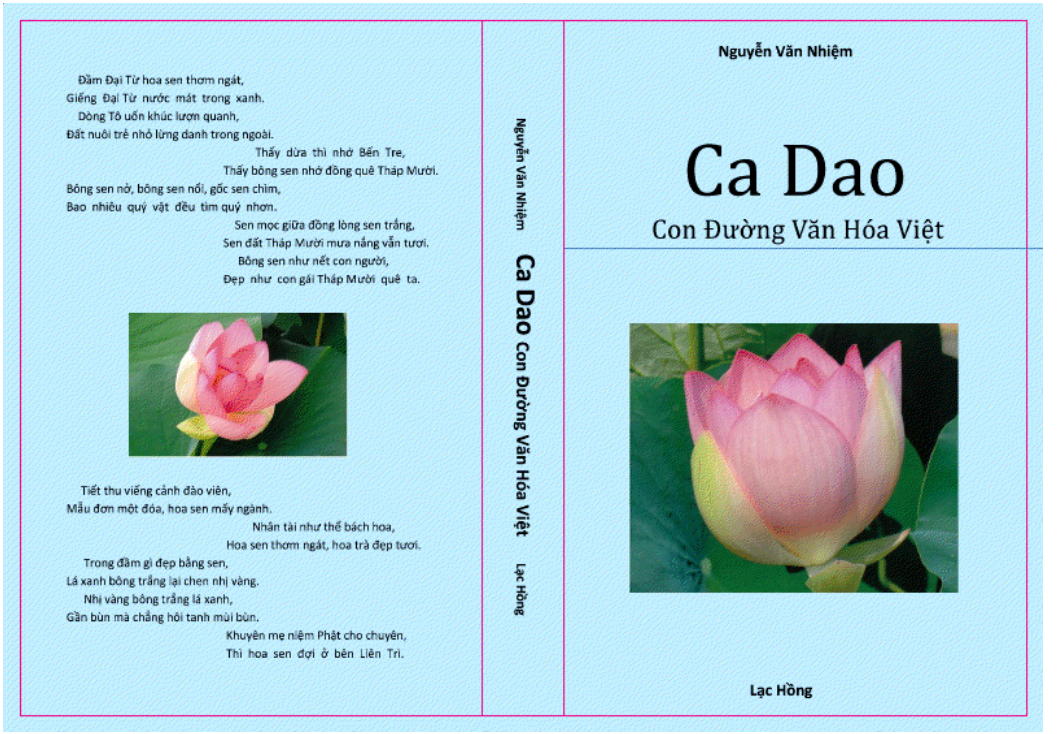

Ca Dao - Con Đường Văn Hóa Việt

của Biên Khảo Gia NGUYỄN VĂN NHIỆM

Nội dung sách viết về ý niệm thời gian, lịch Á Đông, lịch sử và sử mệnh, Triết lý Việt... Chương nào cũng có vẻ đặc biệt riêng của nó từ quê hương và con người, đời sống có Đạo lý và nhất là đời sống có văn hóa qua tiếng hát, câu hò, việc trai gái ở nông thôn ngày xưa tán tỉnh, tỏ tình rất thú vị, vui cười, biểu lộ nét văn hóa lưỡng hợp thái hòa, âm dương một cách không ngờ được. Sách dày 560 trang. Tại Âu Châu giá 20 Euro cả cước phí và liên lạc tác giả Nguyễn Văn Nhiệm <nhiem250143googlemail.com>. Trong Hiệp Chúng Quốc giá $US 25 Mỹ kim kể cả cước phí, liên lạc Tạp Chí Cỏ Thơm: (571) 926-8962, email <dsenser@yahoo.com>.

Quý vị thức giả không nên bỏ qua một tác phẩm biên khảo công phu, đặc biệt về văn hóa Quê hương Việt Nam.

Tam Cá Nguyệt San trân trọng giới thiệu

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)
Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York
Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304
Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847

GIỜ LÀM VIỆC
Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM
Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

BÁC SĨ
NGUYỄN QUỐC QUÂN

CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane
Annandale, Va 22003
(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sàn nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày
- Lunch: $7.95
- Dinner: $9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần
Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name): .....
Địa chỉ (Address): .....
.....
Phone, Fax, Email: .....
Ngày đặt mua (Order date): ..... Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....
Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #) .....
Số tiền (US dollar amount) $ .....

GIÁ MỘT NĂM BÁO CỎ THƠM
PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES
Nội địa Hoa Kỳ: US $35.00 [ ] - Gia Nã Đại (In USA & Canada): US$40.00 [ ]
Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US $50 [ ]

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
trên Tam cá nguyệt san Cỏ Thơm (7 x 8.5")
1/2 trang trong: US $30.00 [ ]
1 trang trong: US $60.00 [ ]
Trang trong bìa trước: US $100.00 [ ]
Trang trong bìa sau: US $100.00 [ ]

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):
COTHOM FOUNDATION
11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194

QUÍ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÍ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO LÀ ÂN NHÂN YỂM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỎ THƠM

Giá báo: $7.00